Kinh Tiểu Bộ - tập 10 [Chuyện Tiền Thân 540-547] (GS Trần Phương Lan dịch)

Kinh Tiểu Bộ (HT Thích Minh Châu & GS Trần Phương Lan dịch)

Chương XXII Đại Phẩm (tiếp theo)

-ooOoo-

540. CHUYỆN HIẾU TỬ SÀMA (Tiền thân Sàma)

Ai đó đang mai phục bắn mình...,

Câu chuyện này bậc Đạo Sư kể tại Kỳ Viên về một Tỷ- kheo phụng dưỡng mẹ.

Chuyện kể rằng có một thương nhân giàu có tại thành Xá-vệ, của cải lên đến một trăm tám mươi triệu, người này có một cậu con trai rất được yêu quý. Một ngày nọ, cậu trai đi lên lầu, mở cửa nhìn xuống đường, khi thấy đám đông dân chúng đang đi đến Kỳ Viên, tay cầm hương hoa cúng dường để nghe thuyết Pháp, cậu bảo rằng cậu cũng muốn đi. Cậu truyền đem hương hoa lại, rồi cậu đi đến tịnh xá cúng dường y phục, dược phẩm, cùng các thức ăn uống cho chúng Tỷ-kheo ở đó và đảnh lễ đức Thế Tôn với hương hoa, rồi ngồi xuống một bên...

Sau khi nghe thuyết Pháp, cậu nhận thức được các quả ác do tham dục gây ra và những quả phúc do đời sống tu hành mang lại. Rồi khi hội chúng ra về, cậu xin đức Thế Tôn cho cậu thọ giới. Nhưng đức Như Lai bảo cậu rằng ngài không truyền giới cho ai chưa xin phép cha mẹ. Vì thế cậu ra về, nhịn ăn một tuần, cuối cùng được cha mẹ chấp thuận, cậu trở lại và xin thọ giới. Thế Tôn bảo một Tỷ-kheo làm lễ xuất gia cho cậu.

Sau đó vị Tỷ-kheo mới này được tán thán và đạt nhiều công hạnh, được sự ái mộ của các vị sư trưởng và giáo thọ và khi đã thọ đại giới, ông tinh thông Giáo pháp trong vòng năm năm. Rồi vị Tỷ-kheo này nghĩ: "Ta sống viễn ly ở chốn này thật không hợp với ta". Và ông nóng lòng đạt cứu cánh của Thiền định. Thế là sau khi nghe lời dạy của vị giáo sư về Thiền định, ông đi đến một làng ở biên giới, sống trong rừng sâu hành trì phép Thiền định, nhưng không đạt được ý niệm nào đặc biệt, dù ông đã tinh cần tu tập trong mười hai năm liền mà tâm không được định tĩnh.

Cũng trong thời gian này, cha mẹ của Tỷ-kheo này trở nên nghèo túng vì những người thuê đất hay bán hàng cho nhà này thấy trong nhà không có con em gì đến buộc họ trả nợ, cho nên đãđoạt hết của cải nào rơi vào tay họ và tha hồ chạy trốn; gia nhân tôi tớ trong nhà lại trộm vàng bạc trốn đi. Vì thế cuối cùng hai người lâm vào cảnh khốn cùng, không còn đến cái bìnhđựng nước nữa, phải bán nhà đi lang thang hết sức cùng cực, phải đi ăn xin, mặc áo rách rưới và mang chiếc bình mẻ trong tay.

Lúc bấy giờ có một trưởng lão Tỷ-kheo từ Kỳ Viên đến nơi cư trú của người con trai ấy, ông tiếp đón ân cần vị khách kia xong, ngồi yên lặng hỏi thăm khách từ đâu đến. Khi được biết từ Kỳ Viên, ông hỏi thăm sức khỏe của bậc Đạo Sư cùng các đại đệ tử của ngài, xong rồi hỏi thăm tin tức cha mẹ mình.

- Thưa Tôn giả, xin Tôn giả cho biết tình cảnh của một gia đình thương nhân ở Xá-vệ.

- Này hiền hữu, đừng hỏi thăm tin tức gia đình ấy nữa.

- Tại sao thế, thưa Tôn giả?

- Người ta nói gia đình ấy có một cậu con trai, nhưng cậu ta đã đi tu theo đạo pháp, và từ khi cậu ấy xuất gia thì gia đình cậu bị sạt nghiệp, lúc này cả hai ông bà lão đang lâm vào tình cảnh rất thê thảm và phải đi ăn xin.

Khi ông nghe khách nói xong, không thể nào cầm lòng được, nước mắt cứ ràn rụa và khi khách hỏi tại sao lại khóc, ông đáp:

- Thưa Tôn giả, đó chính là cha mẹ tôi, tôi là con của các vị ấy.

- Này Hiền hữu, cha mẹ bạn đã sạt nghiệp vì bạn,vậy hãy về phụng dưỡng các vị.

Ông liền nghĩ: "Trong mười hai năm liền ta tinh cần tu tập mà không thể nào đạt đạo hay đắc quả, có lẽ ta vô tài trí. Vậy ta có làm gì được với đời sống Phạm hạnh này? Chi bằng ta trở về làm một gia chủ phụng dưỡng cha mẹ già và bố thí của cải. Như vậy cuối cùng ta cũng được sinh lên thiên giới". Quyết định xong ông nhường chỗ cư trú của mình trong rừng cho vị Trưởng lão kia.

Hôm sau ông ra đi, qua nhiều chặng đường thì tới tinh xá phía sau Kỳ Viên không xa thành Xá-vệ mấy. Tại đó ông thấy hai con đường, một đường dẫn đến Kỳ Viên, một đường dẫn đến Xá-vệ. Khi đứng đó, vị Tỷ-kheo này suy nghĩ: "Ta đến viếng cha mẹ ta trước hay đức Phật trước? Rồi ông tự nhủ: "Ngày xưa ta gặp cha mẹ ta luôn, từ đây ta sẽ ít có dịp yết kiến đức Phật; vậy ta hãy yết kiến bậc Chánh Đẳng Giác ngày hôm nay và nghe thuyết Pháp, rồi ngày mai ta sẽ đi thăm cha mẹ".

Thế là ông bỏ con đường đi Xá-vệ và đi đến Kỳ Viên lúc chiều tối. Vào ngày đó, lúc tảng sáng, bậc Đạo Sư nhìn xuống trần gian, đã thấy được tiềm lực ngộ đạo của vị này, nên khi ông đến yết kiến Thế Tôn, ngài tán thán công đức của cha mẹ theo kinh Màtiposaka (voi hiếu dưỡng mẹ-Tiền thân số 455). Trong khi đứng cuối hội chúng Tỷ-kheo và nghe thuyết Pháp, ông nghĩ: "Nếu ta trở thành người gia chủ, ta có thể phụng dưỡng cha mẹ ta", nhưng bậc Đạo Sư cũng dạy: "Một người con đi xuất gia vẫn có thể giúp đỡ cha mẹ mình". Trước kia ta rời thế tục mà không đến yết kiến đức Thế Tôn, và ta đã thất bại trong sự thọ giới không trọn vẹn như vậy. Bây giờ ta muốn phụng dưỡng cha mẹ ta mà vẫn duy trì đời sống tu hành chứ không làm một người gia chủ". Vì vậy ông cầm lấy thẻ cùng các vật thực phát theo thẻ và cháo của mình và cảm thấy như thể mình đã phạm trọng tội đáng bị khai trừ sau mười hai năm độc cư trong rừng.

Sáng hôm sau ông đi đến Xá-vệ và nghĩ thầm: "Ta nên đi lấy cháo trước hay thăm cha mẹ ta trước đây?". Ông nghĩ lại và thấy rằng đi thăm cha mẹ trong lúc cha mẹ nghèo khổ mà không có gì trong tay để biếu thì thật là không phải đạo. Vì thế ông đi lấy cháo trước rồi đến cửa nhà cũ. Vừa thấy cha mẹ ngồi cạnh bức tường đối diện, sau khi đã đi một vòng khất thực được cháo lòng, ông đứng không cách xa họ mấy và bỗng thấy nỗi sầu thương nổi lên, mắt đẫm lệ. Còn họ thấy ông nhưng không nhận ra, rồi bà mẹ

tưởng rằng đó là một kẻ đang chờ của bố thí, liền nói:

- Chúng ta không có gì để bố thí cho người cả, người chịu khó đi nơi khác.

Nghe bà mẹ nói vậy, ông cố nén nỗi buồn đang tràn đầy trong lòng, đứng yên mắt đẫm lệ, và khi được bảo lần thứ hai, thứ ba, ông vẫn đứng yên. Cuối cùng ông cha bảo bà mẹ:

- Bà đến xem thử có phải con trai bà đó không?.

Bà vùng dậy chạy đến nhìn ra con, gục xuống chân mà than khóc, ông cha cũng khóc theo, bao nỗi sầu khổ đều tuôn ra hết. Thấy lại cha mẹ, ông không thể nén được lòng mình, cũng bật khóc. Sau cơn xúc động, ông nói:

- Đừng buồn nữa cha mẹ ôi, con sẽ phụng dưỡng cha mẹ.

Thế là sau khi an ủi cha mẹ và cho họ húp nước cháo rồi ngồi xuống bên đường, ông lại ra đi khất thực đem về cho cha mẹ dùng, sau đó mới đi khất thực cho chính mình. Xong bữa ăn, ông liền đi tìm nơi trú chân không xa đó mấy. "Từ ngày ấy về sau ông chăm sóc cha mẹ bằng cách này; ông đem cho cha mẹ đồ khất thực dành cho mình, luôn cả những vật dụng bố thí hằng nửa tháng một lần, và ông đi khất thực nhiều lần để thọ dụng. Còn những vật thực dành cho mùa mưa cũng đều đem cho cha mẹ dùng, trong khi ông đem áo quần rách của cha mẹ về đóng cửa kín mà nhuộm lại để mặc. Nhưng rất ít ngày ông đi khất thực được đồ dùng, phần nhiều là chẳng được gì cả, nên y trong cũng như y ngoài đều tả tơi cả. Trong thời gian chăm sóc cha mẹ như thế, ông dần dần trở nên xanh xao gầy ốm, bạn hữu thấy vậy bảo:

- Da dẻ bạn trước đây tươi sáng, nhưng nay bạn xanh xao quá, hẳn có bệnh gì?

Ông đáp:

- Ta không có bệnh gì cả, nhưng ta đang gặp một chướng ngại.

Rồi ông kể cho họ nghe câu chuyện nhà. Họ đáp:

- Thưa hiền giả, bậc Đạo Sư không cho phép ta phí phạm lễ vật cúng dường của các thí chủ, bạn đã làm việc trái phép khi đem lễ vật cúng dường của thí chủ cho người thế tục.

Nghe nói vậy, ông hổ thẹn cúi gầm mặt xuống, nhưng vẫn chưa thỏa dạ, họ đem chuyện kể với bậc Đạo Sư:

- Bạch Thế Tôn, người này đã phí phạm lễ vật cúng dường và đem cho người thế tục.

Bậc Đạo Sư cho gọi vị Tỷ-kheo trẻ ấy đến và hỏi:

- Có phải ông đã xuất gia mà còn lấy vật cúng dường của thí chủ đem cho người thế tục không?

Ông thú nhận là có. Rồi bậc Đạo Sư muốn ngợi khen việc làm của ông và nói về một việc cũ của Ngài, liền hỏi:

- Thế ông phụng dưỡng người thế tục nào đó?

- Bạch Thế Tôn, chính cha mẹ của con.- Ông đáp.

Lúc đó Thế Tôn muốn khuyến khích việc làm của ông hơn nữa, Ngài bảo ba lần:

- Tốt lành thay! Tốt lành thay! Ông đang đi con đường ngày xưa Ta đã đi qua, ngày xưa khi đi khất thực Ta cũng phụng dưỡng cha mẹ Ta.

Như thế vị Tỷ-kheo được Ngài khích lệ vì việc đó. Rồi theo lời thỉnh cầu của chúng Tỷ-kheo, bậc Đạo Sư kể chuyện quá khứ để cho biết các nghiệp đời trước của Ngài.

*

Ngày xưa, không xa thành Ba-la-nại, ở phía bên này sông, có một làng thợ săn và một làng nữa ở bên kia sông, mỗi làng có chừng năm trăm gia đình cư trú. Lúc bấy giờ có hai nhà thiện xạ trong hai làng đó là đôi bạn thân thích, họ giao ước với nhau từ trẻ rằng nếu đôi bên sinh con trai và con gái thì sẽ gả con cho nhau. Theo thời gian trôi, một cậu trai được hạ sinh trong nhà thiện xạ bên này sông và một cô gái sinh vào nhà thiện xạ kia. Cậu bé được đạt tên Dukùlaka vì khi sinh ra đời cậu được quấn trong lớp tã lót thật đẹp, còn cô gái được đặt tên là Parikà, vì cô sinh ra bên kia sông. Cả hai đều xinh đẹp với làn da óng ả như vàng và mặc dù được sinh ra trong làng săn bắn, chúng không hề sát sinh hại mạng. Khi cậu bé lên mười sáu tuổi, cha mẹ cậu bảo:

- Này con, cha mẹ sẽ cưới vợ cho con.

Nhưng cậu là một người thanh tịnh từ Phạm thiên giới mới xuống đây, cho nên cậu bịt tai lại bảo:

- Con không muốn ở trong nhà, đừng nói chuyện ấy với con.

Rồi mặc dù cha mẹ cậu nói chuyện đó ba lần, cậu không tỏ ý ham thích chút nào. Còn nàng Parikà cũng vậy, khi cha mẹ nàng bảo:

- Con trai của ông bạn nhà ta thật khôi ngô với làn da óng ả như vàng, cha mẹ định gả con cho cậu ấy đấy.

Nàng cũng bịt tai lại và trả lời như chàng trai kia.Vì chính nàng cũng xuống đây từ Phạm thiên giới. Cậu Dukùlaka bí mật gửi cho cô gái một lời nhắn nhủ: "Nếu nàng muốn sống đời vợ chồng thì hãy tìm đến một gia đình khác, vì ta không muốn như vậy". Và nàng cũng gửi cậu một lời nhắn nhủ tương tự như thế. Nhưng dù họ không đồng ý, cha mẹ họ vẫn cử hành hôn lễ. Thế là cả hai người sống riêng lẻ như các vị Phạm thiên, không hề sa vào bể ái dục. Dakùlaka không hề giết cá hay nai hươu, cũng không hề bán các thứ cá mà người khác mang đến cho cậu. Cuối cùng cha mẹ cậu bảo:

- Con sinh ra trong gia đình săn bắn mà con lại không thích sống trong nhà, cũng không sát sinh hại vật, vậy con muốn gì?.

Cậu đáp:

- Nếu cha mẹ cho phép, con xin làm ẩn sĩ ngay ngày hôm nay.

Cha mẹ họ đều cho phép họ ngay lập tức. Thế là họ từ giã cha mẹ, ra đi dọc theo bờ sông Hằng, rồi rời bỏ sông Hằng, họ đi lên núi dọc theo sông Migasammatà. Lúc bấy giờ cung của Sakka Thiên chủ bỗng nóng rực lên. Thiên chủ Sakka, sau khi xác định duyên cớ, liền bảo thần Vissakamma:

- Này Vissakamma, có hai bậc Đại nhân đã xuất thế và đang đi vào núi Himavat, chúng ta phải tìm nơi trú ẩn cho họ, vậy hãy đi dựng am lá và cung cấp mọi vật dụng cần thiết cho cuộc đời tu hành của họ ở một nơi cách sông Migasammatà chừng một phần tư dặm đường, xong rồi trở lại đây.

Thế là vị này đi chuẩn bị đủ mọi vật dụng giống như được mô tả trong Tiền thân Mùgapakkha, rồi trở về nhà; sau khi đã xua hết mọi súc vật có thể gây ồn ào khó chịu trong rừng và mở một con đường mòn gần đó. Hai vị ẩn sĩ thấy có đường mòn liền theo đó đến am. Khi Dukùlaka bước vào trong am, thấy đủ mọi vật dụng cần thiết liền kêu lên:

- Đây chính là lễ vật của Thiên chủ Sakka cúng dường ta.

Thế rồi Dukùlaka cởi áo ngoài ra, mặc vào chiếc y màu vỏ dà, đắp tấm da hươu qua một bên vai, cột túm tóc lại ra dáng một vị khổ hạnh, rồi cũng làm lễ truyền giới cho Parikà như vậy, xong rồi họ sống ở đó, tu tập lòng Từ thuộc về cõi Dục. Nhờ ảnh hưởng lòng Từ của họ đối với mọi vật, chim muông và thú rừng cũng khởi lên lòng từ ái đối với nhau, chứ không hề làm hại lẫn nhau.

Parikà lo kiếm nước và thức ăn, quét dọn am, làm đủ mọi việc cần thiết, rồi cả hai người đi kiếm đủ loại trái cây về ăn. Sau đó họ ở vào trong thảo am riêng của mình hành trì đủ mọi giới luật của đời Phạm hạnh. Thiên chủ Sakka cung cấp đủ mọi nhu cầu của họ.

Một ngày kia, ngài tiên tri được một hiểm họa sắp xảy ra cho họ: "Họ sẽ mất thị giác". Vì thế ngài tìm đến Dukùlaka, đảnh lễ xong, ngồi xuống một bên, ngài bảo:

- Thưa Tôn giả, ta thấy trước một hiểm họa sắp đe dọa các Tôn giả, vậy các Tôn giả phải sinh một đứa con trai để phụng dưỡng các vị sau này, hãy đi theo đường lối của thế gian.

- Thưa Thiên chủ, tại sao ngài lại bảo vậy? Ngay cả khi chúng con còn ở chung một nhà trước kia, chúng con cũng đã chán ghét ái dục, giờ đây làm sao chúng con thực hiện điều ấy được khi chúng con đã vào rừng sống đời Phạm hạnh của kẻ xuất gia.

- Được rồi, nếu Tôn giả không muốn làm như ta nói, thì đợi đến lúc thuận tiện hãy lấy tay sờ rốn của Parikà.

Dukùlaka ưng thuận làm theo. Thiên chủ Sakka từ giã ra về. Bậc Đại Sĩ kể chuyện ấy với Parikà và đến lúc thời cơ thuận lợi, lấy tay sờ vào rốn Parikà. Ngay lúc ấy Bồ-tát từ Thiên giới xuống nhập vào bụng bà và bà mang thai từ đó. Sau mười tháng, bà hạ sinh một hài nhi da vàng óng, vì thế nên họ đặt tên là Suvannasàma (Hoàng Kim).

Lúc bấy giờ các nữ thần Kinnara (Khẩn-na-la: Ca thần của Sakka) ở núi bên kia đến chăm sóc Parikà lúc bà lâm bồn. Đôi cha mẹ này tắm rửa hài nhi xong đặt vào chòi lá và đi kiếm đủ loại trái cây. Trong khi họ ra ngoài, các nữ thần Kinnara đem hài nhi vào động của họ tắm rửa vàđem lên đỉnh núi trang hoàng cho hài nhi đủ loại hoa, lấy chất sơn vàng đỏ xanh làm dấu đặc biệt trên thân thể, rồi đem về để lại trên giường trong chòi lá, sau đó Parikà về chòi cho con bú.

Họ yêu quý con, nâng niu chăm sóc con cho đến năm mười sáu tuổi, họ thường để con ở trong chòi rồi đi vào rừng kiếm củ và trái cây. Bồ-tát suy nghĩ: "Mối hiểm họa một ngày kia sẽ xảy ra". Ngài thường canh chừng con đường cha mẹ ngài đi ra.

Một ngày kia họ trở về lúc chiều tối sau khi đã nhặt củ và trái cây. Vừa đến gần chòi thì một đám mây lớn kéo tới. Họ vội ẩn mình dưới gốc cây trên một ổ kiến. Trong ổ kiến này có một con rắn độc. Lúc bấy giờ nước trên thân họ nhỏ giọt xuống mang theo mùi mồ hôi đến mũi con rắn làm nó tức giận, thổi phà hơi độc lúc họ đứng đó để tấn công họ, khiến cho cả hai đều bị mù không nhìn thấy nhau được nữa. Dukùlaka gọi lớn Parikà:

- Mắt ta mù rồi, ta không thấy nàng nữa.

Họ bảo nhau trong khi quờ quạng đi quanh, khóc lóc và không sao tìm được lối về." Đời trước ta đã phạm tội gì?" Họ nhủ thầm như vậy. Thuở tiền kiếp, họ sinh vào gia đình một y sĩ. Vị y sĩđó chữa bệnh mắt cho một người giàu có, nhưng người này không chịu trả y phí, vị y sĩ tức giận nói với vợ:

- Ta phải làm sao đây?

Bà vợ cũng tức giận bảo:

- Ta không cần tiền của nó, cứ chế ra một thứ thuốc rồi bảo đó là thuốc chữa bệnh và ta làm mù mắt nó đi.

Vị y sĩ đồng ý làm theo lời vợ và chính vì tội này mà giờ đây cả hai đều bị mù lòa.

Lúc ấy bậc Đại Sĩ suy nghĩ: "Trước đây cha mẹ ta thường về vào giờ này, ta chẳng biết chuyện gì xảy ra cho cha mẹ ta, ta phải đi tìm mới được". Vì thế ngài ra đi tìm họ và gây nên một tiếngđộng. Họ nhận ra tiếng động ấy nên cũng làm một tiếng động đáp lại và vì lòng thương con, họ bảo con:

- Sàma ơi, ở đây nguy hiểm lắm, đừng tới gần. Vì thế ngài đưa cho cha mẹ một cây dài, bảo họ cầm lấy đầu cây gậy rồi đi lần về phía ngài. Ngài bảo với họ:

- Cha mẹ bị mù mắt vì duyên cớ gì?

- Khi trời mưa ta núp dưới gốc cây trên một tổ kiến, thế là ta bị mù mắt.

Nghe thế ngài biết ngay sự việc đã xảy ra. "Có lẽ ở đó có rắn độc, đang lúc nổi giận, nó phun nọc độc ra đấy". Khi ngài nhìn cha mẹ, ngài bật khóc rồi lại bật cười. Cha mẹ ngài hỏi tại sao, ngài đáp:

- Con khóc vì cha mẹ bị mù lúc còn trẻ, nhưng con lại cười vì từ đây con sẽ phụng dưỡng cha mẹ, cha mẹ đừng buồn, con sẽ chăm nom cha mẹ chu đáo.

Thế rồi ngài dẫn họ về chòi, buộc dây thừng tứ phía phân chia các gian để ở ban ngày và banđêm, các trai phòng và các phòng khác nữa. Từ ngày ấy ngài bảo cha mẹ ở nhà, còn ngài đi kiếm củ và trái rừng. Buổi sáng dọn dẹp nhà cửa, đi lấy nước sông Migasammatà về, nấu thức ăn và nước, rồi lấy nước rửa mặt đánh răng cho cha mẹ, đem đến cho cha mẹ đủ trái cây ngon ngọt. Khi cha mẹ súc

miệng xong, ngài mới dùng. Ăn xong ngài chào cha mẹ, rồi được một đàn nai hộ tống, ngài vào rừng hái quả.

Sau khi hái quả cùng với đám nữ thần Kinnara trên núi, ngài trở về lúc chiều tối, nấu nước nóng tắm rửa chân tay cho cha mẹ rồi mang lại một mẻ chậu than hồng hơ ấm tay chân cha mẹ. Ngài đem đủ loại trái cây cho cha mẹ dùng. Cuối cùng ngài mới ăn phần mình và cất dọn các thứ còn lại. Cứ thế ngài chăm sóc cha mẹ mỗi ngày.

Lúc ấy có một vị vua tên Pilliyakkha trị vì tại Ba-la-nại. Vị này rất thích thịt thú rừng nên đã giao việc triều chính cho mẹ rồi nai nịt năm loại vũ khí đi vào núi Himavat săn bắn hươu nai để ăn thịt, tiến lần đến con sông Migasammatà và cuối cùng tới nơi Sàma thường xuống múc nước. Thấy có vết chân hươu nai, vua dựng chỗ trú ẩn dưới các bụi cây màu ngọc bích, lấy tên tẩm thuốc độc vào, sẵn sàng giương lên và nằm mai phục.

Buổi chiều bậc Đại Sĩ đã hái trái cây xong, đem về lều, chào hỏi cha mẹ rồi nói:

- Con sẽ đi tắm và múc ít nước.

Ngài cầm bình, cả một đoàn nai vây quanh, ngài chỉ chọn ra hai con, buộc bình vào lưng chúng, rồi dẫn chúng đến nơi tắm sông. Nhà vua thấy ngài đến gần tự nhủ: "Suốt thời gian ta đi quanh quẩn nơi đây, ta chưa hề thấy bóng người nào cả, vậy đó là Thiên thần hay rắn thần? Bây giờ nếu ta đến gần hỏi nó ắt nó sẽ bay lên trời nếu đó là Thiên thần, hoặc sẽ độn thổ nếu đó là rắn thần. Nhưng ta có ở núi Himavat này mãi đâu, một ngày kia ta sẽ trở về Ba-la-nại. Lúc đó các quan đại thần sẽ hỏi ta có thấy được việc gì kỳ lạ trong thời gian ta lang bạt ở đây không. Nếu ta bảo họ ta có thấy một người như vầy như vầy, họ sẽ gạn hỏi ta tên nó là gì, nếu ta trả lời không biết thì họ sẽ chê trách ta; vậy thì ta cứ bắn nó cho bị thương, rồi hỏi nó sau".

Vừa lúc ấy, bầy nai đi xuống trước để uống nước rồi bước lên khỏi chỗ tắm. Sau đó Bồ-tát chầm chậm bước xuống nước như thể một vị đại Trưởng lão đầy đủ giới luật uy nghi đang chuyên tâm đạt đại định, khoác bộ áo bằng vỏ cây và đắp tấm y bằng da nai qua một bên vai, nhấc bình lên múc đầy nước, rồi đặt trên vai trái. Ngay lúc này, vua thấy rằng đã đến thời, liền bắn mũi tên tẩm thuốc độc, làm bậc Đại Sĩ bị thương ở sườn bên phải, rồi mũi tên xuyên qua sườn bên trái.

Bầy nai thấy ngài bị thương kinh hoàng chạy trốn, nhưng Suvannasàma, mặc dù bị thương nặng, vẫn hết sức giữ bình nước cho vững và cố định thần, ngài chầm chậm bước ra khỏi nước. Ngài đào cát chất lên một ụ cao, kê đầu lên hướng về phía chòi của cha mẹ, và ngài nằm xuống chẳng khác nào một bức tượng vàng trên bãi cát màu sáng

bạc. Rồi hồi tưởng lại, ngài suy xét mọi việc đã xảy ra: "Ta không có kẻ thù nào trong vùng núi Himavat này, ta cũng không thù oán ai cả". Khi ngài nói như vậy, máu từ miệng ngài tuôn ra và vì không nhìn thấy vua, ngài liền ngâm kệ:

1. Ai đó đang mai phục bắn mình,
Khi ta đã múc nước đầy bình,
Bà-la-môn, quý tộc, nô lệ,
Ai ám hại ta chẳng biết danh?

Rồi ngài ngâm thêm một vần kệ cho biết thịt của ngài vô dụng, không làm thức ăn được:

2. Người chẳng thể nào ăn thịt ta,
Cũng không thể sử dụng bao da,
Sao người nghĩ lấy ta làm đích,
Người đã tưởng đâu thắng lợi mà?

Ngài lại ngâm thêm một vần kệ khác hỏi họ tên của vua:

3. Người là ai, hãy nói con ai,
Là gì ta sẽ gọi tên người,
Tại sao người lại nằm mai phục?
Thành thật xin người hãy trả lời.

Khi nghe vậy, vua tự nhủ: "Mặc dù kẻ này đã bị ta bắn trọng thương bằng tên độc, vẫn không mạ lỵ ta, oán trách ta, lại còn nói năng dịu dàng như thể ru lòng ta vậy. Thôi ta đến xem sao". Thế là vua đến gần bên ngài và ngâm kệ:

4. Chúa tể Kà-si quốc chính ta,
Đại vương danh hiệu Pi-yak-kha,
Ta rời ngôi báu vì thèm thịt,
Thơ thẩn tìm nai rừng núi xa.
5. Tài thiện xạ ta thật khéo thay,
Tâm ta can đảm chẳng lung lay,
Chẳng rồng rắn thoát tên ta được
Khi nó đã vào tầm bắn đây.

Sau khi tự khen ngợi tài năng mình như vậy, vua hỏi gia thế của ngài:

6. Ngươi là ai đó vậy, con ai,
Là gì ta sẽ gọi tên ngươi?
Và tên thân phụ cùng gia tộc,
Tên của nhà ngươi, hãy trả lời.

Bậc Đại Sĩ suy nghĩ: "Nếu ta bảo rằng ta là Thiên thần hay dòng dõi các nữ thần Kinnara (Khẩn-la- na), hoặc bảo ta là một Sát-đế-lỵ hay thuộc một quý tộc tương tự, vị này sẽ tin ngay, nhưng ta phải nói sự thật". Vì thế ngài nói:

7. Lúc ta sinh được gọi Sà-ma,

Con thợ săn cùng khổ chính ta,
Nay ở đây nằm trên đất lạnh,
Người nhìn ta đã gặp nguy cơ.
8. Tên độc của người bắn trọng thương,
Ta nằm đơn độc tựa linh dương,
Nạn nhân người giết nhờ tài nghệ,
Lăn lóc ta nay nhuộm máu hường.
9. Tên của người xuyên suốt thịt da,
Theo từng hơi thở máu trào ra,
Ngất ngư, ta vẫn còn than hỏi:
Sao muốn giết người mai phục ta?
10. Ngươi chẳng thể nào ăn thịt ta,
Cũng không thể sử dụng bao da,
Sao người nghĩ lấy ta làm đích,
Người đã tưởng đâu thắng lợi mà?
Khi vua nghe vậy, biết rằng không thể nói thật được, liền bịa một câu chuyện như sau:

11. Một nai đã đến đúng vừa tầm,
Ta nghĩ rằng ta sắp hưởng phần,
Nhưng thấy ngươi, nai kinh hoảng chạy,
Với ngươi, ta chẳng có lòng sân.
Bậc Đại Sĩ đáp:

- Tại sao Đại vương nói vậy được? Cả vùng núi Himavat này không có nai nào thấy ta mà bỏ chạy:

12. Từ khi ta mới biết suy tư,
Nhớ lại thời xưa mãi đến giờ,
Không thú mồi hay nai chạy trốn,
Kinh hoàng khi gặp bước ta qua.
13. Từ lúc ta mang áo vỏ cây,
Bỏ đằng sau chuỗi ngày thơ ngây,
Không nai hay thú mồi đào tẩu,
Khi thấy ta qua các lối này.
14. Các thú hoang kia chính bạn mình,
Cùng ta phiêu bạt khắp rừng xanh,
Nai này sao lại, như người nói,
Khi thấy ta liền chạy hãi kinh?
Khi vua nghe nói, liền nghĩ thầm: "Ta đã làm trọng thương con người vô tội này và lại còn nói dối, thôi ta phải thú tội mới được". Nghĩ vậy, vua nói:

15. Chẳng có nai nào thấy Sà-ma,

Sao ta nói dối quá dư thừa?
Lòng ta tràn ngập niềm tham, hận,
Và bắn đầu tên đó ấy, chính ta.
Rồi vua nghĩ: "Suvanna không thể sống một mình trong rừng được, chắc phải có thân thích ở đây, để ta thử hỏi xem". Vì thế vua ngâm kệ:

16. Sáng sớm từ đâu đến, bạn lành,
Ai người bảo bạn phải cầm bình,
Đổ đầy nước múc bờ sông ấy,
Mang gánh nặng lui bước lộ trình?
Nghe vậy, bậc Đại Sĩ cảm thấy một nỗi đau đớn vô cùng và ngâm vần kệ trong khi máu trào ra từ miệng:

17. Cha mẹ sống rừng vắng phía xa,
Mù lòa chỉ lệ thuộc con thơ,
Vì hai thân, đến bên bờ nước,
Ta đổ đầy bình nước của ta.
Rồi ngài tiếp tục than khóc số phận của cha mẹ:

18. Đời sống chỉ như lửa chập chờn,
Một tuần thực phẩm trữ không hơn
Nếu không có nước ta đem lại,
Yếu đuối, mù lòa chết thảm thương.
19. Ta chẳng sợ đau khổ tử vong,
Ấy là số phận mọi loài chung,
Sống không còn được nhìn thân phụ,
Điều ấy khiến tâm trí hãi hùng.
20. Thời khắc lê thê nặng khổ buồn,
Mẹ ta ấp ủ nỗi sầu thương,
Nửa đêm và cả khi trời sáng,
Dòng lệ chảy như suối nước tuôn.
21. Thời khắc lê thê nặng khổ buồn.
Cha ta ấp ủ nỗi sầu thương,
Nửa đêm và cả khi trời sáng.
Dòng lệ chảy như suối nước tuôn.
22. Họ lang thang khắp chốn rừng hoang,
Than vãn con đi quá muộn màng,
Chờ đợi hoài công nghe tiếng bước,
Hay chờ ta vuốt tấm thân tàn.
23. Ý tưởng này, tên độc thứ hai,
Đâm sâu hơn trước nữa, than ôi!

Vì ta nằm tại đây chờ chết
Không thể nhìn cha mẹ nữa rồi!

Nhà vua nghe ngài than khóc, nghĩ thầm: "Người này phụng dưỡng cha mẹ hết lòng hiếu thảo tận tụy, ngay bây giờ đang lúc đau đớn mà cũng chỉ nghĩ đến cha mẹ, thật ta đã gây tội ác với một thánh nhân như vậy, làm sao ta an ủi được người đây? Khi ta đọa xuống địa ngục rồi thì ngai vàng có ích gì cho ta? Thôi ta nguyện phụng dưỡng cha mẹ người như người đã phụng dưỡng họ. Như thế cái chết của người không ảnh hưởng mấy đến họ". Liền sau đó vua nói lên quyết tâm của mình qua các vần kệ sau:

24. Này hỡi Sà-ma dáng cát tường,
Chớ nên tuyệt vọng ngập tâm hồn,
Vì ta phụng dưỡng hai thân lão
Trong cảnh cô đơn nặng khổ buồn.
25. Ta nay thành thạo với cây cung,
Lời hứa ta cương quyết thủy chung,
Ta sẽ thay người và phụng dưỡng
Mẹ cha người sống ở trong rừng.
26. Ta sẽ đi tìm miếng thịt nai,
Đủ dùng củ rễ, trái cây tươi,
Rồi ta hầu hạ hai thân lão,
Ta chính gia nô của các ngài.
27. Hiện nay hai vị ở rừng nào?
Này hởi Sa-ma, hãy nói mau,
Ta thề bảo vệ, nuôi hai vị
Như chính người làm tự bấy lâu.

Bậc Đại Sĩ đáp:

- Thế thì tốt quá, xin Đại vương nuôi nấng cha mẹ ta dùm.

Rồi ngài chỉ đường cho vua:

28. Nơi chốn đầu ta đặt ở đây,
Hai trăm tầm chạy giữa rừng cây,
Con đường dẫn đến lều cha mẹ,
Xin đến, làm ơn phụng dưỡng thay.

Sau khi chỉ đường và kiên nhẫn chịu đựng đau đớn khủng khiếp vì lòng thương yêu cha mẹ, ngài kính cẩn chấp tay lại, thỉnh cầu vua một lần cuối hãy nuôi dưỡng cha mẹ thay mình:

29. Cung kính lễ ngài, bậc Đại vương,
Ngài đi như vậy đúng con đường,
Mù lòa, cha mẹ ta đơn độc,
Xin bảo vệ, nuôi dưỡng, đoái thương.

30. Kính lễ Kà-si Chúa thượng ôi,

Hai tay ta chắp khẩn cầu ngài, Nhân danh ta gửi về cha mẹ Lời nhắn nhủ ta đã nói rồi.

Vua nhận lời ủy thác và bậc Đại Sĩ, sau khi nói xong lời nhắn nhủ cuối cùng, liền bất tỉnh.

*

Bậc Đạo Sư giải thích việc này như sau:

31. Sà-ma với vẻ mặt hiền lương,
Đã nói lời này với Đại vương,
Rồi ngất lịm dần vì thuốc độc,
Nằm mê man tựa bỏ thân tàn.
*

Từ trước đến giờ ngài cố gắng thốt ra những lời lẽ trên như thể người bị hụt hơi, nhưng đến đây tiếng nói đã đứt quãng vì toàn thân, tim óc, sinh lực của ngài đều lần lượt chịu tác động dữ dội của thuốc độc, nên miệng và mắt ngài khép lại, tay chân cứng đờ, toàn thân đẫm máu. Vua kêu lên:

- Người này đang nói với ta cho đến giờ phút này, bỗng dưng tại sao lại hết thở vô ra rồi kìa? Các cơ quan đã ngưng hoạt động, thân thể đã cứng đờ, chắc chắn Sà-ma đã chết rồi,

Và không thể nào ngăn được sầu thương, vua đấm vào đầu than khóc thảm thiết.

*

Đến đây bậc Đạo Sư ngâm kệ để làm sáng tỏ vấn đề này:

32. Đau đớn nhà vua đã khóc than:
- Trước kia chưa xảy đến tai nạn,
Ta không hề biết già rồi chết,
Trời hỡi, giờ ta biết rõ ràng!
33. Nay thấy mọi người phải chết thôi,
Chính Sà-ma cũng chết, than ôi!
Chàng vừa khuyên nhủ, lời trăn trối,
Khi hấp hối từ giã cõi đời.
34. Địa ngục đày, ta đọa hiển nhiên,
Thánh nhân bị giết đó, nằm yên,
Mọi người thôn xóm nào ta gặp,
Sẽ nói đồng thanh tội lỗi trên.
35. Sống ở rừng hoang vắng vẻ này, Họ tên ta có kẻ nào hay?

Đây miền hiu quạnh không người ở, Ai sẽ nhắc ta mối nhục này?

*

Lúc bấy giờ có một nữ thần tên gọi Bahusodarì ở tại núi Gandhamàdana (Hương Sơn) đã là mẹ của Bồ-tát cách đây bảy đời trước của ngài, vẫn thường tưởng nhớ đến ngài với tình mẹ thương con; nhưng ngày hôm đó vì ham tưởng lạc thú thiên giới nên bà không nhớ đến ngài như thường lệ. Các bằng hữu của bà lại bảo bà đã đi dự hội họp trên thiên giới cho nên đã im hơi lặng tiếng.

Bỗng nhiên bà nghĩ đến ngài đúng lúc ngài đang bất tỉnh. Bà tự nhủ: "Việc gì đã xảy ra cho con ta?" và bà nhìn thấy vua Piliyakkha đã giết ngài bằng mũi tên tẩm thuốc độc bên bờ sông Migasammatà, ngài đang nằm trên bờ cát, còn nhà vua đang than khóc thảm thiết. "Nếu ta không đến đó thì con ta sẽ chết, vua sẽ đau đớn lắm, còn cha mẹ Sà-ma sẽ chết đói, chết khát. Nhưng nếu ta đến, thì vua sẽ mang bình nước lại cho cha mẹ của con ta. Sau khi nghe họ nói, vua sẽ dẫn họ đến gặp con, rồi ta và họ sẽ cùng thành tâm thực hiện lời nguyền trang nghiêmđể đánh tan chất độc trong thân thể Sàma cho con ta sống lại. Cha mẹ của con ta lại được sáng mắt ra và sau đó khi đã nghe Sàma thuyết giảng, vua sẽ làm bố thí lớn và được tái sinh lên cõi trời, vậy ta phải đi liền". Thế rồi bà đến bờ sông Migasammatà, và tàng hình đứng trên không, thuyết Pháp cho vua nghe.

*

Đến đây bậc Đạo Sư ngâm kệ để làm sáng tỏ vấn đề này:

36. Thần nữ ẩn mình giữa cõi không,
Ở trên thượng đỉnh của Hương Sơn,
Rót vài câu kệ vào tai nọ,
Vì bởi xót thương vị chúa công:
37.- Ngài đã tạo ra một ác hành,
Tội kia đè nặng ở trên mình,
Mẹ, cha, con thảy đều vô tội,
Mũi tên ngài giết cả gia đình.
38. Đến đây ta bảo với ngài nào:
Tìm chỗ trú an nương tựa vào,
Cấp dưỡng người mù rừng vắng nọ,
Tâm ngài sẽ hạnh phúc dường bao!

Nghe nữ thần dạy bảo, vua tin lời bà ngay rằng nếu đi phụng dưỡng hai kẻ mù lòa đó, vua sẽ được lên thiên giới. Vì thế vua quyết định: "Ta còn cần gì ngai vàng nữa, ta sẽ bỏ đi và hết lòng phụng dưỡng họ". Sau một hồi tuôn trào lời than khóc, vua cố nén nỗi sầu bi vì cho rằng Sàma đã chết thật rồi, vua làm lễ cung kính thi thể ngài với đủ loại hoa thơm, vẩy nước lên thi thể ngài, đi diễu quanh ba vòng, thân phía bên hữu hướng về thi thể và lễ bái khắp bốn phương. Rồi vua cầm bình nước đã được giao và đi về hướng nam, lòng nặng trĩu u sầu.

Đến đây, bậc Đạo Sư giải thích thêm qua vần kệ:

39. Sau một hồi tuôn lệ khóc than,

Thương chàng xấu số nửa chừng xuân,
Vua liền tiến lại cầm bình nước,
Và hướng mặt đi đến phía nam.
*

Nhà vua vốn là người mạnh khỏe, nên cầm bình nước cương quyết băng rừng đến am ẩn sĩ và cuối cùng cũng đến trước cửa am hiền giả. Hiền giả đang ngồi trong am, nghe tiếng chân người đến gần, phân vân không biết là ai, liền thốt lên lời kệ:

40. Ta đang nghe các bước chân này,
Một kẻ nào đi đến lối đây,
Không phải tiếng chân Sàma bước,
Xin nói, thưa ngài, cho lão hay.

Vua nghe nói liền suy nghĩ: "Nếu ta bảo thật cho ông lão biết ta đã giết con ông và không nói rõ ta là vua thì họ sẽ phẫn nộ và mắng chửi ta, và lòng sân hận của ta sẽ nổi lên khiến ta xúc phạm đến họ, lại càng gây thêm tội ác; nhưng thường tình ai gặp vua mà lại không kinh sợ, vậy ta phải nói cho họ biết". Vì thế vua đặt bình vào đúng chỗ, rồi đứng trước cửa am nói to:

41. Kà-si Chúa tể chính là ta,
Tên được gọi là Pi-yak-kha,
Từ giã ngôi vì thèm món thịt,
Săn nai, phiêu bạt chốn rừng già.
42. Có tài thiện xạ chính ta đây,
Cương quyết lòng ta chẳng chuyển lay,
Chẳng rắn thần nào hòng thoát khỏi,
Một khi đã đến trong tầm tay!

Lão hiền nhân chào mừng vua với tình thân hữu, và đáp lời:

43. Kính mừng vạn tuế Đấng Quân vương!
Hạnh ngộ ngài đi lạc bước đường,
Chúa thượng vinh quang và vĩ đại,
Sứ mạng gì xin được tỏ tường?
44. Tin-dook, pi-yal, các lá cây,
Kà-su-mà trái ngọt ngào thay,
Dù còn chỉ ít oi đôi chút,
Chọn thứ thiệt ngon có sẵn đây.
45. Nước mát này từ dưới động sâu,
Ẩn mình trên một ngọn đồi cao,
Kính mời Chúa thượng, xin ngài ngự,
Cầm lấy, uống vào thỏa ước ao.

Vua nghe lời tung hô nọ liền nghĩ: "Nếu ta nói ngay với ông lão rằng ta vừa giết chết con lão thì thật là thất sách. Vậy ta phải khởi đầu câu chuyện như ta chẳng biết gì cả, rồi sẽ nói sau". Vì thế vua hỏi:

46. Sao ngươi mù lẩn quẩn rừng hoang,
Các trái này đây ai đã mang?
Người ấy phải là người sáng mắt,
Hái nhiều loại tích trữ kho hàng.

Lão hiền nhân ngâm hai vần kệ sau cho biết hai vợ chồng lão không đi hái trái mà con trai đã mang về:

47. Sà-ma, con trẻ tuổi hoa niên,
Tầm thước, đẹp sao mắt ngắm xem,
Tóc dài, đen nhánh quanh đầu nọ,
Cứ cuộn tròn trông thật tự nhiên.
48. Đem trái cây rồi lại bước ra,
Vội đi đổ nước đầy bình ta,
Sẽ quay trở lại tức thì đó,
Đường đến bờ sông cũng chẳng xa.

Vua đáp lời:

49. Sà-ma hiếu tử của hai người,
Người tả đẹp sao, tốt tuyệt vời,
Ta đã giết chàng nằm ở đó,
Tóc đen kia nhuộm máu hồng rồi!

Chòi lá của Parikà gần đó, trong lúc bà ngồi nghe giọng nói của vua, bà lo ngại không biết việc gì đã xảy ra và khi đi đến gần men theo sợi dây thừng, bà kêu lên:

50. Cho biết là ai, Du-kù-la,
Nói rằng con bị giết, Sà-ma,
"Sà-ma đã chết", đây tin dữ,
Như xẻ làm đôi tim của ta!
51. Như thể chồi cây sung trẻ non,
Bị cơn gió mạnh xé lìa tan,
"Sà-ma đã chết", nghe tin ấy,
Đau khổ làm ta nát ruột gan.

Lão nhân khuyên nhủ bà:

52. Đây là Chúa tể nước Kà-si, Cung ác của ngài đã giết đi,

Con của chúng ta bên bến nước, Song ta đừng có rủa nguyền gì.

Parikà đáp lại:

53. Chỗ dựa, con yêu, độc nhất đời,

Trông mong, chờ đợi mãi không thôi,
Sao tâm chứa đủ niềm căm hận,
Với kẻ ra tay giết hại người?
Lão nhân nói lớn:

54. Chỗ dựa, con yêu độc nhất đời,
Trông mong, chờ đợi mãi không thôi,
Nhưng hiền nhân cấm ta căm hận,
Với kẻ ra tay giết hại người!
Rồi cả hai ông bà đều lớn tiếng khóc than đấm ngực tán thán công đức của Bồ-tát. Lúc đó vua cố hết sức an ủi hai vị:

55. Thôi đừng khóc nữa, ta van người,
Vì trẻ Sà-ma bạc phận rồi,
Ta sẽ phụng thờ hai vị mãi,
Đừng buồn như thể quá đơn côi.
56. Ta đây thành thạo với cây cung,
Lời hứa ta cương quyết thủy chung,
Ta sẽ hầu bên hai vị mãi.
Và nuôi hai vị ở trong rừng.
57. Ta sẽ đi tìm miếng thịt nai,
Đủ dùng củ, rễ, trái cây tươi,
Rồi ta hầu hạ bên hai vị,
Ta chính gia nô của các người,
Hai ông bà lão liền phản đối vua:

58. Chuyện này chẳng phải đạo, Quân vương,
Chẳng thích hợp đâu, trái lẽ thường,
Ngài chính là Quân vương hợp pháp,
Chúng thần xin đảnh lễ đôi chân.
Khi nghe vậy vua rất hoan hỷ nghĩ thầm: "Thật kỳ diệu thay! Họ đã không mở lời hung hăng trách mắng ta là kẻ gây tội lỗi, lại còn tiếp đón ta thật ân cần". Rồi vua ngâm kệ:

58. Sơn nhân tuyên bố lẽ công bằng, Tiếp đón như vầy thật chí thân,

Ngài chính từ đây cha của trẫm, Và bà là mẹ của thần dân.

Cả hai ông bà đều cung kính giơ tay lên trời thỉnh cầu vua.

- Chúng tôi không dám nhờ Đại vương phụng dưỡng, chỉ mong Đại vương cầm đầu cây gậy dẫn chúng tôi đến chỗ Sà-ma nằm.

Rồi họ ngâm hai vần kệ:

59. Kà-si Chúa tể thật huy hoàng!
Ngài sẽ làm dân tộc phú cường,

Xin hãy đưa ta đi đến chỗ,
Sà-ma yêu quý của ta nằm.
60. Tại đó, ta quỳ xuống dưới chân,
Chúng ta sờ mắt, mũi, toàn thân,
Chúng ta quyết đợi chờ thần chết,
Kiên nhẫn bên con mãi đến cùng.
Trong lúc họ đang nói chuyện thì mặt trời lặn. Vua nghĩ thầm: "Bây giờ nếu ta đưa họ đến đó, họ sẽ tan nát cõi lòng trước cảnh đau thương và nếu ba mạng người chết vì ta, thì chắc chắn ta sẽ đọa vào địa ngục. Thôi ta đừng dẫn họ đến đó nữa". Thế rồi vua ngâm ba vần kệ này:

61. Một vùng đầy dã thú săn mồi.
Như tận cùng biên giới cõi đời,
Chính chỗ Sà-ma nằm hiện tại,
Như vầng trăng rụng xuống trần rồi.
62. Một vùng đầy dã thú săn mồi.
Như tận cùng biên giới cõi đời,
Chính chỗ Sà-ma nằm hiện tại,
Như vầng duong rụng xuống trần rồi.
62. Ở chốn tận cùng của thế gian,
Chàng nằm, bụi, máu, phủ lên chàng,
Vậy nên ở lại trong am thất,
Đừng mạo hiểm trong chốn núi ngàn.
Hai ông bà đáp lời chứng tỏ lòng gan dạ của họ:

64. Mặc loài dã thú phá tan hoang,
Hàng vạn triệu con cứ ngập tràn,
Ta chẳng sợ đâu bầy dã thú,
Chúng không thể hại đến thân tàn.
Như thế vua không thể ngăn cản họ được, đành phải cầm tay dắt họ đến đó.

Khi đến nơi, vua bảo:

- Con trai của hai vị nằm đây rồi.

Ông lão liền ấp đầu vào lòng con và bà mẹ gục đầu xuống chân con khóc lóc thảm thiết.

*

Bậc Đạo Sư ngâm kệ này để làm sáng tỏ vấn đề;

65. Lấm bụi và tan nát ruột gan,
Vừa nhìn cảnh tượng Sà-ma nằm,
Họ quỳ xuống giống như nhìn thấy,
Vầng nhật nguyệt rơi rụng xuống trần;

Cha mẹ giơ cao đôi tay họ,
Khóc than thật thống thiết muôn phần.
66. -Phải chăng con ngủ hỡi Sà-ma,
Con giận hờn, quên cả mẹ cha?
Hãy nói việc gì làm mệt trí,
Khiến con nằm chẳng trả lời ta?
67. Ai sẽ, bây giờ, kết tóc ta,
Rồi ai sẽ phủi bụi trong nhà,
Khi Sà-ma chẳng còn đây nữa,
Ở lại chỉ hai kẻ mắt lòa?
68. Ai sẽ quét sàn cho chúng ta,
Ai đem nước nóng, lạnh bây giờ,
Ai tìm củ, quả rừng về nữa,
Cô độc, già, mù cả mẹ cha?
Bà mẹ than khóc đấm ngực hồi lâu, rồi suy xét kỹ nỗi sầu thương của mình, bà tự nhủ: "Tất cả chuyện đau thương này là do con ta bị hôn mê vì chất độc quá mạnh, vậy ta phải thành khẩn thề nguyền để giải độc cho con". Vì thế bà thực hiện một lời thề Chân lý qua các vần kệ sau:

70. Nếu quả thật là thuở trước đây,
Sà-ma luôn sống chánh chân đầy,
Cầu mong thuốc độc trong dòng máu,
Mất hết hiệu năng, vô hại ngay.
71. Nếu thuở trước con nói thật chân,
Ngày đêm lo phụng dưỡng song thân,
Cầu mong thuốc độc trong dòng máu,
Mất hết công năng, hạ xuống dần.
72. Công đức ngày xưa đã tạo ra,

Chính ta và cả lão thân gia, Cầu mong giải độc cho tan hết, Con trẻ quý yêu được tỉnh ra.

Sau khi bà trang nghiêm thề nguyền như vậy, Sàma bỗng nghiêng mình và khi ông cha cũng thành khẩn thề nguyền như vậy thì Sàma xoay người sang phía bên kia. Sau đó nữ thần cũng lập lại lời thề nguyền trang nghiêm như vậy.

Bậc Đạo Sư giải thích thêm qua các vần kệ:

73. Thần nữ ẩn mình giữa cõi không,
Ở trên thượng đỉnh của Hương Sơn,
Thực hành lời nguyện cầu chân lý,
Vì với Sà-ma, dạ xót thương.
74. -Ở đây trên thượng đỉnh Hương Sơn

Ta đã chọn đời sống độc đơn,
Trong chốn rừng sâu thăm thẳm ấy
Mọi loài hoa tỏa ngát hương thơm.
75. Không có một ai giữa thế nhân,
Còn thân thiết đối với ta hơn,
Vì đây quả thật là chân chánh,
Mong chất độc trong máu thoát dần.
76. Trong khi thương xót họ thay phiên,
Chứng thực trang nghiêm, họ phát nguyền,
Kìa thấy Sà-ma vùng đứng dậy,
Xinh tươi, cường tráng, thật hồn nhiên.
Thế là bậc Đại Sĩ đã phục hồi khỏi vết trọng thương, cha mẹ ngài lại phục hồi thị giác, bình minh cũng vừa xuất hiện. Các phép lạ ấy xảy ra cùng một lúc tại chốn am tranh nhờ thần lực của tiên nữ. Đôi cha mẹ vui mừng không sao kể xiết khi thấy mình sáng mắt ra và con trai họ đã phục sinh . Lúc ấy Sà-ma ngâm kệ này:

77. Con chính Sà-ma được vạn an,
Nhìn con trước mặt, hãy hân hoan,
Hãy lau khô hết đôi dòng lệ,
Và đón chào con, hạnh phúc tràn.
78. Vạn tuế, cầu mong bậc Đại vương,
Phước phần phục vụ lệnh ngài luôn,
Ngài là chúa tể thần dân đó,
Ước nguyện gì xin hãy tỏ tường.
79. Tin-duk, pi-yal, ma-dhuk tươi,

Trái cây quý hiếm nhất, xin mời, Dâng lên thượng khách, ngon như mật. Ngài ngự dùng cho thỏa ý ngài

80. Nước mắt đây từ dưới động sâu
Ẩn mình trên một ngọn đồi cao,
Suối trong làm dịu ngay cơn khát,
Ngài ngự dùng cho thỏa khát khao.
Vua nhìn cảnh tượng kỳ dịu này liền nói to:

81. Ta lạ lùng kinh ngạc biết bao,
Ta không thể nói hướng phương nào,
Một giờ trước thấy chàng nằm chết,
Nay sống dậy đây thật nhiệm mầu!
Sà-ma nghĩ thầm: "Vua tưởng ta đã chết, vậy ta phải giải thích rõ là ta vẫn còn sống" và ngài nói:

82. Một người đầy đủ các công năng,

Tình cảm, tâm tư chẳng thoát thân,
Vì bất tỉnh là ngưng hoạt động,
Người ngoài tưởng kẻ ấy từ trần.
Rồi muốn cho hiểu rõ ý nghĩa thật sự của chuyện này, ngài ngâm kệ thuyết pháp:

83. Các thế nhân theo Pháp chánh chân,
Chăm nuôi cha mẹ lúc gian truân,
Chư thiên nhìn thấy lòng con hiếu,
Và đến chữa lành các bệnh luôn.
84. Các thế nhân theo Pháp chánh chân,
Chăm nuôi cha mẹ lúc gian truân,
Chư thiên thế giới này ca tụng,
Đời kế cõi thiên hưởng phước phần.
Vua nghe vậy nghĩ thầm: "Thật kỳ diệu thay, ngay cả các thiên thần cũng xuống trần chữa lành bệnh cho người phụng thờ cha mẹ, khi kẻ này bị bệnh hoạn, chàng Sà-ma này thật vinh quang vượt bậc".

Rồi vua ngâm kệ:

85. Ta lạ lùng kinh ngạc biết bao,
Ta không thể thấy hướng phương nào,
Sà-ma, ta đến nhờ chàng giúp,
Chàng chính là nơi ta trú vào.
Lúc ấy bậc Đại Sĩ nói:

- Tâu Đại vương, nếu Đại vương muốn lên thiên giới và hưởng an lạc ở đó, thì Đại vương phải thực hành Mười phận sự như sau:

Rồi ngài ngâm kệ về vấn đề này:

86. Trước tiên là đối với song thân,
Ngài phải làm tròn phận sự luôn,
Phận sự hoàn thành trên cõi đất,
Sẽ đưa ngài đến cõi Thiên nhân.
87. Đối với vương phi, với các con,
Phải làm tròn phận sự, Quân vương,
Phận sự hoàn thành trên cõi đất,
Sẽ đưa ngài đến cõi Thiên nhân.
88. Với thân bằng và các triều thần,
Binh sĩ trong tất cả đạo quân,
Với các thôn làng và thị trấn,
Giang sơn ngài với mọi tùy tùng.
89. Với người thanh tịnh, Bà-la-môn,
Ẩn sĩ, thú, chim, hỡi Chúa công,

Phận sự hoàn thành trên cõi đất,
Sẽ đưa ngài đến cõi thiên thần.
90. Phận sự tròn đem lại phước ân,
Phạm thiên, Đế Thích, các thiên thần,
Nhờ làm phận sự đầy an lạc,
Vậy phải hoàn thành phận thế nhân.
Sau khi thuyết giảng Thập vương pháp cho vua xong, bậc Đại sĩ còn thuyết giảng thêm nhiều pháp nữa và dạy vua giữ Năm giới. Vua cuối đầu tín thọ lời thuyết giảng và sau khi cung kính từ tạ ra về, liền trở lại Ba-la-nại thực hành đại bố thí cùng nhiều công đức khác, rồi đi theo nghiệp của mình cùng với triều thần gia nhập hội chúng thiên giới. Còn Bồ-tát cùng với cha mẹ ngài đều đạt các Thắng trí và nhiều cấp độ Thiền chứng khác nhau, rồi đi lên cõi Phạm thiên.

*

Sau khi thuyết giảng xong, bậc Đạo Sư bảo:

- Này các Tỷ-kheo, người hiền phụng dưỡng cha mẹ là một phong tục tối cổ.

Rồi ngài tuyên thuyết các Sự Thật (sau đó vị Tỷ-kheo đắc quả Dự-Lưu) và nhận diện tiền thân:

- Vào thời ấy, vua là Ànanda (A-nan), nữ thần là Uppalavannà (Liên Hoa Sắc), Thiên chủ Sakka là Anuruddha (A-na-luật-đà), người cha là Kassapa (Ca-diếp), người mẹ là Bhaddakàpilàni và Sàma chính là Ta. -ooOoo-

Chương XXII Đại Phẩm (tiếp theo)

-ooOoo-

541. CHUYỆN ĐẠI VƯƠNG NIMI (Tiền thân Nimi)

Kìa tóc bạc trên đầu hiện ra...,

Câu chuyện này bậc Đạo Sư kể trong khi trú tại vườn xoài của vua Makhàdeva gần thành Mithilà, về một nụ cười.

Một buổi chiều nọ, bậc Đạo Sư cùng hội chúng đông đảo Tỷ- kheo đang dạo chơi trong vườn xoài, Ngài chợt thấy một nơi hợp ý Ngài. Vì muốn kể lại hành nghiệp của Ngài ở thời quá khứ, ngài liền để lộ một nụ cười trên khuôn mặt cho hội chúng chiêm ngưỡng. Khi Tôn giả Ànanda hỏi tại sao ngài mỉm cười, Ngài đáp:

- Này Ànanda, ở chỗ kia, ngày xưa Ta đã nhập Thiền định vào thời vua Makhàdeva.

Rồi theo lời thỉnh cầu của Tôn giả, đức Thế-tôn ngồi xuống nơi Tôn giả mời Ngài, và kể câu chuyện quá khứ.

*

Thuở xưa, ở quốc độ Videha, trong kinh thành Mithilà có một vị vua tên là Makhàdeva. Khi còn thanh xuân, vua hưởng dục lạc trong khoảng tám mươi bốn ngàn năm, kế đó

Ngài làm thái tử trong tám mươi bốn ngàn năm rồi Ngài lên làm vua trong tám mươi bốn ngàn năm nữa.

Lúc bấy giờ Ngài bảo người thợ hớt tóc phải báo cho ngài biết ngay khi gã thấy sợi tóc bạc đầu tiên trên đầu Ngài. Thời gian qua, khi người ấy thấy sợi tóc bạc liền tâu với vua, vua bảo gã lấy nhíp nhổ ra để lên tay Ngài, Ngài thấy như thể thần chết đang bám vào trán Ngài vậy. Ngài nghĩ thầm: "Bây giờ đã đến lúc ta phải rời thế tục". Vì thế Ngài cho phép người hớt tóc lựa chọn một làng theo ý gã, còn ngài cho triệu thái tử đến giao việc triều chính cho thái tử, vì là Ngài sẽ xuất gia.

- Tâu phụ vương, tại sao vậy? Thái tử hỏi.

Ngài đáp:

1. Kìa tóc bạc trên đầu hiện ra,
Cướp dần đời sống tháng năm qua,
Chúng là thiên sứ nhắc ta nhớ,
Nay đến thời ta phải xuất gia.
Cùng với những lời này, Ngài phong vương cho con theo nghi lễ quán đảnh (rảy nước thánh trên đầu), huấn dạy tân vương phép trị nước, rồi Ngài rời kinh thành, sống theo đời của một sa-môn.

Suốt tám mươi bốn ngàn năm ngài tu tập Tứ Vô lượng Tâm (bốn phạm trú: Từ, bi, hỷ, xả), rồi Ngài được sinh lên Phạm thiên giới.

Con của Ngài cũng theo gương cha, xuất thế và được sinh lên Phạm thiên giới. Các hoàng tử về sau cũng vậy, cứ lần lượt xuất gia bốn mươi tám ngàn vị thiếu hai. Khi thấy sợi tóc bạc đầu tiên xuất hiện, vị ấy liền ẩn cư trong vườn xoài, hành trì Tứ Vô lượng Tâm và được sinh lên Phạm thiên giới.

Là vị vua đầu tiên trong hoàng tộc được sinh cõi này, vua Makhàdeva đứng trên Phạm thiên giới nhìn xuống số phận của hoàng tộc, Ngài rất hoan hỷ khi thấy gần tám mươi bốn hoàng tửđã xuất gia. Ngài suy nghĩ: "Sẽ có Niết-bàn bây giờ hay không?" Ngài thấy là không thể cóđược, nên Ngài quyết định chính Ngài chứ không ai khác nữa phải kế tục sự nghiệp hoàng gia. Vì thế Ngài từ thiên giới xuống nhập mẫu thai hoàng hậu của vị vua thành Mithilà.

Vào ngày đặt tên, các nhà tiên tri nhìn các tướng mạo của hài nhi, đồng tâu:

- Tâu Đại vương, vương tử này ra đời để kế tục sự nghiệp hoàng gia. Sẽ không có vị nào trong hoàng tộc làm ẩn sĩ nữa.

Nghe vậy, vua bảo:

- Hài nhi này ra đời để nối nghiệp hoàng gia như thể chiếc vành bánh xe vậy.

Vì thế Ngài đặt tên con là: Nimi-kumàra hay vương tử A Luân.

Từ thuở ấu thơ, vương tử này đã chuyên tâm bố thí, làm công đức, giữ giới luật Bồ-tát. Khi vua cha theo lệ thường, trông thấy sợi tóc bạc đầu tiên, liền ban một ngôi làng cho

người hớt tóc, phong vương cho con rồi trở thành ẩn sĩ trong vườn xoài và được sinh lên Phạm thiên giới.

Còn vua Nimi chuyên tâm bố thí, nên đã lập năm bố thí đường tại bốn cổng thành và ngay chính giữa thành để thực hành đại bố thí. Trong mỗi bố thí đường, Ngài ban phát một trăm ngàn đồng tiền, thế là Ngài phát ra năm trăm ngàn đồng tiền mỗi ngày. Ngài thường xuyên giữ Ngũ giới, vào các ngày rằm Ngài giữ giới hạnh Bố-tát. Ngài khuyến khích dân chúng bố thí và làm công đức, Ngài chỉ dạy cho họ con đường đi lên thiên giới, khiến họ thấy kinh sợ thần chết. Rồi Ngài thuyết pháp cho họ nghe.

Dân chúng tin theo lời thuyết giảng của Ngài, bố thí, làm lành, nên khi từ trần đều lần lượt được sinh lên thiên giới, vì thế thiên giới trở nên đông đảo, còn địa ngục như thể trống vắng.

Lúc ấy ở cõi trời Ba mươi ba, chư Thiên đang tụ họp tại Thiện Pháp đường (Sudhammà) đồng thanh hô to:

- Hoan nghênh bậc sư trưởng của chúng ta, Đại vương Nimi vạn tuế! Chính nhờ Ngài hành thiện nghiệp, nhờ tri kiến Phật của Ngài mà chúng ta đã đạt được an lạc vô biên ở thiên giới này.

Như thế họ tán thán công đức của bậc Đại Sĩ. Ngay trong cõi nhân gian tiếng tán thán cũng lan tràn khắp nơi như dầu loang trên mặt biển cả.

*

Bậc Đạo Sư giải thích việc này cho hội chúng Tỷ-kheo qua các vần kệ sau:

2. Quả thật diệu kỳ ở thế gian,
Các hiền nhân đã được vinh thăng,
Vào thời minh chúa Ni-mi ấy,
Thánh giả, hiền nhân đã ngập tràn.
3. Vi-đề-ha, đại đế ngày xưa,
Bậc chiến thắng bao kẻ địch thù,
Trong lúc ngài thi hành bố thí,
Vẫn thường sinh khởi mối suy tư:
"Điều gì đem lại nhiều thành quả,
Bố thí? Tu hành? Ai bảo cho?
Lúc ấy cung của Sakka Thiên chủ (Đế Thích) bỗng nóng rực lên. Thiên chủ tìm hiểu lý do, thấy vua đang suy nghĩ như vậy, ngài nói:

- Ta sẽ giải quyết vấn đề này.

Rồi ngài ra đi, bỗng chốc đã biến hoàng cung thành một vùng sáng lòa, ngài bước vào điện sừng sững tỏa hào quang rực rỡ và theo lời thỉnh cầu của vua, Ngài làm sáng tỏ mọi sự.

*

Bậc Đạo Sư giải thích việc này như sau:

4. Đại đế chư thiên, đấng vạn năng,
Là ngài ngàn mắt [*] tỏa hào quang,
Nhận ra tư tưởng trong vua ấy,
Trước ánh sáng ngài, bóng tối tan.
[*] Sahassakkka: Sakka có ngàn mắt.

Đại đế Nimi tâu Thiên chủ Vàsava (tức Sakka), trong lúc toàn thân rợn thịt da:

5. Ngài là ai, có phải Thiên thần,
Hay chính Sak-ka Thiên chủ chăng?
Vì trẫm chưa từng nghe hoặc thấy,
Hào quang như vậy ở trên trần.
Sau đó Thiên chủ Vàsava nói với vua Nimi, vì biết vua đang rợn cả thịt da:

6. Ta chính Sak-ka Thiên chủ đây, Đến thăm ngài chính ở nơi này,

Hỏi điều ngài muốn, kìa Hoàng thượng, Chớ rợn thịt da sợ hãi vầy!

Rồi vua Nimi hỏi Thiên chủ Vàsava, khi nghe lời mời này:

7. Sak-ka Thiên chủ đấng toàn năng,
Giải quyết cho ta nỗi khó khăn:
Bố thí hay tu hành Thánh hạnh,
Việc gì đem kết quả nhiều hơn?
8. Rồi Và-sa lại bảo Ni-mi
Giải quyết cho vua chính vấn đề,
Nói quả tu hành đời Thánh hạnh,
Với nhà vua ấy vẫn vô tri:
9. Người sinh làm một Khat-ti-ya,
Kẻ sống đời thanh tịnh bậc ba,
Một vị Thiên thần vào bậc giữa,
Thánh hiền bậc nhất đạt tinh hoa.
10. Nhờ bố thí thôi khó đạt thành,
Như vầy những quả vị an lành,
Những gì bậc Thánh nhân xuất thế
Chứng đắc nhờ tu tập khổ hành.
Qua các vần kệ này, Ngài làm sáng tỏ thành quả vĩ đại của đời tu hành, rồi Ngài đọc các bài kệ khác, nêu tên các vị vua trong quá khứ đã không thể vượt qua Dục giới nhờ thực hành đại bố thí, đó là các vị vua:

11. Du-dì-pa, Sà-ga-ra, Se-la,
Mu-ca-lin-da, Bhagì-ra-sa,
U-sì-na-ra và At-tha-ka,

As-sa-ka và Pu-thuj-ja-na.
12. Các vua, giáo sĩ, Khat-ti-ya,
Và biết bao nhiêu kẻ đã qua,
Vì chỉ chuyên thi hành tế lễ,
Không ai vượt khỏi cảnh Pe-ta.
Sau khi giải thích thành quả của đời sống tu hành cao hơn hẳn thành quả của bố thí. Như vậy ngài nêu rõ những vị ẩn sĩ nhờ sống đời Thánh hạnh đã vượt qua thế giới Peta (ma quỷ) và được sinh lên Phạm thiên giới, rồi ngài nói:

13. Và đây bảy ẩn sĩ hiền nhân, Những vị đã siêu thoát cõi trần: Yà-ma-ha-nu, So-ma-yà-ga,

Ma-no-ja-va, Sa-mud-da,
Mà-gha, Bha-ra-ta, Kà-li-ka-ra.
Còn có bốn hiền nhân khác nữa:
Kas-sa-pa, An-gì-ra-sa,
A-kit-ti, Ki-sa-vac-cha,
Thảy đều lên cõi Phạm thiên thần.
Từ trước đến giờ ngài theo truyền thuyết mô tả thành quả vĩ đại của đời Thánh hạnh, bây giờ ngài tiếp tục tuyên bố những gì chính ngài đã thấy:

14. Sì-dà phương bắc, một trường giang,
Sâu thẳm, thuyền bè khó vượt ngang,
Quanh nó, giống như rừng lửa sậy,
Sáng ngời các dốc núi màu vàng.
15. Cát đẳng bao phủ ở quanh vùng,
Thơm ngát cây trên núi dưới sông,
Ở đó mười ngàn nhà ẩn sĩ.
Một thời đã trú ngụ tu thân.
16. Ta giữ lời nguyền của Thánh nhân,
Chuyên tâm tiết dục, tự điều thân,
Thực hành bố thí, đời đơn độc,
Chăm sóc tâm từng bước vững vàng.
17. Bất cứ ở trong đẳng cấp nào,
Phải tìm bậc Thánh để theo hầu,
Vì con người thảy đều ràng buộc,
Do chính mọi hành nghiệp bấy lâu.
18. Xa chánh đạo, tất phải đọa thân,
Vào miền địa ngục mọi giai tầng,
Mọi giai tầng trở thành thanh tịnh,
Nếu tạo thiện hành, sống chánh chân.
Sau đó ngài bảo:

- Tuy nhiên, này Đại vương, mặc dù đời tu hành đạt kết quả cao hơn bố thí nhiều, các bậc đại nhân đều phải lưu tâm đến cả hai việc này: Bố thí và giữ giới hạnh.

Với lời nhủ này, Thiên chủ trở về cảnh giới của ngài.

Lúc ấy hội chúng chư Thiên giới liền hỏi ngài:

- Tâu Thiên chủ, lâu nay chúng con không được yết kiến Thiên chủ, chẳng hay ngài ở đâu vậy?

- Này các hiền giả, vua Nimi ở thành Mithilà đang có mối hoài nghi trong lòng nên ta phải đi giải quyết vấn đề để vua khỏi nghi ngờ nữa.

Rồi ngài tả sự việc qua các vần kệ:

19. Này chư Thiên hãy lắng nghe ta,
Tất cả đây tề tựu nảy giờ:
Các bậc chánh nhân đều khác hẳn,
Cả về đẳng cấp lẫn tài hoa.
20. Ni-mi chúa tể ở phàm trần,
Là bậc trí hiền đức, chánh chân,
Vua nước Vi-đề, chuyên bố thí,
Là người chiến thắng các cừu nhân.
21. Trong lúc ngài ban phát rộng tay,
Khởi sinh trong trí mối nghi này:
"Điều gì kết quả nhiều hơn hẳn,
Bố thí? Tu hành? Ai có hay?".
Sau đó Ngài kể các đức tính của vua, không sót điều gì khiến chư Thiên mong ước được gặp vua, liền nói:

- Tâu Thiên chủ, vua Nimi là bậc sư trưởng của chúng con, nhờ lời dạy bảo của Ngài, cùng các phương tiện của Ngài, chúng con đã đạt được niềm an lạc trên Thiên giới. Chúng con ao ướcđược gặp Ngài. Vậy xin Thiên chủ hãy cho mời Ngài đến để chúng con được bái yết Ngài.

Thiên chủ Sakka chấp thuận, truyền gọi thần Màtali đến:

- Này hiền hữu, hãy buộc ngựa vào xa giá của ta, rồi xuống kinh thành Mithilà, rước vua Nimi lên thiên xa và đem Ngài về đây.

Thần Màtali vâng lệnh ra đi. Trong khi Thiên chủ Sakka đàm đạo với chư Thiên và ra lệnh cho Màtali đem xe xuống trần, tính ra đã một tháng trôi qua hạ giới.

Lúc đó đúng ngày trai giới trăng tròn, vua Nimi mở cửa sổ hướng đông ra, ngồi trên lầu, các triều thần vây quanh, suy ngẫm đến công hạnh của mình. Vừa lúc trăng lên ở hướng đông thì thiên xa xuất hiện. Dân chúng đã ăn cơm tối xong, đang cùng nhau trò chuyện thong dong trước cửa:

- Ô kìa! Sao hôm nay, lại có đến hai vầng trăng thế? Họ kêu lên.

Trong lúc họ đang bàn tán thì chiếc xe lộ rõ dần:

- Ồ không phải vầng trăng, mà là chiếc xe ngựa.

Lúc đó đoàn tuấn mã cả ngàn con của thần Màtali cùng xe của Thiên chủ Sakka xuất hiện, dân chúng tự hỏi: "Xe này dành cho ai đây? Phải rồi, vị vua của họ thật anh minh, chắc Thiên chủ Sakka dành xe này cho vị vua của họ rồi, chắc Thiên chủ muốn gặp vua".

Vì thế họ hoan hỷ reo hò:

22. Một việc diệu kỳ ở thế gian,
Làm ta rợn gáy bởi hân hoan:
Vì Vi-đề Đại vương vinh hiển,
Nên chiếc thiên xa xuống cõi phàm.
Trong lúc dân chúng đang bàn tán mải mê như vậy thì nhanh như gió, Màtali quay xe lại, dừng xe bên song cửa hoàng cung, mời vua lên xe.

*

Bậc Đạo Sư giải thích việc này như sau:

23. Mà-ta-li, đại-lực Thiên thần,
Điều ngự thiên xa của Ngọc hoàng,
Đến thỉnh Vi-đề-ha Chúa tể,
Ở Mi-thi điện: "Tấu minh quân,
Chúa công dưới thế, lên xa giá,
Thiên chủ In-dra với các thần,
Ở cõi Băm ba, cung Thiện pháp,
Đang chờ để yết kiến tôn nhan".
*

Vua suy nghĩ: "Ta sắp viếng cõi trời mà ta chưa từng biết, vậy ta phải tỏ lòng tri ân đối với thần Màtali". Thế rồi ngài bảo các cung phi cùng thần dân:

- Chẳng bao lâu ta sẽ trở về trần thế, vậy các người phải chuyên tâm làm việc thiện và bố thí.

Rồi Ngài lên xe.

*

Bậc Đạo Sư giải thích việc này như sau:

24. Khi ấy Vi-đề-ha Đại quân,
Vội vàng tiến đến chiếc xe thần,
Bước vào, khi Đại vương an tọa,

Thần lái thiên xa lại hỏi rằng:
- Thánh chúa, đường nào ngài muốn chọn,
Nơi người ác ở hoặc hiền nhân?
*

Nghe nói vậy, vua liền nghĩ: "Cả hai chốn này ta đều chưa hề thấy bao giờ cả, vậy ta muốn xem cả hai". Ngài đáp lại:

25. Mà-ta-li, hỡi quản xa thần,
Hai chỗ, ta đều muốn ngắm trông,
Nơi chốn bậc hiền nhân trú ngụ,
Và nơi kẻ ác đọa đày thân.
Màtali suy nghĩ: "Không thể đi xem cả hai nơi cùng một lúc được, vậy ta phải hỏi lại vua xem sao". Rồi thần ngâm kệ:

26. Chỗ nào đi trước, Đại minh quân,
Nơi trước tiên ngài muốn ngắm trông,
Nơi chốn bậc hiền nhân trú ngụ,
Hay nơi kẻ ác đọa đày thân?
Vua suy nghĩ thế nào ngài cũng sẽ lên Thiên giới và ngài lại ước mong thấy địa ngục, nên ngài ngâm kệ:

27. Ta muốn xem nơi của tội nhân,
Hãy đưa ta đến ngục sau cùng,
Nơi người đã phạm hành vi ác,
Nơi kẻ ác nay đang trú thân.
Lúc ấy Màtali chỉ cho vua thấy dòng sông ở địa ngục, tên gọi Vetarani.

*

Bậc Đạo Sư giải thích việc này:

28. Thần lái thiên xa chỉ chúa công,
Dòng sông hôi thối Ve-ta-ran,
Chứa đầy chất nước đang thiêu hủy,
Nóng bỏng, phủ toàn lửa cháy bừng.
Vua kinh hoàng khi nhìn thấy những tội nhân bị hành hạ đau đớn trong dòng sông Vetarani, ngài liền hỏi Màtali họ đã mắc những tội gì, Màtali liền kể lại:

*

Bậc Đạo Sư giải thích việc này như sau:

29. Vua Ni-mi thấy tội nhân sa xuống, Dòng sông sâu, liền hỏi Mà-ta-li : "Ta kinh hoàng thấy cảnh tượng đằng kia,

Những kẻ này phạm tội gì, xin nói, Mà ngày nay bị sa vào sông thối?".

30. Thần đáp, nêu tội chín, quả liền sinh:
- Ai trong đời ỷ sức mạnh riêng mình,
Lại ức hiếp kẻ nghèo hèn, yếu đuối,
Kẻ ác kia đã gây bao tội lỗi,
Bị thả vào dòng nước Ve-ta-ran.
Màtali đáp lời vua như vậy. Khi vua đã thấy địa ngục Vetarani rồi, Màtali liền làm cho cảnh này biến mất, rồi lái xe đến xem nơi tội nhân bị các loài chó và ác thú khác xâu xé. Thần Màtali đáp lời vua hỏi như sau.

*

Bậc Đạo Sư giải thích việc này :

31. Bầy chó đen, đàn kên kên cùng quạ,
Đang đợi mồi kinh khủng, lúc ta trông,
Mà-ta-li, ta kinh hãi trong lòng,
Tội lỗi gì họ gây ra, xin nói,
Quạ rình ai? Mà-ta-li đáp lại:
32. Nếu tội chín muồi và quả phải mang;
- Những kẻ xan tham, sân hận, nói sàm,
Làm tổn hại Bà-la-môn, ẩn sĩ,
Những kẻ ác đã gây bao tội thế,
Nay làm mồi cho diều quạ, ngài xem!
*

Những câu hỏi khác của vua cũng đều được thần Màtali đáp lại tương tự như trên.

33. Mình rực lửa khi họ nằm phủ phục,
Đống than hồng vùi dập, lúc ta trông,
Mà-ta-li, ta hoảng sợ trong lòng.
Tội lỗi gì các kẻ này phạm phải,
Thần quản xa, nói cho ta biết với,
Nay nằm vùi dập dưới đống than hồng?
34. Mà-ta-li, thần điều ngự, tỏ tường,
Nêu tội lỗi chín muồi mang kết quả:
- Những kẻ này trên đời đầy gian trá
Hành hạ người vô tội, tạo đau thương,
Cả nữ nhi cùng với bọn nam nhân,
Những kẻ ác đã gây tạo tội lỗi,
Nay nằm vùi dưới đống than đỏ ối.
35. Những người kia nằm hố than vật vã,
Gầm thét lên, thân cháy. Lúc ta trông,
Mà-ta-li, ta hoảng sợ trong lòng,

Bọn này phạm tội gì, cho ta rõ,
Ai nằm vẫy vùng trong hầm lửa đỏ?
36. Mà-ta-li, thần điều ngự, đáp lời,
Nêu quả mang khi tội đã chín muồi:
- Những người trước đám đông dân chúng,
Làm chứng nhân sai, nợ nần lật lọng,
Làm hại người như vậy, tấu Anh quân,
Những ác nhân này phạm tội bất nhân,
Nay nằm đó vẫy vùng trong hố lửa.
37. Khói lửa rực trời một hầm than đỏ,
Ta thấy kìa chảo sắt lớn gớm ghê,
Khi ta nhìn, lòng sợ hãi tràn trề,
Mà-ta-li, nói cho ta biết với,
Tội lỗi gì các kẻ này mắc phải,
Nay bị thả vào chảo sắt khổng lồ?
38. Mà-ta-li, thần điều ngự, đáp vua:
Nêu tội lỗi chín muồi mang kết quả:
- Kẻ làm hại Bà-la-môn, hiền giả,
Kẻ xấu xa làm hại các thiện nhân,
Những ác nhân mang ác nghiệp vào thân,
Nay phải chịu rơi đầu vào chảo sắt.
39. Cổ bị tóm thả vào trong chảo sắt,
Đầy nước sôi sùng sục thật kinh hồn,
Mà-ta-li, ta sợ hãi từng cơn,
Tội lỗi nào những kẻ này mắc phải,
Giờ đây đầu nát tan nằm chịu tội?
40. Mà-ta-li, thần điều ngự, đáp vua :
Nêu tội chín muồi nên quả sinh ra;
- Đó là những ác nhân trên hạ giới,
Bắt chim muông, rồi lại còn sát hại,
Và sát sinh như vậy, hỡi Quân vương,
Do ác hành gây tội lỗi đau thương,
Nay nằm đó với cổ đầu siết chặt.
41. Dòng sông kia sâu thẳm, bờ nông cạn, Dễ đi qua bờ bên ấy, thế nhân, Nóng như thiêu, liền uống, nhưng vừa dùng,

Nước thành trấu lửa, khi ta nhìn thấy,
Mà-ta-li, lòng ta đầy kinh hãi,
Nói cho ta, tội lỗi của thế nhân,
Sao uống vào, nước hóa trấu cháy bừng?

42. Mà-ta-li, thần quản xa, đáp lại,
Nêu tội chín muồi và nay mang trái:
- Đây những người trộn gạo với trấu tro,
Đem bán gian cho những kẻ đi mua,
Nên giờ phải chịu khát thiêu cổ họng,
Nhưng uống vào, nước hóa ra trấu nóng.
43. Bao gươm giáo cung tên đâm xuyên thủng,
Hai bên sườn những kẻ nọ thét gào,
Mà-ta-li,ta kinh hãi, nói mau,
Tội lỗi gì các kẻ kia đã tạo,
Nên ngày nay chịu biết bao gươm giáo,
Phải nằm kia hứng lấy mọi cung tên?
44. Mà-ta-li, thần điều ngự, đáp liền,
Tả tội chín muồi và nay mang quả;
- Kìa những thế nhân lòng đầy gian trá,
Đã lấy của người để sống giàu sang,
Trâu, dê, cừu, ngựa, thóc, lúa, bạc, vàng,
Những ác nhân này gieo trồng tội báo,
Nên giờ đây nằm hứng bao gươm giáo.
45. Những kẻ này bị cột cổ là ai,
Kẻ xé thịt, người chặt xương từng mảng,
Mà-ta-li, lòng ta đầy kinh hoảng,
Nói cho ta tội tạo bởi chúng sinh,
Đang nằm kia thân bị xé tan tành?
46. Mà-ta-li, thần quản xa, đáp lại,
N êu tội chín muồi và nay mang trái:
- Dân chài, hàng thịt, săn bắn hươu nai,
Kẻ giết trâu dê đem bán ở đời,
Những ác nhân đã gây bao tội ác,
Nay nằm kia với tấm thân tan nát.
47. Hồ hôi đầy phân bẩn ở đằng kia,
Mùi thối xông lên, bao người chết đói,
Ăn đồ dơ! Lòng ta đầy kinh hãi,
Khi ta nhìn, hãy nói, Mà-ta-li,
Các thế nhân kia mắc tội lỗi gì,
Nay ta thấy ăn toàn đồ dơ thối?
48. Mà-ta-li, thần quản xa, đáp lại,
Nếu tội chín muồi nay quả phải mang:
- Những kẻ tinh ma ích kỷ hại nhân,

Sống với bạn mà đem lòng hại bạn,
Những ác nhân này đã gây nghiệp chướng,
Nay ăn đồ dơ bẩn tội tình thay.
49. Hồ đằng kia đầy máu đỏ hôi tanh,
Mùi thối xông lên, kìa đám sinh linh,
Khát thiêu họng, uống vào! Ta kinh hãi,
Khi ta nhìn, Mà-ta-li, hãy nói
Bọn người kia đã tạo lỗi lầm gì,
Nên bây giờ phải uống dòng máu kia?
50. Mà-ta-li, thần quản xa, đáp lại,
Nêu tội chín muồi và nay mang trái:
- Những kẻ này đã giết mẹ hoặc cha,
Chúng phải tôn sùng, tội ngỗ nghịch mà,
Bọn ác này đã tạo ra trọng tội,
Chúng đang uống đằng kia dòng máu thối.
51. Kìa lưỡi xuyên ngang bằng cái móc câu,
Như trăm mũi gai trên gỗ cắm vào,
Ai vẫy vùng như cá nằm trên cạn?
Khi thấy người đang thét gào lảm nhảm,
Ta kinh hoàng, hãy nói, Mà-ta-li,
Tội lỗi gì phạm bởi đám người kia,
Nay nằm đó nuốt móc câu như vậy?
52. Mà-ta-li, thần lái xe, đáp lại,
Nêu tội chín muồi và quả phải mang:
- Những thế nhân kia buôn bán chợ hàng,
Tranh giành mua rẻ vì tham tư lợi,
Tưởng đâu che được bao trò gian dối,
Như người câu cá. Nhưng kẻ dối đời,
Phải lâm nguy, bởi nghiệp cũ theo hoài,
Bọn gian ác này đã gây tội ấy,
Đang nằm kia, nuốt móc câu như vậy.
53. Những nữ nhân, tơi tả, đứng giơ tay,
Gào thét lên, khốn khổ, máu bôi đầy,
Như thú trong lò. Thân vùi đến ngực,
Còn nửa người trên lửa thiêu rừng rực!
Ta kinh hoàng cho biết, Mà-ta-li,
Đám nữ nhân kia phạm tội ác gì,
Nay phải đứng chôn vùi trên mặt đất, Nửa người trên lửa đang thiêu hừng hực, Phần nằm sâu dưới đất đến nửa người?

54. Mà-ta-li, khi ấy vội đáp lời,
Nêu tội chín muồi và nay mang trái:
- Những kẻ kia cao sang trên thế giới,
Đời sống dâm ô, gây nghiệp bất nhân,
Phản bội, trốn chồng làm việc vô luân,
Để thoả mãn những tấm lòng tham dục,
Họ phung phí cuộc đời trong trụy lạc;
Giờ đây mình rực lửa đứng chôn thân.
55. Sao những kẻ kia bị người lôi cẳng,
Và thả vào dòng nước Na-ra-ka?
Lòng kinh hoàng, Mà-ta-li, nói ra,
Tội lỗi gì những thế nhân tạo vậy,
Nên ngày nay trôi vào dòng sông ấy?
56. Mà-ta-li, thần điều ngự, đáp lời,
Nêu nghiệp nhân mang quả đã chín muồi:
- Những kẻ kia trên thế gian độc ác,
Trộm báu vật, tư thông vợ người khác,
Nên giờ đây bị thả xuống dòng sông,
Chịu khổ hình trong địa ngục muôn năm,
Không an lạc cho người gây tội lỗi,
Vì nó luôn bị nghiệp mình theo dõi.
Những ác nhân này gây tạo lỗi lầm,
Nên ngày nay bị thả xuống dòng sông.
Nói xong, Màtali làm cho cảnh địa ngục biến mất rồi tiếp tục lái xe tiến lên, chỉ cho vua xemđịa ngục hành hình kẻ theo tà giáo. Theo lời vua yêu cầu, thần Màtali giải thích:

57. Ta chứng kiến bao nghiệp nhân gây quả,
Thật kinh hoàng trong địa ngục, khi trồng,
Mà-ta-li, ta sợ hãi trong lòng,
Tội lỗi gì những thế nhân phạm phải,
Nên ngày nay bị trầm luân khổ ải,
Rất đau thương, thống thiết, khó vượt qua?
58. Mà-ta-li, thần điều ngự, đáp vua,
Nêu tội chín muồi và nay mang trái:
Bọn ác tà kiến kia trên thế giới,
Đặt lòng tin vào vọng tưởng hư danh,
Buộc tha nhân phải tín ngưỡng theo mình.
Vì tà kiến đã gây bao tội lỗi,
Nên ngày nay phải chịu bao khổ ải, Rất đau thương, thống thiết, khó vượt qua.

Bấy giờ trên thiên giới, chư Thiên đang tụ tập tại Sudhamma (Thiện pháp đường) chờ đợi nhà vua đến. Thiên chủ Sakka nghĩ thầm: "Màtali đã đi lâu lắm rồi" và khi xét thấy lý do, ngài bảo:

Màtali đang đi vòng quanh làm vị hướng dẫn, chỉ các cảnh giới địa ngục cho nhà vua xem và giải thích các tội lỗi đã đưa đường đến mỗi địa ngục ấy.

Rồi cho gọi một vị Thiên đồng trẻ tuổi nhanh nhẹn, ngài bảo vị này:

- Hãy đi bảo Màtali mang nhà vua đến đây ngay. Vị ấy đang tiêu phí hết cuộc đời của nhà vuađấy, không nên đi quanh các địa ngục quá lâu như vậy.

Lập tức vị Thiên đồng ra đi, truyền lệnh của Thiên chủ cho Màtali. Nghe xong Màtali đáp:

- Chúng tôi không dám chậm trễ nữa.

Rồi trong một thoáng nhanh như chớp, thần chỉ tất cả mọi cảnh giới địa ngục rộng lớn cho vua xem khắp bốn phương và ngâm kệ sau:

59. Giờ Đại vương đã chứng kiến nhiều nơi,
Của thế nhân mắc tội lỗi trên đời,
Nên đọa đày và đây Minh quân hỡi,
Nhanh lên thăm Đại đế của cõi trời.

Nói xong thần quay xe lên thiên giới. Khi ấy vua thấy trên không tòa lâu đài của một thiên nữ, tên là Bìrani, với các đỉnh tháp đầy ngọc vàng, được trang hoàng thật lộng lẫy, có hoa viên và hồ hoa sen súng cùng những cây quý bao quanh xứng đáng với cảnh đẹp ấy. Thiên nữ này ngồi trên đó tọa sàng trong căn phòng có đỉnh tháp hướng ra phía trước và được cả ngàn tiên nữ hầu hạ chung quanh, bà đang nhìn ra cửa sổ. Vua liền hỏi Màtali nữ thần ấy là ai và Màtali giải thích như sau:

60. Ngắm lâu đài kia với năm đỉnh tháp,
Đầy tràn hoa tô điểm, ngự tọa sàng,
Một nữ thần thật diễm lệ huy hoàng,
Muôn vẻ uy nghi, muôn phần kỳ lực,
Mà-ta-li, lòng ta vui náo nức,
Nói ta nghe những thiện nghiệp của nàng,
Khiến nàng nay hạnh phúc ở thiên đàng.
61. Mà-ta-li, thần quản xa, đáp lại :
Nêu thiện nghiệp chín muồi nay mang trái:
Ngài nghe chăng ở xứ Bì-ra-ni,
Một Bà-la-môn có một nô tỳ,
Tiếp một khách đúng thời, lòng niềm nở
Như mẹ đón con mình, nên từ đó,
Cao sang, trong sạch, sống hưởng lâu đài.

Nói xong, Màtali lái xe tiến lên và chỉ vua xem bảy lâu đài bằng vàng của Thiên thần Sonadanna. Vua thấy cảnh tượng huy hoàng của Thiên thần này, liền xin Màtali giải thích:

62. Kia bảy lâu đài sáng ngời chói lọi,
Một thiên nhân đang ngự trị huy hoàng,
Cùng các vợ tiên trú ngự thiên đường.
Ta hoan hỷ nhìn, Mà-ta-li hỡi,
Thiện nghiệp nào thế nhân kia vun xới,
Mà bây giờ lạc trú cảnh thiên đình?
63. Mà-ta-li, thần điều ngự, lại trình,
Tuyên thiện nghiệp chín muồi và mang quả:
- So-na-din-na trước làm vua đã,
Đem cúng dường với đại lượng quân vương,
Bảy am tu cùng tất cả đồ dùng,
Cung cấp đủ tâm thành và vật thực:
Sàng tọa, đèn, hương, cùng nhiều y phục,
Hoan hỷ, tam hòa với các chánh nhân,
Ngài giữ ngày trai giới, mỗi hai tuần:
Mồng tám, mười tư, ngày rằm trăng sáng,
Thanh tịnh bước đường, điều thân, độ lượng,
Nên bây giờ tận hưởng lạc thiên cung.
Màtali kể rõ các thiện nghiệp của vua Sonadinna xong, liền lái xe tiến tới nữa. Rồi thần lại chỉ một lâu đài bằng pha lê, cao ngất đến hai mươi lăm dặm, có hàng trăm cột trụ làm bằng thất bảo, hằng trăm đỉnh tháp, rải rác các rèm treo và chuông nhỏ. Một chiếc cờ bằng bạc và vàngđang phất phới, cạnh đó là một công viên đầy hoa lá tốt tươi, một hồ thả hoa súng xinh xinh, các nữ thần yêu kiều ca hát muôn điệu nhạc. Khi vua thấy cảnh này liền hỏi các nữ thần này đã tạo những thiện nghiệp gì, Màtali đáp:

64. Kìa cung pha lê sáng ngời, rực rỡ,
Các đỉnh cao chất ngất đến tầng mây,
Thức uống, đồ ăn la liệt đủ đầy,
Thiên nữ kỳ tài cả đoàn tuyệt sắc,
Đang trình diễn múa ca cùng tiếng hát.
Ta hân hoan, hãy nói, Màtali,
Các nữ nhân này đã tạo nghiệp gì,
Nay an trú lâu đài đầy hoan lạc?
65. Mà-ta-li, thần quản xa, liền đáp,
Tả những thiện duyên mang lại quả lành;
- Các nữ nhân này Thánh hạnh tu hành,
Tín nữ tại gia giữ ngày Bố-tát,

Rộng lượng, điều thân, tịnh tâm, tịnh giác,
Nên giờ đây hạnh phúc ở Thiên cung,
Mà Đại vương đã tận mắt ngắm trông.
Rồi thần lái xe tiến lên, chỉ một lâu đài bằng ngọc bích, sừng sững trên một nơi bằng phẳng, hùng vĩ như ngọn núi ngọc bích sáng ngời, các Thiên tử đang nô đùa ca hát khúc nhạc thiên đường. Thấy cảnh này, vua liền hỏi về các thiện nghiệp của các Thiên tử này và vị kia đáp lại:

66. Lâu đài ngọc kia tỏa đầy ánh sáng,
Cảnh nguy nga, tráng lệ, thật huy hoàng,
Nhạc du dương đang trổi khúc thiên đường,
Đàn ca trống âm vang theo vũ khúc,
Ta chưa từng nhìn cảnh nào ngoạn mục,
Âm thanh kia êm dịu chẳng hề nghe,
Lòng hân hoan, hãy nói, Mà-ta-li,
Nghiệp lành nào những vị này tạo tác,
Nay hạnh phúc trong thiên cung hoan lạc?
67. Mà-ta-li, thần điều ngự, đáp lời,
Nêu thiện duyên nay đem quả chín muồi:
- Đây các vị tại gia trong đời trước,
Bố thí nhiều vườn cây và giếng nước,
Kéo nước và thành tín cúng Thánh nhân:
Y phục, thức ăn, tọa cụ, vật cần,
Lòng hoan hỷ cùng chân nhân chính trực,
Cứ mỗi hai tuần giữ ngày Bố-tát:
Mùng tám, mười tư cùng với ngày rằm,
Rộng lượng, điều thân, theo bước Thánh nhân,
Nay an trú trong lâu đài hoan lạc.
Như vậy, khi đã nêu các thiện nghiệp của các vị Thiên thần kia, Màtali liền lái xe đến một lâu đài pha lê khác, với nhiều đỉnh tháp, hoa thơm cỏ lạ và cây xinh đẹp mọc khắp nơi, vang dội muôn tiếng chim ca, bên cạnh một dòng sông trong vắt. Đó là nơi cư ngụ của một thiện nhân, có cả một đoàn tiên nữ hầu hạ quanh mình. Thấy cảnh tượng này, nhà vua lại hỏi Màtali về các nghiệp quả của vị ấy và được giải thích như sau:

68. Kìa cung pha lê chói ngời ánh sáng,
Các đỉnh cao chất ngất đến từng mây,
Thức uống đồ ăn la liệt, cả bầy,
Thiên nữ diễm kiều đủ tài múa hát;
Bao hoa lá viền đôi bờ sông mát.
Ta hân hoan, hãy nói, Mà-ta-li,
Nam nhân này đã tạo nghiệp lành gì?

Nay thọ hưởng lâu đài đầy thiên lạc?
69. Mà-ta-li, thần lái xe, liền đáp,
Nêu nghiệp lành, nay quả tốt sinh ra:
- Một chủ nhà ở tại Kim-bi-là,
Hào phóng cúng các vườn cây, giếng nước,
Kéo nước dâng Thánh nhân lòng thành thực:
Y phục, thức ăn, tọa cụ, vật cần,
Lòng hân hoan cùng các bậc chánh nhân,
Ngày Bố-tát giữ hai lần nửa tháng:
Mùng tám, mười tư, ngày rằm trăng sáng,
Điều thân, rộng lượng, theo bước Thánh hành,
Nay trú an trong lạc thú thiên đình.
Như vậy, sau khi tả nghiệp lành của Thiện nhân này xong, thần lái xe đi nữa, rồi thần chỉ cho vua một lâu đài pha lê khác: Lâu đài này lại còn nhiều cỏ cây hoa trái muôn màu bao quanh hơn các lâu đài trước nữa. Thấy vậy vua liền hỏi các thiện nghiệp của vị Thiên thần đầy diễm phúc kia và Màtali liền đáp:

70. Kìa ngọc cung đang tỏa đầy ánh sáng,
Các đỉnh cao chất ngất đến từng mây,
Thức uống đồ ăn bày la liệt, cả bầy,
Thiện nữ diễm kiều đủ tài múa hát,
Bao hoa lá viền đôi bờ sông mát:
Sà-la, xoài, tượng, vương giả cây cao,
Pi-yal, tin-duk, đào đỏ ngọt ngào,
Vườn cây trái mọi nơi sinh quả quý.
Mà-ta-li, nói đi, ta hoan hỷ,
Thiên nhân này đã tạo nghiệp lành gì,
Nay hưởng lâu đài thiên lạc tràn trề?
71. Mà-ta-li, thần lái xe, đáp lại,
Nêu thiện nghiệp chín muồi và mang trái:
- Một chủ nhà ở tại Mi-thi-là,
Hào phóng, đem cho giếng nước, vườn hoa,
Kéo nước, cúng Thánh nhân, lòng ngưỡng mộ:
Y phục, thức uống ăn và tọa cụ,
Mọi nhu cầu, hòa hợp với chánh nhân,
Người giữ ngày trai giới mỗi hai tuần,
Mồng tám, mười tư, ngày rằm trăng sáng,
Thanh tịnh bước đường, điều thân, độ lượng,
Nên giờ đây an trú lạc thiên cung.

Tả xong thiện nghiệp của vị này như vậy, thần tiếp tục lái xe đi đến một lâu đài bằng ngọc, giống lâu đài đầu tiên, và vua lại yêu cầu thần kể các hành nghiệp của vị Thiên thần đang hưởng lạc tại đây:

72. Kìa ngọc cung đang chiếu đầy ánh sáng,
Cảnh nguy nga tráng lệ thật huy hoàng,
Nhạc du dương đang trổi khúc thiên đường,
Đàn ca trống âm vang theo vũ khúc,
Ta chưa từng thấy cảnh nào ngoạn mục,
Âm thanh êm dịu quá chẳng hề nghe.
Lòng hân hoan, hãy nói, Mà-ta-li, Các nghiệp lành những vị này tạo tác, Nay hạnh phúc trong thiên cung hoan lạc?

73. Mà-ta-li, thần điều ngự, đáp lời,
Nêu thiện duyên nay mang quả chín muồi:
- Một vị tại gia ở thành Bê-na-rét,
Bố thí nhiều vườn cây cùng giếng nước,
Kéo nước và dâng cúng Thánh nhân:
Y phục, thức ăn, tọa cụ, vật cần,
Lòng hòa hợp cùng thiện nhân chánh trực,
Mỗi tháng hai lần giữ ngày Bố-tát,
Mồng tám, mười tư, cùng với ngày rằm,
Rộng lượng, điều thân, theo bước Thánh nhân,
Nay an trú trong lâu đài an lạc.
Vừa lái thiên xa tiến lên, thần vừa chỉ một lâu đài bằng vàng, như mặt trời đang tỏa ánh sáng và theo lời thỉnh cầu của nhà vua, thần kể các thiện nghiệp của vị Thiên nhân đang an trú ở đấy:

74. Ngắm lâu đài kia sáng ngời ánh lửa,
Đỏ như mặt trời đang lúc lên cao,
Mà-ta-li, long hoan hỷ, nói mau,
Thiện nghiệp gì thế nhân này vun xới,
Nay an trú hưởng lâu đài trên thiên giới?
75. Mà-ta-li, thần điều ngự, đáp lời,
Nêu thiện duyên nay mang quả chín muồi:
- Một chủ nhà xưa ở thành Xá-vệ,
Giếng nước, vườn cây, rộng lòng bố thí,
Kéo nước, dâng các Thánh với tín tâm:
Thức uống ăn và y phục, tọa sàng,
Vật cần thiết, tâm hòa người chánh trực,
Mỗi tháng hai lần giữ ngày Bố- tát,
Mùng tám, mười tư, cùng với ngày rằm,

Rộng lượng, điều thân, theo bước Thánh nhân,
Nay an trú lâu đài đầy hoan lạc.

Trong khi thần Màtali tả cảnh tám lâu đài này, Sakka Thiên chủ, Đại đế của chư Thiên, tưởng rằng Màtali còn lâu lắm mới trở về, nên đã phái một Thiên tử nhanh chân khác đi đưa tin triệu hồi. Màtali nghe lệnh, thấy không thể nào trì hoãn được nữa, liền trong một thoáng nhanh như chớp, thần chỉ một lượt nhiều lâu đài và nêu cho vua thấy những thiện nghiệp của các Thiên nhân ở trong đó:

76. Nhìn những lâu đài rực sáng trên không, Như tia chớp xuyên qua đám mây hồng. Lòng hoan hỷ, Mà-ta-li, hãy nói,

Thiện nghiệp gì các vị này vun xới, Nên bây giờ an hưởng cảnh thiên đường?

77. Mà-ta-li đáp lại đấng quân vương,
Nêu thiện nghiệp chín muồi và mang quả:
- Sống hướng thiện, tín thành và thức giả,
Thi hành những lời dạy của Đạo Sư,
Nhờ sống như Phật Đại Giác dạy cho,
Nay lên các thiên cung ngài đang ngắm!

Sau khi đã chỉ cho nhà vua các lâu đài trên không, thần lên đường trở về yết kiến Sakka Thiên chủ với những lời này:

78. Ngài đã thấy cảnh người lành, kẻ dữ, Giờ ta mau bái yết đấng Thiên hoàng.

Nói xong, thần tiếp tục lái xe đi và chỉ cho nhà vua xem bảy ngọn đồi bao quanh núi Sineru (Tu-di) làm thành một vòng tròn, rồi để giải thích cách vua hỏi Màtali khi thấy cảnh này, bậc Đạo Sư nói:

79. Khi Đại vương du hành lên thiên giới,
Ngự thiện xa ngàn thiên mã kéo đi
Thấy những đỉnh non cao ngất đằng kia,
Trên biển cả Si-dà, ngài liền hỏi:
- Núi đồi này là gì xin hãy nói,
Nghe vua Nimi hỏi, thần Màtali đáp:
80. Núi hùng vĩ Sudassara, Karavìka,
Ìsadhara, Yugandhaka,
Nemindhara, Yinatara Assakanna,
Những đồi này ở Sìdantara,
Theo lớp hàng đồi núi đứng gần xa,
Cao sừng sững giữa không gian chất ngất,
Mà Đại vương đang ngắm nhìn tận mắt.

Rồi thần chỉ thiên giới của Tứ đại Thiên vương và tiếp tục đi cho đến lúc thấy các tượng thần Indra đứng sừng sững quanh Đại Thiên môn Cittakùta ở cõi trời Ba mươi ba.

Thấy cảnh tượng này, vua liền hỏi và Màtali đáp lại:

81. Cảnh đẹp tinh vi, tráng lệ, huy hoàng,
Tượng thần Indra sừng sững thiên môn,
Như thần hổ đứng canh, ta nhìn kỹ,
Mà-ta-li, lòng ta đầy hoan hỷ,
Nói cho ta tên cảnh đẹp tuyệt vời.
82. Mà-ta-li, thần điều ngự, đáp lời, Nêu thiện nghiệp chín muồi nay mang trái:

- Ci-ta-kù-ta, nơi ngài chiêm bái,
Cổng đi vào cung Đại đế Thiên hoàng,
Đây Đại môn quan của ngọn Mỹ Sơn,
Diễm lệ, huy hoàng, bao quanh sừng sững,
Với tượng Indra như bầy hổ đứng.
Mời Hiền vương vào chốn thanh tịnh này.
Nói xong Màtali dẫn vua vào trong, và việc ấy được tả lại như sau:

83.Khi Đại vương ngự giá chiếc thiên xa, Được cả ngàn tuấn mã kéo đi qua, Nhà vua ngắm nơi chư Thiên hội họp.

Trong khi Ngài đi ngang qua, ngắm nơi chư Thiên hội họp tại Thiện pháp đường Sudhammà, Ngài liền hỏi và Màtali đáp lại:

84. Như mùa thu, trời cả một màu xanh,
Tòa lâu đài ngọc bích hiện nguyên hình,
Lòng hoan hỷ, Mà-ta-li, hãy nói,
Tên lâu đài mà ta đang chiêm bái?
85. Mà-ta-li, thần điều ngự, đáp lời,
Nêu thiện duyên đem quả tốt chín muồi:
- Đây Thiện pháp đường chư Thiên tụ tập,
Trụ đứng nguy nga, công trình mỹ thuật,
Tám bề xây bằng ngọc bích, bảo trân,
Tam thập tam thiên với đấng Ngọc hoàng,
Đại đế In-dra cầu mong lạc phước,
Cho trời, người; mời Đại vương hãy bước,
Chốn diễm kiều, nơi trú ngụ chư Thiên.
Các vị Thiên lúc ấy đang ngồi đợi vua đến. Khi nghe tin, họ bước ra đón ngài với hoa hương cõi trời thơm tỏa ngào ngạt đến tận cổng Cittakùta ấy và mời ngài vào Thiện pháp đường. Vua xuống xe vào sảnh đường, chư Thiên mời ngài ngồi và Sakka Thiên chủ cũng ban tặng ngài đủ mọi hoan lạc của thiên giới.

*

Bậc Đạo Sư giải thích việc này như sau:

86. Chư Thiên ngắm đức vua vừa mới đến,

Đồng chào mừng vị quý khách Minh quân:
- Cung nghênh ngài! Thiên chủ rất hân hoan,
Được diện kiến! Bên Sak-ka Thiên chủ,
Chúng Thiên đồng kính mời Minh quân ngự.
87. Thiên chủ mời Đại đế Vi-đề-ha,

Vị Minh quân ngự trị Mi-thi-là, Và-sa-va liền tặng ngài tất cả, Thiên lạc và thỉnh Minh quân an tọa.

88. - Giữa các quân vương cai trị cõi đời,
Xin cung nghênh chúa tể đến cung trời,
An trú với chư Thiên, này Chúa tể,
Ngài sẽ được mọi ước nguyền như ý,
Hưởng trường xuân nơi Tam thập tam thiên.
Như vậy Thiên chủ Sakka ban ngài các thiên lạc, nhưng vua từ chối khéo và đáp lại:

89.- Như khi ta được ngự giá xe tiên, Hay được tặng phỉ nguyền bao phúc lạc, Chính là hưởng đặc ân từ kẻ khác.

90. Ta không màng những phúc lạc đặc ân,
Nhận từ tay do kẻ khác phát phân,
Các thiện nghiệp đều của ta duy nhất,
Trên các nghiệp riêng, ta luôn vững chắc.
91. Ta sẽ đi làm thiện nghiệp cho người,
Bố thí cúng dường ở khắp mọi nơi,
Ta sẽ bước theo con đường giới đức,
Tập phòng hộ và tự thân điều phục,
Người thực hành như vậy sẽ hân hoan,
Không còn lo phải gặp lúc ăn năn.
Như vậy bậc Đại sĩ thuyết Pháp cho chư Thiên với âm thanh ngọt như mật. Ngài ở lại đó bảy ngày theo ước tính của loài người, đem đến niềm hân hoan cho Thiên chúng. Rồi đứng giữa các vị Thiên thần, ngài nêu rõ công đức của Màtali:

92. Mà-ta-li, thần quản xa thiên giới,
Là vị thần đặc biệt đã ban ân,
Vị ấy chỉ cho ta thấy rõ ràng
Nơi kẻ dữ, người lành đang cư trú.
Rồi vua từ giã Thiên chủ Sakka, nói rằng ngài muốn trở về hạ giới. Sau đó Thiên chủ bảo:

- Này hiền hữu Màtali, hãy rước Đại vương Nimi về thành Mithilà ngay lập tức.

Xa giá đã sẵn sàng và vua đáp lại những lời chúc tụng thân hữu của chư Thiên rồi tạ từ lên xe. Màtali lái xe về hướng đông, đến thành Mithilà. Dân chúng thấy thiên xa, hoan hỷ biết vua đã trở về. Một đám người vây quanh vua và hỏi ngài cảnh Thiên giới. Ngài

tả cho họ nghe cảnh an lạc của chư Thiên và Thiên chủ Sakka, rồi khuyến dụ họ làm lành, bố thí để được tái sinh lên cõi trời.

Sau đó khi người thợ hớt tóc thấy sợi tóc bạc đầu tiên và bảo cho ngài hay, ngài liền bảo gã cất sợi tóc bạc ấy, rồi ban cho gã một ngôi làng. Ngài muốn rời thế tục nên phong vương cho con ngài. Khi được hỏi tại sao ngài muốn xuất thế, ngài đọc câu kệ:

Kìa tóc bạc trên đầu hiện ra ...

Và cũng như các vua trước, ngài xuất gia, vào sống trong vườn xoài, tu tập Tứ Vô lượng tâm, rồi được sinh lên cõi Phạm thiên .

Việc xuất gia của ngài được các bậc Đạo Sư tả trong vần kệ cuối cùng:

93. Ni-mi, Chúa tể Mi-thi-là,
Khi đã làm Đạo Sự xuất gia,
Ngài bước vào con đường Thánh hạnh.
Bản thân chế ngự với Thiền na.
Và con ngài, vua Kalàra-Janaka, cũng xuất gia, chấm dứt cả triều đại của ngài.

*

Khi bậc Đạo Sư thuyết giảng xong, Ngài nói:

- Này các Tỷ-kheo, đây không phải lần đầu tiên Như Lai xuất thế, mà Như Lai đã xuất thế trong đời trước.

Rồi ngài nhận diện Tiền thân:

- Lúc bấy giờ Sakka là Anuruddha (A-na-luật-đà), Màtali là Ànanda (A-nan), tám mươi bốn vị vua là đệ tử đức Phật và vua Nimi chính là Ta vậy.

-ooOoo-

Chương XXII Đại Phẩm (tiếp theo)

-ooOoo-

542. CHUYỆN TẾ SƯ KHANDAHÀLA (Tiền thân Khandahàla)

Ngày xưa có một vị hôn quân...,

Trong lúc trú tại núi Gijjhakùta (Linh Thứu), bậc Đạo Sư đã kể câu chuyện này liên quan đến Devadatta (Đề-bà-đạt-đa) .

Nội dung câu chuyện của Ngài nói đến tội phá hòa hợp Tăng (gây chia rẽ trong Giáo hội) đã được Tăng chúng biết rõ qua việc nghiên cứu tư cách đạo đức của Như Lai từ khi Ngài xuất gia tu hành cho đến việc mưu sát vua Bimbisàra. Ngay sau khi ông đã lập mưu sát hại vua này, ông liền đi tìm vua Ajàtasattu (A-xà-thế) và nói:

- Tâu Đại vương, ý nguyện của ngài đã thành, nhưng ý nguyện của ta chưa thành.

Vua trả lời:

- Ngài muốn gì?

- Ta muốn cho người giết đấng Thập Lực và ta làm đức Phật.

- Vậy thì ta phải làm sao đây?

- Ta phải tập họp một số thiện xạ tại đây.

Vua chấp thuận, truyền triệu tập năm trăm thiện xạ có thể bắn cung nhanh như chớp, trong số đó chỉ lựa ra ba mươi mốt người, đưa họ đến hầu cận Đề-bà-đạt-đa và bảo họ phải tuân lệnh ông.

Ông gọi người trưởng đoàn ra dặn:

- Này Hiền hữu, Sa-môn Gotama đang sống trên núi Linh Thứu, hằng ngày Ngài thường kinh hành trong tịnh thất của Ngài vào một thời điểm nào đó; vậy bạn hãy đến đó bắn Ngài với tên tẩm thuốc độc, khi đã giết hại Ngài xong, hãy trở về đường này.

Rồi ông lại cho hai người thiện xạ đi theo con đường kia, bảo họ:

- Các vị sẽ gặp một người trên đường đi, vậy hãy giết nó và hãy trở về bằng đường này.

Ông lại cho bốn người thiện xạ đi đường kia với lời dặn dò như vậy. Sau đó ông lại dặn thêm tám người, rồi mười sáu người thiện xạ như trên. Tại sao ông làm như vậy? Chính là để che giấu lòng thâm độc của mình.

Thế rồi người trưởng đoàn thiện xạ buộc kiếm bên sườn trái, bao đựng tên bên lưng, cầm lấy chiếc cung làm bằng sừng dê và đi đến chỗ đức Như Lai trú ngụ; nhưng sau khi gã giương cung lên và nhắm mũi tên để bắn Ngài, gã lại không thể thả dây cung được. Toàn thân gã cứng đờ, như thể bị đè bẹp. Gã cứ đứng đó kinh hoàng với nỗi sợ chết.

Khi bậc Đạo Sư thấy gã, Ngài liền nói với giọng dịu dàng:

- Đừng sợ, hãy đến đây.

Gã lập tức ném vũ khí và vừa nói vừa sụp người xuống đảnh lễ chân Thế Tôn:

- Bạch đức Thế Tôn, tội lỗi đã trấn áp con như một đứa trẻ, một tên khùng hoặc một tên tội nhân. Trước đây con không biết công hạnh của Ngài, con đã đến theo lệnh của lão già điên rồ mù quáng Đề-bà-đạt-đa để lấy mạng của Ngài, con xin Ngài tha mạng cho.

Gã lại cầu xin tha tội và ngồi qua một bên. Lúc ấy bậc Đạo Sư tuyên thuyết Các Sự thật cho gã nghe khiến gã chứng quả Dự Lưu. Ngài bảo gã trở về bằng con đường khác với con đường màĐề- bà-đạt-đa đã dặn gã. Còn chính Ngài bước ra khỏi lối đi có mái che của Ngài và ngồi xuống một gốc cây.

Trong khi người bắn cung thứ nhất chưa trở về, hai người kia đi trên con đường dự đinh gặp gã kia và băn khoăn không hiểu sao gã lại chậm trễ như vậy, cuối cùng họ thấy đức Phật. Khi đến đảnh lễ đức Phật xong, họ ngồi xuống bên Ngài. Ngài lại tuyên thuyết Các Sự thật cho họ nghe khiến cả hai gã cùng chứng quả Dự Lưu. Rồi Ngài bảo họ trở về bằng con đường khác với con đường mà Đề-bà-đạt-đa đã ra lệnh. Cứ như thế

những tay thiện xạ kia lần lượt đi đến, ngồi xuống nghe Ngài thuyết Pháp, được an trú vào quả Dự Lưu và được Ngài bảo đi về bằng một con đường khác.

Rồi khi người thiện xạ đầu tiên trở về gặp Đề-bà-đạt-đa, gã nói:

- Bạch Sư trưởng, tôi không thể nào giết bậc Toàn Giác được, Ngài là đấng Toàn Năng, đức Thế Tôn đầy đủ mọi uy lực siêu phàm.

Như vậy cả đám thiện xạ nhận ra là họ đã thoát chết nhờ bậc Toàn Giác nên họ xuất gia sống đời tu hành theo Ngài và trở thành các bậc A-la-hán. Sự kiện này được cả hội chúng Tỷ -kheo biết và một ngày kia họ bắt đầu nói đến chuyện này trong Chánh pháp đường:

- Này các Tỷ-kheo, các vị có nghe chuyện Đề-bà-đạt-đa, vì thù ghét một người là đức Thế Tôn, mà đã quyết tâm làm thiệt mạng nhiều người và rồi các người này lại được chính đức Thế Tôn cứu mạng như thế nào không?

Lúc ấy bậc Đạo Sư bước vào hỏi:

- Này các Tỷ-kheo, các ông đang ngồi nói chuyện gì đấy?

Khi chúng Tỷ-kheo đáp lại, Ngài bảo:

- Đây không phải là lần đầu tiên, mà trước đây kẻ ấy cũng đã quyết hại nhiều mạng người chỉ vì thù ghét Ta.

Rồi Ngài kể câu chuyện quá khứ.

*

Ngày xưa thành Bà-la-nại có tên là Pupphavati. Thái tử của vua Vasavatti lên ngôi trị vì tại đó tên là Ekaràja và con của vua là Candakumàra làm phó vương. Một Bà-la-môn tên gọi Khandahàla là vị tế sư của vương tộc. Ông làm cố vấn cho vua trong mọi vấn đề thế sự cũng như thánh sự và vua rất tôn trọng tài trí của ông nên để ông làm phán quan. Nhưng ông lại thích hối lộ, thường nhận của đút lót và tước đoạt tài sản của nhiều người trao cho người khác làm chủ.

Một ngày kia có người thua kiện, bước ra khỏi tòa án lớn tiếng than phiền, khi thấy Candakumarà đi ngang qua để bái yết vua cha, gã liền quỳ xuống. Vương tử hỏi sự tình, gãđáp :

- Tâu Chúa công, Khandahàla bóc lột các kẻ thưa kiện khi ông ta xử án, thần đã thua kiện mặc dù thần đã hối lộ ông ta rồi.

Vương tử bảo gã đừng sợ, rồi khi dẫn gã đến tòa án, chàng trả lại quyền sở hữu về các tài sản bị tranh tụng cho gã. Dân chúng reo hò hoan nghênh vang dội. Khi vua nghe được, hỏi lý do, họ đáp:

- Vương tử đã xử án phân minh một vụ kiện mà ông Khandahàla đã xử sai, vì thế có tiếng reo hò như vậy.

Khi vương tử đến chúc tụng, vua bảo:

- Này vương nhi, dân chúng bảo con vừa xử án phân minh?

- Tâu phụ vương, chính phải .

Vua liền trao tòa án cho vương tử và dặn vương tử từ nay được quyền xử án. Lợi lộc của Khadahàla giảm sút dần, từ đó ông sinh lòng thù ghét vương tử và rình rập cố tìm lỗi lầm của chàng.

Lúc bấy giờ vua rất ít tu tập nội tâm. Một buổi sáng kia, khi gần thức dậy, vua mơ thấy cõi trời Ba mươi ba với mái đình trang hoàng lộng lẫy, đường xá lót vàng cao cả ngàn dặm, được điểm tô bằng cung Vejayanta và nhiều cung khác cùng với tất cả vẻ huy hoàng của Lạc Viên Nandana và nhiều cánh rừng khác, với hồ Nanda và nhiều hồ khác nữa, khắp nơi đông đảo chư Thiên. Vua muốn lên cõi trời và nghĩ thầm: "Khi Sư trưởng Khandahàla đến, ta sẽ hỏi ngài conđường lên thiên giới, và sẽ lên đó nhờ con đường ngài chỉ dẫn".

Sáng sớm hôm ấy Khandahàla vào cung và vấn an vua xem ngài có được hưởng một đêm đầy mộng đẹp chăng? Vua liền truyền đem cẩm đôn cho ông ngồi, rồi hỏi ngay ông vấn đề ấy.

*

Bậc Đạo Sư kể lại như sau:

1. Ngày xưa có một vị hôn quân,
Ở xứ Pup-pha, gặp lúc cần,
Liền hỏi tế sư hèn hạ ấy,
Nghiệp tà, danh chánh Bà-la-môn:
2.- Ngài là bậc trí, mọi người đồn,
Thánh điển am tường đủ mọi môn,
Hãy nói công năng gì dẫn lối,
Đưa đường hành giả đến thiên cung?
Đây là câu hỏi mà trừ đức Phật Đại Giác hoặc các đệ tử của Ngài ra, ta phải hỏi một vị Bồ-tát, nhưng ở đây, vua đã đem ra hỏi Khandahàla, chẳng khác nào một người lạc đường bảy ngày lại đi hỏi đường một kẻ đi lạc đã nửa tháng. Thế là ông tự nhủ: "Đã đến lúc ta trừ khử được kẻ thù của ta rồi, ta sẽ giết Candakumàra, thế là toại nguyện".

Ông liền nói với vua:

3. Hãy dâng nhiều lễ vật đầy tràn,
Giết những ai không đáng chết oan,
Nhờ vậy đạt công đức vĩ đại,
Người ta sẽ hưởng lạc thiên đàng.
Vua lại hỏi:

4. Những gì là lễ vật đầy tràn,
Những kẻ nào không đáng chết oan?

Ta sẽ giết người, dâng tế lễ,
Nếu ngài nói ý nghĩa cho tường.
Sau đó ông giải thích ý nghĩa này:

5. Đem vợ con làm vật tế thần,
Phú thương quý tộc cũng tiêu vong.
Ngựa trâu tuyệt hảo, nòi cao quí,
Bốn loại tội đồ phải cúng dâng.

Như vậy khi vua hỏi đường lên Thiên giới, ông lại chỉ đường xuống địa ngục. Ông tự nhủ: "Nếu ta chỉ chọn một mình Candakumàra, mọi người sẽ nghĩ rằng ta làm thế vì thù ghét nó". Cho nên ông đặt chàng vào chung với một số người khác. Khi vấn đề này được đem ra bàn tán, các vương phi nghe tin lòng đầy kinh hãi, đồng cất tiếng khóc than.

*

Bậc Đạo Sư ngâm kệ giải thích việc này như sau:

6. Cung phi mỹ nữ biết tin này: "Vương tử, vương phi phải đọa đày",

Khóc thét bỗng nhiên vì sợ hãi, Vang rền mọi phía tận trời mây.

Cả vương cung náo loạn như thể rừng cây Sàla bị gió bão rung chuyển vào giờ tận thế, khiến lão Bà-la môn phải hỏi vua xem ngài có thể thực hiện được việc tế lễ ấy không.

- Sao ngài lại hỏi thế này Sư trưởng? Nếu ta dâng tế lễ, ta sẽ được lên thiên đàng mà.

- Tâu đại vương, những kẻ nào yếu hèn, không quyết chí thì không thể nào tế lễ kiểu này được. Xin Đại vương triệu chúng về đây cả rồi bần đạo sẽ dâng lễ vật ở huyệt tế thần.

Thế rồi ông đem đủ lực lượng cần thiết ra khỏi thành, bảo họ đào huyệt tế lễ với đáy bằng, có hàng rào bao quanh, vì các Bà-la-môn từ thời xưa đã ra lệnh phải làm hàng rào quanh đàn tế kẻo sợ các vị chân tu có thể đến ngăn cản buổi lễ. Vua cũng ban lệnh cho quân thần:

- Ta sẽ được lên thiên giới bằng cách đem hết vợ con ra cúng tế, vậy các khanh hãy đi báo tin cho chúng rõ rồi mang chúng về đây.

Lập tức vua ra lệnh đem các vương tử đến:

7. Báo Can-da, kế Su-ri-ya,
Lần lượt Bhad-da, biết ý ta,
Rồi đến Sù-ra, Và-ma nữa,
Chúng đều phải chết: ý vua cha.

Trước hết bọn họ đi tìm Candakumàra và nói:

- Tâu điện hạ, phụ vương muốn đem tế ngài để được lên thiên giới, nên ra lệnh cho chúng thần đi triệu ngài về.

- Phụ vương ra lệnh bắt ta theo lời khuyến dụ của ai thế?

- Tâu điện hạ, theo lệnh của Khandahàla.

- Ngài muốn bắt một mình ta hay còn ai khác nữa?

- Tâu điện hạ, còn nhiều người khác vì ngài muốn dâng lễ tế đủ bốn loại lễ vật.

Vương tử nghĩ thầm: "Lão ấy không thù oán với những người kia, nhưng lão định cho họ chết chỉ vì thù oán ta đã ngăn chặn lão phạm tội ăn hối lộ qua việc xử án bất công của lão, vậy ta có phận sự phải đi yết kiến vua cha xin ngài thả các người kia ra mới được". Rồi chàng bảo họ:

- Các ngươi cứ thi hành lệnh phụ vương.

Họ liền đem chàng đến sân chầu ngồi một mình tại đó, xong lại đem các người kia đến để gần chàng rồi tâu với vua. Sau đó vua ra lệnh đem các công chúa đặt bên các người kia:

8. Up-pa-se-ni, Ko-li-ta,
Lần lượt Mu-di-ta, Nan-da,
Bảo các công nương đều phải chết,
Thật là kiên định, ý vua cha!
Vì thế họ liền đi đem các công chúa đang kêu gào đến đặt cạnh các vương tử. Rồi vua lại ngâm kệ ra lệnh bắt các vương phi:

9. Trước tiên vương hậu Vi-ja- yà,
Kế tiếp Ke-si-ni, Nan-dà,
Với mọi sắc hương đầy diễm lệ,
Chúng đều phải chết: ý nguyện ta.
Họ liền đem các vương phi đang gào khóc đến đặt cạnh các vương tử. Rồi vua lại ngâm kệ ra lệnh bắt bốn phú thương của hoàng gia:

10. Pun-na-muk-kha, Bhad-di-ya,
Lần lượt Sin-ga-la, Vad-dha,
Bảo các phú thương nghe thượng lệnh:
Chúng đều phải chết: ý nguyện ta!
Đám thị vệ tuân lệnh ra đi. Khi các vương tử và vương phi bị bắt, dân chúng không nói gì, nhưng các phú thương có rất đông đảo quyến thuộc, nên cả kinh thành náo động khi họ bị bắt và dân chúng la ó phản kháng việc đem họ ra tế lễ, nên họ cùng quyến thuộc kéo đến yết kiến vua . Lúc ấy các phú thương được đám quyến thuộc vây quanh xin nhà vua tha mạng.

*

Bậc Đạo Sư giải thích việc này như sau:

11. Các phú thương kêu khóc não nùng,

Được vây quanh bởi các thân nhân :
Đầu này xin cạo làm nô lệ,
Nhưng hãy tha cho mạng chúng thần!
*

Nhưng dù họ van xin đến mức nào đi nữa, họ cũng không được vua thương xót. Các thị vệ của vua cuối cùng bắt đám quyến thuộc lui ra để kéo các phú thương đến cạnh các vương tử. Sau đó vua ra lệnh đem voi ngựa và trâu dê đến:

12. Đem cả đàn vương tượng đến đây,
Sức voi vô địch, quý cao thay,
Ngựa, lừa chọn giống nòi ưu thắng,
Tất cả cùng dâng tế lễ này.
13. Hãy chọn ngưu vương loại đứng đầu,

Chúng là tặng vật quý dường bao, Các thầy tế tự sắp hành lễ, Sẽ có vật dâng cúng tối cao.

14. Hãy chuẩn bị cho tế lễ này,
Sẵn sàng ngay trước lễ ngày mai;
Bảo vương nhi đãi đằng như ý,
Thọ hưởng cuộc đời buổi tối nay.
Lúc bấy giờ thái thượng hoàng và hoàng thái hậu vẫn còn sống, nên dân chúng kéo đến tâu cho hai vị biết việc tế lễ dự định của vua. Hai vị xiết bao kinh hoàng vội đến khóc lóc với vua:

- Vương nhi hỡi, có thật con định làm một cuộc tế lễ như vậy chăng?

*

Bậc Đạo Sư giải thích như sau:

15. Mẫu hậu vội rời khỏi nội cung:
Việc kỳ quái vậy nghĩa gì chăng?
Bốn vương tôn thảy đều đem giết,
Cho đủ lễ dâng hiến bạo tàn?
Vua đáp lại:.

16. Khi mất Can-da, mất hết rồi,
Nhưng con chịu mất chúng mà thôi,
Vì nhờ tế lễ này cao trọng,
Con sẽ được an trú cõi trời.
Mẫu hậu bảo:

17. Đem cúng tế vương tử, hỡi con,
Chẳng bao giờ hưởng lạc thiên đường,
Đừng nghe lời dối dang như vậy,

Đây chính đường vào địa ngục môn.
18. Con nên chọn đúng đạo minh quân,
Đem bố thí tất cả bạc vàng,
Đừng giết chúng sinh trên hạ giới,
Đây đường chắc chắn đến thiên đàng.
Vua đáp lại:

19. Con phải vâng lời vị tế sư, Than ôi, đành phải giết con thơ,

Chia lìa chúng thật đầy đau đớn, Song được cõi trời lợi lạc to!

Thế là hoàng thái hậu đành bỏ đi về, không thuyết phục được vua. Lúc ấy thái thượng hoàng hay tin vội đến phản đối vua.

*

Bậc Đạo Sư tả rõ mọi việc xảy ra như sau:

20. Đến lượt Va-sa-va phụ vương:
- Hung tin làm hoảng hốt tâm can!
Bốn vương tôn thảy đều đem giết,
Cho đủ lễ dâng hiến bạo tàn?
Cuộc đối thoại lại diễn ra như trên và cuối cùng vua cha già không lay chuyển nổi con, đành bỏ đi với lời từ biệt:

21. Nên đem cho hết khả năng mình,
Đừng cố ý tàn hại hữu tình,
Để các vương tôn làm bảo vệ,
Hộ phòng đất nước khỏi điêu linh.
*

Lúc ấy Candakumàra nghĩ thầm: "Thảm họa xảy đến cho nhiều người cũng chỉ vì ta, vậy ta hãy van xin phụ vương cho họ khỏi tội chết mới được". Vì thế chàng tâu với vua cha:

22. Xin làm nô lệ của Khan-da,
Nhưng mạng chúng con, xin hãy tha,
Con sẽ canh bầy voi, lũ ngựa,
Mang xiềng làm việc, thỏa lòng sư.
23. Xin làm nô lệ của Khan-da,
Nhưng mạng chúng con, xin hãy tha,
Con sẽ quét sân, chuồng của lão,
Mang xiềng làm việc thỏa lòng sư.
24. Hoặc bắt làm nô lệ tặng ai,
Chúng con tùy thánh ý an bài,
Hoặc đày tất cả ra ngoài nước,

Cầu thực tha phương ở xứ người.
Vua nghe chàng than khóc lòng đau đớn vô cùng, nước mắt chứa chan, nên vua ra lệnh tha hết vợ con. Vua bảo:

- Không ai giết được các con ta, ta không cần thiên giới nữa.

25. Những lời này tội nghiệp xin tha,
Làm trái tim ta tan nát ra,
Thả các vương nhi, cho chúng thoát,
Thôi đừng tế lễ nữa vì ta!
Khi nghe vua nói vậy, đám thị vệ liền thả hết tội nhân ra, khởi đầu là các vương tử và sau cùng là bầy chim chóc. Lão Khandahàla đang bận rộn chuẩn bị việc đào huyệt tế lễ, có người đến mách lão:

- Này lão Khandàhàla hung dữ kia, đức vua đã thả hết tất cả các vương tử rồi, vậy lão hãy đi giết hết lũ con lão mà lấy máu đem ra tế thần.

- Sao nhà vua làm gì vậy kìa?

Lão kêu lên và vội chạy đến tâu vua:

26. Ta đã bảo ngài tế lễ này,
Thật là vất vả khó khăn thay,
Sao ngài can thiệp đòi đình chỉ,
Khi khởi đầu đang tốt đẹp vầy?
27. Những kẻ nào dâng lễ sát sinh,
Đi đường chắc chắn đến thiên đình,
Hoặc người ủng hộ đầy nồng nhiệt,
Khi thấy việc kia được thực hành.
Vua mù quáng, nghe lời của lão bà-la-môn đầy sân hận kia và tâm trí vua đã bị ám ảnh bởi vấn đề đạo giáo liền ra lệnh bắt vợ con lại. Lúc ấy Candakumàra đem hết lẽ phải trái tâu với vua cha:

28. Sao lúc sinh ra lũ chúng con,
Hão huyền chúc tụng Bà-la-môn,
Khi phần con trẻ là đành chết,
Vô tội nạn nhân của oán hờn?
29. Sao cha tha mạng thuở thơ ngây,
Nhỏ dại biết đâu bất hạnh này?
Con trẻ hôm nay đành phải chết,
Giờ đang vui hưởng tuổi xuân đầy?
30. Nghĩ lúc chúng con mặc giáp bào,
Trên voi ngựa, chiến trận xông vào,
Nay làm lễ vật dâng đàn tế,
Chẳng lẽ việc này hợp lý sao?

31. Ở trong chiến địa hoặc rừng hoang,
Chống lại loạn thần, lũ chúng con,
Phục vụ thường xuyên, nay bảo giết,
Mà không lý lẽ hoặc nguyên nhân.
32. Nhìn chim xây tổ ấm trên cây,
Ca hót líu lo suốt cả ngày,
Yêu dấu chim non chăm sóc kỹ,
Còn cha đem giết lũ con vầy?
33.Cha đừng tưởng lão Bà-la-môn,
Phản bạn tha cha lúc vắng con,
Đến lượt cha theo con kế tiếp,
Chúng con không chỉ chết cô đơn!
34. Vua thường ban đạo sĩ thôn làng,
Thành thị tối ưu chính đặc ân,
Trên mọi gia đình đều hưởng lợi,
Tạo nên tài sản thật cao sang.
35. Chính bọn này đây, tâu phụ thân,
Sẵn sàng phản bội các ân nhân,
Bà-la-môn tộc, cha nên nhớ,
Là giống bất trung, lũ bội ân.
Vua nghe lời con oán trách, liền kêu to:

36. Những lời này tội nghiệp xin tha,
Làm trái tim ta tan nát ra,
Thả các vương nhi, cho chúng thoát,
Thôi đừng tế lễ nữa vì ta!
Khandahàla liền vội chạy đến và cũng phản đối vua như trước, khiến vương tử lại phải lý luận với vua cha lần nữa:

37. Nếu kẻ đem con trẻ tế đàn,
Đến khi chết, thảy được vinh quang,
Bà-la-môn hãy dâng con trước,
Vua chúa noi gương kẻ dẫn đường.
38. Nếu kẻ đem con trẻ tế thần,
Thẳng lên thiên giới lúc lìa trần,
Tế sư sao chẳng hy sinh trước,
Và cả toàn gia tộc lão luôn?
39. Đúng hơn, kẻ cúng tế như vầy,
Sẽ thẳng đường vào địa ngục ngay,
Những kẻ dám đồng tình ủng hộ,
Hành vi ấy, cũng đọa sau này.

Vương tử nói xong, thấy rằng không thể thuyết phục nổi cha, liền quay qua đám dân chúng đang vây quanh vua và bảo họ:

40. Làm sao các bậc mẹ cha này,
Đứng lặng yên nhìn, chẳng có ai,
Dù quý yêu con mình đến thế,
Cả ngăn vua giết các con ngài.
41. Ta ao ước vương phụ vạn an,
Ta mong tâm các bạn hân hoan,
Nhưng không tìm được người nào để
Phản đối nên lời trước phụ vương?
Nhưng vẫn không ai thốt một lời nào. Vương tử liền bảo các vương phi đến van xin vua tỏ lòng thương xót con :

42. Này các vương phi hãy nguyện cầu,
Van xin Sư trưởng, phụ vương mau,
Để tha vương tử này vô tội,
Khéo trổ tài chinh chiến biết bao.
43. Hãy xin sư trưởng với Minh quân,
Tha mạng vương nhi chẳng lỗi lầm,
Danh tánh đã vang lừng thế giới,
Là niềm vinh dự của non sông.
Bọn họ liền đến van xin vua tỏ lòng thương xót con nhưng vua chẳng chút quan tâm, lúc ấy vương tử quá tuyệt vọng nên bắt đầu than khóc:

44. Nếu không sinh trưởng chốn triều đường,
Ở dưới mái tranh kẻ khốn cùng,
Hoặc thợ giầy hay người quét rác,
Thì ta sẽ sống thật an toàn,
Đến tròn tuổi thọ, không vong mạng,
Làm nạn nhân vua chúa bất thường!
Rồi chàng nói to:

45. Đi mau tất cả các vương phi,
Đến trước Khan-da, hãy lạy quỳ,
Bảo các nàng không làm hại lão,
Các nàng chẳng có tội tình gì!
*

Và đây là lời của bậc Đạo Sư:

46. Se-la khóc, thấy các anh nàng,
Bị kết tội oan bởi phụ vương:
- Người bảo đây là đàn tế lễ,

Vì cha ta muốn đến thiên đường.
Nhưng vua cũng không quan tâm đến nàng. Đến lượt Vàsula, con của vương tử, thấy cha quá sầu thảm liền nói :

- Con sẽ cầu xin thái thượng hoàng tha mạng cho cha.

Cậu bé quỳ xuống chân vua than khóc:

*

Bậc Đạo Sư tả sự việc như sau :

47. Chập chững Va-su-la bước chân,
Trên đường đi đến chiếc ngai vàng,
Xin tha mạng của cha con trẻ,
Đừng để chúng con mất phụ thân.
Vua nghe cậu bé than khóc, lòng đau như cắt, liền ôm cháu vào lòng, ràn rụa nước mắt và bảo:

- Vương tôn hãy an tâm, ta sẽ trả phụ thân lại cho cháu đó.

Rồi vua ra lệnh:

48. Này cha con đó, Và-su-la,
Lời của trẻ thơ cảm hóa ta,
Tha các vương nhi, cho chúng thoát,
Thôi đừng tế lễ nữa vì cha!
Một lần nữa lão Khandahàla vội đến phản đối vua và vị vua mù quáng lại nhượng bộ lão, ra lệnh bắt các vương tử như cũ.

Lúc ấy Khandahàla tự nhủ: "Nhà vua này lòng quá mềm yếu, khi thì đòi bắt các con, khi thì lại thả ra hết, bây giờ lại nghe theo lời con trẻ đòi thả chúng ra, thôi ta phải dẫn vua đến huyệt tế thần mới được".

Lão liền ngâm kệ thúc giục vua:

49. Đàn tế lễ nay đã sẵn sàng,
Kho tàng lễ vật tuyệt cao sang,
Đại vương, mau hãy đi dâng lễ,
Rồi hưởng thiên cung cực lạc tràn.
Khi họ đem Bồ Tát đi đến huyệt tế thần, các cung phi theo sau thành một đoàn dài.

*

Bậc Đạo Sư tả cảnh ấy như sau:

50. Bảy trăm cung nữ của Can-da,
Rực rỡ yêu kiều giữa tuổi hoa,
Tóc xõa tơi bời, mắt đẫm lệ,

Theo anh hùng tận số đi xa.
51. Nhiều phu nhân nhập bọn tùy tùng
Trông dáng như tiên nữ giáng trần,
Với tóc tơi bời, mắt đẫm lệ,
Đi theo nối gót vị anh hùng.
Thế rồi bọn họ đồng cất tiếng khóc than:

52. Lô hội, hoa tai với giáng hương,
Lụa Kà-si khoác tuyệt cao sang,
Nhìn Can-da với S u-ri ấy,
Làm nạn nhân đưa đến tế đàn.
53. Lòng mẹ dường như bị cắt dao,
Lòng dân tràn ngập nỗi u sầu,
Nhìn Can-da với Su-ri ấy,
Làm nạn nhân đày đọa khổ đau.
54. Được tẩm đầy hương các loại hoa,
Lụa Kà-si khoác trắng như ngà,
Nhìn Can-da với Su-ri ấy,
Làm nạn nhân theo lệnh của cha.
55. Xưa ngự trên mình các thớt voi,
Oai phong lẫm liệt trước muôn người,
Nhìn Can-da-với Su-ri ấy,
Đang bước lê chân cõi chết rồi.
56. Xưa ngự xe vua, cởi ngựa, la,
Điểm trang vàng ngọc, với cài hoa,
Nhìn Can-da-với Su-ri ấy,
Lê chân chờ chết buổi chiều tà.
*

Trong lúc các vương phi đang khóc như vậy thì đám thị vệ đem Bồ-tát ra khỏi kinh thành. Dân chúng cả kinh thành đều đi theo ngài trong cảnh đại hỗn loạn. Nhưng vì đám người quá đông đảo, cổng thành không đủ rộng cho họ đi ra, nên lão Bà-la-môn sợ chuyện bất trắc có thể xảy ra, liền ra

lệnh đóng cửa thành lại. Vì thế đám đông không thể đi ra được, nhưng có một khu vườn hoa gần cổng phía nội thành, họ tụ tập tại đó lớn tiếng khóc than số phận thảm thương của vương tử, khiến một bầy chim nghe tiếng liền bay đến tụ tập trên trời rất đông. Dân chúng cùng cất tiếng kêu gào với đàn chim:

57. Chim hỡi, chim ăn thịt sống chăng?
Hãy bay đi đến phía đông môn,
Hôn quân đang lập đàn dâng lễ,

Cả bốn vương nhi bởi hận sân.
58. Chim hỡi, chim ăn thịt sống chăng?
Hãy bay đi đến phía đông môn,
Hôn quân đang lập đàn dâng lễ,
Cả bốn công nương bởi hận sân.
Cứ thế đám dân chúng than khóc mãi trong hoa viên. Rồi họ đi đến cung của Bồ-tát, vừa trang nghiêm đi diễu quanh nhiều vòng vừa cất tiếng khóc than trong khi họ ngắm các hậu cung của các vương phi, các đỉnh tháp và hoa viên, các khóm cây và hồ nước cùng chuồng coi ngựa:

59. Làng xóm từ nay chẳng bóng người,
Trở thành rừng vắng vẻ xa xôi,
Kinh thành ta sẽ nằm hoang lạnh,
Khi các vương nhi đổ máu rồi!
Vì không có cách nào ra khỏi thành được, họ đành lang thang quanh quẩn trong thành khóc lóc tỉ tê.

Trong lúc ấy Bồ-tát được đưa đến đàn tế. Mẹ ngài, hoàng hậu Gotami, quỳ dưới chân vua, khóc lóc van xin vua tha mạng cho con:

60. Thiếp sẽ khổ đau hóa dại khờ,
Đầy mình phủ bụi lấm bơ phờ,
Nếu Can-da bị dâng thần chết,
Thiếp thở nghẹn ngào khóc trẻ thơ.
Khi thấy vua không trả lời, bà ôm lấy bốn vương phi của vương tử và bảo họ:

- Vương nhi phải đau đớn chia lìa các nàng. Sao các nàng không năn nỉ vương nhi ở lại?

61. Sao chẳng nói năng hỡi các nàng,
Đứng đây, bày tỏ mến yêu chàng,
Quanh chàng, ca múa đầy vui thú,
Vừa nắm tay nhau vỗ nhịp nhàng.
62. Cho đến khi chàng hết muộn phiền,
An vui theo lệnh các nàng tiên,
Vì ai có đủ tài ca múa,
Như vậy dù tìm khắp mọi miền?
Rồi thấy rằng không làm gì hơn được nữa, bà ngừng than khóc với các vương phi và bắt đầu nguyền rủa lão Khandahàla:

63. Ta mong mẹ ác tế sư này,
Phải chịu bao đau khổ đắng cay,
Đang xé tim ta khi thấy cảnh,
Can-da yêu quí chết hôm nay.
64. Ta mong vợ ác tế sư này,

Phải chịu bao đau khổ đắng cay,
Đang xé hồn ta khi thấy cảnh,
Can-da yêu quý chết hôm nay.
65. Ta mong nó thấy cả chồng con,
Bị giết, vì nguơi, ác đạo nhân,
Muốn giết người vô can dũng cảm,
Là niềm vinh dự của phàm trần.
Sau đó Bồ tát van xin vua cha trong đàn tế:

66. Một số nữ nhân vẫn ước mong,
Cầu xin để có thật nhiều con,
Họ thường phát nguyện và dâng lễ,
Trời đất, mong con cháu nội đông,
Nhưng không được một con nào cả,
Để cả nhà vui sướng thỏa lòng.
67. Đừng giết chúng con quá bạo tàn,
Dầu con cầu tự được trời ban,
Đừng đem bầy trẻ dâng đàn tế,
Bất kể công lao của mẫu thân.
Khi chàng không thấy vua trả lời, chàng liền quỳ xuống than khóc dưới chân mẹ:

68. Số phận mẹ nay quá hẩm hiu,
Nuôi con, cho bú mớm nâng niu,
Con quỳ xuống dưới chân thiêng mẹ,
Mong ước cha ân phước thật nhiều.
69. Cho con ôm mẹ để hôn chân,
Lần nữa ôm con thật thiết thân,
Trước lúc phân ly, giờ tử biệt,
Mẹ đau thống thiết cả tâm hồn.
Rồi mẫu hậu ngâm kệ khóc than:

70. Quý tử trên đầu hãy buộc lên,
Vòng vương miện kết lá hoa sen,
Và hoa cam-pak này tương xứng,
Vẻ đẹp oai hùng tuổi tráng niên.
71. Lần cuối cùng con hãy tẩm hương,
Loại dầu thơm ngát thật cao sang,
Ngày xưa những lúc chầu vương phụ,
Yến tiệc cung đình con điểm trang.
72. Lần cuối cùng con khoác cẩm bào,
Lụa Kà-si rực rỡ dường nào,

Hãy mang vàng ngọc và trân bảo,
Con vẫn mang ngày lễ hội sao.
Đến lượt chánh phi của chàng tên là Candà, quỳ xuống chân chàng than khóc thảm thiết:

73. Đại vương, chúa tể của giang sơn,
Ý của ngài ban khắp nước non,
Ngài chẳng còn tình yêu phụ tử,
Với người duy nhất kế ngai vàng.
Vua nghe vậy liền đáp:

74. Ta thương mến tất cả ông hoàng,
Ta cũng quý yêu chính bản thân,
Vương hậu các nàng thân thiết cả,
Ta đem con tế lễ đăng đàn,
Bởi vì ta muốn lên thiên giới,
Chẳng muốn đi vào địa ngục môn!
Nàng Candà kêu to:

75. Chúa thượng giết con trước, đoái thương,
Kẻo niềm thống khổ xé tâm can,
Vương nhi được kết vòng hoa ấy,
Mọi vẻ chàng nay thật vẹn toàn.
76. Giết chúng con trong hố tế đàn,
Nơi Can-da đến, thiếp theo chàng,
Đại vương sẽ được công vô lượng,
Hồn trẻ lên thiên giới trú an.
Vua đáp lời:

77. Nàng chớ ước mong chết trước thời, Các vương đệ dũng cảm bao người,

Sẽ an ủi đấy, hồng nhan hỡi, Khi mất chồng yêu quý ấy rồi!

Nàng nghe vậy đấm ngực than khóc, hăm dọa sẽ uống độc dược tự vẫn, và cuối cùng nàng lại kêu gào thảm thiết:

78-79. Cố vấn, thân bằng cạnh quốc vương,
Không ai dám nói để can ngăn,
Triều thần trung tín không ai cả,
Dám thuyết phục vua chớ giết con.
80. Còn có các vương tử khác kia,
Thảy đều đầy đủ mọi oai nghi,
Hãy đem các vị lên đàn tế,
Và để Can-da được thoát đi

81. Hãy xẻ thịt con để cúng dâng,
Nhưng tha thái tử, bậc anh hùng,
Người trên thế giới đồng cung kính,
Chàng dũng sĩ giao chiến tuyệt luân.
Sau khi đã than khóc giải bày mọi nỗi niềm đoạn trường mà vẫn không có gì an ủi được nàng, nàng liền bước lên cạnh Bồ-tát, đứng khóc lóc mãi cho đến khi Bồ-tát bảo nàng:

- Này Candà, suốt đời ta đã biết bao lần tặng nàng ngọc ngà trân bảo trong các dịp yến tiệc hội hè, nay ta chỉ còn món báu vật cuối cùng trên mình ta để tặng nàng, xin nàng hãy nhận lấy. Nàng Candà lại bật khóc và ngâm các vần kệ sau:

82. Ngày xưa vai ấy rực hoa tươi,
Lủng lẳng treo như mũ miện cài,
Thanh kiếm sắt nay tàn ác quá,
Bao trùm bóng tối cả đôi vai.
83. Phút chốc kiếm kia đến tận nơi,
Cổ chàng vô tội lướt qua rồi,
Ôi, đem dây sắt mau ràng buộc
Kẻo trái tim ta sắp vỡ đôi!
84. Lô hội điểm tô với giáng hương,
Lụa là rực rỡ, lắm vòng vàng,
Kìa Can-da, bước lên đàn tế,
Lễ vật xứng danh với quốc vương.
85. Lô hội điểm tô với giáng hương, Và nhiều áo lụa, ngọc cao sang, Kìa Can-da bước lên đàn tế,

Lễ vật xứng danh của đại vương.

86. Được tẩm hương dâng lễ tế thần,
Đợi chờ thảm họa đến dần dần,
Kìa Can-da bước lên đàn tế,
Tràn ngập lòng dân nỗi khổ buồn.
Trong khi nàng than khóc như vậy, mọi người chuẩn bị nghi lễ đã xong xuôi trên huyệt tế thần. Họ đưa vương tử đến đặt vào một chỗ ngồi thích hợp với chiếc cổ vươn ra trước. Lão Khanda cầm chén vàng lại gần chàng, đưa kiếm lên, đứng thẳng người và nói:

- Ta sẽ cắt cổ nó.

Khi vương phi thấy vậy, nàng nghĩ thầm: "Ta không còn nơi nào để nương tựa, vậy ta sẽ cầu xin phước lành cho phu quân bằng sức mạnh của chân lý". Rồi nàng chắp tay lên đi giữa đám người hành lễ, trang nghiêm thực hiện lời Nguyện cầu Chân lý.

*

Bậc Đạo Sư tả cảnh này như sau:

87. Khi sửa soạn xong lễ tế đàn,
Can-da ngồi đó đợi tai nàn,
Pañca công chúa đi vào giữa,
Quần chúng khắp nơi, phát nguyện vang:
88.- Quả nhiên đây vị Bà-la-môn,
Làm độc kế do tính dối dang,
Mong ước phu quân yêu dấu ấy,
Chẳng bao lâu nữa được an toàn.
89. Mong các thần, tiên, quỷ chốn đây,
Hãy nghe lời nói của con vầy,
Thực hành nhiệm vụ con giao phó,
Tái hợp con cùng thái tử này.
90. Tất cả thần tiên ở chốn này,
Con xin quỳ xuống dưới chân ngài,
Hộ phù con trẻ không người giúp,
Thương xót nghe con cầu cứu đây.
Sakka Thiên chủ nghe lời cầu xin của nàng và xem thấy sự tình xảy ra như vậy, liền cầm một khối sắt sang lòa hăm dọa nhà vua và đuổi tan đám đông dự lễ ấy.

*

Bậc Đạo Sư tả cảnh này như sau:

91. Thiên thần nghe tiếng nọ kêu than,
Muốn giúp chánh nhân, vội giáng phàm,
Vung khối sắt lên, lòe ánh sáng,
Làm tâm bạo chúa phải kinh hoàng.
92. - Bạo chúa biết ta, Thiên đế chăng?
Hãy nhìn xem vũ khí ta mang,
Đừng làm hại trưởng nam vô tội,
Sư tử chúa trong bãi chiến trường.
93. Tội ác này ai thấy chốn nào,
Vợ con bị giết cả nhà sao,
Cùng thần dân quý nhất thiên hạ,
Xứng đáng lên thiên giới tối cao?
94. Bạo chúa vội cùng vị tế sư,
Thả người vô tội, nạn nhân ra,
Đám đông lấy đá và cây gậy,
Cuồng nhiệt say sưa, họ hét la,
Đánh chết Khan-da ngay tại chỗ,

Đền bù bao tội ác gian tà.
Khi họ đã giết lão quốc sư xong, họ tìm cách bắt vua phải chết, nhưng Thiên chủ Sakka ôm vua lại không cho đám dân chúng giết vua. Khi ấy đám đông mới tha mạng vua, nhưng họ nghĩ: "Ta không thể để vua này cai trị hay ở tại kinh thành nữa, ta phải bắt vua ra khỏi thành và ở một nơi do ta định đoạt".

Thế là họ lột hết cẩm bào của vua, bắt vua mặc áo vàng, trùm khăn vàng lên đầu làm một kẻ khốn cùng và bắt vua phải ở khu vực dành cho hạng khốn cùng. Còn tất cả những kẻ nào nhúng tay vào việc tế lễ này hay đồng tình ủng hộ đều bị trừng trị đích đáng và khi chết phải đọa địa ngục đúng theo số phần của họ.

*

Bậc Đạo Sư ngâm kệ sau:

95. Ai đã tạo nên tội ác vầy,
Thẳng đường vào địa ngục kia ngay,
Không ai được tái sinh Thiên giới,
Khi đã mang lầm lỗi thế này.
*

Sau khi đã trừ bỏ đươc hai quái vật độc ác ấy, dân chúng liền mang lễ vật đến làm lễ đăng quang rảy nước thánh lên đầu Thái tử Canda để chàng lên ngôi vua.

96. Khi các tù nhân đã được tha,
Đám đông quần chúng đổ xô ra,
Cử hành đại lễ đầy vinh hiển,
Quán đảnh Can-da kế vị vua.
97. Đông đảo chư thần với thế nhân,
Vẫy khăn, cờ xí, hát chào mừng,
Khởi đầu triều mới đầy hoan lạc,
Hạnh phúc, bình an với thịnh hưng.
98. Thiên thần, phụ nữ cạnh nam nhi,
Gia nhập cùng nhau mở hội hè,
An lạc đầy nhà niềm hạnh phúc.
Khi tù nhân thảy được tha về.
Bồ-tát ra lệnh cung cấp mọi nhu cầu cho cha được đầy đủ, nhưng phế vương không được phép vào kinh thành và khi nào tiền cấp dưỡng đã cạn, ông thường tìm gặp Bồ-tát vào những dịp ngài dự hội hè ở công viên hay những nơi công cộng khác. Vào những lúc ấy, phế vương không chắp tay kính chào con mình vì ông nghĩ: "Ta mới thật là Đại vương!" nên ông chào ngài:

- Vạn tuế chúa công!

Và khi Bồ-tát hỏi ông cần gì, ông nói rõ vật ấy, rồi Bồ-tát ra lệnh đem tiền bạc lại cho cha.

*

Khi bậc Đạo Sư chấm dứt pháp thoại này, Ngài bảo:

- Này các Tỷ-kheo, đây không phải là lần đầu tiên Devadatta (Đề-bà-đạt-đa) tìm cách giết hại nhiều người chỉ vì Ta, mà trước kia kẻ ấy đã làm như vậy.

- Rồi Ngài nhận diện Tiền thân:

- Vào thời ấy Devadatta (Đề-bà-đạt-đa) là Khanda, mẫu hậu Mahàmàya là hoàng hậu Gotamì, mẹ của Ràhula (La-hầu-la) là Candà, La-hầu-la là Vàsula, Uppalavannà (Liên sắc hoa) là Selà, Ca- diếp (Kassapa) thuộc dòng họ Vàma là Surà, Moggallàna (Mục-kiền-liên) là Candasena, Sàriputta (Xà-lợi-phất) là vương tử Suriya và vua Canda chính là Ta.

-ooOoo-

Chương XXII Đại Phẩm (tiếp theo)

-ooOoo-

543. CHUYỆN BẬC ĐẠI TRÍ BHÙRIDATTA (Tiền thân Bhùridatta)

Bất kỳ mọi bảo ngọc kim ngân...,

Câu chuyện này bậc Đạo Sư kể trong khi Ngài trú tại thành Xá Vệ, về việc các cư sĩ hành trì trai giới.

Vào ngày trai giới, họ thức dậy thật sớm, phát nguyện hành trì giới luật, bố thí và sau khi thọ trai, hộ đem hương hoa đến tinh xá Kỳ-Viên, gặp thời thuyết Pháp họ đều ngồi xuống một bên nghe giảng.

Bậc Đạo Sư đến tại Chánh Pháp đường ngồi xuống sàng tọa được trang hoàng dành cho đức Phật xong, liền nhìn xuống hội chúng Tỷ-kheo.

Lúc bấy giờ đức Như Lai thường muốn đàm đạo với một vài vị này hay vị kia trong hội chúng, khi bài thuyết giảng có liên quan đến họ, vì thế vào dịp này, Ngài biết rằng bài Pháp thoại liên quan đến các bậc Đạo Sư ngày xưa sắp được thuyết giảng cho các cư sĩ, nên trong khi đàmđạo với họ, Ngài hỏi:

- Này các cư sĩ, các ông có hành trì trai giới chăng?

Khi các cư sĩ đồng thanh đáp có, Ngài bảo:

- Tốt lành thay! Tốt lành thay! Này các cư sĩ, tuy nhiên ngày nay các ông có một vị Phật làm Đạo Sư như Ta và hành trì trai giới thì không phải là chuyện lạ gì, vì các bậc hiền trí ngày xưa, chưa có bậc Đạo Sư nào, cũng đã từ bỏ mọi vinh quang thế tục và giữ ngày trai giới.

Nói xong, theo lời thỉnh cầu của các cư sĩ, Ngài kể một chuyện quá khứ.

*

I .- THÁI TỬ BRAHMADATTA VÀ LONG NỮ

Ngày xưa, khi vua Brahmadatta trị vì thành Ba-la-nại, ngài phong cho con làm phó vương. Nhưng khi ngài thấy thái tử đạt vinh quang lừng lẫy, ngài lại đâm ra hoài nghi một ngày kia thái tử sẽ chiếm trọn giang sơn. Vì thế ngài bảo con:

- Vương nhi hãy ra đi tìm chỗ cư trú nào mà vương nhi thấy hợp ý trong lúc này, khi ta băng hà hãy về đây kế thừa vương nghiệp.

Thái tử vâng lệnh, giã từ vương phụ ra đi đến vùng núi Yamunà dựng một túp chòi lá nằm giữa dòng sông giáp bờ biển và sống bằng rau quả qua ngày.

Lúc bấy giờ có một long nữ dòng giống Nàga ở dưới biển, mới mất chồng, lòng khao khát dục tình khi nhìn thấy các long nữ khác an vui cảnh chồng con, nên bỏ nơi địa giới, đi lang thang trên bờ biển, chợt thấy dấu chân của thái tử liền theo lối mòn đi đến chòi lá. Lúc ấy thái tử đã đi ra ngoài kiếm trái cây. Long nữ bước vào chòi, thấy chiếc giường gỗ và đồ đạc trong chòi, nhủ thầm: "Đây là nơi cư trú của một ẩn sĩ, để ta thử xem vị này có thật là một vị chân tu không. Nếu vị đó là bậc chân tu, sống khắc kỷ, vị ấy sẽ không chịu nhận chiếc giường trang hoàng lộng lẫy của ta; còn nếu đó là người với tâm tư mê đắm dục lạc, không phải là bậc chân tu tịnh tín thì vị đó sẽ nằm trên chiếc giường của ta, rồi ta sẽ lấy vị đó làm chồng và ở lại đây".

Vì thế long nữ vội trở về cõi mình góp nhặt hương hoa thần tiên trang hoàng một sàng tọa toàn bằng hoa và sau khi làm lễ cúng hương hoa, rắc phấn hương khắp chòi và trang hoàng cái chòi thật đẹp, nàng đi về cõi mình trú ngụ. Buổi chiều khi thái tử trở về, chàng vào chòi thấy mọi vật như thế liền nói:

- Ai đã sắm sửa tọa sàng này?

Khi chàng ăn đủ loại trái cây xong, chàng lại kêu lên:

- Ôi, hoa thơm ngạt ngào, toạ sang này êm ái quá!

Lòng chàng đầy hân hoan, vì thật tâm chàng không phải là bậc chân tu khổ hạnh, chàng liền nằm xuống giường hoa và ngủ thiếp đi.

Sáng hôm sau chàng thức dậy và cũng đi kiếm trái cây, chẳng nhớ quét dọn chòi lá. Vào lúc ấy long nữ Nàga xuất hiện thấy hoa héo úa cả liền hiểu ngay: "Kẻ này còn tham dục lạc, không phải là bậc chân tu, ta có thể bắt lấy được rồi". Thế là nàng lượm hết hoa cũ, đem hoa khác đến trải lên tọa sàng thật đẹp, trang hoàng túp chòi lá, rải hương hoa như trước trên thềm nhà, rồi trở về cõi mình cư ngụ. Thái tử lại ngủ một đêm nữa trên giường hoa và sáng hôm sau chàng tự nghĩ: "Ai đã trang hoàng chiếc chòi này?"

Vì thế chàng không đi hái trái nữa, chàng đứng ẩn mình không xa túp liều. Long nữ Nàga thu lượm hoa xong đi đến lều của chàng. Vương tử chiêm ngưỡng dung nhan cực kỳ lộng lẫy của long nữ Nàga, liền say mê nàng ngay và chàng lẳng lặng đi vào chòi trong khi nàng đang trang hoàng tọa sàng và hỏi nàng là ai.

- Tâu đức ông, tiện thiếp là long nữ Nàga.

- Chẳng hay nàng đã có gia thất chưa?

- Tiện thiếp là sương phụ không có chồng, chẳng hay chàng ở đâu?

- Ta là thái tử Brahmadatta, con vua tại thành Ba-la-nại; nhưng còn nàng, tại sao lại đi phiêu bạt rời bỏ xứ sở của dòng giống Nàga?

- Tâu đức ông, chỉ vì tiện thiếp trông thấy hạnh phúc của các nàng Nàga yên bề gia thất nên lòng chưa thỏa mãn về đường tình duyên đứt gánh, phải lang bạt đó đây tìm bóng tùng quân để nương tựa tấm thân bồ liễu.

- Ta cũng không phải là vị chân tu, mà ta đến trú ngụ nơi đây chỉ vì cha ta đuổi ta đi; vậy nếu nàng không chê ta, ta xin nguyện cùng nàng làm đôi vợ chồng sống hòa hợp nơi đây.

Tức thì long nữ bằng lòng và từ đó họ chung sống rất hoà hợp trong rừng ấy. Nhờ thần lực của long nữ, nàng biến hóa ra một ngôi nhà sang trọng có sàng tọa quý giá trong khuê phòng lộng lẫy. Từ đó chàng không còn phải ăn hoa quả nữa, nhưng được hưởng toàn cao lương mỹ vị của thần tiên. Sau một thời gian nàng thụ thai và sinh được một con trai, họ đặt tên là Sàgara-Brahmadatta. Khi ấu nhi đã chập chững biết đi, nàng lại hạ sinh được một gái trên bờ biển nênđược đặt tên là Samuddajà.

Lúc bấy giờ một sơn nhân trú tại thành Ba-la-nại tình cờ đến nơi đây gặp vương tử, chào hỏi xong thì nhận ra chàng, nên sau khi ở lại đó vài ngày, gã nói:

- Tâu vương tử, tiểu thần xin về thông báo với vương tộc biết ngài đang cư trú nơi đây.

Thế rồi gã ra về kinh thành. Lúc ấy vua vừa băng hà, các đại thần làm lễ tang vua xong, liền hội họp nhau lại sau đó bảy ngày, rồi họ quyết định:

- Đất nước không thể một ngày không có vua, nay ta chẳng biết vương tử trú ngụ phương nào: còn sống hay chăng, để chúng ta bảo vương xa đến đón ngài về làm vua.

Vừa khi ấy gã sơn nhân về thành, hay tin đó vội đến tìm các đại thần báo cho họ biết: trước khi đến đây, gã đã ở gần vương tử mấy ngày. Các đại thần rất trọng đãi gã, rồi cùng đi theo lời gã chỉ dẫn đến gặp vương tử. Sau khi chào hỏi thân tình xong, họ báo cho vương tử biết vua vừa băng hà và mời chàng về kế vị, chàng nghĩ thầm: "Ta muốn biết long nữ Nàga tính sao đây?".Chàng liền bảo vợ:

- Này hiền thê, vua cha ta vừa băng hà, các đại thần đã đến giương chiếc lộng hoàng gia lên cho ta, vậy đôi ta cùng đi về trị vì Ba-la-nại, rộng mười hai đặm, nàng sẽ thành chánh hậu trong đám mười sáu ngàn cung phi ấy.

- Phu quân ôi, thiếp không thể nào đi theo chàng được.

- Tại sao vậy? Dòng giống thiếp có thứ độc dược giết người và tánh khí lại dễ nóng giận vì chuyện không đâu, huống chi là việc hờn ghen trong cung cấm là chuyện hệ trọng, nếu thiếp gặp việc gì bất bình và chỉ cần đưa mắt giận dữ nhìn, tức thì tia mắt bắn ra như nắm trấu, vì thế thiếp không thể nào ra đi theo chàng được.

Ngày hôm sau vương tử lại bảo nàng cùng đi, nàng đáp:

- Thiếp không thể nào đi được, nhưng các con của thiếp lại không phải thuộc nòi giống rồng Nàga, chúng là con của chàng, thuộc giống người; nếu chàng còn thương thiếp xin hãy chăm sóc lấy chúng. Nhưng vì chúng quen thói ở nước, rất yếu đuối, chúng sẽ chết nếu đi đường chịu dãi dầu nắng gió, vì vậy thiếp xin làm một con thuyền đổ nước vào để chúng chơi đùa trong nước và

khi đến kinh thành, xin chàng cho lệnh đào một hồ nước cạnh hoàng cung cho chúng, như thế chúng mới khỏi khổ được.

Nói xong, nàng cung kính chào giã từ vương tử, đi vòng quanh chàng một cách kính cẩn, ôm các con vào lòng hôn đầu chúng và giao con cho chàng, khóc lóc một hồi và biến đi về cảnh giới của rồng Nàga. Vương tử cũng nặng trĩu u sầu, ràn rụa nước mắt, liền đến gặp các đại thần. Tức thì họ rảy nước thánh lên đầu chàng làm lễ phong vương và thưa:

- Tâu Đại vương, xin Đại vương trở về thành.

Chàng ra lệnh cho họ đóng thuyền xong đặt lên xe và đổ nước vào.

- Hãy rảy hương hoa đủ màu sắc trên mặt nước vì các con ta tính ưa nước, thích vui đùa trong nước.

Các đại thần tuân lệnh. Khi tân vương đến thành Ba-la-nại, ngài vào thấy thành trang hoàng rực rỡ, liền bước lên lầu an nghỉ, có mười sáu ngàn mỹ nữ ca múa vây quanh cùng các cận thần. Ngài cho mở đại yến trong bảy ngày xong, ra lệnh đào hồ nước cho các vương tử để các vương tử chơi đùa suốt ngày.

Nhưng một ngày kia, khi nước được dẫn vào hồ, một con rùa trôi vào theo, rồi không tìm thấy lối ra, nó lội trên mặt nước. Trong khi các vương tử nô đùa, rùa hiện ra, thò đầu nhìn đám trẻ rồi lại lặn xuống nước. Đám trẻ thấy rùa, sợ hãi chạy đi báo với vua cha:

- Phụ vương ôi, một con rùa trong hồ làm chúng con sợ quá.

Vua ra lệnh bắt con rùa và một người thả lưới xuống bắt được rùa đem lại trình vua. Khi các vương tử trông thấy rùa liền la to:

- Phụ vương ôi, nó là con quỷ.

Vì vua thương yêu con nên nổi giận với con rùa, ra lệnh cho quân hầu trừng trị nó. Một người bảo:

- Nó là quân thù của Đại vương, vậy phải bảo nó vào cối mà giã nát ra thành cám.

Kẻ khác nói:

- Đem nấu nhừ ra mà ăn.

Kẻ khác nữa lại bảo:

- Đem nó nướng than đi.

Hoặc:

- Bỏ nó vào nồi và đốt lò.

Nhưng có một đại thần rất sợ nước bảo:

- Ném nó xuống vực xoáy của sông Yamunà, nó sẽ bị tiêu hủy hoàn toàn, không còn hình phạt nào nặng hơn nữa.

Rùa nghe thế liền rụt cổ lại bảo:

- Này hiền hữu, ta đã phạm tội gì khiến ông nói đến một hình phạt nặng nề như vậy dành cho ta? Các hình phạt kia ta còn chịu được, chứ hình phạt này thật vô cùng tàn bạo, xin ông đừng nhắc đến nữa.

Khi vua nghe được, ngài bảo:

- Phải hành hình nó như thế.

Và ngài ra lệnh ném nó vào vực xoáy của sông Yamunà, nơi đây nó tìm ra dòng nước đưa nó đến động rồng Nàga. Lúc bấy giờ có vài tiểu long Nàga thuộc dòng vua rồng Dhatarattha đang nô đùa trên dòng nước, thấy rùa liền bảo nhau:

- Bắt lấy tên tiểu nô kia.

Rùa nghĩ thầm: "Ta vừa thoát khỏi tay vua Ba-la-nại, lại rơi vào tay bọn quỉ Nàga hung ác này, làm sao thoát được đây?" Nó liền nghĩ ra một kế, bịa ra một chuyện và bảo chúng:

- Tai sao các long tử thuộc dòng dõi triều đình vua Dhatarattha lại nói năng như vậy? Ta là linh quy tên Cittacùla, sứ giả của vua Ba-la-nại đến yết kiến vua Dhatarattha, đức vua của ta muốn gả công chúa của ngài cho long vương Dhatarattha, vậy hãy cho ta được bái yết ngài.

Chúng bằng lòng dẫn rùa đến, nhưng khi thấy rùa, vua không đẹp ý, bảo:

- Những kẻ có hình thù tồi tàn như vậy không thể nào làm sứ giả được.

Rùa nghe vậy liền đáp lại, nêu rõ các đức tính của nó cho vua hay:

- Tại sao Đại vương lại cần sứ giả cao như cây dừa làm gì? Hình dạng nhỏ bé hay cao lớn đâu có gì quan trọng? Điều tối quan trọng là tài đức để thi hành sứ mạng được giao phó. Tâu Đại vương,vua của chúng thần có rất nhiều sứ giả. Con người thì làm việc trên đất liền, chim chóc thì làm việc trên không, tiểu thần thì ở dưới nước, vì tiểu thần là kẻ được đức vua sủng ái tên gọi là Cittacùla, tiểu thần giữ một chức vụ đặc biệt, xin đừng nhạo báng tiểu thần.

Sau đó vua Dhatarattha hỏi rùa tại sao được vua bảo đến đây, nó liền đáp:

- Đức vua của tiểu thần muốn bày tỏ tình thân hữu với mọi đức vua trên cõi Diêm-phù-đề và nay ngài muốn gả công chúa Samuddajà để tỏ tình thân hữu với long vương Nàga, vậy xin Đại vương chớ chậm trễ, hãy lập tức gửi sứ giả đi cùng tiểu thần

định ngày hôn lễ và đón công chúa về.

Vua rồng vô cùng đẹp ý, tán tụng rùa hết lời và ra lệnh cho bốn long tử Nagà cùng đi với rùa định ngày hôn lễ sau khi gặp vua kia rồi trở về xứ. Bốn chàng tiểu long cùng rùa từ giã động chúa rồng

Nàga. Rùa trông thấy một hồ sen giữa sông Yamunà và kinh thành Ba-la-nại, muốn trốn đi, liền bày kế nói:

- Này các long tử, đức vua cùng vương hậu, vương tử của ta đã thấy ta xuất hiện trên mặt nước khi ta đến cung vua, nên các ngài bảo ta dâng lên vài hoa sen và củ sen, vậy ta phải đi hái đã, các long tử để ta đi một lát, hễ không thấy ta về thì cứ đi thẳng vào xin yết kiến đức vua, ta sẽ đến đó để gặp các chàng sau.

Họ tin lời để rùa ra đi, nó liền trốn biệt. Các chàng tiểu long không thấy rùa trở lại tưởng rằng nó đã đến chầu vua, liền đi đến hoàng cung giả dạng các thanh niên. Đức vua tiếp đãi ân cần và hỏi họ từ đâu đến. Họ bảo:

- Tâu chúa thượng, từ Dhatarattha.

- Các công tử có việc gì chăng?

- Tâu chúa thượng chúng thần là sứ giả của Long vương Dhatarattha, xin kính chúc chúa thượng ngọc thể an khang và đức vua của chúng thần xin kính tặng chúa thượng bất cứ bảo vật nào chúa thượng đẹp ý. Đức vua của chúng thần cũng cầu xin Chúa thượng gả công chúa Samuddajà để làm vương hậu của ngài.

Rồi họ ngâm vần kệ thứ nhất để giải thích việc này:

1. Bất kỳ mọi bảo ngọc kim ngân,
Tích trữ trong cung điện chúng thần,
Đều của Đại vương tùy thánh ý,
Xin trao công chúa đến long quân.
Vua nghe vậy, liền đáp vần kệ thứ hai:

2. Từ trước chẳng hề có thế nhân,
Kết duyên con gái với long quân,
Sánh đôi vậy thật không tương xứng,
Sao trẫm nghĩ ra chuyện lạ lùng?
Các chàng tiểu long bảo:

- Ví như việc thông gia với Đại vương không làm đẹp ý thánh thượng,vậy tại sao thánh thượng lại sai sứ thần linh qui Cittacùla đến yết kiến Đại vương của chúng thần và ngõ lời muốn gả công chúa Samuddajà? Sau khi đã gửi sứ giả đi như vậy, Thánh thượng lại tỏ ra khinh mạn Đại vương của chúng thần. Nay chúng thần sẽ biết cách đối phó xứng đáng với thái độ khinh mạn ấy.

Nói xong họ ngâm hai vần kệ để hăm dọa:

3. Ngài sẽ bỏ thân, hỡi Đại vương, Ngài và đất nước nghĩa gì chăng? Trước cơn thịnh nộ từ long chúa,

Vinh hiển thế nhân sẽ úa tàn.

4. Ngài kẻ yếu hèn, một thế nhân,
Phải suy tàn bởi tính kiêu căng,
Dám khinh thái tử Ya-mu ấy,
Con của Va-ru-na Đại vương.
Vua liền đáp hai vần kệ:

5. Ta chẳng hề khinh bỉ Đại vương,
Dha-ta-ra hiển hách danh lừng,
Là vua bộ tộc Nà-ga ấy,
Thừa hưởng vương quyền đúng lẽ chân.
6. Song dù ngài vĩ đại cao sang,
Sát- đế- ly dòng dõi xuất thân,
Chính thống Vi-đề-ha quý tộc,
Ngài đừng mơ tưởng đến công nương.
Mặc dầu các chàng tiểu long Nàga muốn giết vua ngay lập tức bằng một luồng khí độc, họ kịp suy nghĩ lại rằng họ được phái đi đến đây định ngày hôn lễ, cho nên giết vua rồi bỏ đi thì thật không phải lẽ, vì thế họ bảo:

- Chúng thần xin từ tạ để về tâu lại Đại vương của chúng thần rõ.

Rồi họ biến mất. Khi về, vua hỏi xem họ đã rước công chúa được chưa, họ giận dữ đáp:

- Tâu Đại vương, tại sao Đại vương lại phái chúng thần đến đó mà chẳng có duyên cớ gì cả.Ví dụ Đại vương muốn giết chúng thần, xin giết ngay tại đây cho thỏa dạ. Vua nước ấy mạ ly, phỉ bàng Đại vương, tôn con gái mình lên tột đỉnh và kiêu mạn về dòng dõi vương gia.

Cứ thế họ thêu dệt thêm câu chuyện khiến vua nổi giận, ban lệnh họp quần thần binh lính lại, bảo:

7. Này As-sa với Kam-ba-la,
Triệu tập mọi dân chúng mãng xà,
Tiến đến Ba-la thành tụ họp,
Song đừng làm hại trẻ hay già.
Các chúa Nàga hỏi:

- Nếu không cần phải hại ai cả thì chúng thần đến đó để làm gì?

Vua liền ngâm kệ bảo họ phải làm như sau:

8. Ở trên hồ nước, các hoàng thành, Đường xá và trên các ngọn ngành, Trên các cung môn, cần kết dải,

Đong đưa theo gió nhẹ, treo mình.

9. Mào trắng và thân trắng mãng xà,
Bao quanh thành thị của nhà vua,
Vòng vây ta xiết dần dần chặt,
Dân xứ Kà-si sẽ sợ ta.
Binh lính Nàga tuân lệnh.

*

Bậc Đạo Sư tả quang cảnh xảy ra:

10. Nhìn đám mãng xà ở khắp nơi,
Đàn bà run rẩy, đám đông người,
Trong khi quái vật giương mào dậy,
Dân chúng thảy la hét rụng rời.
11. Dân xứ Ba-la-nại vội nằm,
Trước đoàn dã thú đến xâm lăng,
Giơ tay khẩn thiết đồng cầu nguyện:
- Xin gả công nương với chúa rồng!
*

Trong lúc vua đang ngự trên long sàng, ngài nghe tiếng kêu khóc của các vương phi cùng nhiều thần dân khác và chính ngài cũng sợ chết vì những lời hăm dọa của bốn tiểu long kia, nên ngài kêu to ba lần:

- Ta sẽ gả công chúa Samuddajà cho vua Dhatarattha.

Khi các chúa rồng Nàga nghe được lời ấy liền rút quân lùi lại cách một dặm đường, và cắm trại tại đó, xây dựng lên một kinh thành giống cảnh của chư Thiên, rồi cho người mang lễ vật cầu hôn đến nhà vua:

- Xin hoàng thượng gả công chúa như đã hứa.

Vua nhận lễ vật xong, ra lệnh cho các người đem lễ vật ấy lui về và ngài bảo:

- Các ngươi hãy ra về, trẫm sẽ cho các đại thần đem công chúa đến.

Rồi ngài triệu công chúa lại, đem nàng lên thượng lầu,mở cửa sổ ra bảo nàng:

- Này công chúa, con hãy ngắm kinh thành tráng lệ kia, vua nọ cầu hôn con về làm chánh hậu tại đó; kinh thành đó ấy không xa mấy, bao giờ con thấy nhớ nhà cứ về thăm cha, nhưng bây giờ con phải vu qui.

Sau đó vua ra lệnh các cung nữ gội đầu, trang điểm cho công chúa đủ ngọc ngà trân bảo rồiđưa nàng lên loan xa che kín, có các đại thần hộ tống. Các vua chúa Nàga ngự ra đón nàng theo lễ nghi rất trọng thể. Các đại thần vào thành, tiễn biệt công chúa và ra về được tặng vô số ngọc vàng. Công chúa được đưa vào hoàng cung đặt nằm trên tọa sàng tráng lệ như cảnh tiên, và các thiếu nữ Nàga có lưng gù cùng những dị tật khác

hầu hạ quanh nàng như thể thị nữ ở cõi nhân gian vậy. Khi công chúa vừa đặt lưng xuống tọa sàng thần tiên này, nàng cảm thấy êm dịu lạ lùng và ngủ thiếp đi. Vua Dhatarattha sau khi đã tiếp đón nàng xong, liền biến đi cùng với hội chúng của mình về cảnh giới của loài rồng Nàga.

Khi công chúa thức dậy và thấy tọa sàng thần tiên trong cung điện xây bằng ngọc vàng châu báu cùng các hoa viên và hồ nước trong cảnh giới Nàga chẳng khác nào kinh thành tráng lệ của thiên giới, nàng hỏi các thị nữ gù lưng quanh nàng:

- Kinh thành này thật tuyệt diệu, chẳng giống kinh thành của ta, vậy nó là của ai thế?

- Tâu lệnh bà, đó là kinh thành thuộc quyền Chúa thượng của lệnh bà, những kẻ thiếu đức không thể nào hưởng được cảnh vinh quang như thế này. Lệnh bà đã được vinh quang như vậy là nhờ công đức cao trọng của lệnh bà.

- Sau đó vua Dhatarattha ra lệnh đánh chiêng trống khắp hoàng thành rộng năm trăm dặm bố cáo với thần dân rằng kẻ nào để lộ tướng rồng tinh cho công chúa Samuddajà thấy sẽ bị trừng trị ngay; Vì thế không ai dám xuất hiện nguyên hình trước mặt nàng. Cho nên nàng hưởng cuộc sống rất êm ấm hòa hợp với nhà vua vì tưởng rằng đấy là cảnh giới nhân gian.

II.- BẬC ĐẠI TRÍ DATTA

Theo thời gian vương hậu Dhatarattha thụ thai và sinh hạ một vương tử có dung mạo khôi ngô nên được đặt tên là Sudassana, sau đó bà lại sinh hạ vương tử thứ hai đặt tên là Datta; đó chính là Bồ-tát. Rồi bà lại sinh vương tử thứ ba đặt tên là Subhaga và vương tử thứ tư tên Arittha. Dù đã sinh hạ bốn vương tử, bà vẫn chưa hề biết đây là cảnh giới của rồng Nàga. Nhưng một ngày kia, có người bảo Arittha:

- Vương hậu là giống người chứ không phải giống Nàga.

Arittha tự nhủ: "Để ta thử mẹ xem sao". Một ngày kia trong lúc đang bú sữa mẹ, vương tử xuất lộ nguyên hình rắn rồng, lấy đuôi ve lưng bàn chân mẹ. Khi hoàng hậu thấy rồng, kinh hãi thét lên ném con xuống đất, lấy móng tay cào vào mắt con đến chảy máu ra. Vua nghe tiếng thét hỏi lý do và khi vua nghe chuyện Arittha làm ra, ngài bước đến hăm dọa:

- Đem tên tiểu nô này giết đi.

Công chúa biết bản tính nóng nảy của vua, liền lên tiếng bênh vực con:

- Tâu chúa thượng, thần thiếp đã đánh vào mắt vương nhi rồi, xin Chúa thượng tha tội cho nó.

Vua nghe vương hậu nói vậy liền tha:

- Thôi trẫm còn làm sao được nữa?

Rồi vua tha thứ cho con. Từ ngày đó hoàng hậu mới biết đây là xứ rồng Nàga và cũng từ đó Arittha được gọi là Độc nhãn Arittha (Kànàrittha) .

Bấy giờ các vương tử đã đến tuổi trưởng thành. Vua cha giao cho mỗi vị một vương quốc rộng chừng một trăm dặm vuông, vinh quang lừng lẫy và mỗi vị có mười sáu ngàn long nữ Nàga hầu hạ trong cung đình. Vương quốc của vua cha cũng chỉ một trăm dặm vuông. Các vương tử hằng tháng đều đến vấn an đức vua cùng hoàng hậu. Nhưng Bồ-tát cứ nửa tháng lại yết kiến cha mẹ một lần, ngài vẫn thường đưa ra một số vấn đề xảy ra cảnh giới Nàga và vẫn thường cùng vua cha đến yết kiến Đại Thiên vương Virùpakkha (Quảng Mục) đàm đạo các vấn đề ấy.

Một ngày kia, Đại vương Virùpakkha cùng với hội chúng Nàga lên cảnh giới chư Thiên để chầu Thiên chủ Sakka, một vấn đề được đưa ra đàm dạo nhưng không có ai trong chư Thiên giải đáp được trừ bậc Đại Sĩ lúc ấy đang ngồi trên bảo tọa. Thế rồi Thiên Đế tỏ lòng hâm mộ ngài, đem tặng hoa quả của cõi trời và bảo ngài:

- Này Hiền giả Datta, ngài có đại trí lớn như quả địa cầu, từ nay ta xin gọi ngài là Bhùridatta (bậc Đại trí Datta) .

Và Thiên chủ ban ngài danh hiệu ấy. Sau đó bậc Đại Sĩ bái yết Thiên chủ Sakka để tỏ lòng sùng kính và khi ngài ngắm vẻ huy hoàng tột đỉnh của thiên triều cùng các tiên nữ, ngài mơ ước được lên thiên giới: "Ta còn làm gì được với tướng rồng rắn chuyên ăn ếch nhái này nữa? Thôi ta nguyện trở về thế giới rồng rắn hành trì trai giới, tu tập công hạnh để được sinh lên cõi chư Thiên".

Suy nghĩ như vậy xong, ngài liền xin cha mẹ khi trở về xứ rồng Nàga:

- Tâu phụ vương cùng mẫu hậu, con nguyện hành trì trai giới.

- Này vương nhi, con cứ hành trì cho thỏa nguyện, nhưng trong lúc trì giới con chớ ra ngoài, chỉ ở nội trong cung điện trống vắng của loài Nàga vì người trần thế rất kinh sợ rồng Nàga.

Nói xong ngài cuộn mình trên tổ kiến và nói to:

- Kẻ nào muốn cứ đến lấy máu thịt xương da ta đi.

Rồi ngài trì giới gồm bốn phép, nằm đó với thân tướng chỉ gồm có đầu đuôi mà thôi. Đến rạng ngày hôm sau, các long nữ Nàga đến và làm theo lệnh ngài đã ban, đưa ngài về lại cảnh giới Nàga như cũ và cứ thế ngài trì giới trong suốt một thời gian dài.

III.- HAI CHA CON BÀ-LA-MÔN SĂN THÚ

Lúc bấy giờ có một người Bà-la-môn sống ở một làng gần cổng thành Ba-la-nại thường cùng con trai tên gọi Somadatta vào rừng đặt bẫy chông bắt thú rừng rồi gánh thịt đi bán để sinh nhai. Một ngày kia, gã chẳng bắt được con thú nào dù chỉ một tắc kè nhỏ, gã bảo con:

- Nếu ta về nhà tay không, mẹ con sẽ giận dữ, vậy ta cứ bắt lấy con gì cũng được.

Thế là gã đi về phía tổ kiến nơi Bồ-tát đang tĩnh tọa và quan sát dấu chân nai thường xuống dòng sông Yamunà để uống nước, gã bảo :

- Này con, đây là hang nai, con hãy về đợi trong lúc cha bắt nai đến uống nước.

Và gã giương cung đứng dưới gốc cây chờ nai đến. Vào buổi chiều, một con nai đến uống nước liền bị bắn trọng thương, tuy nhiên nó chưa ngã xuống ngay mà vì mũi tên làm tuôn máu xối xả, nó liền chạy trốn. Hai cha con đuổi theo tận nơi nó ngã xuống, bắt lấy rồi ra khỏi rừng đến gốc cây đa thì mặt trời vừa lặn.

- Lúc này đi xa thì bất tiện lắm, thôi ta ở lại đây.

Nói xong họ đặt con nai qua một bên rồi trèo lên cây nằm trên cành. Gã Bà-la-môn thức giấc lúc rạng đông, cố nghe ngóng tiếng động của nai, vừa lúc đó các thị nữ Nàga đến dâng tọa sáng hương hoa cho Bồ-tát. Ngài đã bỏ xác rồng và hiện hình Thiên thần mang đủ bảo vật trang nghiêm ngồi trên tọa sàng sực nức hương hoa trong dáng điệu uy nghi của một Thiên đế Sakka.

Các thị nữ Nàga thành kính cúng dường ngài vô số hương hoa rồi trỗi khúc nhạc thiên đường, đồng thanh ca múa. Khi gã Bà-la-môn nghe tiếng nhạc gã tự hỏi: "Ai đây, ta phải xem sao mới được". Gã liền gọi con trai nhưng cậu bé vẫn cứ ngủ say. Gã tự nhủ: "Thôi để nó ngủ. Nó còn mệt thì ta đi một mình vậy". Gã leo xuống đất tiến đến gần ngài . Các thị nữ Nàga thấy gã liền độn thổ ngay cùng các nhạc khí, trở về cảnh giới Nàga, chỉ còn Bồ-tát ngồi lại một mình. Gã Bà-la-môn đứng gần ngài ngâm hai vần kệ hỏi ngài:

12. Hồng nhãn thiếu sinh được thấy đây,
Là ai, tỏa rộng đôi bờ vai,
Mười nàng xuân nữ vây quanh nọ,
Đeo xuyến vàng, xiêm áo đẹp thay.
13. Chàng là ai ở giữa rừng xanh,
Như lửa thêm dầu mỡ mới tinh,
Có phải Sak-ka, thần đại lực,
Hay là rồng chúa đại oai danh?

Bậc Đại Sĩ nghe vậy thầm nghĩ: "Nếu ta bảo là một vị Sakka (Đế Thích), gã sẽ tin ngay vì gã là một Bà-la-môn, nhưng ta phải nói sự thật: Thế là ngài nói về nòi giống Nàga của ngài:

14. Ta chúa Nàga, lực đại hùng,
Với luồng khí độc mạnh vô song,
Đất nước phồn vinh, dân lớn bé,
Ta đây nổi giận giết tiêu vong.
15. Mẫu thân ta chính Sa-mud-da,
Chúa tể Dha-ta, thân phụ ta,
Em của Su-das-san thái tử,
Tên ta là Đại trí Dat-ta.

Nhưng khi bậc Đại Sĩ nói xong, ngài liền nghĩ: "Bà-la-môn này hung ác, gã có thể phản ta, và tiết lộ ta với người bắt rắn và thế là cản trở việc trì giới của ta.Vậy ta đưa gã về vương quốc Nàga, tiếp đãi gã trọng thể tại đó, như thế ta vẫn không gián đoạn việc hành trì giới luật". Thế là ngài bảo gã:

- Này Hiền hữu Bà-la-môn, ta muốn tiếp đãi ông thật trọng thể, vậy hãy theo ta đến xứ sở Nàga đầy lạc thú bây giờ. Tâu chúa thượng, hạ thần còn một con trai, nếu hạ thần có đi, xin cho con trẻ đi cùng.

Bồ-tát đáp:

- Hiền hữu cứ đi tìm hiền điệt lại đây.

Rồi ngài tả nơi cư ngụ của ngài cho gã biết:

16. Hồ kia u tối thật kinh hoàng,
Sóng nước không ngừng bão tố dâng,
Nhà của ta thần dân trú ngụ,
Còn ai dám trái lệnh ta ban.
17. Hãy lặng chìm trong làn sóng xanh,
Đàn công, đàn hạc gọi đồng thanh:
- Xuống đây tận hưởng niềm hoan lạc
Dành sẵn cho ai giữ giới hành.
Gã Bà-la-môn đi tìm con kể chuyện cho con nghe rồi đem con trở lại và bậc Đại Sĩ liền đưa họ đến bên bờ sông Yamunà. Khi đứng đó, ngài bảo:

18. Hiền hữu cùng con chớ ngại ngùng,
Theo lời ta bảo, sống ung dung,
Vinh quang hạnh phúc trong cung điện,
Lạc thú ta ban đủ mọi phần.
Nói xong, bậc Đại Sĩ dùng thần lực đưa hai cha con đến cảnh giới Nàga, nơi đây họ hưởng cuộc sống thần tiên. Ngài ban cho họ phúc lạc của tiên giới, mỗi người có đến bốn trăm thiếu nữ Nàga hầu hạ, vinh hoa phú quý thật không sao kể xiết. Bồ-tát vẫn tinh tấn hành trì giới luật, cứ nửa tháng ngài đi bái yết phụ vương, mẫu hậu và thuyết Pháp; còn khi đến thăm gã Bà-la-môn, ngài thường vấn an gã và bảo:

- Hiền hữu cần gì cứ nói cho ta biết, xin cứ hưởng lạc thú, đừng để bất toại điều gì.

Rồi sau khi chào hỏi Somadatta ân cần, ngài trở về tu thất của ngài.

Gã Bà-la-môn, sau khi sống trong cảnh giới Nàga được một năm, do thiếu tu tập công đức trước đây, dần dần cảm thấy không toại ý, chỉ muốn trở về nhân gian. Cảnh giới Nàga đối với gã chẳng khác nào địa ngục. Cung điện được trang hoàng lộng lẫy chỉ giống như nhà tù, các cung nữ

Nàga được điểm trang vàng ngọc cũng tựa bầy quỉ cái. Gã nghĩ thầm: "Ta chán lắm rồi, để ta hỏi thử xem Somadatta nghĩ sao?".Gã tìm con trai và hỏi:

- Con có được toại nguyện chăng?

- Làm sao con lại bất mãn được? Cha con ta không nên nghĩ như vậy.Còn thân phụ không toại nguyện chăng?

- Đúng vậy.

- Tại sao thế?

- Vì ta không gặp được mẹ con cùng anh em con, thôi ta cùng đi về xứ.

Người con bảo không muốn đi về, nhưng vì bị cha nài mãi, nên cuối cùng cũng thuận. Gã Bà-la- môn nghĩ thầm: "Con ta đã ưng thuận ra đi, nhưng nếu ta bảo với hoàng tử Bhùridatta rằng ta không toại nguyện, hoàng tử sẽ ban cho ta thật nhiều ân huệ khác nữa và thế là ta không thể đi về. Mục đích của ta chỉ đạt được bằng một cách này thôi: Ta sẽ tả cảnh huy hoàng của ngài rồi hỏi ngài: "Tại sao ngài rời bỏ mọi vinh quang để lên nhân thế hành trì trai giới?". Khi ngài đáp: "Để được lên thiên giới", ta sẽ bảo ngài: "Chúng thần lại càng phải nên tu tập như thế hơn nữa, vì chúng thần đã sống bằng nghề sát sinh hại mạng. Thần cũng muốn trở lại trần thế để thăm quyến thuộc xong rồi sẽ xuất gia sống đời khổ hạnh.Thế là ngài sẽ phải để ta đi".

Sau khi quyết định xong, một ngày kia Bồ-tát đến hỏi thăm gã xem có gì chưa toại ý chăng, gã liền vội trấn an ngài rằng không có điều gì gã mơ ước mà ngài không ban cho gã, rồi không hề nói gì đến ý định ra đi, trước tiên gã chỉ ngâm kệ tả cảnh phồn vinh thịnh vượng của xứ ngài:

19. Đất bằng trải rộng khắp nơi nơi,
Hoa trắng Ta-ga nở rợp trời,
Tổ bọ yên chi màu đỏ thắm,
Rừng xanh rực rỡ phủ nền tươi.
20. Đền đài linh hiển khắp trong rừng,
Hồ lắm thiên nga đắm mắt trần,
Tô điểm lá sen tàn rải rác,
Khác nào các tấm thảm đang nằm.
21. Cung đình ngàn cột trụ nguy nga,
Tiên nữ bao nàng rộn múa ca,
Cột trụ dát toàn châu ngọc quý,
Tứ bề phản chiếu ánh trời xa.
22. Ngài có cung đình thật hiển vinh,
Chính nhờ công đức đã hoàn thành,
Mọi niềm ước nguyện đều viên mãn,
Ngay khi nguyện ước mới thành hình.
23. Ngài chẳng ước mơ điện Ngọc hoàng,
Thiên triều tráng lệ sánh sao ngang?
Cung ngài vinh hiển còn hơn thế,
Với cảnh huy hoàng chiếu ánh quang.
Bậc Đại Sĩ đáp:

- Này hiền hữu Bà-la-môn, đừng nói thế, cảnh vinh quang của ta so với Thiên chủ Sakka chỉ như hạt cải bên cạnh núi Tu-di (Meru). Chúng ta không bằng được quần thần của ngài nữa.

Rồi ngài ngâm kệ:

24. Ý dẫu tối cao chẳng dám mơ.
Vinh quang ngôi vị của Sakka,
Bốn Thiên vương ở trong triều đại,
Mỗi vị một miền được định ra.
Khi ngài nghe gã lập lại: "Cung điện của ngài chẳng khác nào cung Sakka Thiên chủ, ngài đáp:

- Ta đã nghĩ đến chuyện này từ lâu, chính vì ta muốn lên điện Vejayanta (Tối thắng ở cõi thiên) mà ta thực hành sự tu tập trai giới.

Rồi ngài ngâm kệ tả rõ tâm nguyện mình:

25. Ta mong tha thiết cảnh cao đường,
Của các bậc tiên thánh vĩnh hằng,
Vì thế ta ngồi trên tổ kiến,
Hành trì giới hạnh mãi không ngừng.
Gã Bà-la-môn nghe vậy thầm nghĩ: "Nay ta đã có cơ hội rồi đây", và với lòng hân hoan, gã ngâm kệ xin phép ngài ra đi:

26. Thần đã cùng con trẻ bắt hươu,
Ngày xưa bôn tẩu chốn rừng sâu,
Bạn bè để lại nhà không biết,
Sống chết thần nay hiện ở đâu.
27. Đại-trí Dạt-ta, thần muốn đi,
Hỡi ngài Minh chúa tộc Kà-si,
Chúng thần cất bước thăm lần nữa,
Quyến thuộc thân bằng ở chốn quê.
Bồ-tát đáp:

28. Ta muốn các ngài ở chốn đây, Cùng ta hưởng hạnh phúc bao ngày, Nơi nào trên chốn nhân gian ấy,

Ngài thấy bình an giống cảnh này?

29. Nhưng nếu ngài mong ở chốn kia,
Thì ngài hãy hưởng lạc tràn trề,
Rồi sau sẽ giã từ đi nhé,
Hạnh phúc ngài mong gặp bạn bè.
Rồi ngài suy nghĩ: "Nếu gã nhờ ta mà có được hạnh phúc chắc gã sẽ không tiếc lộ ta với aiđâu, ta sẽ cho gã viên ngọc như ý (ban mọi điều ước). Ngài liền tặng gã viên ngọc rồi

bảo:

30. Kẻ được mang viên bảo ngọc thần,
Ngắm đàn con cháu với gia trang,
La- môn, lấy ngọc và đi nhé,
Chẳng có bao giờ gặp bất an.
Gã Bà-la-môn đáp:

31. Hạ thần hiểu rõ những lời ngài,
Ngài thấy thần nay đã lão lai,
Thần sẽ đi theo đời khổ hạnh,
Nghĩa gì lạc thú ở trên đời?
Bồ-tát nói:

32. Nếu ngài chẳng giữ trọn lời thề,
Tìm thú thế nhân lần nữa kia,
Thì hãy đến tìm ta lại nhé,
Ta ban ngài lạc thú tràn trề.
Gã Bà-la-môn đáp:

33. Dat-ta Đại-trí, tạ muôn vàn,
Ân huệ mà ngài đã phát ban,
Ví thử thần tìm cơ hội tốt,
Sẽ về mong được hưởng hồng ân.
Bậc Đại Sĩ thấy rằng gã không còn muốn ở lại đây nữa, nên ngài ra lệnh bốn đồng tử Nàga dẫn gã trở lại cõi trần.

*

Bậc Đạo Sư tả mọi việc như sau:

34. Dat-ta Đại trí lệnh truyền ban,
Bốn tiểu long thần: -Hãy bước chân,
Đem vị La-môn ta uỷ thác,
Dẫn người trở lại chốn người mong.
35. Nghe lời xong, các vị long thần,
Lập tức lệnh ngài được phục tuân,
Họ dẫn Bà-la-môn đến chốn,
Rồi đi để lại gã đơn thân.
Trên đường về lão Bà-la-môn bảo con:

- Này Soma, ta sẽ giết được con nai chỗ này và con lợn chỗ kia.

Rồi thấy một hồ nước, gã kêu lên:

- Này Soma, xuống tắm đi.

Thế là cả hai cha con cởi hết áo quần thần tiên ra cuộn thành một bó đặt trên bờ, xuống hồ tắm. Lập tức áo quần biến mất về cảnh giới Nàga chỉ còn bộ áo quần nghèo khổ màu vàng xưa kia của họ mang lên người cùng với cung tên giáo hiện ra như ngày xưa ấy.

- Cha ơi, cơ nghiệp tiêu tan hết rồi. Somadatta kêu gào lên thế.

Nhưng cha cậu vội an ủi:

- Đừng lo gì, hễ còn hươu nai trong rừng là ta còn có kế sinh nhai.

Mẹ Somadatta nghe họ về, vội chạy ra đón vào nhà, thiết đãi cơm rượu thỏa thuê. Khi gã Bà-la- môn đã ăn xong và đi ngủ, người mẹ hỏi con:

- Lâu nay hai cha con đi đâu thế?

- Thưa mẹ, cha con và con được vua Nàga là Bhuridatta mang đến xứ Nàga thần tiên, nhưng vẫn không toại nguyện nên nay lại trở về.

- Thế con có mang về được món châu báu nào không?

- Thưa mẹ không.

- Thế vị vua đó không cho con món châu báu nào sao?

- Thưa mẹ, vua Bhùridatta đã tặng cho cha con một viên ngọc ban mọi điều ước, nhưng cha con từ chối.

- Vì cớ sao?

- Cha con bảo là muốn làm ẩn sĩ tu hành.

- Sao lâu nay đã vứt lại cho ta cả một gánh nặng con cái và đi ở xứ Nàga, bây giờ lão đòi làm ẩn sĩ à?

Thế là bà nổi cơn thịnh nộ, đập vào lưng gã bằng chiếc thìa lâu nay vẫn dùng nó chiên cơm rồi mắng gã xối xả:

- Ông thật là thứ Bà-la-môn ác độc, tại sao ông bảo là sắp đi tu làm ẩn sĩ và từ chối báu vật? Rồi tại sao ông còn vát mặt về nhà mà không thực hiện nguyện ước tu hành? Hãy cút ra khỏi nhà ta ngay.

Nhưng gã bảo vợ:

- Này hiền thê, xin nàng chớ vội thịnh nộ, hễ còn hươu nai trong rừng là ta còn cấp dưỡng mẹ con nàng.

Thế là ngày hôm sau, gã cùng con trai vào rừng tiếp tục sinh nhai bằng nghề cũ.

IV.- VIÊN NGỌC THẦN VÀ GÃ BẮT RẮN

Lúc bấy giờ có một con chim Kim sí điểu (chim thần cánh vàng) Garula sống trong cây bông vải trong vùng núi Himavat (Tuyết Sơn) gần đại dương miền Nam, bay lượn trên mặt nước rồi sà xuống vùng núi Himavat chụp lấy đầu của một chúa rồng Nàga. Đây là

thời kỳ chim Garula chưa biết cách bắt rồng Nàga (chúng đã biết cách bắt rồng này trong chuyện Tiền thân Pandara, số 518). Vì thế, dù đã chụp được đầu rồng mà không làm bắn nước tung tóe, nó lại mang rồng tòn teng đến đỉnh núi Himavat.

Một Bà-la-môn trước đây là dân xứ Kà-si, sống ẩn dật trên núi này trong một chòi lá, và cuối lối đi có mái che là một cây đa lớn nên ban ngày ông vẫn cư ngụ dưới gốc cây. Chim Garula mang rồng Nàga đến ngọn cây đa, và rồng Nàga cố thoát ra, nên cuộn đuôi quanh một cành.Chim Garula không biết việc này, lấy toàn lực bay vụt lên trời mang theo luôn cây đa bật khỏi gốc. Chim thần mang rồng Nàga đến cây bông vải, dùng mỏ phanh bụng rồng ra, ăn hết mỡ, rồi ném xác xuống biển.

Cây đa rớt xuống đánh ầm, chim thần không biết gì vì sao có tiếng động lớn như vậy, liền nhìn xuống, thấy cây đa, nó tự hỏi: "Cây này ta mang từ đâu lại?" Rồi nhận ra đó là cây đa ở cuối lối đi có mái che của ẩn sĩ kia, nó suy nghĩ: "Cây đa rất ích lợi cho vị ấy, không biết có tai họa giáng xuống cho ta chăng? Ta thử đi hỏi ông xem sao".

Rồi nó giả dạng làm một tiểu sinh đến gặp ẩn sĩ trong lúc ông đang đập đất cho bằng phẳng lại. Thế là vương điểu đảnh lễ ẩn sĩ xong, ngồi qua một bên, hỏi thăm sự tình như thể nó không biết gì những việc đã xảy ra:

- Cây gì đã mọc chỗ ấy?

Vị ẩn sĩ đáp:

- Một con chim Garula mang một con rồng Nàga đi ăn thịt, con rồng quấn đuôi quanh một cành cây để cố trốn thoát, nhưng con chim mạnh quá bay vút lên không làm cây bật gốc theo và đây là nơi cây đã bật ra.

- Thế con chim mắc phải tội gì?

-`Nếu nó không biết việc nó làm, thì đó chỉ là vô ý thức, không phải tội lỗi.

- Thế còn trường hợp của rồng Nàga thì sao?

- Nó không cuộn vào cây với ý định làm hư hại cây, cho nên nó cũng không có tội.

Chim chúa Garula hài lòng với lời giải thích của ẩn sĩ liền nói:

- Này hiền hữu, ta chính là vương điểu Garula, ta rất hài lòng với lời giải thích vấn đề của ông. Nay ông sống trong rừng này và ta lại biết thần chú Àlambàyana quý vô giá. Ta sẽ tặng nó cho ông để đền đáp công ơn ông đã giải thích cho ta, mong ông nhận nó.

- Ta cũng đã biết nhiều thần chú lắm, hiền hữu cứ an tâm ra đi.

Nhưng chim chúa cứ nài ép mãi cuối cùng cũng năn nỉ được vị ẩn sĩ nhận lời, nên nó trao bùa và chỉ những dược thảo cần thiết rồi tạ từ.

Lúc bấy giờ ở Ba-la-nại có một Bà-la-môn nghèo khổ nợ nần tứ tung và bị các chủ nợ giày vò mãi, gã tự nhủ: "Sao ta lại cứ sống mãi như thế này? Ta thà vào rừng mà chết còn hơn". Thế là gã bỏ nhà đi nhiều chuyến phiêu bạt vào rừng cho đến khi gã thấy lều ẩn sĩ. Gã vào xin ở lại vàđược ẩn sĩ vui lòng nhận vì gã siêng năng làm mọi phận sự. Vị

ẩn sĩ tự nhủ: "Gã Bà-la-môn này giúp đỡ ta rất nhiều, vậy ta sẽ cho gã chú thiêng mà chim chúa đã cho ta".

Vì thế ông bảo gã:

- Này hiền hữu Bà-la-môn, ta biết thần chú Àlambàyana, ta sẽ cho ông, mong ông nhận lấy.

Gã đáp:

- Hiền hữu hãy an tâm, ta chẳng cần bùa chú gì cả.

Nhưng vị ẩn sĩ nài ép mãi, cuối cùng cũng thuyết phục gã kia lấy bùa, rồi chỉ bảo cho gã những loại cây thuốc cần thiết và mọi cách sử dụng bùa.

Gã Bà-la-môn tự nhủ: "Ta đã có kế sinh nhai rồi". Thế là sau khi ở lại thêm vài ngày, gã lấy cớ bị chứng phong thấp và sau khi xin vị ẩn sĩ thứ lỗi, gã kính cẩn từ giã và đi khỏi khu rừng, qua nhiều chặn đường, gã đến bờ sông Yamunà, đi dọc theo đường cái, miệng lầm thầm câu thần chú.

Ngay lúc bấy giờ cả ngàn tiểu đồng Nàga, vốn là thị giả của Bhruridatta đang mang viên bảo châu như ý ấy. Họ đã ra khỏi cảnh giới Nàga, ngồi nghỉ chân và đặt bảo ngọc trên một đụn cát, rồi sau khi nô đùa suốt đêm dưới làn nước nhờ ánh sáng tỏa ra từ viên bảo châu ấy, họ mang hết mọi món trang sức lên mình lúc trời mới tảng sáng, thâu hào quang của bảo châu lại và ngồi canh chừng.

Gã Bà-la-môn đến đó ngay lúc gã đang lầm thầm câu thần chú, đám tiểu đồng nghe thần chú hoảng sợ vì tưởng đó là vương điểu Garula, liền độn thổ về cảnh giới Nàga mà quên lấy viên bảo ngọc. Gã Bà-la-môn thấy bảo ngọc liền kêu to:

- Thần chú của ta đã linh nghiệm tức thì.

Gã vui mừng lượm bảo ngọc ra đi. Ngay lúc ấy gã Bà-la-môn hạ đẳng đang cùng con săn nai, chợt thấy viên bảo ngọc trong tay gã kia, liền bảo con:

- Đó phải chăng chính là viên bảo ngọc mà Bhùridatta cho ta?

Người con đáp:

- Vâng, chính phải.

- Được thế thì ta sẽ nói cho gã kia biết những tính tai hại của viên ngọc rồi đánh lừa gã để dành viên ngọc cho ta.

- Thưa cha, trước kia cha đã không lấy viên bảo ngọc khi vua Bhùridatta tặng cha, nay vị Bà-la- môn này chắc chắn sẽ dối gạt được cha cho mà xem. Cha nên yên lặng thì hơn.

- Cứ thế, con sẽ thấy ai dối gạt được ai hay nhất, gã ấy hay cha.

Rồi gã tiến đến gần Àlambàyana và bảo gã kia:

36. Từ đâu ông có bảo châu này,
Mang hạnh phúc nhiều, đẹp mắt thay,

Song có bức tường chi triệu đấy,
Là điều ta đã nhận ra ngay.
Àlambàyana đáp vần kệ sau:

37. Sáng nay ta rảo bước trên đưởng,
Ta thấy ngọc ngay chỗ nó nằm,
Vệ sĩ mắt hồng ngàn đứa chạy,
Để cho ta được miếng mồi ngon.
Gã Bà-la-môn hạ đẳng muốn đánh lừa gã kia, liền nói thêm ba vần kệ kể những tai hại của viên bảo ngọc, vì muốn dành phần cho mình:

38. Nếu được nâng niu, quý trọng nhiều,
Để dành cẩn thận, hoặc thường đeo,
Ngọc làm toại nguyện cho người chủ,
Dù lớn bao nhiêu đủ mọi điều.
39. Nhưng nếu tỏ bất kính ngọc thần,
Người đeo hoặc giữ chẳng quan tâm,
Thì người sẽ phải ăn năn mãi,
Ngọc chỉ mang cho nỗi khốn cùng.
40. Nay ông chẳng có việc cần dùng,

Cũng chẳng có tài giữ bảo châu, Vậy hãy đưa ta và đổi lấy, Vàng ròng đây chẵn một trăm cân.

Àlambàyana liền đáp kệ:

41. Ta sẽ không đem bán bảo châu,
Dù bò hay ngọc quý ông trao,
Các điềm của nó ta tường tận,
Nó chẳng bao giờ bán được đâu.
Gã Bà-la-môn nói:

42. Nếu ngọc hay bò chẳng thể mua,
Ngọc kia ông có được bây giờ,
Giá nào ông bán ra viên ngọc,
Hãy nói ta nghe rõ thật thà.
Àlambàyana đáp:

43. Ai bảo cho ta biết chốn nào,
Tìm ra rồng chúa đại anh hào,
Ta cho người ấy ngay viên ngọc,
Tỏa sáng bốn bề rực rỡ sao!
Gã Bà-la-môn hỏi :

44. Có lẽ nào đây chính Điểu vương,

Hôm này giả dạng Bà-la-môn,
Đi tìm dấu vết săn mồi thịt,
Để bắt Long vương lấy món ngon?
Àlambàyana đáp:

45. Ta quả thật không phải Điểu vương,
Mắt ta chẳng thấy bóng chim thần,
Danh y, Đạo Sĩ là ta đấy,
Nọc rắn rồng là việc sở trường.
Gã Bà-la-môn nói:

46. Phải chăng ông có lực thần nào,
Hay đã học hành kỹ thuật cao,
Việc ấy khiến ông không nhiễm độc,
Khi cầm nọc rắn giết người sao?
Gã đáp, miêu tả năng lực của mình như sau:

47. Ko-sy ẩn sĩ chốn rừng hoang,
Khổ hạnh dài lâu giữ vững vàng,
Chim chúa sau cùng đem tiết lộ,
Cho ngài bùa chú bắt Long thần.
48. Bậc Thánh tối cao sống ẩn thân,
Trên sườn núi nọ thật cô đơn,
Nhiệt tình hầu hạ ngài, ta đã,
Phụng sự ngày đêm chẳng nhọc nhằn.
49. Vì vậy, cuối cùng để thưởng công,
Cho ta hầu hạ những năm ròng,
Đạo Sư khả kính ta tôn quý,
Tiết lộ cho ta mật chú thần.
50. Tin vào chú thuật vạn quyền năng,
Ta chẳng sợ rồng rắn cực hung,
Những nọc giết người, ta giải hết,
Ta là bậc trí giả À-lam.
Trong khi nghe gã này nói, gã Bà-la-môn hạ đẳng kia nghĩ thầm: "Gã Àlambàyana này sẵn sàng trao bảo ngọc cho kẻ nào chỉ chỗ chúa rồng Nàga, vậy ta chỉ chỗ của Long vương Bhùridatta cho gã rồi lấy bảo ngọc". Thế là gã ngâm kệ hỏi ý kiến con trai:

51. Con hỡi, ta tranh lấy bảo châu,
So-ma, ta hãy vội đi mau,
Đừng làm lỡ vận như người dại,
Đập dĩa cơm bằng gậy bấy lâu.
Somadatta đáp:

52. Mọi hiển vinh ngài đã phát ban,
Khi cha đi đến ở tha phương,
Nay cha trở mặt và ăn cướp,
Như vậy là đền nghĩa đáp ân?
53. Vì dù cha muốn được giàu sang,
Đi tìm như trước ở Long vương,
Xin ngài, ngài sẽ vui lòng tặng,
Mọi thứ cha mong ước thỏa lòng.
Gã Bà-la-môn đáp:

54. Những thứ được do bởi vận may, Chén cơm nằm sẵn ở trong tay,

Ăn ngay đừng hỏi gì thêm nữa, Con sẽ mất phần tặng thưởng này.

Somadatta nói:

55. Đất này đang há miệng chờ trông,
Lửa địa ngục nung nấu cực nồng,
Chờ đợi sau cùng người phản bội,
Hay cơn đói lã xé tan lòng,
Sống tàn, chết dở, con người ấy,
Kẻ dối lừa ngay bạn chí thân.
56. Hãy cầu bậc Đại trí Dat-ta,
Nếu muốn giàu sang, ngài sẽ cho,
Điều nguyện ước hằng mong thỏa mãn,
Song cha gây tội lỗi này ra,
Con e tội ấy không lâu sẽ,
Phát lộ cha ngay, thật đấy mà.
Gã Bà-la-môn đáp:

57. Song nhờ tế lễ thật cao sang.
Tội ác La-môn có thể mang,
Tuy thế, về sau đều rửa sạch,
Chúng ta dâng đại lễ đăng đàn,
Như vầy sẽ được làm thanh tịnh,
Giải thoát tội kia thật dễ dàng!
Somadatta nói:

58. Cha hãy ngưng lời nói xấu xa,
Con không ở lại nữa bây giờ,
Lúc này chính lúc con từ biệt,
Con chẳng cùng cha bước nữa mà,
Vì sự đê hèn này cấu xé,

Đang làm thối nát trái tim cha.
Nói xong chàng trai hiền đức kia bác bỏ lời cha dụ dỗ, thét vang lên bằng giọng sang sảng làm chấn động cả chư thần quanh vùng ấy:

- Ta không thể đồng hành với một kẻ tội lỗi như thế được.

Rồi chàng bỏ đi ngay trong khi người cha đứng lặng nhìn theo, sau đó chàng đi sâu vào rừng núi Himavat, trở thành một ẩn sĩ, tu tập rồi chứng đắc các Thắng trí cùng các Thiền chứng, sau được sinh lên Phạm thiên giới.

*

Gã hạ đẳng Bà-la-môn nghĩ thầm: "Soma đi đâu nếu không phải là về nhà?". Rồi khi thấy Àlambàyana hơi phật ý, gã vội bảo:

- Này Àlambàyana đừng ngại gì, ta sẽ đưa ông đến chỗ Bhùridatta Long vương.

Thế là gã đem Àlambàyana đến nơi chúa rồng đang trì giới và khi gã thấy ngài đang nằm cuộn tròn trên tổ kiến đầu thu lại, gã đứng tránh sang một bên, đưa tay chỉ ngài và đọc kệ sau:

60. Bắt chúa rồng nơi chốn nó nằm,
Chụp ngay viên ngọc quý muôn vàn,
Hào quang đỏ rực màu tươi sáng,
Như mão miệng trên chóp phượng hoàng.
61. Hãy nhìn tổ kiến ở đằng xa,
Rồng chúa nằm kia, trải rộng ra,
Không có ý gì lo sợ cả,
Giăng mình như một đống bông tơ;
Nơi kia bắt lấy ngay rồng ấy,
Trước lúc nó hay bạn đến mà.
Bậc Đại Sĩ mở mắt ra nhìn gã hạ đẳng kia, ngài suy nghĩ: "Ta đã đem gã ấy đến cung thất Nàga rồi cho gã hưởng vinh hoa tột bực, nhưng gã không nhận viên bảo ngọc ta ban cho, thế mà giờđây gã trở lại với người bắt rắn. Tuy nhiên nếu ta phẫn nộ gã vì việc làm phản trắc này thì côngđức của ta bị suy giảm. Giờ đây bổn phận tối cao của ta là giữ ngày trai giới đủ bốn phép, không được vi phạm cho nên ví dù gã Àlambàyana kia có phân thân ta ra từng mảnh hay đem ta nấu chín hoặc lấy xiêng đâm ta và nướng đi ta cũng không được căm hận gã về mọi việc ấy".

Thế rồi ngài nhắm mắt lại, quyết giữ nhất tâm cao độ, ngài đặt đầu giữa đám mào rồi nằm hoàn toàn bất động.

V.- BẬC ĐẠI TRÍ DATTA BỊ BẮT

Lúc ấy gã Bà-la-môn hạ đẳng kia kêu lên:

- Này Àlambàyana, ông hãy bắt rồng Nàga này ngay rồi trao viên ngọc cho ta.

Gã Àlambàyana quá sung sướng khi nhìn thấy rồng chúa Nàga, nên không chút lưu tâm đến viên bảo ngọc nữa, gã ném ngọc vào tay gã kia bảo:

- Này hiền hữu Bà-la-môn, lấy ngọc đi.

Nhưng viên ngọc tuột ra khỏi tay gã và khi vừa rớt xuống đất liền biến mất vào cảnh giới Nàga. Gã Bà-la-môn thấy mình mất hết cả ba thứ: viên bảo châu, tình thân hữu của Bhùridatta và cả con trai nữa và gã vừa đi về nhà vừa lớn tiếng khóc than:

- Ta mất hết cả rồi, ta đã không nghe lời con ta.

Còn gã Àlambàyana trước hết bôi khắp thân mình gã các loại thuốc thần, ăn uống lấy sức rồi đọc thần chú và đến cạnh Bồ-tát, nắm lấy đuôi thật chặt, mở miệng ngài ra, phun vào một viên thuốc mà gã đã ngậm sẵn.

Rồng chúa Nàga bản tính thuần tịnh không để cho mình nổi sân hận vì sợ vi phạm giới luật công hạnh, nên mặc dù ngài mở mắt, ngài không giương to mắt ra.

Sau khi gã nhét đầy thuốc thần vào miệng chúa trồng, gã nắm đuôi rồng, đầu dốc ngược, lắt mạnh cho rồng phun những thức ăn đã nuốt vào, gã căng rồng nằm dài trên mặt đất, rồi lấy tay đè mạnh thân rồng như thể đè chiếc gối, gã chà sát cả bộ xương ngài, nắm đuôi, nện ngài như thể đập tấm vải. Bậc Đại Sĩ không phẫn nộ mặc dù ngài đang chịu đau đớn như vậy.

*

Bậc Đạo Sư tả việc này qua kệ sau:

62. Nhờ các thuốc men đủ lực thần,
Đọc thần chú có ác công năng,
Gã cầm rồng chúa không kinh hãi,
Và bắt buộc ngài phải phục tuân.
*

Sau khi làm bậc Đại Sĩ tơi tả như vậy, gã sửa soạn một cái giỏ đựng cây leo bỏ ngài vào, lúc đầu thân mình đồ sộ của ngài không vào lọt trong giỏ, nhưng sau khi đá vài cái, gã cố nhét ngài vào. Rồi đến một làng kia, gã đặt giỏ giữa làng rao to:

- Ai muốn xem rồng chúa thì ra mà xem.

Cả làng đổ xô ra vây quanh. Gã liền gọi chúa Nàga ra. Bậc Đại Sĩ suy nghĩ: "Tốt hơn hết là ta nên múa để làm hài lòng dân chúng hôm nay, có lẽ gã kiếm được nhiều tiền sẽ thả ta ra; thôi gã bảo ta làm gì ta cũng làm cả". Thế là khi gã Àlambàyana đem ngài ra khỏi giỏ, bảo ngài phình ra, ngài liền phình lớn thân, khi gã bảo ngài thu nhỏ hay cuộn tròn thành một đống như mô đất, hoặc hiện ra một mào, hai mào, hay ba, bốn, năm, mười, hai mươi hoặc cả trăm mào, hoặc hiện mình cao thấp, hữu hình, vô hình, hoặc biến thành xanh, vàng, đỏ, trắng, hồng, hoặc phun nước hay phun khói cùng nước, ngài điều hiện đủ mọi hình dáng như gã ra lệnh và biểu diễnđủ tài nhảy múa.

Người đứng xem không ai cầm được nước mắt và dân chúng đem tiền, vàng bạc, áo quần, đồ trang sức đủ loại như thế, nên chỉ trong làng ấy gã đã kiếm được cả trăm ngàn đồng tiền.

Lúc bấy giờ, thoạt đầu mới bắt được bậc Đại Sĩ, gã có ý định thả ngài ra sau khi đã kiếm được một ngàn đồng tiền, nhưng khi đã kiếm được nhiều như thế, gã lại nói:

- Chỉ trong một ngôi làng nhỏ mà ta đã kiếm được chừng này huống hồ đến một kinh thành ta còn kiếm được bao nhiêu nữa.

Thế là sau khi để gia quyến ở lại đó, gã trang hoàng một cái giỏ bằng ngọc vàng thật đẹp, ném bậc Đại Sĩ vào trong, gã lên một chiếc xe ngựa sang trọng cùng một đoàn tuy tùng rầm rộ. Cứđến mỗi làng mạc, thị trấn, gã đều bắt ngài nhảy múa, sau cùng họ đến thành Ba-la-nại. Gã cho rồng chúa ăn mật và hạt ngũ cốc rang, lại giết ếch nhái cho ngài ăn, nhưng ngài không ăn, vì sợ gã không chịu thả ngài ra. Nhưng dù ngài không ăn gì, gã vẫn bắt ngài diễn trò, bắt đầu tại bốn làng gần cổng thành, họ ở lại cả tháng ròng.

Rồi vào ngày rằm trai giới, gã tâu trình vua rằng gã sẽ cho biểu diễn tài múa rồng hầu vua ngự lãm. Vì thế vua ban lệnh bằng một hồi trống cho dân chúng tụ tập lại đông đủ và những tầng ghế sân khấu được dựng lên trước sân chầu.

VI.- BẬC ĐẠI TRÍ DATTA ĐƯỢC GIẢI CỨU

Nhưng vào ngày Bồ-tát bị Àlambàyana bắt, mẹ của Bồ-tát nằm mơ thấy một người da đen mắt đỏ vung kiếm cắt tay bà mang đi, máu chảy ròng ròng. Bà kinh hoàng tỉnh giấc, sờ tay phải mới biết mình nằm mơ. Rồi bà suy nghĩ: "Ta đã thấy một giấc mơ hãi hùng, nó báo trước một tai họa nào đó sắp xảy ra hoặc cho bốn con ta, hoặc Đại vương Dhurì-datta, hoặc cho chính ta".

Nhưng lập tức bà liên tưởng ngay đến Bồ-tát: "Hiện nay tất cả các con đều ở cảnh giới Nàga trừ Bhùridatta lên cõi nhân gian quyết tâm hành trì giới luật với lời nguyện giữ ngày trai giới, nên ta lo lắng không biết có kẻ bắt rắn hay chim Garula nào bắt con ta chăng".

Bà cứ băn khoăn mãi về ngài như thế, cuối cùng sau nửa tháng bà hết sức u sầu, tự nhủ: "Con ta không thể nào sống xa ta trong nửa tháng được, chắc có tai nạn gì xảy ra cho con ta rồi". Một tháng trôi qua không biết bao nhiêu lệ sầu đã tuôn ra từ mắt bà trong cơn đau buồn ấy, bà cứ ngồi nhìn con đường ngài thường trở về nhà, nói không ngớt:

- Chắc chắn bây giờ con ta phải về nhà, chắc chắn bây giờ con ta phải về nhà. Lúc ấy thái tử Sudassana cùng một đám tùy tùng đông đảo đến yết kiến phụ vương và mẫu hậu sau một tháng xa cách. Sau khi để đám tùy tùng đứng ngoài điện, chàng bước lên nội cung đảnh lễ mẹ xong, đứng sang một bên nhưng vì đang lo buồn chuyện Bhùridatta, bà không nói với chàng một lời nào cả. Chàng nghĩ thầm: "Bất cứ khi nào ta về thăm mẹ trước kia, mẹ ta đều vui mừng tiếp đón ân cần niềm nở, thế sao hôm nay mẹ ta lại buồn thảm quá như vậy, vì cớ gì?"

Thế là chàng hỏi mẹ:

63. Mẹ thấy con về, đủ chiến công,
Mọi đều ước nguyện đã vuông tròn,
Tuy nhiên chẳng tỏ bày vui vẻ,
Khuôn mặt mẹ đầy vẻ tối sầm.
64. Như hoa sen được hái thô sơ,
Rũ xuống trong tay, chóng héo khô,
Có phải đây là cách mẹ đón,
Khi con trở lại tự phương xa?
Chàng ngâm kệ khác hỏi mẹ thêm:

65. Có kẻ nào la mắng mẹ không,
Hay là mẹ khổ não trong lòng,
Khiến cho mẹ mặt mày u ám,
Khi mẹ thấy con trở lại chăng?
Bà mẹ đáp như sau:

66. Mẹ đã thấy cơn ác mộng vầy:
Cách đây một tháng đúng hôm nay,
Một người đến cắt lìa tay phải,
Khi mẹ nằm sàng tọa ngủ say,
Rồi nó kéo đi tay vấy máu,
Lệ ta chẳng cản được người này.
67. Tràn ngập lòng ta nỗi hãi hùng,
Từ khi thấy cảnh tượng hung tàn,
Đêm ngày ta chẳng hề hay biết,
Một phút mừng vui hoặc lạc an.
Nói xong bà lớn tiếng khóc than:

- Ta không biết con yêu quý của ta giờ đây ở đâu, chắc lại có tai họa gì xảy ra cho em con rồi.

Và bà nói to lên:

68. Vương nhi, bao mỹ nữ thanh xuân,
Ngày trước thường kiêu hãnh kế gần,
Trang điểm lưới vàng, tóc óng ả,
Dat-ta con hỡi, vắng Long quân!
69. Quanh chàng bao chiến sĩ oai hùng,
Lẫm liệt tuốt gươm, đám hạ thần,
Như khóm Ka-ni hoa chói sáng,
Ôi! Ta tìm kiếm đã hoài công!

70. Ta phải đi theo dấu vết chân,
Tìm nơi chàng đã định nương thân,
Hoàn thành nguyện ước đời tu sĩ,
Và tự biết chàng có vạn an.
Nói xong bà cùng đám thị vệ của chàng và các cung nữ của bà đi ra ngoài.

Lúc bấy giờ các vương phi của Bồ-tát chưa biết lo âu khi họ không thấy ngài trên tổ kiến, vì họ bảo là ngài chắc chắn đã đi về cung thăm mẹ, nhưng khi được tin bà đang khóc lóc vì không thấy con đâu, họ đều chạy ra đón bà và quỳ xuống chân bà đồng lớn tiếng kêu than:

- Ôi mẫu hậu, cả tháng này chúng thần thiếp chưa gặp đức phu quân.

*

Bậc Đạo Sư tả lại cảnh ấy như sau:

71. Các vương phi của vị Long vương,
Nhìn mẫu hậu đang bước đến gần,
Họ khóc than vô cùng thảm thiết,
Và dang tay trước mặt bà hoàng:
72. "Long quân, bậc Đại trí Dat-ta,
Đi vắng nơi đâu một tháng qua,
Sống thác, chúng thần không thể biết,
Trong lòng tuyệt vọng, nói sao giờ?"
*

Mẫu hậu cùng các vương phi than khóc ở giữa đường, rồi cùng nhau bước vào cung; nỗi sầu khổ của bà tuôn ra không nguôi được khi bà nhìn thấy tọa sàng của con.

73. Giống như chim mẹ quá đơn côi,
Nhìn tổ vắng, con bị giết rồi,
Cũng vậy, sầu dâng tràn dạ mẹ,
Khi tìm con trẻ đã hoài hơi.
74. Thẳm sâu trong dạ, nỗi sầu bi,
Thiêu đốt bừng lên ngọn lửa kia,
Như thể lò rèn mà chú thợ,
Mang theo nơi gã được mời đi.
Trong lúc bà than khóc như vậy,cung thất của Bhùridatta như vang dội một âm hưởng dài lê thê khác nào tiếng sóng gầm vi vu của biển cả. Không một ai khỏi xúc động và cả cung thất như rừng cây Sàla bị rung chuyển trong cơn bão táp của ngày tận thế.

*

Bậc Đạo Sư tả quang cảnh như sau:

75. Như Sà-la ngã dưới cơn dông,

Cành lá gãy lìa, rễ bật tung,
Cũng vậy, vợ con và mẹ nữa,
Nằm trong nhà vắng vẻ tang hoang.
*

Các hoàng huynh Aritha và Subhaga đến yết kiến mẹ, nghe tiếng ồn ào vội chạy vào cung hết sức trấn an mẫu thân:

*

Bậc Đạo Sư tả cảnh ấy như sau:

76. A-rit-tha với Su-bha-ga,
Nôn nóng đến an ủi mẹ già,
Nghe tiếng khóc than rền thảm thiết,
Trong nhà bậc Đại trí Dat-ta:
77. - Xin mẹ an lòng, dứt khóc than,
Đây là số phận của trần gian,
Mọi loài đều phải qua sinh tử,
Quy luật vô thường vạn vật mang.
Samuddajà, mẫu hậu đáp:

78. Con ơi, mẹ biết luật rành rành,
Đây số phận muôn loại chúng sinh,
Nhưng mẹ mất con không hợp lý,
Bơ vơ, mẹ chỉ biết buồn tênh.
79. Quả thật, nếu không thấy được con,
Bảo châu đem hỷ lạc tâm hồn,
Dat-ta Đại trí, thì ta sẽ,
Kết liễu đêm nay cuộc sống buồn!
Các vương tử vội bảo:

80. Đừng quá sầu bi, hỡi mẹ hiền,
Hãy làm dịu bớt nỗi u phiền,
Chúng con sẽ đón về vương đệ;
Xuyên suốt qua toàn cõi đất liền,
Ở khắp mọi nơi và mọi hướng,
Chúng con theo dõi vết chân em.
81. Băng qua đồi núi hoặc đồng bằng,
Thị trấn, và khắp các xóm làng,
Cho đến khi tìm ra tiểu đệ,
Chỉ trong độ khoảng mươi ngày đàng,
Chúng con xin hứa cùng hiền mẫu,

Đem tiểu đệ về được vạn an.
Lúc đó Sudassana suy nghĩ: "Nếu cả ba anh em ta cùng đi về một hướng e rằng chậm trễ mất, vậy chúng ta phải đi về ba xứ khác nhau: Một em lên cõi Thiên thần, một em đến núi Himavat, một em nữa lên cõi nhân gian, em ta sẽ đốt hết làng xóm, thị trấn nào mà em ta tìm ra được Bhùridatta vì em ta là bản tính độc ác, không nên để em ta lên đó".

Thế là chàng bảo em:

- Vương đệ, hãy lên cõi Thiên thần, xem có phải chăng Thiên chủ triệu vương đệ Bhùridatta để thuyết Pháp cho các ngài, thì hãy đưa vương đệ trở về .

Chàng lại bảo Subhaga:

- Hãy lên núi Himavat tìm Bhùridatta trong cả năm con sông và đem về đây.

Còn chàng quyết định phần mình lên cõi nhân gian. Chàng suy nghĩ: "Nếu ta giả dạng kimđồng, dân chúng sẽ phỉ báng ta, thôi ta phải giả dạng một ẩn sĩ, vì các vị khổ hạnh thườngđược người đời quý trọng niềm nở chào đón". Thế là chàng cải trang làm một vị ẩn sĩ khổ hạnh, từ giã mẹ ra đi.

Lúc bấy giờ Bồ-tát có một cô em gái khác mẹ, tên gọi Accimukhì, rất yêu thương Bồ-tát. Khi nàng thấy Sudassana ra đi, nàng bảo:

- Vương huynh ôi, em rất lo ngại, cho em đi với.

Chàng đáp:

- Hiền muội, hiền muội không thể đi với ta được vì ta đã cải trang làm ẩn sĩ rồi.

- Thế thì tiểu muội xin biến thành con ếch nhỏ đậu trên đám tóc bện lại của vương huynh.

Chàng ưng thuận, thế là nàng biến thành nhái con nằm trong đám tóc bện lại của chàng. Sudassana quyết đi tìm em ngay từ lúc bước khởi đầu, cho nên chàng hỏi vương phi xem vương đệ hành trì trai giới ở đâu để đi ngay đến đó. Khi chàng thấy vết máu ở nơi Bồ-tát bị Àlambàna bắt và nơi Àlambàna đã làm giỏ cây leo để đựng ngài, chàng chắc chắn rằng Bồ-tát đã bị người bắt rắn mang đi, nên lòng chàng nặng trĩu u sầu, mắt đẫm lệ đi theo dấu chân Àlambàna.

Khi chàng đến ngôi làng đầu tiên Bồ-tát biểu diễn tài múa, chàng hỏi dân chúng xem có phải một người bắt rắn đã diễn trò với một con rồng như vầy chăng.

- Đúng vậy, cách đây một tháng, Àlambàna đã diễn trò như vậy.

- Thế gã có kiếm được gì lợi chăng?

- Gã kiếm được một trăm ngàn đồng tiền chỉ nội nơi này.

- Thế bây giờ gã đi đâu?

- Gã đã đi đến làng nọ rồi.

Chàng lại ra đi, vừa đi vừa hỏi đường, cuối cùng chàng đến cung môn. Ngay lúc ấy Àlambàna đã đến nơi, tắm rửa, xức dầu thơm xong, mặc áo dài sang trọng, rồi bảo tên hầu mang giỏ đựng rồng được trang hoàng vàng ngọc ấy ra, dân chúng tụ tập rất đông, một chiếc cẩm đôn đặt sẵn dành cho vua và trong khi còn ở trong cung, vua đã truyền lệnh:

- Trẫm sắp ngự triều, hãy bảo Long vương diễn trò đi.

Lúc ấy gã Àlambàna đặt cái giỏ đính châu ngọc ấy trên một tấm thảm sặc sỡ đủ màu, ra dấu hiệu bảo:

- Rồng chúa, ra đây.

Sudassana đang đứng ở cạnh đám đông trong lúc bậc Đại Sĩ ngẩng đầu lên nhìn quanh dân chúng. Thời bấy giờ loài rồng Nàga nhìn đám người vây quanh vì hai lý do: Một là để xem có chim Garula nào, hay là có người diễn trò nào không. Nếu thấy chim Garula thì chúng sẽ không múa vì sợ hãi, còn nếu có người diễn trò nào thì chúng lại không múa vì hổ thẹn.

Trong lúc nhìn quanh như thế, bậc Đại Sĩ thấy anh mình trong đám đông, liền cố ngăn dòng lệ đang tràn ra mắt và bò ra khỏi giỏ, tiến đến anh mình. Đám đông thấy ngài đến gần, hoảng sợ bỏ chạy, chỉ còn lại một mình Sudassana, vì thế ngài đến gần anh, đặt đầu lên chân anh và khóc, Sudassana cũng khóc theo. Sau cùng bậc Đại Sĩ nín khóc và bò vào giỏ như cũ.

Àlambàna nhủ thầm: "Chắc rồng Nàga này đã cắn ẩn sĩ kia, vậy ta phải an ủi vị đó mới được". Gã đến gần chàng và bảo:

82. Rồng vừa tuột khỏi bàn tay,
Chụp lấy chân ngài thật mạnh thay,
Nó cắn ngài chưa?Xin chớ sợ,
Không gì độc hại nọc rồng này.
Sudassana muốn nói chuyện với gã, vì vậy chàng đáp:

83. Rồng của ngài không thể hại ta,
Ta đây xứng hợp với rồng mà,
Hãy tìm khắp chốn, ngài không thấy,
Một kẻ nhử rồng rắn giống ta.
Àlambàna không biết chàng là ai, vì vậy gã nổi giận nói:

84. Gã này giả dạng Bà-la-môn,
Thử thách lão đòi chuyện thiệt hơn,
Tất cả đám đông nghe lão nói,
Xử cho hai phía thật công bằng.
Sudassana liền đáp kệ:

85. Vô địch của ta chính nhái con,

Rồng kia vô địch của tôn ông,
Hãy đem đánh cuộc năm ngàn chẵn,
Để bọn chúng ta trợ lực hùng.
Àlambàna bắt bẻ:

86. Ta giàu phương tiện thật cao sang,
Mạt vận ông quê kệch xó làng,
Ai người làm chứng phe ông đó,
Và số tiền đâu đặt xuống bàn?
87. Có phần bảo đảm của ta đây,
Tiền cuộc, nếu ta mất vận may,
Năm ngàn đồng sẽ nêu uy lực,
Việc thử thách kia, đáp ứng ngay.
Sudassana nghe vậy liền bảo:

- Nào ta thử trổ tài để được năm ngàn đồng tiền.

Và chàng không nao núng bước vào cung vua, yết kiến đức vua, tức là cửu phụ của chàng, và ngâm kệ:

88. Muôn tâu chúa thương, nghe lời thần,
Đừng bỏ dịp may, hưởng phước phần,
Mong Chúa thượng vì thần bảo chứng,
Đem ra đánh cuộc giá năm ngàn!
Vua nghĩ thầm: "Ẩn sĩ này đòi một số tiền quá lớn, thế là nghĩa gì?".Vì thế ngài liền đáp:

89. Thân phụ ngài trao lại nợ đời,
Hay là món nợ của riêng ngài,
Khiến ngài phải đến đây đòi trẫm,
Một món nợ nghe thật lạ tai!
Sudassana ngâm hai vần kệ:

90. À-lam muốn cuộc với Long vương,
Đánh bại hạ thần lập chiến công,
Thần chỉ có đây con nhái bén,
Phá tan kiêu mạn Bà-la-môn.
91. Chúa thượng, xin ngài hãy giáng lâm,
Ngự du cùng với đám tùy tùng,
Và nhìn chiến cuộc nơi này nhé,
Đang đợi gã kia đấu với thần.
Vua ưng thuận ra đi cùng với ẩn sĩ. Khi Àlambàna thấy vua, gã liền nghĩ: "Ẩn sĩ này kéo được nhà vua vào phe mình, chắc phải là thân hữu của vương gia rồi". Gã bỗng sinh ra sợ hãi, vội chạy theo chàng và nói:

92. Ta chẳng muốn đâu hạ nhục ngài, Ta không một chút muốn khoe tài,

Nhưng ngài khinh thị rồng này quá, Kiêu mạn sẽ làm thất bại thôi.

Sudassana đáp hai vần kệ:

93. Ta chẳng cầu mong hạ nhục ngươi,
Cũng không khinh kẻ muốn khoe tài,
Nhưng sao ngươi phỉnh phờ dân chúng,
Bằng loại rắn không giết hại ai?
94. Ví thử người ta biết tướng chân,
Như ta thấy nó rõ ràng ràng,
Nói gì đến chuyện vàng hay bạc,
Ngươi chỉ được ăn một bữa xoàng!
Àlambàna nổi giận đáp:

95. Nhà ngươi khất thực khoác da lừa,
Dơ bẩn và trông vẻ xác xơ,
Ngươi dám khinh khi rồng của lão,
Nói rồng không biết cắn bao giờ!
96. Đến đây và thử việc rồng làm,
Học hỏi bằng kinh nghiệm nếu cần,
Ta bảo đảm dù không độc hại,
Nọc rồng sẽ biến bạn thành than!
Sudassana liền ngâm kệ chế nhạo gã:

97. Chuột hay rắn nước cắn người nào,
Chọc giận nó phun nọc độc sao,
Rồng đỏ đầu này không có hại,
Nó không cắn, dẫu biết phun cao!
Àlambàna đáp hai vần kệ:

98. Ta đã được bao vị Thánh nhân,
Thực hành pháp khổ hạnh không ngừng,
Bảo người bố thí trong đời sống,
Sẽ đến cõi thiên lúc mạng chung.
99. Ta khuyên ngươi bố thí ngay liền,
Nếu thực ngươi còn chút của tiền,
Rồng sẽ biến ngươi thành cát bụi,
Ngươi không có thể sống lâu bền!
Sudassana lại nói:

100. Ta cũng nghe từ các Thánh nhân,
Người bố thí đến thiên cung,

Vậy mau bố thí khi còn sống,
Nếu có vật gì để phát phân.
101. Nhái của ta không phải loại thường,
Sẽ làm ngươi hạ giọng kiêu căng,
Là công chúa của Long vương đó,
Nàng ấy là bào muội chính tông,
Mồm của Ac-ci phun ngọn lửa,
Hơi nàng cực độc, tiếng vang lừng.
Rồi chàng đứng giữa đám đông gọi to:

- Này hiền muội Accimukhì, em hãy ra khỏi tóc ta và đứng trên tay ta.

Chàng đưa tay ra, và khi nàng nghe chàng bảo, liền thốt lên tiếng kêu ba lần như loài ếch nhái lúc còn nằm trên tóc chàng, rồi nàng nhảy ra vai chàng, phun ra ba giọt nọc độc trên lòng bàn tay chàng rồi trở lại mái tóc chàng như cũ. Sudassana đứng cầm nọc rắn ấy thốt lên ba lần:

- Xứ này sẽ bị thiêu rụi.

Âm vang rền khắp Ba-la-nại đến mười hai dặm đường. Vua hỏi vật gì có thể hủy được nọc này.

- Tâu Đại vương, thần chẳng thấy chỗ nào có thể thả nọc này xuống được.

- Đất này rộng lắm, cứ thả xuống đi.

- Không thể được.

Chàng đáp bằng vần kệ sau:

102. Nếu thần thả nó xuống đồng bằng,
Tâu Đại vương, nghe kỹ hạ thần,
Đám cỏ, cây leo và dược thảo,
Thảy đều tiêu diệt cháy khô cằn.
- Vậy thì hãy ném lên trời.

- Cũng không được.

Chàng đáp bằng vần kệ sau:

103. Nếu hạ thần nghe lệnh Đại vương,
Ném tung độc ấy giữa không gian,
Sẽ không mưa, tuyết trời rơi xuống,
Cho đến bảy năm phải lụi tàn.
- Vậy thì hãy ném xuống nước.

- Cũng không được.

Chàng đáp bằng vần kệ sau:

104. Nếu vào trong nước, nọc này rơi,
Tâu Đại vương, nghe kỹ mấy lời:
Tất cả cá, rùa đều phải chết,
Muôn loài thủy tộc sống ngoài khơi.
Vua kêu lên:

- Trẫm cũng chẳng biết làm sao nữa. Ngài hãy chỉ cho trẫm cách nào để đất nước khỏi bị tiêu diệt.

- Tâu Đại vương, xin cho đào ba hố liền nhau.

Vua ra lệnh làm ngay. Sudassana đổ đầy thuốc độc vào hố giữa, phân bò vào hố thứ hai, và thần dược vào hố thứ ba, rồi chàng thả nọc độc vào hố giữa, một ngọn lửa đầy khói bùng lên, lan qua hố phân bò, bùng lên lần nữa, rồi lan qua hố thuốc thần, thiêu rụi hết thuốc rồi mới tắt. Àlambàna đứng gần hố ấy, bị hơi nóng của nọc độc bắt phải, màu da liền biến dạng và gã thành tên hủi trắng.

Gã kinh hoàng la lên ba lần:

- Ta sẽ thả rồng chúa ra.

Nghe thế, Bồ-tát liền bước ra khỏi giỏ dát ngọc vàng ấy, hiện hình sáng lòa mang đầy châu ngọc, sừng sững uy nghi trong dáng điệu của Thiên chủ Indra (tức Sakka). Sudassana và Accmukhì đứng hai bên.

Lúc đó Sudassana hỏi vua:

- Đại vương có biết đây là dòng dõi nào chăng?

- Trẫm không được biết.

- Đại vương không biết chúng thần, nhưng Đại vương biết chuyện vua Kàsi gả công chúa Samuddàja cho rồng chúa Dhàtarattha chứ?

- Trẫm biết rõ lắm, đó là tiểu vương muội của trẫm.

- Chúng thần là con trai của công chúa ấy, Đại vương là cửu phụ (cậu) của chúng thần.

Thế rồi vua ôm lấy các cháu, hôn lên đầu và khóc, xong lại mang các cháu vào cung tiếp đãi rất trọng thể. Trong khi vua ân cần đón tiếp Bhùridatta, vua hỏi Bồ-tát bằng cách nào Àlambàna đã bắt ngài trong khi ngài có nọc thần vô địch như vậy. Sudassana liền kể hết đầu đuôi câu chuyện rồi bảo:

- Tâu Đại vương, một vị vua phải trị vì quốc độ như thế này.

Chàng liền thuyết Pháp cho vua, rồi chàng bảo:

- Tâu Cửu phụ, mẫu hậu đang héo mòn vì vắng bóng Bhùridatta, chúng tiểu điệt không dám ở lâu hơn nữa.

- Phải lắm, các hiền điệt cứ ra về, nhưng trẫm cũng muốn gặp vương muội, vậy làm cách nào?

- Tâu Cửu phụ, thế tổ phụ, Đại vương Kàsi, đâu rồi?

- Ngài không thể sống thiếu vương muội, nên ngài đã rời ngôi báu, đi làm ẩn sĩ, hiện đang sống trong rừng kia.

- Tâu cửu phụ, mẫu hậu cũng đang ao ước được gặp tổ phụ cùng cửu phụ, chúng tiểu điệt xin rước mẫu hậu đến lều ẩn sĩ của tổ phụ, lúc ấy cửu phụ sẽ gặp luôn mẫu hậu tại đó.

Thế là họ định ngày xong, và rời cung. Sau khi từ giã các cháu trai, vua khóc lóc trở vào; còn họ liền độn thổ ra đi về cảnh giới Nàga.

VII .- GÃ THỢ SĂN BỊ TRỪNG PHẠT

Khi bậc Đại Sĩ trở về với dân chúng như vậy, cả kinh thành đang rền vang những lời than khóc khắp nơi . Chính ngài cũng mệt mỏi vì cả tháng trời ở trong giỏ, nên đi nằm dưỡng bệnh, và thần dân Nàga tấp nập đến viếng thăm ngài đông vô số, khiến ngài lại mệt thêm vì phải chuyện trò cùng họ. Trong lúc ấy Kànàrittha lên thiên giới tìm không gặp bậc Đại Sĩ, là kẻ trở về đầu tiên, nên chàng được phân công làm thần canh cửa của bậc Đại Sĩ vì chàng được xem là kẻ tính tình nóng nảy có thể xua tan hết đám đông Nàga ấy.

Phần Subhàga, sau khi tìm khắp vùng núi Himavat (Tuyết Sơn), cả đại dương cùng các sông ngòi không gặp, liền phiêu bạt đến vùng sông Yamunà để tìm kiếm.

Lúc bấy giờ gã Bà-la-môn hạ đẳng thấy Àlambàna đã hóa thành người hủi, gã nghĩ thầm: "Gã ấy hóa hủi, chỉ vì quấy phá Bhùridatta; nay ta cũng vậy, chỉ vì ham ngọc báu mà phản bội ngài dù ngài là ân nhân của ta, tội này ta sẽ phải mang. Vậy trước khi họa đến, ta phải xuống dòng sông Yamunà rửa sạch tội trong chỗ tẩy uế linh thiêng này".

Thế rồi gã xuống sông, tự cho là gã sẽ rửa sạch tội phản bội kia. Vừa lúc ấy Subhàga đến nơi, nghe gã nói, liền nghĩ thầm: "Gã khốn nạn tồi tệ này chỉ vì tham bảo ngọc mà phản bội anh ta, ngài đã ban cho gã mọi phú quý vinh hoa, ta không thể nào tha mạng gã được". Vì vậy chàng cuộn đuôi quanh chân gã, kéo gã dìm xuống nước, đến khi gã ngạt thở, chàng để yên gã một lát; gã ngẩng đầu lên, chàng lại dìm xuống, nhiều lần như thế cho đến cuối cùng gã Bà-la-môn hạ đẳng kia ngẩng đầu lên bảo:

105. Ta đang tắm ở chốn thiêng này,
Dòng thánh Pa- yà linh hiển thay,
Chân cẳng ta trên đầy nước thánh,
Quỷ nào hút máu của ta đây?
Subhàga đáp lời gã qua vần kệ sau:

106. Chuyện kể ngày xưa có vị thần,
Đến Kà-si đất nước kiêu căng,
Long vương thật hiển vinh danh vọng,
Hùng dũng cuộn tròn khắp núi sông,
Ta chính con ngài đang chụp lão,

Tên Su-bha, hỡi Bà-la-môn.
Gã Bà-la-môn nghĩ thầm: "Anh của rồng chúa Bhùridatta không muốn tha chết cho ta, nhưng ta thử làm động từ tâm của vị này bằng cách tán tụng phụ mẫu của họ, rồi xin tha mạng xem sao". Thế là gã ngâm kệ sau:

107. Kà-si vương tử thật oai linh,
Mẫu hậu sinh dòng giống hiển linh,
Ngài chớ để nô tài hạ đẳng,
Chết chìm trong sóng nước vô tình.
Subhaga nghĩ thầm: "Gã Bà-la-môn độc ác này cố đánh lừa ta để ta xiêu lòng mà tha nó, nhưng ta chẳng tha nó đâu". Thế là chàng đáp, nhắc lại các hành động của gã:

108. Một nai khát nước đến dòng sông,
Từ bụi cây, ngươi núp bắn cung,
Kinh hãi, đau thương nai chạy trốn,
Bỗng dưng tai họa giáng vào thân.
109. Người thấy trong rừng nai ngã ra,
Ngươi đem đòn gánh vác nai qua,
Đến cây đa mọc đầy cành lá,
Chẳng chịt bao quanh gốc rễ cha.
110. Sơn ca trỗi khúc nhạc du dương,
Anh vũ trên cây nhảy rộn ràng,
Đất trải cỏ xanh như thảm lót,
Hoàng hôn mời nghỉ bước an nhàn.
111. Mắt ngươi độc ác thấy anh ta,
Đang ẩn mình trong đám lá đa,
Mang sắc áo hè tươi rực rỡ,
Vui đùa cùng với đám cung nga.
112. Hoan hỷ, anh ta chẳng hại ai,
Sao ngươi độc ác giết oan ngài,
Nạn nhân vô tội, nhìn đây nhé!
Tội ấy trên đầu ngươi tái lai.
Ta chẳng tha ngươi dù phút chốc, Ngươi đành trả hận tối cao này.

Gã Bà-la-môn nghĩ thầm: "Vị này quyết không tha mạng ta, song ta phải tìm mọi cách thoát đi mới được". Rồi gã ngâm kệ sau:

113. Học hành, cầu nguyện để cúng dâng,
Làm tế lễ trong ngọn lửa thần,
Ba việc khiến La-môn được sống,
Không ai xúc phạm dẫu hờn căm.

Subhaga nghe gã nói đâm ra do dự, chàng nghĩ thầm: "Ta sẽ mang nó về cảnh giới Nàga hỏi các vương huynh ra sao". Và chàng ngâm hai vần kệ:

114. Dưới dòng sông thánh Ya-mu-nà,
Trải tận chân đèo núi Tuyết xa,
Thủ phủ Nà-ga chìm đáy nước,
Là nơi ngự trị chúa Dha-ta.
115. Cũng là cung thất các vương huynh,
Ta sẽ đưa lời ngươi biện minh,
Tùy các vương huynh quyền định đoạt,
Xử ngươi tối hậu thật công bình.
Chàng liền lôi cổ gã đi xềnh xệch cùng lớn tiếng lăng mạ phỉ báng gã cho đến cung môn của bậc Đại Sĩ.

VIII.- BẬC ĐẠI TRÍ BÁC BỎ VỆ ĐÀ

Kànàrittha đã trở thành thần giữ cửa đang ngồi đó, thấy gã kia bị kéo lôi đi một cách thô bạo như thế, liền ra gặp họ và bảo:

- Này Subhàga, đừng làm gã bị thương, tất cả Bà-la-môn đều là con của đấng Đại Phạm thiên; nếu ngài biết ta đang làm con ngài bị thương, ngài sẽ nổi giận và tiêu diệt thế giới Nàga của ta. Trên thế gian này các Bà-la-môn có địa vị cao nhất và thụ hưởng đại vinh danh, vương huynh chưa biết uy danh của họ, nhưng tiểu đệ đã biết rõ lắm.

Vì chuyện kể rằng Kànàrittha trong tiền kiếp ngay trước đời này đã sinh ra làm một Bà-la-môn tế tự, cho nên chàng mới nói quả quyết như vậy. Hơn nữa, nhờ kinh nghiệm của đời trước, chàng rất thông thạo việc tế tự cho nên chàng bảo Subhaga cùng hội chúng Nàga:

- Đến đây ta sẽ tả cho các bạn biết đặc tính Bà-la-môn tế lễ ra sao.

Rồi chàng tiếp tục nói như sau:

116. Vệ-đà và các lễ tế đàn, Những điều trọng vọng thật cao sang,

Thuộc quyền các vị La-môn ấy, Cho dẫu họ hèn hạ tận cùng.

117. Đặc quyền họ hưởng đại quang vinh,
Nếu kẻ nào cười nhạo miệt khinh,
Sẽ mất của tiền và phạm luật,
Sống trong tội lỗi thật điêu linh.
Rồi Kànàrittha hỏi Subhaga có biết ai tạo ra thế giới này không, khi Subhaga bảo không biết, chàng liền ngâm kệ bảo rằng thế giới được tạo dựng bởi đấng Phạm thiên, là vị tổ của các Bà-la-môn:

118. Ngài tạo La-môn để học hành,
Tạo dòng Sát-đế-lị điều binh,
Cày bừa, Vệ-xá, và ngài tạo,

Nô lệ Thủ-đà phụng mệnh trên.
Như vậy chúa trời ban thượng lệnh,
Từ thời nguyên thủy đã hình thành.
Kế đó chàng bảo:

- Các Bà-la-môn này có rất nhiều uy lực, ai thân cận với họ và cúng dường họ nhiều lễ vật thì sẽ được ngài định số phận cho khỏi tái sinh mà được ngay thiên giới.

Rồi chàng đọc kệ sau:

119. Ku-ve-ra, So-ma, các thần,
Dhà-tà, Vi-dha, cùng trời, trăng,
Bao phen đã cử hành đàn tế,
Ban các La-môn mọi phước ân.
120. Aj-jun vĩ đại giáng tai ương,
Chi chít ngàn tay mọc khắp thân;
Mỗi cặp tay cầm cung dọa nạt,
Dâng thần lửa lễ vật đầy tràn !
Rồi chàng tiếp tục tả cảnh huy hoàng của các Bà-la-môn cùng các lễ vật tối cao sang phải được đem cúng dường cho họ như thế nào:

121. Cổ tích kể vua nọ cúng dâng,
Thật nhiều, sau hỏa một thiên thần;
Vua Mu-ja mãi thờ thần lửa,
Giải khát lửa bằng bơ tưới tràn,
Thần lửa cuối cùng đem tưởng thưởng,
Ngài tìm ra lối đến thiên cung.
Rồi chàng ngâm các vần kệ này để chứng minh bài thuyết giáo của chàng:

122. Du-ji đã sống trọn ngàn năm,
Xe ngựa, quân hầu, thảy phục tuân,
Ngài chọn cuối cùng đời ẩn sĩ,
Từ am tranh đã đến thiên cung.
123. Sà-ga chiến thắng khắp trần gian,
Dựng trụ vàng dâng lễ tế đàn,
Không ai thờ lửa hơn ngài cả,
Ngài cũng thăng thiên hóa vị thần.
124. Sữa, lạc, An-ga chúa Kà-si,
Cúng dâng liên tục tưới tràn trề,
Làm ngập sông Hằng thành biển cả,
Cuối cùng triều Đế-Thích ngài về.
125. Đại Đế Sak-ka có tướng quân,
Dâng So-ma tửu, được vinh thăng,

Nay ngài nắm giữ bao thần lực,
Từ số phận như mọi thế nhân.
126. Phạm thiên, đại tạo hóa, thành hình,
Ranh giới núi non tại tế đình,
Tuân lệnh ngài, sông Hằng chảy xuống,
Vinh quang ngài đạt bởi hy sinh.
Rồi chàng hỏi anh:

- Này vương huynh, anh có biết tại sao biển cả thành muối mặn không uống được chăng?

- Hiền đệ Arittha, ta không được biết.

- Vương huynh chỉ biết làm tổn hại các Bà-la-môn thôi, này hãy nghe đây.

Rồi chàng ngâm vần kệ:

127. Một ẩn sĩ, thông kệ, chú thần,
Đứng trên bờ biển, đệ nghe rằng:
Chạm vào biển, nó liền ăn sống,
Từ ấy, nước không uống được dần.
Tất cả các Bà-la-môn đều như thế đấy.

Rồi chàng đọc kệ khác:

128. Đế Thích xưa thành đấng Ngọc hoàng, Đặc ân chiếu xuống Bà-la-môn,

Đông, tây, nam, bắc, đồng dâng lễ, Nên đượcVệ-đà, họ hưởng phần.

Cứ thế Arittha miêu tả các Bà-la-môn cùng các tế lễ hy sinh và kinh Vệ-đà cho hội chúng Nàga. Nghe vậy nhiều rồng Nàga tìm đến thăm Bồ-tát bên giường bệnh, và bảo nhau:

- Vương tử đang kể chuyện cổ tích.

Rồi dường như có nguy cơ là họ chấp nhận tà thuyết ấy.

Lúc bấy giờ Bồ-tát đang nằm trên sàng tọa nghe hết câu chuyện xong, hội chúng Nàga lại kể cho ngài nghe, ngài suy nghĩ: "Arittha đang kể một chuyện cổ sai lạc, ta phải ngắt lời thuyết giảng của em ta và đem chánh kiến lại cho hội chúng này". Rồi ngài trở dậy, tắm rửa, trang hoàng châu báu xong liền ngồi trên bảo tọa, tụ tập hội chúng Nàga lại. Ngài cho gọi Arittha đến bảo:

- Này Arittha, hiền đệ đã nói lời sai lầm khi diễn tả các Bà-la-môn và kinh Vệ-đà, vì các tế lễ hy sinh theo nghi thức của kinh Vệ-đà không phải là điều đáng mơ tưởng và nó không thể đưa lối đến thiên giới, hãy nhìn kỹ đây những gì hư vọng trong lời nói của hiền đệ.

Thế rồi ngài ngâm các vần kệ này miêu tả các loại tế lễ hy sinh khác nhau:

129. Vệ-đà là bẫy kẻ khôn ngoan,
Lôi cuốn làm hư hỏng nạn nhân,
Ảo ảnh tạo mê lầm mắt tục,
Song bao bậc trí vượt an toàn.
130. Kinh Vệ-đà không bí lực thần,
Cứu người hèn, phản bội, vô luân,
Lửa kia dù thắp bao năm tháng,
Vô vọng cuối cùng tên chủ nhân.
131. Dù cây toàn cõi đất chồng cao,
Để thỏa nguyện thần lửa khát khao,
Nó vẫn thèm thuồng, khao khát mãi,
Nà-ga mong đáp ứng làm sao?
132. Sữa thường cứ thế biến dần lên,
Bơ, sữa đông là chuyện tự nhiên;
Khao khát đổi thay vầy ngọn lửa,
Càng khơi động, nó mãi cao lên.
133. Lửa không cháy tự gỗ tươi, khô,
Lửa cần nhen nhúm mới bùng to,
Gỗ tươi, khô nếu đều bừng cháy,
Ắt hẳn rừng xanh hóa hỏa lò!
134. Kẻ chất củi, rơm đốt lửa cao,

Đạt nhiều công đức, khác đâu nào, Đầu bếp nhen lò, hay thợ nguội, Hoặc người thiêu xác chết kia sao?

135. Chẳng ai cầu nguyện, dẫu thành tâm,
Hoặc chất mồi lên đốt lửa hồng,
Được phước đức gì nhờ tế lễ,
Lửa cao ngất khói cũng tàn dần!
136. Lửa mà bạn nghĩ đáng tôn vinh,
Vậy phải ở cùng rác thối tanh,
Ăn xác chết hân hoan độc ác,
Mọi người kinh tởm vội quay nhanh.
137. Có người tôn kính lửa như thần,
Giống bọn man ri trọng nước sông,
Bọn chúng lạc ra ngoài chánh đạo,
Đều không xứng được gọi thần nhân.
138. Thờ lửa, tôi đòi của thế nhân,
Vô tình, mù điếc trước lời than,
Sống đời ích kỷ đầy lầm lỗi,
Mơ tưởng thiên đường có được chăng?

139. Bà-la-môn ấy muốn làm ăn,
Nên bảo Phạm thiên cúng lửa thần,
Sao Tạo hóa làm ra vạn vật,
Lại thờ tạo vật chính tay làm?
140. Pháp luật hão huyền, phi lý sao,
Tổ tiên ta tưởng đạt sang giàu:
"Học hành ngài tạo La-môn ấy,
Sát- ly cầm quyền lực quý cao.
141-142. - Vệ xá cày bừa mọi đất đai,
Thủ -đà phụng mệnh của bao người,
Từ thời nguyên thủy là như vậy,
Phát xuất tối cao lệnh của trời".
Ta thấy lệnh này đều áp đặt,
Mắt ta trông đã hiển nhiên rồi.
143. Chỉ các La-môn được tế thần,
Không ai ngoài Sát-ly cầm quân,
Cày bừa Vệ-xá và nô lệ,
Các Thủ-đà kia phải phục tuân.
144. Vọng ngữ tham lam thuyết đảo điên,
Kẻ ngu tin tưởng chuyện hư huyền,
Ai người có mắt nhìn toàn cảnh,
Sao chẳng công bình, hỡi Phạm thiên?
145. Nếu quyền vô hạn khắp nơi nơi,
Sao chính tay ban phúc hiếm hoi,
Sao vật ngài sinh đều chịu khổ,
Sao không ban phúc đến muôn loài?
146. Lừa dối ngu si ở khắp nơi,
Tràn đầy hư vọng, chánh chân vơi,
Phạm thiên là vị bất công quá,
Đã tạo thế gian lắm trái sai.
147. Những kẻ được xem là trắng trong,
Tha hồ giết nhái, rắn, trùng, ong,
Tục này man rợ, ta khinh ghét,
Như thể Kam-bo, bộ lạc rừng.
148-149. Nếu kẻ giết kia được trắng trong,
Nạn nhân cũng được đến thiên đàng,
La-môn hãy giết La-môn sạch,
Như vậy bọn này được lạc an,
Và cả những ai nghe thật kỹ,

Những lời chúng nói thật tà gian.
150. Chẳng thấy bò, dê muốn thiệt thân,
Để mong có cuộc sống cao hơn,
Chúng miễn cưỡng đi vào chỗ chết,
Vẫy vùng tuyệt vọng trút hơi tàn.
151. Bao phủ tế đàn, chuyện sát sinh,
Tuôn lời bóng bẩy tuyệt tài tình:
"Tế đàn như thể con bò mập,
Bảo đảm bao tâm nguyện đạt thành".
152-153. Nếu củi chất quanh vật tế thần,
Chứa đầy kho báu, họ ca vang,
Bạc, vàng, châu, ngọc cho ta hưởng,
Cùng lạc thiên cung sẽ ngập tràn,
Hẳn họ tế đàn riêng họ hưởng,
Giữ cho mình sản nghiệp giàu sang.
154. Bọn dối lừa, ngu xuẩn, ác gian, Chuyện dài thêu dệt phỉnh ngu dân:

"Dâng tiền, cắt móng và râu tóc, Người sẽ được như nguyện thỏa lòng".

155-156. Thí chủ ngây ngô sẵn nhiệt tình,
Với hầu bao đến, chúng vây nhanh,
Như bầy quạ xúm quanh chim cú,
Tâm hướng về bao chuyện ác hành,
Khiến nạn nhân kia thành sạt nghiệp,
Cuối cùng bị lột sạch sành sanh,
Đồng tiền chắc chắn người kia có,
Đổi lấy hứa suông chẳng thực hành.
157-158. Như bọn lạ tham được lệnh vua,
Tịch thu tài sản đám nông gia,
Bọn này cướp chỗ nào rình rập,
Tìm của với con mắt ác tà;
Không luật lệ nào lên án chúng,
Tuy nhiên chúng phải chết là vừa!
159-160. Tế sư phải nắm nhánh Bu-ta,
Làm lễ tế đàn tự trước kia,
Nó được gọi thay Thiên chủ đấy;
Thế nhưng nếu thật vậy từ xưa,
Phải chăng Thiên chủ In-dra đã,
Chiến thắng được yêu quỷ địch thù?
Tay của trời cho ngài ích lợi,
Có đâu làm quỷ sợ vu vơ?

161-162. Mỗi rặng núi trong quốc độ kia,
Chính là lễ vật tự ngàn xưa,
Đặt lên đàn tế thành từng đống,
Tín chủ đưa tay nhẫn nại ra
Chất lễ vật lên cao tựa núi,
Tuân theo lệnh Đại Phạm thiên mà!
163-164. "Núi được chất cao với lễ dâng",
Nói như vậy đó các La-môn,
Khoe khoang huyễn hoặc, ôi ô nhục!
Đống gạch kia dù kiếm hết lòng,
Cũng chẳng chứa đâu nguồn mạch sắt,
Để người thợ mỏ phải hoài công.
165. Chuyện kể một hiền thánh thuở xưa,
Đang khi cầu nguyện ở bên bờ,
Bị chìm xuống biển, từ thời đó,
Nước biển không sao uống đến giờ!
166-167. Sông đã nhận chìm các Thánh hiền,
Hằng trăm và nước vẫn bình yên,
Xuôi dòng chảy mãi không hề thối,
Sao chỉ biển xanh giữ hận hiềm?
Nước mặn tràn vào trên mặt đất,
Do người đào, chẳng bởi lời nguyền.
168-169. Trước tiên chẳng có nữ, nam nhân,
Trí óc làm nhân loại sáng dần,
Dòng giống ban đầu bình đẳng cả,
Nhưng vì thành bại đã bao lần,
Làm con người đổi thay ngôi thứ,
Chẳng phải vì xưa thiếu phước ân,
Những lỗi lầm ngày nay đã khiến,
Họ thành ưu thắng hoặc cùng bần.
170. Kẻ hạ đẳng kia dùng trí khôn,
Đọc kinh này, trí chẳng cao hơn,
La-môn tạo Vệ-đà làm hại,
Khi các tha nhân đạt trí thông.
171. Như vẹt, câu ca được thuộc lòng,
Khó quên vì nhịp điệu du dương,
Tối tăm ý nghĩa làm mê mẩn,
Ngu trí nuốt trôi thật bốc đồng.
172. Bà-la-môn chẳng giống thú hoang,

Sư tử, cọp beo của núi ngàn,
Chúng với trâu bò đồng một loại,
Khác ngoài nhưng trí vẫn ngu đần.
173. Nếu vua thắng trận dứt đao binh,
Và sống bình an với bạn mình,
Chế ngự dục tham, theo chánh đạo,
Muôn dân hạnh phúc sống phồn vinh.
174. Vệ-đà, Sát-đế-ly cầm quyền,
Độc đoán cả hai, lại hão huyền,
Mù quáng chúng lần mò tiến bước,
Trên đường hồng thủy ngập liên miên.
175. Vệ-đà, Sát-ly nắm quyền năng,
Thâm nghĩa, chúng ta thảy nhận chân:
Rốt cuộc, nhục vinh hay được mất,
Cùng chung số phận bốn giai tầng.
176. Như các chủ nhà muốn kiếm ăn,
Tính bao nghề tốt đẹp, an toàn,
La-môn nay gặp ngày tàn mạt,
Tìm kế sinh nhai đủ mọi đàng.
177. Chủ nhà lầm lạc bởi tham vàng,
Mù quáng đi theo dục dẫn đàng,
Bày đủ mọi trò lừa đảo ấy,
Kẻ ngu phải đọa! Thác người khôn.

Bậc Đại Sĩ, sau khi đánh tan mọi luận thuyết của họ như vậy, đã thành lập ra giáo phái của ngài và khi hội chúng Nàga nghe ngài thuyết giảng, tâm họ tràn đầy hoan hỷ. Bậc Đại Sĩ cho thả tên Bà-la- môn hạ đẳng kia ra khỏi cảnh giới Nàga mà không hề đá động gì đến gã, dù chỉ bằng một lời nói khinh miệt.

*

Vua Sàgara cũng không lỗi hẹn, vội ngự du cùng binh lính đến nơi trú ngụ của vua cha, sau khi đánh trống báo cho thần dân biết ngài sẽ đi thăm ngoại tổ phụ và quốc cửu, bậc Đại Sĩ du hành qua sông Yamunà, trước tiên ngài ngự đến am ẩn sĩ của tổ phụ với mọi vẻ long trọng huy hoàng, theo sau ngài có đầy đủ các vương tử cùng phụ vương, mẫu hậu ngài.

Lúc ấy vua Sàgara chưa nhận ra bậc Đại Sĩ khi ngài tiến đến cùng đám tùy tùng, liền hỏi vua cha:

178. Chiêng trống nào đây, tiếng nói vang,
Trầm hùng hòa điệu giữa không gian,
Làm tâm Thánh thượng đầy hoan hỷ,
Đàn sáo, tù và, tiếng trống con?

179. Ai là nam tử bước hiên ngang,
Nai nịt cung tên được điểm trang,
Vương miện quanh đầu đang chiếu sáng,
Khác nào ánh chớp tỏa hào quang?
180. Ai đó uy nghi bước đến gần,
Sáng ngời tướng mạo dáng thanh xuân,
Như cành phượng vĩ đang hồng đỏ,
Lò thợ rèn lia cháy sáng bừng?
181. Chiếc lọng của ai sáng sắc vàng,
Làm mờ ngọ nhật vẻ kiêu căng,
Bên sườn khéo léo treo lơ lửng,
Chiếc quạt đập ruồi đợi sẵn sàng?
182. Gậy vàng vung vẫy các đuôi công,

Hòa đủ màu bên cạnh mặt rồng, Rực rỡ vòng tai tô điểm tóc, Khác nào tia chớp lóe không trung?

183. Hào kiệt nào đây mắt sáng trong,
Mão long đội giữa đôi mày cong,
Răng trắng như chồi hoa, vỏ ốc,
Hoàn toàn đều đặn, thẳng ngay hàng.
184. Bàn tay hồng đỏ tựa sơn son,
Môi, đóa bim-ba thắm nở tròn,
Chàng trẻ sáng ngời như mặt nhật,
Như sà-la nở rộ đầu non,
In-dra Thiên chủ mang bào giáp,
Chiến thắng quỷ thù thảy dẹp tan.
185. Ai vừa hiện trước nhãn quang ta,
Mở ví bên sườn, tuốt kiếm ra,
Chuôi nạm ngọc vàng đầy kỹ xảo,
Huy hoàng chiếu sáng dưới tay ngà?
186. Ai cởi hài vàng khỏi gót chân,
Hài thêu dệt gấm thật cao sang,
Cuối đầu trịnh trọng trang nghiêm lễ,
Bày tỏ lòng tôn kính Trí nhân?
Khi nghe con của ngài là quốc vương Sàgara Brahmadatta hỏi như vậy, vị ẩn sĩ xuất gia đã chứng đắc thắng trí cùng các Thiên chứng, liền trả lời:

- Này vương nhi, đó là các vương tử của vua Dhatarattha, các Long vương Nàga của bào muội của con đó.

Rồi ngài ngâm kệ sau:

187. Dha-ta vương tử các chàng đây,
Uy lực, vinh quang vĩ đại thay,
Tất cả đều tôn sùng chấp nhận,
Sa-mud-da mẫu hậu chung này.
Trong lúc các vị đang đàm đạo, hội chúng Nàga đến nơi, đảnh lễ dưới chân vị ẩn sĩ, rồi ngồi xuống một bên. Công chúa Samuddajà cũng đảnh lễ cha xong, khóc lóc một hồi rồi từ tạ cùng hội chúng Nàga trở lại cảnh giới của mình. Quốc vương Sàgara ở lại đó vài hôm rồi trở về thành Ba-la-nại. Còn công chúa Samuddajà về sau qua đời tại cảnh giới Nàga.

Phần Bồ-tát vẫn giữ giới suốt đời Ngài và tu tập đủ mọi công hạnh trong ngày trai giới, nên khi mạng chung, ngài cùng với hội chúng Nàga đi lên thiên giới thật đông đảo.

*

Khi Pháp thoại chấm dứt, Bậc Đạo Sư dạy:

Như vậy các vị Thánh đệ tử, các bậc hiền nhân ngày xưa, trước khi đức Phật ra đời, đã từ bỏ mọi vinh quang của quốc độ Nàga và trang nghiêm hành trì các công hạnh trong ngày trai giới.

Rồi ngài nhận diện Tiền thân:

Vào thời ấy, gia tộc của Đại vương là cha mẹ Ta, Devadatta (Đề-bà-đạt-đa) là gã Bà-la-môn hạ đẳng, Ànanda (A-nan) là Somadatta, Uppalavannà (Liên hoa Sắc) là Accimukhì, Sàriputta (Xá- lợi-phất) là Sudassana, Moggallàna (Mục-kiền-liên) là Subhaga, Sunakkhatta là Kànàrittha và Ta chính là bậc Đại trí Bhùridatta.

-ooOoo-

Chương XXII Đại Phẩm (tiếp theo)

-ooOoo-

544. CHUYỆN BẬC ĐẠI TRÍ MAHÀNÀRADA-KASSAPA (Tiền thân Mahanàrada-Kassapa)

Một vì vua xứ Vi-đề-ha… ,

Câu chuyện này do bậc Đạo Sư kể, khi Ngài trú ngụ tại Lạc Viên Latthivanna (Rừng Mía), về việc quy y của Tôn giả Ưu-lâu-tần-loa-Ca-diếp (Uruvela-Kassapa).

Lúc bấy giờ uy danh của bậc Đạo Sư về việc hoằng dương Chánh pháp đã bắt đầu lừng lẫy. Sau khi Ngài giáo hóa các vị tu khổ hạnh khác cùng Tôn giả Ưu-lâu-tần-loa, Ngài liền đi đến Lạc Viên Latthivana, với cả ngàn Tỷ kheo vây quanh, các vị này trước đây là những đạo sĩ khổ hạnh. Ngài muốn thuyết phục vua Magadha (Ma-kiệt-đà) giữ lời hứa cúng dường Tinh xá Veluvana (Trúc Lâm) và lúc ấy vua Ma-kiệt-đà cùng đến với đám triều thần đông cả mười hai vạn người.

Sau khi đảnh lễ đức Phật xong, vua ngồi xuống, rồi một vấn đề được đưa ra tranh luận giữa các Bà-la-môn và các gia chủ trong đám tùy tùng của vua: Phải chăng Tôn giả

Ưu-lâu-tần-loa Ca-diếp phục tùng sự giáo hóa của bậc Đại Sa Môn, hay là bậc Đại Sa Môn phục tùng sự hướng đạo tu hành của Ưu-lâu-tần-loa Ca- diếp?

Lúc ấy đức Thế Tôn nghĩ thầm: "Ta sẽ cho hội chúng thấy rằng Ca-diếp đã phục tùng sự giáo hóa của Ta".

Rồi Ngài ngâm kệ này:

Thấy gì Hiền giả Kas-sa-pa,
Người ở rừng U-ru-ve-la,
Lừng lẫy tiếng tăm về khổ hạnh,
Sao ông từ bỏ lửa thiêng xưa,
Này Ca-diếp hỡi, nghe ta hỏi:
Sao bỏ tế đàn với lửa kia?
Lúc ấy vị trưởng lão đã hiểu rõ ý nghĩa câu hỏi của đức Phật, liền đáp kệ này:

Tế lễ nói lên ngũ dục trần:
Sắc, thanh, hương, vị với giai nhân,
Và khi biết những điều như thế,
Chỉ thấy trong đời sống thế gian,
Đều bất tịnh, con không thích thú,
Tế đàn dâng lễ cúng Thiên thần.
Rồi để tỏ ra mình là đệ tử Phật, vị Tỷ-kheo này đặt đầu lên chân đức Phật và nói:

- Đức Thế Tôn là Đạo Sư của con, con là đệ tử của Ngài.

Nói xong ông bay lên không bảy lần đến ngọn một cây cọ dừa (tala), hai cây tala cho đến bảy cây tala, rồi trở xuống đảnh lễ đức Thế Tôn và ngồi qua một bên. Hội chúng trông thấy việc hy hữu như thế, liền tán thán uy danh cục bậc Đạo Sư, đồng nói to:

- Cao cả thay thần lực của đức Phật, nên mặc dù đã tin tưởng vững chắc vào uy lực mình, mặc dù tự cho mình là Thánh nhân, Tôn giả Ưu-lâu-tần-loa cũng đã phá bỏ mọi vọng chấp sai lầm và xin quy y với đức Như Lai.

Bậc Đạo Sư đáp:

- Việc ấy cũng không kỳ diệu gì, khi ngày nay Ta đã đạt Thắng trí viên mãn và giáo hóa vị này; vì ngày xưa khi ta còn là một Bà-la-môn tên gọi Narada và còn tham đắm dục lạc, ta cũng phá tan mọi vọng chấp sai lạc của ông và khiến ông phải quy phục.

Rồi theo lời thỉnh cầu của thính chúng. Ngài kể câu chuyện sau đây:

*

Ngày xưa ở thành Mithilà trong quốc độ Videha có một vị minh quân trị vì rất đúng pháp, tên là Angàti. Lúc bấy giờ chánh hậu của ngài đang mang thai một công chúa xinh đẹp đầy ân phúc, tên gọi Rujà, có công hạnh rất lớn và là người đã phát đại nguyện suốt một trăm ngàn kiếp. Mười sáu ngàn phi tần kia của ngài đều không có

con. Vì thế công chúa này rất được yêu quý nâng niu.

Hằng ngày ngài thường ra lệnh ban cho nàng hai mươi lăm giỏ hoa muôn màu và xiêm y lộng lẫy để nàng trang sức, lại ban cho nàng một ngàn đồng tiền để nàng bố thí các thức ăn uống tràn trề mỗi tháng hai lần.

Lúc bấy giờ ngài có ba vị cận thần tên gọi Vijaya, Sunàma và Alàta. Vào một ngày rằm tháng tư kia, cả kinh thành và cả cung điện được trang hoàng lộng lẫy như cảnh thiên giới, sau khi đức vua đã tắm gội, xức dầu thơm và trang sức đủ ngọc ngà trân bảo, ngài cùng các cận thần ngự lên thượng lầu mở cửa sổ nhìn mặt trăng tròn đang lên cao dần trên bầu trời quang đãng, ngài bảo các cận thần:

- Đêm trăng này thật thú vị quá, các khanh muốn cùng ta hưởng lạc thú gì chăng?

*

Bậc Đạo Sư giải thích việc này như sau:

1. Một vì vua xứ Vi-đề-ha,
Tên gọi An-ga-ti, thuở xưa,
Có lắm cỗ xe, tài sản quý,
Binh hùng tướng mạnh kể sao vừa.
2. Một đêm trăng sáng ngày mười lăm, Canh một sắp qua, ánh nguyệt rằm,

Vào tháng tư mùa mưa mới đến, Vua liền tụ họp đám quần thần.

3. Vi-ja-ya, Đại tướng A-là,
Cùng với Đại thần Su-ma-na,
Là các trí nhân, tươi nét mặt,
Đông con kinh nghiệm đủ phò vua.
4. Vua Vi-đề hỏi chúng triều đình:
Hãy nói ý mình muốn, mỗi khanh,
Nay đúng tháng tư, đêm mãn nguyệt,
Mây mờ không phủ ánh trăng thanh,
Đêm nay ta có gì vui thú,
Tiêu khiển thời giờ ấy thật nhanh?
Cứ thế khi được vua hỏi đến, mỗi vị cận thần nói lên nguyện ước lòng của mình.

*

Bậc Đạo Sư giải thích việc này như sau:

Lúc ấy Đại tướng Alàtaka tâu với vua:

- Tâu Đại vương, ta hãy tập hợp binh hùng tướng mạnh lại, rồi đi chinh chiến cùng với muôn vạn dân chúng, cho phép chúng thần đem đặt dưới quyền Đại vương những vị vua trước đây đã tự trị, đó là thiển ý của thần, xin Đại vương cho phép chúng thần đi chinh phục những vùng đất chưa từng bị chinh phục.

Khi nghe lời của Alàta tâu, Sumàna liền nói:

- Tâu Đại vương, các quốc thù của ngài đều đã được tập hợp về đây, họ đã buông khí giới qua một bên và quy hàng Đại vương rồi. Hôm nay là ngày đại lễ hội, thần không thích việc chiến chinh, xin Đại vương ra lệnh mang rượu thịt cùng các loại sơn hào hải vị lên đây ta cùng vui hưởng đờn ca xướng hát.

Nghe lời Sunàma tâu như vậy, Vijaya liền nói:

- Tâu Đại vương, tất cả thú vui dục lạc lúc nào cũng sẵn sàng dâng lên Đại vương, không phải là khó kiếm để làm thỏa lòng Đại vương, nên dù có được những lạc thú ấy, thần cũng không tán đồng. Xin Đại vương ngự xa giá đến hầu thăm một vị Sa-môn hay Bà-la-môn tinh thông Thánh điển am tường kinh nghĩa, có thể phá tan mọi hoài nghi của chúng thần hôm nay về tâm nguyện của chúng thần.

Khi nghe lời của Vijàya, vua Angati bảo:

- Lời tâu của Vijàya rất hợp ý trẫm, ta hãy cùng đi hầu thăm một vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào tinh thông Thánh điển, am tường mọi kinh nghĩa để có thể phá tan mối hoài nghi của ta về tâm nguyện

hôm nay. Các khanh hãy mau mau thi hành quyết định này, vậy ta hãy đi hầu thăm vị Sư trưởng nào đây?Hôm nay vị nào tinh thông kinh kệ cùng thâm nghĩa của Thánh điển có thể phá tan lưới nghi của ta về các điều tâm nguyện.

Khi nghe vua nói vậy, Alàta liền tâu:

- Có một vị khổ hạnh lõa thể trú trong vườn Lộc Uyển đằng kia, được mọi người tán thán là bậc hiền nhân, tên gọi Guna dòng Ca-diếp, một bậc thuyết giáo đã lừng danh, có rất đông đệ tử theo học. Vậy ta hãy đến hầu thăm ngài, ngài sẽ phá tan lưới nghi của ta.

Nghe lời tâu của Alàta, vua ra lệnh cho quan thủ xa:

- Trẫm muốn du hành đến vườn Lộc Uyển, hãy mang xa giá đầy đủ yên cương lại đây.

Khi xa giá đã được chuẩn bị yên cương, trang hoàng đầy đủ ngọc ngà, vàng bạc, cỗ xe vương mã sáng ngời màu bạch ngọc, vẻ tinh khiết như bầu trời đêm quang đãng. Bốn tuấn mã giống Sindh trắng như hoa súng đã chầu sẵn, có sức phi nhanh như gió, lại rất thuần thục, mang vòng vàng lục lạc cùng lộng trắng, xe trắng, ngựa trắng và quạt trắng. Đức vua khởi hành cùng đám cận thần, rực rỡ như mặt trăng bạc. Nhiều bậc trí giả và dũng sĩ nai nịt cung kiếm lên ngựa theo hầu đức vua anh hùng. Sau một đoạn đường dài, trong chốc lát, vua Videha cùng đám cận thần xuống xe, đi bộ đến gần chòi ẩn sĩ Guna; ngay lúc ấy các Bà-la-môn và các phú gia đã tề tựu đông đúc tại đó. Nhà vua cũng không ra lệnh bảo họ lui ra, mặc dù chẳng có chỗ nào dành cho ngài. Ngài ngồi qua một bên, được vây quanh bởi thính chúng gồm đủ hạng người như vậy, rồi ngài làm lễ yết kiến vị ẩn sĩ kia.

*

Bậc Đạo Sư giải thích vấn đề này như sau:

Lúc ấy vua ngồi qua một bên trên một tấm nệm êm ái, bọc bằng da lông sóc mượt mà đủ loại cùng với một chiếc gối dựa mềm mại đặt ngang. Khi vừa an tọa, vua chào hỏi vị ẩn sĩ bằng những lời tán thán đầy tình thân hữu và cung kính:

- Thưa Tôn giả, các nhu cầu về vật thực, y phục của ngài có được đầy đủ chăng? Sinh lực của ngài không bị tiêu hao nhiều chứ? Nếp sống của ngài có dễ chịu chăng? Ngài có được cúng dường đúng thời chăng? Việc đi lại của ngài có gì cản trở chăng? Nhãn quang của ngài vẫn được tinh tường chứ?

Ẩn sĩ Gunà từ tốn đáp lại vua Videha đang hết sức quan tâm đến phận sự của ngài:

- Tâu Đại vương, mọi nhu cầu vật dụng của bần đạo đều được đầy đủ, hai vấn đề ngài nêu sau cùng cũng được như ý. Còn phần Đại vương, các vị quốc vương lân cận không quá hùng mạnh đối với Đại vương chứ? Đại vương có được ngọc thể khang an chăng? Vương xa của Đại vương thượng lộ bình an chứ? Đại vương không bị bệnh tật gì não hại chứ?

Vua mong cầu pháp lành nên sau khi được vấn an xong, ngài liền hỏi vị ẩn sĩ ý nghĩa và giáo pháp cùng giới luật công hạnh:

- Thưa Tôn giả Ca-diếp, một thế nhân phải cư xử như thế nào gọi là đúng pháp đối với cha mẹ, đối với sư trưởng, đối với vợ con? Còn phải cư xử ra sao đối với các bậc trưởng lão, các Sa-môn, Bà- la-môn, với binh sĩ cùng dân chúng trong quốc độ mình? Làm thế nào để hành trìđúng pháp rồi chung cuộc được lên Thiên giới? Và một số thế nhân vì theo tà pháp đã đọa địa ngục như thế nào?

Vì lúc ấy không có một vị Phật Chánh đẳng Giác xuất hiện, cũng không có một vị Độc Giác Phật, một vị Thánh đệ tử của chư Phật hay một bậc trí nhân nào, nên vua hỏi liên tiếp các vấnđề đáng được nêu ra của một vị quốc vương cho một khất sĩ lõa thể không hiểu biết gì và lại mù quáng tựa trẻ thơ. Vừa khi được hỏi như vậy, ông đã không trả lời phù hợp câu hỏi, mà nhân cơ hội tâu ngay:

- Tâu Đại vương, xin Đại vương nghe đây.

Rồi ông tuyên thuyết tà pháp của mình như kẻ đánh con bò trong khi nó đang đi hay làm rớt phân vào máng ăn của con bò khác.

*

Bậc Đạo Sư giải thích vấn đề như sau:

Khi nghe vua Videha hỏi, Kassapa trả lời:

- Tâu Đại vương, đây là chân lý không sai lạc: Không có quả báo thiện hay ác nào khi ta tuân giới luật, không có đời sau, tâu Đại vương còn ai trở lại đời này sau khi mạng chung nữa? Không có tổ tiên cha mẹ, làm sao có cha hay mẹ được? Không có sư trưởng, vì ai có khả năng giáo hóa những pháp không thể được giáo hóa? Mọi thế nhân đều bình đẳng và giống nhau, không có kẻ nào đáng được kính lễ cũng không có kẻ nào phải kính lễ người khác, không có các đức tính như dũng mãnh hoặc can trường vì ở đời làm sao có được tinh tấn lực hay tính anh hùng?

Số phận các thế nhân đã được tiền định, cũng như đuôi con tàu phải đi theo dấu con tàu vậy. Mỗi thế nhân được thọ hưởng phần mình phải thọ hưởng, thế thì bố thí để làm gì? Tâu Đại vương, việc bố thí không ích lợi gì cả. Người bố thí là kẻ yếu hèn, chẳng ai giúp đỡ, lễ vật bố thí được kẻ ngu ngốc đưa ra và được kẻ không nhận lấy. Những kẻ vô trí, yếu hèn lại tưởng mình khôn ngoan khi bố thí cho kẻ có trí.

Sau khi diễn giảng sự vô ích của bố thí, ông lại tiếp tục diễn tả tội chướng không có công năng tạo nghiệp quả đời sau:

- Có bảy uẩn không bị hủy diệt cũng không não hại, đó là hỏa, địa, thủy, không, lạc, khổ và tâm. Trong bảy uẩn này chẳng có uẩn nào đủ công năng tiêu hủy hay phân tán. Chúng cũng không hề bị phân hủy, gươm giáo đều vô hại đối với các uẩn này. Kẻ nào cắt đầu kẻ khác bằng thanh kiếm sắc bén cũng không thể phân tán các uẩn này, thế thì làm sao lại có thể hưởng được nghiệp quả vì làm ác nghiệp? Mọi chúng sanh đều được sạch tội lỗi khi đã sống qua tám mươi bốn đại kiếp, trước thời kỳ đó chẳng có một người Phạm hạnh nào được rửa sạch tội lỗi cả. Trước khi thời kỳ đó đến, dù họ thực hành giới hạnh bao nhiêu đi nữa, họ cũng không thể rửa sạch tội lỗi, và dù họ phạm bao nhiêu tội chướng đi nữa, họ cũng không thể vượt quá giới hạn đó. Lần lượt con người sẽ được rửa sạch tội qua tám mươi bốn kiếp; ta không thể vượt quá số phận ta, cũng như biển không thể vượt bờ.

- Cứ thế kẻ biện luận cho thuyết hư vô ấy đã củng cố lý lẽ mình bằng giọng hăng say không cần đến một thuyết nào trước đây cả.

Khi nghe Kassapa nói vậy, Alàta đáp lời:

- Những điều Tôn giả nói rất hợp ý ta, ta cũng nhớ lại đã trải qua một tiền kiếp: Ta là một thợ săn bò tên là Pingala ở một tỉnh thành kia. Ta đã phạm bao nhiêu tội lỗi ở thành Ba-la-nại giàu có ấy. Ta đã giết biết bao nhiêu sinh mạng bò, heo, trâu, dê. Hết kiếp đó, ta lại sinh vào gia đình phồn thịnh của một viên đại tướng; như thế không hề có quả ác vì hành nghiệp ác nên ta đã không đọa vào địa ngục.

Lúc ấy có một tên nô lệ ăn mặc rách rưới tên là Bìjaka đang hành trì trai giới cũng đến đây nghe Guna thuyết pháp. Khi nghe Kassapa và Alàta đối đáp như vậy, gã thở dài não nuột và bật khóc. Vua hỏi:

- Tại sao người khóc? Ngươi đã nghe thấy gì chăng? Tại sao ngươi lộ vẻ đau khổ với ta như vậy?

Bìjaka trả lời:

- Tâu Đại vương, tiểu nô chẳng có gì làm khổ đâu, xin Đại vương hãy nghe tiểu nô giải bày. Tiểu nô cũng nhớ lại tiền kiếp rất được sung sướng, tiểu nô là một Bhavasetthi (phú thương) trong thành Sàketa, chuyên trì công đức, giữ thân trong sạch hay bố thí, được các Bà-la-môn và các phú gia rất quý trọng. Tiểu nô nhớ lại mình chẳng hề phạm tội ác bao giờ. Nhưng khi hết kiếp ấy, tiểu nô lại đầu thai vào bụng một gái giang hồ nghèo khó và ra đời chịu rất nhiều cực khổ. Tuy nhiên dù khổ cực như hiện nay, tiểu nô vẫn giữ tâm trí thanh tịnh, tiểu nô nhường phân nửa thức ăn cho kẻ nào cần thực

phẩm. Tiểu nô giữ trai giới các ngày mười bốn và rằm, chẳng hề sát sanh trộm cắp. Nhưng tất cả những điều lành đó không đem lại quả tốt nào như Alàta vừa nói, tiểu nô cho rằng công đức thật chẳng ích gì. Tiểu nô thua cuộc trong đời như kẻ chơi súc sắc bất tài, còn Alàta thắng cuộc như một kẻ đánh súc sắc khéo tay. Tiểu nô không có cách nào lên thiên giới cả, vì thế tiểu nô rơi lệ khi nghe ngài Ca-diếp nói pháp.

Sau khi nghe Bìjaka nói vậy, vua Angati đáp:

- Không có lối lên thiên đàng, chỉ đợi chờ số phận. Số người sướng hay khổ là do số phận định đoạt. Chung cuộc mọi chúng sinh sẽ được giải thoát khỏi luân hồi, vậy đừng nóng lòng vì tương lai. Trong các đời trước của ta, ta cũng đã được nhiều phước phần và chuyên tâm phụng sự các Bà-la- môn cùng các phú gia, nhưng lúc ta bận chấp chánh trị dân, ta lại không được hưởng lạc gì cả.

Nói xong, vua tạ từ ẩn sĩ:

- Thưa Tôn giả Kassapa, từ lâu nay trẫm thật là vô tâm xao lãng, nhưng cuối cùng bây giờ trẫm đã tìm ra được một vị sư trưởng, vậy từ nay trẫm sẽ tuân theo lời dạy của Tôn giả, trẫm sẽ an hưởng thú dục lạc mà thôi, dù có nghe thuyết giảng về công đức cũng không ngăn cản được trẫm đâu. Xin Tôn giả ở lại, trẫm xin từ tạ Tôn giả, ta sẽ còn dịp hội ngộ ngày sau.

Nói xong vua Videha trở về cung. Thoạt tiên khi vua đến viếng Guna, ngài chào vị này rất cung kính rồi nêu câu hỏi ra, nhưng khi ngài giả từ, ngài chẳng chào hỏi gì nữa. Vì Guna không đúng

như danh truyền, vì bất xứng nên chẳng được đảnh lễ, vả lại càng ít được cúng dường. Qua đêm đó, rạng ngày hôm sau, vua triệu tập quần thần lại và bảo:

- Các khanh hãy chuẩn bị đủ mọi thứ dục lạc, từ nay trẫm sẽ chỉ theo đuổi dục lạc, các khanh đừng nói việc gì khác trước mặt trẫm, hãy để những vị này vị kia ra chấp chánh trị dân.

Và từ đó vua chìm đắm trong việc hưởng lạc.

*

Bậc Đạo Sư giải thích việc này như sau:

Qua đêm đó, rạng ngày mai, vua Angàti triệu tập các vị đại thần lại và phán:

- Các khanh cho bày đủ mọi thứ dục lạc trong điện Candaka để trẫm an hưởng, không ai được dâng sớ về việc công tư gì nữa. Các khanhVijaya, Sunàma và đại tướng Alàtaka đều tinh thông luật pháp, hãy ngồi xét xử mọi vấn đề thay trẫm.

Vua nói thế xong, chẳng còn bận tâm điều gì nữa ngoài dục lạc và ngài cũng chẳng còn thân cận với các Bà-la-môn cùng các phú gia nữa.

Thế rồi vào đêm mười bốn, ái nữ của vua, công chúa Rujà, nói với bà nhũ mẫu:

- Xin nhũ mẫu trang sức ngọc vàng cho con thật nhanh, bảo các thị nữ đến hầu con ngày mai là ngày lễ rằm, con sẽ đi yết kiến phụ vương.

Họ liền đem cho nàng một tràng hoa cùng gỗ đàn hương, ngọc ngà châu báu đủ loại và xiêm y lộng lẫy muôn màu, nhiều thị nữ vây quanh nàng lúc nàng ngồi trên chiếc kim đôn, trang sức cho nàng cực kỳ rực rỡ tôn vẻ kiều diễm của nàng.

Sau đó được đoàn thị nữ tháp tùng chung quanh, sáng ngời trong các món trang sức trân bảo, công chúa Rujà bước vào cung Candaka như tia chớp lóe giữa vầng mây. Sau khi đến gần phụ vương đảnh lễ hết sức cung kính xong, nàng ngồi xuống một bên trên chiếc bảo tọa chạm vàng.

Khi vua thấy nàng được đám cung nữ theo hầu như một bầy tiên nữ, liền phán bảo:

- Này công chúa, con có vui chơi thỏa thích trong hồ nước nội cung chăng? Chúng có thường dâng con đủ loại cao lương mỹ vị chăng? Con cùng các thị nữ có thường kết đủ loại tràng hoa và xây nhà mát để chúng con nghỉ ngơi, vui đùa giải trí chăng? Bảo chúng đem lại đây ngay, con hãy thỉnh cầu phụ vương mọi điều con ưa thích, những điều gay go nhất, dù có khó như tìm mặt trăng đi nữa.

Nghe vua cha nói như vậy, công chúa thưa:

- Tâu phụ vương, trước long nhan, mọi nguyện vọng của tiện nữ đều được thỏa mãn. Ngày mai là ngày lễ rằm, xin phụ vương ban cho con một ngàn đồng tiền để con bố thí cho các kẻ hành khất.

Nghe Rujà nói, vua liền đáp:

- Con đã phung phí nhiều của cải mà chẳng có kết quả gì, con giữ gìn trai giới, kiêng cử ăn uống, nhưng quan niệm về phận sự giữ gìn trai giới này đều do tiền định, cho nên con có giữ gìn trai giới cũng không đạt công hạnh gì. Trong lúc con còn sống đây với phụ vương, con đừng bố thí vật thực nữa, không hề có đời sau nào ngoài đời này nữa, tại sao con phải bận tâm vì việc không đâu?

Lúc ấy Rujà với nhan sắc cực kỳ lộng lẫy, nghe vua cha nói vậy liền đáp như sau, vì biết rằng nàng hiểu Pháp lành ở đời quá khứ cùng vị lai:

- Tâu phụ vương, tiện nữ đã được nghe trong thuở quá khứ cũng như chính mắt tiện nữ được thấy rằng kẻ nào bầu bạn với trẻ thơ rồi cũng trở thành trẻ thơ mà thôi. Kẻ ngu thân cận với kẻ ngu lại càng chìm đắm trong sự ngu muội. Alàtaka và Bìjaka bị lừa phỉnh là phải lắm, chứ còn phụ vương là một vị vua hiền trí, rất có tài trong việc trị dân; làm sao phụ vương lại rơi vào một lý thuyết thấp hèn như vậy, chỉ xứng hợp với trẻ thơ. Nếu con người được rửa sạch mọi tội chướng chỉ do dòng sinh tử thì việc tu khổ hạnh của Guna thật là hoài công, như con thiêu thân lao vào đèn sáng, kẻ ngu ngốc kia đã chịu đựng đời hành khất lõa thể. Sau khi đã chấp nhận lý thuyết cho rằng kết cuộc mọi chúng sinh sẽ được rửa sạch mọi tội lỗi qua luân hồi sinh tử, nhiều kẻ đã hành động sai lầm vì vô minh chồng chất, nên lại càng bị vây chặt hơn trong các nghiệp quả đời trước, khó thoát ra được, như con cá mắc lưỡi câu.

Tiện nữ xin kể hầu phụ vương một chuyện ngụ ngôn cho trường hợp này của phụ vương, vì bậc trí giả đôi khi tìm được chân lý qua câu chuyện ngụ ngôn. Như một con tàu của thương nhân, chở quá nhiều hành lý nặng nề, phải chìm trong biển cả, một con người chồng chất dần tội lỗi mãi cũng sẽ đọa vào địa ngục. Tâu phụ vương, hành lý hiện tại của Alàta không phải là những thứ lão ta đang hưởng đâu, chính vì những thứ lão ta đang mang đi chất lên tàu mà lão sẽ đọa vào địa ngục kiếp sau. Đời trước Alàtaka thành chánh nghiệp, nên kết quả là ngày nay lão ta hưởng thụ phú quý vinh hoa. Công đức ấy của lão đang bị tiêu tan vì lão chỉ chuyên tâm làm ác nghiệp, sau khi bỏ chánh đạo, lão ta lại đang theo đuổi tà đạo, như chiếc cân được treo đúng đắn trong kho hàng sẽ làm cán cân nhấc lên cao khi có trọng lượng của một vật đặt lên nó. Con người chung cuộc cũng làm cho số phận mình thăng hoa nếu biết tu tập công đức dần dần, như gã nô lệ Bìjaka kia đang chuyên tâm làm công hạnh và đang mơ tưởng thiết tha tới đến thiên giới. Nỗi khổ đau mà nô lệ Bìjaka phải chịu đựng là do nghiệp quả tội chướng gã đã phạm đời trước. Tội chướng ấy sẽ tiêu trừ vì hiện gã đang chuyên tâm làm công đức, tuy nhiênđừng để gã lọt vào tà đạo của lão Ca-diếp kia.

Rồi nàng lại tiếp tục phô bày tội chướng của việc gây ác nghiệp cùng thiện quả của việc thân cận bạn lành:

5. Khi vua quý trọng một thân bằng,
Dù đức hạnh hay kẻ ác gian,
Chuyên tạo ác hành hay thiện nghiệp,
Vua đều chịu ảnh hưởng quyền năng.
6-7. Bạn nào, vua muốn chọn cho mình,
Như bạn ấy, vua sẽ trở thành,
Uy lực này do tình mật thiết;
Kẻ luôn thân cận, bạn đồng hành,
Thường gây ảnh hưởng lên bằng hữu,
Như mũi tên đầu độc đáng kinh, Làm bẩn vỏ bao trong sạch ấy, Trí nhân, ác hữu chớ giao tình.

8. Nếu người buộc xác cá hôi ươn,
Với dãi Ku-sa, cỏ cát tường,
Cỏ sẽ có mùi hôi thúi ấy,
Cũng vậy, kết giao kẻ dại cuồng.
9. Nhưng nếu người ta buộc cỏ hương,
Vào trong một ngọn lá thông thường,
Lá thơm mùi nhẹ nhàng êm dịu,
Cũng vậy, kết giao bậc trí nhân.
10. Do biết nghiệp ta sẽ thực thành,
Như là giỏ trái chín muồi nhanh,
Trí nhân chẳng bước theo người ác,
Nhưng chỉ bước theo bậc thiện hành.

Kẻ ác đưa ta vào địa ngục,
Người hiền đem bạn đến thiên đình.
Sau khi thuyết pháp trong sáu bài kệ ấy xong, công chúa bày tỏ nỗi khổ đau mà nàng phải chịuđựng trong các tiền thân xa xưa:

- Tiện nữ cũng nhớ lại bảy đời trước mà tiện nữ đã trải qua và khi hết đời này tiện nữ lại sẽ trải qua bảy đời khác nữa. Trong đời thứ bảy, trước kia, tâu phụ vương, tiện nữ là con trai của một thợ rèn trong thành Ràjagaha (Vương Xá) ở xứ Magadha (Ma-kiệt-đà). Tiện nữ đã kết giao với bạn ác và đã gây nhiều ác nghiệp. Chúng con cứ mải mê rong chơi, lôi cuốn vợ người khác vào đường tội lỗi như thể chúng con được trường sanh bất tử vậy.

Những hành nghiệp ấy cứ âm ỉ như lửa được vùi tro. Nhờ những nghiệp quả tốt khác, con đầu thai vào xứ Vamsa trong gia đình một phú thương ở Kosambi, rất thế lực và giàu có, phát đạt: Con lại là con trai duy nhất của gia đình, được cưng chiều quý trọng vô cùng.

Lúc ấy con kết bạn với một người chuyên làm thiện pháp. Con hành trì trai giới suốt các ngày mười bốn và rằm và các hành nghiệp ấy được tồn trữ lại như một kho tàng dưới nước. Nhưng những nghiệp quả ác mà con đã tạo ở xứ Ma-kiệt-đà rốt cuộc lại đến với con như một thứ thuốc độc khốc liệt. Tâu phụ vương, từ đó con phải trải qua một thời gian dài ở địa ngục Roruva, con phải chịu đựng các nghiệp quả ác ấy, ngày nay nhớ lại con còn thấy thật đau khổ. Sau khi chịu khổ sở tại đó không biết bao nhiêu năm trường, con đã hóa sinh thành con dê bị thiến ở thành Bhennàkata. Con phải chuyên chở các thanh niên nhà giàu trên lưng hoặc kéo xe, đó là nghiệp quả của việc con đã quyến rủ vợ người.

Sau đó con đầu thai vào bụng một con khỉ rừng, ngày con sinh ra đời, họ đem con đến cho người chăn thú, người này bảo: Mang con trai ta đến đây. Rồi gã cắn mạnh hạ căn của con cho đứt lìa dù con kêu thét lên.

Nàng diễn tả sự việc này qua vần kệ sau:

11. Khi hết đời kia con được sinh,
Đầu thai làm khỉ chốn rừng xanh,
Hạ căn đứt bởi người gian ác,
Hậu quả do săn đuổi bạn tình.
Kế đó nàng thuật tiếp các tiền thân khác:

- Tâu phụ vương, sau đó con đã đầu thai làm con bò đực ở xứ dân Dasannas, lại bị hoạn nhưng cũng nhanh nhẹn và xinh đẹp, con kéo xe một thời gian thật lâu, đó là nghiệp quả của việc săn đuổi theo vợ người của con trước kia. Khi mạng chung, con đầu thai vào một gia đình xứ Vajji (Bạt-kỳ, ở phía bắc sông Hằng, đối diện xứ Ma-kiệt-đà), song con lại bán nam bán nữ vì thật khó đầu thai làm nam nhân, đó là nghiệp quả của việc con theo đuổi vợ người. Tâu phụ vương, sau đó con đã sinh vào rừng Nandana làm một tiên nữ rất xinh đẹp ở cõi Tam thập tam thiên (trời ba mươi ba) xiêm y rực rỡ muôn

màu, mang nữ trang ngọc vàng, vòng hoa tay bằng châu báu đủ loại thiện xảo múa ca nên được làm thị nữ ở cung Đế-Thích. Khi con ở đó, con đã nhớ lại các đời trước và luôn cả bảy đời tương lai mà con sẽ trải qua, sau khi từ giã thiên giới.

Các thiện pháp mà con tạo được ở Kosambì đã đến hồi kết quả, nên khi con hết đời này con sẽ được sinh cùng với chư Thiên hoặc loài người. Tâu phụ vương, trong bảy đời liền, con sẽ được cung kính phụng thờ, nhưng con sẽ không được thoát thân nữ nhân cho đến hết đời thứ sáu. Tâu phụ vương, như vậy trong đời thứ bảy, con sẽ là một Đại nam tử của chư thiên, sau cùng con sẽ được sinh làm một thiên tử với thân tướng nam nhi. Hiện nay, chư Thiên đang kết tràng hoa hái từ cây hoa trời ở vườn Thiên lạc Nandana và có một vị Thiên tử tên gọi Java, hiện đang kết tràng hoa cho con. Mười sáu năm con sống ở đời thế gian này chỉ là một khoảnh khắc của thiên giới. Một trăm mùa thu ở hạ giới chỉ bằng một ngày một đêm ở trên trời. Như vậy các hành nghiệp của ta cứ theo ta hoài qua vô số đời sống và mang theo thiện quả hay ác quả, không sót một nghiệp nào.

Rồi kế đó nàng tuyên Pháp tối thượng:

- Kẻ nào muốn thăng hoa đời đời kiếp kiếp, xin hãy tránh xa vợ người như người có đôi bàn chân rửa sạch phải tránh xa vũng bùn. Kẻ nào muốn lên cõi trên đời đời kiếp kiếp, xin hãy tôn thờ đức Thế Tôn như chư Thiên phụng thờ Thiên chủ Indra. Kẻ nào muốn hưởng thiên lạc, hưởng cuộc sống nơi thiên giới với đầy đủ vinh quang hạnh phúc, xin hãy tránh xa tội ác và hành trì Tam Pháp:

- Phải hộ phòng và minh triết trong thân, khẩu, ý, tu tập thiện pháp tối cao, dù là nam nhân hay nữ nhân cũng vậy.

- Kẻ nào được vinh quang trong đời này và được hưởng đủ mọi dục lạc, chắc chắn kẻ ấy đã sống cuộc đời đạo hạnh ở kiếp trước; mọi chúng sanh đều phải đi theo nghiệp thiện ác của mình. Tâu phụ vương, phụ vương có bao giờ suy nghĩ hạnh nghiệp gì đã khiến phụ vương thọ hưởng đám cung phi đẹp như tiên trên trời lại trang sức xiêm y ngọc vàng rực rỡ thế kia chăng?

Nàng khuyên bảo vua cha như vậy.

*

Bậc Đạo Sư giải thích sự việc như sau:

Công chúa Rujà đã làm đẹp lòng vua cha như thế, nàng tuyên thuyết chánh đạo cho kẻ mê mờ ấy và thành tâm giảng pháp lành cho vua cha.

Sau khi đã giảng Pháp cho vua cha nghe suốt đêm đến rạng ngày hôm sau, nàng bảo:

- Tâu phụ vương, xin đừng nghe lời kẻ tà thuyết lõa thể kia, mà hãy theo lời bạn lành như conđây đang tâu với phụ vương rằng có đời này và đời sau, có nghiệp quả thiện, ác. Xin phụ vương đừng lạc vào tà đạo.

Tuy nhiên nàng vẫn chưa đủ khả năng giải thoát vua cha khỏi tà thuyết của ngài: Ngài chỉ đẹp ý khi nghe những lời lẽ êm dịu của con, vì các bậc cha mẹ tự nhiên yêu thích lời

lẽ con cái họ, nhưng họ lại không chịu từ bỏ những ý kiến riêng của mình.

Thế là trong kinh thành vang lên lời đồn đãi: Công chúa Rujà đang cố đánh tan các tà kiến bằng cách giảng Chánh pháp. Và dân chúng rất hoan hỷ: Công chúa hiền đức sẽ giải thoát vua cha khỏi tà thuyết và sẽ đem lại phồn vinh cho dân chúng.

Tuy nhiên dù công chúa chưa đủ khả năng làm vua cha tỉnh ngộ, nàng vẫn không ngã lòng thoái chí, mà nàng vẫn quyết tâm tìm phương tiện đem lại chân hạnh phúc cho vua cha. Nàng chắp tay lên đỉnh đầu lễ bái khắp mười phương, nàng nguyện cầu:

- Trong thế gian này có vị Sa-môn và Bà-la-môn chân chính phủ hộ người đời, có chư thiên ngự trị khắp nơi, lại có các vị Đại Phạm Thiên, kính xin các vị đến giúp cho vua cha của tiện nữ từ bỏ tà kiến hoặc nếu quý vị không có đủ tự lực, xin quý vị đến đây theo uy lực và công đức của tiện nữ để xua tan tà thuyết này và đem lại hạnh phúc cho toàn thể thế gian.

- Lúc bấy giờ vị Đại Phạm Thiên của thuở đó là Bồ-tát tên gọi Nàrada và các vị Bồ tát vì từ bi, lân mẫn và vì quyền uy tối thượng của các ngài, thỉnh thoảng vẫn phóng nhãn quang nhìn các kẻ thiện người ác trên thế gian. Ngày hôm ấy ngài nhìn xuống thế gian thấy công chúa đang cầu nguyện chư Thiên ngự trị khắp nơi đến giải thoát vua cha khỏi tà thuyết, ngài nghĩ thầm: "Trừ ta ra không ai có thể xua tan tà thuyết được, ta phải đến ngay hôm nay tỏ lòng từ ái với công chúa và mang lại hạnh phúc cho vua cha cùng dân chúng. Ta sẽ khoác bộ áo nào đây? Các ẩn sĩ tu hành thường được người đời yêu kính, lời lẽ của các vị ấy thường được xem làđáng tín thọ, vậy ta sẽ khoác áo ẩn sĩ".

Thế là ngài hóa ra hình tướng thế nhân rất khả ái, với làn da như vàng ròng, mái tóc bện lại được ghim bằng cây kim vàng, sau khi mặc chiếc áo được kết bằng nhiều tấm, màu vỏ dà, từ bên ngoài vào trong, ngài lại khoác lên vai tấm da nai đen làm bằng bạc lấm tấm điểm sao vàng ánh, tay cầm bình bát khất thực bằng vàng đeo lủng lẳng bằng một chuỗi ngọc, trên vai ngài đặt chiếc đòn gánh bằng vàng có ba mấu, cầm bình nước bằng san hô buộc bằng chuỗi ngọc trai. Với bộ trang phục ấy, ngài liền phi thân qua bầu trời chẳng khác nào vầng trăng sáng rực giữa không gian, rồi bước vào thượng lầu của cung Canda, đứng sừng sững trước mặt vua.

*

Bậc Đạo Sư giải thích việc này như sau:

Lúc ấy Nàrada từ cõi Phạm thiên xuống hạ giới, khi quan sát cõi Jambudìpa (Diêm-phù-đề: Ấn Độ), ngài nhìn thấy vua Angati. Rồi ngài đến trước cung vua, nàng Rujà vừa trông thấy ngài, vội đảnh lễ bậc hiền trí từ thiên giới giáng trần.

Vua choáng váng trước vẻ huy hoàng của vị Phạm thiên, nên không thể ngồi yên trên ngai vàng mà vội bước xuống đất, hỏi lý do ngài giáng lâm cùng danh hiệu gia tộc của ngài.

*

Bậc Đạo Sư giải thích sự việc như sau:

Lúc ấy vua hoang mang trong trí, vội bước xuống ngai vàng, nói với Tôn giả Narada những lời hỏi thăm:

12. Ngài đến từ đâu, dáng thánh thần,
Như vầng trăng chiếu sáng đêm trường,
Nói cho ta biết tên, gia tộc,
Người gọi là gì giữa thế nhân?
Nàrada nghĩ thầm: "Vị vua này không tin tưởng có đời sau, vậy ta phải nói cho vua biết về đời sau".

Rồi ngài ngâm kệ:

13. Ta đến đây từ hội chúng Thiên,
Như vầng trăng chiếu sáng đêm đen,
Ta nêu danh tánh cùng gia tộc:
Ca-diếp, Nà-ra-da, họ tên.
Vua nghĩ thầm: "Lát nữa ta sẽ hỏi ngài về đời sau, bây giờ ta hãy hỏi ngài về mục đích việc giáng trần vi diệu này".

14. Cách ngài đi đứng diệu kỳ thay,
Ta hỏi ngài: Đâu ý nghĩa đây,
Vì lý do gì ngài thị hiện,
Nà-ra-da hỡi, thần thông này?
Bậc trí Nàrada đáp:

15. Chân thật, công bằng, chế ngự mình,
Rộng lòng bố thí đã lừng danh,
Nhờ công đức thực hành tinh tấn,
Như ý nguyện mình, ta lướt nhanh.
Ngay cả lúc ngài nói như vậy, vua cũng không thể tin vào đời sau bởi vì tà thuyết đã đâm sâu cội rễ vào trí ngài, ngài liền hỏi:

- Có phần thưởng nào dành cho các thiện pháp chăng?

Rồi vua ngâm kệ:

16. Ngài đã nói điều kỳ diệu thay,
Khi nêu công lực thiện hành vầy;
Nếu điều này đúng như ngài nói,
Xin trả lời cho trẫm thẳng ngay.
Nàrada đáp:

17. Đây việc của ngài, hỡi Đại vương,
Hỏi ta điều cảm thấy nghi nan,
Hiển nhiên ta đáp cho ngài rõ,
Nhờ lý luận, bằng chứng rõ ràng.

Vua liền hỏi:

18. Nà-ra-da, trẫm hỏi điều này,
Đừng trả lời sai câu hỏi đây:
Thật có chư Thiên hay tổ phụ,
Đời sau như bọn chúng đồn vầy?
Nàrada đáp:

19. Thật có Thiên thần với tổ tiên,
Đời sau, như chúng vẫn nêu lên,
Nhưng người tham dục và mê đắm,
Không biết đời sau bởi đảo điên.
Khi nghe điều này, vua cười to và ngâm kệ:

20. Nà-ra-da, nếu đã tin rằng:
Có cõi cho người chết trú thân,
Đưa trẫm năm trăm đồng bạc gấp,
Đời sau trẫm sẽ trả ngàn đồng !
Thế rồi bậc Đại Sĩ đáp lời, khiển trách vua ngay giữa hội chúng:

21. Ta đưa ngài đủ số năm trăm,
Nếu biết ngài hiền đức, rộng lòng,
Nhưng nếu ngài là người độc ác,
Đọa vào trong địa ngục đày thân,
Còn ai đòi được ngài đem trả,
Đời kế, ngàn đồng ấy được không?
22. Khi một người thù ghét thiện lương, Chỉ yêu tội lỗi lại hung tàn, Trí nhân chẳng muốn cho vay mượn,

Kẻ nợ ấy không thể đáo hoàn.

23. Khi người ta biết kẻ tài năng,
Đức hạnh, tinh chuyên, lại rộng lòng,
Họ sẽ mời người kia mượn của,
Bằng nhiều lợi lạc họ đem dâng;
Khi người kia đã làm xong việc,
Người sẽ bồi hoàn nợ đã mang.
Vua bị quở trách như vậy vẫn chưa chuẩn bị sẵn câu trả lời nào cả.

Hội chúng rất hoan hỷ reo to:

- Tâu công chúa, công chúa có thần lực vi diệu thay, công chúa sẽ giải thoát Đại vương khỏi tà thuyết ngay hôm nay.

Và cả kinh thành chấn động lên. Rồi nhờ thần lực của bậc Đại Sĩ, không một ai ở trong phạm vi bảy dặm đường quanh thành Mithilà không được nghe ngài thuyết Pháp. Lúc

ấy bậc Đại Sĩ suy nghĩ: "Nhà vua đã quá chấp thủ tà thuyết, ta sẽ làm cho vua hiểu nỗi kinh hoàng của địa ngục mà bỏ tà thuyết đi, sau đó ta sẽ trấn an vua bằng cõi chư Thiên". Rồi ngài bảo vua:

- Tâu Đại vương, nếu Đại vương không bỏ tà thuyết ấy đi, Đại vương sẽ bị đọa vào địa ngục chịu thống khổ không ngừng.

Và ngài bắt đầu kể đến các loại địa ngục khác nhau:

24. Đại vương, khi giã biệt đời này,
Ngài sẽ thấy diều quạ cả bầy,
Vồ xé xác ngài trong địa ngục,
Và kên kên nữa máu me đầy,
Còn ai bắt được ngài đời kế,
Đem trả ngàn đồng ấy đã vay?
Sau khi tả địa ngục diều quạ xong, ngài nói tiếp:

Nếu Đại vương không đọa vào đó, Đại vương phải ở trong địa ngục nằm giữa ba cõi (Àvici: vô gián địa ngục).

Rồi ngài ngâm kệ miêu tả địa ngục ấy:

25. Ở đó tối tăm thật mịt mùng,
Và không vầng nhật hoặc vầng trăng,
Ngục này hỗn độn và kinh khủng,
Chẳng biết ngày đêm, chẳng tháng năm,
Còn kẻ nào mong đòi món nợ,
Ở nơi như vậy nữa hay chăng?
Sau khi tả địa ngục ở giữa ba cõi ấy thật đầy đủ chi tiết, ngài bảo:

- Tâu Đại vương, nếu Đại vương không chịu bỏ tà thuyết ấy, không những Đại ương chịu khổ hình này mà còn nhiều khổ hình khác nữa.

Rồi ngài ngâm kệ:

26. Con chó Sa-ba dáng khổng lồ,
Cùng Sà-ma lực lưỡng nhào vô,
Dùng răng cắn xé người tan xác,
Kẻ đọa từ đây đến ngục tù.
Các địa ngục kể tiếp cũng có cùng một quy luật như vậy; vì thế các địa ngục này và các cai ngục được ngài mô tả qua các bài kệ thật súc tích những ngôn từ tượng hình như trong cácđoạn trên:

27. Vậy khi ở ngục bị tan thân,
Vì thú dữ hành hạ bạo hung,
Thân xác tả tơi, dòng máu chảy,
Còn ai đòi trả nợ ngàn đồng?

28. Với cung tên, nhọn hoắc giáo gươm,
Quỷ sứ Kà-lù tựa địch nhân,
Đâm chém trọng thương người phải đọa,
Trước kia phạm tội ở nhân gian.
29. Trong khi kẻ ấy chạy lang thang,
Trong ngục, bị đâm ở bụng, sườn,
Gan ruột nát tan dòng máu chảy,
Ai mong đòi nó một ngàn đồng?
30. Trời mưa xuống các loại tên, đao,
Các khí cụ hành tội: cọc, lao,
Đám lửa rơi như than cháy bỏng,
Trời mưa đá tảng trút ào ào.
31. Luồng gió nóng ran thật hãi hùng,
Thổi vào trong ngục tối không cùng.
Không vì vui thú dù giây lát,
Nó chạy quanh, không chốn trú thân.
Còn ai muốn bắt người kia trả,
Đời kế ngàn đồng ấy được không?
32. Bị buộc vào xe, vội chạy nhanh,
Trên nền đất rực lửa hoành hành,
Biết bao gậy ngắn, dài kiềm thúc,
Ai muốn đòi ngàn bạc cho đành?
33. Khi trèo leo lên ngọn núi kinh hoàng,
Lởm chởm lưỡi dao, xé nát thân,
Máu chảy đầm đìa, ai sẽ muốn,
Đời sau đòi nó một ngàn chăng?
34. Khi nó trèo lên một đống than,
Đỏ hừng như núi lửa kinh hoàng,
Toàn thân cháy, thét gào, đau khổ,
Ai muốn đòi ngàn bạc ấy chăng?
35. Lớp gai dày đặc tựa tầng mây,
Có cọc nhọn đâm hút máu ngay,
Những bọn đuổi săn vợ kẻ khác,
Phải trèo lên đó, bị từng bầy,
Quỷ Diêm- la chúa luôn xua đuổi
Mang các giáo dài ở dưới tay.
36. Khi nó trèo lên cây vải bông,
Toàn thân đầy máu chảy ròng ròng,
Tả tơi thống khổ luôn xâu xé,

Hổn hển thở than thật nực nồng,
Để đền tội ác xưa như vậy;
Ai muốn đòi tiền nợ cũ không?
37. Có những rừng cao tựa đám mây,
Lá rừng là kiếm sắt tràn đầy,
Thiết đao uống máu người đày đọa;
Khi nó trèo lên đám lá cây,
Thân nó bị cưa bằng kiếm sắt,
Nát tan, máu chảy hãi hùng thay!
Ai mong đòi nó trong đời kế,
Trả nợ ngàn đồng nó đã vay?
38. Khi nó thoát ra khỏi ngục này,
Phủ đầy lá sắt giữa rừng cây,
Liền rơi vào giữa dòng sông nọ,
Ai muốn đòi tiền nợ cũ đây?
39. Dòng sông chảy xiết Ve-ta-ran,
Khốc liệt, nước sôi sục ngập tràn,
Bao phủ lá, hoa sen bén nhọn,
Trong khi nó bị đuổi trên sông,
Máu me bao phủ, tay chân đứt,
Dòng nước Ve-ta-ran hãi hùng,
Chẳng có một nơi nào trú ẩn, Ai mong đòi nợ nó hay không?

Vua muốn tìm nơi an trú, liền nói với ngài:

- Thưa bậc Trí giả, trẫm run sợ như cây đang bị đốn ngã, tâm trí hoang mang bối rối, trẫm không biết hướng về đâu, trẫm đang bị dày vò khủng khiếp, nỗi kinh hoàng của trẫm thật gớm ghê khi trẫm nghe ngài ngâm các bài kệ trên đây. Như một vật đang cháy được ném vào nước, như một hòn đảo giữa đại dương đầy bão tố, như một ngọn đèn trong đêm tối, ngài chính là nơi an trú của trẫm vậy. Xin bậc trí giả hãy dạy cho trẫm thánh kinh, cùng thâm nghĩa của nó. Quá khứ của trẫm thật là đầy tội lỗi, xin bậc Đại Trí giả Nàrada chỉ dạy cho trẫm con đường rửa sạch tội lỗi để cho trẫm khỏi đọa vào địa ngục.

Sau đó bậc Đại Sĩ dạy vua con đường rửa sạch tội lỗi bằng cách nêu gương các bậc tiên vươngđã hành trì chánh đạo:

- Các vị vua Dhatarattha, Vessàmitta, Atthaka, Yàmataggi và Usinnara cùng vua Sivi và nhiều vị khác, nhờ chuyên tâm cúng dường các Sa-môn và Bà-la-môn nên đã được lên thiên giới của Sakka thiên chủ. Vậy Đại vương cũng phải tránh tà hạnh và theo chánh hạnh. Hãy cho người mang thực phẩm trên tay rao lên trong cung Đại vương: "Ai đang đói khát đây? Ai đang cần vòng hoa và dầu thơm? Kẻ nào lõa thể mong muốn mặc xiêm y trang hoàng đầy châu báu? Kẻ nào có muốn lọng che để đi đường và giầy thanh lịch

êm chân? Đại vương hãy cho người rao như vậy khắp kinh thành từ sáng đến tối. Đừng bắt người già hay trâu già, ngựa già phải làm việc nặng nhọc. Đối với các hạng ấy, phải quý trọng đúng mức vì khi họ còn khỏe mạnh, họ đã hoàn thành sứ mạng được giao phó.

Như vậy bậc Đại Sĩ, sau khi thuyết giảng cho vua về bố thí rộng lượng và đức hạnh, thấy rằng vua sẽ hoan hỷ khi được ví với một cỗ xe, nên ngài tiếp tục thuyết Pháp cho vua qua hình ảnh một cỗ xe như ý (ban mọi điều ước):

- Thân của Đại vương được ví như một cỗ xe, đoạn trừ mọi ác tâm chính là trục xe, có lòng bố thí đại lượng là cái trần xe, bước đi thận trọng là sườn xe, hộ trì dục tâm là chính danh bánh xe, hộ trì khẩu căn chính là giữ cho bánh xe khỏi kêu cọc cạch.

Mọi bộ phận đều được giữ gìn hoàn hảo nhờ khẩu hành chân thật, gắn liền tốt đẹp với sự từ bỏ nói hai lưỡi, cái sườn xe êm ái với lời nói thân hữu kết hợp hài hòa với ngôn ngữ cân nhắc thật kỹ lưỡng; xây dựng vững chắc bằng lòng tịnh tín và đoạn trừ tâm tham, với lòng cung kính đảnh lễ đầy khiêm tốn chính là gọng xe, với càng xe nhẹ nhàng, nhu thuận, với dây cương tựđiều phục thân tâm theo Ngũ giới, cùng với chìa khóa đoạn trừ sân tâm, chiếc gọng xe trắng của lòng công chính, xe được lái đi nhờ sự thông suốt bốn mùa khác nhau, với ba chiếc gậy bảo vệ lòng tịnh tín bất động, lời nói khiêm tốn chính là chiếc roi da, đoạn trừ hư danh chính là sợi dây cương, với sự hỗ trợ của tâm niệm xả ly (không chấp thủ) đi theo chánh trí và giải thoát mọi trần cấu.

Hãy dùng trí giác làm động cơ thúc đẩy ngài, hành trì nhất tâm để chế ngự mọi luyến ái; tâm tư theo đúng đạo lộ tự điều phục cùng với mọi tuấn mã đã được huấn luyện thuần phục.Dục vọng và tham đắm đều là tà đạo, tự điều phục là chánh đạo. Khi con ngựa chạy theo sắc, thanh, hương, vị, thì trí tuệ phải dùng roi trừng phạt và tâm chính là người lái xe. Nếu ta đồng hành với cỗ xe, nếu trí

thanh tịnh và nhất tâm bền vững mãi như thế, ta sẽ đạt mọi nguyện ước, tâu Đại vương, ta không thể nào đọa địa ngục.

Như vậy, tâu Đại vương, ta đã dùng nhiều cách trình bày cùng Đại vương nhiều đạo lộ đưa đến hạnh phúc, an lạc mà ngài đã yêu cầu Nàrada nói rõ để khỏi đọa địa ngục ở đời sau.

Sau khi thuyết giảng Chánh Pháp cho vua và phá tan mọi tà kiến cùng an trú vua vào giới hạnh, ngài lại khuyên vua từ nay xa lánh bạn ác, thân cận với bạn lành và cẩn trọng trong mọi bước tiến. Rồi ngài tán thán mọi đức hạnh của công chúa, nói lời khích lệ cả triều đình cùng các cung phi xong, ngài liền bay về Phạm Thiên giới với thần lực vĩ đại siêu phàm.

*

Sau khi chấm dứt Pháp thoại, bậc Đạo Sư bảo:

- Này các Tỷ-kheo, không những ngày nay, mà từ xưa, Ta đã giáo hóa Uruvela Kassapa và phá tan lưới tà kiến vây chặt vị ấy.

Rồi ngài nhận diện Tiền thân qua các vần kệ cuối cùng:

40. Đề-bà-đạt chính A-là-ta,
Bhad-da-ji chính Su-na-ma,
Vi-ja-ya là Xá-lợi-phất,
Su-na-kha, ẩn sĩ Gu-na,
Ru-jà giáo hóa quân vương ấy,
Chính là thị giả A-nan-dà.
41. Bì-ja-ka chính Mục-kiền-liên,
Ca-diếp, vua theo thuyết hão huyền,
Các ông hiểu Bổn sinh như vậy,
Bồ-tát chính là Đại Phạm thiên.
-ooOoo-

Chương XXII Đại Phẩm (tiếp theo)

-ooOoo-

545. CHUYỆN BẬC ĐẠI TRÍ VÔ SONG (Tiền thân Vidhurapandita)

Yếu gầy, ái hậu lại xanh xao...,

Bậc Đạo Sư kể câu chuyện này khi Ngài trú ở Kỳ Viên (Jetavana), liên quan đến sự Viên mãn của Trí tuệ tối thắng.

Một ngày kia các Tỷ kheo đưa ra một vấn đề tranh luận tại Chánh pháp Đường, bảo nhau:

- Này các Hiền giả, Bậc Đạo Sư đã đạt đại trí, quảng trí, Ngài thật tinh thông, ứng đối mau lẹ, nhạy bén, lý giải sắc xảo và có khả năng đánh đổ mọi biện luận của các đối thủ của Ngài, nhờ uy lực Thắng trí của Ngài, Ngài đã phá tan những vấn đề nan giải do các vị hiền trí Sát-đế-ly đưa ra và khiến họ phải yên lặng chấp nhận. Sau khi an trú họ vào Tam quy và Ngũ giới, Ngài dạy họ con đường đưa Niết-bàn bất tử.

Bậc Đạo Sư đi vào, hỏi các Tỷ kheo đang ngồi bàn luận đề tài gì và khi nghe vậy, Ngài bảo:

- Này các Tỷ kheo, Như Lai sau khi đạt Trí tuệ Viên mãn, đã phá tan mọi lý luận của các đối thủ và giáo hóa các vị vua Sát- đế- ly cùng nhiều vị khác, việc chẳng phải kỳ diệu gì. Vì từ ngàn xưa khi Ta còn đang tầm cầu Trí tuệ Tối thượng, Ta đã đầy đủ trí tuệ để phá kiến các đối thủ. Hơn thế nữa, chính vào thời Vidhurakumàra, trên đỉnh Hắc Sơn, cao chừng sáu mươi dặm, nhờ uy lực Thắng trí của Ta, Ta đã hàng phục Đại tướng Dạ-xoa Punnaka, khiến y phải chịu im lặng và đem sinh mạng cúng dường.

Nói xong Ngài kể một câu chuyện quá khứ.

*

I. Trai giới bốn pháp

Ngày xưa tại quốc độ Kuru (Câu-lâu) thành Indapatta có vi quốc vương cai trị với danh hiệu Dhanañjaya-Korabba. Ngài có vị Đại thần tên gọi Vidhurapandita (Trí giả Vô song) cố vấn cho Ngài trong các thế sự cũng như thánh sự. Nhờ lời lẽ êm ái và biện tài siêu việt lúc thuyết Pháp, ông lôi cuốn mọi quốc vương ở cõi Jambudìpa (Diêm-phù-đề: Ấn độ) bằng những Pháp thoại du dương như các con voi say mê đàn sáo êm dịu, ông cũng không để cho các quốc vương trở về nước mình mà ở lại trong kinh thành đại vinh quang ấy và thuyết Pháp cho dân chúng với thần lực của một vị Phật.

Lúc bấy giờ có bốn gia chủ Bà-la-môn giàu sang tại Ba-la-nại, vốn là thân hữu, đã thấy được cảnh khổ của mọi dục vọng, nên bỏ vào vùng Tuyết Sơn sống đời ẩn sĩ khổ hạnh.

Sau khi đã đạt được các Thắng trí và các Thiền chứng, các vị ấy cũng vẫn tiếp tục tu hành tại đó, hằng ngày sống bằng các thứ củ, quả rừng. Hôm đó các vị ấy du hành để khất thực muối và các thứ gia vị, cũng đến thành Kàlacampa thuộc quốc độ Anga. Rồi bốn gia chủ vốn là thân hữu với nhau, rất hoan hỷ trước oai nghi của các vị này, họ cung kính đảnh lễ xong cầm lấy cái bình bát cúng dường các món ăn tuyệt hảo, mỗi gia chủ đều mời các vị về nhà mình, tự nguyện sắp đặt nơi an trú cho các vị trong hoa viên.

Thế là bốn vị ẩn sĩ, sau khi thọ thực trong nhà bốn vị gia chủ, liền du hành suốt ngày hôm ấy, một vị lên cõi trời Ba mươi ba, một vị khác lên cõi Long vương (Nàga), một vị khác lên cõi Kim sí điểu vương (Supanna)và vị thứ tư đến ngự viên Migàcira thuộc quyền của vua Koravya.

Lúc bấy giờ, vị được hưởng một ngày ở Thiên giới, sau khi chiêm ngưỡng cảnh huy hoàng của Thiên chủ Đế-Thích (Sakka), miêu tả thật đầy đủ chi tiết cho thí chủ mình nghe. Vị lên cõi Long vương và Kim sí điểu vương Supanna cũng vậy, rồi vị đến ngự viên của vua Koravya Dhanañijaya cũng lần lượt miêu tả cảnh huy hoàng của mỗi cung vua đã chứng kiến. Vì vậy cả bốn thí chủ đều nguyện cầu được cộng trú với chư Thiên, nên sau khi thực hành bố thí cùng nhiều công đức khác, đến lúc mạng chung, một vị sinh làm Thiên chủ Đế Thích; một vị khác cùng với vợ con sinh vào cõi Long vương; một vị nữa sinh làm Kim sí điểu Supanna trong cung điện dưới hồ Simbali; còn vị thứ tư được nhập mẫu thai chánh hậu của vua Dhanañjaya, trong lúc ấy bốn vị ẩn sĩ được sinh lên Phạm Thiên giới.

Vương tử Koravya lớn khôn, đến khi vua cha từ trần, lên ngôi trị vì rất đúng pháp, nhưng ngài còn lừng danh vì tài nghệ đánh súc sắc. Ngài nghe lời khuyến giáo của Trí giả Vidhura chuyên tâm bố thí, giữ gìn giới hạnh và hành trì trai giới.

Một ngày kia, sau khi hành trì trai giới xong, ngài vào ngự viên, nhất tâm tu tập thiền định, tĩnh tọa ở một nơi an tịnh, ngài thực hành giới hạnh của một vị xuất gia.

Đế Thích (Sakka) cũng vậy, sau khi hành trì trai giới, nhận thấy thiên giới có nhiều trở ngại cho việc tu tập, liền đi xuống hoa viên ấy ở cõi nhân gian, tĩnh tọa ở một nơi an tịnh và hành trì Sa-môn hạnh.

Long vương Varuna cũng thế, sau khi hành trì trai giới, nhận thấy cõi Long vương có nhiều trở ngại cho việc tu tập, nên cũng lại vào hoa viên ấy, ngồi tĩnh tọa ở một nơi an tịnh thực hành Sa-môn hạnh.

Điểu vương Supanna cũng vậy, sau khi hành trì trai giới, nhận thấy rằng cõi Điểu vương có nhiều trở ngại cho việc tu tập, nên ngài đi vào ngự viên ấy, tĩnh tọa ở một nơi êm mát, thực hành Sa-môn hạnh.

Lúc bấy giờ, cả bốn vị ẩn sĩ vào buổi xế chiều, sau khi đứng dậy từ chỗ độc cư thiền định đến bên hồ nước của hoàng gia, nhìn nhau, tâm đầy tình cố tri thân ái, cùng ngồi xuống chào hỏi rất niềm nở.

Thiên chủ Sakka ngồi trên vương tọa, còn ba vị kia ngồi theo danh vị của mình. Lúc ấy Sakka Thiên chủ liền hỏi:

- Chúng ta đây đều là bốn vị đế vương, vậy công đức đặc biệt nhất của mỗi vị là gì?

Long vương Varulna đáp lời:

- Đức hạnh của Ta cao trọng hơn các Tôn giả.

Khi ba vị kia hỏi lý do, ngài đáp:

- Điểu vương Supanna này là cừu thù của ta, dù khi ta chưa ra đời hay ra đời rồi cũng vậy, thế mà khi nhìn thấy một kẻ cừu thù tiêu diệt nòi giống của ta như thế, ta không hề có chút sân hận, cho nên đức hạnh của ta là cao hơn cả.

Rồi ngài đọc vần kệ đầu tiên trong Tiền thân Catuposatha (Trai giới bốn phần số 441).

1. Thiện nhân không cảm thấy hờn căm,
Đối với một ai đáng hận sân,
Không để nội tâm sân khởi dậy,
Vị nào dù lúc giận trong lòng,
Cũng không để lộ cho người thấy,
Người gọi đó là thanh tịnh nhân.
Đặc tính của ta là như thế, cho nên đức hạnh của ta vượt trên các Tôn giả.

Điểu vương Supanna nghe vậy, liền đáp:

- Loài rồng Nàga là thức ăn chính của ta, nhưng nay dù thấy thức ăn kề tận miệng, ta cũng đành nhịn đói và quyết không làm ác vì miếng ăn, vậy đức hạnh của ta cao hơn cả.

Và ngài ngâm bài kệ:

2. Người chịu đói, bụng đau rần,
Ẩn sĩ tự điều phục món ăn,
Không phạm ác hành vì thực phẩm,
Vị này, người gọi bậc Sa-môn.
Đến lượt Thiên chủ Sakka nói:

- Ta để lại đằng sau mình mọi vinh quang ở thiên giới, mọi nguồn an lạc dâng tận tay, để xuống nhân gian thực hành công hạnh, vậy đức hạnh của ta cao hơn cả.

Rồi ngài ngâm kệ:

3. Sau khi bỏ mọi thứ vui chơi,
Không nói lời gian dối giữa đời,
Vị ấy ghét xa hoa, nhục dục,
Như vầy người gọi Sa-môn rồi.

Thiên chủ Sakka tự trình bày công đức của mình như vậy. Rồi vua Dhanañjaya bảo:

- Nay ta đã rời triều đình cùng hậu cung với mười sáu ngàn phi tần có đủ tài ca múa, ta hành trì Sa- môn hạnh trong ngự viên này, vậy đức hạnh của ta cao hơn cả.

Rồi ngài ngâm kệ tiếp theo:

4. Bậc toàn trí bỏ hết hoàn toàn,
Mọi sở hữu và mọi dục tham,
Tự chế, kiên tâm, vô ngã chấp,
Vị này người gọi bậc Sa-môn.

Như vậy cả bốn vị đều tự cho đức hạnh của mình là cao quý hơn cả, rồi vua hỏi Dhanañjaya:

- Này Đại vương, có bậc hiền trí nào trong triều có thể giải mối nghi này chăng?

- Này các Đại vương, có chứ, trẫm có bậc Trí giả Vidhura đang giữ một chức vụ tối thượng trong triều, thường xuyên thuyết thế pháp cũng như thánh pháp cho trẫm, vị ấy có thể giải quyết mối nghi này, ta hãy cùng đi đến vị ấy.

Bốn vị vua tức thì đồng ý. Thế là bốn vị đều ra đi khỏi ngự viên, tiến về phía Thánh lễ đường, ban lệnh trang hoàng nơi ấy thật uy nghi, xong hội chúng kính mời Bồ-tát ngồi trên bảo tọa, chào ngài thật thân hữu rồi ngồi qua một bên và nói:

- Thưa bậc Trí giả, một mối nghi vừa khởi lên trong tâm chúng ta, xin ngài giải quyết cho:

5. Xin hỏi đại thần thượng trí minh,
Trong khi đàm đạo, khởi phân tranh,
Nhờ khanh xét, giải nghi nan ấy,
Hội chúng thoát nghi hoặc bởi khanh!

Bậc Đại Sĩ nghe xong liền bảo:

- Tâu các Đại vương, làm sao tiểu thần biết các Đại vương nói đúng hay sai về đức hạnh của các Đại vương, trong khi các ngài ngâm lời kệ qua cuộc tranh luận này?

Rồi ngài ngâm kệ thêm:

6. Bậc trí biết chân tướng việc đời,
Nói năng khôn khéo, đúng theo thời,

Nhưng dù hiền trí, làm sao biết,
Ý nghĩa kệ chưa nói với tôi?
Vương tử Vi-na, Kim sí điểu,
Long vương ấy nói thế nào rồi?
Thác- bà vương, tối cao Hoàng thượng,
Của xứ Câu-lâu, hãy mở lời!
Các vị vua liền ngâm kệ này với ngài:

7. Kham nhẫn, Long vương thuyết giảng xong,
Vương tử Vi-na, Sí điểu vương,
Lại thuyết giảng về lòng tốt đẹp,
Thác-bà vương thuyết đoạn trừ tham,
Câu lâu Chúa thượng ly triền cái,
Để đạt đến công hạnh vẹn toàn.
Sau khi nghe xong, bậc Đại Sĩ đáp kệ này:

8. Tất cả lời này chánh đáng thay,
Không gì sai trái ở nơi này,
Người nào thích hợp lời như thế,
Giống các tăm xe ở trục quay,
Người được gọi Sa-môn chánh hạnh,
Đủ đầy các đức tính trên đây.
Như vậy bậc Đại Sĩ tuyên thuyết đức hạnh của các vị vương đều là một. Khi nghe xong, bốn vị vương đều rất hoan hỷ, liền ngâm kệ tán thán ngài:

9. Khanh là bậc tối thắng, vô song,
Hộ pháp, tinh thông luật, trí nhân,
Khi hiểu vấn đề nhờ trí tuệ,
Với tài khéo cắt mọi nghi nan,
Giống như người thợ ngà voi nọ,
Cắt với lưỡi cưa thật dễ dàng!
Thế là cả bốn vị vua đều rất đẹp ý với lời giải thích vấn đề của ngài. Thiên chủ Sakka thưởng ngài chiếc cẩm y bằng gấm thiên đình, Kim sí điểu vương tặng ngài tràng hoa bằng vàng, Long vương Varuna tặng ngài hạt minh châu và vua Dhanañjaya ban thưởng một ngàn con bò cái v.v..Rồi vua Dhanãnjaya lại ngâm kệ với ngài:

10. Một ngàn bò cái, trẫm truyền ban,
Một thớt voi, bò đực một chàng,
Mười cỗ xe và đàn ngựa quý,
Thêm mười sáu đệ nhất thôn làng,
Bởi vì trẫm thật đầy hoan hỷ,
Cách giải vấn đề của Trí nhân!

Sau đó Sakka Thiên chủ cùng các vị kia cung kính đảnh lễ bậc Đại Sĩ và từ giã ra về cảnh giới của mình. Đến đây kết thúc Phần Trai giới Bốn pháp.

*

II. Ước vọng của chánh hậu Vimalà

Lúc bấy giờ chánh hậu của Long vương là bà Vimalà. Khi thấy ngài không đeo minh châu trên cổ, liền hỏi thăm hạt châu ở đâu. Ngài đáp:

- Trẫm rất hài lòng khi nghe bài thuyết Pháp của bậc Trí giả Vidhura, vị nam tử của Bà-la-môn Canda, nên đã tặng minh châu cho vị ấy, không những chỉ riêng trẫm, mà Thiên chủ Sakka cũng cũng cung kính tặng ngài chiếc thiên y bằng gấm trời, Điểu vương tặng tràng hoa bằng vàng, còn vua Dhanañjaya tặng một ngàn con bò cùng nhiều thứ khác nữa.

- Vậy thì thần thiếp đoán vị ấy là một bậc biện tài về Chánh pháp.

- Này ái hậu, ái hậu đang nói gì vậy? Vị này chẳng khác nào một vị Phật xuất hiện ở cõi Diêm-phù- đề. Hằng trăm vị vua ở khắp cõi Diêm-phù-đề say sưa những lời lẽ êm dịu của vị ấy, không còn muốn trở về triều nữa, chẳng khác nào bầy voi rừng mê mẩn vì tiếng đàn cầm mà chúng yêu thích vậy. Đó là đặc điểm của tài hùng biện của ngài.

Khi bà nghe nói đến kỳ tài của ngài như vậy, bà ước mong nghe ngài thuyết Pháp, bà nghĩ thầm: Nếu ta tâu với đức vua rằng ta muốn nghe vị ấy thuyết Pháp và xin đức vua triệu vị ấy về đây, chắc đức vua sẽ không thuận; chi bằng ta thử giả bệnh và than thở về nỗi ao ước của một nữ bệnh nhân".

Bà liền ra hiệu cho thị nữ đem bà lên tọa sàng. Khi vua không thấy bà vào dịp ngài đến vấn an bà và hỏi các thị nữ bà ở đâu, chúng tâu rằng bà bị bệnh, ngài liền đến thăm, ngồi bên giường bà, xoa thân thể bà và ngâm kệ:

11. Yếu gầy, ái hậu lại xanh xao,
Dung sắc chẳng như trước chút nào,
Nào hỡi Vi-ma-là, hãy đáp:
Nỗi đau này đến bởi vì sao?
Bà đáp ngài qua vần kệ sau:

12. Có một bệnh riêng của nữ nhân,
Gọi là ước vọng, tấu Long quân,
Thiếp mong đem đến đây không dối,
Tim của Vi-dhu-ra Trí nhân!
Long vương bảo bà:

13. Ái hậu ước trời, trăng, gió mây,
Gặp Hiền nhân ấy khó khăn thay!
Nào ai có đủ tài năng để,
Đem bậc hiền nhân ấy đến đây?

Khi bà nghe nói vậy, liền nói to:

- Nếu không được như ý thần thiếp sẽ chết mất.

Rồi bà quay mặt đi, nghiêng lưng bà ra ngoài, lấy chiếc áo quay mặt lại. Vua trở về tư thất ngồi trên tọa sàng suy nghĩ tìm hiểu vì sao hoàng hậu Vimalà lại muốn có trái tim của Vidhura: "Nàng sẽ chết nếu không ăn được tim vị ấy, vậy làm sao ta lấy được nó cho nàng?".

Lúc bấy giờ công chúa Irandatì, một long nữ diễm kiều, trang sức đầy ngọc vàng trân bảo, bước vào cung kính đảnh lễ vua cha, rồi đứng qua một bên. Nàng trông thấy vua cha có vẻ lo âu, liền nói:

- Phụ vương có vẻ muộn phiền quá, vì duyên cớ gì?

14. Thân phụ, sao cha dáng rối ren,
Long nhan như một đóa hoa sen,
Bị tay ngắt vụng, sao buồn khổ,
Bậc chiến thắng, xin chớ muộn phiền!
Nghe lời con gái, Long vương đáp:

15. I-ran-da hỡi, mẫu thân con,
Ao ước trái tim bậc Trí nhân,
Diện kiến Vi-dhu-ra thật khó,
Triệu ngài, ai có đủ tài năng?
Rồi ngài lại bảo nàng:

16. Này con, không có một triều thần,
Đủ sức triệu Vi-dhu Trí nhân,
Con hãy hy sinh vì mẫu hậu,
Đi tìm ra một vị phu quân!
Thế là vua ra lệnh cho nàng lui ra cùng với câu kệ, gợi nên những tư tưởng không phù hợp với một nàng công chúa:

17. "Hãy tìm cho được một phu quân,
Chàng sẽ triệu hồi bậc Trí nhân."
Công chúa đi ngay đêm tối ấy,
Để cho dòng dục vọng tuôn tràn.
Nàng đi hái các hoa trên Tuyết Sơn đủ sắc, hương, vị. Sau khi trang hoàng toàn thể ngọn núi như một viên bảo ngọc, nàng trải tọa sàng bằng hoa trên núi, rồi nhảy múa tưng bừng, nàng trỗi giọng ca một điệu rất êm ái du dương:

18. Càn-thát-bà hay đại lực thần,
Long thần, quái vật hoặc tiên, nhân,
Bậc hiền, tài đủ ban điều ước,
Ai sẽ làm chồng tiện nữ chăng?

Lúc bấy giờ cháu của Đại vương Vessavana (Tỳ-sa-môn), tên gọi Punnaka, là một đại tướng Yakkha (Dạ-xoa, thần Đại lực) đang phi thần mã Sindh dài ba dặm, băng qua triền núi đỏ tía của

ngọn Hắc Sơn, để đến nơi hội họp của các thần Dạ-xoa, chợt nghe lời ca của nàng, và lời ca của nữ nhân này chàng đã từng nghe trong đời vừa qua xoáy sâu tận thịt da cân não chàng, thấm vào tận xương tủy khiến chàng ngơ ngẩn say mê, liền quay ngựa lại, ngồi trên lưng thần mã, chàng vội an ủi nàng:

- Ôi nương tử, ta xin vì nàng đem trái tim của Vidhura đến đây bằng trí lực của ta, bằng thần lực cũng như bằng tính trầm tĩnh của ta, xin nàng chớ lo ngại việc đó nữa.

Rồi chàng ngâm thêm kệ này:

19. Long nữ có đôi mắt diệu huyền,
Hãy an tâm nhé, hỡi nàng tiên,
Quả nhiên tài trí ta như vậy,
Ta sẽ cùng nàng đẹp mối duyên.
Thế là Irandatì trả lời, nàng suy nghĩ theo kinh nghiệm xa xưa của một lần được cầu hôn trong đời trước của nàng:

- Xin chàng đến đây cùng với thiếp đi yết kiến phụ vương, ngài sẽ giải thích việc này cho chàng rõ.

Rồi điểm trang lộng lẫy với xiêm y rực rỡ, chói lòa, đeo tràng hoa, xức dầu đàn hương xong, nàng nắm tay thần Dạ-xoa đem đến yết kiến vua cha.

Và tướng Punnaka đỡ lấy lưng nàng, cùng đi yết kiến cha nàng là Long vương xin cầu hôn công chúa:

20. Long vương, nghe lấy lời cầu hôn,
Nhận sính lễ cân xứng quý nương,
Thần hỏi I-ran-da ngọc nữ,
Hãy ban công chúa thuộc về thần,
Một trăm voi với trăm con ngựa,
Trăm cỗ xe và la một trăm,
Ngọc quý trăm kho, xin nhận hết,
Ban thần công chúa, tấu Long quân!
Long vương liền phán bảo:

- Hãy đợi ta hỏi ý kiến vương tộc, thân bằng quyến thuộc; làm việc gì mà không hỏi ý kiến kẻ khác sẽ đem lại hối tiếc về sau.

Long vương vào cung, hỏi ý kiến Vương hậu:

- Thần Dạ-xoa Punnaka muốn cầu hôn công chúa Irandatì, vậy ta có nên gả con để đổi lấy vô số của cải ấy không?

Vương hậu Vimalà đáp:

- Không ai chinh phục được công chúa Irandatì bằng ngọc vàng châu báu cả, nếu vị ấy có đủ tài năng đem trái tim của Trí nhân Vidhura đến đây thì sẽ chinh phục được công chúa bằng bảo vật ấy, chứ chúng ta không đòi thêm của cải nào khác.

Thế là Long vương Varuna bước ra khỏi cung, hội ý với Punnaka, và bảo chàng:

- Công chúa Irandatì không thể được chinh phục bằng ngọc vàng châu báu, nếu chàng có đủ tài năng đem lại đây quả tim của Trí nhân Vidhura, chàng sẽ chiếm được công chúa bằng bảo vật đó, chúng ta không đòi thêm của cải gì.

Punnaka đáp lời:

- Có người được kẻ này gọi là hiền nhân thì kẻ khác lại gọi là "ngốc tử", vì nhân thế có nhiều ý kiến khác nhau về một vấn đề như vậy. Vậy xin Đại vương cho tiểu thần biết rõ ai là người được Đại vương gọi là Trí nhân?

Long vương đáp:

- Nếu chàng có nghe danh tiếng Vidhura, đại thần của vua Dhanañjaya, thì hãy đem vị ấy về đây, công chúa Irandatì sẽ là chánh thê của chàng.

Khi nghe Long vương Varuna nói vậy, thần Dạ-xoa nhảy lên reo mừng, tức thì bảo quân hầu cận của chàng:

- Hãy đem tuấn mã đầy đủ yên cương lại đây cho ta. Tai ngựa đeo vàng, móng ngựa đeo ngọc, áo giáp bằng vàng.

Quân hầu vội đem tuấn mã Sindh trang sức đầy đủ như gã đã ra lệnh và Punnaka cưỡi tuấn mã phi nhanh qua bầu trời về đến cung vua Vessavana, kể lại cho ngài nghe chuyến phiêu lưu của chàng và do đó mô tả cảnh giới Long vương.

*

Việc này được diễn tả như sau:

Punnaka lên ngựa, một tuấn mã đủ năng lực mang các Thiên thần, chàng trang sức thật sang trọng, đầy ngọc ngà trân bảo, râu tóc tỉa thật gọn gàng, rồi phi nhanh qua bầu trời.

Lòng chàng đầy ước vọng đắm say, khao khát chiếm được Long nữ Irandatì, chàng tìm đến Đại vương Vessavana Kuvera, tâu trình:

- Có cung thất Bhogavati được gọi là Kim Đường, đó là kinh thành của Long vương được xây trong thành trì bằng vàng.

Các tháp canh có hình môi và cổ, với hồng ngọc và bảo châu màu lục nhãn, cung điện xây bằng cẩm thạch đầy đủ vàng ròng, bao phủ bằng ngọc chạm vàng.

Các cây xoài, tilaka, hồng đào, sattapanna, mucalinda, ketaka, piyaka, uddàlaka, saha và sinduvàrita với muôn hoa khoe sắc thắm trên bầu trời.

Các cây hoa champac, nàgamàlika, bhaginimàlà và táo nặng trĩu lá cành, mang lại vẻ diễm kiều cho cung điện Long vương.

Lại có một cây chà là khổng lồ bằng ngọc quý và hoa vàng không bao giờ tàn, đó là nơi ngự trị Long vương Varuna đầy đủ oai thần và được sinh từ Thiên giới.

Cũng là nơi ngự trị của hoàng hậu Vimalà với hình dáng mềm mại như cây leo bằng vàng, thanh thanh như cây kàlà mới mọc, yêu kiều với bộ ngực như đôi quả nimba.

Da mượt mà tô điểm bằng son tươi thắm tựa hồ cây Kanikàra nở hoa trong bóng mát, như một nữ thần trên thiên giới, như ánh chớp lóe sáng giữa vầng mây. Bà đang say sưa tràn trề niềm ước vọng lạ lùng, bà mong có được quả tim của Vidhura Hiền sĩ. Tiểu điệt xin đem nó lại cho các vị ấy, tâu Đại vương, rồi họ sẽ gả công chúa Irandatì cho tiểu điệt.

Vì không dám ra đi nếu không được lệnh của Đại vương Vessavana, nên chàng ngâm các bài kệ trên để đức vua nghe chàng vì ngài đang bận dàn xếp một cuộc tranh chấp về một cung điện giữa hai vị Thiên tử. Punnaka biết rằng lời chàng nói không được vua để ý đến nên chàng lại gần một trong hai vị đang tranh chấp nắm phần thắng lợi trong cuộc. Vua Vessavana sau khi đã quyết định xong, không để ý đến vị Thiên tử bại cuộc mà chỉ bảo vị kia:

- Chàng hãy đi về cung điện mà an trú.

Ngay khi ngài bảo:

- Chàng hãy đi.

Punnaka liền gọi vài vị Thiên tử làm chứng và bảo:

- Các vị xem thấy ta đã được Đại vương phái đi rồi.

Lập tức chàng ra lệnh đem tuấn mã đến và leo lên yên ngựa khởi hành.

*

Bậc Đạo Sư tả cảnh ấy như sau:

Sau khi Punnaka từ giã Vessavana Kuvera, Đại đế vinh quang của mọi loài, liền ra lệnh cho cận thần:

- Mang thần mã lại đây đầy đủ yên cương, với tai đeo vòng, mông đeo ngọc, áo giáp bằng vàng dát sáng ngời.

Punnaka leo lên tuấn mã dành cho thiên thần, chàng trang điểm râu tóc thật oai vệ, rồi phi nhanh qua bầu trời.

Trong lúc vân du, chàng nghĩ: "Trí giả Vidhura có đám cận vệ rất đông, nên không dễ gì bắtđược ông. Tuy thế, vua Dhanañjaya lại nổi tiếng về tài đánh súc sắc. Ta sẽ đánh thắng vua này qua ván bài rồi bắt lấy Vidhura. Hiện nay có rất nhiều ngọc quý trong kho của ngài, chắc ngài không đánh cuộc bằng giải hèn mọn đâu. Ta sẽ phải đem viên ngọc vô giá, vì vua này không nhận viên ngọc tầm thường đâu. Hiện nay có viên bảo

châu vô giá thuộc quyền vua Chuyển luân ở trong núi Vepulla gần thành Vương Xá; ta sẽ đến lấy bảo ngọc ấy và dụ vua chơi bài để thắng ngài".

Rồi chàng thực hành ý định ngay.

*

Bậc Đạo Sư kể toàn thể câu chuyện:

Chàng đến thành Vương Xá đầy lạc thú, kinh thành xa xôi của nước Anga, trù phú lương thực, tràn trề thức ăn uống. Chẳng khác gì Masakkaràsa, kinh thành của Thiên chủ Indra, dậy âm thanh của bầy công, hạc, với hoa viên tráng lệ bao quanh, muôn loài chim ca hót giống như Tuyết Sơn bao phủ đầy hoa. Thế là Punnaka trèo lên núi Vepulla với các đỉnh núi đá chồng chất, nơi các quỷ thần cư ngụ, chàng đi tìm bảo ngọc đầy hào quang, và cuối cùng chàng thấy nó nằm giữa lòng núi.

Khi chàng nhìn thấy viên bảo ngọc chiếu hào quang rực rỡ, diễm lệ muôn phần, chẳng khác nào tia chớp sáng lòa không gian, chàng vội vàng chụp lấy viên như ý bảo châu vô giá kia, leo lên thần mã vô song địch, và tướng mạo chàng thật tuấn tú cao sang, chàng phi nhanh qua bầu trời vô tận.

Chàng đến kinh thành Indàpatta, giáng lâm tại triều đình xứ Kuru (Câu-Lâu), dũng tướng Dạ-xoa liền triệu tập một trăm chiến sĩ tại đó:

21. Ai muốn chiếm phần thưởng đế vương?
Ai, ta sẽ thắng cuộc tranh hùng?
Vô song bảo ngọc nào ta đoạt?
Ai sẽ chiếm ưu hạng bảo trân?
Chàng nói lên bốn câu kệ tán thán Đại vương Koravya như vậy. Vua nghĩ thầm: "Ta chưa từng nghe một vị anh hùng nào mở lời ca ngợi như thế này, vậy vị này là ai đây?" Và ngài liền hỏi chàng qua vần kệ này:

22. Công tử sinh ra quốc độ nào,
Lời này chẳng phải Ko-ra đâu,
Chàng hơn tất cả về hình tướng,
Cho biết quý danh, quyến thuộc mau.
Chàng suy nghĩ : Nhà vua hỏi danh tánh của ta, hiện nay chỉ là tùy tướng phục dịch Punnaka song nếu ta bảo ta là Punnaka, vua sẽ nói: gã kia chỉ là một tùy tướng, tại sao gã dám nói với ta quá bạo gan như vậy? Và vua sẽ khinh thị ta, thôi ta sẽ nói cho ngài nghe danh tánh của ta trong đời sống vừa rồi". Thế là chàng ngâm kệ:

23. Tiểu sinh tên gọi Kac-cà-na, Người chẳng gọi tên khác xấu xa,

Thần đến đây tìm trò giải trí, Thân bằng, quyến thuộc ở An-ga.

Vua liền hỏi:

- Thế Công tử định trao ta vật gì nếu Công tử bại cuộc? Công tử đã có những gì nào?

Rồi vua ngâm kệ:

24. Ngọc gì Công tử có trong tay,
Mà kẻ thắng mong được có ngay?
Một vị vua nhiều châu ngọc quý,
Chàng nghèo sao dám thách như vầy?
Punnaka đáp:

25. Đây ngọc làm say đắm cõi lòng,
Huy hoàng bảo ngọc tạo vinh quang;
Người nào thắng chiếm vô song mã,
Mọi địch thủ, thần mã phá tan.
Khi vua nghe chàng nói, liền đáp:

26. Một viên ngọc ích lợi gì chăng?
Một tuấn mã sao lập chiến công?
Vua chúa có nhiều viên ngọc quý,
Và nhiều tuấn mã tốc như phong!
*

III. ĐẶC TÍNH CỦA BẢO CHÂU NHƯ Ý

Khi nghe lời vua phán, chàng thưa trình:

- Tâu Đại vương, tại sao Đại vương lại nói vậy? Chỉ có một thần mã và cũng có cả ngàn cả vạn tuấn mã khác; chỉ có một bảo châu và cũng có cả ngàn bảo châu khác; nhưng mọi tuấn mã hiệp lực lại cũng không sánh được với thần mã này, xin Đại vương xem sức phi nhanh của nó đây.

Nói xong, chàng lên ngựa phi trên đỉnh trường thành và bức trường thành bảy dặm này tựa hồđược vây quanh bởi bầy ngựa kề cổ nhau trùng trùng điệp điệp, rồi chẳng bao lâu chẳng còn phân biệt được đâu là ngựa, đâu là thần Dạ-xoa nữa, mà chỉ còn thấy dải lụa hồng trên lưng chàng như thể phủ khắp trường thành.

Rồi chàng xuống ngựa, tâu vua rằng bây giờ vua đã chứng kiến sức phi nhanh của thần mã, chàng lại xin vua chứng kiến một chuyện kỳ lạ khác: chàng bảo thần mã phi nhanh trong hoa viên của kinh thành, trên mặt nước, ngựa phóng nhanh không ướt đến móng chân; rồi chàng lại bảo ngựa

dạo bước trên đám lá sen và khi chàng vỗ tay, xòe bàn tay ra, ngựa liền đến đứng trên lòng bàn tay chàng. Sau đó chàng lại nói:

- Đây chính là ngựa báu, tâu Đại vương.

- Đúng vậy, thưa Công tử.

- Giờ đây xin hãy để ngựa báu qua một bên trong chốc lát, xin Đại vương hãy xem thần lực của bảo châu. Tâu Chúa thượng, xin ngài ngự lãm viên bảo châu vô song địch của

tiểu sinh: Trong bảo châu này có đủ thân hình nam nhân cùng nữ nhân, thân hình của thú vật, cùng thân hình của chim muông, Long vương và Điểu vương, tất cả muôn loài đều hiện ra trong bảo châu này.

Cả một đàn voi, một đàn xe ngựa, quân sĩ, cờ xí, xin Chúa thượng ngự lãm cả đoàn kỵ mã, vệ sĩ của vua, chiến sĩ đang chiến đấu trên cỗ xe, chiến sĩ chiến đấu trên bộ, quân sĩ đang bày binh bố trận, xin Chúa thượng ngự lãm mọi vật xuất hiện trong viên bảo châu này.`

Xin ngự lãm trong viên bảo châu này một kinh thành đầy đủ dinh thự kiên cố lầu đài với nhiều cổng thành và trường thành, với nhiều tụ điểm đầy lạc thú - nơi bốn đại lộ giao nhau - Các đại trụ, hào lũy, chấn song, then cửa, tháp canh, cổng thành; xin ngự lãm mọi vật xuất hiện trong viên bảo châu này.

Xin ngự lãm các đàn chim muông đủ loại, trên đường sá, dưới cổng thành: thiên nga, công, hạc, hồng nga, hải âu, sơn ca, cu cườm, jivajivaka, xin ngự lãm muôn loài chim đều tụ họp về đây và xuất hiện trong viên bảo châu này.

Xin ngự lãm một kinh thành diệu kỳ với trường thành cao cả, khiến ta phải dựng tóc gáy vì kinh ngạc, thật vui mắt vì cờ xí rợp trời, đất cát toàn vàng ròng, xin ngự lãm các lều ẩn sĩ được phân chia đều đặn thành từng khu vực, nhà cửa đủ loại, sân bãi, đường sá cùng các đường nhỏ chen kẽ.

Xin ngự lãm các trà đình tửu quán, các nhà tể sinh, cùng các tiệm thực phẩm cho các nội nhân, các gái giang hồ cùng các chàng phóng đãng, tất cả đều hiện ra trong bảo ngọc này. Những người kết tràng hoa, thợ giặt, các chiêm tinh gia, những lái buôn y phục, thợ kim hoàn nữ trang, tất cả đều hiện ra trong bảo châu này.

Xin ngự lãm các loại trống, lớn nhỏ, tù và, trống đồng, trống rung, đủ loại thanh la, đều xuất hiện trong bảo châu này.

Xin ngự lãm các loại vĩ cầm, khiêu vũ, ca hát thật du dương, các loại nhạc cụ, tiếng gồng chiêng rung đều xuất hiện trong bảo châu này.

Các tay đô vật, nhảy cao cũng có mặt nơi đây, cảnh hề múa rối, các thi sĩ, thợ hớt tóc của vua chúa tất cả đều xuất hiện trong bảo châu này.

Dân chúng tụ tập nơi đây, xin ngự lãm các dãy ghế sân khấu hàng hàng lớp lớp xuất hiện trong bảo ngọc này.

Xin ngự lãm các tay đô vật đánh bằng hai cánh tay gập lại, xin ngự lãm kẻ đánh cùng người bị đánh vật đều xuất hiện trong bảo châu này.

Xin ngự lãm trên triền núi các đoàn hươu, nai, sư tử, cọp beo, gấu, chó sói, hoẵng, tê giác (tây ngu), gayal, trâu bò, hồng lộc, ruru, linh dương, lợn rừng, nimka, lợn nhà, hươu sao kadali, mèo, thỏ, muôn loài súc sinh đều hiện ra trong bảo ngọc này.

Những dòng sông đào thật đẹp, đáy lót toàn kim sa, nước trong vắt chảy nhẹ nhàng với đủ loại cá, cá sấu, các loài thủy quái, rùa, trạnh, pàthìna, pàvusa, vàlaja và muñjarohita.

Xin ngự lãm trong viên bảo châu này đủ loại cây, đủ loài chim và một khu rừng có những cành cây làm bằng ngọc bích (lapi lazuli).

Xin Chúa thượng ngự lãm các hồ nước được xây thật đều đặn bốn góc thành với muôn loại chim cá rộn rã tung tăng. Xin ngự lãm quả đất được biển cả vây phủ, nước tràn khắp nơi, điểm tô đủ loại cây cỏ, tất cả đều hiện ra trong bảo ngọc này.

Xin ngự lãm xứ Videha phía trước, Goyàniya phía sau, Kuru (Câu-lâu) và Jambudìpa (Diêm-phù- đề), đều xuất hiện trong bảo ngọc này.

Xin ngự lãm mặt trời, mặt trăng, chiếu sáng bốn phương trong khi đi vòng quanh núi Sineru (Tu-di) cũng xuất hiện trong bảo ngọc này.

Xin ngự lãm núi Sineru và Tuyết Sơn cùng Thần Hải và Tứ Đại Thiên vương bảo hộ thế giới, thảy đều xuất hiện trong bảo ngọc này.

Các hoa viên của Thiên chủ Indra như Phàrusaka, Cittalatà, Missaka, Nandana và cung Vejayanta, thảy đều xuất hiện trong bảo ngọc này.

Cung Sudhamma (Thiện pháp) của Thiên chủ Indra ở cõi trời Ba mươi ba, cây trời Pàricchatta (San hô) đang nở rộ hoa, thiên tượng Eràvana, đều xuất hiện trong bảo châu này.

Xin ngự lãm các ngọc nữ của các vị trời đang hiện ra như tia chớp giữa không gian, nhởn nhơ trong ngự viên Nandana, tất cả đều xuất hiện trong bảo châu này.

Xin ngự lãm các ngọc nữ cõi trời đang mê hoặc các tiên đồng, và các tiên đồng đang thơ thẩn dạo chơi, tất cả đều xuất hiện trong bảo châu này.

Xin ngự lãm hơn ngàn cung điện phủ đầy ngọc bích hiện ra sáng ngời trong viên bảo châu này. Thiên chúng ở các cõi trời Ba mươi ba, Dạ-ma, Đâu-suất và Tha hóa tự tại thảy đều xuất hiện trong viên bảo châu này. Xin ngự lãm các hồ nước trong suốt đầy san hô và sen súng trên cõi trời.

Trong bảo ngọc này có mười đường vân trắng, mười đường vân xanh đậm thật tuyệt trần, hai mươi mốt đường vân nâu và mười bốn đường vân vàng nhạt, hai mươi đường vân vàng chói, hai mươi đường vân bạc, ba mươi đường vân đỏ. Mười sáu đường vân đen, hai mươi lăm đường vân màu thiên thảo đỏ sẫm chen lẫn với hoa bandhuka và tô điểm thêm những đóa sen xanh.

Tâu Chúa thượng, xin ngự lãm viên ngọc sáng rực như lửa này với vẻ đẹp toàn mỹ, đó sẽ là giải thưởng dành cho kẻ thắng cuộc.

*

IV. GIẢI THƯỞNG CỦA CUỘC CHƠI BÀI

Sau khi nói xong, Punnaka liền hỏi:

- Tâu Đại vương, ví thử tiểu thần thua cuộc, tiểu thần xin dâng viên bảo ngọc này, song ví thử tiểu thần thắng cuộc, xin Chúa thượng ban vật gì cho tiểu thần?

- Ngoài thân ta cùng chiếc lọng trắng ra, tất cả giang sơn ta ngự trị đều đem ra treo giải được cả.

- Tâu Chúa thượng, xin Chúa thượng đừng chậm trễ nữa, vì tiểu thần từ phương xa lại đây, xin Chúa thượng ra lệnh chuẩn bị phòng đánh bài.

Thế là vua ra lệnh cho các đại thần chuẩn bị phòng đánh bài và trải tấm thảm dệt đẹp nhất cho vua ngự, cùng bảo tọa cho các vị quốc vương khác. Khi đã sắp đặt một chỗ thích hợp cho Punnaka, họ trình vua đã đến lúc chơi bài.

Punnaka liền tâu vua qua bài kệ sau:

27. Đại vương, hãy đến đích cầu mong,
Ngài sẽ không giành được bảo trân,
Ta hãy thắng không nhờ bạo lực,
Và ta thắng bởi lẽ công bằng,
Khi ngài thất bại, xin đem trả,
Phần thưởng ngài ban tặng tiểu thần.
Vua liền đáp:

- Hỡi thiếu sinh, chàng đừng sợ ta là một vị đại vương, mọi cuộc thắng bại của ta đều theo lẽ công bình và không dùng bạo lực.

Thế rồi Punnaka ngâm kệ thỉnh cầu các vị vua kia chứng kiến cuộc thắng trận bằng lẽ công bình:

28. Hỡi các Đại vương Pañ-ca-la,
Su-ra-se-na và Mac-cha,
Mad-da cùng với Ke-ka-ka,
Xin các Đại vương ngắm cuộc cờ,
Không có dối gian hay phỉnh gạt,
Không ai can thiệp việc đôi ta.
Sau đó vua được cả trăm vị vua khác hộ tống cùng Punnaka vào phòng đánh bài, tất cả đều ngồi xuống các bảo tọa, đặt con súc sắc vàng lên tấm bảng bằng bạc. Punnaka vội tâu:

- Tâu Đại vương, có hai mươi bốn lần ném súc sắc, gọi là màlika, sàvata, bahula, santi và bhadra v.v... xin Đại vương chọn con bài nào vừa ý.

Vua ưng thuận, rồi chọn con bài bahula, Punnaka chọn con bài sàvata. Rồi vua bảo:

- Này thiếu sinh, chàng đánh bài trước đi.

- Tâu Đại vương, lần ném đầu tiên không phải của tiểu thần, xin Đại vương đi trước.

Vua chấp thuận. Lúc bấy giờ mẫu thân của vua trong đời sống ngay trước đời này là thần hộ vệ của ngài, nên nhờ thần lực của bà, ngài thắng cuộc. Bà đứng cạnh đó, vua vừa nhớ lại nữ thần vừa ca bài đánh súc sắc, rồi xoay con bài trong tay và ném lên

không. Nhờ thần lực của Punnaka, các con bài rơi xuống đúng cho chàng thắng vua.

Phần vua với tài chơi súc sắc nhận ra rằng các con bài rơi xuống không hợp ý ngài, nên ngài chụp chúng lại, trộn đều chúng trên không rồi ném lên lần nữa, nhưng ngài vẫn thấy chúng rơi xuống không đúng ý ngài nên vội chụp chúng lại trong lúc đang rơi.

Lúc ấy Punnaka nghĩ thầm: "Vị vua này đang chơi bài với một thần Dạ-xoa như ta, vừa trộn bài khi chúng rơi xuống rồi lại chụp lấy chúng, tại sao như vậy chứ"? Khi biết có thần lực của nữ thần hộ vệ ngài, chàng giương to mắt như thể tức giận lắm và nhìn nữ thần khiến bà kinh hoàng chạy đi trốn trên đỉnh núi Cakkavàla mà vẫn còn run rẩy.

Khi ném bài đến lần thứ ba, mặc dù vua biết chúng rơi xuống không đúng ý, ngài cũng không thể đưa tay ra chụp lấy chúng vì thần lực của Punnaka, nên chúng rơi xuống thất lợi cho ngài. Rồi Punnaka ném các con bài rơi xuống thắng thế cho chàng. Khi biết rằng chàng đã thắng, chàng vỗ tay ầm ĩ và nói ba lần:

- Tiểu thần đã thắng!

Tiếng chàng vang dội rung động cả cõi Diêm-phù-đề (Ấn Độ).

*

Bậc Đạo Sư tả lại sự việc như sau:

- Vua Câu-lâu và thần Dạ-xoa Punnaka say sưa bước vào mê hồn trận; vua chơi bài thua cuộc và Punnaka thắng cuộc. Cả hai vị giao đấu trước sự chứng kiến của các vị vua và nhiều chứng nhân khác. Thần Dạ-xoa thắng vị vua tối cao của loài người và tiếng reo hò vang dội từ nơi ấy.

Vua không đẹp ý vì thua cuộc, và Punnaka vội ngâm kệ an ủi ngài:

29. Thắng, bại thuộc về một phía thôi,
Giữa hai phe chiến đấu tranh tài,
Đại vương đã mất phần ưu thắng,
Chiến bại, xin trao giải thưởng tôi.
Sau đó vua bảo chàng nhận giải qua vần kệ:

30. Ngựa, voi, bò, ngọc quý, hoa tai,
Bất cứ gì ta có ở đời,
Hãy lấy món nào cao quý nhất,
Kac-cà-na, nhận rồi đi thôi.
Punnaka đáp:

31. Ngựa, voi, bò, ngọc quý, hoa tai,
Bất cứ gì ngài có ở đời,
Vi-dhu-ra đại thần ưu thắng,
Người đã được tôi chiếm đoạt rồi!
Vua phán bảo:

32. Vị đại thần ta, chỗ trú an,
Là người giúp đỡ, chốn nương thân,
Chính là thành lũy, thần phù hộ,
Vị đại thần không thể sánh bằng,
Giá trị bạc vàng, tài sản quý,
Người như sinh mạng của vương quân.
Punnaka đáp:

33. Chúng ta tranh chấp sẽ dài dòng,
Ta hãy đi tìm vị đại thần,
Hỏi vị ấy điều gì ước muốn,
Để người quyết định vấn đề chung,
Những gì người định phần tiên quyết,
Là bản án phân xử cuối cùng.
Vua phán:

34. Công tử, chàng ăn nói chánh chân,
Quả chàng chẳng nói thiếu công bằng,
Chúng ta đi gặp người và hỏi,
Theo cách này, ta sẽ đẹp lòng.
Nói xong vua đưa cả trăm vị vua kia cùng đi, Punnaka sung sướng vội vàng đến tòa án và bậc Trí nhân từ chỗ ngồi đứng dậy chào đón vua rồi ngồi xuống một bên.

Sau đó Punnaka nói với bậc Đại Sĩ:

- Thưa bậc Trí giả, ngài thật chí công, ngài không hề nói lời hư vọng dù có đổi cả sinh mạng đi nữa, đó là danh tiếng ngài lẫy lừng khắp thế giới này. Hôm nay tiểu sinh sẽ biết được ngài có thật chí công như vậy chăng?

Rồi chàng ngâm kệ sau:

35. Thật chư Thiên phái xuống phàm trần,
Đến xứ Câu-lâu làm đại thần,
Cố vấn Vi-dhu-ra chánh trực,
Ngài là quyến thuộc hoặc tùy tùng,
Của vương gia đấy, xin ngài nói,
Giá trị của ngài giữa thế nhân?
Bậc Đại Sĩ nghĩ thầm: "Người này hỏi về ta, nhưng ta không thể cho người ấy biết được ta là quyến thuộc của vua hay là thượng nhân đối với vua, hay chẳng có giá trị gì đối với vua cả. Trên thế gian này không có gì bảo đảm cho ta bằng sự thật, ta phải nói lên sự thật".

Rồi ngài ngâm hai vần kệ chứng tỏ ngài không phải là quyến thuộc hay thượng nhân của vua, mà chỉ là một trong bốn loại tùy tùng của vua:

36. Một số nô tài thuở mẹ sinh,
Kẻ vì tiền phải bán thân mình,
Nhiều người tự nguyện làm nô lệ,
Kẻ khác nô tài bởi hãi kinh.
Đây bốn loại nô tài tất cả,
Ở trên trần thế giữa nhân sinh.
37. Ta chính nô tài tự mẹ cha,
Khổ ưu phát xuất tự vương gia,
Ta là nô lệ đức vua đó,
Cho dẫu ta theo kẻ khác mà.
Ngài có quyền đem ta tặng cậu,
Hỡi chàng nam tử tự phương xa!
Punnaka nghe lời này vô cùng thích thú, vừa vỗ tay vừa nói:

38. Hôm nay tôi chiến thắng lần hai,
Được hỏi, đại thần đã đáp ngài,
Thật vậy, Đại vương không đúng lý,
Việc này đã quyết định xong xuôi,
Nhưng ngài không muốn đem trao trả,
Phần thưởng ngài dành để tặng tôi!
Nghe vậy, vua liền nổi giận với bậc Đại Sĩ và bảo:

- Ngươi chẳng hề quan tâm đến ta là người đã ban vinh quang cho ngươi, lại quan tâm đến chàng thiếu sinh này hợp nhãn ngươi mà thôi.

Rồi quay về phía Punnaka, vua nói:

- Nếu gã kia là một nô tài thì hãy đem gã và đi ngay.

Vua lại ngâm kệ sau:

39. Nói gã trả lời câu hỏi ta:
"Ta là nô lệ của vương gia,
Chứ không quyến thuộc", thì chàng nhận,
Bảo vật tối ưu này của ta,
Kac-cà-na, nhận ngay, chàng hỡi,
Rồi hãy đi đâu hợp ý mà.
Nhưng khi nói vậy, ngài suy nghĩ: "Thiếu sinh này sẽ đem Đại trí nhân đi đâu tùy ý, sau khi vị ấy đi rồi, ta tìm đâu ra được một buổi đàm đạo lý thú về các thánh sự, vậy sao ta lại không thử thỉnh cầu vị ấy lên bảo tọa ngồi rồi ta hỏi vài câu liên quan đến cuộc sống cư sĩ tại gia"? Thế là vua bảo:

- Thưa bậc Trí giả, khi ngài đi rồi, trẫm sẽ khó tìm đâu ra được một buổi đàm đạo thú vị về các thánh sự. Vậy xin ngài ngồi xuống bảo tọa đã được trang hoàng uy nghi đúng

theo cương vị của ngài và giải thích cho trẫm một vấn đề liên quan đến cuộc sống cư sĩ tại gia có được chăng?

Bậc Đại Sĩ liền ưng thuận, và sau khi ngồi xuống bảo tọa được trang hoàng uy nghi, ngài giải thích vấn đề vua hỏi, đó là vấn đề:

- Thưa bậc Trí giả Vidhura, làm thế nào có được cuộc sống hưng thịnh cho một cư sĩ tại gia? Làm thế nào có được lòng ưu ái của đồng loại mình? Làm thế nào thoát được đau khổ? Và làm thế nào chàng niên thiếu nói điều chân thật thoát được mọi ưu não khi qua đến đời sau?

Lúc ấy Vidhura đầy đủ đại trí và minh sát, là bậc thấy mục đích chân lý và đang vững tâm tiến lên, bậc thông thạo mọi pháp lành liền nói những lời này:

- Đừng chung chạ vợ người, đừng hưởng cao lương mỹ vị một mình, đừng nói chuyện phù phiếm, vì việc này không tăng trưởng trí tuệ. Phải đức độ, tận tụy với nhiệm vụ mình, không phóng dật, sáng suốt, khiêm tốn, không nhẫn tâm, đầy từ bi, thân ái, hòa nhã, khéo léo chinh phục bạn lành, sẵn sàng phân phát bố thí, thận trọng sắp xếp công việc tùy theo mùa, luôn luôn sẵn sàng cúng dường các Sa-môn, Bà-la-môn đầy đủ vật thực. Phải mong cầu công chính và làm cột trụ hộ trì Chánh pháp, sẵn sàng học hỏi và cung kính theo hầu các bậc đa văn đầy đức độ. Như vậy sẽ là cuộc sống hưng thịnh cho một cư sĩ tại gia, như vậy là sẽ chiếm được lòng ưu ái của đồng loại mình, như vậy là sẽ thoát khổ; và như vậy là chàng trẻ tuổi nói điều chân thật sẽ thoát khỏi sầu bi khi sang đến đời sau.

Như vậy sau khi giải đáp câu hỏi liên quan cuộc sống cư sĩ, bậc Đại Sĩ bước xuống từ bảo tọa và vái chào vua. Phần vua cũng đáp lễ ngài vô cùng cung kính, rồi đi cùng với cả trăm vị vua khác, đến viếng tư thất của ngài .

Khi bậc Đại Sĩ trở lại, Punnaka nói:

- Xin ngài đến đây, ta cùng khởi hành, đức vua đã trao ngài cho tiểu sinh; vậy phải theo đúng nhiệm vụ đó. Ấy là qui luật từ ngàn đời.

Bậc Trí giả Vidhura đáp lại:

- Hỡi thiếu sinh, ta biết lắm, chàng đã chiếm được ta, đức vua đã giao ta cho chàng, ta xin mời chàng về nghỉ ngơi tại nhà ta ba ngày nữa để ta dặn dò các con ta.

Punnaka nghe vậy nghĩ thầm: "Bậc Trí giả này đã nói chân thật, đó là một đại phúc cho ta, ví thử ngài có mời ta ở lại bảy ngày hay nửa tháng, ta cũng nên nhận lời ngay lập tức." Thế là chàng đáp:

- Chuyện này cũng thuận lợi cho tiểu sinh, vậy ta cùng ở lại đó ba ngày, thưa bậc Trí giả, nếu có việc gì cần giải quyết trong gia đình của bậc Trí giả, xin chỉ dạy cho quý phu nhân và các công tử, hầu mong các vị được hạnh phúc sau khi ngài đi rồi.

Nới xong Punnaka cùng bậc Đại Sĩ đi về tư thất ngài.

*

Bậc Đạo Sư tả sự việc ấy như sau:

Lòng đầy hoan hỷ và háo hức khát khao, chàng Dạ-xoa đi cùng bậc Trí giả Vidhura, vị đệ nhất hiền giả, đưa chàng vào nội thất với đoàn bảo tượng và tuấn mã theo hầu.

Lúc bấy giờ bậc Đại Sĩ có ba cung thất dành cho ba mùa, cung đầu tiên là Koñca, cung thứ hai là Mayùra, cung thứ ba là Piyaketa. Bài kệ sau đây nói về ba cung ấy:

40. Chàng đã đến nơi chốn đại gia:
Koñca, Mayùra, Piyaketa,
Mỗi nơi một cảnh đầy hoan lạc,
Phong phú thức ăn uống cả nhà,
Trông giống thiên cung trên thượng giới,
Của Ind-ra, đại đế Sak-ka.

Sau khi ngài đến nơi, ngài ra lệnh dọn một phòng ngủ và một chiếc bệ cao trên tầng thứ bảy của cung thất trang hoàng tráng lệ, trải vương sàng và bày biện đủ cao lương mỹ vị xong, ngài chỉ cho chàng năm trăm mỹ nữ như tiên trên trời, và bảo:

- Đây là những tỳ nữ của chàng, chàng cứ ở lại đây đừng lo ngại gì cả.

Rồi ngài trở về tư thất. Khi ngài đi rồi, các mỹ nữ đem nhạc khí đủ loại ra ca múa tưng bừng trong lúc hầu hạ chàng Punnaka.

*

Bậc Đạo Sư tả cảnh ấy như sau:

Các mỹ nữ điểm trang diễm lệ như các Thiên thần, ca múa trò chuyện cùng chàng, mỗi nàng đều gắng sức đem hết mọi tài năng ra biểu diễn.

Bậc hộ trì Chánh pháp ấy, sau khi cho chàng hưởng cao lương mỹ vị cùng nữ sắc, liền nghĩ đến việc cao quý bậc nhất, là mang chàng vào giới thiệu cùng phu nhân.

Ngài bảo phu nhân đã được trang điểm bằng hương chiên-đàn cùng nhiều hương thơm khác đang đứng như một thanh bội hoàn bằng vàng ròng:

- Này phu nhân nghe đây, hãy gọi các nam tử đến ngay, hỡi phu nhân có đôi mắt đẹp màu hổ hoàng.

Anujjà nghe phu quân gọi liền bảo con dâu, một mỹ nhân có đôi mắt tuyệt trần, móng tay sáng rực như đồng:

- Này Cetà, nàng đeo vòng vàng lục lạc chẳng khác nào bào giáp, nàng là đóa súng xanh mơn mởn, hãy đi gọi các con ta lại đây.

Nàng ấy vâng dạ xong đi suốt cả cung thất, tập hợp các thân hữu cùng các công tử, công nương, lại bảo họ:

- Thân phụ quý vị muốn dặn dò quý vị đôi điều, đây là lần cuối cùng quý vị gặp được ngài đấy.

Công tử Dhammapàla-Kumàra nghe vậy liền khóc, vội đi đến gặp thân phụ cùng các công tử em chàng. Khi vị cha thấy các con đến, không thể nào giữ được vẻ bình thản, liền ôm các con mắt đầy lệ, hôn đầu các con và ghì lấy trưởng nam vào lòng một hồi lâu. Rồi ngài nhấc con lên, bước ra khỏi cung thất, ngồi xuống tọa sàng đặt trên chiếc bệ cao, ngài nhắn nhủ với cả ngàn công tử kia.

*

Bậc Đạo Sư tả cảnh ấy như sau:

Bậc hộ trì Chánh pháp, lòng không chút sợ hãi, hôn trán các con khi họ đến gần ngài, và sau khi chào hỏi xong, ngài bảo họ:

- Ta được đức vua giao cho chàng thiếu sinh này. Ta thuộc quyền sở hữu của chàng rồi, nhưng hôm nay ta còn được tự do tìm thú vui riêng cho mình, rồi chàng sẽ đem ta đi đâu tùy ý, cho nên ta muốn nhắn nhủ các con đôi điều, vì làm sao ta ra đi mà không tìm cách cứu khổ các con được? Ví như Janasandha, vua xứ Câu Lâu, trịnh trọng hỏi các con: "Các khanh xem cái gì thật cổ kính ngay trong thời thượng cổ? Thân phụ các khanh dạy bảo điều gì tiên khởi và tối thượng"? Rồi ví như nhà vua bảo: "Các khanh đồng đẳng với ta, ai trong các khanh lại không hơn một vị vua đã chứ"?, các con sẽ kính cẩn đảnh lễ vua và tâu: "Xin Đại vương đừng nói vậy, không có luật lệ nào như thế cả, làm sao một con chó rừng hèn mọn lại đồng đẳng với một vương hổ được"?

Sau khi nghe thuyết giáo xong, các vị công tử, công nương, thân bằng, quyến thuộc, gia nhân, dân chúng đều không giữ được lòng bình thản, đồng khóc lớn khiến bậc Đại Sĩ lại phải an ủi họ thêm nữa.

*

V. IDHURA KHUYẾN GIÁO THÂN NHÂN

Rồi sau khi đến với mọi người và thấy họ đã giữ yên lặng, ngài nói:

- Này các con, đừng buồn khổ làm gì, các sắc pháp đều vô thường, vinh quang cuối cùng lại gây tai họa; tuy vậy ta sẽ chỉ cho các con một cách đạt vinh quang, đó là chốn triều đình. Hãy chú ý lắng nghe cho kỹ.

Sau đó nhờ thần lực của một vị Phật, ngài đưa họ vào một cảnh triều đình.

*

Bậc Đạo Sư tả cảnh ấy như sau:

Khi ấy Vidhura thuyết Pháp cho tất cả thân bằng lẫn cừu thù, quyến thuộc cùng thê tử, tâm trí ngài viễn ly mọi sắc pháp:

- Này các vị hãy đến đây nghe cho kỹ trong khi ta nói về chốn triều đình, làm thế nào một nam tử vào chốn triều đình có thể đạt vinh quang. Khi vào chốn triều đình còn là vô danh tiểu tốt, y không có thể có được vinh quang đâu, cũng không thể đạt vinh quang nếu y là một tên hèn nhát, ngu ngốc hoặc vô tâm. Khi nào vua nhận thấy đức độ của y, tài trí cũng như lòng thanh liêm của y, vua mới tin tưởng y và không giấu y

những điều bí mật của ngài. Khi nào được lệnh thi hành một việc gì, y không được ngần ngại, như một chiếc cân thật chính xác, với cán cân thật ngang bằng và như chiếc cân kia, nếu y sẵn sàng đảm trách mọi gánh nặng, y mới có thể ở chốn triều đình.

Bất kỳ ngày đêm, một trí giả cũng không ngần ngại gì khi được giao quốc sự; một người như thế mới có thể ở chốn triều đình. Một bậc trí giả, khi được giao quốc sự, bất kỳ ngày đêm cũng phải đảm nhận mọi nhiệm vụ. Một người như vậy mới có thể ở chốn triều đình.

Người nào thấy được đạo lộ dành cho vua và thận trọng sắp xếp mọi việc thuận lợi cho ngài, mà chính mình không dám bước vào đó, dù được mời làm như vậy, kẻ ấy mới có thể ở chốn triều đình. Đừng vì một duyên cớ gì vui hưởng các lạc thú như vua, mà phải theo sau hầu vua trong mọi việc, một kẻ như thế mới có thể ở trong chốn triều đình.

Đừng mặc y phục như vua, cũng không mang tràng hoa, xức dầu thơm như vua dùng, cũng không đeo các đồ trang sức như vua hay nói giọng như vua được; bao giờ cũng phải tạo một dáng điệu khác, cách phục sức khác. Một kẻ như vậy mới có thể ở chốn triều đình.

Nếu vua đang vui đùa cùng các cận thần hay đang được các cung nữ vây quanh ngài, thì vị cận thần không nên nói bóng gió với các cung phi ấy. Người nào không dương dương tự đắc cũng không nhẹ dạ chóng đổi thay, mà phải thận trọng, luôn luôn biết tự chủ, người nào đạt được minh trí và quyết tâm, người như vậy mới có thể ở chốn cung đình.

Đừng đùa cợt với các cung phi, cũng không nói chuyện riêng với họ, đừng lấy của cải trong công khố. Người như vậy mới có thể ở chốn triều đình. Đừng nghĩ nhiều đến việc ngủ nghỉ, cũng không ham rượu nồng quá độ, không giết hươu nai trong vườn ngự uyển, một kẻ như vậy mới ở được chốn cung đình.

Đừng ngồi trên vương tọa, long sàng, kim đôn, vương tượng hoặc vương xa, vì nghĩ mình là kẻ có đặc quyền, một người như vậy mới có thể ở được chốn cung đình.

Đứng e dè giữ mình quá xa cách vua, nhưng cũng đừng quá gần gũi ngài, luôn luôn sẵn sàng túc trực bên ngài, tâu gửi đôi điều lên đấng chúa công. Đừng xem vua như một kẻ thường dân, không nên so sánh vua với bất kỳ một ai khác. Vua chúa rất dễ nổi cơn thịnh nộ, như con mắt dễ bị đau nếu đụng nhằm râu hạt thóc vậy. Vị hiền trí không nên nghĩ rằng mình đang được ân sủng, lại cả gan nói năng thô lỗ với vua đa nghi. Nếu vị ấy gặp được vận may thì cứ chụp lấy, nhưng đừng tin tưởng vào vua chúa, phải luôn luôn biết phòng thân như đề phòng hỏa hoạn, một kẻ như vậy mới có thể ở chốn triều đình.

Nếu vua sủng ái con hay em của ngài rồi ban cho họ một vài thôn làng, thị thành hay vài triều thần làm tùy tùng của họ, thì kẻ đó phải biết yên lặng chờ đợi, đừng bảo là vua khôn khéo hay lỗi lầm gì.

Nếu vua tăng lương cho quan quản tượng hay vệ sĩ của ngài, hoặc pháo binh hay bộ binh của ngài vì nghe được các chiến công của họ, kẻ ấy đừng nên xen vào cản trở việc

trên, một kẻ như vậy mới có thể ở được chốn triều đình.

Bậc trí giả phải biết giữ bụng bé như cây cung, nhưng lại biết uốn cong dễ dàng như cây tre; đừng làm phật ý vua, như vậy mới có thể ở chốn triều đình. Phải biết giữ bụng bé như cây cung, mồm lặng thinh như loài cá, phải ăn uống chừng mực, can đảm và thận trọng. Một kẻ như vậy mới có thể ở chốn triều đình.

Đừng lui tới với nữ nhân quá nhiều, sợ rằng phải hao mòn sinh lực, kẻ ngu ngốc chính là nạn nhân của bệnh ho hen, đau nhức mình mẩy và tính trẻ con, đừng cười cợt thái quá, cũng đừng quá lặng lẽ, phải biết nói năng lúc thời cơ thuận tiện đến, lời nói phải khúc chiết, rõ ràng, được cân nhắc kỹ lưỡng. Đừng buông mình theo cơn nóng giận, cũng đừng chực sẵn sàng gây hận, lời lẽ phải chân thật, dịu dàng, không vọng ngữ và đừng nói năng nhảm nhí. Một kẻ như vậy mới có thể ở chốn triều đình.

Phải biết tự rèn luyện, học hỏi, tự chủ, có kinh nghiệm trong việc giao thương, ôn hòa, dịu dàng, thận trọng, liêm khiết, khéo léo. Một kẻ như vậy mới có thể ở chốn triều đình.

Đối xử khiêm tốn với người trên, sẵn sàng nghe lời kẻ khác, đầy lòng kính cẩn, từ ái, sống dễ chịu với người xung quanh. Một kẻ như vậy mới có thể ở chốn triều đình.

Phải biết lánh xa sứ giả của ngoại bang sai đến thương thảo, chỉ lưu tâm đến vị chúa tể của mình, đừng biết đến vị vua nào khác.

Phải biết tôn trọng các Sa-môn, Bà-la-môn đức độ và đa văn, phải biết cung phụng các vị ấy, một kẻ như vậy mới có thể ở chốn triều đình.

Phải biết cúng dường các Sa-môn, Bà-la-môn đức độ và đa văn đầy đủ vật dụng ăn uống, một kẻ như vậy mới có thể ở chốn triều đình. Phải biết đến gần và thành tâm phụng sự các Sa-môn và Bà- la-môn đức độ, đa văn, cầu mong đó là việc thiện chân chính của mình.

Đừng tìm cách tước đoạt của các Sa-môn, Bà-la-môn những vật được cúng dường cho họ trước kia và đừng tìm cách ngăn cản các khất sĩ vào lúc chẩn tế. Một kẻ công chính, đầy đủ đại trí, khéo léo sắp xếp mọi công việc, thông thạo mọi thời cơ, một kẻ như vậy mới có thể ở chốn triều đình.

Một người đầy nghị lực lúc làm việc, thận trọng khéo léo, có khả năng tiến hành công việc đến thành quả mỹ mãn, người ấy mới có thể ở được chốn triều đình.

Phải thăm viếng thường xuyên các sân đập lúa, đàn trâu bò, gia súc, ruộng nương, phải cho cân thóc thật kỹ lưỡng và cất vào vựa, phải bảo đong lường kỹ mỗi khi nấu nướng trong nhà mình.

Đừng sử dụng hay đề bạt con hay em trai thiếu đức độ vững vàng, những con em như vậy không phải là những phần tử chân chính của giống nòi mình, phải xem chúng như chết rồi. Phải đem y phục, vật thực cấp dưỡng cho chúng và bảo chúng ngồi im mà nhận lấy. Phải biết dùng ở cửa công những tùy tướng có đức độ vững vàng, khéo léo làm việc và biết đối phó lúc ngộ biến.

Một kẻ đức độ, vô tham, tận tụy với quân vương, luôn có mặt bên ngài và mưu cầu quyền lợi cho ngài một kẻ như vậy mới có thể ở chốn triều đình.

Phải biết rõ ý vua, theo sát tâm tư ngài, đừng bao giờ hành động trái ý ngài, một kẻ như vậy mới có thể ở chốn cung đình, phải xoa dầu thơm và tắm cho ngài, phải cúi đầu xuống khi rửa chân cho ngài; khi bị trừng phạt không hề tức giận, một kẻ như vậy mới có thể ở chốn triều đình.

Phải biết cúi đầu chào một chiếc bình đầy nước hay cung kính thi lễ một con quạ, hơn thế nữa, còn phải ban phát đầy đủ cho mọi kẻ cầu xin, lúc nào cũng phải tỏ ra khôn ngoan và lỗi lạc. Phải biết bố thí, tọa cụ, y phục, xe pháo, nhà cửa, tư dinh, phải tưới tràn đầy phúc lộc cho mọi người như một vầng mây lớn. Thưa quý vị, đó là cách để ở được chốn triều đình, đó là cách cư xử để được ân sủng của vua chúa, để được vinh quang do các ngài ban thưởng.

*

VI. CUỘC DU HÀNH CỦA VIDHURA VÀ PUNNAKA

Ba ngày trôi qua, bậc Đại Sĩ thuyết giáo cho đám vợ con, bạn hữu cùng nhiều người khác đã xong. Khi biết thời hạn đã mãn, từ tinh sương, sau bữa ăn đầy cao lương mỹ vị, ngài bảo:

- Ta sẽ tạ từ đức vua và ra đi cùng chàng thiếu niên này.

Rồi ngài đi đến cung vua, cùng với đám quyến thuộc vây quanh, đảnh lễ vua rồi đứng sang một bên, nhắn nhủ đôi lời khôn ngoan, thực tiễn.

*

Bậc Đạo Sư tả cảnh ấy như sau:

Sau khi nhắn nhủ thân bằng quyến thuộc xong, bậc Đại trí được đám thân hữu vây quanh, cùngđi đến cung vua. Đảnh lễ dưới chân vua và chúc tụng vua rất kính cẩn xong, Vidhura chắp tay lại tâu:

- Thiếu sinh này muốn sử dụng thần theo ý chàng, nên sẽ đem thần đi xa. Thần xin bày tỏ đôi lời vì các thân bằng quyến thuộc còn ở lại, xin hãy nghe thần tâu, hỡi đấng Đại vương đã chinh phục bao cừu thù. Xin Đại vương chăm sóc đám thê tử và tài sản trong gia tộc tiểu thần, để khi thần đã đi rồi, thân quyến của thần cũng không bị tàn mạt. Vì khi quả đất rung chuyển, thì mọi vật trên đó đều

rung chuyển theo và khi quả đất vững vàng, thì mọi vật mới vững vàng được. Vì thế thần thấy quyến thuộc của thần sẽ suy sụp theo sự suy sụp của thần; thần nhận đó là lỗi của thần vậy.

Vua nghe vậy, liền bảo:

- Này bậc Trí giả, trẫm không muốn khanh ra đi tý nào cả, vậy đừng đi nữa; trẫm sẽ triệu chàng thiếu sinh ấy đến rồi lấy cớ giết gã đi và giấu nhẹm câu chuyện.

Ngài phát họa chuyện này qua vần kệ:

41. Này khanh, không thể bước đi ra,
Đây chính điều cương quyết của ta.
Khi đã giết xong chàng trẻ ấy,
Khanh cần ở lại chốn này mà.
Đây là thượng sách cho ta đó,
Bậc Đại trí, xin chớ bỏ ta!
Bậc Đại Sĩ nghe vậy liền kêu to:

- Ý định như thế quả không xứng chút nào với Đại vương.

Rồi ngài nói thêm:

42. Đừng để tâm vào việc bất công,
Hãy tinh cần luyện tập thân tâm,
Đúng theo Thánh điển đầy thâm nghĩa;
Ô nhục thay là việc ác gian,
Khi đã làm xong điều tội lỗi,
Con người đọa địa ngục sau cùng.
43. Chuyện này không phải lẽ công bằng,
Đây chẳng phải là việc đáng làm,
Tâu Chúa công, vua là tối thượng,
Quyền uy với kẻ dưới tồi tàn,
Muốn đem giết nó hay thiêu sống,
Thần giã từ không dám hận sân.
Nói xong Đại Sĩ kính cẩn vái chào vua rồi khích lệ các cung phi, quần thần đôi lời, xong bước ra khỏi cung điện, trong khi họ không còn giữ được lòng can đảm, chịu đựng được nữa, cùng bật tiếng khóc to và dân chúng trong kinh thành đồng kêu lên:

- Bậc Đại trí đang ra đi cùng chàng tuổi trẻ, ta hãy mau mau ra tiễn ngài lên đường.

Họ nhìn theo ngài trong sân chầu, song họ bảo nhau:

- Đừng sầu khổ nữa, vạn pháp đều vô thường, giả tạm, vậy hãy nhiệt tâm bố thí và làm các thiện pháp. Rồi họ trở lại, ai về nhà nấy.

*

Bậc Đạo Sư tả cảnh ấy như sau:

Sau khi ôm hôn trưởng nam và đè nén nỗi đau đớn trong lòng, mắt đẫm lệ, bậc Đại Sĩ bước vào cung thất. Lúc bấy giờ có cả ngàn công tử, cả ngàn công nương, cả ngàn phu nhân, bảy trăm cung nữ, cùng nhiều nô tỳ, cận vệ, thân bằng quyến thuộc quỳ xuống khắp nơi, cả cung điện chẳng khác nào vườn cây sà-la ngả nghiêng trong cơn cuồng phong bão táp báo hiệu giờ tận thế.

*

Bậc Đạo Sư tả cảnh ấy như sau:

Gia quyến của Trí giả Vidhura nằm phủ phục khắp cung điện như vườn cây sàla ngã nghiêng tơi tả trong cơn bão táp.

Cả ngàn phu nhân, bảy trăm nữ tỳ dang tay ra than khóc trong cung của Vidhura. Các hậu phi, vương tử, các Vệ-xá, Bà-la-môn, đang dang tay ra than khóc trong cung Vidhura. Các quan quản tượng, vệ sĩ, quản xa, bộ binh, đều dang tay than khóc trong cung của Vidhura. Thần dân khắp chốn thành thị, thôn quê tụ tập lại đồng dang tay than khóc trong cung của Vidhura.

Sau khi an ủi quần chúng và hoàn tất mọi việc còn sót lại, bậc Đại Sĩ khích lệ các hậu phi và chỉ bảo cho họ những gì cần chỉ bảo, ngài đến gặp Punnaka cho chàng hay rằng ngài đã làm xong mọi việc cần làm.

*

Bậc Đạo Sư tả cảnh ấy như sau:

Sau khi hoàn tất mọi việc cần thiết trong cung thất và chỉ bảo thân bằng quyến thuộc thê nhi, quân sư xong, sau khi sắp đặt mọi công việc bên ngoài cần lưu tâm và thông báo mọi kho vựa trong nhà, kho gia bảo cùng nợ nần phải trả, ngài nói với Punnaka:

- Chàng đã ở lại trong cung ta ba ngày rồi, ta đã làm xong mọi việc cần thiết, chỉ dạy vợ con xong xuôi, giờ đây ta hãy làm theo ý chàng, hỡi chàng Ca-chiên-diên.

Punnaka đáp lại:

- Nếu ngài đã hành động theo ý ngài, đã chỉ bảo vợ con, tùy tướng xong rồi, thì than ôi, giờ đây ngài đứng đó như người sắp vượt biển, cả một cuộc hành trình dài trước mắt ngài. Vậy đừng sợ hãi gì, hãy nắm lấy đuôi tuấn mã cao sang của ta và đây là lần cuối ngài thấy cảnh nhân gian.

Bậc Đại Sĩ liền đáp lại:

- Ta còn phải sợ ai chứ, khi ta không hề làm ác đối với ai từ thân, ngữ, ý, thì làm sao ta gặp tai họa được?

Thế là bậc Đại Sĩ can đảm như con sư tử kiêu hùng, lớn tiếng bảo:

- Đây là cẩm bào của ta, đừng cởi nó ra nếu ta không cho phép.

Rồi với quyết tâm cao độ, ngài thắt đai áo thật chặt, gỡ đuôi ngựa ra, hai tay nắm chặt lấy, thúc đôi chân vào hông ngựa và bảo chàng:

- Ta đã nắm đuôi ngựa rồi, này thiếu niên, thôi hãy đi đâu tùy ý chàng.

Lúc ấy Punnaka ra lệnh cho con ngựa có đủ trí khôn kia, nó liền nhảy vọt lên bầu trời mang theo bậc Trí giả.

*

Bậc Đạo Sư tả cảnh ấy như sau:

Ngựa chúa mang Vidhura lên bầu trời, chẳng bao lâu đến ngọn Hắc Sơn mà chẳng đụng vào cây cối núi non chập chùng.

Trong khi Punnaka đem bậc Đại Sĩ đi như vậy, các con ngài cùng nhiều người đến chứng kiến đi vào cung thất của ngài. Khi họ không thấy bậc Đại Sĩ đâu cả, họ liền khóc lóc thảm thiết và ngã sóng sượt như thể chân cẳng họ đã đứt lìa.

Rồi khi họ thấy và nghe bậc Đại Sĩ đang lúc ngài bay lên trời mà chẳng rõ duyên cớ gì, họ lại than khóc đi thẳng vào hoàng môn, với đám dân chúng theo sau. Vua nghe tiếng than khóc rền rỉ liền mở cửa sổ ra hỏi tại sao họ than khóc như vậy. Họ trình:

- Tâu Đại vương, đó chẳng phải là chàng Bà-la-môn nào cả, mà chính thần Dạ-xoa giả dạng Bà-la- môn mang bậc Trí giả đi mất rồi. Không có ngài, chúng thần không thiết sống nữa; nếu ngài không trở về trong vòng bảy ngày nữa, chúng thần sẽ chất gỗ hàng trăm hàng ngàn xe và tự thiêu cả cho rồi.

Vua nghe vậy liền đáp:

- Bậc Đại trí giả có giọng nói êm dịu sẽ thuyết phục chàng trai kia bằng giáo pháp của ngài và sẽ khiến chàng quy phục dưới nhân ngài, chẳng mấy chốc ngài sẽ trở về mang lại nụ cười cho bộ mặt sầu thảm của các khanh. Thôi đừng buồn rầu nữa.

Rồi ngài ngâm kệ:

44. Thật đại hiền là bậc Trí nhân,
Uyên thâm và đủ mọi tài năng;
Không lâu ngài tự tìm đường thoát,
Ngài sẽ trở lui, chớ hãi hùng.
Trong khi đó Punnaka, sau khi đã đem bậc Đại Sĩ lên đỉnh Hắc Sơn, liền nghĩ thầm: "Người này còn sống thì ta không vinh hiển được, vậy ta sẽ giết y lấy quả tim đem về xứ Long vương dâng cho vương hậu Vimalà và sau khi chiếm được công chúa Irandatì, ta sẽ lên Thiên giới ".

*

Bậc Đạo Sư tả cảnh ấy như sau:

Khi đã đến nơi, chàng nghĩ thầm: "Loài có trí hiện hữu trong nhiều đẳng cấp. Người này sống, ta chẳng ích gì, vậy ta hãy giết y và lấy con tim".

Rồi chàng lại nghĩ: "Nếu chẳng cần giết y bằng chính tay ta, sao ta lại chẳng làm y chết đi vì kinh sợ bằng cách hiện ra hình thù khủng khiếp". Thế là sau khi hiện hình ác quỷ, chàng đến gần nắm ngài xuống đất, ngoạm ngài trong miệng như thể sắp nuốt sống ngài, nhưng bậc Đại Sĩ chẳng hề dựng sợi tóc nào. Chàng lại hiện hình sư tử và voi hung, lấy răng và ngà dọa tấn công ngài. Khi ngài chẳng tỏ ra khiếp sợ, chàng liền hiện hình đại mãng xà, to như chiếc thuyền lớn, hình máng xối, đến gần ngài rít lên, cuộn thân quanh ngài, phủ đầu ngài bằng chiếc mào, ngài vẫn chẳng tỏ chút gì sợ hãi. Rồi

chàng bảo:

- Nếu y đứng trên đỉnh núi và rơi xuống ta sẽ làm y tan vụn ra từng mảnh.

Thế là chàng nổi trận cuồng phong, nhưng nó cũng chẳng lay động được đầu sợi tóc nào của ngài cả. Rồi chàng để ngài trên đỉnh núi, hiện hình con voi làm rung chuyển ngọn núi ngả nghiêng như thể cây chà là rừng. Nhưng dù vậy, chàng cũng không thể làm lay động được đầu sợi tóc nào của ngài cả. Sau đó chàng bảo:

- Ta sẽ làm tim y vỡ ra vì khiếp đảm khi nghe một tiếng gầm kinh khủng.

Rồi chàng đi vào trong núi, rống lên một tiếng gầm khủng khiếp rền vang cả đất trời nhưng bậc Đại Sĩ cũng chẳng tỏ ra khiếp sợ, vì ngài biết rằng dù chàng hiện hình Dạ-xoa, sư tử, voi hay Long vương, có làm mưa gió rung chuyển núi rừng hay vào trong núi gầm thét vang dội đi nữa, chàng cũng chỉ là một phàm phu, không là gì khác.

Chàng Dạ-xoa liền nghĩ thầm: "Ta không thể nào giết y bằng cách tấn công bên ngoài, vậy ta chỉ còn cách giết y bằng chính tay ta". Thế là chàng đặt bậc Đại Sĩ lên trên đỉnh núi, còn chính chàng xuống chân núi đi lên từ lòng núi, như thể chàng xuyên sợi chỉ trắng qua hạt ngọc có xoi lỗ, với tiếng gầm lớn, chàng thô bạo chụp bậc Đại Sĩ tung lên xoay tít, dựng đầu ngài xuống phía dưới trong khoảng không chẳng có vật gì để ngài có thể nắm lấy được.

Cảnh ấy được miêu tả như sau:

Sau khi đến đó và vào trong núi, Kàtiyàna với tâm địa ác độc nắm lấy đầu dốc ngài ngược xuống khoảng không gian bao la. Trong khi ngài lơ lửng như ở trên bờ địa ngục, cảnh tượng thật kinh hoàng, vô cùng nguy hiểm, khó vượt qua, bậc Hiền trí đệ nhất của toàn dân Câu-lâu vẫn không nao núng bảo chàng:

- Bản chất ngươi thật hèn hạ, mặc dù có lúc ngươi đã mang một hình tướng thật cao sang; ngươi phóng dật tột cùng mặc dù mang hình hài một vị khổ hạnh tự chế, ngươi đang phạm một việc ác độc và kỳ quái, không có gì tốt đẹp trong bản chất của ngươi cả. Tại sao ngươi lại giết ta, khi ngươi muốn thấy ta rơi xuống vực thẳm này? Tướng mạo ngươi có vẻ siêu phàm, hãy cho ta biết ngươi là loại thiên thần gì?

Punnaka đáp lại:

- Có lẽ ngài đã nghe danh thần Dạ-xoa Punnaka, là đại thần của vua Kuvera. Có một Long vương cai trị địa giới tên gọi Varuna, thật oai hùng, liêm khiết, có đầy đủ phong thái tốt đẹp cùng dũng lực. Ta mơ ước công chúa, con của ngài, một Long nữ tên gọi Irandatì, vì yêu nương tử diễm kiều ấy nên ta đã quyết tâm sát hại ngài đấy, thưa bậc Trí giả.

Bậc Đại Sĩ suy nghĩ: "Thế giới này sụp đổ chỉ vì một việc hiểu lầm, tại sao một kẻ si tình Long nữ lại muốn giết ta? Ta phải biết tất cả sự thật của câu chuyện này mới được". Rồi ngài ngâm kệ:

45. Này chớ bị lừa, hỡi Dạ-xoa,

Nhiều người bị hại bởi lầm to,
Việc chàng yêu quý nàng Long nữ,
Nào có liên quan việc giết ta?
Này hãy mau lên, thần đại lực,
Kể ta nghe mọi chuyện kia mà.
Punnaka liền đáp ngài:

46. Vì yêu ái nữ đại Long vương,
Ta hội ý thân tộc của nàng,
Và lúc ta cầu hôn thiếu nữ,
Nhạc gia đã nói với ta rằng
Các ngài hiểu mối tình say đắm:
"Ta sẽ ban chàng vị quý nương
Hình dáng yêu kiều, mắt diễm lệ
Nụ cười tươi đẹp ngát trầm hương .
47. Nếu chàng đem sính lễ vương gia,
Tim của Trí nhân Vi-dhu-ra,
Chiếm được nhờ công bằng thắng trận,
Công nương được gả giá này mà,
Chúng ta không nhận quà gì khác".
Như vậy ta đâu bị đánh lừa?
Hỡi bậc chánh chân nghe thật kỹ,
Không gì lầm lẫn về phần ta.
48. Long vương sẽ gả vị công nương, Đổi trái tim nhờ thắng chánh chân, Chính bởi điều này ta đã quyết,

Giết ngài theo cách chúng ta cần, Nếu ta ném xác ngài trong vực Ta sẽ giết ngài, lấy quả tâm!

Khi bậc Đại Sĩ nghe vậy, ngài suy nghĩ:

"Vương hậu Vimàla không cần trái tim của ta đâu. Vua Varuna sau khi nghe Pháp thoại, đã tán thán ta và ban ta châu báu; có lẽ khi ngài về cung đã tả lại năng lực thuyết Pháp của ta nên Vimalà cũng mong muốn nghe ta thuyết giảng. Punnaka có lẽ đã nhận được lệnh của Varuna qua một sự hiểu lầm và chàng ta cũng chịu tác động của sự lầm tưởng riêng nên mới gây ra tai họa này. Vậy nay đặc tính của một bậc trí như ta là có khả năng đưa ra ánh sáng và khám phá mọi chân lý. Nếu Punnaka giết ta thì có ích gì? Nay ta sẽ bảo chàng: "Này thiếu sinh, ta biết Chánh pháp mà thiện nhân phải tuân theo, vậy trước khi ta chết, hãy đặt ta trên đỉnh núi và nghe ta nói Pháp lành của thiện nhân, sau đó chàng muốn làm gì tùy ý", rồi sau khi thuyết Pháp thiện nhân cho chàng, ta hãy để chàng giết đi".

Thế là ngài ngâm kệ trong khi lơ lửng giữa trời, đầu dốc ngược xuống dưới:

49. Hãy đặt ta ngay thẳng tức thì,
Nếu chàng cần có trái tim kia,
Hôm nay ta thuyết cho chàng rõ
Pháp của thiện nhân, hãy lắng nghe.
Punnaka suy nghĩ: "Pháp lành chưa hề được tuyên thuyết trước chư Thiên và loài người. Vậy ta phải lập tức đặt ngài đứng xuống và nghe Pháp thiện nhân mới được". Thế là chàng nhấc bậc Đại Sĩ lên và đặt ngài trên đỉnh núi.

*

Bậc Đạo Sư miêu tả cảnh ấy như sau:

Punnaka, sau khi vội vàng đặt vị đệ nhất thiện nhân của xứ Câu-lâu xuống đỉnh núi, liền hỏi bậc Đạo Sư đại trí, trong khi ngài ngồi nhìn cây pipul (cây đa):

- Ta đã đưa ngài lên từ vực thẳm, ta cần quả tim ngài hôm nay, vậy hãy giảng cho ta nghe Pháp lành của thiện nhân.

Bậc Đại Sĩ đáp lại:

- Ta đã được chàng cứu khỏi vực thẳm, nếu chàng cần trái tim ta, ta nguyện thuyết Pháp lành của thiện nhân cho chàng nghe hôm nay.

Rồi bậc Đại Sĩ bảo:

- Thân thể ta nhơ uế, cho ta tắm rửa ngay.

Thần Dạ-xoa ưng thuận, mang nước đến và khi ngài đang tắm rửa, chàng liền đem thiên y cùng dầu thơm cho ngài. Sau khi ngài đã mặc y phục, trang điểm xong, chàng lại đem vật thực trên thiên giới cho ngài. Sau bữa ăn, bậc Đại Sĩ trang hoàng đỉnh Hắc Sơn thật tràn trề hoa lá, lại bài trí một sàng tọa lộng lẫy xong, ngài ngồi xuống ngâm vần kệ, trình bày phận sự của một thiện nhân với vẻ uy nghi tối thắng của một vị Phật:

50. Chàng hãy theo đường đã vạch ra,
Chùi cho thật sạch bàn tay dơ,
Đừng bao giờ phản bội bằng hữu,
Đừng rớt vào uy lực nữ ma.
Chàng Dạ-xoa không thể nào thấu triệt ý nghĩa của bốn qui luật được diễn tả quá ngắn gọn như vậy, liền hỏi thêm chi tiết:

- Thế nào đi theo con đường đã vạch sẵn? Thế nào là đốt đi bàn tay lấm dơ? Những ai là nữ nhân bất tịnh? Những ai phản bội thân bằng? Xin ngài nói rõ theo yêu cầu của ta.

Bậc Đại Sĩ đáp lại:

- Kẻ nào mời ta vào nghỉ ngơi khi ta là lữ khách chưa hề quen biết trước đây, ta hãy làm theo họ. Bậc Trí giả gọi đó là người đi theo con đường đã vạch sẵn. Ta trú chân trong bất kỳ nhà nào dù chỉ qua một đêm và được mời ăn uống, thì ta đừng có ý nghĩ xấu trong đầu về người đó, kẻ nào phản bội bạn hữu là đốt một bàn tay vô tội . Đừng bẻ

cành cây đã cho ta bóng mát khi nằm ngồi, kẻ phản bội bạn bè thật hèn hạ. Hãy trao tặng mọi thứ vàng bạc của cải ở đời cho nữ nhân mà ta đã lựa chọn, tuy thế nữ nhân sẽ khinh bỉ ta khi có dịp; vậy đừng rơi vào uy lực của các nữ nhân bất tịnh. Như thế là một người biết theo đạo lộ đã vạch sẵn; thế là người ấy đốt cháy bàn tay vấy bẩn; đây là nữ nhân bất tịnh; đây là kẻ phản bội bằng hữu; còn kia là chính nhân, vậy hãy từ bỏ mọi bất công sai trái.

Như vậy, bậc Đại Sĩ đã thuyết Pháp cho chàng Dạ-xoa với uy nghi cao cả của một vị Phật về bốn phận sự của thiện nhân. Punnaka nghe xong, liền suy nghĩ: "Trong bốn lời khuyên này, bậc hiền trí chỉ cầu mong sự sống cho ngài, vì ngài thật sự đã tiếp đãi ta nồng hậu, dù ta còn là kẻ xa lạ trước đây; ta ở lại trong nhà ngài ba hôm, được ngài quý trọng vô cùng. Thế mà ta đang làm hại ngài chỉ vì một nữ nhân; hơn thế nữa, ta đang phản bội thân bằng, nếu ta làm hại bậc Trí giả này tức là ta không theo thiện nhân pháp, vậy ta cần gì Long nữ Nàga đã chứ? Ta phải lập tức đem ngài trở lại Indapatta làm cho những khuôn mặt u sầu của dân chúng tại đó được tươi vui và ta sẽ đặt ngài ngồi trên bảo tọa trong thính đường". Rồi chàng nói to:

- Ta đã ở lại ba ngày trong nhà ngài, ta đã được ngài cung phụng thức ăn thức uống, ngài là bằng hữu của ta, ta sẽ để ngài đi, hỡi bậc Trí giả tối thắng, ngài cứ trở về nhà ngài theo ý nguyện. Ngoài ra những việc liên quan đến dòng giống Long vương đều hủy bỏ, ta không cần gì Long nữ nữa nhờ những lời lẽ chính đáng của ngài, nên ngài được thoát khỏi tai họa do ta giáng xuống hôm nay.

Bậc Đại Sĩ đáp lại:

- Này thiếu sinh, đừng đưa ta trở lại nhà mà cứ đem ta đến cung Long vương đi.

Rồi ngài ngâm kệ:

51. Chàng hãy đưa ta, hỡi Dạ-xoa,
Đến thăm nhạc phụ của chàng mà,
Rồi ta sẽ chỉ cho rồng chúa,
Cung điện Long vương thuở đã qua,
Ngài chẳng bao giờ trông thấy được,
Hãy làm việc tốt nhất cho ta.
Punnaka đáp:

52. Bậc Trí không nên để mắt trông,
Những gì không lợi lạc thường nhân,
Tại sao bậc Trí vô song địch,
Ước muốn ra đi giữa địch quân?
Bậc Đại Sĩ đáp:

53. Quả thật ta đây biết rõ rành,
Trí nhân chỉ để ý điều lành,
Nhưng không phạm tội bao giờ cả,

Sao tử thần ta phải hãi kinh?
- Hơn nữa - ngài tiếp - nhờ bài thuyết Pháp của ta, một kẻ độc ác như chàng đã được điều phục và hồi tâm, nay chàng lại nói: "Ta không cần Long nữ nữa, ngài cứ trở về". Nên phận sự của ta là phải làm dịu lòng Long vương, cứ đem ta lại đó tức thì.

Nghe vậy, Punnaka ưng thuận đáp:

- Này bậc Trí giả, ngài sẽ cùng ta chiêm ngưỡng thế giới huy hoàng vô song, nơi Long vương ngự trị giữa tiếng đàn ca múa hát chẳng khác nào Thiên vương Vessavana (Tỳ-sa-môn) ở ngự viên Nalinì vậy. Có biết bao đoàn Long nữ xinh tươi với bao trò giải trí suốt sáng thâu đêm, cùng với trăm hoa đua sắc, khiến cung điện sáng rực như ánh chớp giữa không gian. Đầy đủ sơn hào hải vị, mỹ tửu, ca múa, đàn sáo, các Long nữ với trang phục diễm kiều, cung điện sáng ngời với xiêm y và trân bảo.

*

VII. VIDHURA VÀO LONG CUNG

Rồi Punnaka đặt vị đệ nhất thiện nhân của xứ Câu-lâu ngồi đằng sau chàng và mang bậc Hiền trí lỗi lạc ấy đến cung Long vương. Khi đến cung điện huy hoàng vô song ấy, bậc hiền trí đứng sau Punnaka và Long vương nhìn thấy sự hòa hợp giữa hai vị, liền nói với phò mã tương lai như ngài đã nói trước kia:

- Khanh đã lên cõi nhân gian, đi tìm quả tim của bậc Hiền trí. Nay phải chăng khanh đã chiến thắng trở về, mang theo bậc Đại trí vô song kia?

Punnaka đáp:

- Người mà Đại vương mong cầu đã đến, đó là bậc bảo hộ tiểu thần trong mọi việc, người mà thần đã chiếm được bằng phương tiện chính đáng. Đại vương hãy xem ngài thuyết Pháp trước Đại vương. Diện kiến với thiện nhân sẽ đem lại an lạc.

Long vương ngâm kệ khi thấy bậc Đại Sĩ:

54. Người này đang đứng ngắm nhìn ta,
Rồng chúa, người chưa thấy trước kia,
Nên hoảng hốt vì lòng sợ chết,
Giờ không thể nói được lời ra,
Với ta, trong lúc đầy kinh hãi,
Đây chẳng phải người Đại trí mà!
Trong lúc Long vương có ý nghĩ như vậy và mặc dù vua rồng không nói thẳng ra rằng vua không tôn trọng ngài, ngài vẫn biết, nhờ thượng trí, cách cư xử cao đẹp nhất đối với mọi chúng sinh, nên ngài nói với vua rồng:

55. Thần không sợ, tấu Chúa rồng linh,
Bởi cái chết, thần chẳng hãi kinh,
Nhưng tội nhân không quyền được nói,
Với đao phủ nọ sắp hành hình,

Và ngài cũng chẳng nên đòi hỏi,
Kẻ tội phạm kia đối đáp mình.
Long vương liền ngâm kệ tán thán bậc Đại Sĩ:

56. Đúng như ngài nói, hỡi Hiền nhân,
Ngài nói chánh chân: Một tội nhân,
Không quyền nói với người hành quyết,
Người ấy cũng không hỏi tội nhân!
Sau đó bậc Đại Sĩ ân cần nói với Long vương:

- Cảnh vinh quang, huy hoàng, oai lực cùng dòng dõi Long vương của Đại vương đều phải chịu sinh diệt, chưa phải trường tồn bất biến, thần xin hỏi Đại vương: Tâu Đại vương, làm thế nào ngài hưởng được cung điện này? Có phải không do duyên cớ gì cả hoặc do một nhân duyên trước kia phát khởi ra chăng? Có phải do ngài tạo ra hay do chư Thiên ban xuống? Xin hãy giải thích cho thần rõ, tâu Long vương, làm thế nào Đại vương hưởng được cung điện này?

Long vương đáp lời:

- Chẳng phải không có nguyên nhân gì mà ta hưởng được cảnh này, cũng không phải do một nhân duyên nào trước kia phát khởi ra, cũng không phải do ta tạo hay chư Thiên ban xuống, mà ta hưởng thụ cảnh này do công đức của ta đạt được.

Bậc Đại Sĩ lại nói:

- Đại vương phát nguyện ra sao? Và thực hành thánh hạnh như thế nào? Thiện nghiệp nào đãđưa lại phước quả này? Đó là cảnh vinh quang, huy hoàng, uy lực và dòng dõi Long vương của ngài cùng cung điện này, tâu Long vương.

Long vương đáp lại:

- Ở cõi trần thế, trẫm cùng vương hậu đều rất tín thành và đầy lòng nhân từ: tư thất của trẫm biến thành khách đường. Các Sa-môn, Bà-la-môn được cung phụng ẩm thực linh đình tại đó. Vòng hoa, hương liệu, dầu thơm, đèn đuốc, tọa sàng, tư phòng, y phục, lương thực trẫm đều chuyên tâm cúng dường quảng đại tại đó. Ấy là hạnh nguyện và cách hành trì công đức của trẫm; còn đây là phước quả của công đức ấy: Cảnh vinh quang, huy hoàng, dòng dõi Long vương cùng cung điện này, thưa bậc Trí giả.

Bậc Đại Sĩ lại bảo:

- Nếu Đại vương hưởng được cung điện này bằng cách ấy, Đại vương đã thấu hiểu quả báo của thiện nghiệp và luân hồi sinh tử, vậy thì xin Đại vương tinh tấn hành trì công đức để đời sau lại tái sinh vào chốn cung đình.

Long vương đáp:

- Không có vị Sa-môn, Bà-la-môn nào đến đây để trẫm cúng dường vật thực, vậy thưa Tôn giả, xin cho trẫm biết điều trẫm đang mong cầu, đó là làm cách nào để trẫm lại có thể tái sinh vào chốn cung đình?

Bậc Đại Sĩ bảo:

- Có nhiều rồng rắn tái sinh trong chốn này, cùng với quyến thuộc, thê nhi, nô tỳ của chúng, vậy xin Đại vương đừng sát hại chúng bất kỳ bằng lời nói hay hành động. Xin Đại vương thực hành thiện pháp trong lời nói cũng như hành động. Thế là Đại vương sẽ được sống trọn đời trong cung điện này và khi từ trần sẽ lên cõi chư Thiên.

Sau khi nghe Pháp thoại của bậc Đại Sĩ, Long vương nghĩ thầm: "Bậc Hiền trí này không thể xa nhà quá lâu, vậy ta sẽ đưa ngài đến yết kiến Vimalà cho nàng nghe chân ngôn của ngài, để xoa dịu nỗi ước vọng khát khao của nàng bấy lâu, thế là ta sẽ làm đẹp lòng vua Dhanañjaya vàđưa bậc Hiền trí trở về là chuyện rất phải". Thế rồi ngài nói:

- Vị đệ nhất minh quân quả thật đang ưu sầu vì vắng ngài, vì ngài là cận thần của Đại vương ấy; một khi ngài đã trở về đó, dù nay đang gặp hoạn nạn, khổ đau, thì người như ngài cũng sẽ chóng tìm được an lạc.

Bậc Đại Sĩ liền tán thán Long vương:

- Đại vương thật đã phán lên những lời cao quý của thiện nhân, đó là Chánh pháp tối thượng, chính trong những cơn nguy biến của cuộc đời như thế này, mà đặc tính của những kẻ như tiểu thần mới được sáng tỏ.

Long vương càng thêm hoan hỷ liền ngâm kệ:

57. Chàng chiếm ngài không trả giá sao?
Chàng hơn ngài lúc trổ tài cao?
Chàng tâu thắng cuộc công bình lắm,
Ngài thuộc quyền chàng bởi cách nào?
Bậc Đại Sĩ đáp:

58. Pun-na-ka thắng cuộc tranh tài,
Với Chúa thượng tôi lúc đánh bài,
Ngài đã tặng tôi vì chiến bại,
Công bằng chàng thắng chẳng gì sai.
Long vương vô cùng hân hoan khi nghe những lời lẽ cao quý của bậc Hiền nhân, liền nắm tay bậc Đại trí đệ nhất ấy đưa vào diện kiến vương hậu:

- Này Vimalà, vì vị này mà ái khanh đã xanh xao, hao mòn vóc ngọc bấy lâu, cao lương đã mất hương vị dưới mắt khanh, vì trái tim của vầng nhật này mà khanh đã chuốc lấy phiền não bấy lâu, nay hãy nghe lời ngài cho kỹ, khanh sẽ không còn dịp gặp lại ngài nữa đâu.

Khi Vimalà trông thấy bậc đệ nhất Hiền trí, liền chắp tay cung kính và thưa với bậc đệ nhất Hiền trí của xứ Câu-lâu với tất cả lòng hoan hỷ:

59. Người này đang đứng ngắm nhìn ta,
Rồng chúa, người chưa thấy trước kia,

Nên hoảng hốt vì lòng sợ chết,
Giờ không thể nói được lời ra,
Với ta, trong lúc đầy kinh hãi,
Đây chẳng phải người đại trí mà.
60. Thần không sợ, tâu chúa rồng linh,
Vì cái chết, thần chẳng hãi kinh,
Nhưng tội nhân không quyền được nói,
Với đao phủ nọ sắp hành hình,
Vị này cũng chẳng nên đòi hỏi,
Kẻ tội phạm kia đối đáp mình!
Rồi Long nữ cũng hỏi bậc Hiền trí như Long vương đã hỏi trước đây và câu trả lời của ngài đã làm nàng hoan hỷ như Long vương vậy.

Bậc Hiền trí thấy rằng Long vương cùng Long nữ đều đẹp ý với câu đối đáp của ngài, tâm trí càng kiên cường, chẳng chút sợ hãi liền nói với Long vương:

- Tâu Đại vương đừng ngại gì, có tiểu thần đây, xin Đại vương tùy ý sử dụng sinh mạng tiểu thần, thịt da, tim óc tiểu thần ích lợi được việc gì, tiểu thần xin tuân hành, Đại vương mặc tình định đoạt.

Long vương đáp:

- Trái tim của các bậc Hiền nhân chính là đại trí, hôm nay vương tộc chúng ta được hoan hỷ chính nhờ đại trí của ngài. Vậy chàng thiếu niên có uy danh toàn hảo kia (tức Punnaka) hãy rước công chúa vu quy ngay hôm nay, cùng đưa ngài trở về xứ Câu-lâu.

Nói xong Long vương Varuna trao công chúa Irandatì cho Punnaka khiến chàng vô cùng hoan hỷ liền dốc hết tâm can với bậc Đại Sĩ.

*

Bậc Đạo Sư tả lại sự việc như sau:

Punnaka vô cùng hoan hỷ vì đã chinh phục được Long nữ Irandali, tâm hồn chàng đầy hạnh phúc, chàng thưa với bậc đệ nhất thiện nhân xứ Câu-lâu:

61. Ngài đã làm ta được vợ tiên,
Ta mong đền đáp xứng người hiền,
Ta trao ngài ngọc vô song địch,
Và rước ngài về xứ sở liền.
Lúc ấy bậc Đại Sĩ ngâm kệ khác tán dương chàng :

62. Mong tình đôi lứa chẳng phai tàn,
Do chính lòng hoan hỷ ngập tràn,
Chàng hãy tặng ta viên ngọc quý,
Rồi mang ta trở lại quê hương.

Sau đó Punnaka đặt vị đệ nhất thiện nhân xứ Câu-lâu vào chỗ ngồi trước chàng và đưa bậc Đại trí tối thượng về thành Indapatta. Chàng phi nhanh còn hơn cả tâm tư con người có thể bay bổng; rồi Punnaka đem vị đệ nhất thiện nhân của dân tộc Câu-lâu về thành Indapatta.

Sau đó chàng nói với ngài:

63. Hãy ngắm thành đô trước mắt ngài:
Phố phường khả ái, các vườn xoài,
Nay ta được vợ tiên như ý,
Ngài trở về nhà thỏa nguyện thôi!
*

VIII. VIDHURA TRỞ VỀ NHÀ

Cùng ngày hôm ấy, đang lúc thủy triều dâng vào sáng sớm, vua nằm mộng thấy ngay tại cung môn có một cây đại thọ, thân cây là trí tuệ, cành lá là công đức và kết quả là năm sản phẩm cao quý của bò cái (sữa tươi, sữa đông, bơ tươi, bơ chín, bơ đặc), với đàn voi ngựa được trang hoàng rực rỡ vây quanh, cùng đám đông dân chúng chắp tay cung kính đảnh lễ cây đại thọ. Bỗng một hắc nhân mặc

hồng bào, hoa tai đỏ, cầm khí giới trong tay đến chặt cây tận gốc , mặc cho dân chúng phản đối và y kéo cây đi mất dạng ; xong y lại trở lại trồng cây vào chỗ cũ rồi giã từ. Lúc ấy vua hiểu mộng liền nghĩ thầm: "Bậc Trí giả Vidhura chứ không ai khác chính là cây đại thọ, chàng thiếu niên đem bậc Trí giả đi mất chính là người chặt cây dù cho dân chúng phản đối, vậy chàng sẽ trở lại đặt ngài trước cửa Chánh pháp đường rồi ra đi. Hôm nay ta sẽ được chiêm ngưỡng bậc Trí giả ấy".

Thế là ngài hoan hỷ ban lệnh cho cả kinh thành trang hoàng rực rỡ, chuẩn bị Chánh pháp đường sẵn sàng cùng bảo tọa trong mái đình dát đầy trân bảo, còn ngài có cả trăm vua vị khác vây quanh cùng đám cận thần, dân chúng từ thành thị đến thôn quê tụ tập lại đó ngài nói lời an ủi họ:

- Các khanh đừng lo gì, các khanh sẽ lại gặp bậc Hiền trí hôm nay.

Ngài cũng ngồi trong Chánh pháp đường, mong đợi bậc Hiền trí trở về. Lát sau Punnaka đem bậc Đại Sĩ đến đặt giữa đám đông ấy ngay cửa Chánh pháp đường rồi cùng Irandatì trở về thiên giới của chàng.

*

Bậc Đạo Sư tả cảnh ấy như sau:

Chàng Punnaka dòng dõi cao sang, đặt vị đệ nhất thiện nhân của xứ Câu-lâu giữa đám dân chúng tôn sùng ngài, rồi leo lên thần mã oai phong của chàng bay vút qua không gian. Vua vừa thấy ngài, lòng đầy hoan hỷ, vụt đứng dậy ôm lấy ngài trong tay và không chút ngần ngại đặt ngài lên ngai vàng trước mặt vua ở giữa hội chúng.

Sau khi chào hỏi thân hữu xong, vua đón tiếp ngài ân cần và ngâm kệ:

64. Khanh dẫn chúng ta tựa cỗ xe,
Dân Câu-lâu hỷ lạc tràn trề,
Khi nhìn khanh, trả lời ta rõ,
Sao chàng niên thiếu để khanh về?
Bậc Đại Sĩ đáp:

65 - 66. Chàng thiếu niên kia, tấu Đại vương,
Chàng không phải một kẻ tầm thường,
Hỡi anh hùng, có từng nghe nói,
Đại lực Pun-na-ka, đại thần,
Của Đại vương Đa-văn thượng giới?
Có Long vương nọ đại hùng cường,
Va-ru-na ấy là danh tánh,
Đầy đủ oai phong với lực thần.
67- 68. Pun-na-ka ái mộ công nương,
Long nữ I-ran-da nõn nường,
Chàng lập mưu cho thần phải chết,
Chỉ vì kiều nữ chàng yêu thương;
Nay chàng được vợ tiên như ý,
Thần được phép về đến cố hương,
Và bảo ngọc kia thần chiếm được,
Là trân châu xứng Chuyển luân vương.
- Long vương hài lòng lối thần giải đáp vấn đề liên quan đến bốn cứu cánh của con người, nên ban cho thần vinh dự nhận lãnh một viên bảo ngọc. Khi ngài trở về Long cung, vương hậu Vimalà hỏi ngài viên bảo ngọc của ngài để đâu rồi, ngài liền kể lại tài thuyết Pháp của tiểu thần, khiến vương hậu ước ao được nghe Pháp thoại ấy nên giả cách ước muốn trái tim tiểu thần. Long vương không hiểu rõ ước nguyện thật sự của bà, nên bảo Long nữ Irandatì: "Mẫu hậu của con đòi trái tim của Vidhura, vậy con hãy tìm cho được một hiệp sĩ có khả năng đem trái tim ấy về đây". Trong khi công chúa đi tìm, nàng gặp thần Dạ-xoa Punnaka là cháu của Đại vương Vessavana. Biết chàng ấy đang yêu nàng say đắm, nên đem chàng về trình phụ vương, ngài liền bảo chàng: "Nếu chàng đủ khả năng đem về cho trẫm trái tim của Vidhura, chàng sẽ chiếm được công chúa".

Thế rồi chàng Dạ-xoa ấy, sau khi tìm được trên núi Vepulla viên bảo châu của một vị Chuyển luân vương, liền đi đến đây chơi bài súc sắc và chiếm được thần nhờ thắng cuộc và chàng ở lại tư thất tiểu thần ba ngày. Rồi chàng bảo tiểu thần nắm lấy đuôi thần mã của chàng, ném tung tiểu thần lên không qua bao nhiêu cây cối, núi non ở vùng Tuyết Sơn, nhưng không giết được tiểu thần. Chàng liền nổi trận cuồng phong trong đệ thất cảnh giới đầy cuồng phong ấy và tung tiểu thần lên đỉnh Hắc Sơn cao sáu mươi dặm, nơi đây chàng hiện hình sư tử cùng nhiều hình quái vật khác tấn công tiểu thần, nhưng cũng không giết được tiểu thần.

Cuối cùng theo lời thỉnh cầu của chàng, tiểu thần bảo cho chàng biết cách giết được tiểu thần. Kế đó tiểu thần thuyết giáo chàng về thiện nhân pháp; khi nghe xong, chàng vô cùng hoan hỷ nên muốn đem tiểu thần trở về đây. Tiểu thần lại cùng chàng đi đến Long cung, thuyết Pháp cho Long vương cùng vương hậu nghe, cả triều đình Long vương đều thỏa dạ. Sau sáu ngày thần ở lại Long cung, Long vương liền gả công chúa Irandatì cho Punnaka. Chàng thỏa nguyện khi đã chinh phục được nàng nên ban tặng thần nhiều châu báu làm quà. Sau đó Long vương ra lệnh chàng đưa tiểu thần lên thần mã do ý chàng tạo ra, chàng ngồi giữa công chúa ngồi phía sau, chàng đem tiểu thần về đây đặt giữa sân chầu, rồi cùng Irandatì bay về kinh thành của chàng.

Tâu Đại vương, như vậy là vì mỹ nữ chàng yêu, chàng đã dự định giết tiểu thần để cưới được nàng. Nhưng khi Long vương nghe tiểu thần thuyết Pháp xong, lại hoan hỷ cho phép thần ra về. Và Punnaka lại trao tặng tiểu thần viên bảo châu như ý xúng đáng với một vị Chuyển luân vương, vậy xin Đại vương nhận lấy bảo châu này.

Nói xong ngài dâng bảo ngọc lên vua. Sáng hôm sau vua muốn thuật lại cho thần dân nghe về giấc mộng của mình, liền kể câu chuyện như sau:

Trước hoàng môn có một cây đại thọ, thân nó là trí tuệ, cành lá là công đức, cây trái phát triển chín muồi theo lẽ tự nhiên, trái của nó là năm sản phẩm của con bò cái, cây được voi ngựa bao phủ chung quanh. Nhưng trong lúc mọi người đang đàn ca múa hát, một người lạ mặt đến chặt cây tận gốc rồi mang đi, sau đó cây lại trở về cung điện này của ta, các ngươi hãy đến chiêm bái cây ấy.

Các ngươi hãy biểu lộ lòng hân hoan của các ngươi vì trẫm bằng hành động, vậy hãy đem thật nhiều tặng vật đến chiêm bái cây này.

Bất cứ tù nhân trong quốc độ của trẫm đều được thả ra hết, cũng như cây này được giải thoát khỏi cảnh giam cầm, mọi người đều được trả tự do.

Dân chúng hãy vui chơi hội hè suốt tháng này, cất hết cày bừa đi, hãy cung phụng các Bà-la- môn đủ thịt và cơm gạo, hãy để các vị ấy uống rượu ở chỗ riêng cho thỏa thích, dù quí vị nào có kiêng rượu hẳn đi nữa cũng cứ rót thật tràn trề. Hãy mời luôn đám thảo khấu và canh phòng quốc độ thật cẩn mật để không ai làm hại láng giềng mình được. Hãy đến chiêm bái cây này.

Khi vua đã ra lệnh như vậy, các cung phi, vương tử, vệ xá, Bà-la-môn liền đem cho bậc Hiền trí thật nhiều thức ăn uống.

Các tượng sư, vệ sĩ, kỵ mã, bộ binh liền đem thức ăn uống cho ngài. Dân chúng khắp thành thị, thôn quê tụ tập lại thành từng đám đem tặng thật nhiều thức ăn uống. Đám đông hoan hỷ, chiêm ngưỡng bậc Hiền trí sau khi ngài xuất hiện. Khi ngài mới đến, họ vẫy khăn tay và reo vang khúc khải hoàn.

Một tháng sau, hội hè kết thúc. Bậc Đại Sĩ muốn hoàn thành thiện pháp của một vị Phật, liền thuyết giáo cho dân chúng, khuyên cáo vua và khi mạng chung, ngài được lên thiên giới. Tuân theo lời dạy của ngài cùng theo gương vua, dân chúng xứ Câu-lâu đã cúng dường và thực hành thiện pháp, nên khi mạng chung đều đi lên cộng trú với

chư Thiên thật đông đảo.

*

Sau khi chấm dứt Pháp thoại, bậc Đạo Sư nói:

- Không phải chỉ ngày nay mà ngay trước kia, đức Phật khi đã đạt tối thắng trí, liền chứng tỏ tài năng tùy nghi phương tiện với cứu cánh.

Rồi Ngài nhận diện Tiền thân:

- Vào thời ấy phụ mẫu của bậc Hiền trí chính là vương tộc ngày nay, chánh phi là mẹ của Ràhula (La-hầu-la), vị trưởng tử là La-hầu-la, Long vương Varuna là Sàriputta (Xá-lợi-phất), Kim Sí điểu vương là Moggallàna (Mục-kiền-liên),Thiên chủ Sakka là Anuruddha (A-na-luật-đà), vua Dhanañjaya là Ànanda và bậc Trí giả Vidhura chính là Ta.

-ooOoo-

Chương XXII Đại Phẩm (tiếp theo)

-ooOoo-

546. CHUYỆN ĐƯỜNG HẦM VĨ ĐẠI (Tiền thân Mahà-Ummagga)

Vua Brah-ma-dát xứ Pãn-ca. . . .,

Trong khi trú tại Kỳ-Viên, bậc Đạo Sư kể chuyện này liên quan đến sự Viên mãn của Trí tuệ Tối thắng.

Một ngày kia, các Tỷ kheo ngồi tại Chánh pháp đường, miêu tả Trí tuệ Tối thắng của đức Phật:

- Này các hiền giả, đức Phật Chánh Đẳng Giác có Thắng trí thật quảng bác, linh lợi, tinh anh, sắc sảo, đánh tan mọi tà thuyết, chính nhờ thần lực đại trí của Ngài, sau khi quy phục Bà-la-môn Kùtadanta và nhiều Bà-la-môn khác, các ẩn sĩ Sàbhiya và nhiều ẩn sĩ khác, cường đạo Angulimàla cùng nhiều cường đạo khác, thần Dạ-xoa Àlavaka cùng nhiều thần Dạ-xoa khác, Thiên chủ Sakka cùng nhiều Thiên chủ khác, Bà-la-môn Baka cùng nhiều Bà-la-môn khác, v.v...khiến bọn họ phải khiêm nhường bái phục, Ngài lại truyền Đại giới cho một số đông ẩn sĩ và an trú họ vào Thánh Đạo Quả.

Bậc Đạo Sư đi đến, hỏi các Tỷ-kheo đang bàn luận gì, khi các vị nói cho ngài biết, Ngài bảo :

- Không phải bây giờ đức Phật mới có trí tuệ viên mãn, mà ngày xưa, trước khi trí tuệ Ngài viên mãn, Ngài đã đủ đại trí vào thời kỳ Ngài còn đang đi tìm đạo Giác Ngộ.

Sau đó Ngài kể một chuyện quá khứ.

*

Ngày xưa có vị vua danh hiệu Vedeha trị vì ở Mithilà. Ngài được bốn vị hiền trí dạy ngài về giáo pháp, đó là Senaka, Pukkusa, Kàvinda và Devinda.

Lúc bấy giờ Bồ-tát còn ở trong mẫu thai, một buổi tảng sáng, vua chiêm bao thấy mộng như sau: bốn cột lửa bừng sáng ở bốn gốc hoàng cung, cao như bức trường thành, ở giữa nổi lên một tia lửa bằng con đom đóm, bỗng chốc nó vượt cao quá bốn ngọn kia và bùng lên đến tận Phạm thiên giới, soi sáng toàn cõi thế gian, ngay đến một hột cải cũng được thấy rõ. Nhân giới và Thiên giới liền đưa hương hoa ra cung kính cúng dường ngọn lửa ấy rồi một đám đông đi xuyên qua ngọn lửa nhưng chẳng hề bị cháy sợi tóc nào. Vua thấy cảnh tượng ấy giật mình kinh hãi ngồi dậy suy đoán những điềm sắp xảy ra và đợi trời sáng. Bốn vị hiền trí sáng hôm sau đến vấn an vua có được ngon giấc chăng. Ngài bảo:

- Làm sao trẫm an giấc được khi trẫm chiêm bao như vậy?

Hiền giả Senaka tâu:

- Xin Đại vương đừng ngại, đó là mộng lành, Đại vương sẽ được vinh quang.

Rồi khi được yêu cầu giải thích rõ, ông nói:

- Tâu Đại vương, một vị hiền trí thứ năm sắp ra đời sẽ vượt hẳn chúng thần, chúng thần nay như bốn cột lửa, nhưng ở giữa chúng thần sẽ phát ra cột lửa thứ năm, là bậc Vô thượng Sĩ chiếm vị trí tối cao trong cõi nhân thiên.

- Thế vị ấy bây giờ ở đâu?

- Tâu Đại vương, vị ấy hoặc sẽ xuất hiện hoặc sẽ sinh ra từ mẫu thai.

Nhờ tri kiến do thiên nhãn thông, vị này nói như vậy, nên từ đó vua nhớ kỹ những lời ấy. Lúc bấy giờ ở bốn cổng thành Mithilà có bốn thị trấn gọi là Đông trấn, Nam trấn, Tây trấn và Bắc trấn. Ở Đông trấn có một phú gia tên gọi Sirivaddhaka và bà vợ tên là Sumanàdevi. Vào ngày vua nằm mộng ấy, bậc Đại Sĩ từ cõi trời Ba mươi ba xuống nhập thai mẹ và một ngàn vị Thiên tử cũng từ Thiên giới xuống đầu thai vào gia đình các phú thương ở làng ấy.

Sau mười tháng bà Sumàna sinh một cháu trai có màu da như vàng ròng. Lúc ấy Sakka Thiên chủ phóng mắt nhìn xuống thế gian, thấy bậc Đại Sĩ ra đời, ngài nhủ thầm ngài phải thông báo khắp cõi nhân thiên rằng vị Phật tương lai đã ra đời, ngài liền xuất hiện khi hài nhi vừa sinh ra,đặt một nhánh cỏ thuốc vào tay hài nhi, rồi trở về Thiên giới. Bậc Đại Sĩ nắm chặt nhánh cỏ trong tay và khi ngài ra đời từ bụng mẹ, mẹ ngài không thấy đau đớn tí nào cả, mà ngài ra nhẹ nhàng như nước tuông ra từ bình thánh lễ. Khi mẹ ngài trông thấy nhánh cỏ thuốc trong tay ngài, bà liền nói:

- Này con, con cầm vật gì thế?

Ngài đáp:

- Thưa mẹ, đó là cỏ thuốc.

Ngài đặt nó vào tay mẹ và bảo bà cất lấy để cho bất cứ người nào bị bệnh dù bệnh gì cũng được. Lòng đầy hoan hỷ, bà mẹ liền nói chuyện này với phú gia Sirivadhaka, vốn đã bị bệnh nhức đầu trong bảy năm qua. Ông sung sướng tự nhủ : Hài nhi này sinh ra

từ bụng mẹ đã cầm cây thuốc và vừa ra đời đã trò chuyện cùng mẹ, cây thuốc do một bậc tài trí siêu phàm như vậy trao cho chắc phải có đại công lực".

Thế là ông chà cây thuốc vào hòn đá mài rồi thoa một ít vào trán, lập tức chứng nhức đầu đeo đẳng ông trong bảy năm qua liền tiêu tan như nước lăn khỏi lá sen.Vô cùng sung sướng, ông kêu to:

- Đây là thuốc thần.

Tin tức lan truyền khắp nơi rằng bậc Đại Sĩ ra đời với cây thuốc thần trong tay, khiến bệnh nhân kéo đến tấp nập tại nhà phú thương xin thuốc. Họ lấy một ít đem cho mọi bệnh nhân, chà lên đá mài, trộn với nước, hễ thân bệnh nhân nào đụng đến thuốc thần đều lành bệnh cả, nên các bệnh

nhân hân hoan ra đi loan truyền tin về công lực kỳ diệu của thần dược trong nhà phú thương Sirivadhata.

Vào ngày đặt tên hài nhi, phú thương nghĩ thầm: "Con ta không cần phải được đặt tên theo dòng họ tổ tiên, mà phải để con ta mang tên cây thuốc thần mới được", và ông liền đặt tên con là Osadha- Kumàra (Dược thảo Nam tử). Rồi ông lại nghĩ thầm: "Con ta có được đại công đức như thế, chắc chẳng ra đời một mình đâu, còn có nhiều hài nhi khác cũng ra đời một lượt". Khi hỏi thăm, phú ông nghe được cả ngàn hài nhi khác cùng ra đời một lượt với con mình, ông liền gởi chúng cho nhũ mẫu cùng y phục và quyết định rằng những hài nhi kia sẽ là người hầu cận của con ông, ông cử hành một đại lễ dành cho bậc Đại Sĩ cùng các hài nhi kia, điểm trang cho chúng thật đẹp và ngày ngày đến chơi đùa với ngài. Bậc Đại Sĩ lớn lên cùng các trẻ kia vui chơi thỏa thích.

Khi được bảy tuổi, ngài xinh đẹp như một pho tượng bằng vàng. Những lúc ngài chơi đùa với các trẻ trong làng, các bầy voi ngựa đi ngang qua cản trở trò chơi, hoặc đôi khi đám trẻ bị mệt nhọc vì mưa nắng.

Một ngày kia khi họ đang vui chơi, thình lình một cơn bão rớt trái mùa chợt đến, bậc Đại Sĩ lúc ấy đã mạnh như voi, thấy vậy vội chạy vào nhà, đám trẻ kia chạy theo vào, té ngã lên nhau, sưng trầy chân cẳng. Ngài liền nghĩ thầm: "Ta phải xây một hí trường tại đây, ta không thể chơi kiểu này mãi được". Ngài liền bảo các trẻ kia:

- Ta hãy xây một hí trường tại đây, để có thể vào đứng, nằm, ngồi những lúc mưa gió, oi nồng, vậy các bạn hãy đem mỗi người một số tiền lại đây.

Đám ngàn trẻ kia vâng lời và bậc Đại Sĩ mời một chú thợ mộc đến trao số tiền và nhờ ông ta xây một sảnh đường tại đó. Người chủ thợ mộc nhận lời, san bằng mặt đất, dựng cột và giăng dây đo đạc, nhưng ông ta chưa hiểu ý bậc Đại Sĩ, nên ngài phải dặn người chủ thợ ấy đo dây thế nào cho phù hợp ý ngài. Người ấy nói:

- Lão giăng dây ra theo kinh nghiệm hành nghề của lão thôi, chứ lão không biết làm cách khác.

- Nếu lão không biết chỉ một chuyện này thôi thì làm sao lão nhận tiền của ta mà xây nhà cho được? Vậy lão hãy cầm dây đi, ta sẽ đo và chỉ cho lão thấy.

Ngài bảo ông cầm dây rồi chính ngài đo lấy đồ án, như thể thần Vissakamma đã thực hiện trước đây vậy. Xong ngài hỏi người thợ mộc:

- Thế lão có biết vẽ đồ án cách này không?

- Thưa ngài, lão không biết.

- Thế lão có thể vẽ theo lời ta chỉ dẫn không?

- Thưa ngài, được.

Bậc Đại Sĩ liền sắp đặt sảnh đường có một phần là nơi cư trú cho lữ khách bình thường, một phần là nơi cư trú cho các phụ nữ nghèo khổ, một phần là nơi cư trú cho những người bần cùng, một

phần là nơi cư trú của các Sa-môn, Bà-la-môn, một phần khác dành cho đủ loại nam nhân, một phần khác dành cho các khách thương lạ cất hàng hóa, mọi phòng đều có cửa lớn thông ra ngoài. Lại có một nơi công cộng dành cho các trò giải trí, một tòa án và một phòng lớn để làm thánh lễ.

Khi công việc đã hoàn tất, ngài triệu tập các họa sĩ lại và chính ngài xem họ họa hình thật đẹp để trang hoàng sảnh đường chẳng khác nào thiên cung Sudhamma của Sakka Thiên chủ. Ngài vẫn nghĩ rằng cung điện ấy chưa hoàn hảo: "Ta phải cho xây một hồ nước mới được". Ngài liền ra lệnh đào đất và bàn luận việc này với một kiến trúc sư xong, ngài trao tiền bảo ông ta xây một hồ nước có một ngàn lối rẽ trên bờ và một trăm bến tắm.

Mặt nước thả năm loại hoa sen rực rỡ chẳng khác nào hồ trên hoa viên Nandana của thiên giới. Trên bờ ngài trồng nhiều loại cây và hoa viên chẳng khác nào vườn thiên lạc Nandana. Gần sảnh đường, ngài dựng lên một nơi cúng dường các bậc tu hành dù là Sa-môn hay Bà-la-môn, cùng các lữ khách hay dân chúng từ các làng lân cận.

Các hành động của ngài gây tiếng vang khắp nơi khiến các đám dân chúng tụ tập tại sảnh đường. Bậc Đại Sĩ thường ngồi đó bàn luận chánh tà trong các việc thiện ác của các đám người đến xin ở lại đây, ngài phán xét từng trường hợp và thời kỳ ấy thật an lạc chẳng khác nào thời một đức Phật xuất hiện tại thế.

Lúc bấy giờ, khi mãn hạn bảy năm, vua Vedeha nhớ lại bốn vị hiền trí đã bảo rằng một hiền trí thứ năm sẽ ra đời vượt lên hẳn bốn vị ấy về tài trí và tự nhủ: "Thế vị này hiện nay ở đâu?". Vua liền phái bốn vị cận thần ra bốn hoàng môn, ban lệnh cho họ đi tìm vị hiền trí ấy. Khi họ ra ba hoàng môn kia, họ không tìm thấy dấu hiệu nào của bậc Đại Sĩ, nhưng khi họ ra phía Đông môn họ thấy sảnh đường ấy cùng nhiều lâu đài khác, họ tìm chắc rằng chỉ có bậc hiền trí mới xây dựng lâu đài này hoặc bảo dân chúng xây dựng lên như vậy. Họ liền hỏi công chúng:

- Vị kiến trúc sư nào đã xây lên sảnh đường này?

Dân chúng đáp:

- Lâu đài này không phải do một kiến trúc sư nào xây hoặc do quyền lực của vị ấy xây lên, mà là do sự hướng dẫn của bậc Trí giả Mahosadha (Đại thần dược), con trai của phú thương Sirivaddha.

- Cậu ấy bao nhiêu tuổi?

- Cậu vừa tròn bảy tuổi.

Vị cận thần suy xét lại mọi biến cố xảy ra từ ngày vua chiêm bao đến nay và tự nhủ: "Chuyện này ứng với chiêm bao của vua rồi", liền sai sứ giả dâng sớ trình vua:

- Mahosadha, con trai của phú thương Sirivaddha ở Đông môn thành, nay lên bảy tuổi, đã bảo xây một sảnh đường cùng hoa viên và hồ nước như vậy, xin cho tiểu thần đem cậu bé ấy đến yết kiến Đại vương được chăng?

Khi nghe vậy, vua vô cùng hoan hỷ, truyền mời Senaka đến. Sau khi kể lại sự việc, vua hỏi ông xem có nên triệu vị Trí giả ấy đến chăng. Nhưng ông ganh tỵ với chức Trí giả ấy, liền đáp:

- Tâu Đại vương, ta không nên gọi một người nào là hiền trí chỉ vì người ấy ra lệnh bảo xây những lâu đài như vậy cả, đó chỉ là việc nhỏ chẳng quan trọng gì.

Khi vua nghe vậy, nhủ thầm: "Chắc phải có lý do bí mật nào đây", rồi ngài im lặng. Ngài cho sứ giả ra về, dặn viên đại thần phải ở lại nơi ấy một thời gian và quan sát vị Trí giả ấy thật kỹ lưỡng. Vị cận thần ở lại đó thăm dò mọi hành vi của vị Trí giả và sau đây là một loạt các cách thử tài hay cuộc thăm dò.

1. MIẾNG THỊT.

Một ngày kia khi bậc Đại Sĩ đi đến giải trí trường, một con diều hâu tha đi một miếng thịt từ chiếc bàn đồ tể, bay vụt lên không, vài người thấy vậy, định bắt nó thả xuống nên đuổi theo nó. Diều hâu bay đủ hướng, khiến họ nhìn lên đuổi theo nó mệt nhoài, ném đá cùng nhiều khí giới khác, ngã nhào lên nhau. Bậc Đại Sĩ liền bảo họ:

- Ta sẽ làm cho nó thả thịt xuống.

Họ liền yêu cầu ngài làm ngay. Ngài bảo họ nhìn lên rồi chính ngài cũng nhìn lên và chạy nhanh như gió, dẫm lên bóng con diều hâu, vỗ tay thật lớn. Nhờ uy lực của ngài, tiếng thét ấy dường như xuyên thủng bụng diều hâu khiến nó kinh hoảng thả miếng thịt xuống. Bậc Đại Sĩ canh chừng theo cái bóng nó rớt xuống, chụp lấy thịt trên không trước khi nó chạm đất. Dân chúng thấy việc hy hữu như vậy, reo hò vỗ tay vang dội.

Vị cận thần nghe tin ấy, liền gởi sớ về dâng vua kể chuyện vị Trí giả dùng phương tiện bắt con diều hâu thả miếng thịt. Vua được tin, hỏi Senaka có nên triệu hồi Trí giả về triều không. Senaka suy nghĩ : "Nếu nó về đây ta sẽ mất hết vinh quang và đức vua sẽ quên ta mất. Thôi ta không thể để đức vua mang nó về đây được".Thế là vì ganh tỵ, ông bảo:

- Không thể gọi là hiền trí chỉ vì một việc như vậy, đó chỉ là việc nhỏ.

Vua muốn thật chí công vô tư, liền ra lệnh nhắn vị cận thần phải thử thách ngài thêm nữa.

2. ĐÀN BÒ.

Một người dân làng Yavamajjhaka mua một số trâu bò từ làng bên cạnh đem về nhà. Hôm sau gã đem bò ra đồng cho ăn cỏ rồi cỡi một con dạo chơi. Khi mệt mỏi gã ngồi xuống đất ngủ say, một tên trộm xuất hiện mang đàn bò đi mất. Khi gã thức dậy chẳng thấy đàn bò đâu, nhưng khi nhìn quanh gã thấy tên trộm đang chạy trốn. Gã nhảy tới kêu gào:

- Mi đem đàn bò ta đi đâu?

- Đây là đàn bò của ta, ta muốn đem đi đâu mặc ta.

Một đám người xúm lại nghe đấu khẩu. Khi bậc Hiền trí nghe tiếng ồn ào lúc bọn họ đi ngang qua cửa sảnh đường, ngài cho mời họ vào. Khi ngài thấy dáng điệu của họ, ngài biết ngay ai là tên trộm, còn ai là chủ nhân thật sự của đàn bò. Nhưng dù ngài biết chắc như vậy, ngài vẫn hỏi họ đang tranh cãi điều gì. chủ nhân đàn bò bảo:

- Tôi mua đàn bò của người kia ở một làng nọ, tôi đem chúng về nhà rồi cho ra đồng ăn cỏ. Tên trộm này thấy tôi không canh chừng kỹ liền đến dắt nó đi. Nhìn quanh tôi thấy gã, liền chạy theo bắt lấy gã. Dân làng kia biết tôi mua bò và mang về.

Tên trộm đáp:

- Kẻ này nói dối, đàn bò sinh ra trong nhà tôi.

Bậc Trí giả nói:

- Ta sẽ xử vụ này công bình, các anh có nghe ta xử chăng?

Họ đều hứa sẽ tuân theo. Thế là tự nhủ rằng ngài sẽ chiếm được lòng dân chúng, ngài hỏi tên trộm trước tiên:

- Anh cho đàn bò ăn thức gì?

- Chúng uống nước cháo cùng ăn bột mè và đậu.

Ngài lại hỏi chủ nhân thật sự, người này đáp :

- Thưa Tôn ông, nhà nghèo như kẻ hèn đây, làm gì có cháo cùng các thức kia, kẻ hèn chỉ cho bò ăn cỏ.

Bậc Hiền trí liền triệu tập một đám người lại, bảo họ đem hột tắc đến, nghiền nát trong cối, trộn với nước rồi cho bò ăn, chúng liền nôn ra toàn cỏ. Ngài chỉ cho đám đông thấy, rồi hỏi tên trộm :

- Anh có phải kẻ trộm hay không?

Gã liền thú nhận chính là tên trộm. Ngài bảo gã:

- Thôi từ nay đừng phạm tội như thế nữa.

Nhưng đám quân hầu của Bồ-tát mang gã ra ngoài và chặt tay chân gã khiến gã rất khốn đốn, ngài liền khuyên răn gã thêm:

- Nỗi khổ đau này đến với anh trong đời hiện tại, nhưng đời sau anh sẽ chịu cực hình ở nhiều địa ngục nữa, vậy từ nay anh phải từ bỏ ác hạnh như vậy đi.

Ngài dạy gã Ngũ giới.

Vị cận thần dâng sớ kể vệc này, vua lại hỏi ý Senaka, nhưng ông khuyên vua nên chờ đợi :

- Đây chỉ là việc nhỏ về việc đàn bò, ai cũng có thể xử được.

Vì muốn công bình vua ban lệnh như trước.(Các vụ xử sau đây cũng được hiểu như vậy, ta cứ theo thứ tự từng vụ một).

3. XÂU CHUỖI BẰNG CHÌ.

Một người đàn bà nghèo buộc nhiều sợi chỉ màu lại làm thành sợi dây đeo cổ. Bà cởi nó ra để trên áo quần khi xuống tắm trong hồ mà bậc Trí giả đã cho đào. Một cô gái thấy vậy đem lòng thèm muốn, cầm sợi dây lên bảo:

- Mẹ ơi, dây đeo cổ này đẹp quá, giá bao nhiêu con muốn làm cho con một sợi. Mẹ cho con đeo thử để biết chắc cỡ nào hở mẹ?

Bà kia cho phép cô gái, cô liền đeo vào và chạy mất. Bà già vội nhảy ra khỏi nước, mặc áo quần đuổi theo cô gái, chụp lấy cô ta thét lên :

- Cô lấy sợi dây của ta làm mà chạy trốn.

Cô kia đáp:

- Tôi không lấy cái gì của bà cả, dây này tôi vẫn đeo trên cổ lâu nay.

Một đám đông tụ lại xem khi nghe chuyện cãi cọ. Bậc Hiền trí đang nô đùa cùng lũ trẻ, nghe họ cãi nhau khi đi ngang qua sảnh đường, liền hỏi chuyện gì gây ồn ào. Khi biết nguyên nhân vụ cãi cọ, ngài cho gọi cả hai vào, nhìn dáng điệu ngài biết ngay ai là kẻ cắp, ngài liền hỏi họ có chịu nghe theo ngài xét xử không. Cả hai đều bằng lòng. Ngài hỏi kẻ cắp :

- Cô dùng hương gì để tẩm vào sợi dây đeo cổ này?

Cô gái đáp:

- Tiện nữ luôn luôn dùng hương gồm nhiều thứ hương (Sabbasamhàraka) pha trộn để tẩm vào nó.

Rồi ngài lại hỏi bà kia, bà liền đáp:

- Một người nghèo như lão làm gì có hương Sabbasamhàraka? Lão chỉ tẩm nó với hương hoa Piyangu mà thôi.

Bậc Trí giả bảo đem đến một bình nước và thả dây vào trong, rồi ngài cho gọi một người bán nước hoa đến ngửi bình nước để nhận ra mùi gì, gã liền nhận ra ngay mùi

hoa Piyangu và đọc bài kệ đã từng đưa ra trong Chương một: (số 110):

Chẳng có mùi hương của bá hoa,
Chỉ Kan-gu cứ thoảng bay ra,
Nữ nhân ác độc kia gian dối,
Bà lão nhà quê nói thật thà.
Bậc Đại Sĩ liền kể cho khách bàng quan nghe mọi sự việc, xong hỏi riêng hai người trong cuộc:

- Chị có phải kẻ cắp không? Bà không phải kẻ cắp chứ?

Rồi ngài bắt kẻ kia phải nhận tội. Từ đó ngài nổi tiếng khôn ngoan tài trí khắp vùng.

4. SỢI CHỈ.

Một người đàn bà kia thường đứng canh ruộng bông vải. Một bửa nọ, chị lấy một ít sợi đẹp cuộn thành quả cầu dệt trên vạt áo. Lúc đi về nhà, chị ta nghĩ thầm: "Ta xuống tắm trong hồ của bậc Đại trí mới được", rồi chị ta đặt quả cầu trên áo bước xuống hồ tắm. Một người đàn bà khác thấy vậy sinh lòng thèm muốn, bảo:

- Quả cầu chỉ này đẹp quá, chị cuộn lấy phải không?

Rồi chị ta bật nhẹ ngón tay, đặt quả cầu trên vạt áo như thể muốn xem thật kỹ, rồi bỏ đi mất. (Chuyện này cũng giống như các chuyện trước đây).

Bậc Trí giả hỏi kẻ cắp:

- Khi cuộn quả cầu này, chị bỏ gì vào trong đó?

Chị ta trả lời:

- Thưa ngài, một hột bông vải.

Rồi ngài hỏi người kia, chị ta đáp:

- Thưa ngài, một hột timbaru.

Khi đám đông đã nghe hai người nói xong, ngài tháo quả cầu lấy ra một hột timbaru bên trong khiến cho kẻ cắp phải thú nhận tội. Đám đông vui vẻ reo hò trước cảnh xử kiện của bậc Đại trí.

5. ĐỨA CON TRAI.

Một người đàn bà kia đem con trai xuống hồ của bậc Đại Sĩ đi tắm rửa. Khi tắm con xong, chị đặt con nằm trên áo mình rồi đi tắm. Lúc ấy một nữ quỷ Dạ-xoa cái thấy đứa bé muốn ăn thịt, liền cầm nó lên và hỏi:

- Này chị bạn, cháu xinh quá, con chị đấy phải không?

Rồi nó hỏi xem nó có thể cho đứa bé bú không. Khi người mẹ bằng lòng, nó liền ẵm đứa bé lên chơi đùa một lát rồi chạy đi mất. Bà mẹ rượt theo chụp lấy nó la lên:

- Này chị mang con tôi đi đâu?

Con quỷ cái đáp:

- Sao chị dám đụng vào đứa bé này? Nó là con tôi mà.

Họ vừa cãi cọ vừa đi ngang cửa sảnh đường, bậc Đại trí nghe tiếng ồn ào cho gọi họ và hỏi chuyện. Nghe xong, mặc dù nhìn thấy đôi mắt đỏ không chớp của nữ yêu tinh, ngài biết ngay ai là con quỷ cái, ngài cũng hỏi họ có chịu nghe theo lời ngài xét xử chăng. Khi họ hứa nghe theo, ngài liền vẽ

một đường thẳng, đặt đứa bé lên, bảo con quỷ nắm tay đứa bé và người mẹ nắm chân nó. Rồi ngài bảo:

- Nắm lấy nó mà lôi đi, kẻ nào lôi được nó về phía mình là con của mình.

Cả hai đều lôi kéo, đứa bé bị đau òa khóc to. Người mẹ đau lòng như cắt đành để đứa bé bị lôi đi và đứng khóc. Bậc Hiền trí hỏi đám đông:

- Có phải chính lòng mẹ mới thương yêu con mình hay lòng của kẻ không phải là mẹ?

Họ đáp:

- Chính lòng mẹ.

- Thế người nắm chặt đứa bé là mẹ nó hay người để cho nó bị lôi đi là mẹ nó?

Họ đáp :

- Người để cho nó bị lôi đi.

- Các ngươi có biết kẻ trộm đứa bé là ai chăng?

- Thưa bậc Hiền giả, chúng tôi không được biết.

- Nó là quỷ cái bắt trẻ con để ăn thịt.

Họ hỏi làm thế nào ngài biết được như vậy, ngài đáp:

- Ta nhìn thấy đôi mắt đỏ của nó, nó lại không đổ bóng xuống đường, tính tình táo tợn và tàn bạo nữa.

Rồi ngài hỏi nó là ai, nó thú nhận chính là quỷ cái.

- Tại sao ngươi bắt đứa bé?

- Thưa ngài, để ăn thịt.

- Ngươi thật ngu muội quá, đời trước ngươi đã phạm tội phải sinh làm yêu quỷ, nay lại vẫn tiếp tục gây tội, thật mê mờ quá.

Rồi ngài khích lệ nó, dạy nó Ngũ giới, xong thả cho nó đi; còn người mẹ chúc tụng ngài:

- Tiện tỳ xin cầu chúc Chúa công trường thọ.

Rồi chị ẵm con về.

6. QUẢ CẦU ĐEN.

Có một gã đàn ông tên gọi Golakàla. Gã có tên "Gola" nghĩa là Quả cầu bởi vì thân hình lùn tịt và "kàla" vì màu da đen bóng. Gã làm việc trong nhà kia bảy năm liền, cưới được cô vợ tên là Dìghatàla (Cây dừa cao).

Một ngày kia gã bảo vợ:

- Này hiền thê, nàng hãy làm mứt bánh cùng thức ăn rồi ta về thăm cha mẹ nàng.

Lúc đầu người vợ phản đối dự định này, bảo chồng:

- Ta còn liên hệ gì đến cha mẹ nữa.

Nhưng sau khi gã chồng nài nỉ ba lần, gã cũng bảo được vợ nấu bánh kẹo, đem thêm một số thực phẩm và quà biếu. Gã cùng vợ lên đường. Trên đường đi, gã đến một dòng sông không sâu lắm, nhưng cả hai đều sợ nước, nên không dám lội qua, chỉ đứng trên bờ.

Bấy giờ có một gã nghèo khổ tên Dìghapitthi (Lưng dài) đi dọc bờ suối, đến nơi này, họ liền hỏi gã suối sâu hay cạn. Thấy họ sợ nước, gã bảo:

- Sâu lắm và đầy loài cá ăn thịt.

- Thế làm sao ông qua sông được?

- Ta đã đánh bạn với cá sấu và thủy quái ở đây nên chúng không hại ta.

- Vậy xin Tôn ông đem chúng tôi qua suối với. Họ bảo gã.

Khi gã bằng lòng, họ cho gã ăn uống rượu thịt; xong bữa, gã hỏi họ gã sẽ đem ai qua suối trước. Golakàla bảo:

- Xin đem tiểu muội qua trước rồi tiểu đệ sẽ qua sau.

Gã liền đặt nàng ngồi trên vai, cầm lấy thực phẩm, quà biếu và bước xuống dòng. Khi đã đi được một lát, gã cúi người xuống và đi với dáng cong cong. Golakàla đứng trên bờ thấy vậy, nghĩ thầm: "Dòng suối này chắc phải sâu lắm, một người như Dìghapitthi mà còn khó khăn vậy thay, huống gì ta chắc không thể nào qua được." Khi gã kia đem người đàn bà ra đến giữa dòng, gã bảo nàng:

- Nương tử ơi, ta sẽ yêu quý nàng, nàng sẽ sống đời cao sang, mặc gấm vóc lụa là, đeo nữ trang ngọc vàng, có kẻ hầu người hạ, chứ gã gù kia làm gì cho nàng được? Xin nàng hãy nghe ta.

Nàng nghe gã nói êm tai nên không còn yêu chồng nữa mà mê mẩn ngay kẻ xa lạ này, nàng bằng lòng bảo gã:

- Nếu chàng không bỏ thiếp, thiếp xin vâng lời chàng.

Thế là khi họ sang bờ bên kia, họ vui thú cùng nhau, bỏ rơi gã Golakàla bên bờ cũ. Trong khi gã đứng trông chừng, thì họ ăn hết rượu thịt và ra đi. Gã thấy vậy liền la lên:

- Chúng đã đánh bạn với nhau và bỏ trốn, để ta lại đây!

Trong khi gã chạy lui chạy tới, gã mới bước xuống nước một khoảng liền thối lui vì sợ hãi, nhưng lòng căm giận cách ăn ở của bọn kia, gã tuyệt vọng nhảy ùm xuống nước và bảo:

- Thà một chết một sống!

Và khi xuống nước rồi gã mới biết nước cạn quá chừng. Thế là gã lội qua vừa đuổi theo chúng vừa la to:

- Tên trộm khốn nạn kia, mi đem vợ ta đi đâu?

Gã kia đáp:

- Sao lại vợ ngươi? Vợ ta chứ?

Rồi nắm cổ gã lùn, gã xoay y một vòng và ném y xuống đất. Gã lùn chụp tay Dìghatàla hét to:

- Ngừng lại, nàng đi đâu đấy! Nàng là vợ ta, ta cưới được nàng sau bảy năm làm lụng tại nhà kia mà.

Họ đang cãi cọ như vậy thì vừa đến sảnh đường. Một đám đông tụ lại xem. Bậc Đại Sĩ hỏi chuyện gì gây ồn ào, ngài hỏi họ có chịu nghe ngài xử kiện chăng. Khi họ đều bằng lòng, ngài gọi gã Dìghapitthi lại, hỏi tên gã, xong hỏi tên vợ gã nhưng gã không biết nên nói một tên khác. Rồi ngài hỏi tên cha mẹ gã, gã đáp được nhưng ngài hỏi tên cha mẹ vợ thì gã không biết, nên đã nói một tên khác.

Bậc Đại Sĩ sắp đặt câu chuyện của gã xong và cho gã lui ra. Rồi ngài cho gọi gã lùn vào và cũng hỏi tên họ như vậy. Gã này biết hết nên trả lời đúng cả. Ngài lại bảo gã lui ra, rồi cho gọi Dìghatàla vào, hỏi tên nàng, nàng đáp được, nhưng khi hỏi tên chồng, nàng không biết nên nói sai. Khi hỏi tên cha nàng, nàng đáp đúng, nhưng khi được hỏi tên cha mẹ chồng, nàng đáp bừa và nói sai. Sau đó bậc Trí giả cho gọi hai gã vào và hỏi đám đông:

- Câu chuyện của người đàn bà này hợp với Dìghapitthi hay Golakàla?

Họ đáp:

- Hợp với Golakàla.

Rồi ngài tuyên án:

- Người này là chồng chị ta, người kia là kẻ trộm.

Khi ngài hỏi lại gã, ngài buộc gã phải thú tội đã làm tên trộm vợ người.

7. CỖ XE.

Một người đàn ông trên xe ngựa bước xuống đất để rửa mặt. Vừa lúc ấy Sakka Thiên chủ đang xem xét thế gian, khi ngài thấy bậc Trí giả liền quyết định làm cho thế nhân biết được uy lực và tài trí của Mahosadha, đức Phật trong thời vị lai. Vì thế, ngài giáng thế, giả dạng đàn ông theo sau chiếc xe, giữ tay lái đằng sau. Người chủ ngồi trong xe

hỏi:

- Anh đến đây làm gì?

Ngài đáp:

- Thưa Tôn ông, để hầu hạ Tôn ông.

Người ấy bằng lòng ngay và xuống xe qua bên đường đi tiểu tiện. Lập tức Sakka Thiên chủ lên xe phóng đi mất. Người chủ xe xong việc trở lại, thấy Sakka Thiên chủ phóng xe chạy trốn, liền đuổi theo và la to:

- Ngừng lại, ngừng lại, anh đem xe ta đi dâu?

Thiên chủ đáp:

- Xe của ông là cái nào kia chứ, đây là xe ta mà!

Vừa cãi cọ họ vừa chạy ngang qua cửa sảnh đường. Bậc Trí giả hỏi:

- Chuyện gì thế?

Và ngài cho mời Thiên chủ vào. Khi Thiên chủ vào, nhìn dáng điệu oai vệ và đôi mắt không chớp của ngài, bậc Trí giả biết ngay là Sakka Thiên chủ và kẻ kia là chủ xe. Tuy thế ngài vẫn hỏi nguyên do cuộc cãi vã và bảo họ:

- Các vị có chịu nghe ta xét xử chăng?

Họ đồng đáp:

- Thưa vâng.

Ngài tiếp tục nói:

- Ta sẽ làm cho xe chạy, cả hai vị đều phải giữ tay lái đằng sau, người nào chủ chiếc xe sẽ không để xe chạy mất, còn người kia mới để nó chạy.

Xong ngài bảo một người lái xe, còn hai người kia giữ tay lái đằng sau. Chủ xe chạy được một quãng thì không thể nào chạy theo kịp, đành để nó đi mất, còn Sakka Thiên chủ vẫn tiếp tục chạy theo xe. Khi Bậc Trí giả gọi chiếc xe trở lại, ngài bảo với đám đông:

- Người này mới chạy một lát đã để nó đi mất, còn người kia chạy đến cùng với chiếc xe rồi còn chạy lui nữa, mà lại chẳng đổ một giọt mồ hôi nào trên thân. Không thở dốc, không sợ sệt gì cả, đôi mắt lại không chớp, đây chính là Sakka Thiên chủ, Đại đế của chư Thiên.

Rồi ngài hỏi:

- Thưa ngài, chính phải ngài là Thiên chủ chăng?

- Chính phải.

- Thế ngài đến đây làm gì?

- Để làm rạng danh tài trí của Hiền giả.

Ngài đáp:

- Vậy thì xin Thiên chủ chớ làm như vậy nữa.

Bấy giờ Sakka Thiên chủ xuất lộ oai thần bằng cách đứng lơ lửng trên không, tán thán bậc Hiền giả:

- Thật là một lối xét xử đầy tài trí.

Rồi ngài trở về thiên giới.

Lúc ấy vị cận thần không đợi lệnh vua triệu tập, vội trở về triều đình:

- Tâu Đại vương, việc cỗ xe ấy đã quyết định được rồi: Ngay đến Sakka Thiên chủ còn chịu khuất phục trước ngài nữa, cớ sao Đại vương không chịu thừa nhận tính siêu phàm ở thế nhân?

Nhà vua hỏi Senaka:

- Khanh nghĩ sao Senaka, ta có nên đem bậc Trí giả về triều chăng?

Senaka tâu:

- Việc đó cũng chưa hẳn quyết định một bậc Trí giả. Tâu Đại vương, cứ chờ đợi một lúc nữa: Thần sẽ xin đi thử tài vị này xem sao.

8. KHÚC CÂY.

Thế rồi một ngày kia, với mục đích thử tài bậc Hiền trí, họ đi tìm một nhánh phượng, cắt một khúc độ một gang tay, cho thợ tiện đẻo thật láng rồi đưa ra sông thị trấn, với lời rao:

- Dân thị trấn này nổi danh tài trí, vậy hãy tìm cho ra phía nào là đầu ngọn, phía nào gốc của cành cây này. Nếu không đoán được sẽ bị phạt một nghìn đồng tiền.

Dân chúng tụ tập lại nhưng không ai tìm ra được, liền nói với chủ họ:

- Có lẽ bậc Trí giả Mahosadha biết đấy, ta thử mời ngài xem.

Người chủ cho mời bậc Trí giả đang chơi ngoài sân, kể chuyện họ không biết đầu đuôi cành cây ấy nhưng chắc ngài biết. Bậc Trí giả nghĩ thầm: "Đức vua chẳng lợi gì khi biết gốc ngọn cây ấy, chắc chắn ngài đưa nó đến đây thử tài ta". Ngài bảo:

- Các hiền hữu hãy mang nó lại đây, ta sẽ tìm ra.

Khi cầm trong tay, ngài biết đâu là ngọn, đâu là gốc, tuy nhiên để làm vui lòng mọi người, ngài cho đem đến một chậu nước, buộc một sợi dây giữa khúc cây rồi cầm đầu dây thả vào mặt nước. Phía gốc nặng hơn nên chìm trước. Ngài hỏi dân chúng:

- Gốc cây nặng hơn hay ngọn cây nặng hơn?

- Thưa bậc Trí giả, gốc cây nặng hơn.

- Vậy hãy nhìn đây, phần này chìm trước, vậy là gốc.

Nhờ dấu hiệu này ngài đã phân biệt được gốc ngọn. Dân chúng trình khúc cây lên vua đã phân biệt phía nào gốc phía nào ngọn. Vua hoan hỷ hỏi:

- Ai đã tìm ra?

Họ đáp:

- Tâu Đại vương, chính bậc Trí giả Mahosadha, con trai của chủ nhân ông Sirivaddhi.

- Này Senaka, thế ta triệu vị ấy về triều được chăng?

- Tâu Đại vương, xin cứ chờ đợi để chúng thần thử tài vị ấy cách khác nữa.

9. CHIẾC ĐẦU NGƯỜI .

Một ngày kia, hai chiếc đầu được mang đến để phân biệt chiếc nào là đầu đàn bà, chiếc nào là đầu đàn ông. Nếu không tìm ra được, họ phải chịu phạt một ngàn đồng tiền. Dân chúng không quyết đoán được, liền mời bậc Đại Sĩ. Ngài nhận ra vì người ta thường nói đường khớp trênđầu đàn ông thì thẳng, còn đường khớp trên xương đầu đàn bà thì cong. Nhờ dấu hiệu này, ngài phân biệt được ngay và dân chúng trình lên vua. Phần cuối như các chuyện trên.

10. CON RẮN.

Một ngày nọ, một rắn đực và một rắn cái được đưa đến cho dân làng đoán thử. Họ hỏi bậc Trí giả. Ngài biết ngay khi thấy rắn vì đuôi rắn đực thì dày, đuôi rắn cái thì mỏng; đầu rắn đực tròn, đầu rắn cái dài, mắt rắn đực lớn,mắt rắn cái nhỏ. Nhờ những dấu hiệu này ngài phân biệt con đực với con cái. Phần cuối như cũ.

11. CON GÀ TRỐNG.

Ngày nọ vua ban lệnh xuống dân chúng ở Đông thị trấn thi hành:

- Hãy đưa về triều một bò đực trắng bạch, có sừng trên chân, cục bướu trên đầu, rống lên ba nhịp một ngày không sai chạy, nếu không, sẽ phải bị phạt một ngàn đồng tiền.

Dân chúng chẳng biết làm sao, liền hỏi bậc Hiền trí. Ngài đáp:

- Nhà vua đòi các ông gửi dâng ngài con gà trống đấy. Con gà trống có sừng trên chân đó là cái cựa, cục bướu trên đầu đó là mào và cất giọng gáy đúng ba nhịp (ngắn, vừa, dài). Thế thì hãy dâng vua con gà trống như ngài tả.

Họ liền gửi dâng vua ngay một con.

12. VIÊN NGỌC.

Viên ngọc này do Sakka Thiên chủ tặng vua Kusa, có hình bát giác. Sợi dây đeo ngọc bị đứt nhưng không ai lấy được sợi dây cũ ra để xâu sợi mới vào.

Một ngày kia họ đem viên ngọc đến bảo dân làng lấy sợi dây cũ ra để xâu dây mới vào. Dân làng chẳng làm gì được đành đem chuyện khó khăn kể lại với bậc Trí giả. Ngài bảo họ đừng sợ gì cả, hãy đem đến một cục mật. Ngài xoa mật vào hai lỗ hạt ngọc, rồi se

một sợi len, xoa mật vào một đầu dây, đẩy đầu dây vào một chút trong lỗ ngọc, xong đặt viên ngọc vào nơi kiến thường đi qua. Bầy kiến nghe mùi mật bò ra khỏi ổ, cắn hết sợi dây cũ rồi cắn sợi dây len kéo qua tận lỗ bên kia.

Khi ngài thấy lỗ đã thông, ngài bảo dân chúng trình lên vua khiến vua rất đẹp lòng khi nghe câu chuyện sợi dây được xâu như vậy.

13. BÒ ĐỰC ĐẺ CON.

Con bò đực của nhà vua được cho ăn quá nhiều trong vòng mấy tháng nên bụng nó trương lên, sừng nó phờ phạc, nó phải được xoa dầu, rồi họ đem nó đến Đông thị trấn với lệnh vua ban:

- Nghe các khanh thật tài trí, vậy đây là con bò đực của đức vua đang có chửa, hãy giúp nó sinh con, rồi dẫn về triều, có đủ cả bò con. Nếu không sẽ chịu phạt vạ một ngàn đồng tiền.

Dân làng hoảng hốt chẳng biết làm sao liền vấn kế bậc Trí giả, ngài nghĩ nên đặt một câu hỏi trùng hợp với câu kia, và hỏi:

- Các ông có thể tìm ra một người bạo gan dám đối đáp với đức vua chăng?

Họ đáp chuyện ấy không khó gì. Rồi họ đem một người đến. Bậc Đại Sĩ bảo:

- Này anh bạn, anh hãy xõa tóc xuống vai đi đến hoàng môn khóc lóc kêu than thật thống thiết. Ai hỏi gì cũng không trả lời chỉ kêu khóc, trừ khi đức vua hỏi. Nếu đức vua bảo đem anh vào để hỏi tại sao than khóc, anh cứ tâu: "Bảy ngày nay con trai thần đang lâm bồn nhưng không thể nào sinh con được, xin cứu thần với. Xin nói cho thần biết làm cách nào giúp nó sinh con?". Đức vua sẽ bảo: "Thật là điên khùng. Làm sao đàn ông có thể sinh con được?". Lúc ấy anh sẽ đáp: "Nếu quả thật như thế thì làm sao dân Đông thị trấn có thể giúp bò đực của Đại vương sinh bò con được?".

Người ấy được lệnh cứ thế mà thi hành. Vua hỏi ai nghĩ ra cách trả lời phản công lại như vậy và khi nghe nói chính bậc Trí giả Mahosadha, ngài rất đẹp lòng.

14. NẤU CƠM.

Một ngày kia để thử tài bậc Trí giả, lệnh vua phán ra:

- Dân Đông thị trấn phải dâng về kinh một thứ cơm nấu theo tám điều kiện sau: không gạo, không nước, không nồi, không lò, không lửa, không củi, không do đàn ông hay đàn bà đem về kinh theo đường cái. Nếu không làm được phải chịu phạt một ngàn đồng tiền.

Dân làng bối rối vấn kế bậc Trí giả. Ngài bảo:

- Đừng lo gì, hãy đem một ít tấm lại đây, vì nó không phải gạo, đem tuyết vì nó không phải nước, đem đến một cái bát đất vì nó không phải nồi, chặt lấy vài tấm gỗ, đó không phải là cái lò, nhóm lửa bằng cách cọ xát chứ không dùng mồi lửa thật, đốt lá thay vì gỗ. Nấu cơm xongđể vào một chậu khác, ép xuống thật chặt, đặt trên đầu của một hoạn quan, người này phi nam phi nữ, bỏ đường cái mà đi theo đường mòn, đem lên dâng

vua.

- Dân chúng làm như vậy và vua rất đẹp lòng khi nghe chuyện nhờ người nào mà vấn đề đãđược giải quyết.

15. CÁT

Một ngày kia để thử tài bậc Trí giả, lệnh vua ban xuống cho dân làng này:

- Đức vua rất thích thú nằm võng, mà võng cũ đã đứt. Vậy các ngươi hãy làm một chiếc võng bằng cát. Nếu không, phải chịu phạt vạ một ngàn đồng tiền.

Dân làng chẳng biết làm sao lại phải cầu cứu bậc Trí giả. Ngài thấy đây cũng là chuyện đặt vấn đề phản công lại. Ngài trấn an dân chúng rồi đi tìm hai ba người đối đáp thật thông minh lanh lợi đến, và ngài bảo họ đến trình lên vua:

- Tâu Đại vương, dân làng chúng thần không biết chiếc võng cát phải dày hay mỏng, vậy xin cho chúng thần một mảnh chiếc võng cũ, dài độ một gang tay hay chừng bốn ngón tay, chúng thần sẽ theo đó mà bện dây thừng đúng cỡ đó. Nếu đức vua đáp: -"Trẫm chẳng hề có chiếc võng cát trong cung", thì họ phải tâu ngay: -"Nếu Đại vương không thể làm võng bằng cát thì làm sao dân làng có thể làm được?"

Dân làng vâng theo lời nói như vậy và vua rất hài lòng khi nghe bậc Trí giả đã nghĩ ra cách đối đáp phản công lại như trên.

16. HỒ NƯỚC.

Một ngày kia có lệnh vua ban:

- Đức vua muốn vui chơi dưới nước, các ngươi phải đem dâng ngài một hồ nước mới có đủ năm loại sen súng, nếu không phải chịu phạt một ngàn đồng tiền.

Dân làng kể chuyện với bậc Trí giả, ngài thấy đây cũng cần đối đáp phản công lại. Ngài cho gọi nhiều người đối đáp lanh lợi đến rồi bảo họ:

- Hãy lội xuống nước chơi đùa cho đỏ cả mắt, rồi đi đến hoàng môn tóc tai áo quần lấm bê bết, tay cầm dây thừng, gậy gộc, đất đá, nhờ tâu trình với đức vua rằng các ông đã đến chầu, và khi các ông được phép vào cung, hãy tâu với ngài: -"Tâu Đại vương, vì Đại vương ban lệnh cho dân Đông thị trấn dâng ngài một hồ nước, chúng thần đã mang đến đấy một hồ nước thật lớn để đẹp ý Đại vương nhưng hồ này quen sống ở rừng nên vừa thấy thị thành với hào lũy tháp canh thì nó sợ hãi bức tung dây thừng chạy trốn vào rừng, chúng thần đã ném đất đá vào nó, lấy gậy gộc đánh đập nó nhưng cũng không bắt nó trở lại được. Vậy xin cho chúng thần chiếc hồ cũ mà chúng thần nghe nói Đại vương đã mang từ rừng về, chúng thần sẽ buộc chúng chung với nhau để mang chiếc hồ kia trở lãi đây". Đức vua sẽ bảo: "Trẫm chẳng hề bảo ai đem hồ từ rừng về đây cả và cũng không hề bảo buộc hồ lại rồi đem hồ kia về đây". Khi ấy các ông sẽ phải tâu: "Nếu vậy thì làm sao dân làng chúng thần dâng Đại vương một hồ nước được?".

Họ y theo vậy mà làm khiến đức vua rất đẹp lòng khi nghe nói bậc Trí giả đã nghĩ ra chuyện ấy.

17. HOA VIÊN.

Lại một ngày kia, vua ban lệnh:

- Trẫm muốn giải trí trong hoa viên và hoa viên của trẫm đã xưa cũ quá rồi. Dân chúng Đông thị trấn phải dâng trẫm một hoa viên mới đầy đủ kỳ hoa dị thảo...

Bậc Trí giả lại trấn an dân chúng như trước kia, rồi cho người đi đối đáp với vua như trên.

18. YẾT KIẾN VUA VỚI CON LỪA

Lúc ấy vua rất hoan hỷ bảo Senaka:

- Này khanh, trẫm có nên triệu bậc Trí giả ấy về triều chăng?

Nhưng ông ganh ghét vì thấy kẻ khác được vinh hiển, liền tâu:

- Như thế chẳng có gì phải gọi là bậc Trí giả cả, ta hãy chờ xem.

Nghe vậy vua nghĩ thầm: "Hiền giả Mahosadha thật là tài trí dù còn bé khiến ta rất ái mộ. Trong những cuộc thử thách đầy bí hiểm và những lần đối đáp phản công vừa qua, vị này đã ứng đối như một vị Phật. Tuy nhiên một người tài trí như vậy thì Senaka lại không muốn ta triệu hồi về triều cho ta. Vậy ta cần gì Senaka đã chứ? Ta cứ triệu vị ấy về đây".

Thế là vua cùng với một đám đông tùy tùng khởi hành đến ngôi làng ấy và vua ngự trên vương mã. Nhưng vừa lên đường thì con ngựa sụp hố gãy chân, vua phải trở về cung. Senaka liền vào yết kiến vua và nói:

- Tâu Đại vương, phải chăng Đại vương đã đi về Đông thị trấn để đem bậc Trí giả vào triều?

- Chính phải, hiền khanh.

Senaka lại tâu:

- Đại vương xem tiểu thần chẳng vào đâu cả. Tiểu thần xin Đại vương chờ đợi một ít lâu, nhưng Đại vương cứ vội ra đi và vừa lên đường thì vương mã bò gãy chân.

Vua không nói gì với ông nữa. Một ngày kia, vua lại hỏi Senaka:

- Trẫm triệu hồi vị Hiền trí này về triều được chăng, hiền khanh Senaka?

- Tâu Đại vương, nếu vậy xin Đại vương đừng tự thân hành ngự đi, mà chỉ cần cho sứ giả đến bảo: "Này Hiền giả, trẫm đã thân hành đi triệu hồi ngài và con ngựa của trẫm bị gãy chân, vậy hãy tiến cung một con ngựa tốt hơn và một đại tuấn mã". Nếu vị ấy chọn chuyện đầu tiên, vị ấy sẽ đích thân về triều, nếu chọn chuyện thứ hai, vị ấy sẽ nhờ thân phụ đi thế. Như vậy cũng là việc để thử thách vị ấy nữa.

Vua cho sứ giả đem lệnh ấy ra đi. Bậc Trí giả khi nghe vậy, hiểu ngay rằng vua mong muốn gặp Ngài và phụ thân ngài. Ngài liền đi tìm phụ thân và chào hỏi:

- Thưa phụ thân, đức vua muốn gặp cha con ta. Xin phụ thân lên đường trước cùng đoàn tùy tùng gồm cả ngàn thương nhân. Khi đi đường, phụ thân đừng đi hai tay không, mà đem theo một hộp bằng gỗ đàn hương đựng đầy bơ tươi. Đức vua sẽ ân cần chào hỏi thân phụ và mời thân phụ ngồi ghế gia chủ, xin thân phụ cứ ngồi xuống. Khi ấy, con sẽ đến, đức vua cũng lại ân cần chào đón con và mời con ngồi một ghế như vậy. Rồi con sẽ nhìn thân phụ; thân phụ đưa ám hiệu và đứng lên bảo: "Hiền giả Mahosadha nam tử, hãy ngồi xuống đi". Vấn đề lúc ấy sẽ chín muồi để ta giải quyết.

Thân phụ ngài làm theo như vậy. Khi đến cung, ông xin trình vua họ đã đến, rồi được vua cho vào, ông đến tung hô chúc tụng vua xong và đứng sang một bên. Vua ân cần chào đón ông và hỏi thăm bậc Trí giả Mahosadha nam tử ở đâu.

- Tâu Đại vương, hiền nhi sẽ đến sau tiểu thần.

Vua hài lòng khi nghe bậc Trí giả sắp đến, liền mời thân phụ ngài ngồi xuống một nơi thích hợp. Ông ngồi xuống. Trong lúc ấy, bậc Đại Sĩ được trang sức xiêm y cực kỳ lộng lẫy, cùng với một ngàn nhi đồng theo hầu, ngồi trên chiếc xe thật sang trọng uy nghi. Khi đến kinh thành, ngài thấy một con lừa đứng cạnh một cái hố, liền bảo mấy người bạo dạn bịt miệng con lừa lại để cho nó khỏi kêu, xong bỏ nó vào bao vát lên vai. Họ làm như vậy, rồi Bồ-tát vào cung với đoàn tùy tùng đông đảo của ngài. Dân chúng không ngớt tán thán ngài. Họ la lên:

- Đây là bậc Trí giả Mahosadha, nam tử của phú ông Sirivaddhaka, người ta bảo ngài sinh ra có cây thuốc thần trong tay, chính ngài đã biết cách giải đáp mọi vấn đề được đặt ra để thử tài ngài.

Khi đến trước cung, ngài bảo trình vua ngài đã đến. Vua rất đẹp ý, liền bảo:

- Hãy mời Trí giả Mahosadha nam tử của trẫm mau vào chầu.

Vì thế ngài liền vào cung cùng đám tùy tùng. Tung hô vua xong, ngài đứng sang một bên. Vua rất hoan hỷ khi trông thấy ngài nên nói giọng rất ngọt ngào, ban lệnh cho ngài tìm một nơi thích hợp mà ngồi. Ngài liền nhìn cha, ông thấy ám hiệu liền đứng dậy mời con ngồi chỗ ấy, ngài liền ngồi ngay. Thế là các kẻ ngu si đằng kia như Senaka, Pukkusa, Kàvinda, Devinda cùng nhiều kẻ khác nữa, thấy ngài ngồi như vậy, liền vỗ tay cười rộ lên và bảo:

- Đây là thằng ngốc đui mù mà chúng bảo là bậc Trí giả. Nó bảo cha nó đứng dậy để nó ngồi vào chỗ ấy. Chắc chắn không thể gọi nó là bậc Trí giả được.

Vua cũng tiu nghỉu như mèo cụt tai. Bậc Trí giả liền hỏi:

- Tâu Đại vương, Đại vương không đẹp ý chăng?

- Đúng vậy, này Hiền giả, trẫm buồn lắm. Trước đây trẫm rất hoan hỷ khi nghe nói về Hiền giả, nhưng nay gặp Hiền giả trẫm lại không được vừa lòng.

- Tại sao như vậy?

- Chỉ vì khanh bảo thân phụ khanh đứng dậy để khanh ngồi vào chỗ ấy.

- Tâu Đại vương, ngài cho rằng lúc nào cha ông cũng hơn con cái cả hay sao?

- Đúng vậy, này Hiền giả.

- Thế Đại vương đã không ban lệnh cho tiểu thần tiến dâng một tuấn mã tốt hơn nữa hoặc mộtđại tuấn mã ưu tú nhất đó sao?

Nói xong, ngài đứng dậy nhìn các nhi đồng theo hầu ngài và bảo:

- Đem con lừa của các bạn vào đây.

Đặt con lừa trước mặt vua, ngài tiếp tục hỏi:

- Tâu Đại vương, con lừa này đáng giá bao nhiêu?

Vua đáp:

- Nếu dùng được thì nó đáng giá tám đồng tiền (ru-pi).

- Nhưng nếu nó tạo được một con la con với một ngựa cái thuần giống Sindh thì giá con la sẽ bao nhiêu?

- Thế thì nó vô giá.

- Tâu Đại vương, tại sao ngài lại nói vậy? Ngài chẳng vừa bảo là bất cứ lúc nào ông cha cũng hơn con cái cả hay sao? Theo như ngài nói thì con lừa phải đáng giá hơn con la chứ! Giờ đây các bậc

Trí giả của ngài đã không vỗ tay chế nhạo tiểu thần chỉ vì họ không biết điều ấy đó sao? Vậy tài trí của các bậc Trí giả ấy ở đâu chứ? Đại vương đã tìm họ ở đâu ra vậy?

Rồi tỏ vẻ khinh thường cả bốn vị kia, ngài đọc bài kệ này trong Chương một (số 111) trình vua:

Tâu Đại vương, ngài vẫn nghĩ rằng
Con luôn thua kém bậc cha ông?
Thế thì lừa phải hơn la chứ,
Lừa ấy với la chính phụ thân!
Sau đó, ngài tiếp tục nói:

- Tâu Đại vương, nếu ông cha phải hơn con cái thì xin Đại vương hãy sử dụng thân phụ của tiểu thần; còn nếu con cái hơn ông cha thì xin sử dụng tiểu thần.

Vua rất đẹp ý và tất cả quần thần reo hò nhiệt liệt tán thán cả ngàn lần:

- Bậc Đại trí giải quyết vấn đề thật vi diệu thay !

Tiếng vỗ tay vang dậy và cả ngàn chiếc khăn quàng giơ lên vẫy tưng bừng khiến bốn vị kia tiu nghỉu.

Thời bấy giờ không ai hiểu rõ hơn Bồ-tát về giá trị của phụ mẫu mình. Nếu ai hỏi lúc ấy tại sao ngài lại làm như vậy, thì đó không phải là vì ngài xem thường thân phụ ngài, nhưng chỉ vì khi vua ban lệnh tiến dâng một tuấn mã tốt hơn hoặc một tuấn mã ưu tú

đệ nhất, ngài phải làm như thế để giải quyết vấn đề vua đặt ra, để làm hiển lộ tài trí của ngài vượt hẳn bốn vị kia.

Vua rất hoan hỷ, cầm chiếc bình vàng đựng nước hương, rót nước lên bàn tay của vị phú thương kia và phán:

- Khanh hãy thọ hưởng Đông thị trấn là tặng vật trẫm ban thưởng cho khanh. Các phú thương trong vùng phải thần phục vị này.

Sau đó vua lại ban thưởng mẫu thân của Bồ-tát đầy đủ các loại nữ trang. Vì đẹp ý trước cách Bồ-tát giải quyết vấn đề con lừa, vua ước mong nhận Bồ-tát làm con mình, liền nói với người cha ngài:

- Này hiền khanh, hãy để bậc Đại trí làm con trẫm.

Ông đáp:

- Tâu Đại vương, nay con của Tiểu thần còn quá thơ dại, miệng còn hôi sữa; nhưng khi lớn khôn, tiểu nhi xin đến hầu hạ Đại vương.

Tuy thế, vua vẫn phán:

- Này hiền khanh, từ nay đừng lưu luyến cậu bé này nữa, từ hôm nay nó là con của trẫm. Trẫm có thể nuôi nấng con của trẫm, vậy khanh hãy đi về.

Rồi vua ban lệnh cho ông ra về. Ông tuân lệnh vua, ôm lấy con trong đôi vòng tay mình, hôn lên đầu và nhắn nhủ đôi điều. Cậu bé giã biệt phụ thân, khuyên cha chớ lo âu, rồi để cha ra đi.

Sau đó vua hỏi bậc Trí giả muốn dùng cơm bên trong cung hay ở ngoài. Ngài nghĩ rằng vớiđám tùy tùng đông đảo như vậy, tốt nhất nên ăn uống bên ngoài cung điện, nên tâu trình vua theo mục đích ấy. Vua liền ban cho ngài một ngôi nhà hợp ý, cung cấp vật dụng đầy đủ cho một ngàn nhi đồng ăn ở tại chỗ, từ đó bậc Trí giả phụng sự vua.

19. VIÊN BẢO NGỌC.

Lúc bấy giờ vua lại muốn thử tài ngài. Thời đó có một viên bảo châu nằm trong tổ quạ trên cây cọ dừa (tàla) bên bờ hồ cạnh Nam môn và ảnh của viên bảo ngọc thường phản chiếu trên mặt hồ. Dân chúng trình vua rằng có viên bảo ngọc dưới hồ. Vua liền triệu Senaka đến bảo:

- Dân chúng bảo có viên bảo ngọc dưới hồ, làm thế nào để lấy lên được?

Senaka tâu:

- Cách tốt nhất là tát cạn nước.

- Vua bảo ông thi hành, ông liền tập họp một đám người tát nước và lấy bùn ra, rồi đào đất dưới đáy hồ, nhưng chẳng thấy ngọc đâu. Thế mà khi hồ đầy nước lại, ánh ngọc vẫn phản chiếu trên hồ như cũ. Senaka lại cho tát nước nữa và cũng không tìm thấy ngọc. Sau đó vua triệu bậc Trí giả và bảo:

- Dân chúng có thấy viên ngọc trong hồ, Senaka đã cho tát nước bùn ra và đào đất lên mà chẳng thấy ngọc đâu, nhưng vừa khi nước hồ đầy thì ngọc lại hiện lên, hiền nhi có thể lấy ngọc lên chăng?

- Tâu phụ vương, chuyện đó không khó gì, thần nhi xin đi lấy ngọc về dâng phụ vương.

Vua rất đẹp ý khi nghe ngài hứa, rồi cùng một đám đông cận thần theo hầu, vua ngự ra hồ, sẵn sàng chứng kiến oai lực đại trí của bậc Hiền giả. Bậc Đại Sĩ đứng trên hồ quan sát, ngài nhận xét rằng ngọc không ở trong hồ, mà phải ở trên cây, nên ngài nói to:

- Tâu phụ vương, ngọc không có trong hồ.

- Sao không thấy ngọc dưới nước chăng?

Thế là ngài bảo đem đến một thùng nước và nói:

- Tâu phụ vương, đây chẳng phải là ta thấy ngọc trong thùng nước và cả trong hồ sao?

- Thế thì ngọc ở đâu?

- Tâu phụ vương, đây chỉ là ánh ngọc phản chiếu trong hồ nước lẫn trong thùng, còn ngọc ở trong tổ quạ ở trên cây cọ dừa kia. Xin phụ vương cho người lên lấy ngọc và đem xuống đây.

Vua y lời, cho người đem ngọc xuống và bậc Hiền trí đặt viên ngọc vào tay vua. Mọi người tán dương bậc Trí giả và nhạo báng Senaka:

- Đây là viên bảo ngọc nằm trong tổ quạ trên cây, thế mà Senaka lại bảo đám người lực lưỡng đào hồ. Chắc chắn một bậc Trí giả phải như Mahosadha này.

Họ cứ ca ngợi bậc Đại Sĩ như vậy, còn vua rất đẹp ý, ban cho ngài xâu chuỗi ngọc mà vua đang đeo trên cổ và ban đủ chuỗi ngọc cho cả ngàn nhi đồng kia, xong lại cho phép từ nay ngài và đám tùy tùng của ngài vào chầu vua được miễn lễ.

20. CON TẮC KÈ.

Một ngày kia, vua cùng bậc Trí giả bước vào ngự viên, thì một con tắc kè ở trên chiếc cổng vòng cung trông thấy vua, liền bò xuống, nằm sát đất. Vua thấy vậy, hỏi:

- Này bậc Trí giả, nó làm gì vậy?

- Tâu Đại vương, nó tỏ lòng cung kính đối với phụ vương.

- Nếu vậy ta chẳng nên bỏ qua việc nó cung kính mà không thưởng nó, hãy cho nó thật nhiều tặng vật.

- Tâu phụ vương, tặng vật chẳng ích lợi gì cho nó, cái nó cần là thức ăn.

- Vậy nó ăn gì?

- Tâu phụ vương, thịt.

- Nó cần ăn độ bao nhiêu?

- Chừng một xu, tâu phụ vương.

- Chỉ đáng một xu thì chẳng xứng quà thưởng của vua ban-Vua bảo.

Rồi ngài truyền cho một người đến, ban lệnh đem cho con tắc kè đều đều mỗi ngày năm xu thịt. Việc này được thi hành sau đó. Nhưng vào ngày trai giới, không có sát sinh, người đó không kiếm ra thịt, nên gã đục một lỗ qua đồng hào nửa, buộc một sợi dây vào cổ con tắc kè. Việc ấy làm con tắc kè sinh kiêu mạn.

Một ngày kia, vua lại vào ngự viên, nhưng con tắc kè thấy vua đến gần, mà nó đang kiêu mạn vì cho rằng nó cũng nhiều của cải như vua, nó nghĩ thầm: "Đại vương giàu có lắm, này Đại vương Videha, nhưng ta đây cũng vậy". Thế là nó không bò xuống, mà cứ nằm yên trên cổng vòng cung gõ nhịp chiếc đầu. Vua thấy vậy liền hỏi:

- Này bậc Trí giả, hôm nay con vật kia không xuống đây như lệ thường, cớ sao vậy?

Rồi ngài ngâm vần kệ đầu tiên:

1. Tắc kè thuở trước chẳng bò lên,
Khung cửa vòng cung, bậc Trí hiền,
Hãy giải thích ngay cho trẫm rõ,
Tắc kè sao cứng cổ như trên?
Bậc Trí giả nhận thấy rằng có lẽ gã kia không kiếm đâu ra thịt vào ngày trai giới cấm sát sinh, nên con vật này ắt sinh lòng kiêu mạn vì đồng tiền buộc vào cổ nó; bởi thế ngài ngâm kệ này:

2. Con tắc kè kia được thưởng cho,
Món tiền nó chẳng có bao giờ,
Nửa hào, nên nó không tôn trọng,
Đại đế Vi-đề Mi-thi-la.
Vua truyền triệu gã kia đến hỏi chuyện và gã kể mọi sự đúng như vậy. Vua lại càng đẹp ý về bậc Trí giả hơn nữa vì hình như ngài biết được ý con tắc kè mà chẳng cần hỏi han gì cả, thật tài trí chẳng khác nào trí tuệ tối thượng của một vị Phật. Vì thế vua cho phép ngài thu lợi tức cả bốn cửa thành. Vua giận con tắc kè, muốn gián đoạn việc ban thưởng cho nó, nhưng bậc Trí giả bảo đó là việc không nên làm và khuyên can vua.

21. ĐẠI PHƯỚC VÀ BẤT HẠNH

Thời bấy giờ một thiếu sinh tên gọi Pinguttara ở thành Mithilà đến Takkasilà học với một danh sư. Sau thời kỳ tinh cần học tập đã viên mãn, chàng tạ từ sư phụ ra về.

Nhưng trong gia tộc của danh sư này có tục lệ: nếu con gái đến tuổi lấy chồng, thì phải gả cho môn đồ lớn tuổi nhất. Vị danh sư này có cô con gái đẹp như tiên, do đó bảo môn đồ:

- Này đệ tử, ta sẽ gả con gái ta cho đệ tử, vậy con hãy đem con ta cùng đi về với con.

Lúc ấy cậu thiếu sinh thật là kẻ bất hạnh, thiếu may mắn, còn cô gái kia thật có phước lớn. Khi chàng ta thấy nàng, chàng chẳng hề quan tâm đến nàng, nhưng nghe thầy bảo vậy, chàng cũng đồng ý vì không muốn xem thường lời dạy của thầy, thế là vị

Bà-la-môn này gả con gái cho chàng. Đêm động phòng hoa chúc, chàng lên giường nằm; nàng vừa mới leo lên giường thì chàng càu nhàu leo xuống đất, nàng cũng bước xuống nằm cạnh chàng, chàng liền đứng dậy leo lên giường lại, nàng cũng bước lên giường, chàng lại bước xuống, vì kẻ bất hạnh không đi đôi với người đại phước được. Thế là cô gái nằm trên giường, cậu trai nằm dưới đất. Cứ thế bảy ngày trôi qua.

Sau đó chàng trai tạ từ sư phụ và ra đi với vợ chàng. Trên đường đi chẳng có gì hơn ngoài vài câu chuyện trao đổi giữa hai vợ chồng. Cả hai đều buồn khổ đi đến thành Mithilà. Không xa thành mấy, Pinguttara thấy một cây sung đầy trái và đang lúc đói bụng, chàng trèo lên cây hái vài quả ăn. Cô gái cũng đói bụng đến gốc cây gọi lên:

- Xin chàng ném xuống cho thiếp vài quả.

- Ô hay, chàng bảo, nàng không có tay chân sao? Trèo lên mà tự hái lấy.

Nàng đành trèo lên hái sung ăn. Chàng vừa thấy nàng trèo lên, liền nhanh chân trèo xuống, chất gai góc quanh gốc cây và bỏ đi, tự nhủ thầm: "Nay ta đã thoát được người đàn bà tồi tệ này rồi". Nàng không leo xuống được đành ngồi trên cây.

Lúc bấy giờ vua đang vui chơi trong rừng đến chiều, rồi ngự lên vương tượng trở về thành. Khi thấy nàng, vua đem lòng yêu ngay, vì thế vua cho người hỏi nàng có chồng chưa, nàng đáp:

- Tiện thiếp đã có chồng do gia đình gả cho, nhưng người ấy đã ra đi và bỏ tiện thiếp lại đây một mình.

Vị cận thần trình chuyện với vua, ngài bảo:

- Thật là bảo vật đưa về tay vua.

- Nàng liền được mang xuống, đặt lên voi chở về triều. Tại đây nàng được rảy nước phong chức hoàng hậu. Nàng được vua rất sủng ái và được mệnh danh là Udumbarà hay "Hoàng hậu cây Sung" vì vua thấy nàng trên cây sung lần đầu tiên.

Một ngày nọ, dân chúng ở cạnh cổng kinh thành phải dọn đường cho vua ngự du vào hoa viên và Pinguttara phải đi kiếm ăn nên cũng xắn áo quần lên và dùng cái cào dọn đường. Trước khi đường sá dọn dẹp xong, vua cùng hoàng hậu Udumbarà đã ngự đến trên vương xa, hoàng hậu trông thấy kẻ khốn khổ ấy đang dọn đường, không giữ được vẻ đắc thắng, nàng nhìn chàng ta mỉm cười. Vua nổi giận khi nàng mỉm cười, liền hỏi tại sao.

Nàng đáp:

- Tâu Đại vương, kẻ dọn đường kia là chồng cũ của thần thiếp, người đã bắt thần thiếp trèo lên cây sung rồi chất gai quanh gốc cây xong lại bỏ đi, bây giờ gặp lại gã, thần thiếp không sao khỏi thấy đắc thắng về số phận may mắn của thần thiếp và mỉm cười khi gặp gã đằng kia.

Vua bảo:

- Ngươi nói láo, ngươi cười với một kẻ khác, ta sẽ giết ngươi.

Và vua rút kiếm ra. Nàng hoảng hốt kêu lên:

- Tâu Đại vương, xin Đại vương vấn ý các vị hiền thần của Đại vương.

Vua hỏi Senaka xem ông có tin lời nàng hay chăng.

Ông đáp:

- Tâu Đại vương, thần không tin được vì ai có thể bỏ một mỹ nhân đẹp thế kia khi đã chiếm được nàng?

Nàng nghe vậy càng run sợ hơn nữa. Nhưng vua nghĩ thầm: "Senaka làm sao biết được chuyện này, để ta hỏi bậc Hiền trí xem sao", rồi vua ngâm kệ hỏi ngài:

3. Một nữ nhi đức hạnh, diễm kiều,
Nhưng nam nhân ấy chẳng thương yêu,
Hiền khanh có thể tin không chứ?
Trí giả Sa-dha hãy nói nào.
Bậc Trí giả đáp:

4. Thần vẫn tin điều ấy, Đại vương,
Kẻ kia thật bất hạnh bần cùng,
Người nhiều ân phước và vô phước,
Chẳng có bao giờ kết bạn chung.
Những lời này làm dịu cơn thịnh nộ của vua, lòng ngài bình tĩnh lại và rất hân hoan ngài bảo:

- Này bậc Trí giả, nếu khanh không ở đây, ắt hẳn trẫm đã nghe lời kẻ ngu si Senaka kia và mất nữ báu này, khanh đã cứu hoàng hậu cho trẫm.

Vua liền ban thưởng bậc Trí giả một ngàn đồng tiền. Rồi hoàng hậu kính cẩn tâu với vua:

- Tâu Đại vương, chính nhờ bậc Hiền trí này mà thần thiếp được cứu sống. Vậy xin Đại vương ban cho thần thiếp một điều ước: Đó là cho phép thần thiếp đối xử với bậc Trí giả như một tiểu đệ.

- Được, này ái khanh, trẫm chấp thuận ban điều ước ấy.

- Tâu Đại vương, nếu được như vậy, bắt đầu từ hôm nay thần thiếp không thể dùng cao lương mỹ vị mà không có tiểu đệ, từ nay đúng mùa hay trái mùa thiếp điều mở cửa cung đem bánh trái cho tiểu đệ, thần thiếp tha thiết ước ao như vậy.

- Ái khanh cũng được toại nguyện nữa-Vua bảo.

Đến đây chấm dứt chuyện Đại phước và Bất hạnh.

22. CON DÊ VÀ CON CHÓ.

Một ngày kia, sau bữa điểm tâm, vua dạo chơi trên lối đi bộ chợt thấy qua bậc cửa một con dê và một con chó đang đánh bạn với nhau. Lúc bấy giờ con dê có thói quen ăn cỏ

ném cho bầy voi cạnh chuồng voi trước khi voi ăn, cho nên những người quản tượng đánh đuổi con dê đi. Trong khi nó vừa chạy vừa kêu be be thì một người rượt theo lấy gậy đánh vào lưng nó. Con dê oằn lưng lại vì đau đớn, chạy đến nằm cạnh trường thành của hoàng cung, trên chiếc ghế dài.

Lúc bấy giờ có một con chó đã ăn hết xương, da và vật thừa trong nhà bếp của hoàng cung, cùng ngày hôm ấy, người đầu bếp đã nấu nướng thức ăn xong, để vào dĩa hẳn hoi. Trong khi gã đang lau mồ hôi trên mình thì con chó nghe mùi thơm của cá thịt, chịu không nổi, liền vào bếp giở nắp đậy ra và bắt đầu ăn thịt. Những người đầu bếp nghe tiếng bát đĩa rổn rảng liền chạy vào thấy chó đang ăn thịt, gã đóng cửa lại, lấy đá và gậy đánh nó. Con chó thả miếng thịt vừa chạy vừa la ẳng ẳng, người đầu bếp thấy nó chạy, còn rượt theo đánh một gậy đích đáng vào lưng. Con chó cong lưng lại co rút một chân lên, chạy đến nơi con dê đang nằm. Con dê hỏi:

- Này bạn, tại sao bạn cong lưng lại, bạn đau bụng chăng?

Con chó đáp:

- Bạn cũng đang cong lưng lại đấy chứ, bạn cũng đau bụng chăng?

Con chó liền kể chuyện của nó xong, con dê hỏi thêm:

- Thế bạn có vào nhà bếp được nữa không?

- Không, chuyện này cũng đáng đời ta lắm rồi, thế bạn có đến chuồng voi được nữa chăng?

- Cũng chẳng hơn gì bạn, chuyện đó cũng đáng đời ta lắm rồi.

- Thế rồi chúng bắt đầu băn khoăn không biết làm cách nào để sống đây. Dê nói:

- Hay là ta cùng chung sống được chăng? Tôi có ý kiến này.

- Xin cho ta biết ngay.

- Này bạn, bạn hãy đi đến chuồng voi, những người quản tượng sẽ không để ý đến bạn vì họ nghĩ rằng chó không ăn cỏ đâu, thế là bạn mang cỏ về cho tôi. Tôi sẽ đến nhà bếp và người đầu bếp sẽ không chú ý đến tôi vì nghĩ rằng tôi không ăn cá thịt được đâu. Thế là tôi sẽ đem thịt về cho bạn.

- Thật là diệu kế ! Con chó đáp.

Rồi chúng giao hẹn: Con chó đến chuồng voi tha về một nắm cỏ trong mồm và đặt cạnh trường thành và con dê vào nhà bếp mang ra một miếng thịt lớn đặt vào cùng chỗ ấy, con chóăn thịt và con dê ăn cỏ. Theo cách nầy chúng sống chung hòa hợp cạnh bức trường thành .

Khi vua thấy tình bằng hữu của chúng, ngài suy nghĩ: "Trước kia ta chưa từng thấy một việc kỳ lạ như thế: Hai kẻ thù truyền kiếp lại sống chung đầy thân tình với nhau. Ta sẽ đưa câu chuyện này thành một vấn đề bàn cãi cho các hiền thần của ta. Nếu họ không hiểu nổi, ta sẽ đuổi họ ra khỏi triều, còn nếu ai đoán được, ta sẽ tuyên dương là bậc Trí

giả vô thượng và sẽ tỏ lòng tôn kính vị ấy. Hiện nay không có việc, nhưng ngày mai, khi họ đến chầu ta, ta sẽ đem vấn đề ra hỏi".

Thế là hôm sau, khi các hiền thần vào chầu vua, ngài liền đặt vấn đề qua vần kệ:

5. Hai kẻ thù theo lẽ tự nhiên,
Chưa từng bảy bước đứng kề bên,
Trở thành bạn thiết không rời nữa,
Duyên cớ là đâu? Các bậc hiền!
Sau đó, vua ngâm thêm một vần kệ:

6. Nếu không giải đáp trước trưa nay, Trẫm sẽ đuổi luôn hết cả bầy,

Trẫm không cần những người ngu nữa, Vậy hãy tìm lời giải đáp ngay.

Lúc bấy giờ Senaka ngồi trên chiếc cẩm đôn hàng đầu, bậc Trí giả ngồi cẩm đôn cuối cùng, ngài tự nhủ thầm: Đức vua chậm hiểu không tự nghĩ ra cách giải quyết vấn đề này, chắc ngài phải thấy một chuyện gì đấy. Nếu ta được gia hạn một ngày, ta sẽ giải quyết xong việc này. Senaka chắc chắn sẽ tìm kế hoãn lại một ngày. Còn bốn vị kia chẳng thấy việc gì cả, chẳng khác nào ở trong phòng tối, Senaka nhìn Bồ-tát xem ngài sẽ làm gì, Bồ-tát liền nhìn lại Senaka. Nhìn vẻ mặt bậc Trí giả Mahosadha, Senaka hiểu được tâm trạng ngài, ông thấy rằng ngay cả bậc Trí giả cũng không hiểu vấn đề, ngài chưa giải đáp được hôm nay mà cần gia hạn thêm một ngày nữa, ngài sẽ hoàn thành việc giao ước này. Thế là ông cười to để trấn an và nói:

- Tâu Đại vương, Đại vương sẽ đuổi chúng thần nếu chúng thần không giải đáp được vấn đề này chăng?

- Chính phải, hiền khanh.

- Đại vương biết đây là một vấn đề rắc rối, chúng thần không thể giải đáp nổi, vậy xin Đại vương đợi một thời gian. Một vấn đề rắc rối không thể giải quyết giữa đám đông. Xin cho chúng thần suy nghĩ thật kỹ rồi sẽ giải đáp sau. Xin hãy cho chúng thần một cơ hội.

Ông nói vậy vì tin tưởng bậc Đại Sĩ, rồi ngâm hai vần kệ:

7. Giữa đám đông người tụ tập trung,
Thật ồn ào quá, trí mông lung,
Không sao tập hợp tư duy được,
Để giải đáp ngay, tâu Đại vương.
8. Nhưng hễ khi nào được độc cư,
Bình tâm tĩnh trí để suy tư,
Vấn đề xem xét cho tường tận,
Sẽ giải đáp ngay, hãy đợi chờ.
Mặc dù nổi giận khi nghe lời này, vua vẫn đáp lại giọng đe dọa:

- Được lắm, các khanh cứ suy nghĩ cho kỹ rồi trả lời trẫm, nếu không được, trẫm sẽ đuổi hết đi.

Bốn vị hiền thần rời triều ra về, Senaka bảo ba vị kia:

- Chư hiền, đức vua đặt một vấn đề gay go, nếu chúng ta không giải quyết nổi thì thật đại họa cho chúng ta. Vì vậy ta hãy ăn uống no say rồi suy nghĩ cho kỹ.

Sau đó mỗi vị về tư dinh, còn bậc Trí giả đi tìm hoàng hậu Udumbarà và thưa bà:

- Tâu hoàng hậu, hôm qua và hôm nay thánh thượng thường ở đâu?

- Này bậc Trí giả, ngài dạo chơi trên lối đi và nhìn ra cửa sổ.

Bồ-tát liền nghĩ: "Ồ, thế thì phải thấy chuyện gì đó". Bồ-tát liền đến nơi ấy nhìn ra và thấy việc làm của con chó và con dê. "Vấn đề của đức vua đã được giải quyết rồi", ngài kết luận và đi về nhà.

Ba vị hiền thần kia chẳng tìm thấy gì liền đi đến Senaka, ông hỏi: Các vị đã tìm ra vấn đề ấy chưa?

- Thưa ngài, chưa.

- Nếu vậy, đức vua sẽ đuổi các vị, tính sao đây?

- Còn ngài đã nghĩ ra chưa?

- Cũng chưa nghĩ ra.

- Ngài còn chưa tìm ra, huống hồ chúng tôi? Chúng ta đã rống lên như sư tử trước mặt đức vua là xin để chúng ta suy nghĩ rồi sẽ giải quyết; nay ta làm không được ắt vua sẽ tức giận.Vậy ta phải làm thế nào đây?

- Vấn đề này chúng ta giải quyết không được đâu. Chắc chắn bậc Trí giả đã giải quyết cả trăm cách rồi.

- Thế thì ta đi đến ngài xem sao.

Cả bốn vị kéo nhau đến trước cửa nhà Bồ-tát, nhờ thông báo việc họ đến gặp ngài, rồi bước vào kính cẩn chào ngài xong, họ đứng sang một bên hỏi bậc Đại Sĩ:

- Thưa ngài, ngài đã nhìn ra vấn đề ấy chưa?

- Nếu ta chưa nghĩ ra thì còn ai nghĩ ra đó chứ. Dĩ nhiên ta đã nghĩ ra rồi.

- Vậy xin ngài cho chúng tôi biết với.

Ngài nghĩ thầm: "Nếu ta không nói cho họ biết, đức vua sẽ đuổi họ và ban thưởng cho ta bảy báu vật nhưng thôi, chớ để những tên ngu si kia tàn đời, ta sẽ cho họ biết". Rồi ngài bảo họ ngồi xuống ghế thấp, đưa tay lên chào ngài, sau đó, không nói thẳng cho họ biết những gì vua đã thấy tận mắt, ngài chỉ làm bốn vần kệ, dạy cho mỗi vị một vần bằng tiếng Pàli để đọc lên trình vua khi được hỏi đến, xong cho họ ra về.

Ngày hôm sau khi họ vào chầu vua, rồi ngồi xuống chỗ được vua cho phép, vua liền hỏi Senaka:

- Hiền khanh đã giải đáp vấn đề được chưa, Senaka?

- Tâu Đại vương, nếu thần không giải đáp được thì còn ai nữa chứ?

Vậy nói cho trẫm biết .

- Xin Đại vương nghe đây.

Rồi vị này đọc bài kệ đã học được:

9. Bọn hành khất trẻ, các ông hoàng,
Rất thích thịt dê đực ngọt ngon,
Thịt chó, họ đều không thọ dụng,
Nhưng dê- chó giữ mối thân bằng.
Mặc dù Senaka đọc kệ, ông vẫn chẳng hiểu ý nghĩ gì, còn phần vua lại hiểu, vì ngài đã chứng kiến sự việc ấy. Ngài nghĩ: "Senaka đã tìm ra rồi". Ngài liền quay sang Pukkusa và hỏi ông ta:

- Tại sao thế tâu Đại vương, tiểu thần không phải là người có trí chăng?

Pukkusa hỏi vua, rồi đọc bài kệ đã học được:

10. Họ lấy da dê phía núi rừng,
Phủ che ngựa quý ở trên lưng,
Còn da của chó không dùng được,
Nhưng chó dê cùng kết bạn thân.
Ông này cũng chẳng hiểu chuyện gì, nhưng vua tưởng ông hiểu vì chính ngài đã chứng kiến sự việc. Rồi ngài lại hỏi Kàvinda và ông cũng đọc vần kệ:

11. Cặp sừng cong xoắn, chú dê rừng,
Nhưng chó lại không có cặp sừng,
Một con ăn cỏ, con ăn thịt,
Tuy thế, chó, dê, kết bạn thân.
"Vị này cũng tìm ra rồi". Vua nghĩ thầm, rồi hỏi đến Devinda, ông ta cũng như các vị kia, đọc lên bài kệ đã học được:

12. Cừu dê ăn cỏ, lá cây luôn,
Cỏ, lá thì con chó chẳng ăn,
Chó thích ăn mèo hay thịt thỏ,
Nhưng dê- chó giữ mối thân bằng.
Kế đó vua hỏi bậc Trí giả.

- Này vương nhi, con có hiểu vấn đề này chăng?

- Tâu Đại vương, còn ai khác nữa hiểu được nó từ địa ngục Avìci (A-tỳ hay vô gián) đến từng trời Bhavagga (Hữu đảnh), từ địa ngục thấp nhất đến vùng trời cao nhất?

- Vậy thì hãy nói cho trẫm.

- Xin phụ vương nghe đây.

Rồi ngài nói rõ sự hiểu biết vấn đề của ngài qua hai bài kệ này:

13-14. Con dê cao tám tất dùng chân,
Tám móng, không ai thấy, vội mang,
Món thịt về cho con chó ấy,
Chó đem cỏ đến chú dê rừng.
Vi-đề-ha, chúa toàn dân chúng,
Đứng tại thượng lầu tận mắt trông,
Việc lấy thức ăn trao đổi ấy,
Giữa dê, chó kết mối thân bằng.
Vua không hiểu các vị kia đã biết câu chuyện nhờ Bồ-tát, nên rất hoan hỷ cho rằng cả năm vị đều tìm ra câu giải đáp vấn đề nhờ tài trí riêng của mình, và ngài cũng ngâm kệ:

15. Trẫm có các bậc hiền giả tại triều
Thật là ích lợi biết bao nhiêu,
Vấn đề tế nhị và uyên áo,
Họ thấu triệt, lời lẽ tối ưu.
Rồi ngài bảo họ kẻ có công sẽ được đền đáp xứng đáng. Và ngài ân thưởng qua câu kệ:

16. Cứ mỗi hiền khanh, trẫm thưởng ban,
Một xe, la cái, một ngôi làng,
Giàu sang thượng hạng cho người trí,
Trẫm thích thú lời lẽ ngọc vàng !
Rồi ngài ban thưởng tất cả các thứ ấy.

Đến đây chấm dứt vấn đề con Dê trong Chương mười hai.

*

Nhưng hoàng hậu Cây Sung biết rõ các kẻ kia hiểu được vấn đề nhờ bậc Trí giả, bà nghĩ thầm:"Đức vua ban thưởng giống nhau cho cả năm vị, chẳng khác nào một kẻ không phân biệt được đậu nhỏ và đậu lớn, chắc chắn hiền đệ của ta phải được phần thưởng đặc biệt hơn".

Rồi bà đến hỏi vua:

- Tâu Đại vương, ai đã giải đáp câu đố ấy cho Đại vương?

- Này ái khanh, cả năm hiền giả.

- Nhưng tâu Đại vương, nhờ ai mà bốn vị kia biết được?

- Ái khanh, trẫm không rõ.

- Tâu Đại vương, các vị kia biết gì? Chính bậc Trí giả muốn các vị ấy khỏi bị suy tàn vì ngài, nên cho họ biết vấn đề ấy. Thế mà Đại vương ban thưởng cho cả năm vị giống nhau. Như vậy không công bằng, Đại vương nên có phần thưởng đặc biệt cho bậc Trí giả.

Vua rất đẹp ý vì bậc Trí giả không tiết lộ chuyện các vị kia biết được nhờ ngài và muốn ân thưởng thật trọng hậu cho ngài, vua nghĩ: "Không hề gì. Ta sẽ hỏi con ta một vấn đề nữa, nếu con ta đáp trúng ta sẽ hậu thưởng". Nghĩ vậy xong, vua đặt ra Vấn đề Giàu Nghèo.

23. GIÀU VÀ NGHÈO.

Một ngày kia, khi năm bậc hiền thần vào chầu vua và khi họ đã an tọa, vua hỏi:

- Senaka, ta sẽ hỏi hiền khanh một chuyện.

- Tâu Đại vương, xin cứ hỏi.

Vua liền đọc vần kệ đầu trong Vấn đề Giàu-Nghèo:

17. Có trí khôn nhưng thiếu bạc vàng,
Hoặc giàu tiền lại kém khôn ngoan,
Se-na-ka, trẫm hỏi khanh nhé:
Bậc trí gọi ai tốt đẹp hơn?
Lúc bấy giờ vấn đề này được truyền lại từ đời này sang đời khác trong gia tộc Senaka, nên ôngđáp ngay:

18. Quả thật, kẻ ngu hoặc trí nhân,
Vô văn phàm tục, hoặc đa văn,
Đều hầu hạ những người giàu có,
Dù họ cao sang hoặc hạ tầng,
Nhìn thấy điều này, thần mới nói:
Trí nhân thua kém kẻ giàu sang.
Vua nghe đáp xong không nói gì thêm ba vị kia mà nói với bậc Trí giả Mahosadha ngồi bên cạnh :

19. Ta cũng hỏi con, Đại trí nhân,
Bậc tinh thông vạn pháp trên trần:
Kẻ ngu lắm của, người khôn khó,
Bậc trí gọi ai tốt bội phần?
Bậc Đại Sĩ đáp:

- Xin Đại vương nghe đây:

20. Người ngu phạm tội, nghĩ suy rằng:
"Trên cõi đời, ta thắng thế hơn",
Họ thấy đời này, không cõi kế,

Nên mang tai họa cả hai đường.
Điều này con thấy, nên con nói:
Bậc trí hơn xa trọc phú đần.
Nghe nói vậy, vua nhìn Senaka và nói:

- Này hiền khanh, có thấy Mahosadha bảo bậc Trí nhân là cao hơn cả đấy chăng?

Senaka đáp:

- Tâu Đại vương, Mahosadha chỉ là một trẻ thơ, miệng còn hôi sữa, đã biết gì?

Và ông ngâm kệ:

21. Kiến thức không đem lại bạc vàng,
Cũng không gia thế hoặc dung nhan,
Hãy nhìn ngốc tử Go-ri ấy,
Đang hưởng vinh hoa, đại phú cường,
Vì Đại vận chìu người hạ tiện.
Điều này thần thấy, mới thưa rằng:
Bậc hiền trí chịu phần hèn mọn,
Còn kẻ giàu tiền thắng thế hơn.
Nghe vậy, vua bảo:

- Này vương nhi Mahosadha, bây giờ con nghĩ sao?

Ngài đáp:

- Tâu phụ vương, Senaka có biết gì? Lão chỉ như con quạ thấy nơi nào có thóc vãi, hay như con chó cố liếm cho hết sữa, chỉ thấy mình mà không thấy chiếc gậy đang sẵn sàng giáng xuống đầu. Xin phụ vương hãy nghe đây:

22. Một người tiểu trí hóa mê man.
Bị nhiễm độc khi hưởng bạc vàng:
Nếu gặp tai ương, thành ngớ ngẩn,
Rủi may số phận đến không lường,
Nó vùng như cá phơi ngoài nắng,
Khi thấy điều trên, trẻ nói rằng:
Người trí hơn xa người có của,
Giàu tiền nhưng trí óc ngu đần.
- Này Đại Sư, thế thì sao?

Vua bảo khi nghe ngài nói vậy, Senaka liền đáp:

- Tâu Đại vương, cậu ấy nào biết gì? Chẳng nói gì đến người, mà ngay cả cây tốt tươi, đầy quả ngọt, chim chóc cũng bay đến đậu.

Rồi ông ngâm kệ:

23. Trong rừng, chim chóc tự mười phương,
Tụ tập trên cây có trái ngon,
Cũng vậy, người nhiều tiền lắm của,
Đám đông hám lợi đến quây quần.
Thấy vầy, thần nói: người hiền trí,
Hèn kém, kẻ giàu thắng thế hơn.
- Này vương nhi, bây giờ con nghĩ sao? Vua hỏi.

Bậc Trí giả đáp:

- Lão bụng bự ấy nào có biết gì? Xin phụ vương nghe đây.

Rồi ngài ngâm kệ:

24. Kẻ ngu quyền thế chẳng hiền lương,
Dùng bạo lực khi chiếm bạc vàng,
Nó rống thật to tùy ý thích,
Quỷ nhân kéo nó xuống âm cung!
Thấy điều này, tiểu nhi xin nói:
Bậc trí hơn xa trọc phú đần.
Vua lại bảo:

- Này Senaka?

Senaka liền đáp:

25. Mọi dòng nước đổ xuống sông Hằng,
Đều mất tánh danh với giống dòng,
Đổ xuống biển, sông Hằng cũng sẽ,
Không còn phân biệt được thành phần.
Vậy đời phục vụ người giàu của;
Nhìn thấy điều trên, thần nói rằng:
Người có trí chịu phần thấp kém,
Còn người giàu của chiếm phần hơn.
Vua lại bảo:

- Này bậc Trí giả nghĩ sao?

Ngài liền đáp:

- Xin phụ vương nghe đây.

Rồi ngài ngâm vần kệ:

26-27. Biển cả, người kia nói, lệ thường,
Muôn sông đổ xuống, đập không ngừng,
Vào bờ, nhưng chẳng bao giờ vượt,
Bờ nọ, dù hùng vĩ đại dương.

Cũng vậy, lời người ngu nhảm nhí,
Phồn vinh không thể vượt hiền nhân,
Thấy điều này, tiểu nhi xin nói:
Người trí hơn xa trọc phú đần.
- Khanh nghĩ sao? Senaka? Vua hỏi.

- Xin Đại vương nghe đây.

Ông đáp và ngâm vần kệ:

28. Người giàu ở địa vị cao sang,
Có thể thiếu phòng hộ bản thân,
Nhưng nếu nói gì cùng kẻ khác,
Lời kia giá trị giữa nhân quần.
Trí khôn không thể gây uy tín,
Cho kẻ nào không có bạc vàng.
Thấy vầy thần nói: người hiền trí,
Thấp kém, người giàu thắng thế hơn.
- Con nghĩ sao? Vua hỏi.

- Tâu Đại vương, xin nghe đây. Kẻ ngu si Senaka ấy nào có biết gì?

Rồi ngài ngâm vần kệ:

29. Vì kẻ khác hay chính bản thân,
Kẻ ngu thường chẳng nói chân ngôn,
Chịu ô nhục giữa nơi quần chúng,
Đời kế nó rơi cảnh khổ buồn.
Vì thấy điều này, con trẻ nói:
Trí nhân hơn trọc phú ngu đần.
Sau đó Senaka lại ngâm vần kệ:

30. Cho dù người Đại trí khôn ngoan,
Thiếu gạo thóc, lâm cảnh khốn nàn,
Nếu có nói điều gì phải trái,
Cũng không giá trị giữa thân nhân,
Phồn vinh không đến nhờ tri kiến.
Nhìn thấy điều trên, thần nói rằng:
Người trí phải chịu phần thấp kém,
Còn người giàu của thắng phần hơn.
Vua lại hỏi:

- Vương nhi nói sao về việc này?

Bậc trí đáp:

- Senaka nào có biết gì? Lão chỉ nhìn đời này, chứ không thấy đời sau.

Và ngài ngâm vần kệ:

31. Chẳng vì mình, cũng chẳng vì người,
Bậc Đại trí nhân phải dối lời,
Người được tôn sùng trong hội chúng,
Đời sau hưởng hạnh phúc an vui.
Thấy điều này trẻ thơ xin nói:
Bậc trí hơn người trọc phú thôi.
Sau đó Senaka lại ngâm vần kệ:

32. Voi, ngựa, bò, vòng ngọc, nữ nhân,
Thấy nhiều trong các hộ giàu sang,
Để dành cho các người giàu hưởng,
Mà chẳng cần uy lực thánh thần,
Nhìn thấy điều này, thần dám nói:
Bậc hiền thấp kém, phú gia hơn.
Bậc trí giả đáp:

- Lão ấy nào có biết gì?

Rồi ngài ngâm kệ, tiếp tục giải thích vấn đề:

33. Người ngu hành động thiếu suy tư,
Nói những lời ngu xuẩn, dại rồ;
Vô trí bị quăng vì Đại vận,
Như con rắn bỏ lớp da khô.
Thấy điều này, trẻ thơ xin nói:
Bậc trí hơn xa phú hộ ngu.
- Khanh nghĩ sao? Vua hỏi.

Senaka liền đáp:

- Tâu Đại vương, trẻ thơ này nào biết gì, xin Đại vương nghe đây !

Rồi lão ngâm kệ, vì tưởng rằng sẽ làm cho bậc Trí giả không nói thêm gì được nữa:

34. Năm trí nhân là bọn chúng thần,
Thảy đều hầu cận đấng tôn quân,
Hết lòng kính trọng ngài là chúa,
Là chủ nhân ông của thứ dân.
Như Đế Thích là vua vạn vật,
Chính là chúa tể của thiên nhân.
Thấy vầy thần nói: người hiền trí,
Thấp kém, người giàu thắng thế hơn.

Khi vua nghe vậy, liền nghĩ thầm: "Điều ấy đã được Senaka nói thẳng ra, ta không biết con ta có bác bỏ được và nói gì thêm không đây" . Vì thế vua hỏi:

- Này, bậc Trí giả nghĩ sao đây?

Tuy nhiên lý luận này của Senaka không ai bác bỏ được, trừ Bồ-tát thế là bậc Đại Sĩ liền bác bỏ ngay, ngài đáp:

- Tâu phụ vương, kẻ ngu ngốc kia nào biết gì? Lão chỉ nhìn thấy mình mà không biết đến tính siêu việt của trí tuệ, xin Đại vương hãy nghe đây.

Rồi ngài ngâm kệ:

35. Người ngu nô lệ của người hiền,
Khi vấn đề này phát khởi lên,
Bậc trí giải đề khôn khéo lắm,
Kẻ ngu rối trí tựa cuồng điên.
Thấy điều này, trẻ thơ xin nói:
Bậc trí hơn xa kẻ lắm tiền.
Bậc Đại Sĩ đưa ra lý luận này biểu lộ đại trí của ngài, chẳng khác nào ngài đào được cát vàng dưới chân núi Tu-di hay đem vầng trăng tròn sáng tỏ lên bầu trời.

- Này Senaka, nếu được thì khanh cứ đối đáp lại đi.

Nhưng cũng như kẻ đã dùng hết thóc gạo trong kho, Senaka ngồi yên, rầu rĩ, lòng phiền muộn không nói năng gì được nữa. Nếu ông tìm ra được một lý luận khác, chắc cả ngàn câu kệ nữa cũng chưa hết chuyện Tiền thân này, nhưng khi ông ấy không trả lời được nữa, bậc Đại Sĩ lại tiếp tục ngâm kệ tán thán trí tuệ, chẳng khác nào ngài để dòng hồng thủy tuôn tràn:

36. Trí tuệ được sùng bởi thiện nhân,
Bạc vàng được chuộng bởi người trần,
Đắm say hưởng thụ bao tham dục.
Tri kiến Phật-đà thật tuyệt luân;
Vàng bạc chẳng bao giờ vượt quá
Trí cao siêu việt, tấu vương quân.
Nghe xong vua rất hoan hỷ với cách giải đáp vấn đề của bậc Đại Sĩ, đến độ vua ban thưởng ngài vô số tài sản và ngâm kệ:

37. Con đáp mọi câu hỏi của ta,
Pháp Sư độc nhất, Ma-ho-sa,
Ngàn bò cái, một voi, bò đực,
Tuấn mã kéo mười cỗ đại xa,
Mười sáu ngôi làng giàu đẹp nhất,
Hân hoan ta tặng thưởng con thơ.
Đến đây chấm dứt Vấn đề "Giàu Nghèo" (Chương XX).

24. CON ĐƯỜNG BÍ MẬT.

Từ ngày ấy, vinh quang của Bồ-tát thật lẫy lừng và hoàng hậu Udumbarà điều hành chu đáo mọi việc cho ngài.

Khi ngài được mười sáu tuổi, bà nghĩ thầm: "Tiểu đệ đã lớn, danh vọng thật lẫy lừng, vậy ta phải tìm nơi xe duyên cho tiểu đệ". Bà liền tâu chuyện này với vua, và vua rất hài lòng:

- Tốt lắm, ái khanh, cứ nói chuyện cho vương nhi biết.

Bà nói với ngài chuyện ấy, ngài ưng thuận và bà nói:

- Vậy để ta tìm tân nương cho con.

Bậc Đại Sĩ nghĩ thầm: "Ta sẽ chẳng bao giờ vừa ý cho ai chọn vợ cho ta, ta sẽ tự chọn lấy mà thôi". Ngài liền đáp:

- Tâu hoàng hậu, khoan nói chuyện này với thánh thượng trong vài ngày nữa đã, xin để tiểu đệ tự đi tìm vợ cho hợp ý mình, rồi tiểu đệ sẽ tâu trình sau.

- Được rồi, em cứ làm như vậy.

Ngài từ giã hoàng hậu, đi về nhà thông báo cho các thân hữu. Rồi ngài tìm cách kiếm được bộ đồ nghèo của thợ may, một mình đi ra cửa Bắc, tiến vào Bắc thị trấn.

Lúc bấy giờ ở đó có một gia đình thương nhân cổ kính bị suy sụp, là gia đình của cô gái tên là Amarà (Bất tử) rất xinh đẹp, khôn ngoan, có đầy đủ mọi tướng tốt của phúc phận. Sáng sớm hôm ấy cô gái đi đến nơi cha nàng cày ruộng, để đem cháo nàng nấu cho cha, tình cờ nàng cũng đi trên con đường ấy. Khi bậc Đại Sĩ thấy nàng đi đến, ngài tự nhủ: "Một nữ nhân đủ mọi tướng tốt lành thay! Nếu nàng chưa có gia thất, nàng phải làm vợ ta". Còn nàng khi vừa trông thấy ngài, cũng tự nhủ: "Nếu ta được chung sống với một nam nhân như vậy, ta có thể khôi phục cơ đồ sự nghiệp".

Bậc Đại Sĩ nghĩ thầm: "Ta không biết nàng có gia thất chưa, vậy ta sẽ hỏi nàng bằng cách ra dấu tay và nếu nàng thông minh, nàng sẽ hiểu". Thế là đứng đằng xa, ngài nắm chặt tay lại. Nàng hiểu rằng ngài hỏi nàng có chồng chưa, liền xoe tay ra. Thế rồi ngài vội đi đến hỏi tên nàng. Nàng đáp:

- Tên thiếp là cái hiện nay không có, trước kia đã không có và sau này cũng sẽ không có được.

- Thưa nương tử, không có gì trên đời này bất tử cả, vậy chắc hẳn tên quý nương là Amarà, người Bất tử, phải chăng?

- Đúng vậy, thưa công tử.

- Nương tử đem cháo cho ai?

- Cho vị thần ngày xưa.

- Các thần ngày xưa là cha mẹ ta. Vậy chắc quý nương muốn nói đến quý phụ thân?

- Đúng vậy, thưa công tử.

- Quý thân phụ hiện đang làm gì?

- Người đang làm một thành hai.

Lúc bấy giờ làm một thành hai là cầy ruộng.

- Người đang cầy ruộng chăng, hỡi quý nương?

- Thưa công tử, phải.

- Thế ruộng người cày ở đâu?

- Ở nơi người ra đi nhưng không trở lại nữa.

- Nơi người ra đi không trở lại là nghĩa địa, vậy người đang cầy ruộng gần nghĩa địa?

- Đúng thế, thưa công tử.

- Quý nương có trở lại đây nữa chăng?

- Nếu nó đến thì thiếp không đến, còn nếu nó không đến thì thiếp sẽ đến, thưa công tử.

- Có lẽ quý thân phụ cày ruộng cạnh bờ sông, nên nếu nước dâng thì quý nương không trở lại được, còn nước không dâng thì quý nương sẽ trở lại, phải chăng?

Sau cuộc trò chuyện trao đổi này, nàng Amarà mời ngài uống nước cháo. Bậc Đại Sĩ nghĩ nếu từ chối thì khiếm nhã, nên ngài nhã nhặn xin nàng một ít. Khi nàng để bình nước cháo xuốngđất, ngài nghĩ thầm: "Nếu nàng mời ta mà không rửa cái hũ và cho ta nước rửa tay, ta sẽ từ giã nàng ra đi".

Nhưng nàng lấy nước trong hũ đưa ngài rửa tay, rồi đặt chiếc hũ không xuống đất chứ không đưa ngài cầm, khuấy nước cháo trong bình xong, nàng đổ đầy vào hũ. Nhưng thấy rất ít gạo trong nước cháo, ngài bảo:

- Này quý nương, có ít gạo quá!

- Thưa công tử, trước đây chúng tôi không có nước.

- Quý nương muốn bảo là lúa đang mọc, quý nương không đưa nước vào đó chăng?

- Đúng vậy, thưa công tử.

Rồi nàng để lại một ít nước cháo cho cha, và mời Bồ-tát một ít. Ngài uống xong, súc miệng và hỏi:

- Thưa quý nương, ta muốn đến thăm nhà quý nương, xin quý nương làm ơn chỉ đường.

Nàng chỉ đường cho ngài bằng cách đọc bài kệ đã được đưa ra trong Chương Một:

38. Nhờ món bánh và cháo nấu nhừ,
Cùng cây song điệp trổ muôn hoa,
Bàn tay thiếp để ăn và chỉ,

Chẳng phải bàn tay thiếp bỏ qua,
Đó chính là đường đi thị trấn,
Con đường bí mật phải tìm ra.
Đến đây chấm dứt Vấn đề Con đường Bí mật.

25. BẬC TRÍ GIẢ ĐI CƯỚI VỢ.

Ngài đến nhà nàng theo cách đã chỉ dẫn, mẹ Amarà thấy ngài, liền mời ngài ngồi:

- Ta muốn mời công tử dùng cháo, được chăng?

- Xin cám ơn hiền mẫu, hiền muội Amarà đã cho tiểu sinh ăn cháo rồi.

Bà mẹ liền nhận ra ngay là chắc hẳn ngài đến đây vì ái nữ của bà. Bậc Đại Sĩ thấy cảnh nghèo túng của họ, lại nói:

- Thưa hiền mẫu, tiểu sinh làm nghề thợ may, hiền mẫu cần may vá gì không?

- Thưa công tử, có chứ, nhưng không có tiền để trả công.

- Thưa hiền mẫu, không cần phải trả công, hiền mẫu cứ đem các thứ ra đây cho tiểu sinh may vá.

Bà liền đem áo quần cũ ra, Bồ-tát vá từng thứ, công việc của người có trí bao giờ cũng trôi chảy và ngài lại bảo bà:

- Hiền mẫu đi báo cho dân chúng ngoài đường biết nhé.

Bà liền thông báo khắp làng, chỉ một ngày nhờ công việc may vá, bậc Đại Sĩ kiếm được một ngàn đồng tiền. Bà lão nấu cơm trưa cho ngài ăn và buổi chiều bà hỏi cần nấu bao nhiêu nữa.

- Thưa hiền mẫu, nấu đủ cho mọi người trong nhà thôi.

Bà liền đi nấu cơm với cà ri và thêm các thứ gia vị vào.

Buổi xế chiều, Amarà từ khu rừng trở về nhà, mang theo một bó củi trên đầu và bó lá quanh hông. Nàng vứt củi xuống ở cửa trước và đi vào cửa sau. Cha nàng cũng về sau đó. Bậc Đại Sĩ ăn một bữa cơm thật ngon miệng; cô gái hầu cơm cha mẹ trước khi ăn, rồi rửa chân cho chamẹ cùng Bồ-tát. Ngài ở đó vài ngày thăm dò nàng. Rồi một ngày kia, để thử nàng, ngài bảo:

- Ái nương Amarà ơi, đem nửa đấu thóc ra làm cho ta một cái bánh, một nồi cháo và một nồi cơm.

Nàng bằng lòng ngay, đi sàng gạo sạch trấu, lấy hột lớn nấu cháo, hột vừa nấu cơm, hột nhỏ làm bánh, thêm gia vị cho đầy đủ. Nàng đem nấu cháo đã nêm gia vị mời bậc Đại Sĩ.

Ngài vừa ăn một miếng đã cảm thấy mùi thơm đặc biệt thấm qua cổ họng, tuy nhiên để thử nàng, ngài bảo:

- Quý nương ơi, nếu nàng không biết nấu, sao nàng lại làm hỏng gạo cơm của ta?

Rồi ngài nhổ cháo xuống đất, nhưng nàng không hề giận, chỉ trao bánh cho ngài và bảo:

- Nếu cháo không ngon, thì xin ăn bánh.

Các bánh kia ngài cũng nói như thế và từ chối món cơm, ngài bảo :

- Nếu nàng không biết nấu nướng sao lại phí phạm của cải ta?

Rồi như thể giận dữ lắm, ngài trộn cả ba thứ với nhau bôi khắp người nàng từ đầu đến chân, bảo nàng ngồi xuống bậc cửa.

- Hay lắm, thưa công tử.

Nàng vâng lời ngồi xuống, không tỏ vẻ giận dữ gì. Thấy nàng không có vẻ cao ngạo, ngài bảo:

- Quý nương ơi, đến đây.

Vừa nghe ngài gọi tiếng đầu, nàng đã đến ngay.

Khi Đại Sĩ đến đây, ngài có đem theo một ngàn đồng tiền vàng và một chiếc áo trong giỏ cau trầu.

Bấy giờ ngài lấy nó ra, đưa cho nàng và bảo :

- Quý nương ơi, hãy cùng bạn hữu đi tắm và mặc áo này vào và đến đây với ta.

Nàng vâng lời. Bậc Trí giả trao cho cha mẹ nàng tất cả số tiền ngài đem theo và vừa kiếmđược, khuyên nhủ đôi lời, rồi đem nàng lên kinh thành.

Tại đây ngài muốn thử nàng, liền bảo nàng ngồi trong nhà người canh cổng, nói cho bà vợ người canh cổng biết mưu kế của ngài, rồi về nhà ngài. Tại đó ngài cho gọi các quân hầu của ngài đến và bảo:

- Ta có để lại một nữ nhân ở nhà kia, hãy đem một ngàn đồng tiền đến thử nàng xem.

Ngài đưa tiền và bảo họ đi. Họ làm theo lời ngài dặn. Nàng từ chối, bảo:

- Số tiền này không đáng giá bằng đám đất bụi bám trên chân công tử của ta.

Đám quân hầu trở về kể lại cho ngài nghe kết quả cuộc thử. Ngài lại bảo họ đi lần nữa, đến lần thứ ba, thứ tư, rồi bảo họ kéo nàng đi bằng vũ lực. Họ vâng theo và khi nàng nhìn thấy bậc Đại Sĩ uy nghi rực rỡ, nàng không nhận ra ngài, mà chỉ cười rồi khóc khi nhìn ngài. Thấy thế ngài hỏi cớ sao, nàng đáp:

- Thưa công tử, thiếp mỉm cười khi ngắm vẻ huy hoàng của công tử và nghĩ rằng công tử được hưởng cảnh huy hoàng này không phải là không có nhân duyên, mà là do thiện nghiệp của công tử đời trước: "Hãy xem quả phước báo". Thiếp nghĩ vậy và mỉm cười. Nhưng rồi thiếp khóc khi nghĩ rằng công tử sẽ gây tội ác phá hại tài sản mà kẻ khác chăm sóc trông nom và sẽ xuống địa ngục, nên vì thương cảm, thiếp phải khóc.

Sau lần thử này, ngài biết nàng rất tiết hạnh, nên bảo họ đem nàng về chỗ cũ. Ngài giả dạng người thợ may, trở về với nàng và ở lại đêm đó.

Sáng hôm sau, ngài trở về cung, kể mọi chuyện với hoàng hậu Udumbarà. Bà báo cho vua biết xong, trang điểm cho Amarà đủ ngọc vàng trân bảo đặt nàng ngồi trên một cỗ xe sang trọng,đầy vẻ uy nghi, vinh hiển rước nàng về cung của bậc Đại Sĩ và mở ngày lễ hội vương hầu.

Vua ban thưởng Bồ-tát món quà đáng giá một ngàn đồng tiền, dân chúng trong thành đem quà đến dâng, từ người giữ cửa trở đi. Nàng Amarà chia quà vua ban làm hai phần, gửi lại một phần dâng lên vua; các quà dân chúng tặng, nàng cũng chia như vậy, trả về cho họ một nửa, vì thế rất được lòng dân. Từ ngày ấy, bậc Đại Sĩ cùng nàng sống rất hạnh phúc và chỉ bảo cho vua mọi thế sự cũng như thánh sự.

Một ngày kia Senaka bảo ba người kia nhân lúc họ đến thăm:

- Này các bạn, chúng ta chưa đấu trí nổi vôi Mahosadha con nhà dân giả này, nay nó tìm được vợ khôn lanh hơn cả nó nữa, làm sao chúng ta kiếm kế ly gián nó với đức vua đây?

- Thưa Tôn sư, làm sao chúng tiểu đệ biết được? Chuyện đó tùy ngài định đoạt.

- Được rồi đừng lo gì, ta đã có cách. Ta sẽ trộm hạt bảo châu trên vương miện, hiền hữu Pukkusa trộm chuỗi đeo cổ bằng vàng của đức vua, hiền hữu Kavinda trộm chiếc áo lông của ngài và hiền hữu Devinda lấy đôi hài bằng vàng của ngài.

Cả bốn người ấy tìm cách làm các việc này. Sau đó Senaka nói:

- Song ta phải bỏ vào nhà gã này mà không cho nó biết.

Thế là Senaka để hạt bảo châu vào bình hạt dẻ, bảo một tỳ nữ:

- Nếu ai mua bình hạt dẻ này, ngươi đều từ chối, chỉ bán cho người nhà Mahosadha mà thôi.

Người tỳ nữ đem lọ đến nhà bậc Trí giả đi lên đi xuống và rao:

- Ai muốn mua hạt dẻ?

Nhưng nàng Amarà đứng bên cửa nhìn thấy rõ, nàng nhận xét cô nữ tỳ nọ không đi nơi nào khác ngoài nhà nàng, chắc phải có điều gì bên trong chuyện này. Nàng liền ra dấu cho tỳ nữ của nàng lại gần, còn chính nàng kêu to gọi cô gái:

- Đến đây cô bé, ta muốn mua hạt dẻ.

Khi cô gái đến, bà chủ gọi các nữ tỳ ra, nhưng không có ai trả lời cả, nên phải nhờ cô gái đi kiếm hộ. Khi cô gái đi rồi, Amarà thọc tay vào bình tìm ra hạt bảo châu. Khi cô gái trở lại, Amarà liền hỏi:

- Cô là tỳ nữ nhà ai?

- Thưa phu nhân, nhà bậc Trí giả Senaka ạ.

Nàng liền hỏi tên họ tỳ nữ cùng tên mẹ cô gái rồi bảo:

- Nào cho ta ít hạt dẻ.

- Thưa hiền mẫu, nếu mẹ cần thì cứ lấy cả bình, con không lấy tiền đâu.

- Vậy thì cô về đi.

Amarà bảo người tỳ nữ ra rồi, nàng viết trên một ngọn lá: Vào ngày ấy tháng ấy, đại sư Senaka gửi đến một hạt bảo châu trên vương miện để làm quà tặng do một nữ tỳ tên họ ấy đem đến.

Pukkusa gửi đến chuỗi đeo cổ bằng vàng giấu trong giỏ hoa lài, Kàvinda gửi đến chiếc cẩm y giấu trong giỏ rau, Devinda gửi đến đôi hài bằng vàng để trong bó rơm. Nàng nhận tất cả và viết tên họ vào ngọn lá, cất đi rồi kể lại cho bậc Đại Sĩ nghe mọi chuyện. Khi năm vị hiền thần kia vào cung, liền hỏi vua:

- Tâu Đại vương, sao Đại vương không đội vương miện có bảo châu?

- Được đem nó ra đây cho trẫm mang vào. Vua bảo.

Nhưng họ không kiếm ra viên bảo châu và các thứ kia. Thế là cả bốn vị bảo:

- Tâu Đại vương, các vật trang sức của Đại vương đều nằm trong nhà Mahosadha, gã ấy đang dùng chúng đấy, gã con trai nhà dân giả ấy chính là kẻ thù của Đại vương đấy.

Họ vu cáo cho ngài như vậy. Sau đó những kẻ tốt bụng đi tìm Mahosadha kể chuyện cho ngài, ngài bảo:

- Để ta yết kiến đức vua và đi tìm.

Ngài đến chầu vua. Đang cơn thịnh nộ, vua phán:

- Trẫm chẳng nhìn nhận tiểu tử kia nữa, nó còn muốn gì ở đây?

Vua không cho phép ngài vào trần tình. Khi bậc Trí giả biết vua đang cơn thịnh nộ, ngài trở về nhà. Vua ban lệnh bắt ngài và ngài biết được nhờ những kẻ tốt bụng, nên bảo cho Amarà biết đã đến lúc ngài phải ra đi, rồi ngài trốn ra khỏi kinh thành, đến Nam thị trấn giả dạng làm nghề thợ đồ gốm ở trong một lò gốm. Cả kinh thành loan tin ngài bỏ trốn. Khi Senaka và ba vị kia hay tin ấy mỗi người liền gửi cho phu nhân Amarà một bức thư mà không cho ba vị biết, nhắn tin với nàng: Xin phu nhân đừng ngại gì, chúng ta không phải là những trí giả hay sao?

Nàng cất cả bốn bức thư rồi trả lời cho mỗi vị đến gặp nàng vào một ngày giờ nào đó. Khi họ đến, nàng cho người lấy dao cạo râu tóc họ sạch nhẵn, ném họ vào buồng tắm, hành hạ họ thật khổ sở, rồi lấy mền quấn họ lại và thông báo cùng vua biết. Nàng đem họ cùng bốn bảo vậtđến cung đình, tung hô vua xong, nàng nói:

- Tâu Đại vương, bậc Trí giả Mahosadha không phải là kẻ trộm, mà chính đây là các kẻ trộm: Senaka trộm bảo châu, Pukkusa trộm dây chuyền vàng, Devinda trộm đôi giày mạ bằng vàng vào ngày ấy tháng ấy, do tay của một nữ tỳ, các vật này được gửi đến làm quà tặng. Xin Đại vương nhìn ngọn lá này và nhận lại các bảo vật rồi thả các kẻ trộm ra.

Làm cho các vị kia chịu muôn phần sỉ nhục như thế xong, nàng liền ra về.

Tuy nhiên, vua lại bối rối trước chuyện này, vì từ khi Bồ-tát ra đi và không có bốn bậc hiền thần kia, ngài không nói gì nữa, chỉ bảo họ tắm rửa rồi ra về.

27. VỊ NỮ THẦN VÀ CON ĐOM ĐÓM.

Lúc bấy giờ vị nữ thần ở trong chiếc lọng hoàng gia không được nghe giọng Bồ-tát thuyết pháp, không hiểu nguyên nhân gì và khi bà biết được, liền quyết định đem bậc Trí giả trở về.

Vì thế ban đêm, bà hiện ra từ một cái lỗ quanh lọng, hỏi vua bốn vấn đề được tìm thấy trong "Các vấn đề của Nữ thần" Chương IV, với các vần kệ bắt đầu: "Kẻ ấy đánh bằng chân lẫn tay". Vua không trả lời được, nhưng hứa sẽ hỏi các vị hiền thần và xin gia hạn một ngày.

Hôm sau, vua ban lệnh triệu hồi họ, nhưng họ đều đáp:

- Chúng thần hổ thẹn nếu xuất hiện trước công chúng. Vì chúng thần bị cạo râu tóc sạch nhẵn.

Thế là ngài gửi cho họ bốn chiếc mão đội đầu (dân chúng cho rằng đó là nguồn gốc các chiếc mão).

Khi họ đến, họ được mời ngồi xong, vua bảo:

- Này Senaka, đêm qua vị thần ở trong chiếc lọng của trẫm hỏi trẫm bốn vấn đề mà trẫm không giải đáp được, phải bảo là trẫm sẽ hỏi các hiền thần. Vậy các khanh hãy giải đáp cho trẫm.

Và ngài đọc bài kệ thứ nhất:

39. Kẻ ấy đánh bằng chân lẫn tay,
Đánh luôn cả mặt mũi tai mày,
Tuy nhiên kẻ ấy, tâu Hoàng thượng;
Thân thiết hơn chồng nữa, lạ thay !
Senaka lắp bắp các chữ đầu:

- Đánh làm sao, đánh ai đã chứ?

Rồi ông chẳng tìm ra đầu đuôi gì cả. Ba vị kia đều im lặng . Vua hết sức túng thế. Đêm đến nữ thần lại hỏi ngài đã giải đáp câu đố được chưa, ngài bảo:

- Trẫm đã hỏi bốn hiền thần mà không ai nói được cả.

Bà đáp:

- Họ có biết gì đã chứ, trừ bậc Trí giả Mahosadha, chẳng ai giải đáp được cả. Nếu Đại vương không triệu ngài về giải đáp các vấn đề này, ta sẽ chặt đầu Đại vương với lưỡi dao oan nghiệt này.

Sau khi dọa vua như vậy, bà nói tiếp:

- Tâu Đại vương, khi Đại vương cần lửa, đừng thổi con đom đóm, khi cần sữa đừng vắt cái sừng bò.

Rồi bà lập lại Vấn đề con Đom đóm trong Chương V:

- Khi lửa tắt, có ai đi tìm lửa từng nghĩ rằng con đom đóm có thể làm mồi lửa được chăng, nếu người ấy trông thấy đom đóm ban đêm? Nếu người ấy vò vụn phân bò và cỏ chất lên nó thì thật là điên rồ, vì không thể làm nó bắt lửa được.

Cũng vậy, một thú vật không ích lợi gì cho ta nếu ta dùng nó theo cách sai lạc, ví như vắt sữa sừng bò, thì chẳng bao giờ sữa chảy ra. Con người được lợi lạc nhờ nhiều phương tiện như là trừng phạt kẻ thù và tỏ tình thân ái với bằng hữu. Nhờ chinh phục các tướng lãnh giữa chốn ba quân và lời bằng hữu khuyên răn, các vị chúa tể trên thế gian ngự trị cả thế gian và hưởng thụ trọn vẹn.

Các vị vua ấy chẳng giống Đại vương đang thổi con đom đóm và tưởng đó là lửa. Đại vương giống như người thổi con đom đóm khi ngọn lửa đang sẵn sàng bên cạnh, như người ném cái cân xuống và đo lường bằng tay, như người cần sữa vắt sừng bò, khi ngài đem các vấn đề sâu xa như vậy mà hỏi Senaka và những kẻ tương tự lão ấy, chúng nó biết gì đâu chứ? Chúng chỉ là những con đom đóm, còn Mahosadha sáng ngời trí tuệ mới là ngọn lửa vĩ đại đang cháy bùng rực rỡ, nếu Đại vương không tìm ra lời giải đáp vấn đề này, Đại vương sẽ là cái xác không hồn.

Sau khi dọa cho vua khiếp sợ như thế, bà biến mất.

Đến đây chấm dứt Vấn đề con Đom đóm.

*

Từ đấy vua kinh hoàng vì sợ chết. Sáng hôm sau vua ra lệnh bốn cận thần lên bốn cỗ xe đi ra bốn hoàng môn và bất kỳ nơi nào họ tìm được vương tử, bậc Trí giả Mahosadha, đều phải đón chào ngài thật trọng thể rồi lập tức rước ngài về hoàng cung. Ba vị trong số này không tìm được bậc Trí giả ; nhưng vị thứ tư đi ra phía Nam môn tìm thấy bậc Đại Sĩ ở Nam thị trấn, lúc ấy đang ngồi trên bó rơm lấm lem bùn đất, ăn những vắt cơm chấm ít nước canh sau khi đã kiếm xong đất sét và quay bánh xe cho chủ lò gốm. Ngài đã làm như vậy là vì ngài nghĩ rằng vua có thể nghi ngờ ngài muốn lên cầm vương quyền, nhưng nếu vua hay tin ngài đang sống bằng nghề thợ gốm thì mối nghi kỵ sẽ tan ngay. Khi ngài trông thấy vị cận thần, ngài hiểu ông đi đến tìm ngài, ngài hiểu rằng vinh quang của ngài đã được phục hồi, ngài sẽ được thưởng thức mọi cao lương mỹ vị do phu nhân Amarà dọn ra thiết đãi, vì thế ngài thả vắt cơm đang cầm và đứng dậy súc miệng. Vừa lúc ấy vị cận thần đi đến, đây là một người trong vây cánh của Senaka nói với ngài một cách thô lỗ như sau:

- Thưa Tôn sư, những lời mà bậc hiền giả Senaka nói đều là những điều báo trước rất hữu ích cho ngài: vinh quang của ngài đã mất, tài trí của ngài chả ích lợi gì, bây giờ đây ngài ngồi trên đống rơm bê bết bùn lầy đất mà ăn cơm như vậy đó.

Rồi gã này đọc bài kệ trong chuyện Bhùri-pãnha hay Vấn đề Trí tuệ, Chương X:

40. Có thật ngài là bậc Trí nhân,
Như người đồn có trí uyên thâm,
Vậy tài trí, đại vinh quang ấy,
Chẳng phục vụ ngài đúng nghĩa chăng,
Và đã trở thành không ý nghĩa,
Trong khi ngài nuốt chút cơm hầm?
Bậc Đại Sĩ liền đáp lại:

- Tên ngu si mê muội kia, nhờ tài trí của ta, khi nào ta muốn phục hồi vinh quang đều được cả.

Rồi ngài ngâm hai vần kệ:

41. Vinh quang ta tạo bởi gian truân,
Đúng lúc, trái thời, ta biệt phân,
Để ẩn náu mình theo ý muốn,
Mở toang các cửa lợi vô ngần,
Cho nên ta biết điều tri túc,
Với chút cơm hầm, vẫn muốn ăn.
42. Khi ta nhận thấy đúng thời cơ,
Nỗ lực tạo thành mối lợi to,
Theo kế hoạch, ta liền chịu đựng,
Can cường chẳng khác một thanh sư,
Và nhờ năng lực oai hùng ấy, Ông sẽ thấy ta trở lại mà.

Lúc ấy vị cận thần đáp:

- Thưa bậc Trí giả, vị thần ở trong chiếc lọng hoàng gia đặt một câu hỏi cho đức vua, ngài liền hỏi cả bốn vị hiền thần nhưng không ai giải đáp nổi, vì thế đức vua ra lệnh tiểu thần đi rước ngài về.

Bậc Đại Sĩ đáp:

- Trong trường hợp như thế mà ông chưa thấy được uy lực của trí tuệ hay sao? Những lúc như vậy của cải nào có ích gì, chỉ có trí là hữu ích.

Ngài tán thán trí tuệ như vậy. Sau đó vị cận thần trao cho bậc Đại Sĩ ngàn đồng tiền và bộ y phục vua ban, để ngài tắm rửa và thay quần áo ngay. Người chủ lò gốm kinh hãi vì đã lầm tưởng bậc Trí giả Mahosadha là thợ gốm của lão, tuy nhiên bậc Đại Sĩ liền trấn an lão:

- Tôn ông đừng sợ, ông đã cứu giúp ta thật quý giá vô cùng.

Rồi ngài tặng lão ngàn đồng tiền và với thân mình còn lấm lem bùn đất, ngài đã leo lên xe về kinh thành ngay. Viên cận thần báo tin cho vua biết ngài đã về.

- Này hiền khanh đã tìm ra bậc Trí giả, vương nhi ở đâu?

- Tâu Đại vương, vương tử đang sống bằng nghề làm đồ gốm ở Nam thị trấn, nhưng vừa được tin Đại vương triệu ngài về là ngài về ngay chẳng đợi tắm rửa gì, đất còn lấm lem cả người.

Vua nghĩ thầm: "Nếu nó là kẻ thù của ta thì nó đã trở về trong cảnh xa hoa long trọng có tùy tùng hầu hạ kia chứ, như vậy nó chẳng phải là đối thủ của ta rồi".

Vua liền ban lệnh đưa ngài về tư thất tắm rửa, trang sức cho ngài rồi trở lại chầu vua với lễ nghi rực rỡ long trọng mà vua đã ban. Khi mọi việc xong xuôi, ngài trở vào triều, tung hô vua xong, liền đứng sang một bên. Vua nói năng ôn tồn với ngài, rồi muốn thử ngài, ông ngâm kệ này:

43. Lắm kẻ không gây tạo lỗi lầm,
Bởi vì họ đã được giàu sang,
Nhưng nhiều người chẳng gây lầm lỗi,
Vì sợ bùn nhơ cấu uế tâm,
Con đủ tài năng làm sự nghiệp,
Sao con không hãm hại vương quân?
Bồ Tát đáp lại:

44. Bậc Trí giả không tạo lỗi lầm,
Chỉ vì lạc thú hưởng giàu sang,
Thiện nhân dù gặp cơn tai họa,
Và bị lâm vào cảnh khốn nàn,
Chẳng vì thân hữu hay thù hận, Mà phải khước từ đạo chánh chân .

Vua lại đọc bài kệ này, là những lời huyền bí của một vị Sát-đế-lị (quý tộc):

45. Người nào vì bất cứ nguyên nhân,
Dù nhỏ, dù to, với bản thân,
Đưa chính mình lên từ chỗ thấp,
Về sau tiến bước đạo Như chân.
Còn bậc Đại Sĩ đọc kệ này lấy ví dụ cái cây để minh họa:

46. Dưới một gốc cây bóng mát lành,
Nếu ta ngồi xuống nghỉ thân mình,
Chặt cành lá ấy là làm phản,
Bọn giả dối, ta phải ghét khinh.
Rồi ngài tiếp tục:

- Tâu Đại vương, nếu chặt cành của một cây mà ta đã hưởng lợi lạc là chuyện phản bội, thì còn nói gì đến kẻ sát nhân? Đại vương đã ban cho phụ thân tiểu thần hưởng đại phú quý và sủng ái tiểu thần phúc lộc tràn trề, làm sao tiểu thần có thể phản trắc làm hại Đại vương được?

Sau khi bày tỏ lòng trung thành của mình, ngài lại khiển trách vua về lầm lỗi ấy:

47. Nếu một người khai đạo chánh chân,
Đánh tan nghi hoặc của tha nhân,
Người này thành một nơi nương tựa,
Và bảo hộ cho chính bản thân,
Bậc Trí không bao giờ hủy diệt,
Mối dây này kết hợp thân bằng.
Bấy giờ để khuyến giáo vua, ngài ngâm hai vần kệ:

48. Ta ghét thế nhân đắm dục tình,
Giả tu là dối gạt rành rành,
Hôn quân xử án không nghe thấy,
Sân hận người hiền chẳng biện minh.
49. Vị vua thận trọng suy tư kỹ,
Xử án đầy suy xét tận tình,
Vua chúa suy tư phân xử đúng,
Đời đời danh vọng mãi quang vinh.
Khi vua nghe xong liền mời bậc Đại Sĩ ngồi lên ngai vàng dưới chiếc lọng hoàng gia mở rộng, còn chính vua ngồi xuống một ghế thấp và nói:

- Thưa bậc Trí giả, vị thần ở trong chiếc lọng trắng này hỏi trẫm bốn câu. Trẫm đã vấn ý bốn hiền thần mà không ai tìm ra giải đáp. Vậy xin vương nhi giải đáp cho trẫm.

- Tâu Đại vương, dù là vị thần trong chiếc lọng, hay bốn Đại thiên vương, hoặc dù ai đi nữa, xin cứ hỏi, tiểu thần sẽ giải đáp.

Vua liền đưa câu hỏi nữ thần đã đọc ra và nói:

50. Kẻ ấy đánh bằng chân lẫn tay,
Đánh luôn cả mặt, mũi, tai, mày,
Tuy nhiên kẻ ấy, tâu Hoàng thượng,
Thân thiết hơn chồng nữa, lạ thay!
Khi bậc Đại Sĩ nghe câu hỏi xong, ngài thấy ý nghĩa lộ rõ ràng, chẳng khác nào vầng trăng hiện lên bầu trời:

- Xin Đại vương nghe đây, Ngài nói. Khi đứa bé ngồi trong lòng mẹ sung sướng chơi đùa lấy tay đánh mẹ nó, kéo tóc mẹ nó, nắm tay lại đấm mẹ nó, mẹ nó bảo: "Này ranh con, sao dám đánh mẹ?". Rồi bà âu yếm ôm sát con vào ngực và không nén được lòng thương yêu con, bà mẹ hôn hít con, vào lúc đó đứa con còn thân thiết với bà còn hơn là cha nó nữa.

Ngài đã làm sáng tỏ vấn đề như thể đem vầng nhật lên bầu trời, nghe xong, nữ thần hiện nửa thân qua kẽ hở của chiếc lọng và nói bằng một giọng dịu dàng:

- Câu hỏi đã được giải đáp thỏa đáng.

Sau đó bà tặng bậc Đại Sĩ một giỏ đầy hoa tiên và hương thần, rồi biến mất.

Vua cũng ban thưởng ngài các loại hương hoa như vậy rồi đọc câu kệ thứ hai, hỏi vấn đề thứ hai:

51. Bà mắng kẻ kia thật tệ tàn,
Nhưng bà muốn nó ở kề gần,
Kẻ kia, tuy vậy, tâu Hoàng thượng,
Còn thiết thân hơn chính cả chồng.
Bậc Đại sĩ:

- Tâu Đại vương, đứa bé lên bảy, có thể làm theo lời mẹ dặn. Khi bà bảo nó ra đồng hay đến tiệm tạp hóa, nó đáp: "Nếu mẹ cho con bánh kẹo con sẽ đi"; bà mẹ bảo: "Bánh kẹo đây con", rồi đưa bánh kẹo cho nó. Nó ăn xong lại nói: "Này mẹ, mẹ ngồi trong nhà im mát mà con lại phải đi ra ngoài làm công việc cho mẹ". Nó nhăn mặt, làm bộ điệu chế nhạo mẹ nó, rồi không chịu đi. Bà nổi giận chụp lấy chiếc gậy la lên: "Mày ăn các thứ ta cho mày rồi lại không chịu ra đồng làm việc cho ta". Bà dọa nó, nó vụt chạy thật nhanh, bà theo không kịp bà liền la lên: "Đi đi cho kẻ trộm xé xác mày ra". Thế là bà mắng nhiếc nó thật thậm tệ, nhưng dù miệng nói gì đi nữa, bà cũng không muốn thế tí nào, bà chỉ muốn nó ở gần bà. Nó đi chơi lang thang suốt ngày, đến tối không dám trở về nhà, nó đến nhà bà con. Bà mẹ trông ra đường chờ nó về mà không thấy, nghĩ rằng nó không dám về, lòng bà đau đớn, nước mắt ràn rụa, bà đi đến nhà các quyến thuộc tìm nó. Khi thấy con, bà ôm nó

hôn hít kéo nó sát vào lòng và thấy thương yêu nó hơn bao giờ hết, bà kêu lên: "Con tưởng mẹ nói thật sao?", thế là tâu Đại vương, lúc giận người mẹ lại thương con hơn trước nữa.

Ngài giải đáp vấn đề thứ hai như vậy. Nữ thần lại tặng thưởng ngài như lần trước và vua cũng thế. Sau đó vua hỏi ngài vấn đề thứ ba qua một vần kệ khác:

52. Nàng mắng nhiếc chàng chẳng lý do,
Và nàng trách móc thật vu vơ,
Tuy nhiên, chàng ấy, tâu Hoàng thượng,
Thân thiết hơn chồng nữa, lạ chưa?
Bậc Đại Sĩ đáp:

- Tâu Đại vương, khi một đôi uyên ương lén lút hưởng lạc thú ái tình, người nọ bảo người kia: "Người chẳng hề để ý đến ta, ta biết tâm hồn người để tận đâu đâu". Tất cả đều ngụy tạo và không có lý do gì cả, họ la mắng trách móc lẫn nhau, rồi họ càng thân thiết nhau hơn. Đó là ý nghĩa câu hỏi trên.

Nữ thần lại tặng quà cho ngài và vua cũng vậy. Sau đó vua lại hỏi câu nữa qua vần kệ thứ tư:

53. Lấy thực phẩm, y phục, tọa sàng,
Thiện nhân mang mọi vật lên đàng,
Tuy nhiên, các vị, tâu Hoàng thượng,

Còn thiết thân hơn chính cả chồng.
Ngài đáp:

- Tâu Đại vương, vấn đề này liên hệ đến các khất sĩ Bà-la-môn chân chính. Các gia đình sùngđạo tin tưởng vào đời này và đời sau, thường cúng dường các vị này và hoan hỷ lúc cúng dường. Khi họ thấy các Bà-la-môn nhận vật cúng dường và ăn uống liền nghĩ thầm "Chính các vị này đến nhà ta khất thực để thọ dụng", họ càng tăng mối cảm tình đối với các vị này. Thật vậy, các vị này nhận phẩm vật, đặt lên vai mọi vật cúng dường và trở thành thân thiết với gia chủ.

Khi ngài giải đáp xong vấn đề này, nữ thần bày tỏ mối đồng tình bằng tặng vật như trước và đặt dưới chân bậc Đại Sĩ một giỏ quý đựng đầy bảy báu vật xin ngài nhận lấy. Vua cũng hoan hỷ phong ngài làm đại tướng.

Từ đó vinh quang của ngài càng chói lọi huy hoàng hơn nữa.

Đến đây chấm dứt Vấn đề của Nữ thần.

27. NĂM VỊ HIỀN NHÂN.

Bốn vị hiền thần lại bảo nhau:

- Gã thường dân lại càng cao danh vọng hơn nữa, ta phải làm sao đây?

Senaka bảo họ:

- Được rồi, ta đã có kế, ta cứ đến gặp gã và hỏi: Ta nên nói chuyện bí mật với ai? Nếu gã bảo: Không nên nói với ai cả, ta sẽ nói xấu để hại gã với đức vua và bảo gã là tên phản bội.

Cả bốn vị liền kéo đến nhà bậc Trí giả và chào ngài xong, liền bảo:

- Thưa bậc Trí giả, ta muốn hỏi bậc Trí giả một chuyện.

Ngài bảo:

- Xin cứ nói ngay.

Senaka nói:

- Thưa bậc Trí giả, con người phải an trú vững chắc ở đâu?

- Ở chân lý.

- Xong rồi, còn phải làm gì nữa?

- Phải tạo sự nghiệp.

- Rồi phải làm gì nữa?

- Phải học hỏi các lời khuyến thiện.

- Và sau đó nữa?

- Đừng nói với ai chuyện bí mật của mình.

- Xin đa tạ bậc Trí giả.

Họ nói xong sung sướng ra về và nghĩ: "Hôm nay ta sẽ tống cổ gã đi khuất mắt". Rồi họ vào yết kiến vua và tâu:

- Tâu Đại vương, gã ấy là tên phản bội Đại vương.

Vua đáp:

- Trẫm không tin các khanh đâu, bậc Trí giả không bao giờ phản bội trẫm.

- Tâu Đại vương, xin hãy tin chúng thần vì đó là sự thật, nếu Đại vương không tin, xin cứ hỏi gã: "Ta nên nói điều bí mật với ai, nếu gã không phản bội, gã sẽ bảo nói với người này người nọ, còn nếu gã phản bội, gã sẽ bảo: "Không nên nói điều bí mật với ai cả. Khi nguyện ước đã thành tựu rồi mới nói được". Xin Đại vương hãy tin chúng thần, đừng nghi ngờ gì nữa.

Thế là một ngày kia, khi cùng ngồi với các cận thần, vua đọc bài kệ đầu trong "Vấn đề của bậc Trí giả" Chương XX:

54. Năm vị hiền nhân họp buổi nay,
Vấn đề trẫm chợt nghĩ, nghe đây:
Cùng ai, bí mật nên bày tỏ,
Dù tốt xấu, hay dở, nói ngay!
Senaka muốn kéo vua về phe mình, liền ngâm kệ:

55. Xin Đại vương cho biết ý trời,
Muôn tâu Chúa thượng ở trên đời,
Là người bảo hộ, cưu mang nặng,
Năm trí giả mong hiểu ý ngài,
Cùng sở thích ngài, xin hãy nói,
Muôn tâu chúa tể cõi trần ai!
Vua vốn bản chất yếu đuối, liền ngâm kệ:

56. Nếu nữ nhân đức hạnh phục tùng,
Tuân theo ý nguyện của phu quân,
Đầy tình thân ái thì nên nói,
Điều bí mật, hay dở mặc lòng!
"Nhà vua theo phe ta rồi". Senaka nghĩ thầm, sung sướng đọc câu kệ nói rõ lối xử thế của mình:

57. Ai bảo vệ người bệnh khốn cùng,
Là nguồn cấp dưỡng, chốn nương thân,
Thì nên bày tỏ cùng thân hữu.
Điều bí mật, hay dở mặc lòng.
Rồi vua lại hỏi Pukkasa:

- Hiền khanh nghĩ sao, Pukkasa? Phải nói chuyện bí mật với ai?

Pukkasa liền ngâm kệ:

58. Dù già hay trẻ, hoặc trung niên,
Nếu chú em đức hạnh, đáng khen,
Với chú em này, điều bí mật,
Dù là tốt xấu, hãy nêu lên.
Kế đó vua hỏi Kàvinda và ông ngâm kệ:

59. Khi đứa con vâng phục ý cha, Con trai thành thật, trí cao xa,

Với con như vậy, thì nên nói, Điều bí mật, dù tốt xấu mà.

Sau đó, vua hỏi Devinda và ông ngâm kệ:

60. Muôn tâu Chúa tể của quần sinh,
Nếu mẹ yêu con thật tận tình,
Đối với mẹ này, điều bí mật
Dở hay, có thể nói cho rành.
Sau khi hỏi bọn họ xong, vua hỏi:

- Này bậc Trí giả, con nghĩ sao về việc này?

Và ngài ngâm kệ:

61. Giữ gìn bí mật chính là hay,
Chẳng đáng khen cơ mật tỏ bày,
Người khôn phải giữ điều thầm kín,
Khi việc chưa thành tựu, khéo thay!
Sau lúc thực hành điều bí mật,
Khi người muốn, có thể nêu ngay.
Khi bậc Trí giả nói xong, vua phật ý nên nhìn Senaka và Senaka cũng nhìn lại vua. Bồ-tát thấy ngay điều này và nhận rõ sự thật là trước kia bốn kẻ này đã vu cáo ngài với vua, còn vấn đề này ắt hẳn cũng được đặt ra để thử ngài.

Lúc bấy giờ trong lúc họ đang đàm luận thì mặt trời đã lặn, đèn đã được thắp sáng. Ngài nghĩ thầm: Cung cách vua chúa thật khó lắm thay, chẳng ai còn biết sẽ xảy ra chuyện gì nữa, thôi ta phải lo nhanh chân tẩu thoát mới được".

Thế là ngài liền đứng dậy, vái chào vua rồi ra về, và nghĩ thầm: "Trong bốn vị này, người thì bảo phải nói với bạn, người thì bảo nói với anh em, người thì bảo với con trai, người thì bảo nói với mẹ, chắc hẳn họ đã làm hay thấy cái gì rồi, hoặc ta chắc chắn rằng họ đã nghe các kẻ kia kể những điều trông thấy. Thôi được rồi, ta phải tìm ra nội hôm nay".

Lúc bấy giờ vào các ngày khác, khi bốn vị này ra khỏi cung, thường ngồi trên ống dẫn nước ở cửa cung, bàn bạc mưu kế trước khi về nhà, vì thế bậc Trí giả nghĩ rằng ngài

phải núp dưới ống dẫn nước đó mới có thể biết được những chuyện bí mật của họ. Do vậy, ngài giở ống nước lên, trải một tấm nệm phía dưới và bò vào, ra lệnh cho quân hầu của ngài tìm ngài khi bốn vị kia ra về sau cuộc bàn bạc.

Đám quân hầu tuân lệnh ra đi. Trong lúc ấy Senaka tâu với vua:

- Tâu Đại vương, ngài không tin chúng thần, bây giờ Đại vương tính sao?

Vua liền công nhận lời của các kẻ gây hận thù này mà không cần tìm hiểu điều tra gì cả, hốt hoảng hỏi:

- Hiền khanh Senaka, bây giờ phải làm sao đây?

- Tâu Đại vương, phải giết nó đi, không được trì hoãn, không được tiết lộ với ai.

- Này Senaka, không ai lưu tâm đến quyền lợi của trẫm ngoài ái khanh. Vậy hiền khanh hãyđem thân hữu đến đợi ở cửa, sáng mai gã đến chầu trẫm, hãy lấy kiếm chặt đầu gã đi.

Nói xong, vua trao cho họ thanh bảo kiếm của mình.

- Tâu Đại vương, tuyệt quá. Đại vương chớ sợ gì, chúng thần quyết giết nó cho được.

Họ đồng bước ra và nói:

- Chúng ta đã tống cổ được kẻ thù đi rồi.

Và họ ngồi trên ống xối. Rồi Senaka hỏi:

- Này các hiền hữu, ai sẽ hạ thủ thằng đó?

Các vị kia đáp:

- Thưa Đại sư, chính ngài.

Họ giao trách nhiệm cho lão.

Senaka lại hỏi:

- Này các hiền hữu, các vị đã nói rằng nên tiết lộ bí mật với người nọ người kia, vậy các vị đã làm hay nghe thấy chuyện đó chăng?

- Thưa Đại Sư, đừng ngại gì, khi ngài bảo nên tiết lộ bí mật với một thân hữu, vậy chính ngài đã làm điều đó chăng?

- Điều ấy có liên quan gì đến các vị đâu? Lão hỏi.

Họ đồng đáp:

- Xin Đại Sư cho chúng tiểu đệ biết với.

Lão đáp:

- Giá như đức vua biết chuyện này thì đời ta phải tiêu ma.

- Xin Đại Sư đừng sợ, không ai ở đây tiết lộ bí mật của ngài đâu, xin Đại sư cho chúng tiểu đệ biết với.

Senaka liền đập trên ống xối và bảo;

- Nếu thằng nhà quê ấy núp dưới này thì sao?

- Thưa Đại Sư, thằng nhãi ấy đang hưởng vinh hoa, đời nào lại bò xuống dưới chỗ này làm gì? Chắc nó đang mê mẩn trong cảnh phú quý rồi, xin Đại Sư nói đi.

Senaka liền kể bí mật của mình ra:

-Các vị có biết cô ả bán phấn nọ trong kinh thành này chăng?

- Thưa Đại Sư, chúng đệ có biết.

- Giờ đây có ai thấy ả chăng?

- Thưa Đại Sư, không.

- Trong khóm Sà-la kia, ta đã ân ái cùng ả, sau đó giết ả đi để lấy nữ trang, ta đã buộc thành một gói đem về nhà treo trên chiếc ngà voi để trong phòng kia của tầng lầu nọ, nhưng ta chưa dùng chúng được cho đến khi câu chuyện chìm đi, ta đã tiết lộ tội ác này với một người bạn. Người này không nói với ai nữa, nên ta mới bảo là có thể tiết lộ bí mật với bạn.

Bậc Trí giả nghe chuyện bí mật của Senaka liền ghi nhớ thật kỹ. Sau đó Pukkasa kể bí mật của lão:

- Trên đùi đệ có một vết hủi lở. Buổi sáng em trai của đệ rửa ráy nó xong, bôi thuốc rồi băng lại mà chẳng hề nói với ai. Những khi đức vua yếu lòng, ngài kêu lên: "Này Pukkasa đến đây". Và ngài thường đặt đầu lên đùi của đệ, nhưng nếu ngài biết, chắc ngài giết đệ mất. Mà chẳng ai biết trừ em trai của đệ, vì thế đệ nói: "Có thể kể chuyện bí mật với anh em".

Kàvinda lại kể chuyện bí mật của lão:

- Về phần đệ, trong nửa tháng tối trời vào ngày trai giới, một con yêu quỷ tên Naradeva cứ cắn lấy đệ và đệ sủa như chó dại. Đệ kể chuyện với con trai đệ, nên con trai đệ mỗi khi thấy đệ bị quỷ ám, liền trói đệ trong nhà, rồi đóng cửa lại, tổ chức đám hội đông đảo để che lấp tiếng sủa ồn ào của đệ. Vì thế đệ mới nói là có thể tiết lộ bí mật với con trai..

Sau đó cả ba vị hỏi Devinda và ông tiết lộ bí mật.

- Đệ là viên tuần tra các đồ trang sức của đức vua và đệ đã trộm một viên ngọc thần ban phúc lộc, đó là tặng vật của Sakka Thiên chủ ban vua Kusa và đệ đã đem về cho mẹ. Mỗi khi đệ vào cung, mẹ của đệ lại trao cho đệ mà không nói với ai. Nhờ có viên ngọc ấy đệ tràn đầy phúc phận mỗi khi vào cung, Đức vua ban phán với đệ trước các vị, cho đệ tiêu dùng tám đồng tiền hoặc mười sáu hoặc ba mươi hai, hoặc sáu mươi bốn. Nếu Đức vua biết đệ lấy viên ngọc ấy, chắc đệ phải chết mất! Vì lẽ đó đệ bảo chuyện bí mật có thể nói với mẹ.

Bậc Đại Sĩ ghi nhớ cẩn thận mọi chuyện bí mật của họ, còn bọn họ, sau khi tiết lộ bí mật như thể mổ bụng phơi bày gan ruột rồi, liền đứng dậy đi về bảo nhau:

- Chắc chắn ta phải đến sớm mà giết thằng khốn đó mới được!

Khi họ đi rồi, đám quân hầu của bậc Trí giả đến lật ống xối lên đưa bậc Đại Sĩ về nhà. Ngài tắm rửa, thay áo quần ăn uống xong xuôi và ngài biết rằng chị ngài, hoàng hậu Udumbarì ngày hôm ấy sẽ gửi cho ngài một thông điệp từ hoàng cung, nên ngài cử người thân tín ra canh chừng, bảo gã thấy ai từ hoàng cung đến phải đưa vào trong lập tức. Rồi ngài nằm ngủ trên giường.

Lúc ấy vua cũng nằm trên vương sàn nhớ lại công đức của bậc Trí giả: "Bậc Trí giả Mahosadha đã phụng sự ta từ khi mới bảy tuổi, chưa bao giờ làm gì sai trái cả. Khi nữ thần hỏi ta, giá như không có bậc Trí giả thì ta đã chết rồi, nay tin theo lời các kẻ báo thù, trao kiếm cho chúng rồi ra lệnh giết bậc Trí giả vô thượng, thật là chuyện ta chẳng nên làm, từ ngày mai ta chẳng còn thấy bậc Trí giả nữa". Ngài buồn bã, mồ hôi đổ ra như tắm, lòng nặng trĩu ưu phiền, ngài thấy bất an. Hoàng hậu Udumbarì ở bên cạnh ngài trên long sàng, thấy tâm trạng ngài như vậy, liền hỏi:

- Tâu Đại vương, thần thiếp có làm gì xúc phạm đến Đại vương chăng? Chẳng hay việc gì khiến Đại vương sầu muộn?

Rồi bà ngâm kệ:

62. Vì sao lo lắng, tâu Quân vương?
Thần thiếp chẳng nghe giọng Chúa công,
Hoàng thượng nghĩ gì sinh khổ não,
Có gì lầm lỗi, thiếp làm chăng?
Vua liền ngâm kệ:

63. Chúng tâu: "Trí giả Đại Sa-dha
Phải bị giết ngay vì đức vua",
Đệ nhất hiền nhân, ta xử trảm,
Khi ta nghĩ vậy, trí buồn lo.
Không gì lầm lỗi từ khanh cả,
Hỡi ái hậu yêu dấu của ta.
Nghĩ đến việc này, trẫm buồn phiền lắm, Ái khanh không có lỗi gì.

Nghe xong, nỗi sầu muộn âu lo vì bậc Đại Sĩ đè nặng bà như cả tảng đá, bà nghĩ thầm: "Ta biết kế an ủi đức vua rồi, khi ngài ngủ ta sẽ gửi thông điệp cho em ta". Bà liền thưa:

- Tâu Đại vương, chính nhờ Đại vương trọng dụng mà gã thường dân ấy được lên đài vinh quang, Đại vương phong gã làm tổng tư lệnh. Bây giờ họ bảo gã đã trở thành kẻ thù của Đại vương. Không có kẻ thù nào không đáng kể đâu, phải giết gã đi, vậy xin Đại vương đừng ưu phiền.

Nàng cứ thế an ủi vua, khiến nỗi buồn của vua vơi dần và ngài ngủ thiếp đi, hoàng hậu Cây Sung liền trở dậy về phòng bà viết thư báo tin như sau: Mahosadha, bốn vị hiền thần đã vu cáo hiền đệ, khiến đức vua phẫn nộ, ngày mai ra lệnh giết hiền đệ tại cửa cung. Vậy đừng vào cung sáng mai, hoặc hiền đệ có đến, thì phải đặt toàn kinh thành dưới quyền điều khiển của hiền đệ.

Bà đặt thư trong gói kẹo, buộc dây, bỏ vào một cái bình mới, rảy nước hoa xong, dán kín lại, trao cho một nữ tỳ và dặn:

- Đem gói kẹo này cho em ta.

Nàng ấy tuân lệnh. Ta không lạ gì chuyện nàng ấy ra khỏi cung ban đêm, vì vua đã ban đặc ân này cho hoàng hậu, nên không ai cản trở nàng. Bồ-tát nhận được quà tặng ấy, rồi bảo tỳ nữ ra về. Nàng này về tường trình việc đã giao xong, lúc ấy hoàng hậu trở lại nằm cạnh vua. Bồ-tát mở gói kẹo, đọc thư xong hiểu rõ mọi chuyện, sau khi tính toán mọi việc phải làm rồi ngài đi nghỉ.

Sáng hôm sau, bốn vị hiền thần cầm kiếm đứng ở cung môn, nhưng không thấy bậc Trí giả, họ thất vọng buồn bã đi vào yết kiến vua.

Vua hỏi:

- Này, tên khốn kiếp ấy đã bị giết chưa?

Họ đáp:

- Tâu Đại vương, chúng thần không thấy gã đâu cả.

Còn bậc Đại Sĩ, lúc tảng sáng, nắm toàn binh lực trong tay, cử quân thị vệ khắp nơi, rồi ngài lên xe cùng đoàn tùy tùng rầm rộ uy nghi tiến vào cung môn. Vua đứng nhìn ra từ cửa sổ. Khi ấy bậc Đại Sĩ xuống xe liền vái chào vua và vua nghĩ thầm: "Nếu gã là kẻ thù của ta, thì gã đã không vái chào ta". Rồi vua cho mời ngài vào, xong ngồi trên ngai. Bậc Đại Sĩ bước vào, ngồi qua một bên, bốn vị hiền thần cùng ngồi xuống đó. Vua làm như thể không biết chuyện gì cả, ngài bảo:

- Này vương nhi, hôm qua vương nhi bỏ ra về, hôm nay lại đến đây, tại sao vương nhi thờ ơ đối với ta như vậy?

Rồi vua ngâm kệ:

64. Chiều tối hôm qua, con đã đi,
Bây giờ lại đến, hỡi vương nhi!
Điều gì lo sợ trong tâm trí,
Hoặc giả con nghe nói những gì?
Ai bảo con làm, này Trí giả,
Nào ta lắng đợi, nói ngay đi!
Bậc Đại Sĩ bảo:

-Tâu Đại vương, Đại vương đã nghe lời bốn hiền thần này, ra lệnh giết tiểu thần vì thế tiểu thần không đến.

Rồi ngài ngâm kệ trách vua:

65. Bậc hiền trí Đại O-sadha,
Phải bị giết ngay, nếu tối qua,
Ngài kể chuyện này cho chánh hậu,
Thì điều bí mật bị phơi ra!
Vua nghe vậy giận dữ nhìn hoàng hậu, cho rằng có lẽ bà đã nhắn tin này lập tức cho ngài. Thấy vậy bậc Đại Sĩ bảo:

- Tâu Đại vương, tại sao Đại vương nổi thịnh nộ với hoàng hậu? Tiểu thần biết việc quá khứ, hiện tại và vị lai mà. Giả sử hoàng hậu tiết lộ bí mật của Đại vương, thì ai tiết lộ bí mật của các vị Senaka, Pukkusa và đồng bọn? Nhưng tiểu thần biết hết cả.

Rồi ngài kể chuyện bí mật của Senaka qua câu kệ:

66. Tội ác bạo tàn Se-na-ka,
Đã làm trong bụi rậm Sà-la,
Lão cho bạn biết nơi thầm kín,
Thần đã nghe: cơ mật lộ ra!
Nhìn Senaka, vua hỏi:

- Có thật không?

- Tâu Đại vương, có thật.

Vua ra lệnh bắt giam lão lại. Rồi bậc Đại Sĩ kể chuyện bí mật của Pukkusa qua vần kệ:

67. Trong người này, lão Pu-ku-sa,
Có một bệnh không thích hợp cho,
Một đấng quân vương nào đụng chạm,
Lão đem bí mật nói riêng tư,
Cho em mình biết, điều thầm kín,
Thần đã nghe, được tiết lộ ra.
Vua nhìn lão và hỏi:

- Có đúng không?

- Tâu Đại vương, đúng.

Vua lại bắt giam lão. Rồi bậc Trí giả kể bí mật của Kàvinda qua vần kệ:

68. Kẻ kia bệnh hoạn, tính tà gian,
Bị quỷ Na-ra ám ảnh tâm,
Lão nói cho con điều bí mật,
Thần nghe bí mật bị phơi trần!
Vua hỏi:

- Có đúng không Kàvinda?

Lão đáp:

- Tâu Đại vương, đúng.

Vua lại bắt giam lão. Bấy giờ bậc Trí giả nói chuyện bí mật của Devinda qua vần kệ:

69. Bát giác ngọc thần ấy thuở xưa,
Thượng hoàng được tặng bởi Sak-ka,
De-vin-da giữ trong tay lão,
Lão kể chuyện kia với mẹ già,
Trong chỗ kín, thần nghe thấy được,
Điều cơ mật ấy được phôi ra!
- Có đúng không Devinda? Vua hỏi.

Lão đáp:

- Tâu Đại vương, đúng.

Thế là vua bắt giam lão. Như vậy, những kẻ âm mưu giết Bồ-tát đều bị giam cầm. Bồ-tát lại nói:

- Vì thế tiểu thần bảo là ta không nên tiết lộ bí mật với ai cả, kẻ nào bảo phải tiết lộ bí mật, kẻ đó sẽ bị suy tàn.

Rồi ngài ngâm các vần kệ tuyên thuyết đạo lý cao siêu hơn:

70. Giữ điều bí mật mới là hay,
Bí mật không nên được tỏ bày,
Người trí phải duy trì bí mật,
Khi người thành tựu mục tiêu này,
Thì người hãy nói như mình muốn.
Vậy chớ phơi ra bí mật vầy,
Phải giữ nó như kho bảo vật,
Người khôn chẳng lộ việc riêng tây.
71. Người trí chẳng nên nói lộ ra,
Một điều bí mật với đàn bà,
Với cừu địch, người ham tư lợi,
Hoặc bởi tình thân ái thiết tha.
Người tiết lộ ra điều bí mật,
Vì lo sợ bạn chẳng tin ta,
Về sau phải chịu làm nô lệ,
Cho chính kẻ kia thật dại khờ!
72. Càng nhiều người biết chuyện riêng tư,
Càng có thêm nhiều mối sợ lo,
Vậy chẳng nên phơi bày bí mật,
Ban ngày hãy đến một nơi xa,

Nói điều bí mật, còn đêm tối,
Hãy nói giọng nho nhỏ ấy mà,
Vì lắm người nghe lời nói ấy,
Nên lời ấy thoáng chốc tuôn ra.
Khi vua nghe bậc Đại Sĩ nói xong, liền nổi trận lôi đình và nghĩ thầm: "Các tên kia phản bội quân vương mà lại bảo bậc Trí giả phản bội ta". Vua liền bảo:

- Đem chúng ra khỏi thành đóng cọc qua thân chúng hay chặt đầu đi.

Bậc Trí giả thưa:

- Tâu Đại vương, họ là những cựu Đại thần của Đại vương, xin tha tội cho họ.

Vua chấp thuận, cho họ làm nô lệ, rồi phóng thích họ ra. Vua lại bảo:

- Thôi, chúng không được sống trong quốc độ ta nữa.

Rồi vua ban lệnh đuổi họ đi. Nhưng bậc Trí giả van xin vua tha tội lỗi mù quáng của họ, ngài xoa dịu vua và thuyết phục vua cho họ phục hồi chức vị cũ. Vua rất đẹp ý vì bậc Trí giả: đối với các kẻ thù ngài mà ngài từ bi như vậy, huống gì đối với các người khác. Từ đó, bốn vị hiền nhân như rắn mất răng, nọc độc đã hết, nên không còn nói gì được nữa, ta cũng biết vậy.

Đến đây chấm dứt Vấn đề Năm vị Hiền nhân hay chuyện Đại vu cáo.

28. CUỘC ĐẠI CHIẾN.

Sau thời kỳ này, ngài thường khuyến cáo vua về thế sự cũng như thánh sự, ngài nghĩ thầm: "Ta thật đúng là chiếc lọng trắng của đức vua, chính ta điều khiển việc nước. Vậy ta phải cảnh giác mới được".

Ngài truyền xây thành lũy quanh kinh thành. Dọc theo trường thành là các tháp canh, tại cửa thành giữa các tháp canh, ngài cho đào ba hào, một hào nước, một hào đất sét và một hào khô.

Bên trong kinh thành ngài bảo trùng tu các nhà xưa cũ, đắp bờ đê thật lớn làm hồ chứa nước kho vựa chứa đầy thóc. Các bậc khổ hạnh thân tín phải đem đất sét và hột giống sen ăn được từ vùng Tuyết Sơn về. Các ống nước được chùi rửa sạch sẽ, nhà cửa cũ ở ngoài thành cũngđược trùng tu. Mọi việc đó được làm để phòng hiểm họa trong tương lai. Các thương nhân từ mọi nơi đến đây đều được hỏi họ từ đâu lại, khi họ nói xong, họ được hỏi vua của họ thích gì, họ lại được ân cần tiếp đãi trước khi ra đi.

Rồi ngài cho triệu một trăm lẻ một quân sĩ đến bảo họ:

- Hỡi các binh sĩ của ta, các bạn hãy đem các tặng vật này đến một trăm lẻ một kinh thành dâng lên các vị vua ở đó để làm đẹp lòng các ngài. Hãy ở lại đó hầu hạ các ngài, vâng theo công việc và kế hoạch của các ngài và nhắn tin về cho ta rõ. Ta sẽ chăm sóc vợ con các bạn.

Ngài trao cho người này các hoa tai, người nọ đôi hài bằng vàng, vòng đeo cổ bằng vàng có khắc chữ lên đó mà ngài định sẽ cho chúng lộ ra khi cần phù hợp với mục đích của ngài. Đám quân sĩ ra đi mọi nơi, đem tặng vật dâng các quốc vương, và tâu rằng họ đến để phụng sự các ngài. Khi được hỏi họ từ đâu đến, họ nói tên của các kinh thành khác với nơi họ đã thực sự rađi. Lễ vật được nhận xong xuôi, họ ở lại đó phục dịch và cố gây lòng tin cậy.

Lúc bấy giờ tại quốc độ Ekabala có vị vua danh hiệu Samkhapàla đang chiêu mộ binh khí và tập hợp binh chủng. Người đi sứ đến yết kiến vua này liền gửi điệp về cho bậc Trí giả, nói: Ở đây hiện có tin loan như vậy, nhưng vị vua này dự mưu gì thì tiểu thần chưa rõ, xin ngài phái người đến tìm hiểu sự thật của vấn đề này.

Bậc Đại Sĩ liền gọi một con két và bảo:

- Hiền hữu hãy đi tìm xem vua Samkhapàla đang làm gì ở Ekabala, rồi chu du qua khắp cõi Diêm phù-đề (Ấn độ) và đem tin về cho ta.

Ngài cho nó ăn mật ong và hạt đậu, uống nước ngọt, xoa dầu vào các khớp xương cánh bằng một loại dầu thơm đã lọc cả trăm ngàn lần, rồi ngài đứng bên cửa sổ hướng Đông thả nó đi. Con két đi đến người ấy và tìm ra sự thật. Khi nó bay về, nó ngang qua toàn cõi Diêm-phù-đề đến kinh thành Uttarapañcàla thuộc quốc độ Kampilla.

Vị vua cai trị xứ này danh hiệu là Cùlani-Brahamadatta, có một quân sư về thế sự và thánh sự là một Bà-la-môn tên Kaevatta, một bậc hiền trí thông thái. Vị Bà-la-môn ấy, một buổi sáng kia, thức dậy nhìn quanh tư thất tráng lệ của mình dưới ánh sáng ngọn hoa đăng và trong khi nhìn vẻ nguy nga của tư thất, ông nghĩ thầm: "Cảnh huy hoàng này thuộc quyền ai? Chẳng ai hết ngoại trừ vua Cùlani. Một vị vua ban cảnh huy hoàng như thế này phải làm đại hoàng đế toàn cõi Diêm-phù-đề và ta sẽ là đại sư trưởng của ngài".

Thế là ông đi chầu vua thật sớm, sau khi vấn an vua có được ngon giấc chăng, ông thưa:

- Tâu Đại vương, tiểu thần có điều này xin tâu trình Đại vương.

- Đại sư cứ nói đi.

- Tâu Đại vương, chuyện bí mật không nên tiết lộ giữa kinh thành, xin hãy vào ngự viên .

- Được rồi, Đại sư.

Vua đi đến ngự viên cùng ông, để quân hầu ở ngoài, vào hoa viên xong, ngài ngồi xuống vương tọa. Con két trông thấy vậy, nghĩ chắc phải có điều gì dưới kia: "Hôm nay ta sẽ nghеđược câu chuyện, phải nhắn tin về bậc Trí giả, chủ nhân của ta".

Thế là nó bay vào hoa viên, đậy giữa đám lá Sàla của hoàng cung. Vua vừa bảo:

- Nói đi, Đại sư.

Ông đáp:

- Tâu Đại vương, xin Đại vương cúi xuống đây, kế này chỉ vừa cho bốn tai nghe thôi. Nếu Đại vương chịu nghe lời tiểu thần khuyên nhủ, tiểu thần sẽ tôn Đại vương lên làm Đại hoàng đế toàn cõi Diêm-phù-đề.

Vua nôn nóng nghe nên hoan hỷ đáp:

- Đại sư nói đi, trẫm sẽ làm theo ngay.

- Tâu Đại vương, ta hãy khởi binh, trước tiên tấn công một kinh thành ấy bằng cửa hậu và bảo vua ở đó: "Tâu Đại vương, Đại vương có chiến đấu cũng chẳng ích gì, hãy về phe tiểu thần, quốc độ của Đại vương xin cứ giữ lấy, còn nếu Đại vương chống binh hùng tướng mạnh của tiểu thần thì Đại vương sẽ đại bại". Nếu vị vua đó làm theo lời khuyên của tiểu thần, ta sẽ thâu nhận vị ấy, nếu không ta sẽ đánh và giết đi, rồi với hai đạo binh ta sẽ đi đánh chiếm một kinh thành khác, rồi một kinh thành khác nữa, cứ thế ta sẽ thâu nhập giang sơn toàn cõi Diêm-phù-đề và nâng chén rượu khải hoàn. Rồi ta sẽ đem cả trăm lẻ một vị vua về thành của ta, xây tửu điếm trong ngự viên, bắt các vua ấy vào đó uống độc dược, thế là giết toàn thể và quăng thây xuống sông Hằng. Ta nắm được cả trăm lẻ một kinh thành trong tay và Đại vương sẽ là chúa tể toàn cõi Diêm-phù-đề.

- Này Sư trưởng, thật là diệu kế, ta sẽ làm như vậy. Vua đáp.

- Tâu Đại vương, kế này chỉ cho bốn tai nghe mà thôi, không ai được biết đến. Không nên trì hoãn, mà phải tiến hành ngay lập tức.

Vua rất đẹp ý về lời khuyên này, nên quyết định là làm ngay. Nghe xong câu chuyện này, con két làm rớt cục phân trên đầu quân sư Kevatta như thể từ trên cành cây.

- Cái gì thế này?

Lão vừa kêu vừa nhìn lên, hoác há mồm, con két lại thả thêm một cục phân vào mồm lão vừa bay vụt đi vừa kêu:

- Két két, này Kevatta, ông tưởng kế của ông chỉ có bốn tai nghe thôi ư, nhưng bây giờ là sáu tai nghe rồi, dần dần sẽ đến tám tai và còn cả trăm tai nữa.

- Bắt lấy nó, bắt lấy nó!

Họ la lên, nhưng nhanh như gió, két đã bay về kinh thành Mithilà và vào cung thất của bậc Trí giả. Lúc bấy giờ két có thói quen như vầy: nếu là tin riêng từ bất cứ nơi nào chỉ dành cho bậc Trí giả mà thôi thì nó sẽ đậu trên vai ngài, nếu phu nhân Amarà cũng nghe được thì nó đậu trên lòng ngài, nếu cả hội chúng nghe được thì nó đậu dưới đất. Lần này nó đậu trên vai ngài, thấy dấu hiệu ấy, hội chúng của ngài đều rút lui, biết là chuyện bí mật.

Bậc Trí giả đem nó lên thượng lầu và hỏi:

- Này, két yêu quý, bạn đã nghe thấy gì?

Nó đáp:

- Thưa công công, tiểu thần không thấy hiểm họa từ vị vua nào trên toàn cõi Diêm-phù-đề, nhưng chỉ có Kevatta, sư trưởng của vua Cùlani tại kinh thành Uttarapañcàla, đem vua vào ngự viên bàn mưu tính kế riêng giữa hai người. Tiểu thần đậu trên cành cây thả cục phân vào mồm lão và bay về đây!

Rồi nó kể cho bậc Trí giả mọi điều nó đã nghe thấy. Ngài hỏi:

- Thế vua có chấp thuận chăng?

Con két đáp:

- Thưa có.

Sau đó bậc Trí giả chăm sóc con két thật chu đáo, đặt nó vào lồng vàng trải thảm thật êm. Ngài nghĩ thầm: "Chắc Kevatta không hề biết ta là Trí giả Mahosadha, ta không thể cho lão hoàn tất mưu kế được đâu". Ngài liền di cư đám người nghèo khó ra khỏi kinh thành và đem về từ khắp nơi trong nước, từ thôn quê, ngoại thành đến kinh đô định cư cho những gia đình giàu có thế lực và thu góp thật nhiều thóc lúa.

Còn vua Cùlani làm theo mưu kế của Kevatta, đem binh đi tấn công một kinh thành. Như lãođã đưa ý kiến, lão vào thành giải thích sự việc cho vua tại đó và chinh phục vị vua ấy. Rồi nhập hai đạo binh lại, vua Cùlani theo lời quân sư Kevatta tiến vào một quốc độ khác, cho đến khi thâu trọn các vua chúa trên toàn cõi Diêm-phù đề dưới quyền mình trừ vua Vedeha. Quân hầu của Bồ-tát vẫn tiếp tục thông báo cho ngài rõ tin: "Vua Brahmadatta đã chiếm các kinh thành kia, xin Đại sư canh phòng nghiêm mật". Ngài đáp lại: "Ta vẫn canh phòng ở đây, các người hãy cẩn thận, giữ mình đừng vô tâm xao lãng". Trong bảy năm bảy tháng bảy ngày vua Brahmadatta xâm chiếm toàn cõi Diêm-phù-đề, trừ thành Vedeha. Lúc ấy vua bảo Kevatta:

- Này Đại sư, chúng ta hãy đánh chiếm vương quốc Vedeha ở Mithilà.

- Tâu Đại vương-lão đáp-chúng ta sẽ chẳng bao giờ chiếm được kinh thành bậc Trí giả Mahosadha đang ở, vị ấy đầy tài trí và rất mưu lược.

Rồi lão kể dông dài về tài đức của bậc Đại Sĩ như thể vẽ vòng trên mặt trăng. Lúc bấy giờ chính lão ta cũng đầy mưu trí, nên lão nói:

- Quốc độ Mithilà quá nhỏ bé, toàn cõi Diêm-phù-đề cũng đủ cho ta lắm rồi.

Lão an ủi như vậy. Nhưng các vương hầu kia bảo:

- Không, ta sẽ đánh chiếm quốc độ Mithilà rồi hãy nâng chén rượu khải hoàn.

Kevatta lại phải ngăn cản họ, lão bảo:

- Chiếm quốc độ Vedaha nào có ích gì? Vua đó là chư hầu của ta rồi, trở lui đi.

Lão khuyến cáo họ như vậy. Họ đành nghe theo và rút lui. Quân hầu của bậc Đại Sĩ báo cho ngài biết vua Brahmadatta cùng một trăm lẻ một vị vua khác đang tiến tới Mithilà đã rút lui về kinh thành của họ. Ngài trả lời, bảo họ phải quan sát kỹ những việc mà vua này làm.

Lúc bấy giờ vua Brahmadatta bàn tính với Kevatta những việc làm kế tiếp. Đầy hy vọng sẽ nâng chén rượu khải hoàn, họ trang hoàng ngự viên, cho thị vệ đem rượu cả ngàn bình, bày yến tiệc linh đình đầy sơn hào hải vị, quân của bậc Trí giả cũng báo tin này cho ngài biết mưu kế đầu độc các vua bại trận, nhưng bậc Đại Sĩ đã biết nhờ con két kể lại với ngài. Ngài liền gửi lệnh bảo họ phải báo cho ngài biết ngày tổ chức đại lễ. Họ tuân lệnh. Lúc ấy ngài nghĩ thầm: "Nhiều vị vua phải chết như vậy trong lúc một kẻ có trí như ta còn sống là điều không hợp lý. Ta phải cứu giúp họ mới được". Ngài cho triệu mười ngàn binh sĩ cùng quê với ngài đến và bảo họ:

- Này các hiền hữu, có người cho ta biết vào ngày kia vua Cùlani muốn trang hoàng ngự viên để đối ẩm cùng một trăm lẻ một vì vua khác. Các hiền hữu hãy đến đó và trước khi có người nào ngồi xuống bảo tọa dành cho các vị vua, các bạn hãy chiếm lấy chỗ danh dự kế vua Cùlani, bảo: "Chỗ này dành cho Đại vương chúng thần." Khi họ hỏi các bạn là người của ai, xin cứ bảo họ là người của vua Vedeha. Họ sẽ la lớn lên: "Sao, trong bảy năm bảy tháng bảy ngày chúng ta đã chinh phục mọi quốc độ, mà chưa lần nào chúng ta thấy Đại vương Vedeha của các người. Vị vua ấy ra sao? Hãy đi tìm chỗ vua ấy ở cuối bàn tiệc". Các bạn phải la ầm ó lên và bảo: "Trừ vua Brahmadatta ra, không vị vua nào cao hơn Đại vương của chúng ta cả. Nếu chúng ta không tìm được bảo tọa cho Đại vương của chúng ta thì chúng ta sẽ không để yên cho quý đại vương hưởng yến tiệc đâu"...Rồi cứ thế la hét nhảy nhót khắp nơi, lấy gậy lớn đập các bình rượu, làm vung vãi thức ăn ra để không thể nào ăn được nữa, cứ chạy vùn vụt quađám tiệc ấy gây náo loạn như thể các thần Asura (A-tu-la) đánh chiếm kinh thành của chư Thiên, và gọi to lên: "Chúng ta là người của bậc Trí giả Mahosadha ở thành Mithilà, có giỏi thì cứ bắt chúng ta đi"...Như thế cho họ biết các hiền hữu đã đến đó, rồi trở về đây.

Họ tuân lệnh ra đi, đem đủ năm loại vũ khí và khởi hành. Họ vào ngự viên đã được trang hoàng chẳng khác nào vườn Nandana (Lạc Viên) trên thiên giới, ngắm mọi cảnh nguy nga lộng lẫy, các bảo tọa dành cho một trăm lẻ một vị vua, các lọng trắng được giương lên cùng nhiều bảo vật khác. Họ làm theo lời dặn của bậc Đại Sĩ, sau khi gây náo loạn giữa đám tiệc xong, họ trở về Mithilà.

Thị vệ của nhà vua tâu trình mọi sự việc xảy ra, vua Brahmadatta nổi trận lôi đình, vì mưu kếđầu độc các quốc vương kia đã hỏng, trong khi các quốc vương kia lại thịnh nộ vì mất uống chén rượu khải hoàn, quân sĩ cũng thịnh nộ vì lỡ dịp chè chén thỏa thích. Vì vậy Brahmadatta bảo các quốc vương kia:

- Này các hiền hữu, ta hãy cùng đến Mithilà chém đầu vua Vedeha, đạp chân lên đầu nó, rồi hãy trở về nâng chén khải hoàn, bảo ba quân sẵn sàng.

Rồi vị vua này đi nói riêng với Kevatta:

- Này, ta sẽ bắt lấy kẻ thù đã phá hoại diệu kế này với một trăm lẻ một quốc vương và mười tám đạo binh hùng hậu, ta sẽ đánh chiếm kinh thành đó. Mau lên Đại Sư.

Nhưng lão Bà-la-môn này đủ trí khôn để hiểu rằng họ sẽ không bao giờ bắt được bậc Trí giả Mahosadha, mà chỉ chuốc lấy nhục nhã thôi, phải can gián vua mới được. Vì thế lão nói:

- Tâu Đại vương, vua xứ Vedaha này không tài hùng trí dũng đâu, mọi việc trị dân đều ở trong tay bậc Trí giả Mahosadha, vị này rất thế lực. Thành Mithilà được vị này bảo vệ, chẳng khác nào con sư tử bảo vệ hang động của nó, không ai chiếm được đâu. Chúng ta sẽ chuốc lấy nhục nhã mà thôi. Đại vương đừng suy nghĩ đến việc đi đánh nữa.

Nhưng vua đang điên cuồng vì tính kiêu ngạo của chiến sĩ và say sưa đi chiếm nước chư hầu, liền kêu lên:

- Gã ấy làm gì được?

Rồi vua tiến lên, cùng với một trăm lẻ một vị quốc vương và mười tám đạo binh hùng hậu. Kevatta không thể nào thuyết phục vua nghe theo mình và cho rằng cản trở vua cũng hoài công, nên đành đi theo.

Nhưng một đêm kia các chiến sĩ về đến Mithilà tường trình với bậc Trí giả mọi việc đã xảy ra. Và các quân hầu mà ngài đã gửi đi phục dịch trước kia cũng nhắn tin rằng vua Cùlani đang cùng một trăm lẻ một quốc vương tiến lên đánh bắt vua Vedeha, vậy ngài phải đề phòng cẩn mật.

Các thông điệp gửi về tới tấp: "Hôm nay vua đang ở chốn này, hôm nay họ đã đến chỗ kia, hôm nay họ sẽ đến kinh thành". Nghe vậy bậc Đại Sĩ tăng cường phòng vệ gấp đôi. Vua Vedeha nghe tin đồn đãi khắp nơi rằng vua Brahmadatta đang tiến quân đến chiếm kinh thành.

Bấy giờ trời mới sẩm tối, vua Brahmadatta bao vây kinh thành bằng ánh sáng cả trăm ngàn ngọn đuốc. Vua này lại xiết chặt vòng vây bằng những hàng rào voi ngựa, chiến xa và sắp đặt từng đám quân sĩ vào những khoảng cách đều nhau, họ đứng đó la hét, búng tay, reo hò, nhảy múa, kêu gào dưới ánh sáng của ngọn đuốc và ánh phản chiếu của vũ khí, toàn kinh thành Mithilà như một đám lửa bừng sáng suốt bảy dặm, tiếng voi ngựa, xe pháo và người ta ầm ỉ làm mặt đất cũng muốn nứt ra. Bốn vị hiền thần nghe những làn âm thanh vang dội như thế, không biết phải xử trí ra sao, liền yết kiến vua:

- Tâu Đại vương, có cảnh tượng đại náo loạn mà chúng thần không biết chuyện gì, xin Đại vương hỏi xem sao?

Nghe vậy, vua nghĩ: "Chắc chắn Brahmadatta đã đến".

Ngài mở cửa sổ nhìn ra, khi ngài thấy vị vua kia đã đến thật, thì hốt hoảng bảo họ:

- Chúng ta sắp chết rồi, ngày mai chắc chắn chúng sẽ giết sạch chúng ta.

Vua quan cứ ngồi bàn bạc như vậy. Còn bậc Đại Sĩ khi thấy vua kia đã đến, ngài oai dũng như con sư tử, sắp đặt quân phòng vệ khắp kinh thành rồi đi lên cung điện trấn an vua. Vái chào vua xong, ngài đứng sang một bên. Vua phấn khởi khi thấy ngài, nghĩ thầm: Không ai có thể cứu ta được trừ bậc Trí giả Mahosadha".

Rồi vua nói với ngài như sau:

- Brahmadatta đã đến cùng với đám chư hầu, đạo binh Pañcàla này thật vô địch. Này Mahosadha, quân hầu đầu đội vai mang, bộ binh bao kẻ thiện chiến, sẵn sàng đi tàn sát, một cảnh đại náo loạn, tiếng trống chiêng vang dậy ngập trời, đây là nơi trổ tài sử dụng binh khí, nào cờ xí, kỵ binh mặc áo giáp, chiến sĩ anh hùng thắng trận vẻ vang. Cả mười bậc Trí giả lại đây, uyên thâm trí tuệ, mưu lược thần kỳ và vị thứ mười một chính là thái hậu đang cổ võ đạo binh Pañcàla. Đây là cả một trăm lẻ một vị vương hầu thiện chiến làm tùy tướng, quốc độ của họ đã bị chiếm đóng, họ đang kinh hoàng và chịu thần phục trước đạo binh của Pañcàla. Họ thề nguyện phụng sự vò vua này, dù muốn dù không, họ cũng nói thẳng họ phải làm như vậy, nay họ bắt buộc phải theo phe vua Pañcàla, vì họ ở dưới quyền vua này. Kinh thành Mithilà đang bị bao vây bởi đạo binh dàn trận ở ba chặng đường, tấn công vào đủ mọi mặt, thành bị bao vây mọi phía như thể muôn sao trên trời. Này Mahosadha, làm cách nào giải vây được chăng?

Khi bậc Đại Sĩ nghe vậy, ngài nghĩ thầm: "Vua này quá lo sợ cho mạng sống của mình. Lương y là nơi an trú của bệnh nhân, thức ăn là nơi an trú của người đói, thức uống là nơi an trú của người khát, nhưng chỉ mình ta là nơi an trú của vua này, ta phải trấn an ngài mới được". Rồi chẳng khác nào con sư tử gầm thét trên cao nguyên Hồng thổ ở Tuyết Sơn, ngài la to:

- Xin Đại vương chớ sợ, xin cứ an hưởng cảnh cung đình. Như tiểu thần thường ném hòn đất dọa con quạ, lấy cung dọa con khỉ, thần sẽ giải tán đạo quân ấy, cho chúng không còn một manh giáp nữa.

Rồi ngài ngâm kệ:

70. Đại vương hãy duỗi thẳng đôi chân,
Mở hội vui chơi, tiệc uống ăn,
Chốc lát Brah-ma, vua địch ấy,
Sẽ đào tẩu, bỏ mặc binh hùng.

Sau khi trấn an vua, bậc Trí giả ra ngoài ban lệnh đánh trống hội khắp kinh thành cùng với lời huấn dụ:

- Nghe đây, toàn dân chớ kinh sợ. Hãy sắm sửa tràng hoa, hương trầm, nước hoa, thức ăn uống mở hội trong bảy ngày. Dân chúng muốn ở đâu tùy ý, uống rượu thật say sưa, ca múa vui chơi, gào thét, nô đùa, búng tay tùy thích, mọi phí tổn ta sẽ chịu hết. Ta là bậc Trí giả Mahosadha, hãy xem oai lực của ta đây.

Cứ thế ngài khích lệ toàn dân. Họ vâng lệnh ngài, người bên ngoài nghe tiếng ca nhạc tưng bừng, người ta ra vào bằng cửa hậu. Lúc bấy giờ họ không có tục lệ bắt kẻ lạ mặt trừ ra kẻ thù địch, cho nên lối ra vào mở ngỏ. Do đó, những kẻ này thấy dân chúng đang mải mê vui đùa ca hát, còn vua Cùlani nghe tiếng ồn ào trong kinh thành liền bảo các quần thần:

- Này các khanh, xem đây quân ta bao vây kinh thành này với mười tám đạo binh hùng hậu, thế mà dân chúng không tỏ vẻ lo âu sợ hãi, lại còn vui chơi thỏa thích, ca hát, búng tay, nhảy nhót tưng bừng, thế là nghĩa lý gì?

Lúc ấy các quân hầu được ngài gửi đi phục dịch ở nước ngoài trước đây liền nói dối như sau:

- Tâu Đại vương,chúng thần có việc vào thành bằng cửa hậu, thấy dân chúng đang mải mê vui chơi đã hỏi: "Tại sao các người quá vô tâm chểnh mảng trong khi mọi quân vương toàn cõi Diêm- phù-đề đang bao vây kinh thành của các ngươi?" Họ liền đáp: "Khi quốc vương của chúng ta còn bé, ngài có ước nguyện tổ chức hội hè bao giờ tất cả quốc vương toàn cõi Diêm-phù-đề đến bao vây kinh thành. Bây giờ ước nguyện đã thành nên ngài liền ban lệnh khắp nơi và chính ngài cũng tổ chức hội hè trong cung".

Nghe vậy vị vua này nổi trận lôi đình, gọi một đoàn quân ra ban lệnh:

- Hãy phân tán ra khắp kinh thành, lấp hào phá thành, san bằng tháp canh, vào thành, chặt đầu vua Vedeha đem đến đây cho ta.

Thế là các chiến sĩ dũng cảm trang bị đủ loại vũ khí, rầm rộ tiến vào cổng thành, lại được quân của bậc Trí giả hỗ trợ với vũ khí nóng đỏ rực, nhưng rồi họ bị ném bùn, đá như mưa rào. Khi họ đứng dưới hào phá tường, quân lính trên tháp canh chống trả bằng cung tên, lao, giáo bắn xuống, quân của bậc Trí giả vừa chế nhạo quân của vua Brahmadatta bằng bộ điệu tay chân, vừa la lớn:

- Nếu các ngươi không bắt được ta, thì hãy ăn uống một tí nào.

Họ giơ ra những chén rượu nồng và xiên cá thịt mà họ đang ăn uống dạo chơi quanh tường. Quân địch không làm gì được, đành trở về trình với vua Cùlani:

- Tâu Đại vương, chẳng ai vào thành được trừ khi kẻ có thần thông.

Vua kia đợi bốn năm ngày không tìm được kế gì chiếm thành như ý muốn, lại hỏi Kevatta:

- Này Đại Sư, ta không thể chiếm thành này, không ai có thể đến gần thành được cả, làm sao bây giờ?

- Tâu Chúa thượng, đừng ngại gì, kinh thành này lấy nước từ bên ngoài, ta sẽ cắt nguồn nước và chiếm được thành. Chúng sẽ kiệt quệ vì thiếu nước và sẽ mở cửa thành.

Vua đáp:

- Thật là diệu kế.

Sau đó họ cản trở dân chúng đến gần nguồn nước. Quân do thám của bậc Trí giả viết tin trên một ngọn lá buộc vào mũi tên bắn đi nhắn cùng ngài rõ. Lúc bấy giờ ngài đã ra lệnh hễ ai thấy ngọn lá buộc vào mũi tên phải đem dâng ngài. Một người thấy vật này liền đem trình bậc Trí giả. Ngài đọc tin xong, nghĩ thầm: "Vua ấy không biết ta là bậc Trí giả Mahosadha". Ngài cho lấy những thanh tre dài chừng sáu mươi cubit (gần ba mươi mét) chẻ đôi ra, bỏ hết các mắt, rồi cột lại, bọc da bên ngoài và trét bùn lên.

Ngài lại cho lấy đất và hột sen do các ẩn sĩ đem về từ Tuyết Sơn, trồng hột sen trong bùn bên cạnh hồ nước, đặt tre lên và đổ đầy nước vào. Qua một đêm sen mọc và trổ hoa, cao hơn đọt tre chừng

hai thước. Ngài nhổ lên đưa cho quân hầu mang đến dâng vua Brahmadatta. Họ cuộn tròn cọng sen lại, ném qua thành, kêu to:

- Này quân hầu của vua Brahmadatta, đừng để chết đói vì thiếu lương thực, đây ta cho các ngươi mang hoa lên và ăn ngó sen vào cho đầy bụng.

Một người trong đám quân do thám của bậc Trí giả lượm cọng sen mang vào dâng vua:

- Tâu Đại vương, đây là cọng sen, chưa bao giờ có cọng sen dài như thế này cả.

Vua bảo:

- Đo thử xem.

Họ đo và thấy chúng dài cả gần bốn mươi mét chứ không phải ba mươi. Vua hỏi:

- Sen này mọc ở đâu?

Họ bịa chuyện đáp:

- Tâu Đại vương, một ngày nọ, vì thèm rượu, tiểu thần vào thành bằng cửa hậu và thấy các hồ nước lớn được đào cho dân chúng vui chơi. Có một đám người trên thuyền đang hái sen. Cây sen này mọc cạnh bờ hồ, chứ còn những cây mọc dưới nước sâu chắc phải cao cả trăm cubit.

Nghe vậy, vua bảo Kevatta:

- Này Đại Sư, ta không thể chiếm thành bằng cách cắt nguồn nước đâu, thôi đừng cố đánh chiếm thành này nữa.

Lão đáp:

- Thôi được, ta sẽ chiếm thành bằng cách cắt nguồn lương thực vì kinh thành này lấy lương thực từ ngoài vào.

- Này Đại sư, thật là diệu kế.

Bậc Trí giả đã biết trước việc này nên nghĩ thầm: "Vua ấy không biết ta là bậc Trí giả Mahosadha".

Dọc theo trường thành ngài đổ đất bùn và trồng lúa. Lúc bấy giờ ước nguyện của Bồ-tát bao giờ cũng đạt thành, nên qua một đêm lúa mọc vượt lên cả ngọn thành. Vua Brahmadatta thấy vậy liền hỏi:

- Này hiền hữu, cây gì mọc xanh um trên ngọn thành vậy?

Quân do thám của bậc Trí giả đáp lại ngay như thể chụp lấy lời nói của vị vua này:

- Tâu Đại vương, bậc Trí giả Mahosadha là con nhà nông, đã thấy trước tai hoạ sắp đến nên đã thu góp thóc khắp nơi về chứa đầy kho vựa, ném đồ dư thừa trên trường thành, chắc chắn lúa này

gặp đủ nắng mưa sẽ mọc cây rất nhanh. Một bữa nọ, chính tiểu thần có việc vào thành bằng cửa hậu, lượm một nắm thóc trong đống thóc trên thành vãi ra đường, liền bị dân

chúng chế nhạo, la lên: -"Chắc anh đói lắm, vậy hãy lấy một ít thóc buộc vào chéo vạt áo, mà đem về nhà nấu ăn".

Nghe vậy vua bảo Kevatta:

- Này Đại sư, cắt nguồn lương thực ta cũng không chiếm được thành này đâu, việc đó không đúng cách.

- Tâu Đại vương, thế thì ta sẽ chiếm thành bằng cách cắt nguồn cung ấp than củi từ bên ngoài.

- Được rồi, Đại sư.

Bồ-tát cũng đã biết trước chuyện này nên ngài cho chặt củi thành đống, cao hơn cả lúa nữa. Dân chúng lại chế nhạo quân lính của vua Brahmadatta, bảo:

- Nếu các anh đói thì lấy củi này mà nấu nướng thức ăn.

Vừa nói họ vừa ném những thanh củi lớn xuống.

Vua hỏi:

- Củi nào chất cao hơn cả trường thành vậy?

Các thám tử đáp:

- Vị này con nhà nông thấy được hiểm họa sắp đến, nên thu góp than củi chất đống trước mọi nhà còn thừa ngài chất bên lề thành đó.

Vua bảo Kevatta:

- Này Đại sư, ta cũng không thể chiếm thành bằng cắt nguồn than củi đâu, kế này chẳng cần thiết nữa.

- Tâu Đại vương chớ ngại, tiểu thần đã có cách khác.

- Kế gì vậy Đại sư? Trẫm thấy các mưu kế của khanh đều không có kết quả gì, ta không thể chiếm được Vedeha đâu. Thôi ta hãy rút quân về.

- Tâu Đại vương, nếu có ai bảo vua Cùlani cùng một trăm lẻ một quốc vương không chiếm nổi thành Vedeha thì chúng ta sẽ mang nhục mà thôi. Mahosadha không phải là một bậc Trí giả duy nhất trên đời, vì tiểu thần cũng là bậc Trí giả, tiểu thần sẽ dùng mưu lược.

- Mưu gì vậy, Đại sư?

- Chúng ta sẽ bày trận Pháp chiến.

- Thế nghĩa là gì?

- Tâu Đại vương, là không cần đánh trận nào cả, chỉ có hai bậc Trí giả của hai vị vua đến một nơi nào đó và kẻ nào cúi chào người kia, sẽ bại trận.

Mahosadha không biết ý định này, tiểu thần già hơn, gã ấy trẻ tuổi hơn, nên khi gã thấy tiểu thần, gã sẽ chào trước. Thế là ta sẽ chiếm lấy Vedeha, xong việc này ta sẽ hồi

hương và như vậy ta mới khỏi bị nhục. Đó là trận Pháp chiến mà tiểu thần muốn tâu trình.

Nhưng Bồ-tát đã biết trước chuyện bí mật này rồi: "Nếu ta để cho Kevatta thắng ta như vậy thì ta đâu phải là người có trí". Còn vua Brahmadatta bảo:

- Thật là đại diệu kế.

Rồi vua viết điệp gửi cho vua Vedeha bằng cửa hậu, báo tin: "Ngày mai sẽ có trận Pháp chiến giữa hai vị trí giả, vị nào không chịu tham chiến được xem như bại trận".

Nhận được điệp này, vua Vedeha cho triệu bậc Trí giả đến kể chuyện, ngài đáp:

- Hay lắm, tâu Đại vương, xin Đại vương truyền sứ giả đưa tin chuẩn bị nơi chốn dành cho trận Pháp chiến; bên cổng Tây, sẽ dàn binh ở đó.

Rồi ngài trao bức điệp cho sứ giả, và hôm sau chuẩn bị nơi dành cho trận Pháp chiến để chứng kiến cảnh thảm bại của Kevatta. Nhưng cả trăm lẻ một vị quốc vương không biết chuyện sẽ xảy ra, nên vây quanh Kevatta để bảo vệ lão. Các vị vua này đến nơi chiến địa, đứng nhìn về phía đông, nơi bậc trí giả Kevatta đã đến. Tuy nhiên, sáng hôm đó, Bồ-tát đã tắm rửa nước thơm, mặc cẩm bào Kàsi trị giá cả trăm ngàn đồng tiền, trang sức lộng lẫy và sau một bữa điểm tâm thịnh soạn, ngài cùng đám tùy tùng đông đảo đi đến cửa cung. Khi được triệu vào, ngài vái chào vua xong, ngồi sang một bên.

- Sao đó, Trí giả Mahosadha? Vua hỏi.

Ngài đáp:

- Tâu Đại vương, tiểu thần sắp ra chỗ lâm chiến.

- Thế còn trẫm phải làm gì đây?

- Tâu Đại vương, tiểu thần muốn thắng Kevatta bằng viên bảo ngọc, vậy tiểu thần cần có viên bảo ngọc bát giác ấy.

- Vương nhi cứ lấy đi.

Ngài nhận lấy bảo ngọc, tạ từ vua ra đi, có cả ngàn chiến sĩ vây quanh, đó là các thân hữu từ thuở bé của ngài, ngài ngồi vào chiếc bảo xa do đoàn bạch mã thuần giống kéo, đáng giá cả chín mươi ngàn đồng tiền . Vào giờ ngọ ngài đến cổng thành.

Kevatta đứng chờ ngài đến, vừa bảo:

- Kìa gã đến, kìa gã đến!

- Lão vừa nghểnh cổ dài ra, ướt mồ hôi dưới ánh nắng gay gắt. Bậc Đại sĩ cùng đoàn tùy tùng như biển dậy sóng, như sư tử vươn mình, oai nghi trầm tĩnh ban lệnh mở cửa thành, ra khỏi kinh thành xong, ngài xuống xe như con sư tử vùng dậy, rảo bước. Cả trăm lẻ một vị quốc vương chiêm ngưỡng vẻ uy nghi cao cả của ngài, liền reo hò tung hô ngài vang dậy:

- Đây bậc Trí giả Mahosadha, nam tử của Sirivaddha, người có trí tuệ tối thượng trong toàn cõi Diêm-phù-đề.

Chẳng khác nào Thiên chủ Sakka được chư thiên vây quanh, trong vẽ huy hoàng cao cả vô thượng, ngài cầm viên bảo ngọc trong tay, đứng trước Kevatta. Còn Kevatta vừa trông thấy ngài đã không thể nào đứng yên được mà tiến lên đón ngài bảo:

- Này bậc Trí giả Mahosadha, hai ta đều là bậc trí giả và dù xưa nay ta ở gần ngài, ngài chưa hề gửi tặng ta vật nào cả, vì cớ gì vậy?

Bậc Đại Sĩ bảo:

- Thưa bậc Trí giả, tiểu đệ đã cố công kiếm một tặng vật thật xứng đáng với ngài và hôm nay tiểu đệ tìm ra viên ngọc bảo châu này, xin bậc Trí giả nhận lấy, vì không có viên ngọc thứ hai như vậy trên đời.

Vị kia thấy viên bảo ngọc sáng ngời trong tay ngài tưởng rằng ngài muốn đưa ra tặng, liền bảo:

- Vậy thì xin trao ngọc cho ta.

Rồi lão đưa tay ra, xin nhận lấy. Bậc Đại Sĩ vừa nói, vừa dang tay ném viên ngọc trên đầu ngón tay của bàn tay lão dang ra. Nhưng lão Bà-la-môn không đỡ được viên ngọc trong các ngón tay nên nó tuột xuống và lăn tới chân Bồ-tát. Lão lại quá thèm viên ngọc nên cúi xuống chân ngài. Lúc ấy bậc Đại sĩ không để cho lão ngẩng lên, lấy một tay ấn vai lão xuống và tay kia chộp bụng lão, kêu to:

- Này Đại sư, ngẩng lên chứ, ngẩng lên chứ, ta trẻ hơn ngài nhiều, chỉ đáng cháu chắt ngài, đừng cúi chào ta chứ!

Ngài vừa nói vậy mãi, vừa chà mặt mũi lão xuống đất đến chảy máu, rồi lại bảo:

- Này tên ngu si mê muội kia, ngươi cứ tưởng sẽ được ta cúi đầu chào ngươi hay sao?

Ngài chụp lấy cổ áo lão ném thật xa. Lão văng đi xa cả bốn mươi thước mới bò dậy chạy trốn mất. Lúc ấy quân hầu của bậc Đại Sĩ lượm viên bảo ngọc lên, nhưng âm thanh của lời Bồ-tát: "Ngẩng lên đi, đừng cúi đầu chào ta như vậy!" vang dội át cả tiếng reo hò của đám đông. Dân chúng reo hò nhất loạt:

- Bà-la-môn Kevatta cúi chào chân bậc Trí giả!

Tất cả các vua, từ Brahmadatta đến các vị vua kia, đều thấy Kevatta cúi đầu xuống chân bậc Đại sĩ. Họ đều nghĩ thầm: "Bậc Trí giả của ta đã cúi đầu chào bậc Đại Sĩ, chúng ta thua trận rồi. Ngài sẽ giết hết bọn ta bây giờ", ai nấy đều lên ngựa chạy trốn đến thành Uttarapañcàla . Quân của Bồ-tát thấy họ chạy trốn, lại la hét vang trời:

- Vua Cùlani đang tẩu thoát cùng một trăm lẻ một vị vương hầu.

Nghe vậy, các vương hầu càng hoảng hốt, chạy dài, tan rã cả đại đạo binh trong khi quân của Bồ tát reo hò mỗi lúc càng vang dậy hơn. Bậc Đại Sĩ cùng đám tùy tùng trở về kinh thành trong khi đạo binh của vua Brahmadatta tháo chạy tán loạn suốt ba dặm

đường. Kevata lên ngựa gặp đạo binh, liền chùi vết máu trên trán, la lên:

- Này đừng chạy, ta có cúi đầu chào thằng khốn kiếp đó đâu. Dừng lại, dừng lại!

Nhưng đạo binh không nghe, còn chế nhạo, phỉ báng lão:

- Này lão Bà-la-môn khốn nạn kia, lão là kẻ có tội, lão bày ra trận Pháp chiến rồi lại cúi đầu chào thằng trẻ ranh chỉ đáng cháu chắt lão, chuyện ấy chẳng đáng đời lão hay sao?

Họ không còn nghe lão nữa và cứ tiếp tục đi về. Lão chạy vụt vào đám quân kêu lên:

- Này các người phải nghe ta, ta có cúi chào nó đâu, nó lấy viên ngọc lừa ta mà.

Rồi lão dùng đủ mọi cách thuyết phục các vị vương hầu tin lời lão và thu nhập đám tàn quân.

Lúc bấy giờ đám quân này quá đông đảo, ví thử mỗi người trong đó lượm được một hòn đá hay nắm đất ném vào hào cũng đủ lấp đầy hào và còn chất đống cao lên bằng trường thành; nhưng ta biết rằng ý nguyện của Bồ-tát đã đạt thành, nên không có ai ném đất đó vào kinh đô cả. Họ rút lui về vị trí cũ, rồi vua hỏi Kevatta:

- Này Đại sư, ta phải làm gì bây giờ?

- Tâu Đại vương, ta đừng cho ai ra cửa hậu nữa và cắt mọi mối giao thông. Dân chúng không ra vào được sẽ sinh chán nản và mở cửa thành. Lúc ấy ta sẽ bắt được quân thù.

Bậc Trí giả cũng được báo tin về vấn đề này như trước, nên ngài nghĩ thầm: "Nếu họ đóng quân ở đây lâu, thì chúng ta không sống yên ổn được, vậy ta hãy tìm cách tống họ đi, ta sẽ đặt chiến lược đuổi họ về".

Thế là ngài đi tìm một người thông thạo các việc này và kiếm ra được một kẻ tên Anukevatta. Ngài bảo ông này:

- Này Đại sư, ta có một việc muốn nhờ ông thi hành.

- Thưa bậc Trí giả, tiểu thần phải làm gì? Xin cho biết.

- Ông hãy đứng trên trường thành, thừa lúc quân ta vô ý, hãy lập tức ném kẹo bánh, cá thịt và các thức ăn khác xuống cho quân của Brahmadatta, rồi bảo: "Này ăn đi đừng ngã lòng, gắng ở đây thêm ít hôm nữa, chẳng mấy chốc dân chúng như gà mái trong rọ sẽ tự mở cổng thành rồi các người vào mà bắt lấy vua Vedeha và gã con trai nông dân khốn kiếp kia". Quân ta nghe vậy sẽ mắng nhiếc ông tàn tệ rồi trói tay chân ông lại trước quân của Brahmadatta và giả bộ lấy gậy tre đập ông, kéo ông xuống, buộc tóc ông thành năm chòm, phết đất bùn lên người ông, đeo chùm hoa Kanavera dành cho tử tội vào cổ ông, quất ông vun vút cho đến khi nổi lằn roi trên lưng ông, rồi lại đem ông lên trường thành trói ông lại, thòng dây thừng thả ông xuống chỗ đóng quân của Brahmadatta thét to: "Cút đi, quân phản bội".

Lúc ấy ông sẽ được dẫn đến trước vua vua Brahmadatta, vua này sẽ hỏi ông về việc sỉ nhục kia, ông phải trình bày với vua ấy: "Tâu Đại vương, ngày xưa tiểu thần đã được nhiều vinh hiển nhưng gã con trai nhà nông ấy đã vu cáo tiểu thần phản bội đức vua,

nên tiểu thần bị tướcđoạt tất cả giàu sang danh vọng. Tiểu thần muốn lấy đầu kẻ đã phá hại mình và vì thương tưởng quân của Đại vương đang thối chí nản lòng, nên đem cho họ thức ăn uống. Do vậy nhớ đến mối thù cũ trong lòng, gã lại làm tiểu thần thân tàn ma dại như thế này. Tâu Đại vương, quân của Đại vương đều biết rõ chuyện này".Như vậy bằng mọi cách ông phải chiếm được lòng tin của vua rồi tâu với vua ấy: "Tâu Đại vương, bây giờ đã có tiểu thần, xin Đại vương chớ lo âu nữa. Vua Vedeha và gã con trai nông dân kia phải chết thôi! Thần biết rõ mọi yếu điểm cùng nhược điểm của bức trường thành này. Tiểu thần biết nơi nào dưới hào có cá sấu, nơi nào không. Chẳng mấy chốc tiểu thần xin dâng trọn kinh thành này vào tay Đại vương".

Vua ấy sẽ tín dụng ông và quý trọng ông, giao cho ông thống lãnh đạo binh. Sau đó ông phải đưa đạo binh xuống nơi đầy đặc rắn rít, cá sấu, chúng sợ hãi sẽ không chịu xuống. Lúc ấy ông phải trình vua: "Tâu Đại vương, quân sĩ của Đại vương đã bị gã con trai nhà nông ấy làm tan rã mất rồi, không còn người nào, thậm chí cả Đại sư Kevatta và các vương hầu đều bị mua chuộc . Họ chỉ rảo quanh quẩn rình rập Đại vương thôi, chứ họ thành người tay chân của gã nông dân ấy cả rồi, chỉ còn một mình tiểu thần là tôi trung của Đại vương, nếu Đại vương không tin tiểu thần, xin Đại vương ban lệnh cho các vương hầu mặc triều phục đến chầu Đại vương. Sau đó, Đại vương quan sát y phục của họ, đồ trang sức, cung kiếm của họ xem, thảy đều do gã con trai nhà nông dân ấy tặng và khắc tên gã vào, rồi ngài biết chắc mọi việc".

Vua ấy sẽ y lời và tin chắc như vậy, nên lo sợ phải đuổi các vương hầu về xứ. Rồi vua ấy sẽ hỏi: "Kế đó phải làm gì". Ông phải đáp: "Tâu Đại vương, gã nông dân ấy đầy mưu lược tài trí, nếu Đại vương còn ở đây vài ngày nữa, gã sẽ chiếm cả đạo quân và bắt lấy Đại vương. Vậy xin Đại vương chớ chậm trễ ngay đêm nay vào canh giữa ta hãy lấy ngựa lên đường đừng để phải chết trong tay kẻ thù". Vua ấy sẽ nghe theo lời khuyên của ông và trong khi vua ấy đào tẩu, ông hãy trở lui báo cho dân chúng ta rõ.

Nghe vậy Anukevatta đáp:

- Thưa bậc Trí giả, được lắm, tiểu thần xin nghe theo lời của ngài.

- Vậy thì xin ông ráng chịu vài cái đấm đá.

- Thưa bậc Trí giả, ngài muốn làm gì tấm thân hèn này cũng được, chỉ xin tha mạng và toàn gia được an lành.

Thế là sau khi tỏ lòng ân cần quý trọng gia quyến Anukevatta, ngài ban lệnh đem ông ấy ra hành hạ tàn tệ như trên rồi mang giao cho quân của vua Brahmadatta. Vua này thử lòng ông xong lại tin dùng, quý trọng và giao cho ông việc điều khiển đạo binh. Ông liền mang quân sĩ đến những nơi đầy rắn rít, cá sấu, khiến họ kinh hoảng, rồi lại bị tên giáo, lao trên pháo đài bắn xuống bị thương nên sau đó không còn ai dám cả gan đến gần nữa.

Lúc ấy, Anukevatta yết kiến vua và nói:

- Tâu Đại vương, không còn ai chiến đấu cho Đại vương nữa rồi, tất cả đều bị mua chuộc. Nếu Đại vương không tin tiểu thần, xin Đại vương triệu các vương hầu đến chầu

rồi xem chữ khắc trên y phục và quân trang của họ.

Vua y lời và khi thấy những chữ khắc trên quân trang quân phục của họ, ông tin chắc họ đều bị mua chuộc cả, nên ông hỏi:

- Đại sư, vậy phải làm gì bây giờ?

- Tâu Đại vương, không còn làm gì được nữa cả.

Nếu Đại vương chậm trễ, gã nông dân ấy sẽ bắt lấy Đại vương mất thôi. Tâu Đại vương, nếu Đại sư Kevatta phải ra đường với vết thương trên trán, Đại sư cũng đã lấy của đút lót, Đại sư đã nhận viên bảo ngọc ấy, khiến Đại vương phải tìm đường tẩu thoát suốt cả ba dặm đường rồi lại được Đại vương tin cậy và rước Đại vương trở về. Đó là một phản thần! Tiểu thần không thể tuân lệnh lão ấy dù chỉ một đêm, vậy ngay đêm nay vào canh giữa Đại vương phải tẩu thoát. Đại vương không còn ai là thân hữu trừ tiểu thần cả.

- Này Đại sư, vậy thì khanh phải đem ngựa và xe của trẫm đến đây sẵn sàng.

Thấy vua đã quyết tâm đào tẩu, ông liền trấn an vua bảo đừng lo sợ gì, rồi đi tìm các thám tử bảo rằng vua sẽ đào tẩu đêm nay, họ đừng tính chuyện ngủ nghỉ nữa. Kế đó ông lại chuẩn bị vương mã, sắp đặt đây cương sẵn sàng để cho vua càng kéo dây thì ngựa càng chạy nhanh hơn. Vào nửa đêm, ông tâu:

- Tâu Đại vương, vương mã đã sẵn sàng, đến giờ khởi hành rồi.

Vua liền lên ngựa tẩu thoát, Anukevatta cũng lên ngựa như thể tháp tùng vua, nhưng chỉ được một khoảng, ông trở lui và vương mã theo sự sắp xếp dây cương sẵn sàng, đã phi thật nhanh khi vua kéo dây thúc ngựa. Sau đó Anukevatta đến giữa ba quân thét vang:

- Vua Cùlani Brahmadatta đã tẩu thoát!

Các thám tử và tùy tùng đều thét lên như vậy.Các vương hầu kia, nghe tiếng ồn ào, hoảng hốt nghĩ thầm: "Bậc Trí giả Mahosadha ắt hẳn đã mở cổng thành, ta sẽ chết mất thôi".

Họ chỉ còn nhìn thoáng các vật dụng cùng các món giải trí, rồi chạy trốn. Đám người kia lại la to hơn:

- Các vương hầu đã tẩu thoát!

Nghe tiếng ồn ào các quân sĩ đang ở cổng thành và các tháp canh la hét vỗ tay ầm ĩ.

Rồi toàn thể nội thành cũng như ngoại thành đều ra hô vang dậy như thể quả đất nứt nẻ ra hay đại dương tan tành, trong khi vô số quân sĩ trong đạo binh hùng mạnh kia kinh hoảng vì sợ chết, lại không nơi nương tựa hay ẩn náu, liền thét vang:

- Vua Brahmadatta đã bị bậc Trí giả Mahosadha bắt đi cùng với một trăm lẻ một vương hầu rồi!

Họ liền tháo chạy tán loạn, ném bỏ cả tấm khố quanh lưng. Chiến trường bị bỏ hoang, vua Cùlani về kinh thành của mình cùng với một trăm lẻ một tướng lãnh vương hầu kia.

Sáng hôm sau, quân sĩ mở cửa thành đi vào thấy đủ các chiến lợi phẩm, liền trình với bậc Đại Sĩ và hỏi ý những việc phải làm. Ngài bảo:

- Các vật dụng họ để lại đều là của ta. Các ngươi hãy dâng đức vua những vật dụng của các vương hầu, đem cho ta những vật dụng của Kevatta và của những tướng lãnh khác, còn lại bao nhiêu để cho dân chúng lấy đi.

Cả nửa tháng ròng mới lấy hết các châu báu và vật dụng quý giá, bốn tháng sau mới thu dọn hết mọi đồ vật khác. Bậc Đại Sĩ ban tặng đại vinh hiển cho Anukevatta. Từ đó dân chúng Mithilà có vô số vàng ngọc.

29. ĐƯỜNG HẦM VĨ ĐẠI.

Lúc bấy giờ vua Brahmadatta cùng các vương hầu ấy đã sống một năm ở kinh thành Uttarapãncàla.

Một ngày kia, Kevatta nhìn bóng mình trong gương, thấy vết sẹo trên trán, nghĩ thầm: "Cái này là do gã nông dân ấy gây ra, gã biến ta thành trò cười trước các vương hầu ấy". Lão thấy uất hận tràn ngập trong lòng, lão nghĩ thầm: "Làm sao trừ khử nó? Ồ mưu kế này đây. Công chúa của ta là Pãncàlacandì, có nhan sắc tuyệt thế, chẳng khác nào tiên nữ trên trời. Ta sẽ cho vua Vedeha thấy nàng. Vua ấy sẽ say mê nàng như thể cá mắc câu. Ta sẽ bắt lấy vua cùng gã Mahosadha và giết trọn cả hai rồi nâng chén rượu mừng chiến thắng". Quyết định như thế xong, lão đến chầu vua:

- Tâu Đại vương, thần xin dâng ý kiến này.

- Này Đại sư, ý kiến của khanh đã làm trẫm không còn mảnh vải che thân nữa. Bây giờ khanh còn muốn gì nữa đây? Hãy bình tâm lại.

- Tâu Đại vương, chưa bao giờ có mưu kế nào sánh với kế này được.

- Vậy khanh hãy nói đi.

- Tâu Đại vương, xin chỉ nói riêng giữa Đại vương và tiểu thần.

- Thì hẳn là vậy.

Lão Bà-la-môn liền đưa vua lên thượng lầu và nói:

- Tâu Đại vương, thần sẽ lôi cuốn vua Vedeha bằng tham dục để đem cho được vua ấy về đây và giết đi.

- Này Đại sư, thật là diệu kế, nhưng phải làm sao để gợi tham dục của vua ấy được?

- Tâu Đại vương, công chúa Pãncàlacandì có sắc đẹp vô song, ta sẽ bảo các thi sĩ ca tụng nhan sắc và đức hạnh của nàng bằng thi ca rồi phổ biến các bài ca đó tại thành Mithilà. Khi nào ta thấy vua ấy tự nhủ thầm: "Nếu vị anh quân Vedeha không chiếm được nữ báu này, thì ngai vàng cùng quốc độ này còn nghĩa lý gì nữa đối với ta!". Khi vua ấy đã

bị lôi cuốn vào tư tưởng kia, thần sẽ đi định ngày sính lễ, vào ngày đã định, vua ấy sẽ đến. Như cá nuốt câu, gã nông dân kia cũng đến với vua, thế là ta sẽ nuốt trọn.

Vua nghe vậy đẹp ý và chấp nhận ngay.

- Này Đại sư, thật là diệu kế, ta sẽ làm như vậy.

- Nhưng có một con chim mayneh đứng bên cạnh vương sàng, đã ghi nhận sự việc trên.

Sau đó vua cho gọi các thi sĩ tài hoa, ban tiền bạc rất hậu hỷ, cho họ được chiêm ngưỡng công chúa rồi bảo họ làm thơ ca tụng nhan sắc nàng, nên họ làm những bài ca vô cùng du dương rồi ngâm thơ cho vua nghe. Vua lại ban thưởng họ rất trọng hậu. Các nhạc sĩ học các bài ca này từ các thi sĩ kia, đem ra hát giữa dân chúng, nhờ vậy chúng được truyền bá rất nhanh ra ngoại thành. Khi chúng đã lan rộng khắp nơi, vua cho triệu các ca sĩ vào và phán:

- Này các con, ban đêm hãy trèo lên cây cùng với chim chóc và ca hát, rồi sáng mai, buộc chuông lục lạc vào cổ chúng, thả chúng bay đi xong, trèo xuống.

Vua cho thi hành việc này để thế nhân có thể bảo chính chư Thiên ca tụng sắc đẹp của công chúa Pãncàla. Vua lại triệu các thi sĩ kia vào và phán:

- Này các con hãy làm thơ đưa tin này: Công chúa diễm lệ kia không dành cho vua nào ở cõi Diêm- phù-đề trừ vua Vedeha ở thành Mithilà. Các con hãy ca tụng oai danh của vua ấy cùng nhan sắc của công chúa.

Họ vâng theo, rồi tường trình công việc ấy, vua ban thưởng họ rất hậu, rồi bảo họ đi Mithilà, ca hát trên đường và tán tụng như trên. Họ liền đến Mithilà. Dân chúng tụ tập lại nghe hát rất đông và hoan hô nhiệt liệt. Ban đêm họ trèo lên cây ca hát, buổi sáng họ lại buộc chuông lục lạc vào cổ chim rồi mới trèo xuống.

Dân chúng nghe tiếng lục lạc trên không, rồi khắp kinh thành vang dậy tin đồn rằng chính các Thiên thần đang tán tụng nhan sắc diễm kiều của công chúa. Vua hay tin cho triệu các thi sĩ vào và mở hội ngay trong cung điện. Vua tưởng rằng họ muốn dâng công chúa diễm lệ vô song của vua Cùlani cho ngài, nên ngài ban thưởng họ rất hậu. Sau đó, về nước, họ trình vua Brahmadatta, Kevatta liền thưa:

- Tâu Đại vương, đã đến lúc thần đi định ngày sính lễ.

- Này Đại sư, thật là tuyệt diệu, khanh muốn đem theo vật gì?

- Xin cho thần một tặng vật nhỏ.

Vua liền ban nó ngay. Lão đem quà đi, cùng với một đoàn tùy tùng đông đảo hộ tống đến kinh đô Vedeha. Khi lão cho báo tin lão đã đến, cả thành chấn động lên:

- Hai vua Cùlani và Vedeha sẽ kết tình thân hữu - họ bảo nhau như vậy - vua Cùlani sẽ gả công chúa cho Đại vương của ta và Kevatta đến đấy định ngày sính lễ.

Vua Vedeha nghe tin này và bậc Đại Sĩ cũng nghe tin, liền nghĩ thầm: "Ta không thích lão ấyđến đây, ta phải tìm hiểu xem sao cho đúng". Thế là ngài thông tin với các thám

tử đang ở tại nước vua Cùlani. Họ trả lời:

- Chúng thần không hiểu rõ việc này. Vua cùng Kevatta ngồi đàm đạo riêng trong vương thất, nhưng có con chim Maynah đứng cạnh bên vương sàng hiểu rõ việc này.

Nghe vậy, bậc Đại Sĩ nghĩ thầm: "Muốn cho kẻ thù ta không đắc thắng lợi, ta phải ngăn chia kinh thành từng phần và trang hoàng cho đẹp, mà đừng cho Kevatta thấy được

Thế là từ cổng thành đến cung điện và từ cung điện đến tư dinh ngài, hai bên đường ngài cho dựng hàng rào lưới, phủ thảm lên trên, treo đầy tranh ảnh, rải hoa khắp mặt đường, đặt bình nước khắp nơi, cờ xí rợp trời. Khi Kevatta vào thành, lão không thể thấy mọi việc sắp đặt như trên, lão tưởng vua trang hoàng kinh thành để đón lão, chứ không hiểu người ta làm vậy để che mắt lão. Khi lão yết kiến vua, lão dâng tặng vật, cung kính chúc tụng rồi ngồi xuống một bên.

Sau khi được đón tiếp trọng thể, lão đọc hai vần kệ tuyên bố lý do lão xin yết kiến:

74. Một vì vua muốn kết thân bằng,
Tặng bảo vật này đến Đại vương,
Mong các sứ thần lời êm dịu,
Từ nơi chốn nọ chóng lên đường.
75. Ước mong lời lẽ họ ôn hòa,
Đem lại hân hoan cho chúng ta,
Mong ước thần dân Vi-đề quốc,
Hòa đồng với tộc Pañ-cà-la.
Lão lại tiếp tục nói:

- Tâu Đại vương, đáng lẽ quốc vương của thần sai kẻ khác đi thay thần nhưng ngài đã phái thần đi, vì tin chắc rằng không ai nói chuyện này dễ nghe cho bằng thần. Ngài bảo: "Này Đại sư, Đại sư hãy đi thuyết phục đức vua ấy xem xét chuyện này thật thuận lợi và rước đức vua ấy về đây". Vậy tâu Đại vương, xin Đại vương ngự lên xe giá, Đại vương sẽ đón về một công chúa tuyệt trần diễm lệ và tình thân hữu sẽ được tạo lập giữa Đại vương và quốc vương của thần.

Vua rất đẹp ý khi nghe lời tâu trình này, ông say sưa vì ý tưởng sắp đón về một công chúa diễm lệ vô song, liền phán:

- Này Đại sư, trước kia có mối bất hòa giữa Đại sư và bậc Trí giả Mahosadha tại trận Pháp chiến. Nay Đại sư hãy đi gặp vương tử của trẫm, hai bậc Trí giả hãy hòa giải và sau khi đàmđạo cùng nhau, xin trở lại đây.

Lão Kevatta hứa đi hội kiến bậc Trí giả, rồi lui ra.

Ngày ấy, bậc Đại Sĩ quyết định tránh mọi việc đàm luận với con người độc ác kia, nên buổi sáng ngài uống một chút bơ tươi rồi bảo quân hầu bôi phân bò ướt trên sàn nhà, bôi dầu vào cột nhà, dẹp hết mọi ghế ngồi, sàng tọa trừ một sàng tọa nhỏ hẹp vừa cho ngài nằm. Ngài ra lệnh cho quân hầu:

- Khi lão Bà-la-môn ấy bắt đầu nói, các ngươi hãy bảo: "Thưa Tôn sư Bà-la-môn, xin ngàiđừng trò chuyện với bậc Trí giả, hôm nay bậc Trí giả đã dùng một liều bơ tươi". Và khi ta làm như thể muốn trò chuyện với lão thì phải ngăn lại và bảo: "Tâu Chúa công, ngài đã dùng một liều bơ tươi, xin đừng nói chuyện nữa".

Sau khi căn dặn họ, bậc Đại Sĩ khoác hồng y nằm trên sàng tọa, cùng sắp đặt quân hầu ở bảy tháp canh xong xuôi. Khi Kevatta đến cổng thành thứ nhất, liền hỏi bậc Đại Sĩ ở đâu, các quân hầu trả lời:

- Thưa Tôn giả Bà-la-môn, xin đừng gây tiếng ồn ào, nếu ngài muốn vào thành, xin giữ yên lặng. Hôm nay bậc Trí giả dùng bơ tươi, nên cử tiếng ồn.

Khi đến các cổng thành kia, họ cũng bảo như vậy. Đến cổng thứ bảy, lão hội kiến bậc Đại Sĩ và bậc Đại Sĩ ra vẻ muốn nói chuyện, quân hầu liền thưa:

- Thưa Chúa công, ngài vừa uống một liều bơ tươi thật mạnh, cớ sao ngài lại trò chuyện với lão Bà- la-môn khốn nạn này?

Thế là họ ngăn ngài lại. Khi lão kia bước vào, lão không tìm được chỗ ngồi cũng không có chỗ nào đứng bên tọa sàng của ngài được, lão liền bước qua lớp phân bò ẩm ướt rồi đứng lại. Lúc ấy một kẻ nhìn thấy lão, liền dụi mắt, một kẻ nhướng mày và một kẻ gãi cùi chỏ. Lão thấy vậy, bực mình bảo:

- Thưa bậc Trí giả, ta đi đây.

Một kẻ khác đáp:

- Ô hay, tên Bà-la-môn khốn nạn kia, đừng làm ồn ào, nều không ta sẽ bẻ gãy xương ngươi ra.

Lão hoảng hốt nhìn lui, thì một kẻ lấy gậy đánh lưng lão, kẻ khác nắm cổ lão đẩy ra, kẻ khác đấm vào lưng lão cho đến lúc lão kinh hoàng bỏ chạy như con hươu trong miệng hổ báo và trở về cung.

Lúc bấy giờ vua nghĩ thầm: "Hôm nay vương nhi sẽ hài lòng khi được tin này. Hai bậc Trí giả sẽ đàm đạo tương đắc biết bao về đạo pháp. Hôm nay họ sẽ giải hòa và ta sẽ là người thắng cuộc", vì thế khi vua thấy Kevatta, ông liền ngâm kệ hỏi về cuộc đàm đạo ấy:

76. Việc ngài hội kiến Ma-sa-dha,
Diễn tiến ra sao, Ke-vat-ta,
Xin hãy nói ngay cho trẫm biết,
Ma-sa-dha có muốn cầu hòa?
Kevatta đáp lại:

- Tâu Đại vương, Đại vương nghĩ đó là bậc Trí giả, nhưng thật chẳng có kẻ nào tồi tệ hơn nữa.

Và lão ngâm kệ:

77. Kẻ kia bản chất thật gian tà,
Tâu Đại vương, ngoan cố, xấu xa,
Khó chịu, tính tình đầy độc ác,
Như người câm điếc, chẳng lời ra.

Lời này không làm vừa lòng vua, nhưng vua cũng không bắt bẻ gì được. Vua liền ban cho Kevatta và đám hầu cận mọi thứ cần dùng và một ngôi nhà để ở, rồi bảo lão lui về an nghỉ. Sau khi lão đi rồi, vua nghĩ thầm: "Vương nhi là bậc Trí, biết rõ cách cư xử nhã nhặn, tuy thế vương nhi lại không muốn nói chuyện lịch sự với lão này, cũng không muốn thấy lão, chắc hẳn vương nhi đã thấy nguyên cớ bất an sau này rồi". Và ông ngâm kệ:

78. Quyết định này sao khó hiểu vầy,
Một nguyên nhân thật rõ ràng thay,
Được người dũng cảm này tiên đoán,
Vì vậy thân ta rung động đây,
Ai sẽ là người mất tính mạng,
Và rơi vào địch thủ cao tay?

Chắc chắn vương nhi đã thấy mối nguy hại nào đó trong cuộc viếng thăm cũa lão Bà-la-môn này. Lão chẳng đến đây vì mục đích thân hữu đâu. Ắt hẳn lão muốn lôi kéo ta bằng sắc dục, khiến ta phải đến kinh thành của lão rồi bắt lấy ta. Bậc Trí giả chắc thấy trước nguy cơ nào đó sắp xảy ra?". Trong lúc vua đang quay cuồng lo lắng với những ý nghĩ trong đầu, thì bốn hiền thần bước vào. Ông bảo Senaka:

- Này Senaka, khanh nghĩ trẫm có nên đến thành Uttarapãncàla và cầu hôn công chúa Cùlani chăng?

Lão đáp:

- Tâu Đại vương, sao Đại vương lại nói vậy? Khi duyên lành đến Đại vương, ai dám xua đuổi nó được? Nếu Đại vương đến đó và cầu hôn công chúa, thì chẳng có vị vua nào sánh bằng Đại vương trong toàn cõi Diêm-phù đề trừ vua Cùlani Brahmadatta, vì Đại vương đã kết duyên được với công chúa của vị Đại đế đệ nhất. Đại đế kia biết các vương tử khác đều chỉ là chư hầu của ngài, còn vua

Vedeha duy nhất có thể sánh bằng ngài thôi, nên mới mong gả công chúa diễm lệ vô song ấy. Xin Đại vương cứ làm theo lời ngài và chúng thần cũng sẽ được ban tặng y phục cùng vật trang hoàng.

Khi vua hỏi các vị kia, họ cũng đều trả lời như vậy. Trong lúc họ đang đàm đạo thì lão Bà-la-môn Kevatta từ tư dinh đến tạ từ vua để ra về, lão nói:

- Tâu Đại vương, thần không thể ở lại đây được nữa, xin cho phép thần ra về, tâu Chúa thượng.

Vua trọng đãi lão rồi cho lão ra về.

Khi bậc Đại Sĩ hay tin lão đi rồi, ngài tắm rửa, thay quần áo và vào chầu vua, cung kính bái vua rồi ngồi qua một bên. Vua nghĩ thầm: "Vương nhi Mahosadha là bậc Trí giả vĩ đại, đầy tài ứng biến, thông hiểu quá khứ hiện tại và vị lai, vậy sẽ biết được ta nên đi hay không". Tuy thế, bị mê mờ vì tham dục, vua không giữ được quyết định đầu tiên, và ngâm kệ hỏi:

79. Sáu người một ý thật hòa đồng
Là các bậc hiền trí thượng nhân,
Đi, hoặc không đi và ở lại,
Ma-ho-sad hãy nói ta cùng.

Lúc ấy bậc Trí giả nghĩ thầm: "Vua này ham đắm sắc dục quá độ, nên mù quáng điên rồ nghe theo lời bốn lão kia. Ta sẽ bảo cho vua biết việc ra đi tai hại dường nào và can gián ngài". Thế là ngài ngâm bốn vần kệ sau:

80. Ngài có biết chăng, tâu Đại vương,
Cù-la-ni thế lực hùng cường,
Vua kia muốn giết ngài như thể,
Lập hố bắt nai với lúa hương!
81. Như cá tham ăn, không nhận thấy,
Lưỡi câu giấu kín dưới mồi ngon,
Một người đời chẳng hề trông thấy,
Bóng dáng đâu đây của tử thần.
82. Cũng vậy, đầy tham dục, Đại vương,
Không sao nhận thấy vị công nương,
Con Cù-la đế là thần chết,
Vì chính ngài là một thế nhân.
83. Đại vương cứ đến Pãn-cà-la,
Và tự diệt vong chốc lát mà,
Như chú nai kia lâm đại nạn,
Trên con đường nọ bị sa cơ.

Nghe lời quở trách nặng nề như thế, vua nổi cơn thịnh nộ: "Gã này tưởng ta là nô lệ của gã".Ông nghĩ thầm: "Gã quên rằng ta là vị chúa tể, gã biết rằng vị Đại đế kia nhắn gả công chúa cho ta mà

không nói ra được một lời chúc tụng tốt lành nào, lại dám tiên đoán ta sẽ bị bắt, rồi bị giết như con nai ngu xuẩn hay con cá mắc câu hoặc con hươu bị bắt trên đường". Lập tức vua ngâm kệ:

84. Trẫm thật điếc ngấm câm, ngu dại thay,
Hỏi ngươi những việc tối cao vầy!
Làm sao ngươi hiểu như người khác
Khi đã lớn lên bám lưỡi cày?

Cùng với những lời thóa mạ này, vua phán:

- Gã nông dân này đang cản trở duyên may của trẫm, hãy cút đi!

Rồi ông ngâm kệ, để tống ngài ra:

85. Bắt lấy gã này, tóm cổ mau,
Tống ra khỏi xứ sở ta nào,
Con người dám nói hòng ngăn cản,
Việc trẫm sắp đi lấy bảo châu!
Nhưng ngài thấy vua thịnh nộ, liền nghĩ thầm: "Nếu có kẻ nào tuân lệnh vua lôi cổ, nắm tay ta hay đụng vào thân ta, ta sẽ bị ô nhục đến ngày tàn, vậy ta muốn tự mình ra đi mà thôi". Thế là ngài từ tạ vua về tư dinh.

Lúc bấy giờ vua chỉ nói thế trong cơn thịnh nộ, nhưng vì kính nể bậc Đại Sĩ nên ông không ra lệnh cho ai thi hành điều ấy cả. Bậc Đại Sĩ lại nghĩ thầm: "Vua này thật ngu muội, không biết chuyện lợi hại cho mình. Vua lại đang si tình, nên định đi đón công chúa về, mà không thấy hiểm họa đang kề gần, sẽ đi đến chỗ diệt vong. Ta không nên bận tâm đến lời lẽ của vua. Đó là Đại ân nhân của ta, đã hậu đãi ta lâu nay. Ta phải tỏ lòng trung thành với vua, nhưng trước hết ta phải cho gọi chim két vào và tìm hiểu sự thật, rồi ta sẽ đích thân đi việc này". Thế là ngài cho gọi chim két.

*

Bậc Đạo Sư giải thích việc này như sau:

86. Sau đó ngài đi khuất mắt vua,
Nói cùng chim két Mà-tha-ra:
"Đến đây, anh vũ màu xanh lục,
Bạn hãy làm công việc giúp ta.
87. Pãn-cà Đại đế có May-nah,
Canh giữ vương sàng của đức vua,
Hỏi nó ngọn nguồn, vì nó biết,
Điều cơ mật của Ko-si-ya".
88. Mà-tha-ra, trí điểu nghe rồi, Két lục bay đi đến tận nơi, Trú ngụ chim May-nah quý tộc,

Ma-tha-ra trí điểu trao lời, Với May-nah giọng du dương ấy, Trong chiếc lồng son đẹp tuyệt vời:

89.- Bạn ơi, bạn có được khang an,
Trong chiếc lồng vàng của bạn chăng,
Hạnh phúc có tràn đầy, Vệ-xá,
Họ cho bạn đủ mật, ngô rang?
90. Em đầy an lạc, hỡi Tôn ông,
Quả thật nơi đây hạnh phúc tròn,
Họ tặng em ngô rang, mật ngọt;
Hỡi Anh vũ có trí tinh thông,

Sao ngài đến, vậy ai sai đến,
Em chẳng hề nghe thấy quý ông?
Khi nghe vậy, két nghĩ thầm: "Nếu ta bảo ta từ Mithilà đến, chắc nó chẳng bao giờ tin cậy ta, vì lo bảo vệ sinh mạng mình. Trên đường đi ta có thấy kinh thành Aritthapura, trong quốc độ Sivi, vậy ta sẽ bịa chuyện nói là vua Sivi phái ta đến đây". Két bảo:

91. Ta là thị giả Chúa Si-vi,
Ở chính trong cung điện xứ kia,
Từ đó vị minh quân giải thoát,
Các tù nhân được tự do đi.
Chim Maynah liền cho két bắp rang tẩm mật cùng nước mật để sẵn cho nó trên dĩa vàng, rồi bảo:

-Thưa Tôn ông, ngài từ phương xa đến, ngài mang theo những vật gì?

Két bịa chuyện, vì muốn biết điều bí mật và đáp:

92. Ta có vợ hiền một thuở xưa,
Du dương tiếng hót, một May-nah,
Rồi chim ưng nọ vồ nàng chết,
Mang xác nàng đi trước mắt ta.
Chim Maynah hỏi:

- Làm thế nào diều hâu giết hại hiền tỷ được?

Két liền kể câu chuyện này:

- Cô nương hãy nghe đây. Một ngày nọ vua ta cho phép ta dự tiệc nước của ngài. Ta và hiền thê cùng đến nô đùa. Buổi chiều tối chúng ta cùng vua trở về cung, muốn cho lông khô ráo, ta cùng hiền thê bay ra đậu trên nóc cung điện. Lúc ấy một con diều hâu sà xuống chụp lấy chúng ta khi chúng ta vừa rời nóc cung, ta kinh hoảng bay nhanh để bảo vệ tính mạng, còn hiền thê tađang thai nghén nên không bay nhanh được, thế là nó giết hại nàng ngay trước mắt ta và tha đi. Đức vua thấy

ta thương khóc vì mất nàng nên hỏi nguyên do. Khi nghe sự việc xảy ra, ngài phán: "Thôi hiền hữu, thế là đủ rồi, đừng khóc nữa, hiền hữu hãy đi tìm vợ khác".Ta đáp: "Tâu Chúa công, tiểu thần đâu cần cưới một vợ khác độc ác xấu xa? Tiểu thần sống một mình tốt hơn". Ngài bảo: -"Này hiền hữu, trẫm biết một con chim đức hạnh như vợ bạn, cận thần của vua Cùlani cũng là một chim Maynah như vợ bạn vậy. Hãy đi cầu hôn nàng. Xin nàng đáp lại. Nếu nàng ưng thuận, hãy đến nói cho trẫm rõ, trẫm hoặc hoàng hậu sẽ đi cưới nàng về thật trọng thể". Nói xong, ngài phái ta đi, vì thế ta đến đây.

Két lại nói:

93. Yêu quý vợ hiền, ta đến đây,
Nếu nàng cho phép, tự hôm nay,
Chúng ta có thể cùng nhau hưởng,

Cuộc sống lứa đôi hạnh phúc thay.
Lời này khiến Maynah vô cùng đẹp ý nhưng không muốn lộ ý ra, nàng đáp như thể không ưng thuận:

94. Anh vũ phải yêu Anh vũ thôi,
May-nah kết hợp May-nah hoài,
Làm sao có thể đem hòa hợp,
Anh vũ, May-nah thật đẹp đôi?

Két nghe vậy nghĩ thầm: "Nàng đâu khước từ ta, nàng chỉ làm ra vẻ quan trọng thế thôi, chắc chắn nàng yêu ta thật tình rồi. Ta sẽ tìm lời ví von cho nàng tin tưởng ta". Vì thế két bảo:

95. Khi kẻ si tình yêu quý ai,
Dù Chiên-đà hạ liệt mà thôi,
Họ đều đồng đẳng bên nhau cả,
Trong ái tình không có khác sai.

Nói xong, két lại tiếp tục hỏi về mức độ khác nhau trong dòng giống loài người:

96. Mẫu thân của Chúa thượng Si-vi,
Tên gọi là Jam-bà-va-tì,
Bà đã được lên ngôi chánh hậu,
Và Su Hắc đế vẫn yêu vì.

Lúc bấy giờ mẫu hậu của vua Sivi, bà Jambàvatì, thuộc dòng Chiên-đà-la, là ái hậu của vua Vàsudeva, một vị vua trong bộ tộc Kanhàgana, vị thái tử trong số mười hoàng tử. Chuyện kể rằng, một ngày nọ ngài từ cung Dvàravatì vào ngự viên, trên đường ngài gặp một kiều nữ đứng bên vệ đường, trong lúc nàng đi làm công chuyện từ làng Chiên-đà-la của nàng đến thị trấn, vua yêu nàng ngay rồi hỏi gốc gác nàng, khi nghe là một kẻ Chiên-đà-la, vua rất buồn phiền, song khi biết nàng chưa chồng, ngài trở về cung ngay, mang theo nàng về cung và trang điểm nàng với đủ loại trân bảo rồi phong nàng làm chánh hậu. Nàng sinh hạ được một hoàng nam Sivi sau đó cai trị thần dân Dvàravatì khi vua cha mất.

Sau khi nêu gương ấy xong, két lại tiếp tục:

- Như vậy, ngay một vương tử như vua kia còn sánh duyên với một thiếu nữ Chiên-đà-la, huống hồ chúng ta chỉ ở thế giới loài vật? Nếu ta muốn sánh duyên với nhau thì chẳng có gì phải nói thêm nữa.

Và két đưa ra một gương khác như sau:

97. Ra-tha-va nọ, một tiên nga,
Cũng đã từng yêu quý Vac-cha,
Người ấy đã yêu loài thú vật,
Trong tình yêu chẳng khác nhau mà.

Vaccha là một ẩn sĩ và cách chàng yêu nàng như sau: Ngày xưa, một Bà-la-môn thấy rõ những tội lỗi của tham dục, nên từ bỏ cảnh phú quý xuất gia tu hành, sống trong vùng Tuyết Sơn dưới túp lều lá tự xây. Không xa lều này có một bầy tiên (nửa người nửa thú) sống trong hang đá, cùng nơi ấy lại có một con nhện. Con nhện này thường giăng tơ đâm thủng đầu các tiên nữ này để hút máu. Lúc bấy giờ các tiên cô yếu đuối và nhút nhát, con nhện thì hung bạo độc ác, nên họ không làm gì chống lại nó được, liền đến gặp ẩn sĩ. Đảnh lễ xong. họ kể cho ông nghe câu chuyện con nhện đang tàn phá họ như thế nào và họ bơ vơ không ai giúp đỡ, nên họ xin ông giết con nhện để cứu họ. Nhưng vị ẩn sĩ đuổi họ ra và la lên:

- Người như ta không sát sinh.

Một tiên nữ trong đám này tên là Rahavati chưa chồng và họ trang điểm cho nàng thật diễm lệ rồi đem đến ẩn sĩ bảo:

- Xin cho nàng này làm thị nữ của ngài và xin ngài giết kẻ thù của chúng tiện nữ.

Khi ẩn sĩ thấy nàng đem lòng yêu ngay và giữ nàng lại với mình, rồi nằm đợi con nhện ở miệng hang, khi nó bò ra kiếm mồi, liền lấy gậy giết nó, sau đó vị này sống với cô tiên, sinh con đẻ cái với nàng rồi qua đời, như vậy tiên nữ đã yêu vị này.

Con két kể gương này xong, liền bảo:

- Ẩn sĩ Vaccha, dù là người, vẫn sống với một tiên nữ thuộc nòi giống vật. Thế thì sao ta lại không làm như vậy, khi ta đều là loài chim?

Nghe xong, nàng đáp lại:

- Thưa tôn ông, con tim không phải lúc nào cũng chung thủy, em rất sợ cảnh chia ly với bạn tình.

Nhưng két ta là con vật khôn ngoan hiểu rõ mọi trò quyến rủ của nữ giới, nên ngâm kệ này thử nàng thêm nữa:

98. Quả thật ta gần cất cánh xa, Hỡi nàng thánh thót giọng May-nah,

Đây là lời chối từ ta đấy, Chắc chắn nàng đang khinh bỉ ta.

Nghe vậy nàng thấy tim dường như muốn vỡ ra, nhưng trước mắt chàng, nàng làm như thể đang bừng cháy lên một tình yêu mới mẻ đối với chàng, liền ngâm một vần kệ rưỡi như sau:

99-100. Không phước lành cho kẻ vội vàng
Mà-tha-ra, két lục khôn ngoan,
Ở đây cho đến khi triều kiến,
Chúa thượng và nghe tiếng dậy vang,
Của các trống chiêng khua đủ loại,
Và nhìn Đại đế đẹp huy hoàng.
Thế rồi lúc hoàng hôn xuống, chúng vui chơi cùng nhau, hưởng trọn tình bằng hữu hân hoan thích thú. Lúc ấy, két nghĩ thầm: "Nay nàng không giấu bí mật với ta nữa, ta

phải hỏi nàng rồi ra đi".

- Này nàng Maynah hỡi-Chàng bảo.

- Thưa chàng, có việc gì?

- Ta muốn hỏi nàng một vài chuyện. Có nên nói chăng?

- Xin chàng cứ nói.

- Thôi được, không hề gì, hôm nay là ngày hội, để ngày kia sẽ xem lại sao.

- Nếu thuận tiện trong ngày hội xin chàng cứ nói, còn nếu không thì thôi đừng nói nữa, thưa chàng.

- Đúng ra chuyện này thuận tiện trong ngày hội.

- Vậy xin chàng nói đi.

- Nếu nàng muốn nghe, ta mới nói.

Rồi két hỏi chuyện bí mật trong một vần kệ rưỡi như sau:

100-101. Tiếng đồn này thật lớn truyền ra,
Khắp cả miền đất nước của ta:
Công chúa Pãn-cà-la Đại đế,
Như sao rực sáng, được vua cha,
Đem gả Vi-đề-ha quý tộc,
Lễ thành hôn sắp đến đây mà!
Nghe vậy, nàng bảo:

- Này chàng ơi, trong ngày hội này mà chàng nói chuyện xui xẻo quá!

- Ta cho đó là chuyện may mắn, sao nàng lại bảo xui xẻo, thế là nghĩa gì?

- Thưa chàng em không nói được đâu.

- Cô nương ơi, từ giờ phút nàng từ chối cho ta rõ bí mật mà nàng biết, thì mối lương duyên của đôi ta chắc phải đứt đoạn.

Nghe chàng nài nỉ, nàng liền đáp:

- Vậy thì chàng hãy nghe đây:

102. Đừng để cho ai, dẫu kẻ thù,
Tác thành hôn lễ, Ma-tha-ra,
Giống như cách của hai vua ấy,
Pãn-cà-la và Vi-đế-ha.
Két hỏi:

- Cô nương ôi, tại sao nàng bảo như vậy?

Nàng đáp:

- Xin hãy nghe đây, em sẽ nói mọi tai hại của việc này.

Rồi nàng ngâm kệ:

103. Vua hùng của xứ Pañ-cà-la,
Sẽ quyến rủ vua Vi-đế-ha,
Và sẽ giết vua kia lập tức,
Nàng đây chẳng phải bạn đâu mà.
Nàng kể mọi chuyện bí mật cho két khôn ngoan và con két khôn ngoan nghe vậy cứ khen ngợi Kevatta hết lời:

- Vị Đại sư thật là đa mưu túc kế, giết vua kia như vậy thật là diệu kế. Nhưng việc rủi ro nào sẽ xảy ra cho ta đây?

- Vậy giữ yên lặng là thượng sách.

- Thế là cuộc hành trình của két đã đạt kết quả. Sau khi ở lại đó một đêm với nàng, két bảo:

- Cô nương ơi, ta phải về xứ vua Sivi và tâu trình vua là ta đã tìm được một ái thê.

- Rồi két từ giã nàng qua câu kệ:

104. Nay xin từ giã bảy đêm trường,
Ta sẽ tâu trình với Đại vương,
Của xứ Sivi, ta đã gặp,
May-nah và lập tổ uyên ương.
Lúc bấy giờ chim Maynah, dù không muốn xa két cũng không thể nào từ chối được, liền ngâm kệ sau:

105. Em để chàng đi trong bảy đêm,
Sau nếu chàng không trở lại em,
Em sẽ tự mình tìm nắm mộ,
Chàng về em cũng sẽ quy tiên!
Két đáp lại:

- Cô nương ơi, sao nàng lại nói thế, nếu sau bảy ngày ta không gặp nàng, làm sao ta sống được?

Miệng nói thế, nhưng trong lòng két nghĩ thầm: "Nàng sống hay chết, ta đâu có quan tâm đến làm gì?". Két vươn cao đôi cánh, sau khi bay một khoảng ngắn về phía xứ Sivi, nó quay lại về hướng thành Mithilà. Rồi đứng trên vai bậc Trí giả, khi bậc Đại Sĩ đem nó lên thượng lầu và hỏi tin tức, nó kể với ngài tất cả. Ngài ban thưởng nó trọng thể như trước kia.

*

Bậc Đạo Sư giải thích chuyện này như sau:

106. Rồi Mà-tha, két khôn ngoan, Trình Ma-ho-sad Trí nhân sự tình.

*

Nghe xong bậc Đại Sĩ nghĩ thầm: "Nhà vua sẽ đi, dù ta muốn hay không cũng vậy và nếu ngài đi, ngài sẽ bị tiêu diệt ngay. Còn nếu ta cứ oán hận một vị vua đã ban cho ta nhiều phú quý vinh hoa như vậy mà không giúp ích ngài, thì thật đáng hổ thẹn. Khi tìm được một người tài trí như ta, làm sao người bị tàn hại được? Ta sẽ khởi hành trước vua và sẽ gặp vua Cùlani, ta sẽ sắp đặt mọi việc chu đáo. Ta sẽ xây một kinh thành cho vua Vedeha ngự với một lối đi nhỏ hơn dài một dặm và một đường hầm lớn dài nửa dặm. Ta sẽ làm lễ thụ phong công chúa của vua Cùlani làm vương hậu của vua ta, rồi ngay khi kinh thành bị một trăm lẻ một vương hầu cùngđạo binh mười tám vạn quân sĩ bao vây, ta sẽ cứu chúa như thể mặt trăng được cứu khỏi móng vuốt của thần Ràhu (La-hầu) rồi đưa ngài về nước. Việc ngài hồi cung chỉ ở trong tay ta".

Khi ngài nghĩ như vậy, nỗi hân hoan tràn ngập khắp châu thân, rồi do niềm hân hoan thúc đẩy, ngài thốt lên ước nguyện này:

107. Con người luôn phải thực hành, Vì quyền lợi của người mình thọ ân.

Sau đó ngài tắm rửa xoa dầu thơm xong, phục sức cực kỳ sang trọng đi vào cung, kính lễ vua, rồi liền đứng sang một bên.

- Tâu chúa thượng-ngài tâu-Chúa thượng sắp ngự xa giá đến kinh thành Uttarapãncàla chăng?

- Phải đấy vương nhi, nếu trẫm không chiếm được công chúa Pañcàlacandì, thì vương quốc này có nghĩa gì đối với trẫm? Vương nhi đừng rời trẫm nữa, hãy cùng đi với trẫm. Đến đó, trẫm sẽ được hai mối lợi lớn: "Trẫm sẽ được đệ nhất nữ báu và kết thân với vị vua kia ".

Bậc Đại Trí liền đáp:

- Tâu Chúa thượng, tiểu thần sẽ đi trước, xây cung điện cho Chúa thượng ngự, Chúa thượng sẽ đến khi tiểu thần tâu trình về.

Nói xong ngài ngâm hai vần kệ:

108. Thần sẽ ra đi trước Đại vương,
Đến kinh thành tráng lệ huy hoàng,
Pãn-cà-la để xây cung điện,
Dâng chúa Vi-đề- ha vẻ vang.
109. Khi nào thần đã dựng xây xong
Dâng chúa Vi-đề mỹ lệ cung,
Thần sẽ tâu trình ngài đến ngự,
Hỡi vị chúa tể đại anh hùng!
Vua nghe vậy rất đẹp lòng, vì thấy ngài không bỏ mặc ông, nên bảo:

- Này vương nhi, nếu con đi trước, con có cần gì chăng?

- Tâu Đại vương, tiểu thần cần một đạo binh.

- Vương nhi muốn cứ đem bao nhiêu tùy ý.

Bậc Trí giả nói tiếp:

- Tâu Chúa thượng, xin cho mở bốn ngục thất, phá xiềng xích các kẻ cướp bóc và cho họ cùng đi với tiểu thần.

- Vương nhi cứ làm như ý muốn- Vua bảo.

Bậc Đại Sĩ cho mở các cửa ngục, đem ra những kẻ anh hùng, dũng mãnh, có thể làm phận sự khi được giao và bảo họ phụng sự ngài. Ngài trọng đãi các kẻ này và đem theo ngài mười támđoàn thợ hồ, thợ rèn, thợ mộc, thợ sơn, những người có tài thủ xảo, mỹ thuật trang bị đầy đủ lưỡi dao, xẻng cuốc và nhiều dụng cụ khác. Với đoàn tùy tùng rầm rộ như vậy, ngài từ giã kinh thành.

*

Bậc Đạo Sư diễn tả việc này qua vần kệ sau:

110. Bậc Đại trí liền cất bước ra, Đến thành hoa lệ Pañ-cà-la,

Để xây dựng thật nhiều cung điện, Dâng chúa vinh quang Vi-đế-ha.

*

Trên đường đi, bậc Đại Sĩ xây làng ở mỗi dặm đường, giao cho một viên quan ở lại đảm trách mỗi ngôi làng, với lời căn dặn:

- Để dự phòng việc vua hồi cung cùng công chúa Pañcàlacandì, các ông phải chuẩn bị voi ngựa, chiến xa để đánh đuổi quân thù, rồi tức tốc đưa đức vua về thành Mithilà.

Khi đến bờ sông Hằng, ngài gọi Ànandakumara đến và bảo:

- Này Ànanda, hãy đem ba trăm thợ mộc đến thương lưu sông Hằng, tìm loại gỗ thật tốt, đóng ba trăm chiếc thuyền, bảo họ chặt thật nhiều gỗ tích trữ cho kinh thành, chở gỗ nhẹ cho đầy thuyền và mang về đây.

Ngài cũng đích thân đi thuyền vượt qua sông Hằng và từ chỗ ngài cập bến, ngài tính khoảng cách và nghĩ thầm: "Khoảng cách này chừng nửa dặm, phải có một đường hầm lớn, chỗ này phải xây thành cho vua ngự, từ chỗ này về cung, xa chừng một dặm phải có lối đi nhỏ". Ngàiđánh dấu chỗ đó xong rồi vào thành.

Khi vua Cùlani nghe tin Bồ-tát đến, ông rất hài lòng, vì ông nghĩ: "Bây giờ tâm nguyện của tađã thỏa mãn, gã ấy đã đến, chẳng bao lâu vua Vedeha cũng đến, thế là ta giết trọn cả hai và biến toàn cõi Diêm-phù-đề thành một quốc độ".

Cả kinh thành sôi động lên. Họ đồn đại:

- Đấy là bậc Trí giả Mahosadha, người đã đánh đuổi một trăm lẻ một vương tử như thể con quạ bị ném hòn đá cho hoảng sợ.

Bậc Đại Sĩ tiến vào cổng thành trong lúc dân chúng chiêm ngưỡng dung mạo tuyệt đẹp của ngài, rồi ngài xuống xe, nhờ người trình vua. Vua bảo:

- Đưa vị ấy vào.

Và ngài vào cung, triều bái vua rồi ngài ngồi xuống một bên. Vua nhã nhặn nói chuyện với ngài, rồi hỏi :

- Này vương tử, khi nào đại vương đến?

- Tâu Chúa thượng, khi nào tiểu thần thỉnh cầu ngài.

- Nhưng cớ sao vương tử đến đây?

- Thần đến để xây cung điện cho Đại vương của thần ngự, tâu Chúa thượng.

- Này vương tử, thế thì tốt lắm.

Vua liền cho phép ngài được một đám cận vệ theo hầu, trọng đãi ngài rất hậu hỷ, ban cho ngài một tư thất rồi phán:

- Này vương tử, cứ ở đây cho đến khi Đại vương ngự đến, nhưng đừng ăn không ngồi rồi, mà phải làm những việc đáng làm.

Ngay khi ngài vào cung, đứng ở bậc thang gác, ngài nghĩ thầm: "Ở đây phải làm cửa hầm nhỏ ấy", ngài lại nghĩ đến điều này: "Nhà vua này bảo ta phải làm những việc cần làm, vậy ta phải cẩn thận để thang gác này khỏi sập trong khi ta đang đào hầm". Rồi ngài tâu vua:

- Tâu Chúa thượng, khi tiểu thần bước vào đứng bên chân cầu thang, nhìn vào công trình mới xây này, tiểu thần thấy một khuyết điểm trong cầu thang lớn này. Nếu Chúa thượng ưng thuận, xin phán bảo cho phép tiểu thần sửa sang lại.

- Này vương tử, tốt lắm, cứ làm đi.

Ngài quan sát chỗ ấy cẩn thận, định nơi làm lối ra của đường hầm rồi ngài dời cầu thang đi nơi khác và để cho đất chỗ ấy khỏi sụp, ngài đặt một sàn gỗ giữ cầu thang thật chắc chắn cho nó khỏi sụp. Nhà vua vô tình tưởng ngài làm việc này vì thiện ý cho mình. Bậc Đại Sĩ ở đó một ngày xem xét việc sửa chữa, rồi hôm sau trình vua:

-Tâu Chúa thượng, nếu tiểu thần được biết Đại vương của tiểu thần sẽ phải ngự ở đâu, tiểu thần sẽ xin thu xếp chu đáo việc đó.

- Này bậc Trí giả, tốt lắm, ngài cứ chọn nơi nào ngài muốn trong kinh thành này, trừ cung điện trẫm ra thôi.

- Tâu Đại vương, chúng thần là ngoại nhân, Đại vương có nhiều bậc trọng thần, nếu chúng thần chiếm tư dinh của họ, binh sĩ của Đại vương sẽ gây chiến với chúng thần. Vậy chúng thần phải làm sao đây?

- Này bậc Trí giả, đừng nghe họ, cứ chọn nơi nào vừa ý ngài là được.

- Tâu Đại vương, họ sẽ đến kêu nài với Đại vương mãi, việc ấy sẽ không làm Đại vương hài lòng đâu. Song nếu Đại vương ban phép, chúng thần sẽ đến canh giữ cho đến khi chiếm xong các tư thất ấy, họ sẽ không đi ra cửa được, mà rồi phải bỏ đi thôi. Như vậy

cả Đại vương lẫn chúng thần đều được toại ý.

Vua chấp thuận.

Bậc Đại Sĩ liền cho quân hầu canh ở chân và đầu cầu thang, ở đại hoàng môn và khắp nơi, rồi ra lệnh không cho ai đi qua cả. Ngài lại ra lệnh cho quân hầu đến cung thái hậu, làm như thể sắp phá cung. Khi họ bắt đầu gỡ ngói, gạch, đất sét khỏi cổng và tường, thái hậu nghe tin vội nói hỏi:

- Này các ngươi sao lại phá sập cung của ta?

- Bậc Trí giả Mahosadha muốn phá cung này để xây cung khác cho đức vua của ngài ngự.

- Nếu vậy thì các ngươi cứ ở cung này cũng được.

- Đoàn tùy tùng của Đại vương chúng thần rất đông đảo, cung này không đủ, chúng thần phải xây cung rộng hơn cho ngài.

- Các ngươi không biết ta ư, ta là thái hậu, ta sẽ đi gặp vương nhi xem lại việc này.

- Chúng thần đang thi hành lệnh vua, nếu lệnh bà ngăn cản được thì cứ làm.

Thái hậu nổi giận bảo:

- Để ta xem cách gì trị các ngươi đây. Rồi bà đến cung môn, nhưng họ không để bà đi vào.

- Này các khanh, ta là thái hậu mà.

- Chúng thần biết lệnh bà, nhưng đức vua ra lệnh không cho ai vào cả. Xin lệnh bà lui ra.

Bà không vào cung được đành đứng nhìn. Một tên quân hầu bảo:

- Lệnh bà làm gì đây, xin lui ra.

Gã nắm lấy cổ bà ném xuống đất. Bà nghĩ thầm: "Chắc chắn phải có lệnh vua, nếu không chúng không dám làm vậy đâu. Ta tìm gặp bậc Trí giả mới được". Bà hỏi ngài:

- Này Vương tử Mahosadha, tại sao Vương tử phá sập cung của ta?

Song ngài không muốn nói chuyện với bà. Một người đứng cạnh đó hỏi:

- Tâu lệnh bà nói gì?

- Này nam tử, tại sao bậc Trí giả phá sập cung của ta?

- Để xây cung cho vua Vedeha ngự.

- Cớ sao vậy này nam tử, trong kinh thành rộng lớn này ngài không tìm được một cung thất nào để vua ngự sao? Hãy nhận lễ vật mọn này, một trăm ngàn đồng tiền và thưa với ngài đi xây dựng nơi khác.

- Tâu lệnh bà, thế thì tốt lắm, chúng thần sẽ để yên cung của lệnh bà, nhưng xin lệnh bà chớ cho ai biết việc nhận lễ vật này để họ khỏi lo lót cho chúng thần để yên nhà của họ.

- Này nam tử, nếu họ kháo nhau rằng thái hậu phải cần lo lót thì nhục nhã cho ta biết bao! Ta không cho ai hay đâu.

Người kia bằng lòng nhận một trăm ngàn đồng tiền rồi rời cung. Sau đó gã đến cung Kevatta, lão này vừa đến cửa cung, đã bị cây tre quất vào lưng tét cả da thịt mà cũng không vào cung được, nên cũng lo lót một trăm ngàn đồng tiền . Cứ bằng cách này họ chiếm nhà khắp kinh thành, để đòi của đút lót, họ thu được chín mươi triệu đồng tiền vàng.

Sau đó bậc Đại Sĩ đi khắp kinh thành, rồi trở về cung. Vua hỏi ngài đã tìm ra chỗ chưa. Ngài bảo:

- Tâu Đại vương, dân chúng đều muốn dâng nhà cửa, nhưng khi chúng thần đến nhận gia sản, họ hết sức âu sầu, chúng thần không muốn gây nên sự bất mãn. Ngoài kinh thành, khoảng một dặm, giữa kinh thành và sông Hằng có một nơi chúng thần có thể xây cung điện cho Đại vương của chúng thần.

Vua nghe vậy liền đẹp ý, rồi ông nghĩ thầm: "Đánh nhau trong kinh thành thật nguy hiểm, vì khó phân biệt bạn thù, chứ ngoại thành thì dễ đánh, vậy ta sẽ đánh giết chúng ở ngoại thành".

Thế là vua bảo:

- Được lắm, này Vương tử, cứ xây cung ở chốn đã tìm được.

- Tâu Đại vương, xin vâng lệnh. Nhưng dân chúng không được đến nơi chúng thần xây cất để kiếm củi hay cây thuốc, nếu không, chắc chắn sẽ có tranh chấp cãi cọ không hay gì cho Đại vương lẫn chúng thần.

- Tốt lắm, này Vương tử, cứ cấm hết lối ra vào phía ấy.

- Tâu Đại vương, bầy voi của chúng thần thích vui đùa dưới nước, nếu nước sông bị khuấy đục bẩn bùn và dân chúng than phiền vì Trí giả Mahosadha đến đây mà họ không có nước sạch để uống, thì xin Đại vương lượng thứ việc ấy.

Vua đáp:

- Được, cứ cho voi xuống vui chơi.

Rồi vua truyền đánh trống ra lệnh:

- Kẻ nào đến chỗ bậc Trí giả Mahosadha đang xây cung sẽ bị phạt một ngàn đồng tiền.

Sau đó, bậc Đại Sĩ tạ từ vua, cùng đám tùy tùng ra ngoài thành bắt đầu xây một thành trì ở nơiđã được dành riêng ra. Bên kia sông Hằng ngài đã xây một ngôi làng đặt tên là Gaggali. Nơiđó ngài dự trữ voi ngựa, xe pháo, trâu, bò.

Chính ngài đích thân xây thành ấy và giao cho mỗi người một phận sự. Khi đã phân chia nhiệm vụ xong, ngài bắt đầu xây đường hầm lớn, miệng hầm ở trên bờ sông Hằng,

có sáu mươi ngàn quân sĩ đào hầm. Họ bỏ đất mới đào vào các bao da vứt xuống sông, hễ nơi nào đất được thả xuống thì bầy voi đến dẫm lên, khiến sông Hằng vẩn đục cả bùn. Dân chúng than phiền rằng từ khi ngài Mahosadha đến đây, họ không có nước sạch để uống, nước sông vấy bùn, phải làm sao đây? Quân thám tử của bậc Đại Sĩ bảo họ rằng bầy voi của ngài đang chơi đùa dưới nước làm khuấy bùn lên, cho nên nước mới đục.

Lúc bấy giờ mọi dự định của Bồ-tát đều được thành tựu, vì thế trong hầm mới, các rễ cây, sỏiđá đều chìm xuống đất. Lối vào đường hầm nhỏ ở bên trong kinh thành, có bảy trăm quân đang đào

hầm nhỏ ấy. Họ mang đất trong bao da đổ vào thành, mỗi lần mang đến một đống, họ lại trộn với nước xây một bức thành để dùng vào việc khác.

Còn lối vào hầm lớn nằm trong kinh thành có cửa vào, cao mười tám gang tay, có máy móc để khi bấm một nút thì tất cả đều đóng chặt. Phía bên kia hầm được xây bằng gạch và hồ vữa, mái lợp ván, trét hồ vữa và sơn trắng. Bên trong có tám mươi cửa lớn và sáu mươi bốn cửa nhỏ, tất cả đều được đóng lại hoặc mở ra bằng một nút bấm. Trên mỗi phía đều có hàng trăm ổ đèn trang bị máy móc, để khi một đèn được bật sáng thì tất cả đều bật, khi một đèn được tắt thì tất cả đều tắt.

Mỗi phía có một trăm lẻ một gian phòng cho một trăm lẻ một chiến vương. Trong mỗi phòngđặt một tọa sàng đủ màu, trong đó lại có một trường kỷ lớn được che bằng lọng trắng, mỗi phòng lại có một chiếc ngai đặt gần trường kỷ lớn ấy, một tượng mỹ nhân, nếu không sờ tay vào thì không ai bảo các tượng đó không phải người thật.

Ngoài ra, trong mọi phía hầm, các họa sĩ tinh xảo đã vẽ đủ loại tranh: Cảnh huy hoàng của Thiên chủ Đế Thích, các miền núi Sineru (Tu-di), các biển cả cùng đại dương bốn châu, dãy Himavat (Tuyết Sơn), hồ Anotatta, núi Hồng Thổ, mặt trăng, mặt trời, cõi Tứ Thiên vương với sáu tầng trời cõi Dục và các thành phần trong đó.

Tất cả đều hiện ra trong địa đạo này, nền đất rải cát trắng như một phiến bạc, trên các mái đầy hoa sen nở. Hai bên có lều quán đủ loại, rải rác các rèm hoa lơ lững tỏa mùi thơm ngát. Như vậy họ trang hoàng địa đạo rực rỡ chẳng khác nào thiên đình Sudhamma (Thiện Pháp đường ở cõi trời ba mươi ba).

Lúc bấy giờ sau khi ba trăm thợ đóng ba trăm chiếc thuyền xong, họ liền chất đầy thuyền mọi dụng cụ sẵn sàng lúc cần đến, rồi đem xuống trình bậc Trí giả. Ngài dùng họ ở kinh thành, bảo họ giấu chúng ở một nơi bí mật để đưa chúng ra khi có lệnh ngài.

Trong kinh thành các hào nước, trường thành, hoàng môn, tháp canh, cung thất cho vương tử và nhà dân chúng, chuồng voi, hồ nước đều đã xong xuôi. Như vậy đại địa đạo và tiểu địa đạo cùng toàn kinh thành được xây xong trong bốn tháng .

Sau đó, bậc Đại Sĩ gởi sớ trình xin vua đến ngự.

Khi vua được sớ, ông rất đẹp lòng, liền cùng đoàn xa giá rầm rộ lên đường.

*

Bậc Đạo Sư bảo:

111. Vị Đại vương cùng bốn đạo binh,
Bấy giờ liền ngự giá du hành,
Cùng vô số cỗ xe hầu cận,
Đến viếng Kam-pil-la hiển vinh.
Vào giờ đã định, vua đến sông Hằng, bậc Đại Sĩ ra lệnh đón vua vào kinh thành ngài vừa xây xong. Vua vào cung hưởng một bữa tiệc cao lương mỹ vị và sau khi nghỉ ngơi một lát xong, về buổi chiều ông gửi thông điệp báo cho vua Cùlani biết ông đã đến.

*

Bậc Đạo Sư giải thích việc này như sau:

112. Khi đến nơi, vua nhắn gửi lời,
Với Brah-ma: "Kính lễ chân ngài,
Xin ban công chúa làm vương hậu,
Nữ báu dung nhan thật tuyệt vời,
Đầy vẻ yêu kiều và khả ái,
Được đoàn thị nữ hộ lên ngôi".
Vua Cùlani hoan hỷ nhận được thông điệp, nghĩ thầm: "Các quốc thù của ta sẽ đến đâu đây? Ta sẽ chặt đầu chúng ra và nâng chén khải hoàn". Nhưng ông chỉ làm ra vẻ hân hoan đón sứ giả rất trọng thể rồi ngâm kệ sau:

113. Cung nghênh Đại chúa Vi-đề-ha,
Hạnh ngộ ngày nay quả thật là!
Hãy chọn giờ lành mang hạnh phúc,
Trẫm đem công chúa tặng vương gia,
Nàng đầy vẻ đẹp yêu kiều ấy,
Được đám cung tần hộ tống ra.
Sứ giả liền đi về trình vua Vedeha:

- Tâu Chúa công, Đại vương truyền: "Hãy chọn giờ lành cho mối lương duyên này và trẫm sẽ kết duyên công chúa cho ngài."

Vua gửi sứ giả trở lại tâu:

-Hôm nay chính là giờ lành!

*

Bậc Đạo Sư giải thích việc này như sau:

114. Vi-đề chúa chọn giờ lành xong,
Trình với Brah-ma-at Đại vương:
Xin gả công nương làm ái hậu,
Nữ nhân diễm lệ tuyệt trần gian,

Tròn đầy mọi vẻ yêu kiều ấy,
Được các cung phi hộ tống nàng.
115. Đại đế Cù-la-ni đáp lại:

Ta ban ngài nữ báu siêu phàm, Tròn đầy mọi vẻ yêu kiều ấy, Được các cung phi hộ tống nàng.

Nhưng khi vua bảo:

- Trẫm sẽ đưa công chúa vu quy ngay bây giờ.

Vua đã nói dối và ông ra lệnh cho một trăm lẻ một vương hầu kia:

- Hãy chuẩn bị sẵn sàng ra trận với mười tám đạo binh của các vị và tiến lên, ta sẽ chặt đầu hai kẻ thù của ta và nâng chén khải hoàn.

Vua để mẫu hậu ở lại trong cung cùng hoàng hậu Nandà, hoàng tử Pañcàlacanda, công chúa Pañcàlacandì, cùng các cung nga thị nữ khác rồi ra đi.

Bồ-tát tiếp đãi rất nồng hậu đoàn đại binh cùng đến với vua Vedeha, kẻ uống rượu, người ăn thịt, có kẻ nằm nghỉ mệt vì đường xa. Còn vua Vedeha, cùng với Senaka và các vị kia ngồi trên bảo tọa cùng đám cận thần.

Nhưng vua Cùlani đã bao vây thành bốn vòng trong ba khoảng cách, thắp hàng trăm ngàn ngọn đuốc rực trời, đứng sẵn sàng chiếm lấy kinh thành ấy khi mặt trời mọc. Hay tin này, bậcĐại Sĩ ra lệnh cho ba trăm chiến sĩ của ngài:

- Các ngươi hãy đi theo đường hầm nhỏ, đưa thái hậu, hoàng hậu, hoàng tử và công chúa vềđây qua đường hầm lớn nhưng đừng để cho các vị ấy ra ngoài bằng cửa hầm lớn, mà phải bảo vệ các vị ấy an toàn trong đường hầm cho đến khi ta tới, rồi hãy đem họ ra khỏi hầm và dẫn các vị vào Đại sảnh.

Khi họ nhận chỉ thị xong, họ đi dọc đường hầm nhỏ, đẩy tấm sàng dưới cầu thang, bắt lấy quân canh ở đầu và chân cầu thang, trên thượng lầu, những tên gù cùng nhiều người khác, trói tay chân lại, nhét giẻ vào mồm họ rồi giấu họ rải rác đây đó, xong lấy một số thức ăn dâng lên vua, phá hủy số thức ăn còn lại rồi lên thượng lầu.

Lúc ấy thái hậu Talatà không biết việc gì sẽ xảy ra, nên đã bảo hoàng hậu Nandà cùng hoàng tử, công chúa đến nằm chung với bà trên giường. Ba chiến sĩ đứng ở cửa phòng gọi họ. Bà bước ra bảo:

- Việc gì thế các con?

Họ đáp:

- Tâu lệnh bà, Đại vương đã giết vua Vedeha và Mahosadha, rồi biến toàn cõi Diêm-phù-đề thành một đế quốc. Ngài đang được một trăm lẻ một vị vương hầu vây quanh nâng chén đại khải hoàn.Vì thế ngài phái chúng thần đến đây rước lệnh bà cùng các vị kia đến cùng ngài.

Các vị ấy đi xuống tới chân cầu thang. Khi quân sĩ đem họ vào hầm, họ bảo:

- Suốt đời ta sống ở đây, chưa từng đi đường này bao giờ.

Quân sĩ đáp:

- Người ta thường ít đi đường này hầm này, đây là con đường hưởng lạc, vì hôm nay là ngày hội vui chơi nên thánh thượng bảo chúng thần đưa các ngài về lối này.

Họ tin lời ngay. Sau đó vài quân sĩ dẫn họ đi, còn các người khác trở lại cung vua, phá cửa kho tàng mang đi hết mọi báu vật họ muốn lấy. Bốn vị kia đi vào đường hầm lớn, thấy chẳng khác nào sảnh đường huy hoàng của chư Thiên, nên cứ tưởng nơi này dành cho vua. Rồi họ được đưa đến một nơi không dòng sông, vào một cung thất đẹp trong đường hầm. Vài quân sĩ canh chừng họ, còn các kẻ khác đi tâu trình với Bồ-tát rằng họ đã đến.

Bồ tát nghĩ thầm: "Nay tâm nguyện của ta sẽ tự viên mãn". Lòng đầy hoan hỷ, ngài bước vào yết kiến vua rồi đứng qua một bên. Vua đang nôn nao khát vọng, nghĩ thầm: "Ngài đang đưa công chúa đến bây giờ, chính bây giờ đây!". Rồi vua đứng dậy nhìn qua cửa sổ. Lúc bấy giờ cả kinh thành đang rực sáng trong hàng ngàn bó đuốc và bị bao vây trong đạo binh rầm rộ ghê hồn. Đầy kinh hãi và nghi hoặc, vua kêu lên:

- Cái gì thế?

Và ông ngâm kệ với các bậc Trí giả:

116. Voi, ngựa, cỗ xe, các đạo quân.
Mang bào giáp đứng cả đoàn đông
Rực trời ánh đuốc đang bừng cháy.
Ý nghĩ ý gì chăng, các Trí nhân?
Senaka đáp:

- Xin Đại vương chớ sợ. Đám đuốc cháy rực, thần đoán là đức vua đang đem công chúa đến cho Đại vương.

Pukkasa lại nói:

- Chắc chắn vua ấy muốn đón Đại vương thật trọng thể nên đã đến đây với đoàn hộ tống.

Họ mặc tình tâu vua những điều họ thích. Nhưng vua nghe các hiệu lệnh:

- Để một chi đội ở đây, một đội phòng vệ đằng kia, hãy cẩn mật.

Vua lại thấy quân sĩ cầm khí giới, nên ông sợ mất hồn mong nghe được một lời gì của bậc Đại Sĩ, liền ngâm kệ nữa:

117. Voi, ngựa, cỗ xe, các đạo quân,
Mang bào giáp đứng cả đoàn đông,
Rực trời ánh đuốc đang bừng cháy,
Ý nghĩa gì chăng, hỡi Trí nhân.

Lúc ấy bậc Đại Sĩ nghĩ thầm: "Trước hết ta phải làm cho hôn quân si ám này khiếp đảm một hồi đã, rồi ta sẽ tỏ oai lực của ta và trấn an sau". Ngài liền nói:

118. Hoàng đế Cù-la-ni đại cường,
Đang vây ngài chặt, tấu minh quân,
Brah-ma-dat chính người gian trá,
Vua ấy sẽ tàn sát đại vương!

Nghĩ thế mọi người đều kinh hoảng đến mất vía, cổ họng của vua khô cứng lại, không còn nước bọt nữa, cơ thể ông như đang bị thiêu đốt, hoảng hồn như sắp chết, ông rên rỉ ngâm hai vần kệ sau:

119. Tim ta hồi hộp miệng khô rang,
Lòng dạ ta nay thật bất an,
Ta giống một người được đốt lửa,
Rồi đem phơi dưới nắng chang chang.
120. Như cháy bên trong, lửa thợ rèn,
Bên ngoài chẳng có thể nào xem,
Lòng ta cũng vậy, đang bừng cháy,
Nhưng chẳng một ai có thể nhìn.

Khi bậc Đại Sĩ nghe lời than thở ấy, ngài nghĩ thầm: "Hôn quân ngu muội này thường chẳng nghe lời ta lúc trước, nay ta phải trừng phạt thêm nữa mới được". Ngài liền nói:

- Hỡi chiến vương, ngài thật bất cẩn, không quan tâm đến lời khuyến cáo và thiếu tài trí, giờđây xin để các quân sư của ngài giải cứu ngài. Một vị vua không làm theo lời khuyên của quân sư trung tín và tài trí, chỉ tham đắm dục lạc riêng của mình, thì có khác gì con nai bị bắt trong lưới? Như con cá ham mồi không để ý tới lưỡi câu giấu trong miếng thịt bao quanh, không nhận biết chỗ chết của mình. Tâu Đại vương, ngài cũng vậy, tham đắm sắc dục, như con cá kia, không nhận thấy công chúa con vua Cùlani chính là tử thần của mình. Thần đã nói rằng nếu Đại vương đi Pañcàla, ngài sẽ mất ngay phúc lạc như con nai bị bắt trên đường sẽ gặp đại nạn. Tâu Chúa thượng. một ác nhân sẽ cắn vào bụng ngài như con rắn độc. Không một hiền nhân nào nên kết bạn với kẻ ác, kết bạn với kẻ ác sẽ gặp bất hạnh. Tâu Chúa thượng, bất cứ người nào mà ta nhận ra là có đức hạnh và thông thái thì đó chính là người mà bậc trí kết bạn. Kết bạn với thiện nhân chính là hạnh phúc.

Rồi để nhấn mạnh sự khiển trách một người không nên đối xử với kẻ khác như thế, ngài nhắc lại những lời lẽ mà vua đã nói trước kia và nói tiếp:

121. Ngài điếc câm, ngu muội, Đại vương,
Khinh lời khuyên tối thượng từ thần,
Hỏi: "Sao thần hiểu như người khác,
Khi lớn lên cày cấy ruộng đồng?
122. "Bắt lấy gã kia, tóm cổ mau,
Tống ra khỏi xứ sở ta nào,

Con người dám nói hòng ngăn cản,
Việc trẫm sắp đi lấy bảo châu!"
Sau khi ngâm hai vần kệ xong, ngài bảo:

- Tâu Đại vương, làm sao một kẻ nông dân như thần lại biết được chuyện gì là tốt là hay như Senaka và các trí giả kia được? Chuyện đó không phải là tài nghệ của thần, thần chỉ biết nghề cày sâu cuốc bẫm, còn chuyện này thì Senaka và phe nhóm của lão biết rõ lắm, họ là những trí giả. Vậy hôm nay xin để họ giải thoát ngài khỏi trùng vây của mười tám đạo quân hùng mạnh kia đang bao quanh ngài và xin ra lệnh cho họ tóm cổ thần vứt đi, tại cớ sao Đại vương lại hỏi han đến thần?

Ngài trách móc vua không tiếc lời như vậy. Vua nghe xong nghĩ thầm: "Bậc hiền trí đang kể lại những việc sai trái mà ta đã làm. Trước kia ngài đã biết trước tai họa sắp đến, nên nay ngài mới trách cứ ta gay gắt như vậy. Nhưng chắc ngài không bỏ phí mọi thì giờ một cách phù phiếm đâu, chắc hẳn ngài đã sắp xếp cho ta được an toàn". Vì thế vua ngâm kệ khiển trách ngài:

123. Bậc Trí không nhai chuyện đã qua,
Giữa hàm răng, hỡi Ma-sa-dha,
Cớ sao khanh cứ rầy rà trẫm,
Như ngựa bị dây trói chặt à?
124. Nếu thấy được đường lối giải vây,
Cách an toàn thoát nạn giờ này,
Hãy mau làm trẫm yên lòng nhé,
Sao trút chuyện xưa xuống trẫm đây?
Lúc ấy bậc Đại Sĩ nghĩ thầm: "Vua này rất mê muội mù quáng, chẳng phân biệt được các hạng người trên đời. Vậy ta phải hành hạ một lát đã rồi sẽ giải cứu vua". Và ngài đáp:

125. Hành động giờ đây quá muộn màng,
Vô cùng nguy hiểm, lại gian nan,
Thần không giải cứu quân vương được,
Ngài phải tự lo liệu số phần.
126. Có giống voi bay giữa cõi không,
Lực thần đầy đủ, thật vinh quang,
Người nào có được loài voi ấy,
Có thể bay cùng chúng thoát thân.
127. Có giống ngựa bay giữa cõi không,
Lực thần đầy đủ,thật vinh quang,
Người nào có được loài phi mã,
Có thể bay cùng chúng thoát nàn.
128. Có các loài chim hoặc quỷ thần,
Đủ tài bay bổng giữa không gian,

Còn nay quá muộn nên người tục,
Không thể làm vì quá khó khăn,
Thần chẳng thế nào cứu Chúa thượng, Ngài cần quyết định việc riêng phần.

Nghe vậy, vua ngồi yên lặng không thốt một lời, nhưng Senaka nghĩ thầm: "Không ai cứu giúp được vua và bọn ta trừ bậc Trí giả. Tuy thế vua lại quá kinh sợ nên không đáp lời ngài được. Vậy ta sẽ hỏi ngài xem". Rồi lão cầu xin ngài qua hai vần kệ:

129. Một người không thể thấy bờ xa,
Ở giữa đại dương rộng lớn mà,
Khi nó tìm ra nơi trú ngụ,
Đủ đầy hạnh phúc với hoan ca.
130. Cũng vậy với quân sĩ, Đại vương,
Ngài là đất trú ngụ an toàn,
Ngài là tối thượng quân sư báu,
Xin giải cứu toàn thể thoát nàn.
Bậc Đại Sĩ quở trách lão qua vần kệ:

131. Hành động giờ đây quá muộn màng,
Vô cùng nguy hiểm, lại gian nan,
Ta không giải cứu cho ngài được,
Ngài phải tự lo liệu số phần.
Vua không tìm được lối thoát và quá khiếp sợ cho mạng sống của mình, nên không thể nóiđược lời gì với bậc Đại Sĩ cả, mà chỉ nghĩ rằng chắc lão Senaka có mưu kế, liền ngâm kệ này:

Senaka nghĩ thầm: "Nhà vua hỏi mưu kế, thôi dù hay dù dở, ta cũng phải nói ra một kế cho ngài". Lão liền ngâm kệ:

133. Ta hãy đốt lên ngọn lửa cao,
Ở bên cửa lớn lấy gươm dao,
Chúng ta cùng đả thương nhau chết,
Chốc lát ta không sống nữa nào.
Đừng để Brah-ma-dat Đại đế,
Giết ta bằng cái chết dài lâu!
Vua nghe vậy nổi cơn thịnh nộ nghĩ thầm: "Cái đó thật xứng làm giàn hoả cho ngươi cùng con cháu ngươi". Ông lại hỏi Pukkusa và các người kia, kẻ nào cũng đều thưa trình ngu ngốc theo kiểu của mình, và đây là câu chuyện của họ. Vua hỏi:

134. Hãy lắng nghe lời trẫm nói vầy:
Khanh nhìn thấy mối hiểm nguy này,
Puk-ku-sa, trẫm hỏi khanh nhé,
Khanh nghĩ làm gì được ở đây?
Pukkusa đáp:

135. Chúng ta uống thuốc độc từ trần,
Chốc lát ta không phải sống còn,
Đừng để Brah-ma-dat Đại đế,
Giết ta bằng cái chết dần mòn!
Vua hỏi:

136. Hãy lắng nghe lời trẫm nói vầy:
Khanh nhìn thấy mối hiểm nguy này,
Kà-vin-da, trẫm hỏi khanh nhé,
Khanh nghĩ làm gì được ở đây?
Kàvinda đáp:

137. Chúng ta thắt cổ họng lìa đời,
Chốc lát ta không sống nữa rồi,
Đừng để Brah-ma-dat Đại đế,
Giết ta bằng các chết lần hồi!
Vua hỏi:

138. Hãy lắng nghe lời trẫm nói vầy:
Khanh nhìn thấy mối hiểm nguy này,
De-vin-da, trẫm hỏi khanh nhé,
Khanh nghĩ làm gì được ở đây?
Devinda đáp:

139. Ta hãy đốt lên ngọn lửa cao,
Ở bên cửa lớn lấy gươm dao,
Chúng ta cùng đả thương nhau chết,
Chốc lát ta không sống nữa nào.
Thần không thể cứu nguy chư vị,
Chỉ Đại Trí nhân có phép mầu!
Devinda nghĩ thầm: "Nhà vua đang làm gì thế? Ngọn lửa đây mà ngài lại đi thổi con đom đóm! Trừ Mahosadha ra, không ai giải cứu được ta. Thế mà nhà vua lại bỏ ngài và hỏi kế chúng ta, làm sao chúng ta biết được?"

Nghĩ thế xong, lão không thấy ai có mưu kế gì, lão liền lập lại mưu kế Senaka đã đưa ra, rồi ca ngợi bậc Đại Sĩ qua hai vần kệ:

140-141. Tâu Đại vương, thần muốn nói đây:
Chúng ta cùng hỏi Trí nhân này,
Nếu như việc hỏi han đầy đủ,
Bậc Trí nhân không thể giải vây,
Thì chúng ta cùng theo cách nọ, Se-na-ka đã khuyến ta vầy.

Nghe vậy, vua nhớ lại mình đã bạc đãi Bồ-tát trước kia, nên không thể nói gì thêm với ngài nữa, chỉ than thở khi lão nói vậy thôi:

142. Giống kẻ đi tìm chất nhựa thông,
Ở trong cây chuối hoặc cây bông,
Nên không thấy nhựa, như ta vậy,
Không thể tìm lời giải khó khăn.
143. Chỗ trú ta đây thật hãi hùng,
Như bầy voi ở chốn khô cằn,
Với người vô dụng và ngu xuẩn,
Chẳng biết làm gì để thoát thân.
144. Tim ta hồi hộp, miệng khô ran,
Lòng dạ ta nay thật bất an,
Ta giống một người được đốt lửa,
Rồi đem phơi dưới nắng chang chang.
145. Như cháy bên trong, lửa thợ rèn,
Bên ngoài chẳng có thể nào xem,
Lòng ta cũng vậy, đang bừng cháy,
Nhưng chẳng một ai có thể nhìn!
Nghe vậy bậc Trí giả nghĩ thầm: "Nhà vua đã vô cùng lo sợ, nếu ta không trấn an ngài, chắc ngài sẽ vỡ tim ra mà chết!". Thế là ngài trấn an vua.

*

Bậc Đạo Sư diễn tả cảnh này qua các vần kệ:

146. Thế rồi Trí giả Ma-sa-ha,
Nhận thức điều hiền thiện tối đa,
Khi ngài thấy mặt vua sầu thảm,
Ngài nói như vầy với đức vua:
147. - Xin đừng sợ hãi, tấu Anh quân,
Chúa tể đoàn xa mã đại hùng,
Thần sẽ giải vây phò Chúa thượng,
Như trăng bị nuốt bởi La Thần,
148. - Như vầng dương bị La Thần nuốt, Như thể voi chìm xuống dưới bùn, Như rắn bị giam trong giỏ kín,

Như con cá lọt lưới quay cuồng.

149. - Thần sẽ giải vây cứu Đại vương,
Cùng đoàn xa mã, với đoàn quân,
Sẽ làm kinh hãi Pãn-cà-đế,
Như quạ bị quăng đá hoảng hồn!
150. - Có ích lợi gì là trí tuệ,

Hoặc quân sư thuộc hạng tầm thường,
Không tài giải cứu phò Minh chúa,
Ra khỏi gian nguy, bước cuối đường?
Vua nghe vậy an lòng ngay: "Thế là ta được bình an rồi". Ông nghĩ thầm. Mọi người đều hoan hỷ khi Bồ-tát nói lớn như sư tử rống. Lúc ấy Senaka hỏi:

- Thưa bậc Trí giả, làm thế nào ngài thoát ra cùng chúng thần cả đây?

- Bằng một đường hầm được trang hoàng thật đẹp, Ngài bảo. Hãy chuẩn bị sẵn sàng.

Nói xong, ngài ra lệnh cho quân hầu mở địa đạo này.

- Này các người hãy đến mở cửa miệng hầm ra, vua Vedeha cùng quần thần sẽ đi qua địa đạo này.

Họ đứng lên mở cửa hầm, toàn địa đạo sáng ngời như cung đình được trang hoàng của chư Thiên.

*

Bậc Đạo Sư giải thích chuyện này như sau:

Nghe lệnh bậc Trí giả, quân hầu của ngài mở cửa hầm và các then tự động.

Họ trình bậc Đại Sĩ rằng cửa đã mở và ngài bảo vua:

- Tâu Chúa thượng, đã đến thời, xin bước xuống khỏi thượng lầu.

Vua liền bước xuống và Senaka cởi khăn trùm đầu, buông áo ra. Bậc Đại Sĩ hỏi lão làm gì, lão đáp:

- Thưa bậc Trí giả, khi đi qua đường hầm, ta phải cởi khăn trùm đầu và buộc áo quần quanh mình cho chặt.

Ngài đáp:

- Này Senaka, đừng tưởng là ông phải bò lết suốt đường hầm, nếu ông muốn cỡi voi cứ cỡi, hầm của ta cao ngất mười tám gang tay, cửa rộng rãi, cứ mặc xiêm y tốt đẹp vào như ông muốn, rồi đi trước đức vua.

Nói xong, Bồ-tát bảo Senaka đi trước, ngài đi cuối cùng, vua đi giữa và đây là lý do : Trong hầm là cả một thế giới đồ ẩm thực, người ta vừa ăn uống vừa ngắm đường hầm, bảo nhau:

- Đừng đi vội, cứ ngắm đường hầm trang hoàng tuyệt đẹp này đã.

Nhưng bậc Đại Sĩ đi sau vua, thúc giục ông bước nhanh, trong lúc ông chiêm ngưỡng đường hầm được trang hoàng đẹp như cung đình chư Thiên.

*

Bậc Đạo sư giải thích việc này như sau:

Senaka đi trước, Mahosadha đi sau, vua ở giữa cùng đám quân thần.

Bấy giờ khi được biết vua đến nơi, quân hầu đem ra khỏi đường hầm bà thái hậu, hoàng tử, công chúa của vua kia, để họ ở trước sân chầu rộng lớn. Vừa lúc ấy vua cùng Bồ-tát bước ra khỏi hầm. Khi bốn vị kia trông thấy vua và bậc Trí giả, họ kinh hoàng đến chết cứng, hoảng sợ thét lên:

- Chắc chắn ta đã ở trong tay địch rồi, chắc chắn quân sĩ của bậc Trí giả đến bắt ta đấy.

Còn vua Cùlani sợ vua Vedeha trốn thoát. Lúc bấy giờ vua ấy ở cách sông Hằng khoảng một dặm, nghe tiếng họ thét to trong đêm vắng, ông muốn bảo: "Hình như giọng của hoàng hậu Nandà". Nhưng ông sợ bị cười nhạo vì nghĩ quẩn như thế, nên không nói gì.

Lúc ấy bậc Đại Sĩ đặt công chúa Pañcàlacandì trên một đám trân bảo và ra lệnh vẩy nước thánh lễ trong khi ngài nói:

- Tâu Đại vương, vì nữ nhân này, Đại vương đến đây, vậy xin sắc phong nàng làm vương hậu.

Họ mang đến ba trăm chiếc thuyền, vua bước ra khỏi sân chầu rộng lớn, ngự lên một chiếc thuyền được trang hoàng lộng lẫy và bốn vị kia cùng bước lên cùng vua .

*

Bậc Đạo sư giải thích việc này như sau:

Vua Vedeha bước ra khỏi đường hầm ngự lên thuyền và khi ông đã an vị, Mahosadha khuyên nhủ ông:

- Đây là quốc trượng, đây là quốc mẫu, tâu Chúa thượng, ngài thường phụng dưỡng mẫu hậu ra sao thì xin phụng dưỡng quốc mẫu như vậy. Đây là hoàng tử cùng cha cùng mẹ với vương hậu, xin Đại vương hãy bảo hộ Pañcàlacandì, tâu Chúa tể đoàn chiến xa. Còn Pañcàlacandì là công chúa rất được nuông chìu, xin Đại vương hãy yêu quý nàng, nàng là vương hậu của Đại vương.

Vua chấp thuận ngay, nhưng tại sao bậc Đại sĩ không nói gì đến hoàng thái hậu? Chỉ vì đó là một bà già. Bồ-tát nãy giờ đứng trên bờ nói đủ mọi việc như thế. Vua vừa thoát khỏi đại nạn chỉ muốn ra khỏi ngay, liền nói:

- Vương nhi nói chuyện mà vẫn đứng trên bờ thế?

Rồi vua ngâm kệ:

151. Nào, hãy nhanh chân bước xuống đò,
Sao vương nhi mãi đứng trên bờ,
Ta vừa thoát được nơi nguy hiểm.
Ta hãy đi mau, Ma-sa-dha.
Bậc Đại Sĩ đáp:

- Tâu Chúa thượng, thần đi cùng Chúa thượng thì chẳng thuận tiện.

Rồi ngài ngâm kệ:

152. Việc này không đúng, tâu Quân vương,

Thần thủ lãnh toàn thể đạo quân,
Nếu bỏ đoàn quân và tẩu thoát.
Vậy toàn quân lính ở trong làng,
Rồi đây thần sẽ đem về cả,
Theo lệnh Brah-ma-dat Thượng hoàng.
Trong đám quân sĩ này, có kẻ ngủ mệt vì đường xa, có kẻ ăn uống, không biết ta khởi hành và kẻ bệnh hoạn vì đã làm việc cùng thần bốn tháng nay, họ lại có kẻ hầu cận của thần. Thần không thể bỏ lại một tên lính nào mà đi cả, nên thần sẽ trở lui. Thần sẽ mang đi toàn quân sĩ ấy theo lệnh của vua Brahmadatta mà không cần một trận đánh nào, xin Đại vương hãy lên đường thật nhanh, không trì hoãn ở nơi nào, thần đã sắp đặt những trạm voi và xe ngựa trên lộ trình, nên Đại vương có thể để lại những con vật nào mỏi mệt, còn những voi ngựa mạnh khỏe sẽ trở về Mithìlà nhanh chóng.

Lúc ấy vua ngâm kệ:

153. Một đoàn quân quá nhỏ nhoi,
Làm sao thắng nổi đoàn người đông hơn?
Đoàn quân yếu bị diệt vong,
Bởi đoàn quân mạnh, Trí nhân hỡi ngài!
Bồ-tát ngâm kệ tiếp:

154. Một đoàn quân quá ít oi,
Có minh sư sẽ thắng người đông hơn,
Nhưng không có vị dẫn đường,
Một vua thắng lắm quốc vương lẽ thường,
Khác gì với ánh chiêu dương,
Đánh tan bóng tối, vinh quang mọi nhà.
Nói lời này xong, bậc Đại Sĩ vái chào vua và tiễn ngài lên đường. Vua nhớ lại mình đã được giải cứu khỏi bàn tay kẻ thù như thế nào và chiếm được công chúa là đã đạt được tâm nguyện, suy xét

kỹ đến công đức của Bồ-tát, vua hân hoan diễn tả cho Senaka nghe những công đức ấy của bậc Trí giả qua vần kệ sau:

155. Quốc sư hỡi, Se-na-ka,
Sống cùng người trí thật là lạc hoan !
Như Chim thoát khỏi lồng giam,
Như con cá thoát lưới càng vui thay,
Ma-sa-dha cứu ta đây
Khi ta còn ở trong tay quân thù.
Senaka ngâm kệ khác đáp lời vua, vừa tán dương bậc trí giả:

156. Muôn tâu Chúa thượng, chúng ta,
Sống cùng người trí thật lạc hoan!

Như chim thoát khỏi lồng giam,
Như con cá thoát lưới càng vui thay.
Ma-sa-dha cứu ta đây,
Khi ta còn ở trong tay quân thù.
Lúc ấy vua Vedeha đã qua sông cách chừng một dặm. Ông thấy ngôi làng mà Bồ-tát đã dựng sẵn, quân hầu do Bồ-tát giao nhiệm vụ tại đó cung cấp voi ngựa và các phương tiện chuyên chở khác, rồi dâng thức ăn uống. Vua giao lại những voi ngựa chuyên chở nào đã mệt mỏi rồi nhận thứ khác và đi đến làng kế cận, cứ thế ông vượt qua cuộc hành trình dài trăm dặm đường và sáng hôm sau ông đến Mithilà.

Còn Bồ-tát khi đi đến cổng địa đạo, rút kiếm đeo trên vai ra đem giấu trong cát, rồi ngài trở vào địa đạo đi đến kinh thành, tắm gội nước thơm, ăn uống cao lương mỹ vị xong, nghỉ ngơi trên bảo tọa, sung sướng nghĩ rằng tâm nguyện của ngài đã thành đạt. Khi đêm tàn, vua Cùlani ra lệnh quân sĩ vào kinh thành.

*

Bậc Đạo Sư giải thích việc này như sau:

157. Hoàng đế Cù-la-ni đại cường,
Đã canh giữ kỹ suốt đêm trường,
Rạng đông vừa đến thành U-pak,
Đang ngự trên lưng của tượng vương.
158. Mãnh tượng sáu mươi tuổi đã già,
Đại vương hùng dũng Pañ-cà-la,
Quân trang vũ khí toàn châu báu,
Cung nắm trong tay cất tiếng ra:
Sau đó vua miêu tả chúng đủ loại:

159. - Truyền lệnh đại quân tề tựu ngay,
Lên voi vệ sĩ chiến xa này,
Các người thiện xạ và cung thủ,
Tất cả cùng nhau tụ họp đây.
Bấy giờ vua ra lệnh họ bắt sống vua Vedeha:

160. Đưa hết các voi chiến có ngà,
Sáu mươi tuổi thọ, dẫm tan ra,
Kinh thành mới dựng cao sang ấy,
Do chính Đại vương Vi-đế-ha.
161. Hãy bắn tên ra mọi phía này,
Từ bao cung nọ, đám tên bay,
Như răng bò nghé, đầu tên nhọn,
Đâm thủng tận xương bọn chúng ngay.
162. Anh hùng tiến tới, giáp bào mang,

Vũ khí cầm tay khéo điểm trang,
Dũng mãnh can trường và tự nguyện,
Sẵn sàng đối diện với voi đàn.
163. Các gươm giáo được tẩm dầu trong,
Đầu nhọn lung linh tựa lửa hồng,
Lấp lánh như chùm sao hội tụ,
Cả trăm tinh tú giữa hư không.
164. Khi các anh hùng ấy tấn công,
Mang bào giáp, vũ khí hiên ngang,
Không hề tháo chạy bao giờ cả,
Như vậy làm sao Vi-đế vương,
Có thể tìm đường nào tẩu thoát,
Cho dù bay lượn tựa chim muông?
165. Ba vạn chín ngàn chiến sĩ ta,
Ta chưa từng thấy thế bao giờ,
Toàn quân được chọn rất tinh nhuệ,
Tất cả hùng quân của nước nhà.
166-167. Hãy nhìn voi mạnh đủ đôi ngà,
Tô điểm cân đai đẹp mắt ta,
Tuổi thọ sáu mươi, lưng ngất ngưỡng,
Các vương tử rực rỡ, xa hoa,
Trang hoàng lộng lẫy bao xiêm áo,
Như các Thiên thần Nan-da-na.
168. Gươm màu cá bạc tẩm dầu trơn,
Lấp lánh anh hùng, nắm vững vàng,
Bén nhọn, sáng ngời, hoàn hảo quá,
Được làm bằng thép luyện nhiều lần.
169-170. Gươm mạnh, do bao dũng sĩ cầm,
Những người chiến đấu mãi không ngừng,
Kim hoàn vàng ánh, đai màu đỏ,
Gươm sáng lung linh lúc vẫy vùng,
Như chớp lòe trong mây xám ngắt.
Anh hùng mang giáp vẫy cờ tung,
Có tài dùng kiếm và khiên mộc,
Nắm chặt chuôi gươm, thiện chiến quân.
171. Bị vây bởi chiến sĩ anh hùng,
Như vậy trên lưng voi tấn công,
Ngươi chẳng có nơi nào tẩu thoát,
Ta không thấy một lực oai thần,

Giúp ngươi trở lại kinh thành cũ,
Ở tại Mi-thi-là, biết chăng?
Vua này hăm dọa vua Vedeha như vậy, nghĩ rằng sẽ bắt được vua kia lúc ấy ngay tại chỗ, nên thúc voi đi nhanh hơn, ban lệnh quân sĩ bắt được là đánh và giết đi. Vua Cùlani tiến vào thành Upakàri như dòng thác lũ.

Lúc ấy các thám tử của bậc Đại Sĩ nghĩ thầm: "Ai biết được chuyện gì sẽ xảy ra?". Và đám hầu cận xúm xít quanh ngài. Ngay lúc này Bồ-tát đứng dậy khỏi tọa sàng, quân hầu giúp ngài tắm rửa xong, ngài dùng điểm tâm rồi mặc xiêm y kàsi trị giá cả trăm đồng tiền vàng, hồng y khoác lên, bên vai, mang gậy biểu thị tước vị của ngài có gắn bảy bảo vật, đôi hài vàng mang ở chân, phe phẩy quạt sơn ngưu như một vị Thiên thần được trang hoàng rực rỡ, bước lên thượng lầu mở cửa sổ, xuất hiện trước vua Cùlani, đi đi lại lại với dáng điệu uy nghi của một vị Thiên chủ.

Còn vua Cùlani trông thấy dung sắc của ngài, không thể nào giữ được lòng bình thản, mà vội lao lên mình voi, tưởng rằng có thể bắt được ngài ngay lúc đó. Bậc Trí giả nghĩ thầm: "Vua ấy vội đến chỗ kia vì tưởng vua Vedeha sẽ bị bắt, mà không biết rằng chính các hoàng tử, công chúa đã bị bắt, còn Đại vương ta đã đi rồi. Ta sẽ xuất đầu lộ diện như một tấm gương vàng chói và nói chuyện với vua này". Thế là đứng ở cửa sổ, ngài thốt lên những lời này với giọng ngọt ngào như mật:

172-173. Sao ngài thúc giục mãi con voi,
Ngài đến với khuôn mặt thật tươi,
Ngài nghĩ là ngài tròn ước muốn,
Ném cung ấy xuống, ném tên thôi.
Cởi ngay bào giáp kia ngời sáng,
Cùng với san hô, các ngọc trai.
Khi vua nghe lời ấy của ngài, ông nghĩ thầm: "Tên nông dân kia đang chế nhạo ta, hôm nay ta sẽ chứng kiến điều cần làm cho gã ấy". Rồi ông nói giọng hăm dọa:

174. Trông ngươi có dáng điệu vui tươi,
Ngươi nói lời ra với nụ cười,
Giờ chết của ngươi nay sắp đến,
Cho nên vẻ đẹp hiện ra ngoài!
Khi hai vị đang nói chuyện như trên, đám quâm sĩ chú ý đến hảo tướng của bậc Đại Sĩ, liền bảo nhau:

- Đại vương đang đàm đạo với bậc Trí giả Mahosadha. Các ngài đang bàn luận gì đây? Ta thử nghe xem sao.

Rồi họ đến gần vua, nhưng bậc Trí giả khi nghe vua nói xong, liền đáp lại:

- Đại vương không biết ta là bậc Trí giả Mahosadha, ta không để Đại vương giết ta đâu. Mưu kế Đại vương đã hỏng, những điều Đại vương cùng Kevatta đã nghĩ trong tâm không xảy ra đâu, mà vừa xảy ra những việc Đại vương chỉ nói đầu môi chót lưỡi.

Rồi ngài giải thích sự việc như sau:

175. Sấm sét của ngài thật uổng công,
Âm mưu đã hỏng, hỡi Quân vương!
Vua ta khó bắt cho ngài quá,
Như tuấn mã so với ngựa thường!
176. Vua ta đã vượt quá sông Hằng,
Vào tối qua cùng các cận thần,
Ngài sẽ giống như con quạ nọ,
Cố công săn bắt thiên nga vương!
Một lần nữa, như con sư tử giương bờm dũng mãnh, ngài phát họa một ảnh dụ qua các lời sau:

177. Chó rừng đang ở giữa đêm trường,
Nhìn thấy hoa cây phượng đỏ hồng,
Cứ tưởng hoa kia là miếng thịt,
Súc sinh hạ liệt họp từng đàn.
178. Khi các canh khuya ấy đã qua,
Mặt trời đã xuất hiện dần ra,.
Chó nhìn cây phượng đầy hoa nở,
Thất vọng, súc sinh thật xấu xa!
179. Hỡi Đại vương, cũng giống các vua, Đã bao vây chúa Vi-đề-ha,

Sẽ tan hy vọng và đi mất, Như lũ chó rừng tránh phượng hoa!

Khi vua nghe những lời lẽ can trường như vậy, nghĩ thầm: "Tên nông dân này nói năng thật bạo dạn, chắc chắn vua Vedeha đã trốn thoát".

Vua liền nổi cơn thịnh nộ, nghĩ thầm: "Xưa kia vì tên nông dân này mà ta chẳng còn mảnh vải che thân, nay cũng vì gã mà kẻ thù đã làm hại ta quá nhiều, ta phải trả thù gã cả hai chuyện mới được".Vua liền ban lệnh như sau:

180. Cắt hết tay chân, tai mũi ra,
Vì tên kia thả Vi-đề-ha,
Kẻ thù đã thoát tay ta đó,
Xẻo thịt, đem chiên nấu chín mà,
Vì tên kia thả Vi-đề chúa,
Kẻ thù đã thoát khỏi tay ta !
181. Như tấm da trâu trải đất bằng,
Hoặc da sư, hổ được đem căng,
Bằng cây cọc, vậy ta mong muốn,
Căng nọc nó và lấy giáo đâm,
Vì nó thả Vi-đề chúa tể,
Kẻ thù ta thoát khỏi giam cầm!

Nghe vậy bậc Đại Sĩ mỉm cười nghĩ thầm: "Vua này không biết là hoàng hậu và hoàng gia đã được ta chở về Mithilà rồi, nên mới ra lệnh bắt ta như vậy. Nhưng trong cơn thịnh nộ, vua ấy có thể lấy cung tên đâm xuyên thân ta, hay làm một chuyện gì đó cho hả dạ, vậy ta phải làm cho vua ấy hoảng hốt đau buồn, rồi ngất xỉu trên lưng voi khi ta kể chuyện cho vua nghe mới được". Ngài liền nói:

182. Nếu chặt tay chân, tai mũi ta,
Vi-đề chúa sẽ chặt Can-da,
Can-dì, hoàng hậu Nan-dà nữa,
Công chúa cùng hoàng tử cả nhà!
183. Nếu xẻo ta rồi xiên thịt ta,
Vi-đề chúa sẽ xẻo Canda
Can-dì, hoàng hậu Nandà nữa,
Công chúa và hoàng tử cả nhà!
184. Nếu đóng cọc ta, đâm giáo ta,
Vi-đề sẽ đóng cọc Can-da,
Can-dì, hoàng hậu Nan-dà nữa,
Công chúa và hoàng tử cả nhà!
185. Vậy việc kia đã được mật bàn, Giữa ta và chính Vi-đề vương,

Giống như tấm chắn bằng da thuộc,
Dầy một trăm tầng được khéo làm,
Bởi các thợ da, là vật dụng,
Đề phòng tên nọ bắn xuyên ngang.
186. Ta mang hạnh phúc, tránh đau buồn,
Cho chúa Vi-đề-ha vẻ vang,
Ta thoát âm mưu ngài dự tính,
Như khiên tránh khỏi mũi tên đâm.
Nghe thế, vua nghĩ thầm: "Tên nông dân này nói gì thế, nếu ta làm gì gã thì vua Vedeha cũng sẽ làm thế cho gia quyến ta ư? Gã chẳng biết ta đã cho canh phòng thê tử ta rất cẩn mật, nên cứ dọa ta như thế vì sợ chết ngay đây, ta không tin lời gã nói đâu".

Bậc Đại Sĩ đoán biết rằng vua tưởng ngài nói thế vì sợ chết, nên ngài quyết định giải thích rõ. Ngài nói:

187. Đại vương xin hãy bước vào trong,
Các nội cung đều đã trống không:
Hoàng hậu, hoàng nhi, hoàng thái hậu,
Thảy đều được dẫn xuống đường hầm.
Chiến vương hỡi! họ được giao phó,
Vi-đề vương giám sát hộ phòng.
Lúc ấy vua nghĩ thầm: "Bậc Trí giả này nói có vẻ chắc chắn, ta đã nghe đêm qua bên sông Hằng có giọng của hoàng hậu Nandà, bậc Trí giả này thật là tài tình, chắc đang nói

sự thật đây". Vua thốt nhiên đau khổ ghê gớm, nhưng cố thu hết can đảm giấu nỗi buồn phiền, phán bảo thị vệ đi điều tra tin tức và ngâm bài kệ này:

188. Mau bước vào trong các nội cung, Xem lời tên nọ đúng hay không?

Tên thị giả cùng quân hầu đi ra mở cửa cung bước vào, ở đó toàn kẻ tay chân bị trói, nhét giẻ vào mồm, treo trên cọc, gã thấy quân canh hậu cung, những tên lùn, gù lưng đều thế, cả chén bát đổ vỡ vung vãi khắp nơi, cùng với thức ăn uống, cửa kho tàng đều bị mở tung, kho đã bị cướp phá sạch, các phòng ngủ mở toang cửa, bầy quạ bay qua cửa sổ mở vào trong, chẳng khác nào một làng bỏ hoang hay bãi tha ma.

Gã thấy cung điện trong cảnh tiêu điều ấy, liền báo tin cho vua:

189. Ma-ho-sad nói đúng, Minh quân,
Nội điện hoàng cung đã trống không,
Như một làng bên bờ bến nước,
Được bầy quạ trú ẩn nương thân.
Vua run rẩy buồn rầu sợ mất các người thân yêu, liền nói:

- Ta gặp nỗi đau buồn này cũng do gã nông dân kia.

Rồi giống như con rắn bị đánh một gậy, ông hết sức phẫn nộ với Bồ-tát. Khi bậc Đại Sĩ thấy dáng điệu của vua như vậy, ngài nghĩ thầm: "Nhà vua này đang được đại vinh hiển, nếu trong cơn thịnh nộ liền nói: Ta phải làm gì trước những việc như thế? Vì lòng kiêu mạn của chiến sĩ, vua ấy có thể làm hại ta. Giả sử ta tả sắc đẹp của hoàng hậu Nandà cho vua nghe, làm như thể ông chưa từng gặp được hoàng hậu, ông sẽ thương nhớ bà và hiểu rằng ông sẽ không bao giờ thấy lại được nữ báu ấy nếu giết ta đi. Như vậy vì thương yêu hoàng hậu, vua sẽ không làm hại ta nữa".

Thế là đứng an toàn trên thượng lầu, ngài khoát cánh tay sắc vàng óng từ dưới vạt hồng y của ngài lên và chỉ về hướng hoàng hậu đã ra đi, ngài tả dung sắc của hoàng hậu như vầy:

190. Giai nhân có sắc đẹp toàn thân,
Đã bước lối này, hỡi Đại vương,
Giọng nói bà: thiên nga trổi nhạc,
Môi bà như các phiến vàng ròng,
191. Giai nhân có sắc đẹp toàn thân,
Được dẫn lối này, hỡi Đại vương,
Đã khoác xiêm y màu lụa sẩm,
Đai lưng sáng rực kết vàng ròng.
192. Đôi chân hồng đỏ trông kiều diễm,
Đai kết vàng ròng với bảo trân,
Đôi mắt bồ câu, hình yểu điệu,
Đôi môi như trái bim-ba rừng.
193. Lưng eo thon dịu, dáng cao sang,

Như một cây leo, giống cát đằng,
Hoặc chỗ tế đàn cao, giữa hẹp,
Tóc dài đen nhánh, dưới cong cong,
Như nai tơ, thuộc dòng cao quý,
Như ngọn lửa hồng giữa tiết đông!
194. Như dòng sông ẩn dưới sườn non,
Trong đám cây leo bé cỏn con,
Tuyệt sắc giai nhân hoàn hảo quá,
Ngực đầy như trái tin-dook tròn,
Cũng không ngắn quá, không dài quá,
Cũng chẳng nhiều lông, chẳng trụi lông!
Trong lúc bậc Đại Sĩ ca tụng dung sắc diễm kiều của bà như vậy, vua cảm thấy như thể mình chưa gặp bà bao giờ cả, một nỗi khát khao ghê gớm khởi lên trong lòng ông. Bậc Đại Sĩ nhận thấy thế, lại ngâm kệ sau:

195. Vậy ngài, Đại đế vinh quang,
Thấy Nan-dà chết, hân hoan trong lòng,
Thì Nan-dà sẽ cùng thần,
Đến trình diện trước Diêm vương bây giờ!
Bậc Đại Sĩ ca tụng hoàng hậu Nandà như vậy, chứ không ca tụng ai khác, lý do là: Người ta không thương yêu ai bằng ái thê của mình. Ngài chỉ ca tụng bà, vì ngài nghĩ nếu vua nhớ đến bà, ông cũng sẽ nhớ đến các con. Trong lúc bậc Đại Sĩ ca tụng bà bằng giọng ngọt như mật, hoàng hậu Nandà như thể hiển diện toàn thân ra trước mắt vua. Lúc ấy ông nghĩ thầm: "Không ai ngoài Mahosadha có thể đem ái hậu về cho ta". Nhớ đến bà, nỗi đau buồn lại dâng lên trong lòng ông. Bậc Đại Sĩ nói:

- Tâu Đại vương, xin đừng sầu khổ, hoàng hậu, hoàng tử và hoàng thái hậu sẽ trở về đây, với điều kiện duy nhất là thần được trở về trước, xin Đại vương hãy an lòng.

Ngài trấn an vua và vua lại nói:

- Ta canh phòng kinh thành của ta thật cẩn mật, ta đã bao vây thành Upakàri này với đoàn quân sĩ thật đông đảo, thế mà kẻ tài trí này vẫn đem ra khỏi thành được canh kỹ kia toàn thể hoàng hậu, hoàng tử, hoàng thái hậu và đưa họ đến thành Vedeha. Trong lúc ta đang vây hãm thành này, mà không một ai hay biết, kẻ này lại đưa vua Vedeha thoát đi cùng quân sĩ và voi ngựa chuyên chở, có thể rằng kẻ này có thần thông hay là có cách làm mờ mắt ta chăng?

Và ông hỏi ngài như sau:

196. Nhà ngươi có pháp thuật ư?
Hay là ngươi đã làm mờ mắt ta?
Nên ngươi cứu chúa Đề-ha,
Kẻ thù ta thoát tay ta giam cầm?

Nghe thế, bậc Đại Sĩ đáp:

-Tâu Đại vương, tiểu thần có thần thông biến hóa, vì các Trí giả học được phép thần thông, sẽ giải cứu luôn bản thân cùng các người khác, khi tai họa đến.

197. Tâu Đại vương, các trí nhân,
Vẫn thường học phép thần thông ở đời;
Trí nhân đầy đủ kế tài,
Bản thân giải thoát ra ngoài gian lao.
198. Tiểu thần có các quân hầu,
Khéo tài phá vỡ các hào lũy ra,
Họ làm cách ấy giúp vua,
Vi-đề đã đến Mi-la kinh thành.
Câu này ám chỉ vua kia đã ra đi bằng địa đạo được trang hoàng như trên, vì thế vua hỏi:

- Địa đạo ấy ra sao?

Và vua muốn xem nó. Bậc Đại Sĩ thấy vẻ mặt vua, biết rằng đây là vua muốn biết, nên ngài sẵn sàng chỉ nó cho vua xem:

199. Đường hầm xây thật tài tình,
Ngự du, xin hãy thân hành, Đại vương!
Hầm to đủ chứa voi đàn,
Đoàn xe, bầy ngựa, hàng hàng lục quân,
Bên trong đèn thắp sáng trưng,
Một đường hầm quả kỳ công thực là!
Rồi ngài tiếp tục nói:

- Tâu Đại vương, xin ngự lãm địa đạo do trí tuệ thần xây dựng nên, sáng ngời như thể đôi vầng nhật nguyệt mọc lên trong đó, được trang hoàng thật lộng lẫy với tám mươi cửa lớn và sáu mươi bốn cửa nhỏ, một trăm lẻ một loan phòng, hằng trăm ổ đèn, xin Đại vương hoan hỷ ngự giá cùng tiểu thần và quân cận vệ vào kinh thành Upakàri.

Nói xong, ngài bảo cổng thành mở toang và vua cùng một trăm lẻ một vị vương hầu ngự vào. Bậc Đại Sĩ bước xuống khỏi thượng lầu triều bái vua và đưa ngài cùng đoàn tùy tùng vào trongđịa đạo. Khi vua thấy địa đạo đẹp như kinh thành được trang hoàng của chư Thiên, vua liền ca tụng Bồ-tát:

200. Lợi thay chúa tể Đề-ha,
Có nhiều người trí trong nhà như khanh,
Hoặc trong đất nước của mình,
Ma-ho-sad hỡi, thông minh tuyệt trần!
Sau đó bậc Đại Sĩ dẫn vua đến một trăm lẻ một loan phòng, hễ mở một cửa thì tất cả đều mở và một cửa đóng thì tất cả đều đóng lại. Vua bước vào trước, chiêm ngưỡng địa đạo, bậc Đại Sĩ theo sau, rồi tất cả quân sĩ đều vào trong hầm. Nhưng khi bậc Trí giả

biết vua đã ra khỏi địa đạo, ngài liền ngăn đám người kia bước ra bằng cách đi đến một nút bấm và đóng cửa hầm lại. Thế là tám mươi cửa lớn và sáu mươi bốn cửa nhỏ, các cửa của cả trăm lẻ một loan phòng và cửa của hàng trăm ổ đèn đều đóng chặt lại, toàn thể địa đạo tối đen như địa ngục.

Tất cả đám người đông đảo ấy đều kinh hoàng.

Bấy giờ bậc Đại Sĩ tuốt kiếm ra, cây kiếm mà ngài đã giấu hôm qua khi ngài vào địa đạo. Từ dưới đất, ngài phóng mình lên không chừng tám thước rồi hạ xuống chụp lấy cánh tay vua, vung kiếm ra và thét lên hăm dọa:

- Này Đại vương, tất cả vương quốc ở cõi Diêm -phù- đề thuộc về ai?

- Thưa bậc Trí giả, của khanh tất cả, xin tha mạng trẫm.

Ngài đáp:

- Xin Đại vương chớ sợ, thần không có ý gì lấy kiếm ra sát hại Đại vương đâu, mà chỉ để bày tỏ trí khôn của thần đó thôi.

Rồi ngài trao kiếm cho vua, khi vua đã cầm kiếm xong, ngài lại nói:

- Tâu Đại vương, nếu ngài muốn giết thần xin hãy lấy kiếm này giết đi, còn nếu muốn tha cho thần, xin hãy tha cho.

Vua đáp:

- Này bậc Trí giả đừng sợ, trẫm hứa bảo toàn tánh mạng của khanh.

Thế là khi vua giơ kiếm lên, cả hai đều kết tình bằng hữu rất chân thật. Rồi vua bảo Bồ-tát:

- Này bậc Trí giả, hiền khanh thật nhiều tài trí, tại sao khanh không chiếm lấy vương quốc này?

- Tâu Đại vương, nếu thần muốn, chỉ nội hôm nay thần có thể thu trọn mọi vương quốc ở cõi Diêm- phù-đề này và giết hại mọi vị vua, nhưng một hiền nhân không đạt vinh quang bằng cách giết hại kẻ khác.

- Này bậc Trí giả, đám đông đang khổ sở vì không đi ra được, vậy khanh hãy mở cửa địa đạo và tha mạng cho hết thảy.

Ngài mở cửa, cả địa đạo sáng lòa, mọi người đều bình tâm trở lại, vua chúa cùng các đoàn tùy tùng bước ra, đến gần bậc Trí giả đang đứng giữa sân chầu rộng lớn với vua, rồi các vua này bảo:

- Thưa bậc Trí giả, ngài đã tha mạng cho tất cả chúng ta, nếu cửa địa đạo đóng lâu hơn chốc nữa, chắc cả đám chết hết rồi.

- Tâu các vị Chúa công, đây không phải lần đầu tiên các ngài được thần cứu giá đâu.

- Thế thì khi nào nữa, thưa bậc Trí giả?

- Các ngài còn nhớ khi tất cả vương quốc ở cõi Diêm-phù-đề đều bị chinh phục trừ kinh thành của tiểu thần và khi các vị đến vườn Thượng uyển Uttarapañcàla sẵn sàng nâng chén khải hoàn chăng?

- Thưa bậc Trí giả, còn nhớ.

- Lúc ấy chính vua này cùng lão Kevatta đã dùng độc kế, đầu độc thức ăn thức uống và mưu toan sát hại các vị, nhưng tiểu thần lại không muốn để các vị chịu một cái chết ngu si như vậy trước mắt thần, nên thần cho người vào đánh vỡ hết chén bát nồi niêu, phá hỏng kế hoạch của họ, cứu mạng các vị đấy!

Các vua đều kinh hãi hỏi lại vua Cùlani:

- Tâu Đại vương, có thật vậy chăng?

- Thật vậy, các việc ta làm đều do lời bàn của Kevatta. Bậc Trí giả nói đúng thật đấy.

Thế là các vua đều ôm lấy bậc Đại Sĩ và bảo:

- Thưa bậc Trí giả, ngài là vị cứu tinh của chúng ta, ngài đã giải cứu chúng ta.

Các vua ấy ban tặng vật trang sức cho ngài để tỏ lòng quý trọng.

Bậc Đại Sĩ nói với vua Cùlani:

- Xin Đại vương chớ sợ, lỗi lầm này do kết giao với một bạn ác, xin Đại vương yêu cầu các vua kia lượng thứ cho.

Vua bảo:

- Ta đã làm như vậy vì một kẻ ác, đó là lỗi lầm của ta, xin các vị hãy khoan dung, ta không bao giờ tái phạm điều ấy nữa.

Vua này liền được các vua kia tha thứ, tất cả đều thú tội cho nhau nghe và trở thành thân hữu, sau đó vua truyền đem đến đủ thứ sơn hào hải vị, hương thơm tràng hoa và suốt bảy ngày liền họ liên hoan trong địa đạo, rồi vào kinh thành ban đại vinh hiển cho bậc Đại Sĩ. Vua ngự trên ngai vàng, có cả trăm lẻ một vương hầu vây quanh. Và ước mong giữ bậc Trí giả ở lại triềuđình này, vua liền bảo:

201. Trẫm ban thế lực, vinh quang,
Gấp đôi thực phẩm, tiền lương công thần,
Và thêm nhiều thứ đặc ân,
Mong khanh hưởng thụ toàn phần tự do,
Đừng về với Chúa Đề-ha,
Vua kia làm được gì cho khanh à?
Nhưng bậc Trí giả tìm lời lẽ chối từ:

202-203. Đại vương, rời bỏ chủ ta,
Chỉ vì lợi lộc thật là nhục thay,
Cho người kia lẫn ta đây;
Trong đời Vi-đế vương này trị dân,

Thần không hầu hạ tha nhân,
Thần không thể sống giang sơn người ngoài.
Lúc ấy vua bảo ngài:

- Này bậc Trí giả, được rồi, khi nào Đại vương của khanh lên chầu trời, xin hiền khanh hãy hứa đến đây với trẫm.

- Tâu Đại vương, nếu thần còn sống, thần xin đến đây.

Thế là vua tiếp đãi ngài trọng thể trong bảy ngày. Sau đó, khi ngài tạ từ, vua ngâm kệ hứa hẹn ban tặng ngài thứ nọ kia:

204. Ban khanh ngàn nén vàng thoi,
Ở Kà-si đủ tám mươi ngôi làng,
Bốn trăm tỳ nữ gia nhân,
Một trăm thê thiếp, trẫm ban trọn phần.
Rồi đem tất cả đoàn quân,
Ma-ho-sad, hãy lên đường bình an.
- Khi đức vua của thần về bổn quốc, thần có tâu ngài phải tiếp đãi mẫu hậu Nandà như mẹ ngài, hoàng tử Pañcàlacanda như vương đệ của ngài và thần đã kết duyên công chúa cho ngài bằng nghi lễ vẩy nước thánh. Chẳng bao lâu nữa thần xin đưa thái hậu cùng hoàng hậu, hoàng tử trở về.

- Tốt lắm.

Vua phán, truyền ban hồi môn cho công chúa, cùng thị vệ nữ tỳ, xiêm y, nữ trang ngọc vàng trân bảo, voi ngựa, vương xa trang hoàng rực rỡ. Rồi vua ra lệnh cho quân sĩ thi hành:

205. Hãy cho bầy ngựa, voi đàn,
Gấp đôi số thực phẩm ban ngày,
Toàn quân mở tiệc liên hoan,
Quản xa, lính bộ uống ăn thỏa lòng!
Nói vậy xong, vua truyền bậc Trí giả ra về với những lời này:

206. Lên đường, hỡi bậc Trí nhân,
Đoàn xe, voi ngựa, lục quân ra về,
Để cho chúa tể Vi-đề
Thấy khanh trở lại Mi-thi-la thành.
Vua tiễn đưa bậc Trí giả vô cùng trọng thể như thế. Cả trăm lẻ một vương hầu cùng đưa tiễn ngài linh đình và trao quà tặng vô số.

Các thám tử theo phụng sự các vương hầu kia cũng đến vây quanh bậc Trí giả. Ngài rầm rộ lên đường. Trên lộ trình, ngài gửi người hầu đi thu lợi tức ở các ngôi làng mà vua Cùlani đã ban ngài. Rồi ngài trở về vương quốc Vedeha.

Bấy giờ Senaka đã phái một người hầu lên đường để rình xem vua Cùlani có đến hay không và phi báo cho lão biết bất kỳ ai đến. Gã kia trông thấy bậc Đại Sĩ cách ba dặm đường, liền trở về báo cho lão biết bậc Trí giả đang cùng đám tùy tùng đông đảo rầm rộ trở về. Được tin ấy lão liền đến hoàng cung. Vua cũng nhìn ra cửa sổ trên thượng lầu thấy một đám đông rầm rộ thì đâm hoảng sợ. "Đám tùy tùng của bậc Đại Sĩ còn ít lắm, còn đám này lại quá đông, phải chăng đích thân vua Cùlani đến đây?". Ngài liền hỏi như sau:

207. Ngựa voi, xe pháo, bộ binh,
Đạo quân rầm rộ hiện hình trước ta,
Bốn đoàn khủng khiếp lộ ra,
Việc này có ý nghĩa là sao đây?
Senaka đáp:

208. Hân hoan lớn nhất đời này,
Đại vương còn thấy vui vầy nào hơn?
Ma-ho-sad được bình an,
Trở về cùng cả đoàn quân của ngài.
Vua bảo:

- Này Senaka, quân sĩ của bậc Trí giả ít lắm, mà đám này lại quá đông?

- Tâu Đại vương, ắt hẳn vua Cùlani đẹp ý vì ngài lắm nên đã ban cho ngài đám tùy tùng đông như vậy.

Vua liền cho lệnh truyền đi khắp nơi kinh thành bằng tiếng trống:

- Cả kinh thành hãy trang hoàng để nghênh đón bậc Trí giả về.

Dân chúng tuân lệnh, bậc Trí giả về thành, liền vào cung vua. Lúc ấy vua đứng dậy ôm hôn ngài, rồi lui về ngai và hoan hỷ bảo ngài:

209-210. Giống như có bốn người trai,
Để thi thể nọ ra ngoài nghĩa trang,
Chúng ta để bậc Trí nhân.
Tại Kam-pil quốc, nhanh chân trở về.
Nhưng khanh có đặc tính gì,
Lập mưu, phương tiện, cứu nguy an toàn?
Bậc Đại Sĩ đáp:

211. Vi-đề-ha, tấu Đại vương,
Thần nhờ một đích phá tan địch thù,
Dùng quân cơ thắng quân cơ,
Và thần vây hãm vị vua đại cường,
Như là biển lớn, Chiến vương,
Bao vây khắp cả giang sơn Diêm-Phù.

Nghe thế vua rất đẹp lòng. Rồi bậc Đại Sĩ kể cho vua nghe những tặng vật mà vua Cùlani đã ban :

212. Được ban ngàn nén vàng thoi,
Ở Kà-sì đủ tám mươi ngôi làng
Bốn trăm tỳ nữ gia nhân,
Một trăm thê thiếp được ban cho thần.
Rồi cùng tất cả đoàn quân,
Tiểu thần trở lại quê hương an toàn.
Lúc ấy vua hết sức vui mừng, hoan hỷ thốt lời ca ngợi tán thán đầy cung kính trước tài đức của bậc Đại Sĩ:

213. Thật là hạnh phúc muôn vàn,
Khi ta được sống cùng hàng trí nhân.
Như chim thoát khỏi lồng giam,
Như con cá thoát lưới càng vui thay,
Ma-ho-sad cứu ta đây,
Khi ta còn ở trong tay quân thù.
Senaka đáp lại như sau:

214. Muôn tâu chúa thượng, chúng ta,
Sống cùng bậc Trí thật là lạc quan,
Như chim thoát khỏi lồng giam,
Như con cá thoát lưới càng vui thay,
Ma-ho-sad cứu ta đây,
Khi ta còn ở trong tay quân thù.
Sau đó vua cho trống hội đánh khắp kinh thành:

Hãy làm hội hè trong bảy ngày, những kẻ nào có thiện ý với trẫm thì hãy phụng sự cung kính bậc Trí giả.

*

Bậc Đại Sư giải thích việc này như sau:

Dân chúng hãy trổi vang mọi loại đàn sáo trống chiêng, tù và trong xứ Ma-kiệt-đà hãy khua vội lên, thanh la rung thật nhộn nhịp.

Dân chúng từ thành thị đến thôn quê đều ước ao tỏ lòng tôn kính bậc Đại Sĩ, khi nghe công bố như vậy, liền mở hội liên hoan cho thỏa thích. Bậc Đạo Sư giải thích việc này như sau:

215. Đàn bà, con gái mọi nhà,,
Thương gia cùng vợ, các Bà-la-môn
Đem đầy đủ thức uống ăn,
Đến dâng bậc Trí nhân làm quà.

216. Luyện voi, vệ sĩ, quản xa,
Bộ binh, tất cả đem quà đến, dâng.
Toàn dân làng xã hợp quần
Người người vui thấy Trí nhân khải hoàn.
Trong khi tiếp đón chào mừng,
Trên không phất phới khăn quàng vẫy tung.
Khi tan hội hè, bậc Đại Sĩ vào cung và thưa:

- Tâu Đại vương, mẫu hậu và hoàng hậu, hoàng nam của vua Cùlani phải được đưa về nước ngay lập tức.

- Vương nhi, tốt lắm. con hãy đưa họ trở về.

Ngài liền cư xử rất cung kính đến với ba người kia và tiếp đãi ân cần đám tùy tùng đã đi theo ngài, rồi ngài đưa ba vị ấy về nước với đầy đủ đoàn hầu cận của ngài cùng một trăm thê thiếp và bốn trăm nữ tỳ mà vua kia đã ban cho ngài, ngài đều đưa về theo hoàng hậu Nandà và đoàn quân sĩ đã đến đây với ngài, ngài cũng cho về luôn.

Khi đoàn đại binh này đến thành Uttarapañcàla, vua hỏi mẫu hậu:

- Tâu mẫu hậu, vua Vedeha có tiếp đãi mẫu hậu nồng nhiệt chăng?

- Này hoàng nhi, con hỏi sao vậy? Ngài đã tiếp đãi ta vinh dự chẳng khác nào đón tiên nữ trên trời.

Rồi bà lại kể hoàng hậu Nandà được tiếp đãi như bà mẹ ra sao và Pañcàlacandà như một vương đệ thế nào. Việc này khiến vua rất hài lòng và truyền gửi nhiều tặng vật rất hậu hỷ. Từ đó hai nước sống trong tình thân hữu mật thiết.

Lúc bấy giờ công chúa Pancàlacandì rất được vua yêu quý, năm sau nàng hạ sinh được một vương tử. Mười năm sau, vua Vedeha từ trần. Bồ-tát giương chiếc lọng hoàng gia lên cho vương tử, rồi xin giã từ về để đi đến với tổ phụ của ngài là vua Cùlani. Vương tử bảo:

- Thưa bậc Trí giả, xin đừng bỏ trẫm lúc còn thơ ấu, trẫm sẽ tôn trọng ngài như cha trẫm vậy.

Công chúa Pañcàlacandì lại bảo:

- Thưa bậc Trí giả, xin đừng đi, không có ai bảo vệ mẹ con ta nếu ngài ra đi.

Nhưng ngài đáp:

- Thần đã hứa lời, vậy thần phải ra đi.

Thế là giữa đám đông kêu than thảm thiết, ngài ra đi cùng đám hầu cận đến thành Uttarapañcàla. Vua này hay tin ngài đến, liền ra đón tiếp, đưa ngài vào thành rất trọng thể, ban cho ngài dinh cơ rộng lớn ngoài tám mươi làng đã ban trước kia, lại ban thêm tặng vật khác và từ đó ngài phụng sự vua này.

30. VẤN ĐỀ THỦY QUÁI.

Thời ấy có một nữ tu sĩ tên là Bheri, vẫn thường dùng cơm trong cung. Bà này thông thái tài trí và chưa hề tiếp kiến bậc Đại Sĩ, nay nghe báo tin bậc Trí giả Mahosadha đang phụng sự vua. Ngài cũng chưa hề thấy bà này bao giờ, nhưng ngài nghe rằng một nữ tu sĩ tên là Bheri thường ăn cơm cùng vua.

Lúc bấy giờ hoàng hậu Nandà không hài lòng Bồ-tát vì ngài đã làm bà mất tình yêu của vua khiến bà sinh lòng phiền muộn, nên bà cho gọi năm tỳ nữ thân tín đến và dặn:

- Các ngươi rình tìm cho được lỗi lầm của bậc Trí giả, rồi ta cố làm cho gã bị thất sủng.

Thế là họ đi tìm cơ hội chống phá ngài. Một hôm vị nữ ẩn sĩ ấy sau buổi ăn, đang đi ra ngoài thì gặp Bồ-tát trên sân chầu đến yết kiến vua. Ngài vái chào bà rồi đứng yên. Bà nghĩ thầm: "Họ bảo đây là một trí giả, vậy ta thử xem ngài có thật là một trí giả hay không". Bà liền hỏi ngài bằng cách ra dấu tay, bà mở bàn tay ra trong khi nhìn về phía Bồ-tát. Ý bà muốn hỏi vua có ân cần chu đáo với bậc Trí giả mà vua đã đưa về từ ngoại quốc chăng. Khi Bồ-tát thấy bà hỏi ngài bằng cách ra dấu, ngài đáp bằng cách nắm tay lại, ý ngài muốn nói: "Thưa hiền tỷ, nhà vua đem ta về đây để làm tròn một lời hứa, nay ngài nắm chặt tay lại, chẳng cho ta gì cả". Bà hiểu ý, giơ tay ra xoa đầu như muốn nói: "Hiền giả, nếu ngài không toại ý, cớ sao ngài không đi làm ẩn sĩ như ta". Thấy thế, bậc Đại Sĩ vỗ bụng như muốn bảo: "Hiền tỷ ta còn phải cấp dưỡng nhiều người nên ta chưa làm ẩn sĩ được". Sau lần chất vấn không lời ấy, bà trở về nơi ẩn cư.

Bậc Đại Sĩ chào bà và đến yết kiến vua. Lúc bấy giờ các kẻ tâm phúc của hoàng hậu thấy rõ cảnh trên từ cửa sổ nên đến trình vua:

- Tâu hoàng thượng, Ngài Mahosadha đang âm mưu với nữ ẩn sĩ Bheri để chiếm vương quốc này, đó chính là kẻ thù của ngài.

Rồi họ vu khống cho ngài. Vua hỏi:

- Các ngươi đã nghe thấy gì?

Họ đáp:

- Tâu hoàng thượng, khi nữ ẩn sĩ ra về sau buổi ăn, thấy bậc Đại Sĩ, bà mở bàn tay ra như muốn bảo: "Ngài không thể đè bẹp nhà vua như lòng bàn tay này hay cái sàn đập lúa rồi chiếm lấy vương quốc này cho ngài sao?". Và ngài Mahosadha nắm tay lại như thể cầm thanh kiếm và bảo: "Vài ngày nữa ta sẽ chém đầu vua và cầm quyền". Bà ra dấu: "Hãy chém đầu vua", bằng cách lấy tay xoa đầu. Bậc Đại Sĩ lại ra dấu: "Ta sẽ chặt vua làm đôi" bằng cách xoa bụng. Xin hoàng thượng hãy đề phòng, phải giết Mahosadha ngay mới được.

Vua nghe vậy, nghĩ thầm: "Ta không thể làm hại bậc Trí giả được, ta phải hỏi lại nữ tu sĩ kia". Vì thế ngày hôm sau, lúc bà đang dùng cơm, vua liền đến hỏi:

- Này hiền tỷ có gặp Trí giả Mahosadha chăng?

- Tâu Đại vương, hôm qua sau khi dùng cơm xong thần có gặp.

- Thế các vị có đàm luận gì với nhau chăng?

- Đàm luận ư? Thưa không, nhưng vì thần nghe nói về tài trí của ngài, nên để thử tài ngài, thần đã ra dấu hỏi ngài bằng cách nắm tay lại, xem thử đức vua có rộng rãi hay hẹp hòi đối với ngài, đức vua có ân cần đối với ngài chăng? Ngài nắm tay lại, ám chỉ rằng đức vua đã bảo ngài đến đây để

làm tròn một lời hứa, nay chẳng ban cho ngài gì cả. Sau đó thần xoa đầu để hỏi tại sao ngài không xuất gia tu hành nếu ngài không toại ý, ngài vỗ bụng muốn bảo là ngài còn phải cấp dưỡng nhiều người và nuôi họ ăn uống đầy đủ, nên chưa xuất gia được.

- Thế Mahosadha có phải là bậc Trí giả chăng?

- Quả thật vậy, tâu Đại vương, khắp thế gian này chẳng có ai tài trí như ngài cả.

Sau khi nghe bà tường thuật, vua cho bà lui ra. Sau khi bà đi về, bậc Trí giả vào chầu. Vua hỏi:

- Này bậc Trí giả, khanh đã gặp nữ ẩn sĩ Bheri chưa?

- Tâu Đại vương, thần gặp bà ấy hôm qua trên đường về, bà hỏi thần bằng cách ra dấu, thần trả lời bà ấy ngay.

Rồi ngài kể lại câu chuyện như bà ấy đã kể trước đây. Vua đẹp lòng, ngay hôm sau phong cho ngài chức đại tướng quân và giao một mình ngài đảm chức vụ ấy. Vinh quang của ngài thật lừng lẫy, chỉ đứng sau vua mà thôi.

Ngài nghĩ thầm: "Nhà vua bỗng dưng ban cho ta vinh quang tột bực lẫy lừng; đây là chuyện vua chúa thường làm ngay cả khi họ muốn sát hại ai. Để ta thử xem nhà vua có thiện ý với ta hay không. Không ai có thể làm việc này trừ ẩn sĩ Bheri đầy tài trí ấy và bà ấy sẽ có cách".

Thế là ngài đem hương hoa đến thăm nữ ẩn sĩ, sau khi vái chào bà, liền bảo:

- Thưa hiền tỷ, từ khi hiền tỷ khen ngợi tài năng của ta với đức vua, ngài liền ban tặng ta nhiều bảo vật, nhưng ngài có thực tâm không thì ta chưa rõ. Vậy nếu hiền tỷ chịu khó tìm hiểu dùm cho ta về tâm ý đức vua thì hay quá.

Bà hứa sẽ làm thế và hôm sau bà vào cung, bà chợt nghĩ đến câu chuyện Thủy quái Dakarakkhasa. Lúc ấy bà suy nghĩ: "Ta không nên làm như một thám tử, ta phải tìm cơ hội hỏi chuyện này xem đức vua có thiện ý với bậc Trí giả chăng?. Rồi bà đi vào, sau buổi ăn bà ngồi yên. Vua vái chào bà và ngồi sang một bên, bà nghĩ thầm: "Nếu đức vua có ác ý với bậc Trí giả và khi ngài được hỏi vấn đề kia, ngài bày tỏ ác ý của ngài trước mặt nhiều người, điều ấy không có lợi gì, vậy ta phải hỏi riêng mới được". Bà liền bảo:

- Tâu hoàng thượng, thần ao ước được đàm luận riêng với ngài.

Vua liền bảo cận thần lui ra, bà nói:

- Thần mong muốn hỏi hoàng thượng một điều.

- Hiền tỷ cứ nói, nếu ta biết, ta sẽ đáp ngay.

Bà liền đọc vần kệ thứ nhất về chuyện Thủy quái Dakarakkhasa:

217. Bảy người thân của hoàng cung,
Ngự du trên chốn ngàn trùng đại dương,
Quỷ thần đòi hỏi tế đàn,
Khi vừa chụp lấy thuyền vàng của vua,
Những ai ngài sẽ đưa ra,
Dần theo thứ tự để mà cứu nguy?
Vua liền đáp kệ hết sức chân thành:

218. Trước tiên mẫu hậu tức thì,
Kế là hoàng hậu chánh phi Nandà,
Tiếp theo tiểu đệ hoàng gia,
Thứ tư thân hữu, năm bà-la-môn,
Chính ta thứ sáu bản thân,
Nhưng ta không hiến Trí nhân của mình!
Như thế ẩn sĩ đã thấy rõ thiện tâm của vua đối với bậc Đại Sĩ, nhưng tài trí của ngài chưa được công bố cho mọi người rõ nên bà liền nghĩ đến một chuyện khác nữa: "Trước công chúng, ta sẽ ca ngợi tài đức của nhiều người khác, và để đức vua tán dương tài trí của bậc Trí giả, như vậy tài trí ngài sẽ sáng tỏ như mặt trăng trên trời". Bà liền tập hợp tất cả mọi người ở trong hậu cung; trước mặt họ, bà cũng hỏi câu trên và được đáp lại như thế, rồi bà nói:

- Tâu Hoàng thượng, ngài bảo sẽ đem thái hậu ra tế lễ trước tiên, nhưng một bà mẹ thật nhiều công đức. Hơn nữa thái hậu lại chẳng giống các bà mẹ khác, mẫu hậu thật đắc dụng.

Rồi bà kể công đức của mẫu hậu trong hai vần kệ sau:

219. Lệnh bà dưỡng dục sinh thành,
Bao năm tận tụy nhiệt tình với con,
Khi Cham-bhì hại hoàng nam,
Khôn ngoan bà thấy việc làm lợi vua,
Đem người thế chỗ vương gia,
Nên ngài đã được chính bà cứu nguy.
220. Mẹ cho đời sống từ bi,
Chính bà mang nặng hoàng nhi trong lòng.
Vì đâu là các lỗi lầm,
Ngày đem hiền mẫu hiến dâng thủy thần?
Nghe vậy vua liền đáp:

- Mẫu hậu rất nhiều tài đức, trẫm thừa nhận mẫu hậu có nhiều công đức với trẫm, nhưng lỗi lầm của bà còn nhiều hơn nữa.

Rồi vua tả các lỗi lầm của mẹ trong hai vần kệ:

221-222. Giống như thiếu nữ còn xuân
Bà đeo các món bội hoàn nữ trang
Mà bà già chẳng nên mang.
Phi thời bà chế nhạo quân canh phòng.
Lại thường gửi điệp địch vương,
Mà không được lệnh của hoàng gia đây.
Chính vì các lỗi lầm này,
Nên ta đem hiến bà ngay thủy thần!
- Tâu Hoàng thượng, đã đành vậy, nhưng hoàng hậu cũng có nhiều tài đức.

Và bà kể tài đức của hoàng hậu:

223-224. Lệnh bà đệ nhất hồng quần,
Cực kỳ diễm lệ, nói năng ân cần,
Tràn đầy đức hạnh, nhiệt tâm,
Kề bên hoàng hậu uyên ương bóng hình,
Chẳng hề giận dỗi bất bình,
Khôn ngoan, thận trọng, chân thành lợi vua.
Vậy vì lầm lỗi đâu mà
Ngài đem hoàng hậu hiến dâng thủy thần?
Vua liền kể các lỗi lầm của bà:

225-226. Nhờ bao vẻ đẹp mê hồn,
Bà hoàng đã khiến vương quân phục tòng,
Chịu nhiều ảnh hưởng bất nhân,
Và đòi những thứ bà không nên đòi
Dành cho con của bà thôi.
Vì ta say đắm ban hoài đặc ân.
Ta ban những vật khó ban,
Về sau hối hận muôn vàn đắng cay,
Chính vì các lỗi lầm này.
Ta đem hoàng hậu tế ngay thủy thần!
Nữ ẩn sĩ đáp:

- Đã đành vậy, nhưng còn hoàng đệ Tikhinamatì rất lợi ích cho Hoàng thượng. Vì lỗi gì ngài đem chàng cho thủy quái?

Và bà ngâm kệ:

227. Chàng đem phồn thịnh cho dân,
Khi ngài đang ở tha phương xứ người,
Chàng đưa Hoàng thượng tái hồi,
Chàng không hề bị cuốn lôi bạc vàng.

228. Anh hùng thiện xạ vô song,
Ti-khi-na thật tinh thông muôn phần,
Vậy đâu là các lỗi lầm,
Ngài đem hoàng đệ tế dâng thủy thần?
Vua kể lỗi lầm của chàng:

229. "Ta đem phồn thịnh cho dân,
Khi ngài đang ở tha phương xứ người,
Ta đưa Hoàng thượng tái hồi,
Ta không hề bị cuốn lôi bạc vàng.
Ta là thiện xạ vô song,
Anh hùng vô địch tinh thông trí tài.
Ta tôn Hoàng thượng lên ngôi".
Chàng suy nghĩ vậy, thế rồi về sau.
230. Chàng không đi đến cung chầu,
Như thường thuở trước chàng hầu bên ta.
Chính vì lầm lỗi kia mà,
Ta đem hoàng đệ tế dâng thủy tề.
Ẩn sĩ bảo:

- Hoàng đệ nhiều lỗi lầm như thế, nhưng còn hoàng tử Dhanusekha thương yêu ngài rất tận tụy lại rất hữu ích.

Bà tả tài đức của chàng:

231. Ngài và Dha-nu-sek-ha,
Cùng mang tên tộc Pañ-cà-la-mà.
Một đêm hai vị sinh ra,
Vừa là thân hữu vừa là đồng môn,
Suốt đời hầu cận minh quân,
Đồng cam cộng khổ vui buồn bên nhau.
232. Nhiệt tình thận trọng bấy lâu,
Hết lòng phục vụ kể đâu đêm ngày.
Vậy thì lầm lỗi nào đây,
Ngài đem thân hữu tế ngay thủy thần?
Vua liền tả lỗi lầm của chàng:

233. Suốt đời, thưa nữ đạo nhân,
Chàng thường vui thú chung cùng bên ta.
Chính vì duyên cớ ấy mà,
Nay chàng hành động quá là tự do.
234. Nếu ta nói chuyện riêng tư,
Cùng hoàng hậu, cứ xông vô phi thời,

Mà không có lệnh ta đòi,
Cũng không thông báo cho người nào hay.
235. Nếu cho chàng một dịp may,
Làm điều bất kính, nhục đầy xấu xa,
Chính vì lầm lỗi ấy mà
Ta đem thân hữu hiến cho thủy thần.
Nữ ẩn sĩ đáp:

- Lỗi lầm của chàng thật nhiều đấy, song còn vị quân sư rất hữu dụng cho Hoàng thượng.

Bà liền tả tài đức của vị này:

236. Tế sư quả thật tinh khôn,
Biết nhiều điềm triệu, thanh âm ở đời,
Chuyên môn đoán rộng, vãng lai,
Am tường dấu hiệu đất trời, trăng sao,
Vậy thì do lỗi lầm nào,
Đại vương đem đạo sĩ trao thủy thần?
Vua giải thích lỗi lầm của vị ấy:

237. Dù ngay ở giữa quần thần,
Lão thường mở mắt trừng trừng nhìn ta,
Nên ta muốn hiến lão già,
Nhăn mày quỷ quái ấy cho thủy thần!
Lúc ấy vị ẩn sĩ nói:

- Tâu Hoàng thượng, ngài phán rằng ngài sẽ đem năm người này cho thủy quái và sẽ hy sinh thân mình cho bậc Trí giả Mahosadha mà không nghĩ gì đến ngai vàng vinh hiển của mình. Vậy Hoàng thượng thấy vị ấy có tài đức gì?

Và bà ngâm các vần kệ này:

238. Đại vương ở giữa triều thần,
Trong châu lục lớn, ngàn trùng biển xanh,
Thay vì thành lũy bao quanh,
Ngự trên đế quốc hùng anh đại cường,
Độc tôn hoàng đế trần gian,
Thật là vĩ đại vinh quang vô vàn.
239. Nữ nhi một vạn sáu ngàn, Điểm tô châu ngọc, nữ trang sáng ngời,

Giai nhân từ khắp mọi nơi, Khác nào tiên nữ cao vời thiên cung.

240. Được dâng mọi thứ cần dùng,
Mọi điều ước nguyện cầu mong vẹn toàn,
Đại vương đã sống trường tồn,

Trong niềm hạnh phúc hân hoan tột cùng.
Đâu là duyên cớ nguyên nhân,
Hy sinh ngọc thể hộ phòng Trí nhân?
Nghe vậy, vua ngâm các vần kệ này ca tụng đức hạnh của bậc Trí giả:

241. Thưa bà, Trí giả Đại thần,
Từ khi đến ở kế gần bên ta,
Ta không hề thấy bao giờ,
Con người khí phách tạo ra lỗi lầm,
Dù là một mảy cỏn con.
242. Nếu ta chết trước Trí nhân lúc nào, Người đem hạnh phúc biết bao, Cho đàn con cháu mai sau lâu dài.

243. Người thông minh mọi việc trên đời,
Dù là quá khứ, tương lai xa gần.
Người này không có lỗi lầm,
Ta không muốn tế thủy thần quỷ ma.
Như vậy chuyện Tiền thân này đã đến hồi kết thúc tốt đẹp. Lúc ấy vị ẩn sĩ suy nghĩ: "Chuyện này vẫn chưa đủ để bày tỏ đức độ của bậc Trí giả, ta sẽ cho dân chúng khắp kinh thành biết rõ công đức của ngài như người ta rãi dầu thơm trên mặt biển".

Thế là bà mời vua cùng bà đi xuống khỏi cung, soạn bảo toạ trên sân chầu, mời vua ngự lên, rồi triệu tập dân chúng lại, bà hỏi vua một lần nữa về chuyện Thủy quái từ khởi đầu, và khi vua trả lời như trên đây, bà liền bảo dân chúng:

244. Thần dân của xứ Pañ-cà,
Nghe lời này của vua Cù-la-ni,
Bảo toàn bậc Trí giả kia,
Đức vua nào có kể chi mình vàng.
245. Cuộc đời của chính mẫu hoàng,
Em trai, hoàng hậu, thân bằng, bản thân,
Vua Pãn-cà thảy sẵn lòng,
Hy sinh tất cả hiến dâng thủy thần.
246. Diệu kỳ thay trí lực hùng,

Thông minh tài giỏi vô song như vầy, Chỉ vì ích lợi đời này, Cùng là hạnh phúc lâu dài đời sau.

Như vậy bà đã đạt đỉnh cao trong sự chứng minh tài đức của bậc Đại Sĩ, chẳng khác nào người ta đặt ngọn tháp cao chót vót lên một đống bảo vật.

Đến đây chấm dứt Vấn đề Thủy quái và cũng chấm dứt luôn toàn chuyện Đường hầm vĩ đại.

*

Và sau đây là sự nhận diện Tiền thân:

- Uppalavannì (Liên Hoa Sắc) là nữ ẩn sĩ Bheri, Suddhodana (Vua Tịnh phạn) là cha của bậc Trí giả, Mahàmàyà (hoàng hậu Ma-gia) là mẹ ngài, giai nhân Bimbà (tức Yasodhàrà) là Amarà, Ànanda là con két, Sàriputta là vua Cùlani, Mahosadha là đức Thế tôn.

Tiền thân này được hiểu như vậy.

Devadatta là Kevatta, Cullanandikà là Talatà, Sundarì là Pañcàlacandì, Yasassika là hoàng hậu, Ambattha là Kàvinda, Potthapàda là Pukkusa, Pilotika là Devinda, Saccala là Senaka, Ditthamangalikà là Hoàng hậu Udumbarà (Cây sung), Kundali là chim Maynah và Làludàyì là Vedeha.

-ooOoo-

Chương XXII Đại Phẩm (tiếp theo)

-ooOoo-

547. CHUYỆN ĐẠI VƯƠNG VESSANTARA (Tiền thân Vessantara)

Phu-sa-tì, mỹ hậu huy hoàng...,

Chuyện này bậc Đạo Sư kể trong lúc trú gần thành Kapilavatthu (Ca-tỳ-la-vệ) về một cơn mưa lớn.

Lúc bậc Đạo Sư đang chuyển Pháp luân trên đường dẫn đến thành Ràjagaha (Vương Xá), nơi đó Ngài trú mùa đông cùng Trưởng lão Udàyi (Ưu-đà-di) dẫn đường, và được hai mươi ngàn Thánh đệ tử hầu cận, Ngài đi vào thành Kapilavatthu. Ngay lập tức các vương tử dòng Sàkya (Thích-ca) tụ tập lại để đón vị trưởng tộc của họ.

Họ quan sát nơi cư trú của đức Thế Tôn và bảo:

- Rừng Cây đa này thật là một nơi an lạc xứng đáng với một vị Thích-ca.

Rồi họ làm đủ mọi vật dụng thích hợp để bảo vệ nơi ấy chuẩn bị sẵn sàng nghênh đón Ngài với những bó hoa thơm ngát trong tay. Trước hết họ đưa các thiếu nhi nam nữ trong thành mặc áo quần đẹp nhất, kế đó là các vương tôn công chúa đến kính lễ đức Thế Tôn với hương hoa thơm ngát và theo hầu đức Thế Tôn đến tận rừng Cây đa, nơi đó đức Thế Tôn an tọa được hai mươi ngàn Thánh đệ tử vây quanh bảo tọa dành cho Ngài.

Bấy giờ dòng họ Thích-ca là một bộ tộc kiêu mạn và cứng đầu nghĩ thầm: "Nam tử Siddhattha trẻ tuổi hơn ta, đó là em ta, cháu gọi ta bằng chú, bằng ông". Vì thế họ bảo các vương tử trẻ tuổi:

- Các anh hãy kính lễ người ấy, còn chúng tôi chỉ muốn ngồi sau các anh.

Trong khi họ ngồi yên đó không muốn làm lễ chào Ngài, đức Thế Tôn biết ý định của họ, nghĩ thầm: "Thân tộc ta không kính lễ ta, được rồi, ta sẽ làm cho hội chúng kính lễ". Do đó Ngài khởi lên một định lực nhờ thần thông vụt lên không trung và làm như thể

phủi bụi trên chân Ngài lên đầu họ, thực hiện một phép thần kỳ như Thần thông Song hành dưới gốc cây xoài có cục u (Yamaka Patihariya: số 483 Tiền thân Sarabha-miga, tập V).

Vua cha thấy việc kỳ diệu này liền nói:

- Bạch Ngài, vào ngày Đản sinh của Ngài, khi trẫm thấy chân Ngài đặt lên đầu Bà-la-môn Kèladevala đến kính lễ Ngài, trẫm đã kính lễ Ngài, đó là lần đầu. Vào ngày Lễ Cày ruộng, khi Ngài ngự trên vương tọa dưới bóng cây hồng đào, trẫm thấy bóng cây ấy không lay động, trẫm cũng kính lễ dưới chân Ngài và đó là lần thứ hai. Và bây giờ nữa, trẫm thấy một phép mầu mà trẫm chưa từng thấy trước kia, nên trẫm lại kính lễ chân Ngài: đây là lần thứ ba.

Nhưng khi vua cha đã kính lễ như vậy thì không một vị Sàkya nào có thể ngồi yên và tự kiềm chế được nữa, tất cả bọn họ đều kính lễ Ngài.

Sau khi đã làm cho cả thân tộc kính lễ Ngài như vậy đức Thế Tôn từ trên không hạ xuống ngồi trên chiếc bảo tọa đã soạn sẵn. Khi đức Thế Tôn đã an tọa, đám thân tộc của Ngài đã được sáng trí và cùng ngồi xuống với tâm an tịnh.

Lúc ấy một vầng mây lớn nổi lên và bùng ra thành một trận mưa lớn: mưa màu hồng đổ trút xuống ầm ầm, những ai muốn ướt đều được ướt sũng, còn ai không muốn thì chẳng có giọt nào rớt trên mình. Mọi người thấy vậy đều rất kinh ngạc trước phép mầu và đồng kêu to với nhau:

- Thật kỳ diệu thay, thật hy hữu thay! Hãy nhìn thần lực của chư Phật! Cơn mưa lớn này đang trút xuống đám thân tộc của Ngài!

Nghe vậy, đức Phật bảo:

- Này các Tỷ-kheo, đây không phải là lần đầu tiên một trận mưa lớn trút xuống đám thân tộc của Ta.

Và rồi theo lời thỉnh cầu của hội chúng, Ngài kể một chuyện quá khứ.

*

I. THÁI TỬ RA ĐỜI

Một thuở nọ, vị vua có tên Sivi ngự trị ở kinh thành Jetuttara, trong vương quốc Sivi. Ngài có một vương tử là Sañjaya. Khi chàng đến tuổi trưởng thành, vua cha kết duyên chàng với công chúa Phusatì, con gái vua Madda, rồi giao vương quốc cho chàng và phong Phusatì làm chánh hậu.

Mối liên hệ đời trước của nàng với thế giới này như sau:

Cách đây chín mươi mốt kiếp, một bậc Đạo Sư ở thế gian có danh hiệu là Vipassi (Tỳ-bà-thi). Trong lúc Ngài an trú tại Vườn nai Khema (Thái Hòa) gần thành Bandhumati, một vị vua gởi tặng vua Bandhuma một chuỗi vàng trị giá một trăm ngàn đồng tiền cùng khúc gỗ quý trầm hương (chiên-đàn).

Bấy giờ vua ấy có hai con gái, và vì muốn tặng bảo vật cho hai con, vua ban khúc gỗ trầm hương cho cô chị, và chuỗi vòng vàng cho cô em. Nhưng cả hai cô đều không muốn dùng các tặng vật này cho mình, và có ý định dâng chúng lên bậc Đạo Sư để tỏ lòng tôn kính, họ liền tâu vua cha:

- Tâu phụ vương, chúng con muốn dâng gỗ trầm hương và chuỗi vàng này lên đấng Thập Lực (Dasabala).

Vua cha thấp thuận việc này. Vì thế công chúa chị nghiền bột gỗ trầm hương và đổ bột ấy vào một hộp bằng vàng. Còn công chúa em bảo lấy chuỗi vàng làm thành một vòng vàng đeo cổ và đặt vào một hộp bằng vàng.

Sau đó hai nàng cùng đi đến thảo am ẩn sĩ trong Vườn nai, cô chị kính cẩn rảy bột trầm hương lên kim thân của đấng Thập Lực, và rắc phần bột còn lại trong nội thất của Ngài cùng cầu nguyện:

- Bạch Ngài, trong thời vị lai, tiện nữ ước mong làm mẹ một vị Phật như Ngài.

Công chúa em kính cẩn đặt lên kim thân của đấng Thập lực chuỗi vòng cổ được làm từ vòng vàng ấy và phát nguyện:

- Bạch Ngài, tiện nữ ước mong chuỗi kim hoàn này không rời thân mình cho đến ngày tiện nữđắc Thánh quả.

Và bậc Đạo Sư đã ban các điều nguyện ước ấy sau khi mạng chung, cả hai nàng đều tái sinh vào thiên giới. Cô chị từ thiên giới đến thế giới loài người rồi trở lại thiên giới, sau chín mươi mốt kiếp, nàng đã trở thành vương hậu Màyà, mẹ của đức Phật.

Còn cô em cũng tái sinh liên tiếp như vậy, vào thời đấng Thập Lực Kasspa (Ca-diếp), nàng trở thành con gái vua Kiki. Lúc mới sinh đã có hình chiếc vòng trên cổ và vai nàng, dung sắc diễm lệ như tranh vẽ và được đặt tên Uracchadà.

Khi nàng lên mười sáu tuổi, nàng nghe lời thuyết Pháp của bậc Đạo Sư, và đắc Sơ quả Dự lưu, và cùng ngày đó nàng đắc Thánh quả (A-la-hán) rồi thọ giới xuất gia và nhập Niết-bàn vô dư y.

Bấy giờ vua Kiki có bảy công chúa tên là:
Samanì, Samanà, Thánh nữ Tỷ-kheo-ni Guttà,
Tỷ-kheo-ni Dàsikà, Dhammà và Sudhammà.
Và nàng thứ bảy là Sanghadàsì.
Vào thời đức Phật Gotama xuất hiện bảy chị em này:
Khemà, Uppalavannà, thứ ba là Patàcàrà,
Gotamì, Dhammadinnà, thứ sáu là Mahà-màyà.
Trong đám chị em này thứ bảy là Visàkhà.
Đây là các nữ Đại đệ tử của Ngài.
Bấy giờ, trong số này, nàng Phusatì trở thành Sudhammà, chuyên làm thiện sự và bố thí. Và nhờ phước báo do cúng dâng gỗ trầm hương lên Đức Phật Vipassi, thân nàng như được rảy trầm hương thượng hạng. Sau đó nàng tái sinh qua lại giữa thiên giới và

nhân giới, cuối cùng nàng trở thành chánh hậu của Thiên chủ Sakka (Đế Thích).

Vào thời số phần của nàng ở đấy đã mãn, năm tướng suy theo lệ thường hiện ra. Thiên chủ Sakka biết thọ mạng của nàng sắp tận, nên tiễn đưa nàng vô cùng trọng thể vào Thiên lạc Viên Nandana. Trong khi nàng ngự trên bảo tọa được trang hoàng lộng lẫy, ngài ngự bên cạnh nàng và bảo:

- Này ái hậu Phusatì, trẫm ban nàng Mười điều ước hãy chọn đi.

Cùng với những lời trên, ngài ngâm vần kệ đầu trong Tiền thân Vessantara vĩ đại này với gần ngàn bài kệ:

1. Phu-sa-tì, mỹ hậu huy hoàng,
Mười ước nguyện nay trẫm tặng nàng,
Hãy chọn điều gì nàng nhận thấy
Được nàng quý báu giữa trần gian.
Như vậy nàng đã được an trú trên thiên giới theo lời thuyết giáo trong Đại Tiền thân Vessantara.

Nhưng nàng không biết cảnh giới sắp tái sinh của mình nên nàng hốt hoảng ngâm vần kệ thứ hai:

2. Vạn tuế Sak-ka, đấng Ngọc hoàng,
Tội gì thần thiếp lỡ tay làm
Khiến ngài đày thiếp xa thiên giới
Như gió thổi cây nọ nát tan?
Thiên chủ nhận thấy vẻ thất vọng của nàng, liền ngâm hai vần kệ:

3. Nàng luôn được sủng ái từ xưa,
Tội lỗi nàng đâu có tạo ra?
Trẫm bảo phước trời nàng đã tận,
Bây giờ đến lúc phải chia xa.
4. Tống biệt nàng nay đã đến thì,
Tử thần đang đến phút phân kỳ,
Trẫm ban ái hậu Mười điều ước,
Lâm mạng chung thời, hãy chọn đi.
Nghe những lời Thiên chủ nói, nàng tin mình sắp phải tận số, nên nàng chọn các ước nguyện này:

5. Thiên chủ Sak-ka, đấng Thượng hoàng,
Ban Mười điều ước, thiếp tri ân:
Mong rằng thần thiếp đời sau sẽ
Ở xứ Si-vi được trú thân.
6. Đôi mắt huyền mơ tựa mắt nai,
Như nhung đen nháy, cặp mày ngài,

Phu-sa-tì ấy là tên thiếp,
Thánh thượng, thiếp mong ước nguyện này.
7. Thiếp mong có được một hoàng nam,
Vua chúa kiêng oai, tiếng lẫy lừng,
Hòa nhã, nhân từ, tâm rộng lượng,
Lắng tai nghe mọi tiếng cầu ân.
8. Trong khoảng thời gian thiếp thọ thai,
Ước mong giữ trọn tấm hình hài,
Toàn thân thiếp được luôn kiều diễm
Như thể cành cung uốn mảnh mai.
9. Đế Thích, thiếp mong ngực gợi tình,
Xin được nhuốm bạc mái đầu xanh,
Tấm thân bồ liễu luôn hoàn hảo,
Mong cứu tù nhân thoát tử hình.
10. Giữa tiếng hạc rền, khổng tước vang,
Cung nhân hầu cận đẹp quanh nàng,
Thi sĩ ca nhân đồng tán tụng,
Khăn quàng tung vẫy giữa không gian.
11. Khi ngõ nhẹ nhàng cánh cửa hoa
Nô tỳ cất tiếng lớn trình thưa:
"Vạn tuế Đại vương! Giờ ngự thiện!"
Thiếp mong làm chánh hậu hoàng gia!
Thiên chủ Sakka đáp:

12. Mười ước nguyện kia, hỡi nữ hoàng,
Phải biết rằng ta đã tặng nàng,
Mỹ nương đến xứ Si-vi nọ
Mười ước nguyện kia sẽ thập toàn.
13. Phán vầy chúa tể các Thiên thần,
Phu tướng Su-ja, đại đế vương,
Được gọi Và-sa-va mỹ hiệu,
Hân hoan ban nguyện ước cho nàng.
Khi đã chọn xong Mười ước nguyện như vậy, nàng từ giã thiên giới và nhập vào mẫu thai hoàng hậu của vua Madda. Lúc nàng ra đời, thân thể nàng tỏa mùi thơm như được rảy phấn trầm hương, nên nàng được đặt tên Phusatì (được rảy hương). Nàng lớn lên giữa đám cung tần đông đảo cho đến năm mười sáu tuổi dung sắc nàng vượt hẳn lên tất cả.

Lúc bấy giờ vương tử Sañjaya, con vua Sivi, được phong vương với chiếc lọng trắng, công chúa này được phong làm chánh hậu đứng đầu mười sáu ngàn cung phi; do vậy có chuyện kể:

14. Kế đó nàng công chúa tái sinh
Phu-sa-tì được rước về thành
Je-tut-ta ấy là tên gọi,
Cùng với Sañ-ja kết mối tình.
Vua Sañjaya vô cùng sủng ái nàng. Bấy giờ Thiên chủ Sakka nhớ lại thấy chín điều ước nguyện ngài ban cho Phusatì đã trọn vẹn, ngài nghĩ thầm: "Chỉ còn một điều ước chưa trọn đó là một thiện nam tử. Ta sẽ ban nguyện ước này cho nàng."

Thời ấy bậc Đại Sĩ đang ở trên cõi trời Ba mươi ba, và thọ mạng ngài đã tận; nhận thấy điều này, Thiên chủ đến gần ngài và bảo:

- Thưa Tôn giả, ngài phải sinh vào thế giới loài người, ngài phải nhập mẫu thai chánh hậu Phusatì của vua Sivi, xin đừng chậm trễ.

Cùng với những lời này yêu cầu bậc Đại Sĩ chấp thuận và sáu mươi ngàn vị Thiên tử sắp được tái sinh, Thiên chủ trở về cung của ngài.

Bậc Đại Sĩ giáng trần và tái sinh tại đó, cùng sáu mươi ngàn thiên tử tái sinh vào gia đình của sáu mươi ngàn triều thần.

Khi bậc Đại Sĩ nhập mẫu thai, hoàng hậu Phusatì biết mình đã có thai, liền ước nguyện xây sáu bố thí đường, mỗi nhà ở một trong bốn cửa thành, một nhà ở giữa kinh thành và một nhà ở ngay cửa cung của nàng. Mỗi ngày nàng phát sáu trăm ngàn đồng tiền. Vua biết được việc làm ấy của nàng liền hỏi ý các vị xem tướng số, họ đáp:

- Tâu Đại vương, chánh hậu đang mang thai một bậc chuyên tâm bố thí, ngài sẽ không bao giờ thỏa mãn với việc bố thí cả.

Nghe vậy vua hoan hỷ và thực hành hạnh bố thí như trên.

Từ thời Bồ-tát nhập mẫu thai, phước lộc của nhà vua có thể nói là vô cùng tận; nhờ ảnh hưởng lòng nhân từ của vua lan rộng khắp nơi, các quốc vương ở toàn cõi Diêm-phù-đề đều dâng ngài cống vật.

Bấy giờ lúc chánh hậu mang thai, nàng vẫn ở chung cùng đám thị nữ hậu cận nàng. Sau mười tháng tròn vẹn, nàng muốn đi thăm kinh thành. Nàng tâu trình với vua, ngài truyền kinh thành được trang hoàng như kinh thành chư Thiên rồi đưa hoàng hậu ngự lên vương xa sang trọng và cử hành đám rước quanh kinh thành về phía hữu. Khi xe đến giữa khu phố Vessa (Vệ-xá: thương nhân), nàng thấy giờ lâm bồn chợt đến. Thị nữ liền trình vua và ngài truyền làm ngay một phòng bảo sinh tại đó và đưa nàng đến nơi, nàng liền sinh hạ một nam tử và vì thế có chuyện kể:

15. Trong lòng mười tháng mẹ mang con,
Đám rước ngày kia khắp phố phường,
Khi đến khu dân cư Vệ-xá,
Vì con, mẫu hậu phải lâm bồn.
Bậc Đại Sĩ từ lòng mẹ sinh ra không bị cấu uế, mở lớn mắt và một lát đưa tay cho mẹ, ngài nói:

- Thưa mẫu hậu, con muốn bố thí, có gì không?

Bà mẹ đáp:

- Này vương nhi, con hãy bố thí như ý.

Rồi bà đặt túi tiền một ngàn đồng vào bàn tay mở rộng của con.

Có ba lần bậc Đại Sĩ nói ngay khi giáng sinh: Đó là trong Tiền thân Ummagga, trong Tiền thân này và trong đời cuối cùng của ngài.

Vào ngày lễ đặt tên, vì ngài sinh ra ở phố Vessa, ngài được đặt tên Vessantara, do đó có chuyện kể:

16. Tên ta chẳng phía mẹ đưa ra,
Cũng chẳng phát từ quý tộc cha,
Vì được sinh trên đường Vệ-xá,
Nên tên ta gọi Ves-san-ta.
Vào đúng ngày ngài ra đời, một con voi cái sinh được một voi con, được xem là có điềm lành, toàn thân màu trắng và được đặt vào chuồng nhà vua. Vì con voi này ra đời đáp ứng một nhu cầu của bậc Đại Sĩ, nó được đặt tên Paccaya (Phương tiện).

Vua cha ban ngài hai trăm bốn mươi nhũ mẫu không quá cao cũng không quá thấp, không bệnh tật gì và có sữa ngọt. Ngài cũng ban các nhũ mẫu cho sáu mươi ngàn hài nhi kia, vì thế vương tử lớn lên giữa đám sáu mươi ngàn ấu nhi hầu hạ quanh mình.

Vua cha truyền làm cho vương tử một chiếc vòng đeo cổ trị giá một trăm ngàn đồng tiền rồi đem tặng con. Nhưng khi vừa lên bốn lên năm, ngài đã đem nó cho các nhũ mẫu và khi họ muốn đưa trả nó lại, ngài không muốn nhận nó. Họ tâu trình vua, ngài phán:

- Vật gì vương tử đã ban đều xứng đáng được ban cả, dù đó là tặng vật dành cho một vị Bà-la-môn.

Và vua truyền làm chiếc vòng cổ khác. Nhưng trong thời thơ ấu, vương tử vẫn đem vòng ấy cho các nhũ mẫu cả đến chín lần như vậy.

Khi ngài lên tám, trong lúc nằm trên vương sàng, vương tử suy nghĩ: "Tất cả các vật ta cho đều có từ bên ngoài. Điều này không làm ta hài lòng. Ta muốn cho cái gì của chính thân ta. Nếu có người xin quả tim ta, ta sẽ cắt lồng ngực và xé tim ra cho. Nếu ai xin đôi mắt, ta sẽ móc mắt ra cho. Nếu ai muốn xin thịt, ta sẽ lóc hết thịt trên thân ta và cho họ."

Ngài suy nghĩ như vậy với tất cả tâm hồn lẫn thể xác mình; vì thế quả đất này với bề rộng bốn mươi ngàn tỷ triệu dặm và hai trăm ngàn dặm chiều sâu, rúng động ầm ầm như một con voi khổng lồ điên loạn. Ngọn núi Sineru (Tu-di) chúa tể núi non, cúi rạp xuống như một cây con trong dòng nước nóng và dường như nhảy múa rồi đứng nghiêng mình về phía kinh thành Jettutara. Giữa lúc quả đất rúng động, bầu trời sấm sét vang dội và đổ mưa, tia chớp sáng lòa, đại dương sôi sục lên, Sakka Thiên chủ vỗ

tay, Đại Phạm thiên tán đồng, toàn thể chấn động lên đến Phạm Thiên giới, vì thế có chuyện kể:

17. Khi ta còn trẻ, tuổi còn thơ
Chỉ khoảng chừng lên tám tuổi dư,
Trên thượng lầu ta trong nội điện,
Nhân từ, bố thí vẫn suy tư:
18. Nếu người nào đến hỏi xin cho
Máu, thịt, tim và con mắt ta,
Ta sẽ cho thân, tim, máu, mắt,
Sẵn sàng ta cất tiếng kêu to.
19. Trong khi ta nghĩ ngợi trầm ngâm
Như vậy cùng toàn thể bản thân,
Quả đất vững bền kia rúng động,
Chuyển rung cùng thảo mộc, sơn lâm.
*

II. BỐ THÍ VOI BÁU

Vào năm mười sáu tuổi, Bồ-tát đã tinh thông mọi môn học thuật. Lúc ấy phụ vương muốn cho ngài lên ngôi, liền hỏi ý kiến hoàng hậu. Từ hoàng gia Madda tiến dâng công chúa Maddì, em họ ngoại của ngài cùng mười sáu ngàn thị nữ, vua phong nàng làm chánh hậu và cử hành lễ quán đảnh (rảy nước) phong vương cho ngài. Từ lúc lên ngôi, ngài vẫn thực hành đại bố thí, mỗi ngày phân phát sáu trăm ngàn đồng tiền.

Sau đó chánh hậu Maddì sinh một vương tử được đặt vào một chiếc võng bằng vàng, vì thế vương tộc đặt tên vương tử Jàli (chiếc võng). Vào thời vương tử chập chững biết đi, chánh hậu lại sinh một công chúa, được đặt vào một tấm da đen nên họ gọi tên cô là Kanhàjinà.

Mỗi tháng bậc Đại Sĩ ngự đến sáu bố thí đường sáu lần trên con voi lộng lẫy của ngài.

Lúc bấy giờ quốc độ Kàlinga có hạn hán, lúa không mọc, nạn đói tràn lan, dân chúng không sống nổi sinh trộm cướp. Bị cơn túng quẩn bức bách, dân chúng tụ tập trước sân chầu và phỉ báng vua. Nghe vậy, vua hỏi:

- Có chuyện gì vậy các con?

Họ trình vua. Ngài đáp:

- Được rồi, các con. Ta sẽ làm mưa xuống:

Rồi vua bảo họ ra về. Ngài phát nguyện sống đức hạnh và giữ ngày trai giới (Bố tát), nhưng vẫn không thể làm mưa xuống. Vì vậy vua triệu tập dân chúng lại và bảo họ:

- Ta đã phát nguyện sống đức hạnh và giữ bảy ngày trai giới, tuy nhiên vẫn không làm mưa rơi. Vậy phải làm gì bây giờ?

Họ đáp:

- Tâu Chúa thượng, nếu ngài không thể làm mưa rơi, thì có đại vương Vessantara ở kinh thành Jettuttara thái tử của vua Sañjaya, chuyên tâm bố thí. Ngài có một con voi lộng lẫy toàn trắng. Hễ nơi nào ngài ngự đến, mưa liền rơi xuống. Chúa thượng hãy phái các Bà-la-môn đến xin con voi ấy và đem nó về đây.

Vua chấp thuận, triệu các vị Bà-la-môn đến chọn tám người trong số đó và ban lương thực cho họ đi đường và bảo:

- Các khanh hãy đi tìm voi báu của vua Vessantara.

Vì sứ mạng này, họ lên đường đến Jetuttara. Tại bố thí đường, họ được tiếp đãi ân cần. Rồi rảy bụi bặm và phết bùn dơ khắp thân mình, vào ngày trăng rằm, họ đi xin voi báu của vua. Từ sáng sớm, vua định đi thăm bố thí đường, nên đã tắm rửa bằng mười sáu bình nước hoa thơm và dùng điểm tâm, rồi ngự lên lưng bảo tượng được trang hoàng rực rỡ tiến về cổng phía Đông. Các Bà-la-môn không tìm được cơ hội ở đó, liền đi về cổng nam, đứng trên một mô đất cao nhìn vua bố thí ở cổng Đông. Khi ngài đến cổng Nam, họ đưa tay ra và kêu lên:

- Đại vương Vessantara vạn tuế!

Khi thấy các Bà-la-môn, bậc Đại Sĩ thúc voi về phía họ đứng và ngâm vần kệ:

20. Các đạo sĩ kia, rậm tóc, lông,
Răng dơ, đầu phủ bụi màu hồng,
Cớ sao giơ cả hai tay nọ,
Gì đó các người vẫn ước mong?
Nghe vậy, các Bà-la-môn đáp:

21. Bảo vật chúng thần vẫn khát khao
Cứu toàn dân tộc ấy, muôn tâu,
Con voi tối thượng phò nguy khốn,
Ngà trắng dài như một chiếc sào.
Bậc Đại Sĩ nghe vậy, nghĩ thầm: "Ta đang muốn bố thí bất cứ vật gì của chính ta, từ đầu trở xuống, thế mà họ đòi một vật ở ngoài thân ta. Thôi ta sẽ cho họ thỏa nguyện". Và từ lưng voi, ngài đáp:

22. Bố thí, ta không hề chối từ
Vật kia Đạo sĩ muốn ta cho,
Cao sang bảo vật phò vua ngự,
Dũng mãnh con voi có bộ ngà.
Và ngài chấp thuận:

23. Vua, vị cứu tinh dân tộc ngài,
Nhẹ nhàng bước xuống khỏi lưng voi,
Hy sinh bố thí, đầy hoan hỷ

Cho đám La-môn vật họ đòi.

Các vật trang hoàng bốn chân voi trị giá bốn trăm ngàn đồng, các vật hai bên hông trị giá hai trăm ngàn, tấm vải che dưới bụng trị giá một trăm ngàn, trên lưng là những tấm lưới đầy ngọc vàng, châu báu, ba tấm mạng trị giá ba trăm ngàn, hai tấm trên hai lỗ tai trị giá hai trăm ngàn, trên lưng có tấm thảm trị giá một trăm ngàn, món trang hoàng trên mắt trị giá một trăm ngàn, ba tấm phủ đầu trị giá ba trăm ngàn, các vật nhỏ trang hoàng lỗ tai trị giá hai trăm ngàn, các vật trang hoàng đôi ngà trị giá hai trăm ngàn, các món trang hoàng biểu hiện điềm lành trên vòi trị giá một trăm ngàn, bảo vật trên trị giá một trăm ngàn, không kể các món trang hoàng vô giá trên thân giá hai trăm hai

mươi vạn đồng, máng thức ăn trị giá một trăm ngàn đồng, tất cả lên đến hai trăm bốn mươi vạn đồng.

Hơn nữa, các thứ châu ngọc lớn nhỏ trên tấm thảm, trong chuỗi đeo cổ, châu báu trong chiếc gậy thúc, châu báu trong chiếc vòng quanh cổ, châu báu trên mắt voi, tất cả các món này đều vô giá, con voi cũng vô giá, hợp lại thành thất bảo vô giá. Tất cả các vật này ngài đều bố thí cho các Bà-la- môn. Ngoài ra còn có năm trăm quân hầu cùng đám quản tượng và quét chuồng voi.

Một cuộc tài thí lớn như vậy khiến quả đất rúng động cùng với các điềm hy hữu như đã kể trên.

*

Để giải thích việc này, bậc Đạo Sư ngâm kệ:

24. Lúc ấy khắp nơi thật hãi hùng
Người người cảm thấy rợn da lông,
Khi ngài bố thí con voi báu
Quả đất kinh hoàng phải chuyển rung.
25. Lúc ấy khắp nơi thật hãi hùng,
Người người cảm thấy rợn da lông,
Khi ngài bố thí con voi báu
Tất cả kinh thành phải chuyển rung.
26. Tiếng kêu gào thét thật kinh hoàng
Toàn thể kinh thành bỗng dậy vang:
Si-vi chúa tể nuôi dân chúng
Cho các La-môn đại tượng vương.
*

Cả kinh thành Jetuttara đều rúng động. Chuyện kể rằng các Bà-la-môn ở cổng phía Nam nhậnđược voi báu xong liền cỡi lưng voi chen lấn trong đám người đông như thác lũ, đi qua giữa kinh thành.

Đám dân chúng nhìn thấy họ, liền la lớn:

- Này các Bà-la-môn ngất ngưởng trên lưng voi, tại sao các ông lấy voi của nước ta?

Bọn họ đáp:

- Đại vương Vessantara đã ban voi cho chúng ta. Còn các người là ai?

Bộ điệu họ hống hách với quần chúng như vậy, rồi họ băng qua kinh thành và ra khỏi cổng phía Bắc nhờ sự hỗ trợ của chư Thần.

Dân chúng kinh thành phẫn nộ với Bồ-tát cất tiếng trách móc ầm ĩ.

*

Bậc Đạo Sư ngâm kệ giải thích việc này:

27. Tiếng thét lớn kia cứ vọng vang
Tai nghe như vậy thật kinh hoàng
Khi vua bố thí con voi báu,
Quả đất hãi hùng phải chuyển rung.
28. Tiếng hét lớn kia cứ vọng vang
Tai nghe như vậy thật kinh hoàng,
Khi vua bố thí con voi báu
Dân chúng kinh thành thảy chuyển rung.
29. Tiếng thét lớn kia cứ vọng vang
Toàn dân đều khủng khiếp bàng hoàng:
Si-vi Chúa thượng nuôi dân chúng
Đem bố thí luôn đại tượng vương!
*

Tất cả dân chúng kinh thành rúng động trong lòng vì đại sự bố thí này, liền đến trình vua cha.

Do đó có chuyện kể:

30. Vương tứ, La-môn, Vệ-xá, Ug-ga, Quản tượng, bộ binh, kỵ mã, quản xa,

31. Điền chủ, toàn dân Si-vi vội đến, Thấy tượng vương đi, tìm vua yết kiến:

32. - Quốc độ suy tàn rồi, tấu Đại vương, Sao Ves-san-ta, Thái tử vinh quang, Bố thí tượng vương mọi người quý trọng?

33. Voi cứu tinh, ngà như sào, bạch tượng, Biết lập chiến công trên mọi đấu trường,

34. Với quạt đuôi trâu rừng, ngọc trang hoàng,
Đã dẫm nát tan mọi quân cừu địch,
Hung hãn, ngà dài, toàn thân trắng bạch
Như tuyết trên đỉnh núi Ke-là-sa,
35. Với cân đai, lọng trắng xứng vương gia, Cùng quản tượng và đám quân hầu cận, Bảo vật này, ngài đã đem ban tặng.

Sau đó, dân chúng còn nói thêm:

36. Ban y phục, lửa, xe, thức uống ăn, Là cúng dường xứng với Bà-la-môn.

37. Tâu Đại vương, bạn của toàn dân chúng,
Xin cho biết sao xảy ra hành động
Bởi vương nhi là dòng dõi vương gia,
Chính người là Thái tử Ves-san-ta?
38. Lệnh dân Si-vi, nếu ngài từ chối, Các ngài sẽ bị toàn dân chống đối.

Nghe vậy, vua cha nghi ngờ họ muốn giết Vessantara, nên ngài phán:

39-40. Vâng, ta chẳng màng quốc độ, ngai vàng,
Ta quyết không đày trẻ khỏi quê hương,
Thái tử ta chẳng chút nào lầm lỗi,
Ta cũng không muốn vâng lời dân nói,
Vì con ta dòng chính thống là chàng.
41-42. Không, ta chẳng màng quốc độ, ngai vàng,
Ta quyết không đày trẻ khỏi quê hương,
Thái tử ta chẳng có gì lầm lỗi,
Ta cũng chẳng muốn vâng lời dân nói,
Vì con ta, đích thực chính là chàng.
43-44. Không, ta quyết không làm hại hoàng nam,
Vì Thái tử thật vô cùng cao cả.
Việc ấy đối với ta đầy nhục nhã,
Nó sẽ gây nhiều khổ não cho ta:
Làm sao ta cầm kiếm giết Ves-sa?
Dân chúng Si-vi đáp:

45. Người không xứng dù bất kỳ hình phạt,
Dù kiếm, đao hay phải vào ngục thất,
Song hãy đuổi người ra khỏi giang sơn,
Đến đỉnh núi Vam-ka để náu nương.
Vua phán:

46. Hãy xem đây ý nguyền toàn dân chúng
Và chính ta không thể nào phủ nhận,
Song cho chàng hạnh phúc một đêm thôi
Trước khi chàng phải cất bước xa rời.
47. Sau khoảnh khắc của đêm nay vừa mãn, Khi ngày mai bình minh vừa ló dạng, Cả toàn dân hãy đến đuổi chàng đi.

Dân chúng đồng ý lời vua đề nghị chỉ một đêm thôi. Sau đó, vua bảo họ lùi về và nghĩ đến việc gửi thông điệp cho con, ngài giao trọng trách cho một sứ giả, người này liền đi

đến cung của Thái tử Vessantara và trình mọi việc đã xảy ra.

*

III. THÁI TỬ BỊ ĐÀY LÊN NÚI VAMKA

Các vần kệ sau đây giải thích việc này:

48. - Ngươi hãy đi nhanh và bảo Vương nhi Lời ta nhắn thần dân đầy căm phẫn, Và tất cả đều đồng lòng chấp thuận,

49-50. Ug-ga, vương tử, Vệ-xá, La-môn,
Quản tượng, quản xa, lính bộ, vệ quân,
Tất cả dân thôn quê cùng thành phố
Đã cùng nhau kéo về đây rầm rộ,
51. Sau khoảng thời gian chỉ một đêm nay,
Khi bình minh vừa ló dạng ngày mai,
Toàn dân chúng sẽ cùng nhau tụ họp,
Và sẽ đuổi Vương nhi ra khỏi nước.
52. Sứ giả này được lệnh chúa Si-vi,
Liền vội vàng đem sứ mạng ra đi,
Cởi con voi có mang đầy gươm giáo,
Ngát dầu thơm và rỡ ràng xiêm áo,
53. Tẩm ướt đầu, vòng ngọc mỗi bên tai, Gã lên đường đến thành thị tuyệt vời, Nơi Thái tử Ves-san-ta-ra ngự.

54. Gã nhìn ngắm hạnh phúc sao Vương tử
Cư trú trong lãnh thổ thật bình yên
Như Và-sa-va, chúa tể chư Thiên,
Chung quanh ngài quần thần đang hầu hạ.
55. Gã đến nơi thật nhanh chân vội vã, Và đến bên Thái tử, gã thưa trình: - Tâu Đại vương, tin mang đến chẳng lành,

Xin ngài chớ vì hạ thần phẫn nộ.

56-57. Kính lễ ngài với bao hàng lệ đổ,
Gã thưa trình lên với đấng vương quân:
- Với hạ thần, ngài là bậc chủ nhân,
Và ngài đã ban hạ thần tất cả,
Nhưng giờ đây thần phải tâu ngài rõ:
Tin chẳng lành, xin Chúa thượng bình tâm.
58. Dân thị thành cùng tất cả toàn dân Đồng một lòng, nổi lên cơn thịnh nộ, Ug-ga, Vệ-xá, La-môn, vương tử,

59. Quản tượng, quản xa, vệ sĩ, bộ binh, Dân làng quê cùng dân chúng thị thành Nay rầm rộ kéo về đây đồng loạt,

60. Sau khoảnh khắc một đêm nay thấm thoắt,
Khi bình minh vừa đến rạng ngày mai
Đã quyết lòng đến từng đám đông người
Và sẽ đuổi ngài đi xa xứ sở.
Bậc Đại Sĩ nói:

61. Sao với ta, thần dân đang phẫn nộ?
Vì ta không thấy phạm lỗi lầm chi,
Này bạn hiền, hãy nói thử ta nghe,
Sao dân chúng muốn đuổi ta xa xứ?
Sứ giả đáp:

62-63. Ug-ga, Đạo Sĩ, quản xa, Vương tử,
Quản tượng, vệ quân, Vệ-xá, bộ binh
Kéo về kinh và nổi trận lôi đình
Về việc ngài đã đem cho báu vật,
Cho nên định đưa ngài ra tống xuất.
Nghe vậy, bậc Đại Sĩ đầy hân hoan đáp:

64. Chính mắt và tim ta cũng muốn cho,
Sao chẳng cho gì không phải của ta,
Hoặc vàng ròng, hoặc kho tàng, đá quý,
Hoặc ngọc trai hay bảo châu tuyệt mỹ?
65. Nếu có người nào đi đến hỏi ta Ta sẽ cho luôn cả tứ chi mà

Lòng chẳng ngập ngừng dù trong phút chốc, Trong phát ban chính là niềm hoan lạc.

66. Nay thần dân xin cứ đuổi ta ra,
Nay thần dân xin hãy cứ giết ta,
Hoặc cứ chặt thân ta thành bảy khúc,
Song bố thí, ta vẫn còn tiếp tục.
Khi nghe vậy, sứ giả lại nói lên, không phải thông điệp của vua cha hay của thần dân, mà chính là lệnh phát xuất từ tâm của gã:

67-68. Đây là ý nguyền của dân chúng Si-vi,
Họ bảo thần đến nói Chúa công nghe,
Ở bên đồi À-rañ-ra ấy
Có dòng suối Kon-ti-mà-rà chảy,
Đến miền kia, Chúa thượng hãy đăng trình,
Nơi kẻ lưu đày vẫn phải du hành.
Tương truyền gã nói điều này theo gợi ý của một vị thần. Nghe vậy, Bồ-tát đáp:

- Tốt lắm, ta sẽ đi theo con đường mà những kẻ phạm tội phải đi. Nhưng dân chúng không đuổi ta vì một tội nào cả, mà họ đuổi ta vì sự bố thí voi báu. Do vậy, ta muốn làm

Lễ đại bố thí bảy trăm món nữa, và ta xin dân chúng gia hạn cho ta một ngày vì việc ấy. Ngày mai ta sẽ bố thí và ngày kế ta sẽ đi.

69. Vậy ta sẽ đi cùng con đường ấy
Như những kẻ xưa nay làm việc quấy,
Nhưng trước tiên để bố thí cúng dường,
Ta mong dân cho phép một ngày trường.
- Tốt lắm - Vị sứ giả đáp - Thần sẽ trình việc này với dân chúng.

Khi người ấy đi rồi, bậc Đại Sĩ triệu một tùy tướng của ngài đến và bảo:

- Ngày mai ta sẽ làm lễ bố thí gọi là Lễ bố thí bảy trăm món. Khanh hãy sắp đặt sẵn sàng bảy trăm voi, cùng bảy trăm ngựa, xe, con gái, bò cái, nam nô, nữ tỳ và đủ mọi thức ăn uống ngay cả rượu nồng, đủ mọi vật xứng đáng đem bố thí.

Như vậy, sau khi đã chuẩn bị Đại lễ bố thí bảy trăm món, ngài bảo quần thần lui về. Rồi một mình ngài đi đến cung thất vương hậu Maddì, tại đó, trong lúc ngồi trên vương tọa, ngài bảo nàng.

*

Bậc Đạo Sư miêu tả việc ấy như sau:

70. Như vậy cùng với Mad-dì vương hậu, Tuyệt thế công nương này, vua phán bảo:

- Những thứ gì ta đã tặng cho nàng, Các đồ dùng, lúa gạo, hãy canh phòng,

71. Hoặc vàng, ngọc quý cùng nhiều kho báu, Hồi môn vương phụ, tìm nơi chôn giấu.

72. Rồi Mad-dì đã đáp lại quân vương,
Nàng chính là vị tuyệt thế công nương:
- Thiếp sẽ kiếm nơi đâu, tâu Chúa thượng,
Xin cho biết chỗ nào chôn giấu chúng?
Vua Vessantara đáp:

73. Hãy đem phân phát của cải kho vàng
Tương xứng với điều lợi ích cho nàng,
Không nơi nào an toàn hơn nơi đó,
Chính điều này ta vẫn thường biết rõ.
Nàng chấp thuận và ngài còn khuyên giáo nàng thêm theo hướng này:

74. Hỡi Mad-dì, hãy yêu quý con nàng,
Cùng phụ vương, mẫu hậu của phu quân,
Đối với người sẽ là chồng nàng đó,
Nàng hãy sẵn sàng hết lòng phục vụ.
75. Còn nếu không ai muốn hỏi cưới nàng
Sau khi ta đã khuất bóng trên đường,
Hãy tìm một phu quân cho nàng nữa,

Nhưng nàng đừng sống cô đơn tàn úa.
Lức ấy Maddì nghĩ thầm: "Ta tự hỏi tại sao Vessantara lại nói một điều như vậy với ta".

Và nàng hỏi ngài:

- Tâu Chúa thượng, tại sao ngài nói với thần thiếp những điều không nên nói?

Bậc Đại Sĩ đáp:

- Này vương hậu, dân chúng Si-vi phẫn nộ vì ta đã bố thí con voi báu, nên muốn đuổi ta đi ra khỏi đất nước. Vậy ngày mai ta sẽ làm Lễ bố thí bảy trăm món, và ngày kế đó ta sẽ rời kinh thành.

Và ngài ngâm kệ:

76. Ngày mai đi vào khu rừng hoang dã, Bị bầy thú săn mồi đến tấn công, Ai biết chăng: Ta còn sống được không?

77. Rồi đáp lời, nàng Mad-dì diễm lệ,
Nàng chính là vị công nương tuyệt thế:
- Không phải đâu! Lời nói thật bạo tàn!
Đừng nhẫn tâm nói điều ấy, thưa chàng!
78. Tâu Chúa công, chẳng chút nào thích hợp
Nếu chỉ riêng chàng ra đi đơn độc,
Dù cuộc du hành chàng sẽ tới đâu,
Thiếp cũng xin nguyền cất bước theo hầu:
79. Cho thiếp chọn: Ở cùng chàng để chết,
Hoặc là sống phải xa chàng, ly biệt.
Chết là điều thần thiếp ước mong làm,
Nếu thiếp không được sống ở bên chàng.
80. Hãy đốt lên ngọn lửa hồng đỏ rực,
Ngọn lửa nào thật hung tàn đệ nhất,
Thà thiếp chết kia trong ngọn lửa hồng
Vẫn còn hơn thiếp phải sống xa chồng.
81. Cũng như ở phía sau mình voi nọ,
Vẫn thường thấy một nàng voi là vợ
Di chuyển qua các đèo, núi, hay rừng,
Trên dốc gồ ghề hay mặt đất bằng.
82. Cùng các con, thiếp sẽ theo chàng mãi
Đi bất cứ nơi nào chàng dẫn lối,
Thiếp sẽ không làm gánh nặng cho chàng,
Cũng không đòi chàng vất vả kiếm ăn.
Cùng với những lời này, nàng bắt đầu ca tụng miền Tuyết Sơn như thể nàng đã thấy cảnh ấy tận mắt:

83. Khi chàng thấy các con chàng xinh đẹp
Và nghe lời chúng chuyện trò tíu tít,
Trong khu rừng xanh tốt với muôn hoa,
Chàng sẽ quên một thuở đã làm vua.
84. Khi nhìn thấy con xinh tươi chạy nhảy,
Và nghe lời chúng chuyện trò vang dậy
Trong khu rừng xanh tốt với muôn hoa,
Chàng sẽ quên một thuở đã làm vua.
85. Khi chàng thấy các con thơ xinh đẹp Và nghe lời chúng chuyện trò tíu tít, Trong ngôi nhà diễm lệ của đôi ta,

Chàng sẽ quên một thuở đã làm vua.

86. Nhìn thấy các con thơ chơi mải miết,
Và nghe lời chúng chuyện trò tíu tít,
Trong khu rừng xanh tốt với muôn hoa,
Chàng sẽ không còn nhớ thuở làm vua.
87. Khi nhìn các con điểm trang rực rỡ
Và ngắm chúng đem về bao hoa nở
Trong ngôi nhà diễm lệ của đôi ta,
Chàng sẽ không còn nhớ thuở làm vua.
88. Khi nhìn các con chơi đùa rộn rã,
Và ngắm chúng đem về bao hoa lá
Trong ngôi nhà diễm lệ của đôi ta,
Chàng sẽ quên một thuở đã làm vua.
89. Khi chàng thấy các con đang nhảy múa,
Và mang về những vòng hoa rực rỡ
Trong ngôi nhà diễm lệ của đôi ta,
Chàng sẽ quên một thuở đã làm vua.
90. Khi chàng ngắm chúng chơi đùa nhảy múa,
Và đem về những vòng hoa rực rỡ
Trong ngôi nhà diễm lệ của đôi ta,
Chàng sẽ quên một thuở đã làm vua.
91. Ông voi già có tuổi chừng sáu chục
Phiêu bạt lang thang hoàn toàn cô độc,
Trong khu rừng đầy cỏ mọc hoang sơ,
Sẽ khiến chàng quên một thuở làm vua.
92. Ông voi già có tuổi chừng sáu chục
Về buổi chiều vẫn lang thang cô độc,
Và ra đi vào buổi sáng tinh mơ,
Sẽ khiến chàng quên một thuở làm vua.

93. Khi chàng ngắm ông voi già trưởng thượng,
Đem theo cả đàn voi con tùy tướng,
Voi sáu mươi, và nghe tiếng thét to,
Chàng sẽ quên một thuở đã làm vua.
94. Khi chàng ngắm bầy thú hoang gầm rống,
Cùng mọi vật mà lòng chàng ước vọng,
Và không gian rộng rãi của rừng thưa,
Chàng sẽ quên một thuở đã làm vua.
95. Đàn hươu nai kéo về lúc chiều tối,
Nhảy nhót múa may từng bầy ếch nhái,
Và nơi nơi nở rộ cả muôn hoa,
Chàng sẽ quên một thuở đã làm vua.
96. Khi chàng nghe suối sông reo ào ạt,
Và biết bao loài thần tiên ca hát,
Tin thiếp đây, chàng sẽ chóng quên là
Có một thời chàng đã được làm vua.
97. Khi chàng nghe tiếng cú mèo đang hú
Trong hang sâu chốn núi rừng cư trú,
Chắc chắn rằng chàng sẽ chẳng nhớ ra
Có một thời chàng đã được làm vua.
98. Loài trâu rừng cùng với loài tê giác,
Làm cho cả khu rừng vang tiếng nhạc,
Loài cọp beo và sư tử gầm gừ
Khiến chàng quên một thuở đã làm vua.
99. Khi chàng thấy trên non cao chót vót
Chim công trống múa men và nhảy nhót
Trước cả bầy công mái thật nên thơ,
Chàng sẽ quên một thuở đã làm vua.
100. Nhìn công trống noãn sinh kia nhảy múa,
Xòe đôi cánh đẹp huy hoàng rực rỡ
Trước cả bầy công mái thật nên thơ,
Chàng sẽ quên một thuở đã làm vua.
101. Chim công trống với cổ màu xanh đỏ
Nhìn công trống vụt lên và nhảy múa
Trước cả bầy công mái thật nên thơ,
Chàng sẽ quên một thuở đã làm vua.
102. Khi núi rừng ở vào mùa đông giá,
Chàng ngắm nhìn các cây hoa rộ nở,
Các mùi hương ngào ngạt nhẹ nhàng đưa,

Chàng sẽ quên một thuở đã làm vua.
103. Khi núi rừng ở vào mùa đông giá
Chàng ngắm nhìn các cây hoa rộ nở,
Hương sen, Bim-ba, Ku-ta thoảng đưa,
Chàng se quên một thuở đã làm vua.
104. Khi núi rừng ở vào mùa đông giá
Chàng ngắm khu rừng muôn hoa đua nở
Và hoa sen rộ nở ở quanh ta,
Chàng sẽ quên một thuở đã làm vua.
Như vậy Maddì đã ca tụng vùng Tuyết Sơn qua các vần kệ này như thể nàng đang sống ở đó.

Đến đây chấm dứt Lời Ca tụng cảnh Tuyết Sơn (Himavanta-vannanà).

*

IV. THÁI TỬ GIÃ TỪ THÂN TỘC

Lúc bấy giờ Thái hậu Phusatì suy nghĩ: "Một bản án nặng nề đã áp đặt lên vai vương nhi. Con ta sẽ làm gì đây? Ta muốn đi xem sao".

Bà liền ngự lên một chiếc xe được phủ kín, và khi bà dừng trước cửa cung thất của con bà, bà nghe lọt câu chuyện ấy và bật tiếng than khóc thảm thiết.

*

Bậc Đạo Sư ngâm kệ giải thích việc này:

105. Bà nghe tiếng vương phi và vương tử
Lời hai vị đang hàn huyên tâm sự
Bà bật ra tiếng kêu khóc thảm thương
Thái hậu kia thật vĩ đại vinh quang:
106 -107.- Ta bảo thà ta phải dùng độc dược
Hoặc là ta phải nhào đầu xuống vực,
Hoặc thắt dây thòng lọng ở cổ ta,
Sao thần dân tống xuất Ves-san-ta?
108 -109. Chuyên cần, bố thí và ly tham dục,
Được tất cả các địch vương kính phục,
Danh vọng huy hoàng vang dội gần xa,
Sao đuổi con vô tội Ves-san-ta?
110. Là điểm tựa của song thân phụ mẫu,
Biết kính trọng bậc đàn anh trưởng lão,
Sao thần dân đuổi Ves-san-ta-ra,
Chính là vương nhi vô tội của ta?

11I-112. Được phụ vương và mẫu hoàng ái mộ Cùng tất cả đám bà con dòng họ, Được quý yêu bởi tất cả thân bằng,

Cả quê hương cùng tất giang sơn, Con vô tội, sao chúng đòi tống xuất?

Sau lời khóc than bi thảm này, bà an ủi vương nhi và vương hậu, sau đó bà yết kiến vua cha và tâu:

113. Giống như đám xoài kia rơi xuống đất,
Như bạc tiền đã phung phí tiêu tan,
Vương quốc ngài cũng sụp đổ điêu tàn,
Người vô tội nếu bị dân đầy ải.
114. Rồi giống như chim thiên nga cánh gãy
Khi các nguồn suối nước cạn khô dần,
Bị bỏ rơi bởi tất cả quần thần,
Ngài sẽ sống trong khổ đau cô độc.
115. Tâu Đại Vương, thiếp trình ngài chân thật:
Đừng để nguồn phúc lộc Đại vương tàn,
Đừng đuổi con vô tội bởi dân than.
Nghe vậy, phụ vương đáp:
116. Biểu tượng của toàn dân, vương tử đó,
Nếu ta truyền lưu đày nơi gian khổ,
Là ta tuân phận sự của hoàng gia,
Còn thiết thân hơn cả chính đời ta.
Nghe lời này, thái hậu lại khóc than:
117. Xưa biết bao đoàn quân hầu hộ tống
Với cờ xí huy hoàng bay lồng lộng,
Như rừng cây nở rộ với muôn hoa,
Nay vương nhi đành đơn độc đi xa.
118. Các hoàng giáp Gan-dhà-ra rực rỡ
Khoác quanh con sáng ngời ngày xưa đó,
Hay bừng lên đỏ sẫm lúc con đi,
Hôm nay cô độc cất bước vương nhi.
119. Xưa con ngự vương xa, voi, hay kiệu, Nay vua Ves-san-ta đi thất thểu.

120. Ngày xưa con được tẩm ngát trầm hương,
Được đánh thức bằng vũ khúc, ca xang,
Nay làm sao khoác tấm da thô nhám,
Mang bình nước, chiếc rìu trên đường vắng?
121. Sao chúng không dâng những chiếc hoàng bào, Không có da hươu quý bởi vì sao?

Khoác vỏ cây, con bước vào rừng rậm,

122. Vua bị đuổi, vỏ cây làm sao quấn? Rồi làm sao nàng công chúa Mad-dì Khoác vỏ cây và cỏ lá rừng kia?

123. Xưa thường mặc lụa tơ Ba-la-nại, Gấm Ko-dum-ba-ra đầy êm ái, Nay làm sao khoác lá vỏ cây kia?

124. Xưa tới lui, nàng ngồi kiệu hay xe, Nàng công chúa yêu kiều và khả ái, Nay làm sao bước chân nàng đi nổi?

125. Nàng có đôi chân yếu với tay mềm,
Đứng bình yên trong hạnh phúc êm đềm,
Nay làm sao nàng công nương mỹ lệ
Bước run run vào khu rừng hoang phế?
126 -127. Nàng có đôi chân yếu với tay mềm,
Nàng sống xưa trong hạnh phúc êm đềm,
Loại hài xưa nàng mang êm dịu nhất
Vẫn làm đau đôi chân nàng gót ngọc,
Nay làm sao nàng cất bước chân đi?
128. Ngày xưa kia ở giữa ngàn nữ nhi
Nàng cất bước vòng hoa đeo lủng lẳng,
Nay làm sao giữa khu rừng hoang vắng
Nàng diễm kiều đơn độc bước chân lê?
129. Xưa, nếu loài sơn cẩu hú, nàng nghe Nàng thường thấy trong lòng đầy lo lắng, Nàng rụt rè nay sao đi rừng vắng?

130 -131. Nàng rùng mình lo sợ tiếng thiên xa,
Hoặc run run như kẻ thấy tà ma
Khi nghe tiếng cú kêu gào văng vẳng
Mỹ nữ rụt rè sao đi rừng rậm?
132. Giống như chim nhìn thấy tổ trống trơn
Tất cả đều bị giết, lũ chim non,
Khi thiếp nhìn thấy nơi này trống vắng,
Lòng thiêu đốt trong khổ đau đằng đẳng.
133. Giống như chim nhìn thấy tổ trống trơn Tất cả đều bị giết, lũ chim non,

Thiếp gầy mòn, võ vàng khi nhìn thấy Con dấu yêu chẳng bao giờ trở lại.

134. Giống như chim nhìn thấy tổ trống trơn
Tất cả đều bị giết, lũ chim non,
Thiếp sẽ phát điên cuồng và ngây dại
Thấy con yêu không bao giờ trở lại.
135. Như diều hâu nhìn thấy tổ trống trơn
Tất cả đều bị giết, bầy chim non
Khi thiếp nhìn thấy nơi này trống vắng

Thiếp sẽ sống trong khổ đau đằng đẵng.
136. Như diều hâu nhìn thấy tổ trống trơn
Tất cả đều bị giết, lũ chim non,
Thiếp yếu gầy, võ vàng khi nhìn thấy
Con dấu yêu nhất đời không trở lại.
137. Như diều hâu nhìn thấy tổ trống trơn
Tất cả đều bị giết, lũ chim non,
Thiếp sẽ phát điên cuồng và ngây dại
Thấy con yêu chẳng bao giờ trở lại.
138. Như bầy hồng nga nọ đứng bên hồ,
Làn nước kia nay biến mất, cạn khô,
Thiếp sẽ sống trong khổ đau dằng dặc,
Không còn thấy đứa con yêu quý nhất.
139. Như bầy hồng nga nọ đứng bên hồ,
Làn nước kia nay biến mất, cạn khô,
Thiếp sẽ gầy mòn, võ vàng héo hắt,
Không còn thấy đứa con yêu quý nhất.
140. Như bầy hồng nga nọ đứng bên hồ,
Làn nước kia nay biến mất, cạn khô,
Thiếp sẽ hóa dại cuồng khi thấy mất
Đứa con trai mà thiếp yêu thương nhất.
141. Và nếu Đại vương đành tống xuất đi
Khỏi quê hương, dù vô tội, vương nhi,
Mặc dù thiếp đang khổ đau than thở
Cuộc đời thiếp e rằng đành từ bỏ.
*

Để giải thích vấn đề này, bậc Đạo Sư ngâm kệ:

142. Nghe mẫu hoàng than khóc thật đau thương,
Tất cả cùng nhau thẳng tiến vội vàng,
Các cung phi dang đôi tay trước mặt
Để cùng bà tiếp nối lời than khóc.
143. Và ở trong cung điện của ông hoàng
Tất cả đều nằm la liệt ngổn ngang,
Đàn bà trẻ con nằm như cây cỏ
Bị ngã dài trên đất liền tại chỗ.
144. Và đến khi đêm ấy đã gần tàn
Rạng ngày sau vừa lúc mặt trời quang,
Khi ấy Ves-san-ta-ra Chúa tể
Bắt đầu Lễ đại cúng dường bố thí.

145. Đem thức ăn cho những kẻ đói cơm,
Đem rượu nồng cho những bọn túy ông,
Đem y phục cho người cần y phục,
Cho mỗi người tùy theo lòng mong ước.
146. Đừng để người xin thất vọng trở về, Hãy tỏ bày lòng kính trọng tràn trề, Đừng để thiếu thức uống ăn tùy thích.

147. Vì thế quần chúng tựu tề chật ních
Và nhanh chân nhảy múa với nô đùa,
Khi Si-vi Chúa tể chính là vua
Nuôi quốc độ đang sẵn sàng biệt xứ.
148. Chúng đã đốn nhào một cây đại thụ
Đứng vươn cao đầy quả chín trên cành,
Khi quần chúng đuổi ra khỏi đất lành
Vua vô tội Ves-san-ta-ra ấy,
149. Cây ban ước nguyện chúng đành đốn gãy
Với bao điều ân huệ sẵn trong tay
Ves-san-ta-ra vô tội thế này,
Quần chúng tống xuất ngài ra khỏi nước.
150. Chúng đã đốn cây thần ban điều ước
Với tối cao ân huệ sẵn trong tay,
Ves-san-ta-ra vô tội thế này
Chúng đã tống xuất ngài đi biệt xứ.
151-152. Quần chúng trẻ già, mọi người đủ cỡ Đều khóc than và gào thét suốt ngày

Đồng giơ cao lên tất cả cánh tay, Khi chúa tể sẵn sàng đi biệt xứ, Vị vua đã nuôi Si-vi quốc độ.

153-154. Bà cốt, hoạn quan, cung nữ khóc thương
Và thét gào suốt cả một ngày trường
Đồng giơ các cánh tay ra phía trước,
Khi Đại vương sẵn sàng rời đất nước,
Ngài đã nuôi dưỡng quốc độ Si-vi.
155. Trong kinh thành tất cả bọn nữ nhi
Đồng than khóc và thét gào hôm ấy,
Khi vị vua nước Si-vi vĩ đại
Bảo dưỡng dân sắp sửa bước lưu đày.
156. Bà-la-môn, khổ hạnh giả xưa nay
Cùng tất cả những ai cần khất thực,
Đều giơ cao các cánh tay trước mặt
Và thét to: "Thật hành động bạo tàn!"

157. Trong khi vua đem phước lộc phát ban
Cho tất cả toàn kinh thành thừa hưởng,
Và nay bị chính thần dân kết án
Ngài đã đành cất bước chốn lưu vong.
I58. Bảy trăm con voi ngài đã tặng không
Với tất cả vẻ huy hoàng tô điểm:
Với dây đai bằng vàng ròng kiều diễm,
Với khăn vàng được phủ kín sáng ngời.
159. Mỗi con voi đều chở một chú nài
Với dáo móc cầm trong tay hộ vệ,
Nay nhìn Ves-san-ta-ra Chúa tể
Bị đày đi khỏi đất nước lưu vong.
160. Bảy trăm con ngựa ngài cũng phát không,
Được tô điểm với yên cương láng bóng,
Các ngựa Sindh, ngựa rặc nòi thuần chủng,
Tất cả đều phi vùn vụt đôi chân.
161. Mỗi ngựa đều được cỡi một tên quân
Với cung kiếm trong tay đầy bạo dạn,
Nay nhìn Ves-san-ta-ra Chúa thượng
Bị đày đi khỏi đất nước quê hương.
162. Bảy trăm xe ngựa đầy đủ yên cương

Với cờ xí rợp tung bay theo gió, Da hổ, báo, cảnh huy hoàng rực rỡ,

163. Mỗi xe đều được cỡi một quản xa
Mang giáp bào, cầm cung nỏ sáng lòa,
Nay nhìn Ves-san-ta-ra Chúa tể
Bị đi đày khỏi quê hương như thế.
164. Bảy trăm nữ nhi ngài cũng phát ban,
Trên mỗi cỗ xe đều đứng một nàng
Với chuỗi vàng và kim hoàn tô điểm,
Các nữ nhi này thật là kiều diễm.
165- 166. Với nữ trang và y phục xinh xinh
Với eo lưng nhỏ bé và thanh thanh,
Đôi mày cong và nụ cười tươi sáng,
Với đôi mông tròn gợi tình duyên dáng,
Nay hãy nhìn Chúa thượng Ves-san-ta
Bị đày đi khỏi đất nước quê nhà!
167. Bảy trăm bò ngài cũng đem phân phát,
Với mỗi thùng đựng sữa đều bằng bạc,
Nay hãy nhìn Chúa thượng Ves-san-ta

Bị đày đi khỏi đất nước quê nhà!
168. Bảy trăm nữ tỳ ngài đem cho hết
Khi đám mày râu kêu vang tha thiết,
Nay hãy nhìn Chúa thượng Ves-san-ta
Bị đày đi khỏi đất nước quê nhà!
169. Ngài ban ngựa voi, cỗ xe, nô lệ,
Sau mọi việc kia xảy ra, tuy thế,
Nay hãy nhìn Chúa thượng Ves-san-ta
Bị đày đi khỏi đất nước quê nhà!
170. Việc kia quả thật vô cùng kinh khủng,
Đã khiến cho lông tóc ta dựng đứng,
Khi giờ đây Chúa thượng Ves-san-ta
Bị đày đi khỏi đất nước quê nhà!

Bấy giờ một vị thần báo tin cho các vua chúa khắp cõi Diêm-phù-đề việc vua Vessantàra đã làm Đại lễ bố thí các phụ nữ cao sang cùng các tặng vật khác ra sao. Vì thế các vị quý tộc Sát-đế-ly nhờ thần lực hỗ trợ đã đến kịp bằng xe và trở về cung với các phụ nữ cao sang cùng các tặng vật khác mà họ nhận được. Nhờ đấy, các Sát-đế-ly (quý tộc), Bà-la-môn (Đạo sĩ), Vệ xá (thương nhân), Thủ-đà (công nhân) đều nhận quà từ chính tay ngài trước khi họ ra về.

Ngài vẫn đang phân phát thí vật thì trời tối, vì thế ngài trở về cung thất để từ giã song thân và lên đường đêm ấy. Ngài ngự trên chiếc vương xa lộng lẫy đến cung của cha mẹ cùng nàng Maddì để nàng cùng ngài từ giã hai vị. Bậc Đại Sĩ kính lễ vua cha và thưa trình việc ngài cùng vương phi đến hầu.

*

Bậc Đạo Sư ngâm kệ giải thích việc này:

171. Xin tạ từ Minh chúa Sañ-jà ya,
Và xin trình để phụ vương biết rõ:
- Con sẽ ra đi đến đồi Vạn-cổ
Vì giờ đây cha phán lệnh lưu đày.
172. Tấu Anh quân, thời sắp đến sau này Sẽ biết rõ những ai đầy tham dục Không biết thỏa, sẽ đi vào địa ngục.

173. Vì con làm nên tội với thần dân,
Đã phát ban hào phóng với tay con,
Nên con đã bị toàn dân xét xử,
Con phải chịu đi đày ra khỏi xứ.
174. Con sẽ đền tội lỗi ấy bây giờ
Trong khu rừng loài hổ báo du cư.
Nếu cha muốn lội bùn nhơ ác dục,

Tuy thế, con vẫn muốn làm công đức.
*

Bậc Đại Sĩ ngâm bốn vần kệ này với vua cha rồi ngài quay sang mẹ xin phép là được rời thế tục với các lời này:

175- 176. Thưa mẹ hiền, con xin phép giã từ,
Con bị đày ra khỏi xứ biệt cư,
Vì tội lỗi đã làm cho dân chúng,
Con bố thí với bàn tay hào phóng,
Nay chiếu theo án lệnh của toàn dân
Con đi đày khỏi đất nước quê hương.
177. Bây giờ con sắp phải đền tội lỗi
Trong rừng hoang loài hổ beo lui tới.
Nếu mẹ muốn chìm trong chốn dục tham,
Song phần con công đức quyết tâm làm.
Mẫu hậu Phusatì đáp:

178-179. Mẹ cho phép con ra đi, Thái tử,
Hãy nhận lời mẹ chúc lành vạn sự,
Để Mad-dì và các cháu ở nhà,
Nàng sẽ không làm lợi nữa bao giờ,
Chân yếu, tay mềm, thân hình yếu đuối,
Tại sao nàng cần phải đi, con hỡi?
Vua Vessantara đáp:

180. Con chẳng đem theo dù một nữ tỳ
Trái ý nguyền nàng chẳng muốn ra đi.
Song nàng muốn, hãy cho nàng đi với,
Còn nếu không, hãy để nàng ở lại.
Nghe lời Thái từ nói, vua cha tìm cách thuyết phục nàng.

*

Bậc Đạo Sư ngâm kệ giải thích việc này:

181. Lúc ấy phụ vương phán bảo công nương: - Đừng để tay chân tẩm ướt đàn hương
Chịu lấm bụi và đất dơ, cha bảo,

182. Con đừng đắp vỏ cây rừng làm áo
Thay lụa tơ Ba-la-nại mượt mà,
Công nương diễm phúc, đừng bước đi xa,
Đời rừng rậm thật khó khăn gian khổ.
183. Công chúa Mad-dì yêu kiều, rực rỡ,
Liền đáp lời thưa với phụ vương nàng:

- Được diễm phúc kia con cũng chẳng màng
Nếu không có Ves-san-ta Thái tử.
184. Rồi Đại vương Si-vi nuôi-quốc-độ
Lại nói thêm với nàng nữa như vầy:
- Này Mad-dì con hỡi, hãy nghe đây,
Khi cha giảng nỗi gian nan rừng thẳm:
185. Những bầy bọ ruồi, muỗi mòng, ong, gián, Sẽ đốt con trong lúc sống ở rừng Cho đến khi con mắc bệnh thương vong.

186. Còn cư dân trên bờ sông bến nước Lại nghe nói đến nhiều tai họa khác: Dù không mang nọc độc, giống trăn rừng,

Loài cuộn tròn siết chặt, mạnh vô cùng,

187. Hễ người, vật đến gần, liền tóm chặt, Rồi kéo về hang, cuộn trong nhiều khúc.

188. Còn nhiều loài dã thú khác hiểm nguy
Phủ đầy lông chằng chịt lại đen sì,
Chúng có thể trèo cây bắt người đấy,
Con gấu chính là tên sinh vật ấy.
189. Dọc theo bờ sông nước So-tum-ba
Có loài trâu cư trú chốn giang hà
Với cặp sừng thật to và nhọn hoắc
Có thể húc một cú đau cùng cực.
190. Thấy những đàn trâu vĩ đại thế này
Đi lang thang qua rừng rậm đó đây,
Như bò mẹ đi tìm con, khốn khổ,
Mad-dì sẽ làm gì, cho ta rõ?
191. Khi vượn khỉ trên cây tụ họp đoàn,
Chúng sẽ làm con hốt hoảng kinh hoàng,
Công chúa Mad-dì chẳng hề hiểu biết
Trước cảnh tượng dị kỳ và gớm ghiếc.
192. Xưa mỗi lần tiếng hú của chó rừng
Vẫn làm con thật run sợ hãi hùng,
Nay phải sống ở trên đồi Vạn-cổ
Con sẽ làm gì, Mad-dì bé nhỏ!
193. Sao con muốn đi vào chốn như vầy?
Ngay cả lúc trời đang giữa ban ngày,
Khi các loài chim nghỉ ngơi im lặng,
Khu rừng cây vẫn thét gào vang động.
194 -195. Rồi Mad-dì diễm lệ ấy, công nương
Liền nói lên vầy đáp lại phụ vương:

- Về những điều này thật là đáng sợ
Mà cha đã cố trình bày cho rõ,
Con sẵn sàng chấp nhận mọi điều kia,
Và nay con đã quyết định ra đi.
196. Qua mọi đồi hoang và rừng cỏ dại,
Xuyên suốt các đầm lau và khóm sậy,
Với sức mình, con sẽ mở con đường,
Quả thật con không oán trách kêu than.
197. Nàng nào muốn giữ chồng cho tốt đẹp,
Phải làm xong phận sự mình trên hết,
Phải sẵn sàng vò các cục phân bò,
Và sẵn sàng ăn bữa đói bữa no.
198. Nàng phải siêng năng chăm lo ngọn lửa
Và phải chuyên cần lọc trong nước nữa.
Song cuộc đời quả phụ thật kinh hoàng,
Con quyết ra đi, tâu bậc Đại vương.
199. Việc vặt vãnh cũng làm nàng lo lắng,
Nàng thường ăn thứ cơm thừa canh cặn,
Vì cuộc đời quả phụ thật kinh hoàng,
Con quyết ra đi, tâu bậc Đại vương.
200-201. Bị quật ngã và dìm trong bụi bặm,
Bị nắm tóc lôi thật là tàn nhẫn,
Đàn ông đều có thể đả thương nàng,
Mọi người ngoài chỉ đứng ngắm bàng quan.
Ôi hãi hùng là cuộc đời sương phụ!
Tâu Đại vương, con quyết đi khỏi xứ.
202-203. Bọn đàn ông vây đánh trẻ mồ côi
Thật bạo tàn vì đấm đá tả tơi
Như bầy quạ thường vồ chim cú nhỏ.
Dù mỹ miều và tự cao quyến rủ,
Ôi cuộc đời quả phụ thật kinh hoàng!
Con quyết ra đi, tâu bậc Đại vương.
204-205. Ngay cả trong nhà giàu sang thịnh vượng
Sáng ngời lên với bạc vàng vô tận,
Lời đắng cay tuôn chảy mãi không ngừng
Từ đám anh em hoặc các thân bằng,
Ôi hãi hùng là cuộc đời sương phụ!
Tâu Đại vương, con quyết đi khỏi xứ.
206-207. Chẳng khác dòng sông suối nước cạn khô.

Chẳng khác gì vương quốc thiếu vị vua,
Người sương phụ dù có mười anh ruột
Cũng chỉ là tấm thân trần trùng trục,
Ôi cuộc đời sương phụ thật kinh hoàng!
Con quyết ra đi, tâu bậc Đại vương.
208-209. Dấu hiệu cỗ xe: lá cờ phấp phới, Lửa được khói xông nên người biết tới,

Đất nước sáng danh nhờ các quốc vương,
Người vợ có tên nhờ chính phu quân.
Ôi hãi hùng là cuộc đời sương phụ!
Tâu Đại vương, con quyết đi khỏi xứ.
210-211. Người vợ chia chung số phận với chồng,
Dù được giàu sang hay chịu bần cùng,
Danh vọng nàng được thần linh tán tụng,
Lúc hoạn nạn nàng cũng đành an phận.
212-213. Con vẫn quyết tâm nối gót theo chàng
Dù khoác hoàng y con cũng chẳng màng,
Làm hoàng hậu khắp thế gian chẳng thiết
Đời sương phụ than ôi, đầy kinh khiếp,
Tâu Đại vương, con sẽ quyết ra đi.
214. Quả thật vô tâm là những nữ nhi
Lòng sắt đá nên không sao nhận thức
Khi các vị lang quân đang khổ cực,
Lại ước mong vui hưởng cảnh giàu sang.
215. Khi chúa tể Si-vi bỏ quê hương,
Để cất bước lưu đày ra khỏi nước,
Con quyết sẽ cùng theo chàng cất bước,
Vì chàng ban mọi hỷ lạc, hân hoan.
216-217. Lúc bấy giờ cất tiếng vị Đại vương
Nói với Mad-dì huy hoàng diễm lệ:
- Nhưng hãy để lại đây hai con trẻ
Vì chúng làm gì được ở nơi kia,
Hỡi công nương đầy phước đức, Mad-dì?
Chúng ta sẽ chăm nom đầy kỹ lưỡng.
218-219. Rồi Mad-dì trả lời ngay Chúa thượng,
Vị công nương thật rực rỡ yêu kiều:
- Bé Jà-li, Kan-hà ấy thân yêu
Với lòng con thật vô cùng quý giá,
Chúng sẽ cùng con vào rừng cư trú,
Và làm con vơi nhẹ nỗi sầu bi.

220-221. Vị Đại vương nuôi-quốc-độ Si-vi,
Vị chúa tể đáp lời ngay lập tức:
- Trước giờ ăn thịt hầm, cơm thơm phức,
Nếu phải dùng quả dại ở rừng hoang,
Bọn trẻ thơ làm gì được hay chăng?
222. Trước giờ ăn bằng chén vàng, dĩa bạc, Nay chỉ lá cây chúng làm gì được?

223. Trước áo quần Ba-la-nại lụa tơ, Nay phải mặc vỏ cây với cỏ khô, Bọn trẻ ấy biết làm gì cho được?

224. Xưa xe, kiệu, chúng được người đưa rước, Nay chạy đi quanh quẩn với đôi chân, Bọn trẻ thơ làm gì được hay không?

225. Trước giờ ngủ trong vương cung nóc nhọn,
Cửa khóa then cài thật là an ổn,
Nay phải nằm ngay dưới gốc cây rừng,
Bọn trẻ thơ làm gì được hay chăng?
226. Trước gối nệm với giường thêu nằm ngủ, Nay phải ngã lưng nằm trên giường cỏ, Bọn trẻ thơ làm gì được hay chăng?

227. Trước được tẩm đầy các thứ dầu hương, Nay bị phủ bùn nhơ và bụi bặm, Bọn trẻ thơ sẽ làm gì cho đặng?

228. Xưa được người phe phẩy quạt lông công,
Hay quạt đuôi trâu rừng phủ rậm lông,
Nay bị muỗi ruồi bọ sâu đốt cắn,
Bọn trẻ thơ sẽ làm gì cho đặng?
Trong khi các vị bàn luận như vậy thì bình minh đến và sau đó mặt trời lên. Quân hầu mang một cỗ xe lộng lẫy cùng một đoàn bốn ngựa Sindh thuần chủng đến cho bậc Đại Sĩ và đặt ở cửa.

Mad-dì kính lễ song thân của ngài và chào từ biệt các bà phu nhân kia, rồi ra đi cùng với hai con đến trước Vessantara và lên ngồi trong xe ấy.

*

Bậc Đạo Sư ngâm kệ giải thích vấn đề này:

229-230. Rồi Mad-dì diễm lệ ấy, công nương,
Liền nói lên vầy đáp lại phụ vương:
Đừng than khóc vì chúng con, cha hỡi,
Xin phụ vương cũng đừng nên bối rối,
Hai trẻ này cùng cha mẹ lên đường
Bất cứ nơi nào rảo bước tha phương.
231. Với những lời này Mad-dì từ giã, Vị công nương thật yêu kiều rực rỡ, Hai trẻ thơ cùng chia xẻ đường trường.

232. Rồi Ves-san-ta-ra chính quốc vương,
Lời ước nguyện đã hoàn thành như ý,
Đến trước song thân ngài đồng kính lễ
Và đi quanh về phía hữu một vòng.
233. Rồi ngài ngự lên xa giá lẹ làng
Được kéo đi nhờ một đoàn tuấn mã,
Cùng vợ con, ngài lên đường vội vã
Đến nơi kia đồi Vạn-cổ cao vời.
234. Vua Ves-san-ta thúc ngựa đến nơi
Mà hầu hết đám thần dân tụ tập:
Và kêu lớn: - Chúng ta đi! Cầu phúc
Cho bà con thân tộc, vậy giã từ!
*

V. CUỘC HÀNH TRÌNH LÊN NÚI VAMKA

Khi nói các lời này với quần chúng, bậc Đại Sĩ khuyên nhủ họ tinh cần bố thí, và làm các thiện sự.

Khi ngài đi xa, mẹ Bồ-tát nói:

- Nếu vương tử muốn bố thí, hãy để chàng bố thí.

Rồi bà gửi cho ngài hai xe nhỏ đi kèm mỗi bên xe ngựa, chứa đầy nữ trang gồm bảy báu vật. Trong mười tám lần ban phát, ngài phân chia cho đám hành khất mà ngài gặp trên đường đi tất cả những gì ngài có, gồm cả số đồ vật trang sức trên chính thân ngài.

Khi ngài đã rời kinh thành, ngài quay lại và muốn nhìn lui, vì thế thuận theo ý ngài, mặt đất nứt ra theo chiều chiếc xe và quay lại khiến cho xe đối diện kinh thành, ngài liền chiêm ngưỡng nơi song thân ngài cư ngụ. Tiếp theo đó là đất chấn động và nhiều việc kỳ diệu khác.

Vì vậy có chuyện kể:

235. Khi ngài đi ra khỏi kinh thành ấy,
Ngài đã quay đầu nhìn xem trở lại,
Vì thế núi Tu-di lớn chuyển rung
Chẳng khác một cây đa giữa cõi không.
Trong lúc ngắm cảnh, ngài ngâm kệ thúc giục Maddì cũng nhìn lui:

236. Này Mad-dì, nhìn nơi thân yêu đó,
Nơi chúng ta vừa cất bước ra đi,
Ấy vương cung của chúa tể Si-vi,
Và cũng chính nơi quê cha đất tổ.
Sau đó, ngài nhìn về phía sáu mươi ngàn triều thần, những người sinh ra cùng thời với ngài, nhìn đám quần chúng còn đó, và ra hiệu cho họ lui về, rồi trong khi tiếp tục lái xe

đi, ngài bảo Maddì:

- Này công nương, nàng hãy nhìn xem thử có kẻ cầu xin nào đang đi phía sau chăng.

Nàng liền nhìn ra. Bấy giờ bốn Bà-la-môn không thể có mặt kịp trong Lễ bố thí bảy trăm báu vật đã đến kinh thành, và thấy lễ phân phát đã xong, biết chắc là vương tử đã ra đi.

-Thế ngài có đem theo vật gì không?

- Vâng, có cỗ xe.

Vì thế họ quyết định đi xin bầy ngựa. Maddì thấy những người này đang tiến lại gần.

- Tâu Chúa công, có các vị hành khất- Nàng nói.

Bậc Đại Sĩ dừng xe lại. Họ tiến đến xin bầy ngựa và bậc Đại Sĩ cho ngựa.

*

Bậc Đạo Sư ngâm kệ giải thích vấn đề này:

237. Khi bốn Bà-la-môn bắt kịp ngài,
Và muốn xin bầy ngựa, họ kêu nài,
Ngài ban bầy ngựa kia ngay tại chỗ,
Mỗi hành khất được một con tuấn mã.
Bầy ngựa được lấy đi rồi, dây cương của cỗ xe vẫn còn treo lơ lửng trên không. Nhưng chẳng bao lâu sau khi các Bà-la-môn vừa đi, thì bốn vị thần giả dạng bầy hươu đỏ tía đến kéo xe đi.

Bậc Đại Sĩ biết chúng là thần linh liền ngâm kệ này:

238. Này Mad-dì, hãy ngắm việc diệu kỳ,
Này nhìn xem việc hy hữu, Mad-dì:
Những con ngựa này đây thông minh quá,
Đội lốt hồng dương kéo xe ta đó!
Nhưng khi ngài tiến lên thì một Bà-la-môn khác đến xin cỗ xe. Bậc Đại Sĩ đưa vợ con xuống và cho ông cỗ xe. Khi ngài cho xe xong, các vị thần cũng biến mất.

*

Bậc Đạo Sư ngâm kệ giải thích việc tặng cỗ xe này:

239. Một kẻ thứ năm tiến đến tức thì
Và cầu xin xe nọ của vương nhi.
240. Việc này khiến Ves-san-ta Chúa thượng
Phải đưa đám vợ con ngài đi xuống,
Và ban xe cho kẻ đến xin quà.
*

Sau đó cả đoàn đều đi bộ. Bậc Đại Sĩ bảo Maddì:

241. Này Mad-dì, nàng hãy bế Kan-hà
Vì nó nhẹ và hãy còn thơ dại,
Còn Jà-li là bé trai nặng đấy,
Ta sẽ mang con trẻ ấy theo cùng.
Sau đó hai vị bế con lên và mang chúng bên hông.

*

Bậc Đạo Sư ngâm kệ giải thích việc này:

242. Ngài, con trai, nàng, con gái lên đường Cùng trò chuyện thật hân hoan mãn nguyện.

Đến đây chấm dứt Chuyện Bố thí (Dàna-khandam)

*

Khi gặp kẻ nào trên đường, hai vị hỏi đường đi đến đồi Vamka (Vạn-cổ) và được biết còn xa lắc. Vì thế, có chuyện kể:

243. Bất cứ khi nào gặp du khách đến, Hai vị hỏi thăm phương hướng đi đường, Và nơi đâu là Vạn-cổ Cao sơn.

244. Đám du hành đều khóc than thương xót,
Nhìn các ngài trên con đường rảo bước,
Và bảo ngài nhiệm vụ quá nặng nề:
- Con đường còn xa lắc ở đằng kia.
Đôi trẻ reo lên khi thấy đủ loại trái cây mọc hai bên đường. Nhờ thần lực của bậc Đại Sĩ, cây cối rạp mình xuống đưa trái đến tầm tay họ hái được và hai vị hái những quả chín nhất đưa cho các con.

Lúc ấy Maddì reo lên:

- Thật kỳ diệu quá!

Vì thế chuyện kể lại:

245. Khi trẻ thơ ngắm nhìn trên sườn núi Nhiều cây cao mọc lên đầy hoa trái, Hai trẻ kia liền kêu khóc đòi ăn.

246. Khi cây rừng nhìn lũ trẻ khóc than,
Cây cao vút bỗng sinh lòng ái ngại
Cúi rạp mình đưa các cành đi tới
Cho tay người hái được trái cây rừng.
247. Lúc ấy Mad-dì reo lớn vui mừng,
Nàng công chúa diễm kiều và rực rỡ,
Khi nhìn thấy phép thần kỳ diệu đó
Khiến cho người ta phải dựng tóc lông.

248. Tóc lông người dựng đứng lúc nhìn trông Nhờ thần lực Ves-san-ta Chúa thượng Các cây cao bỗng nghiêng mình cúi xuống.

Kể từ kinh thành Jetuttara, núi Suvannagiritàla cách đó năm dặm, sông Kontimàrà lại cách đó năm dặm, và núi Arañjaragiri lại cách đó năm dặm nữa, ngôi làng Bà-la-môn Dunnivittha lại cách đó năm dặm nữa, và kinh thành của quốc cửu ngài cách đó mười dặm, như vậy kể từ Jetuttara, hành trình dài ba mươi dặm. Các vị thần rút ngắn khoảng đường ấy, vì vậy chỉ trong một ngày, họ đã đến thành của vị quốc cửu.

Do đó, chuyện kể:

249. Thần Dạ-xoa thâu ngắn dặm trường
Vì thương con trẻ gặp tai ương,
Ce-ta quốc độ nay vừa đến
Trước buổi hoàng hôn kịp bước đường.
Bấy giờ các vị rời thành Jetuttara lúc rạng đông, và buổi chiều đã đến vương quốc Ceta và vào thành của quốc cửu.

*

Bậc Đạo Sư ngâm kệ giải thích việc này:

250. Cả đoàn đi đến xứ Ce-ta
Gian khổ lộ trình quả thật xa,
Vương quốc tràn trề đồ ẩm thực,
Phú cường, thịnh vượng cõi sơn hà.
*

Bấy giờ trong kinh thành của vị quốc cửu ấy có sáu mươi ngàn võ tướng (Sát-đế-ly) cư trú. Bậc Đại Sĩ không vào thành, mà chỉ ngồi ở sảnh đường ở cổng thành. Maddì phủi bụi trên chân bậc Đại Sĩ và xoa bóp chân ngài, rồi với ý định thông báo việc ngài đến, nàng đi ra khỏi sảnh đường và đứng lại để người ta nhìn thấy. Vì thế những phụ nữ vào ra kinh thành trông thấy nàng và đến vây quanh.

*

Bậc Đạo Sư ngâm kệ giải thích việc này:

251. Nhìn thấy vương phi dáng tốt lành
Đàn bà xúm lại đứng vây quanh:
- Bà phu nhân ấy trông hiền dịu
Sao phải đi chân suốt lộ trình?
252. Ngày xưa trên võng kiệu, vương xa,
Bà mệnh phụ kia được rước ra,
Nay lúc Mad-dì đành rảo bước,
Nơi nàng cư trú: chốn rừng già.

Quần chúng lúc ấy vừa thấy Maddì và Vessantara cùng các con đến nơi không có lễ nghi đón chào gì cả, liền trình vua. Rồi sáu mươi ngàn võ tướng quý tộc đến gặp ngài và than khóc.

*

Bậc Đạo Sư ngâm kệ giải thích việc này:

253-254. Vương tộc Ce-ta đến yết kiến ngài
Tất cả đều khóc lóc, thở than hoài:
- Chúng thần kính chào ngài, tâu Chúa thượng,
Chúng thần tin ngài an khang, thịnh vượng.
Còn giang sơn cùng với đại phụ vương
Mong ngài đem mọi tin tức cát tường.
255-256. Quân sĩ của ngài đâu, tâu Chúa tể,
Và ở đâu chiếc vương xa oai vệ?
Không ngựa xe, ngài cất bước hành trình,
Có phải chăng ngài đi đến một mình
Vì đã bị đám quân thù đánh bại?
Lúc ấy bậc Đại Sĩ nói cho các vương tử biết nguyên nhân ngài đến đây:

257. Xin cám ơn các ngài đầy ưu ái,
Hãy bình tâm: ta thịnh vượng, khang an,
Về phụ vương và quốc độ giang sơn
Ta có đủ tin lành đem thông cáo.
258. Ta đã tặng con voi là quốc bảo Có ngà dài, toàn trắng, thật tốt lành, Đã bao lần thắng trận lúc giao tranh.

259. Với quạt đuôi trâu rừng và ngọc thạch,
Đã dẫm tan bao đám quân thù địch.
Thật hung hăng, dài thẳng tắp đôi ngà,
Trắng ngần như núi tuyết Ke-là-sa.
260. Lọng trắng, cân đai xứng ngôi chúa thượng, Với đám quân hầu cùng người quản tượng, Bảo vật này ta đã lấy phát phân.

261 -262. Vì thế toàn dân ta đã hận sân,
Và vương phụ xem đây là lầm lỗi.
Do việc kia, ta bị ngài xua đuổi,
Bây giờ ta đi đến Vạn-cổ Sơn,
Xin các ngài cho biết chỗ náu nương.
Các vương tử đáp:

263. Xin đừng nghi ngờ, cung nghênh Chúa thượng, Xin ngự trị đây, tùy nghi thọ hưởng,

264. Dùng mật ong, cỏ thuốc, thịt, gạo ngon Chọn món nào trắng nhất, loại cao lương, Tùy thánh ý, ngài sẽ là khách quý.

Vua Vessantara nói:

265-266. Đây ta nhận quà trao từ các vị,
Xin cảm ơn về thiện chí tràn đầy,
Nhưng phụ vương đã tống xuất giờ đây
Ta đi đến vùng núi đồi Vạn-cổ,
Xin các ngài chỉ ta nơi cư trú.
Các vương tử đáp:

267. Xin Đại vương ở lại xứ Ce-ta Cho đến khi dâng sớ tấu đức vua Si-vi quốc điều chúng thần biết được!

268. Lúc ấy dân đi theo ngài lũ lượt Hộ tống ngài, đầy tin tưởng hân hoan, Điều này thần xin thông báo Đại vương.

Bậc Đại Sĩ nói:

269. Ta không muốn nhờ các ngài dâng sớ
Trình phụ vương nơi đây ta cư trú,
Trong việc này, ngài không phải vua đâu,
Ta e rằng ngài không có quyền cao.
270. Triều thần và dân thị thành căm phẫn Tụ họp nhau, mọi người đầy kích động Bởi vì ta, chúng có thể hại vua.

Các vương tử đáp:

271. Nếu trong xứ kia có thể xảy ra
Một sự việc đầy kinh hoàng như thế,
Ngài được dân xứ Ce-ta hộ vệ,
Xin ở đây và làm bậc Đại vương.
272. Đất nước này đang thịnh vượng, phú cường
Với dân chúng thật hào hùng, vĩ đại,
Cầu xin ngài hãy quyết tâm ở lại
Với chúng thần và cai trị quốc gia.
273. - Hãy nghe ta! Các vương tử Ce-ta
Ta không có ý mong cầu ở lại,
Vì ta đi như một người bị đuổi,
Chẳng đến đây cầm quyền lực quân vương,
274. Dân Si-vi tất cả sẽ bất bằng Biết các ngài tôn ta làm Thiên tử, Trong khi ta bị đày ra khỏi xứ.

275. Nếu các ngài muốn thực hiện điều này,
Sẽ là điều thật bất hạnh từ đây:

Gây tranh chấp với Si-vi dân chúng,
Ta không thích đấu tranh và căm hận.
276-277. Đây ta nhận quà do các vị trao
Xin cám ơn thiện chí biết dường nào,
Nhưng từ nay vua đuổi ta khỏi xứ,
Ta ra đi đến vùng đồi Vạn-cổ,
Xin các ngài hãy nói rõ cho ta,
Một nơi đâu có thể gọi là nhà.
Như vậy dù có nhiều lời thỉnh cầu, bậc Đại Sĩ vẫn chối từ vương quốc. Sau đó các vương tử ấy tiếp đón ngài trọng thể. Nhưng ngài không muốn đi vào thành, vì thế họ trang hoàng sảnh đường mà

ngài đang ở, giăng màn quanh đó và soạn một chiếc tọa sàng lớn, rồi họ canh phòng cẩn mật chung quanh.

Ngài cư trú trong sảnh đường ấy một đêm một ngày, được canh phòng cẩn mật. Đến hôm sau, vào lúc tảng sáng, sau một bữa cơm đầy cao lương thượng vị, được các vương tử hộ tống, ngài rời sảnh đường. Sáu mươi ngàn võ tướng Sát-đế-ly ấy đưa tiễn ngài suốt mười lăm dặm đường, rồi dừng lại ở lối vào khu rừng, họ nói về mười lăm dặm đường còn lại của cuộc hành trình:

278. - Vâng, chúng thần xin trình tâu Chúa tể
Làm cách nào một vị vua xuất thế
Nhờ lửa thiêng được an tịnh, tốt lành,
Mọi sự đều trôi êm ả, thanh bình.
279. Gan-dha-mà, tâu Đại vương, núi đá Là nơi ngài cùng vợ con cư trú.

280. Dân Ce-ta với vẻ mặt thảm sầu
Tất cả đều tuôn chảy những dòng châu,
Khuyên Đại vương đi thẳng đường phương Bắc,
Nơi các đỉnh núi non cao chất ngất.
281. Nơi kia ngài thấy núi Vi-pu-la,
(Cầu phúc lành đi sát cạnh vương gia),
Đầy lạc thú với nhiều cây xanh ngắt
Đang đổ xuống dưới kia bao bóng mát.
282. Khi đến nơi, ngài sẽ thấy bên mình
(Cầu chúc ngài lần nữa được phúc lành)
Ke-tu-ma, dòng nước sâu thăm thẳm
Tuôn chảy ra từ ngọn đồi vô tận.
283. Đầy cá, tôm, nơi trú ngụ bình an, Dòng nước sâu kia tuôn chảy tràn lan, Ngài sẽ uống, tắm, chơi cùng con cái.

284. Và nơi kia, trên ngọn đồi khả ái,

Bóng mát che, ngài sẽ thấy trĩu đầy
Trái cây thơm như mật ngọt ngào thay,
Thật hùng vĩ một cây đa đại thọ.
285. Ngài sẽ thấy núi Na-li-ka nọ
Và đó là vùng đất của quỷ thần,
Nơi bầy chim cất tiếng hót hòa âm,
Nhiều ma quái, lắm sơn thần ẩn nấp.
286. Từ đó đi xa hơn về phía Bắc

Là đến hồ tên gọi Mu-ca-linh Bao phủ đầy loài sen súng trắng xanh.

287-288. Kế đó cánh rừng dày như mây phủ,
Bước chân lên giống như trên thảm cỏ,
Cây đầy hoa và trái nặng trĩu cành
Ở trên đầu che bóng mát tàng xanh,
Hãy vào đó: sự rình mồi mong ngóng
Bắt con thịt và ăn tươi nuốt sống.
289. Nơi kia khi rừng nở rộ ngàn hoa,
Nghe rạt rào muôn vạn tiếng chim ca,
Tiếng líu lo ở khắp nơi đây đó
Của bao cánh chim rừng màu rực rỡ.
290. Nếu ngài đi theo ngọn thác dần dần
Cho đến khi lên tận chốn suối nguồn,
Ngài sẽ thấy một hồ hoa sen phủ
Với các loài hoa chen nhau đua nở.
291. Đầy cá tôm, nơi trú ngụ an thân
Dòng nước kia sâu thăm thẳm vô cùng
Bền vững, thanh bình, tỏa mùi thơm dịu,
Chẳng hơi nồng nặc làm ta khó chịu,
292. Nơi kia ngài xây dựng một thảo đường
Hơi nghiêng về một chút hướng Bắc phương,
Và từ am tranh ngài sắp xây cất,
Ngài hãy bước lên đường tìm lương thực.

Như vậy các vương tử báo cho ngài biết về cuộc hành trình dài mười lăm dặm ấy và tiễn ngài ra đi. Nhưng để đề phòng mọi hiểm nguy đối với vua Vessantara và dự trù không để bất cứ địch thủ nào có thể lợi dụng tấn công, họ ra lệnh cho một người trong xứ, khôn ngoan và khéo léo, theo dõi bước đi của ngài cho đến tận lối vào rừng, rồi họ trở về kinh thành của mình.

Còn vua Vessantara cùng vợ con tiến lên đỉnh Gandhamàdana (Hương Sơn), ở lại đó ngày hôm ấy, sau đó hướng về Bắc đi qua chân núi Vipula, nghỉ chân tại bờ sông Ketumatì để dùng một bữa ăn ngon lành do người thợ rừng thết đãi, xong cả đoàn tắm

rửa và uống nước rồi tặng người dẫn đường một cái trâm vàng.

Với tâm thanh thản, ngài vượt qua dòng sông, nghỉ chân một lát dưới gốc đa mọc trên một khoảng đất bằng phẳng của núi này. Sau khi ăn trái đa xong, ngài đứng lên và đi tiếp đến đồi Nàlika. Vẫn tiếp tục tiến lên, ngài đi dọc theo bờ hồ Mucalinda về phía Đông bắc, từ đó nhờ con đường mòn hẹp ngài đi sâu vào rừng rậm, và xuyên suốt rừng cây dọc theo dòng suối phát ra từ núi ấy cho đến khi ngài gặp chiếc hồ vuông góc.

Lúc bấy giờ, Thiên chủ Sakka nhìn xuống cõi trần và xem xét những việc đã xảy ra. Ngài suy nghĩ: "Bậc Đại Sĩ đã vào núi Himavat (Tuyết Sơn), và chắc người phải có nơi cư trú". Vì thế ngài ra lệnh cho Vissakamma (Thần xây dựng):

- Xin hiền hữu hãy đi vào vùng thung lũng núi Vam ka và xây ẩn am trên một địa điểm an lạc.

Vissakamma ra đi làm hai am tranh với hai lối đi có mái che, có phòng ban đêm và phòng ban ngày. Dọc theo các lối đi, vị ấy trồng các hàng cây hoa và khóm chuối, cùng sắp đặt mọi vật dùng cần thiết cho các ẩn sĩ. Rồi vị ấy ghi một câu:

- Các vật này dành cho ai muốn làm ẩn sĩ.

Và xua đuổi các loài phi nhân (ma quỷ) cùng các loài chim thú có giọng kêu khó chịu đi nơi khác, vị ấy trở về cõi của mình.

Khi nhìn thấy con đường mòn, bậc Đại Sĩ biết chắc chắn nó phải dẫn đến khu vực của các ẩn sĩ cư trú. Ngài liền để Maddì và hai con ở trước cổng vào am tranh, và tự bước vào: khi thấy câu ghi chú kia, ngài nhận ra Sakka Thiên chủ đang để mắt đến ngài.

Ngài mở cửa, bước vào, đặt cung kiếm xuống cùng xiêm áo mà ngài đang mặc, ngài khoác bộ áo tu hành của ẩn sĩ, cầm cây gậy đi ra mái hiên lui lui tới tới với vẻ thanh tịnh của một vị Độc Giác Phật và đến gần vợ con. Maddì quỳ xuống chân ngài, mắt đẫm lệ rồi cùng ngài đi vào am, nàng đến am thất riêng của mình và khoác áo ẩn sĩ. Sau đó hai vị cùng bảo các con làm như vậy. Thế là cả bốn ẩn sĩ cao quý kia ở lại trong vùng thung lũng của đồi Vamka.

Bấy giờ Maddì thỉnh cầu bậc Đại Sĩ:

- Tâu Chúa thượng, xin chàng ở lại đây với các con, đừng ra ngoài hái quả dại, xin để thiếp đi thế.

Từ đó, nàng thường tìm các thứ quả rừng về nuôi cả ba. Bồ-tát cũng thỉnh cầu nàng:

- Này Maddì, bây giờ chúng ta là ẩn sĩ và nữ nhân là mối bất tịnh. Vậy từ nay về sau xin nàng đừng đến gần ta phi thời.

Nàng ưng thuận ngay.

Nhờ uy lực lòng từ bi của bậc Đại Sĩ, ngay cả thú rừng trong khoảng ba dặm đất này đều có lòng thương xót lẫn nhau. Hằng ngày vào lúc rạng đông, Maddì thức dậy, đem nước uống và thức ăn cùng nước rửa và đồ chải răng để súc miệng, quét sạch thảo am. Rồi để hai con ở lại với cha chúng, nàng cầm thúng, xẻng và cào đi vào rừng kiếm củ

quả dại, và chất đầy thúng. Buổi chiều nàng trở về đặt quả rừng vào am xong, liền tắm rửa các con và cả bốn người ngồi ở cửa am ăn trái cây. Sau đó Maddì đem hai con lui vào trong nội thất của nàng.

Theo cách này họ sống trong vùng thung lũng của núi rừng được bảy tháng.

Đến đây chấm dứt Sự kiện Đi vào rừng (Vanappavesana-khandam).

*

VI. BÀ-LA-MÔN JÙJAKA VÀ VỢ

Thời ấy, trong vương quốc Kàlinga, tại làng Bà-la-môn tên là Dunnivittha, có một người Bà-la- môn được gọi là Jùjaka. Nhờ khất thực, lão đã kiếm được một trăm đồng tiền và gửi cho một gia đình Bà-la-môn kia rồi lại đi kiếm tiền thêm.

Trong khi lão đi xa, gia đình ấy tiêu hết số tiền. Khi lão trở lại liền mắng nhiếc họ, nhưng họ không thể trả nổi số tiền ấy, vì thế họ gả cô con gái tên Amittatàpanà cho lão. Lão đem cô gái cùng về làng Dunnivittha ở Kàlinga và sống tại đó.

Cô gái Amittatàpana săn sóc lão Bà-la-môn thật chu đáo.

Một số thanh niên Bà-la-môn thấy nàng tận tụy như thế, liền trách móc các bà vợ của họ:

- Hãy xem cô ả săn sóc lão già chu đáo thế kia, trong khi các bà thật vô tình đối với các anh chồng trẻ của mình!

Việc này khiến các bà vợ ấy quyết định đuổi nàng ra khỏi làng. Vì thế họ tụ tập bên bờ sông và nhiều nơi khác để phỉ báng nàng.

*

Bậc Đạo Sư ngâm kệ giải thích việc này:

293. Ngày xưa ở Kà-lin-ga,
Jù-jà-ka chính tên Bà-la-môn,
Sống đây với vợ còn son
A-mit-ta ấy vẫn còn xuân xanh.
294. Bọn đàn bà nọ mang bình
Xuống sông chửi rủa chính danh của nàng,
Cố làm ô nhục hồng nhan,
Cả bầy tụ tập, dọc ngang quây quần:
295. - Mẹ cô quả thật "cừu nhân",
Và cha cô nữa cũng đồng "oan gia"
Để cho một lão già nua
Cưới xin vợ trẻ như cô nõn nường!
296. Nhà cô mưu kế gì chăng,
Âm mưu hèn hạ bạo tàn xấu xa!

Ép duyên cô gái còn tơ
Gả cho ông lão già nua lòm khòm.
297. Đời cô quả thật chán chường

Trong khi cô vẫn còn đang nõn nà, Kết duyên với một lão già, Ôi thôi, chết quách cũng là tốt hơn!

298. Hỡi cô xinh đẹp, rõ ràng
Mẹ cha cô quả bất nhân quá chừng,
Nếu như con gái còn xuân
Họ không tìm được một chàng rể xinh.
299. Lễ dâng lửa, lễ tế sinh
Sau ngày sinh nhật hóa thành uổng công,
Nếu như cô gái còn xuân
Bị đưa làm vợ một ông già khòm.
300-301. Hẳn nhà khổ hạnh La-môn
Hay là ẩn sĩ đa văn, thiện hiền,
Không còn cấu uế trần duyên
Bị cô phỉ báng rủa nguyền hay chăng?
Nếu như cô gái còn xuân
Bị đưa làm vợ một ông già khòm.
302. Như dao đâm thật đau lòng,
Như là nọc rắn cháy nồng đốt thiêu,
Song còn đau khổ hơn nhiều
Khi nhìn ông lão tiêu điều tả tơi!
303. Với chồng đã quá già rồi
Còn gì thích thú vui cười nữa đâu?
Chuyện trò chẳng chút vui nào,
Khi cười, lão cũng nhăn nheo khó nhìn!
304. Gái trai độ tuổi thanh niên,
Sống cùng nhau chốn tư riêng thắm nồng
Dứt ngay mọi nỗi đau buồn
Vẫn còn tiềm ẩn trong lòng vấn vương.
305. Cô là con gái còn xuân
Xinh tươi, được đám đàn ông mơ hoài,
Thế sao ông lão già rồi
Làm cô thích thú? Hãy lui về nhà!
*

Khi nàng nghe họ nhạo báng, nàng liền mang bình nước về nhà và khóc.

- Tại sao nàng khóc?

Ông chồng hỏi và nàng trả lời qua vần kệ:

306. Tôi không lấy nước về nhà,
Đằng kia một đám đàn bà cười tôi,
Vì chồng tôi quá già rồi,
Họ luôn chế nhạo lúc tôi ra ngoài.
Jùjaka đáp:

307. Nàng không cần lấy nước hoài,
Nàng không cần phục vụ tôi thế này.
Nàng ôi, đừng giận dỗi vầy,
Vì tôi sẽ lấy nước thay cho nàng.
Cô vợ đáp:

308. Chàng đi lấy nước? Không màng!
Đó không phải cách thông thường thế gian.
Tôi xin nói thật rõ ràng:
Nếu chàng làm vậy, tôi chàng chia tay.
309. Ngoại trừ mua một nô tài,
Hoặc là tỳ nữ làm ngay việc này,
Tôi xin nói rõ chàng hay:
Tôi thề, không ở lại đây với chàng.
Jùjaka đáp:

310. Làm sao mua nổi tiểu đồng?
Tôi không nghề ngỗng, bạc vàng, thóc ngô.
Thôi đừng giận dỗi, liễu bồ,
Tôi đi làm việc gia nô của nàng.
Cô vợ bảo:

311. Giờ tôi muốn nói với chàng
Những lời nghe được dân làng nói ra:
Đằng kia trên đỉnh Vam-ka
Có vì vua Ves-san-ta lưu đày.
312. Giờ chàng hãy vội đi ngay,
Xin ngài cho được một tay tiểu đồng,
Vương gia chắc chắn bằng lòng
Ban chàng những thứ chàng mong ước mà.
Jùjaka đáp:

313 - 314. Tôi đây lụ khụ quá già,
Lòng e lắm nỗi đường xa gập ghềnh,
Xin đừng than khóc buồn tình,

Nay tôi chẳng có thân mình dẻo dai,
Nhưng đứng giận dỗi, nàng ôi,
Tôi nguyền làm việc chính tôi sẵn lòng.
Cô vợ bảo:

315. Chàng sao chẳng khác tên quân
Trước khi ra trận đầu hàng, lý do?
Và chàng đành phải chịu thua
Trước khi ra trận và so thử tài?
316 - 317. Ngoại trừ mua một nô tài,
Hoặc là tỳ nữ làm ngay việc này.
Tôi xin nói rõ chàng hay
Tôi thề không ở lại đây với chàng,
Chuyện này quả thật đáng buồn,
Đó là một chuyện đau thương cho chàng.
318. Nhìn tôi hạnh phúc ngập tràn
Trong tay của một tình lang khác rồi,
Áo quần lộng lẫy thắm tươi,
Theo mùa thay đổi, trăng trời chuyển luân.
319. Khi chàng năm tháng tàn dần,
Còn tôi vắng bóng, chàng buồn khóc than,
Tóc chàng sẽ bạc trắng ngần,
Mặt chàng sẽ gấp bội phần nếp nhăn!
*

Bậc Đạo Sư ngâm kệ giải thích việc này:

320. Và bây giờ lão La-môn
Lòng đầy sợ hãi phục tuân ý nàng,
Bị nàng hành hạ nát tan,
Ta nghe lão phải vội vàng nói năng:
321. - Cho tôi thực phẩm đi đường,
Làm cho tôi bánh mật ngon ngọt ngào,
Làm thêm lương thực khô nào,
Bánh mì lúa mạch nướng mau trên lò.
322. Thế rồi một cặp gia nô

Có cùng đẳng cấp với cô đem về, Bọn này mệt mỏi chẳng hề, Ngày đêm phục vụ cận kề ái nương.

*

Nàng nhanh chóng chuẩn bị lương thực và báo cho lão mọi sự đã xong. Trong lúc ấy, lão sửa lại các chỗ xiêu vẹo quanh túp lều, làm cửa ngõ chắc chắn, mang củi từ rừng về, kéo nước vào cái lu lớn và đổ đầy mọi nồi chảo.

Rồi lão vừa khoác chiếc áo của người tu khổ hạnh, vừa dặn vợ lúc ra đi:

- Nàng hãy chắc chắn đừng đi ra ngoài những lúc không thích hợp và hãy cẩn thận giữ mình cho đến khi ta về.

Vừa mang giày và đeo bao lương thực lên vai, lão vừa đi vòng quanh vợ về phía hữu, rồi ra đi với đôi mắt đẫm lệ ròng ròng.

*

Bậc Đạo Sư giải thích việc này qua vần kệ:

323. Việc này xong, lão La-môn
Mang giày rồi lại đứng lên tức thì
Đi vòng quanh ả nữ nhi
Nghiêng về phía hữu chia ly vợ mình.
324. Ra đi khoác áo tu hành
Lệ rơi lả tả quanh vành mắt y,
Vội vàng đến nước Si-vi,
Kinh đô trù phú tìm về gia nô.
Khi lão đến kinh thành này, lão hỏi đám đông đang tụ tập để biết nơi vua Vessantara ở.

*

VII. JÙJAKA LÊN NÚI VAMKA

Bậc Đạo Sư ngâm kệ giải thích việc này:

325-326. Lão đi đến tận nơi xa,
Hỏi thăm dân chúng vào ra quây quần:
- Xin cho tôi biết Đại vương
Ves-san-ta ấy tìm phương hướng nào?
Đáp ngay cho lão đôi câu,
Đám đông tụ họp cùng nhau trả lời:
327. - Ngài đành phải chịu tàn đời
Chỉ vì bố thí lũ tồi như ngươi,
Ngài vừa bị đuổi đi rồi
Ra ngoài xứ sở, đến đồi Vam-ka.
328. Ngài đành phải chịu tiêu ma
Chỉ vì bố thí lũ tà như ngươi,
Ngài vừa bị đuổi đi rồi,
Đem con vợ đến ở đồi Vam-ka.

- Thế là các ngươi đã hủy hoại Đại vương của ta, nay còn vác mặt đến đây nữa ư? Ngươi hãy đứng yên đấy!

Rồi lấy gậy gộc, sỏi đá, họ đánh đuổi lão ra.

Nhưng lão được các vị thần dẫn vào đúng con đường đi đến đồi Vamka...

*

Bậc Đạo Sư ngâm kệ giải thích việc này:

329. Lão kia bị vợ rầy la
Do niềm tham dục bùng ra hoành hành,
Chuộc sai lầm ở rừng xanh
Nơi loài hổ báo thường rình mồi săn.
330. Tay cầm gậy, bát xin ăn,
Muỗng làm tế lễ, vào rừng hoang sơ,
Nơi đây là chốn ẩn cư
Của người bố thí đúng như ý mình.
331. Một khi vào tận rừng xanh
Từng bầy chó sói vây quanh con đường,
Nhảy quàng xiêng lão La-môn,
Rồi đi hốt hoảng lạc đường nào hay.
332. La-môn lắm dục vọng này,
Lòng tham buông thả, thấy ngay lạc loài
Đường lên Vạn - cổ mất rồi,
Bắt đầu thăm hỏi những lời dò la:
333. -Ai cho biết Ves-san-ta,
Ông hoàng chiến thắng mọi vua trên đời,
Người ban an lạc đúng thời,
Vị vua vĩ đại, hùng oai trên trần?
334. Nơi an trú kẻ cầu ân,
Như đất lành với muôn dân sinh thành?
Nào ai sẽ nói cho mình
Ves-san-ta Chúa quang vinh, hùng cường?
335. Mọi người mong muốn cầu ân
Tìm ngài như biển mọi sông đổ vào,
Nào ai nói với ta mau
Ves-san-ta Chúa tối cao hùng cường?
336 - 337. Như hồ lạc thú an toàn,
Nước trong mát lạnh ngập tràn nhấp nhô,
Súng sen giăng trải lô xô,
Ngó tơ bao phủ mặt hồ lặng thinh,

Nào ai sẽ bảo cho mình
Ves-san-ta Chúa quang vinh hùng cường?
338 - 339. Như cây sung lớn bên đường,
Mọc lên làm chốn nghỉ chân an toàn
Dành cho lữ khách nhọc nhằn
Vội vàng đi đến dưới tàn lá xanh,
Nào ai sẽ bảo cho mình
Ves-san-ta Chúa quang vinh hùng cường?
340 - 341. Như xoài, hoặc cây bàng
Mọc làm thành chốn bên đường nghỉ chân
Dành cho lữ khách nhọc nhằn
Vội vàng đi đến dưới tàn lá xanh,
Nào ai sẽ báo cho mình
Ves-san-ta Chúa quang vinh hùng cường?
342. Nào ai nghe tiếng ta than
Chung quanh toàn cả rừng hoang hãi hùng?
Lòng ta xiết đỗi vui mừng
Nếu ai cho biết vương quân nơi nào.
343. Chung quanh toàn cả rừng sâu,
Ai nghe ta thở than nào có hay?
Hân hoan hạnh phúc lắm thay
Nếu ai cho biết ngài rày nơi nao?
*

Bấy giờ người kiểm lâm đã được chia phiên canh giữ rừng, nghe lời than vãn này liền suy nghĩ: "Đây là lão Bà-la-môn đang kêu ca tìm nơi trú ẩn của vua Vessantara, lão đến đây không có mục

đích gì tốt đâu. Lão muốn xin ngài cho Maddì hoặc hai trẻ kia, chắc chắn thế. Được rồi, ta sẽ giết lão". Thế là y liền đến gần lão và rút cây cung ra hăm dọa lão:

- Này lão Bà-la-môn, ta sẽ không tha mạng lão đâu!

*

Bậc Đạo Sư ngâm kệ giải thích việc này:

344 - 345. Thợ săn ngang dọc rừng hoang,
Lắng nghe lời lão thở than, nói rằng:
- Ngài đành phải chịu tiêu vong
Chỉ vì bố thí những phường như ngươi,
Ngài vừa bị đuổi đi rồi,
Ra ngoài xứ sở đến đồi Vam-ka!
346. Ngài đành phải chịu tiêu ma

Chỉ vì bố thí lũ tà như ngươi,
Ngài vừa bị đuổi đi rồi,
Đem vợ con đến ở đồi Vam-ka.
347. Đồ ngu vô dụng quả là,
Nếu ngươi mong muốn bỏ nhà ra đây,
Để tìm vương tử rừng này
Như con hạc kiếm cá bầy giữa sông.
348. Thế thì đây, hỡi tôn ông,
Mạng kia của lão, ta không tha vầy,
Tên ta sẽ hút máu đầy
Khi ta bắn nó từ cây cung dài.
349. Rồi ta sẽ chẻ đầu ngươi,
Xé tim gan ấy tức thời tại đây,
Như chim cúng lễ thần cây,
Ta làm thịt lão giờ đây tế thần.
350. Rồi ta lấy thịt, mỡ, gân,
Lấy đầu, tim lão đủ phần thiếu chi,
Lão thành tế vật tức thì
Ngay khi lão mới ra đi lìa dời.
451. Lão là lễ vật đáng mời,
Lễ dâng đàn tế tuyệt vời ước mong,
Về sau lão chẳng còn hòng
Tìm đường hãm hại vợ con của ngài.
Nghe những lời này, lão già sợ chết khiếp, liền tìm cách trả lời dối trá:

352. Sứ thần ai cũng kiêng oai,
Không ai được phép giết người sứ quân,
Đây là qui luật ngàn năm,
Nếu ông muốn, hãy chú tâm nghe này:
353. Thần dân hối hận lắm thay,
Vua cha thương nhớ suốt ngày lo âu,
Mẹ ngài mòn mỏi ưu sầu,
Mắt bà đang hóa ra mau mờ dần.
354. Đến đây ta chính sứ thần
Đem về Chúa tể Ves-san-ta này,
Hãy nghe, cho lão biết vầy
Nơi đâu có thể tìm ngài Chúa công.
Lúc ấy, người kia hài lòng khi nghe lão đến để tìm vua Vessantara về, nên y vội vàng buộc bầy chó lại, gọi lão Bà-la-môn xuống và vừa mời lão ngồi trên một đống củi, y vừa ngâm vần kệ này:

355-356. Ta yêu vương tử, sứ thần,
Và đây ta có để phần tặng ông
Món quà thân thiện đón mừng:
Đùi nai cùng hũ mật ong ngọt ngào;
Ân nhân tìm kiếm cách nào
Ta đây sẽ nói làm sao bây giờ.
Nói xong, y cho lão Bà-la-môn thức ăn, cùng một bầu mật ong và một đùi nai nướng, rồi để lão lên đường, vừa đưa tay phải lên chỉ nơi bậc Đại Sĩ đang ở, y vừa ngâm kệ:

357. Đạo sĩ ôi, núi đằng xa,
Gan-dha-mà ấy chính là Hương Sơn,
Nơi Ves-san-ta Đại vương
Hiện đang sống với vợ con một đoàn.
358. Với y của bậc La-môn,
Bát, thìa, tóc bện, đạo nhân khác nào,
Khoác thêm một tấm da vào,
Ngài nằm trên đất, châm cao lửa hồng.
359. Cây đằng xa đó, kìa trông,
Trĩu cành sai quả xanh um sườn đồi,
Trong khi đỉnh núi cao vời
Thẫm đen đến tận mây trời ẩn thân.
360. Bụi sal, tai ngựa, cát đằng,

Cùng nhiều cây khác nhẹ nhàng chuyển rung Khác nào một đám túy ông Lắc lư trong gió, người trông thấy hoài.

361. Trên cao các dãy cây trời
Bầy chim hòa nhạc đồng thời ca vang,
Naj-ju, cu gáy từng đàn
Chuyền từ cây nọ nhẹ nhàng lướt nhanh.
362-363. Chen nhau giữa đám lá cành
Chim mời khách lạ, hoan nghênh đón mừng,
Làm vui lòng mọi thế nhân
Tìm nhà an trú giữa rừng hoang sơ,
Nơi kia cùng với con thơ,
Ves-san-ta chúa ẩn cư xuất trần.
364. Với y của bậc La-môn
Bát, thìa, tóc bện, đạo nhân khác nào,
Khoác thêm một tấm da vào,
Ngài nằm trên đất, châm cao lửa hồng.
Người này lại nói thêm để ca tụng vùng thảo am ấy:

365. Hồng đào, xoài mít thơm nồng,
Mận mơ đủ loại lòng thòng, Sà-la,
Tin-dook vàng ánh, cây đa,
Cùng nhiều cây khác hiện ra cây bàng.
366. Lắm cây sung, vả trên ngàn
Toàn thân mọc thấp, chín thơm ngọt ngào,
Chà là, nho tuyệt diệu sao,
Tổ ong mật, hãy ăn vào thỏa thuê.
367. Vài cây xoài mới trổ hoa,
Vài cây có trái nhú ra đúng mùa,
Một vài trái đã chín vừa,
Trái xanh như ếch, trái chưa chín vàng.
368. Người nào đứng dưới cây rừng
Hái bao nhiêu quả cây dâng đón mời,
Sắc hương, mùi vị tuyệt vời,
Dù chưa chín, hoặc chín rồi đều phô.
369. Ôi! Làm ta phải la to
Khi nhìn cảnh tượng bao la, phi thường
Khác nào khung cảnh thiên đường,
Nơi thần tiên ở, khu vườn Lạc hoan.
370-371. Cọ, dừa, thốt nốt tràn lan
Trên cao nguyên của núi ngàn hoang sơ,
Muôn hoa dăng chuỗi kết tua
Khác nào lễ hội ngọn cờ tung cao,
Hoa kia có đủ sắc màu
Giống như ngàn vạn vì sao điểm trời.
372. Gụ, đàn hương mọc khắp nơi
Cùng nhiều cây khác không lời diễn ra,
Cây dâu, cây dẻ, phượng hoa
Mọc dày chi chít chen đua la đà.
373. Gần bên có một cái hồ,
Súng sen xanh trắng tràn bờ phủ lên,
Khác nào vườn các thần tiên
Chính tên là cảnh Lạc Viên trên trời.
374. Sơn ca, cu gáy hót hoài
Làm cho khắp mọi sườn đồi âm vang,
Đắm say vì các hoa ngàn
Nở ra theo đúng mùa màng quanh năm.
375-376. Hãy nhìn mật ngọt âm thầm

Rơi rơi từng giọt trên tàn sen thưa,
Và nghe ngọn gió đong đưa
Lướt đi nhè nhẹ từ bờ tây nam
Đến khi tất cả phấn hương
Được mang theo gió tỏa lan ngát trời.
377-378. Biết bao dâu, lúa chín muồi
Mọc quanh vùng ấy thường rơi xuống hồ,
Từng đàn cua, cá, trạnh, rùa
Phóng vào tìm kiếm say sưa miệt mài,
Mật rơi như thể sữa tươi,
Như bơ từ đám hoa cười mênh mang.
379. Từng làn gió nhẹ đưa ngang
Cỏ cây đủ loại mùi hương diệu huyền,
Hình như rừng rậm quanh miền
Đắm say với đám hoa trên núi đồi.
380-381. Bầy ong bay lượn khắp nơi
Vo ve quanh quẩn theo mùi hoa thơm,
Bầy chim đủ sắc bay cùng
Líu lo, chiêm chiếp trong lòng hân hoan
Nhiều chim cùng bạn lượn vòng:

382. - Chích chích, chép chép, vui mừng biết bao! Chim kêu ríu rít lao xao: - Bạn yêu, bạn quý, bạn trao ân tình!

383 - 384. Muôn hoa dăng chuỗi viền quanh
Như khi cờ xí tung hoành lượn bay,
Hoa đầy màu sắc đẹp thay,
Hương thơm ngào ngạt thoảng bay xa gần,
Nơi kia cùng với đàn con,
Ves-san-ta Chúa ẩn thân xuất trần.
385. Với y của bậc La- môn,
Bát, thìa, tóc bện, đạo nhân khác nào,
Khoác thêm một tấm da vào,
Ngài nằm trên đất, châm cao lửa hồng.
Người dân quê miêu tả nơi cư trú của vua Vessantara như vậy, khiến Jùjaka thích thú đáp lễ và chào y qua vần kệ:

386. Nhận đây bánh lúa mạch non
Thảy đều được nhúng mật ong ngọt ngào.
Nhiều viên bánh mật khéo sao,
Ta nay đem biếu ông nào ăn đi.

Người dân quê đáp lại:
387. Cám ơn, tôi chẳng cần gì,
Giữ phần lương thực mà đi đường dài.
Lấy thêm lương thực tôi mời,
Rồi xin Đạo sĩ đến nơi ông cần.
388. Thẳng lên về phía thảo đường,
Lộ trình nơi ấy dẫn ông đến nhà
Ẩn nhân là Ac-ca-ta,
Răng đen, đầu bẩn, ly gia xuất trần.
389 - 390. Với y của bậc La-môn,
Bát, thìa, tóc bện, đạo nhân khác nào,
Khoác thêm một tấm da vào,
Ngài nằm trên đất, châm cao lửa hồng.
Đến kia, và hỏi con đường,
Rồi ngài sẽ chỉ cho tường, Tôn ông.
391. Điều này nghe được vừa xong, Lão quay bên phải, đi vòng Ce-ta,

Rồi đi tìm Ac-ca-ta, Con tim rộn rã chan hòa hân hoan.

392. Jù-ja-ka tiến thẳng đường
Đến khi lão đã bước gần thảo am,
Vào nơi ẩn sĩ trú thân,
Như vầy lão vội ân cần hỏi thăm:
393. - Ta tin rằng, hỡi Thánh nhân,
Ngài thường thịnh vượng, an khương mọi bề,
Với bao thóc lúa thu về,
Và bao củ quả tràn trề ẩn am.
394. Ngài nay có bị phiền lòng
Vì loài rắn rít, bọ ong quấy hoài?
Hoặc bầy dã thú tìm mồi,
Chẳng hay ngài tránh mọi loài được chăng?
Vị khổ hạnh đáp:

395. Cám ơn ngài, hỡi La-môn,
Ta nay thịnh vượng, an khương mọi bề,
Với bao thóc lúa thu về,
Và bao củ quả tràn trề ẩn am.
396. Ta không phải chịu phiền lòng
Vì loài rắn rít, bọ ong quấy hoài,
Hoặc bầy dã thú tìm mồi,
Ta đây tránh được mọi loài, Tôn ông.

397. Biết bao nhiêu tháng năm ròng
Mà ta đã sống trong vùng đất đây,
Những gì bệnh tật xưa nay,
Ta không hề thấy ở đây khi nào.
398. Bà-la-môn hỡi, kính chào!
Mừng duyên hạnh ngộ đưa vào chốn đây.
Xin vào, ta chúc cầu may,
Và xin hãy rửa chân tay của ngài.
399. Pi-yal, tin-dook lá cây,
Kà-su-ma quả ngọt thay nồng nàn,
Trái cây như thể mật ong
Chọn ngay hạng nhất, La-môn, ăn nào.
400. Nước này lấy tự hang sâu

Ẩn mình dưới một đồi cao trong rừng, Xin mời, hỡi bậc Thánh nhân, Uống vào cho thỏa tấm lòng ước mong.

Jùjaka nói:

401-402. Tôi xin nhận vật ngài ban,
Và xin nhận lễ cúng dường, Tôn ông.
Tôi tìm con của vương quân
Sañ-ja-ya bị lưu vong lâu rày,
Dân Si-vi phán lệnh đày,
Xin cho tôi biết nơi ngài ẩn thân.
Vị khổ hạnh đáp:

403. Ông tìm Si-vi Đại vương
Mà không có ý thiện lương trong đầu,
Chắc ông cố ý mong cầu
Chiếm vương phi của ngài đâu khó gì.
404-405. Kan-hà cùng với Jà-li
Làm gia nô với nữ tỳ nhà ông,
Hay ông tìm mẹ lẫn con
Nếu ông có thể cầu ơn vua này,
Ngài không lạc thú gì đây,
Cũng không thực phẩm, tiền tài, Tôn ông.
Nghe vậy, Jùjaka nói:

406. Tôi không có ý bất lương,
Cũng không đến để cầu mong ơn ngài.
Song nhìn người thiện tuyệt vời,
Vui thay sống với các người thiện lương.

407. Tôi chưa từng thấy quân vương,
Chính ngài đã bị thần dân lưu đày.
Tôi mong diện kiến vua này,
Xin ông cho biết nơi ngài ẩn cư.
Vị Đạo sĩ kia tin lời lão:

- Được rồi, ta sẽ nói với ông. Chỉ cần ở lại đây với ta hôm nay.

Thế là vị ấy tiếp đãi lão đủ thứ củ quả rừng và hôm sau, đưa tay ra chỉ đường cho lão.

Vị ấy lại ngâm các vần kệ như trước:

408. Đạo sĩ ôi, núi đằng xa
Gan-dha-mà ấy chính là Hương Sơn,
Nơi Ves-san-ta Đại vương
Hiện đang sống với vợ con một đoàn.
409. Với y của bậc La-môn,
Bát, thìa, tóc bện, đạo nhân khác nào,
Khoác thêm một tấm da vào,
Ngài nằm trên đất, châm cao lửa hồng.
Và vị ấy nói thêm:
410. Tàn cây tiêu nọ, thấy không,
Ở trên mảnh đất tiên thần khác đâu,
Bụi không hề thổi lên cao,
Cỏ kia xanh mãi chẳng bao giờ tàn.
411. Cỏ xanh tựa cổ chim công,
Sờ vào êm dịu nhu bông khác nào,
Mọc không quá bốn tấc cao,
Lúc nào cũng vậy, không bao giờ nhiều.
412. Ka-pi, xoài, mận hồng đào,
Chùm sung lủng lẳng không cao, chín muồi,
Mọi cây có quả tốt tươi,
Mọc lên trong cánh rừng đồi xinh sao.
413. Trong veo dòng suối ngọt ngào
Xanh như ngọc bích rì rào chảy ngang,
Tung tăng cá lội từng đàn,
Vui đùa lên xuống khe ngàn lượn quanh.
414. Hồ nằm trong cảnh hữu tình
Với bao sen trắng sen xanh kế gần,
Khác nào ở chốn thiên cung,
Trong vườn Hoan lạc trên tầng trời xa.
415. Có ba chủng loại liên hoa

Trong hồ khoe sắc cho ta thấy nào,
Sắc màu thay đổi biết bao
Xanh lơ, đỏ sẫm, trắng sao trắng ngần.
Như vậy vị ấy ca tụng hồ sen vuông góc kia và kế đó ca tụng hồ Mucalinda:

416. Hoa kia êm dịu như bông, Hoa sen xanh thẫm, trắng ngần đua chen, Nhiều cây cỏ khác mọc lên,

Mu-ca-lin chính là tên của hồ.

417. Ông nhìn hoa nở thật to,
Nơi kia vô số chen đua lục hồng,
Mùa hè hay dẫu mùa đông
Đều cao đến tận gối ông đây này.
418. Hoa nhiều màu sắc đẹp thay
Theo làn gió nhẹ hương bay dịu dàng,
Rồi ông nghe tiếng rộn ràng
Của bầy ong đến theo làn hương đưa.
419. Chung quanh bến nước bờ hồ
Đứng thành một dãy lô xô tiếp liền,
Kìa cây gụ, nọ hoa kèn,
Ka-dam-ba ngất nghểu lên cao hoài.
420. Loài hoa sáu cánh khoe tươi,
Nhiều cây hoa khác cùng cười rộ ra;
Lùm cây rậm rạp quanh hồ
Thảy đều đứng lặng để cho ta nhìn.
421. Cây kia đủ mọi dáng hình,
Hoa kia đua nở đẹp xinh đủ màu,
Các lùm cây rậm biết bao
Chen nhau cao thấp đón chào mắt ta.
422. Từng làn gió nhẹ hương đưa
Từ rừng hoa trắng, xanh lơ, đỏ hường,
Mọc lên quanh chốn thảo đường,
Nơi kia ngọn lửa được ươm nóng bừng.
423. Chung quanh bờ nước kế gần
Nhiều cây cỏ mọc quây quần thiết thân,
Cỏ cây vẫn cứ rung rung
Trong khi vang vọng tiếng ong thầm thì.
424. Mùi hương của vạn hoa kia
Mọc lên khắp chốn bờ khe, suối, hồ
Luyến lưu bên bạn lâu xa

Nếu như bạn giữ hai ba tuần liền.
425. Ba loài bầu, bí hiển nhiên
Mọc lên giữa hồ sen thế này,
Quả bằng bình nước trong tay,
Quả kia thật lớn sánh tày trống canh.
426. Tỏi, hành, hạt cải, súng xanh
Muôn hoa nở rộ trên cành dễ thương.
Hoa lài, ngào ngạt trầm hương,
Cát đằng rậm rạp vấn vương cây hoài.
427. Ngọt ngào thay khóm hoa lài,
Cây chàm, bông vải, nhiều loài hữu danh,
Hoa kèn, rau diếp mọc quanh
Khác nào ngọn lửa vàng hanh nắng trời.
428. Thưa vâng, mỗi loại hoa tươi
Mọc ra trong nước hay trồi đất lên
Chung quanh hồ nước thần tiên
Hãy nhìn chúng sống đua chen quây quần.
429. Nơi kia bầy sấu vẫy vùng,
Mọi loài thủy tộc ẩn thân chốn này.
Những đàn hươu đỏ thường ngày
Cùng nhiều thú khác tìm đây nước nguồn.
430. Nghệ vàng, long não, cỏ hương, Hạt thơm, cam thảo thân vươn cao ngồng.

431. Nơi kia sư tử, voi rừng,
Cọp vằn tìm kiếm bạn lòng dấu yêu,
Từng bầy hươu đỏ, hươu sao,
Chó hoang, nai hoẵng dáng cao lẹ làng.
432. Chồn bay, trâu yak, linh dương,
Những bầy lớn nhỏ khỉ rừng lao xao,
Gấu, bò, mãnh thú biết bao,
Từng đàn dồn dập đi vào dọc ngang.
433. Tê ngưu, sóc nhỏ, chuột hoang,
Chó săn, trâu nước, giả-can, heo rừng,
Tắc kè, beo gấm, sói lang,
Thỏ rừng, chồn nhỏ từng đàn ra vô.
434. Đủ loài rắn, nhện giăng tơ,
Đủ loài chim chóc líu lo trên cành,
Tạo nên đủ loại âm thanh
Trong khi chiêm chiếp lượn quanh lòng vòng.
435. Diều hâu, cú, diệc, gà rừng, Sơn ca với tiếng du dương đồng hòa,

Trĩ, ưng, công với thiên nga, Hạc, chim lưng đỏ hòa ca bạn tình.

436. Nơi kia dịu ngọt âm thanh
Sắc màu rực rỡ dáng hình chim muông:
Cổ xanh, mào trắng, lục hồng
Như công, vỗ cánh phập phồng bay lên.
437. Sao ta cố kể ngàn tên
Đủ từng chi tiết chẳng quên thế này?
Hãy suy đủ loại chim bay,
Và đem chúng lại thêm đầy thơ ta.
438. Cả đàn chim chóc đồng hòa
Du dương ngàn khúc hoan ca tưng bừng,
Ngập tràn đầy giữa khoảng không
Hồ Mu-ca với tiếng ồn vui tai...
439. Khu rừng có đủ loài voi,
Linh dương, các loại hươu nai thiếu gì.
Lòng thòng từ các cây kia
Cát đằng to lớn từng bè quấn ngang.
440. Nơi kia hạt cải, mía đường,
Nhiều loài thóc gạo mọc vươn cao dày.
Đậu, mè, dược thảo quý thay
Sẵn sàng cung cấp đủ đầy khách thăm.
441-442. Đằng kia có lối đường mòn
Đưa ông đến chốn ẩn thân của ngài.
Nơi kia đói khát không ai,
Cũng không hề thấy mảy may chán chường.
Nơi kia cùng với các con.
Ves-san-ta bậc Đại vương lánh trần.
443. Với y của bậc La-môn,
Bát, thìa, tóc bện, đạo nhân khác nào.
Khoác thêm một tấm da vào,
Ngài nằm trên đất, châm cao lửa hồng.
444. Việc này khi đã nghe xong,
Quanh ngài bên phải, lão vòng bước ra,
Đi tìm vua Ves-san-ta
Tâm hồn rộn rã chan hòa niềm vui.
*

VIII. BỐ THÍ HAI CON

Jùjaka tiếp tục đi theo con đường ẩn sĩ Accata đã chỉ cho lão và đến tận cái hồ vuông góc. Lão nghĩ: "Bây giờ là chiều tối rồi. Giờ này Maddì đã trở về từ rừng và đàn bà thường hay cản trở. Ngày mai, khi bà ấy đã đi vào rừng, ta sẽ đến gặp vua Vessantara và xin ngài các đứa trẻ kia, rồi trước khi bà trở về, ta phải đi ngay".

Thế là lão trèo lên ngọn đồi bằng phẳng không xa mấy, và nằm xuống một nơi êm ái.

Bấy giờ khoảng rạng ngày hôm sau, Maddì nằm mộng thấy như vầy: một người đàn ông da đen mặc hai áo vàng, đeo đôi hoa tai đỏ, bước vào lều cỏ và chụp lấy tóc trên đầu Maddì và lôi nàng ra ngoài ném nàng nằm sấp xuống đất và trong lúc nàng kêu thét, gã móc hai mắt nàng ra, chặt hai tay, cắt xẻ lồng ngực nàng, kéo tim nàng ra máu chảy ròng ròng và đem quả tim đi mất.

Nàng kinh hoàng thức dậy, và nghĩ: "Ta vừa thấy một cơn ác mộng. Ta không có ai ở đây trừ Vessantara giải thích mộng này, vậy ta phải hỏi ngài việc này". Rồi nàng đi đến lều của bậc Đại Sĩ và gõ cửa.

- Ai đó?

- Tâu Chúa công, thiếp là Maddì đây.

- Này hiền thê, sao nàng đến đây phi thời, và phá lời giao kết của chúng ta?

- Tâu Chúa công, thiếp đến đây không phải vì ham muốn gì, mà vì thiếp vừa thấy ác mộng.

- Vậy nàng hãy nói cho ta biết, Maddì.

Nàng kể lại giấc mộng đã hiện ra. Bậc Đại Sĩ hiểu ngay ý nghĩa giấc này và suy nghĩ: "Sự bố thí của ta sắp thành tựu viên mãn. Hôm nay sẽ có người đến cầu xin các con ta. Ta sẽ an ủi Maddì và để nàng ra về", vì thế ngài bảo:

- Tâm trí nàng chắc hẳn bị xao động vì ngủ không an giấc hay ăn khó tiêu đó thôi. Đừng sợ gì cả.

Ngài giả vờ lấy cớ này an ủi nàng và để nàng đi ra.

Khi trời sáng dần, nàng làm tất cả mọi việc xong, hôn các con và nói:

- Hôm qua mẹ gặp cơn ác mộng, các con hãy cẩn thận nhé.

Rồi đem hai con giao cho bậc Đại Sĩ, nàng xin ngài chăm sóc các con rồi lấy thúng, cuốc xẻng, lau nước mắt và đi vào rừng hái củ quả.

Còn Jùjaka nghĩ lúc ấy nàng đã đi rồi, liền từ đồi đi xuống theo con đường mòn tiến về phía am lá. Bậc Đại Sĩ vừa ra khỏi am và ngồi xuống trên một phiến đá như một bức tượng bằng vàng. "Bây giờ người cầu ân sắp đến rồi!" Ngài suy nghĩ, như một người say rượu đang khát nước và ngồi ngắm con đường mà kẻ kia sắp đến, còn các con ngài đang chơi đùa quanh quẩn bên chân ngài.

Và trong lúc ngài ngắm con đường, ngài thấy lão Bà-la-môn đang đến, như thể gánh nặng bố thí trong suốt bảy tháng được đặt xuống nay ngài lại mang lên, ngài reo mừng:

- Này Bà-la-môn, hãy đến đây mau!

Rồi ngài ngâm kệ với bé trai Jàli:

445. Jà-li, hãy đứng lên con,
Ngắm xem kìa lão La-môn đến rồi,
Chính thời xưa đã tái hồi,
Làm ta tràn ngập niềm vui chan hòa.
Nghe vậy, cậu bé đáp:

446. Vâng vâng, phải đấy thưa cha,
Con đang nhìn thấy lão Bà-la-môn,
Hình như lão đến cầu ân,
Hẳn là vị khách đang cần nhà ta.
Cùng với những lời này, cậu muốn bày tỏ lòng cung kính lão, liền đứng lên từ chỗ ngồi và đi ra đón lão Bà-la-môn, xin xách dùm hành lý của lão.

Lão Bà-la-môn nhìn cậu và nghĩ: "Đây hẳn là Jàli, con trai vua Vessantara; ngay từ đầu, ta phải nói năng thô lỗ với nó mới được".

Thế là lão búng ngón tay ra phía cậu và thét to:

- Thôi cút đi! Cút đi!

Cậu bé suy nghĩ: "Người đâu mà thô lỗ thế?". Rồi nhìn kỹ thân lão, cậu nhận thấy lão có đủ mười tám dị tật của con người!

Nhưng lão Bà-la-môn đến gần Bồ-tát và vừa cung kính, chào ngài, vừa nói:

447. Ta tin rằng, hỡi Thánh nhân,
Ngài thường thịnh vượng, an khương mọi bề,
Với bao thóc lúa thu về
Và bao củ quả tràn trề ẩn am.
448. Ngài nay có bị phiền lòng
Vì loài rắn rít bọ ong quấy hoài?
Hoặc bầy dã thú tìm mồi,
Chẳng hay ngài tránh mọi loài được chăng?
Bồ-tát từ tốn đáp lại:

449. Cám ơn ông, hỡi đạo nhân,
Ta nay thịnh vượng, an khương mọi bề,
Với bao thóc lúa thu về
Và bao củ, quả tràn trề ẩn am.
450. Ta không phải chịu phiền lòng
Vì loài rắn rít, bọ ong quấy hoài,
Hoặc bầy dã thú tìm mồi

Ta đây tránh được mọi loài bình an.
451. Sống đây đã bảy tháng trường,
Chúng ta hạnh phúc trong rừng hoang sơ,
Chẳng hề từ trước đến giờ
Được trông thấy một vị Bà-la-môn.
452. Như nay nhìn thấy tôn ông
Khác nào thấy được thần nhân thế này:
Vil-va làm gậy cầm tay,
Hộp bùi nhùi với bình đầy nước trong.
453. Kính chào ông, hỡi đạo nhân,
Mừng duyên hạnh ngộ đưa đường đến đây.
Hãy vào chúc phúc cầu may,
Bước vào và rửa chân tay, ta mời.
454. Pi-yal, tin-dook lá tươi,
Kà-su-ma quả ngọt bùi thơm ngon,
Trái cây như thể mật ong,
Chọn ngay hạng nhất, La-môn, ăn nào.
455. Nước này lấy tự hang sâu
Ẩn mình dưới ngọn đồi cao trong rừng,
Xin mời, hỡi bậc Thánh nhân,
Uống vào cho thỏa tấm lòng ước mong.
Nói lời này xong, bậc Đại Sĩ suy nghĩ: "Chẳng phải lão Bà-la-môn đến khu rừng rậm này mà không có duyên cớ. Ta phải hỏi lão lý do ngay lập tức". Rồi ngài ngâm kệ:

456. Nói cho ta biết nguyên nhân,
Lý do nào khiến tôn ông lên đường,
Đẩy đưa ông tận rừng hoang,
Xin ông hãy nói rõ ràng ta hay.
Jùjaka đáp:

457. Giống như hồng thủy ngập đầy
Và không hề có một ngày nào vơi,
Thần nay muốn đến xin ngài
Ban cho thần được cả hai con nhà.
Nghe điều này, bậc Đại Sĩ hân hoan trong lòng và ngài nói như thể người dang tay đưa ra chiếc túi cả ngàn đồng tiền:

458. Ban ân, ta chẳng chần chừ,
Ông là chủ chúng từ giờ trở đi.
Sáng nay đi vắng vương phi,
Để tìm thực phẩm, chiều về đến đây.

459. Xin ông ở lại đêm nay,
Sáng mai, ông sẽ đi ngay lên đường.
Tắm con, bà xức dầu thơm,
Và quàng cho chúng những tràng hoa tươi.
460-461. Đêm nay ở lại, xin ông,
Sáng mai vừa hé vầng đông lên đường,
Hai con sẽ được điểm trang
Với nhiều hoa đẹp mùi hương ngạt ngào,
Rồi ông đem chúng đi mau
Cùng nhiều củ quả dồi dào thức ăn.
Jùjaka đáp:

462. Thưa không, trình tấu Đại vương,
Thần đi, chẳng dám vấn vương nơi này,
E rằng trở ngại gì đây
Sẽ ngăn cản bước chân ngay trên đường.
463. Nữ nhân chẳng phải rộng lòng
Phát ban thường vẫn cản ngăn cố tình,
Biết nhiều mưu kế thông minh,
Thường hay lạc lối, ác hành tạo nên.
464. Người ban bố với niềm tin
Đừng nên thấy mặt mẹ mình thiết thân,
Nếu không, bà sẽ cản ngăn,
Tâu Quân vương, tiểu thần mong lên đường.
465. Xin ban vương tử, công nương,
Đừng cho trẻ thấy mặt vương phi này.
Người ban bố, tín tâm đầy,
Thì công đức ấy càng ngày càng tăng.
466. Xin ban vương tử, công nương,
Đừng cho trẻ thấy mặt vương phi này
Người cho kẻ giống thần đây,
Đi lên thiên giới thẳng ngay tức thì!
Vessantara nói:

467. Nếu không muốn thấy vương phi,
Trung thành tận tụy hiền thê quả là,
Hãy đưa Jà-lí, Kan-hà,
Đi thăm tổ phụ vương gia trên đường.
468. Khi nhìn đôi trẻ dễ thương,
Nói năng dịu ngọt đến gần vương gia,
Ngài ban nhiều của lắm quà,

Tràn đầy hỷ lạc, chan hòa hân hoan.
Jùjaka đáp:

469-470. Thần e làm hỏng hành trang,
Thần xin ngài, hỡi ông hoàng, nghe đây:
Phụ vương trừng trị thần ngay,
Hoặc sai giết, bản thân này còn chi,
Không tiền của, chẳng nô tỳ,
Thì bà nội tướng cười chê trăm đường.
Vessantara nói:

471-472. Khi nhìn đôi trẻ dễ thương,
Nói năng dịu ngọt, đến gần vương quân,
Vị vua cấp dưỡng toàn dân
Si-vi quốc vốn công bằng chánh chân,
Sẽ ban ông lắm bạc vàng,
Hân hoan thích thú ngập tràn niềm vui.
Jùjaka đáp:

473. Không, thần không thể nghe lời
Làm điều này nọ mà ngài đưa ra.
Thần mong đem bọn trẻ thơ
Để về hầu hạ vợ nhà đó thôi!
Đôi trẻ nghe những lời thô lỗ ấy, liền lẩn trốn ra sau lều tranh, rồi chạy khỏi lều giấu mình gần một bụi cây. Ngay chỗ đó, chúng hình như cũng thấy chúng sẽ bị Jùjaka bắt. Chúng run sợ không thể đứng yên nơi nào cả, mà cứ chạy loanh quanh, cho đến khi chúng đến bờ hồ vuông góc kia, quấn chặt bộ áo vỏ cây quanh mình rồi chúng nhảy xuống nước, đứng giấu đầu dưới đám lá sen.

*

Bậc Đạo Sư ngâm kệ giải thích việc này:

474. Jà-li chạy tới chạy lui
Cùng Kan-hà, chúng đứng ngồi không an
Trong niềm đau khổ muôn vàn,
Khi nghe giọng nói người săn theo mình.
Và Jùjaka, khi chẳng thấy bóng dáng đôi trẻ đâu liền quở trách Bồ-tát:

- Này Vessantara, khi ngài vừa cho ta đôi trẻ bây giờ, ngay lúc ta bảo ngài là ta không muốnđến thành Jetuttara, mà chỉ muốn đôi trẻ về hầu hạ vợ ta, thì ngài ra hiệu cho chúng và khiến chúng chạy trốn mất, rồi ngồi đó làm ra vẻ chẳng biết gì! Ta chắc trên đời chẳng có ai dối trá như vậy!

Bậc Đại Sĩ thấy lòng xúc động: "Chắc chắn chúng nó đã chạy trốn". Ngài suy nghĩ và nói to:

- Đừng lo gì việc ấy, này tôn ông, ta sẽ dò tìm chúng về.

Thế là ngài đứng dậy đi ra sau am lá, nhận thấy chúng có lẽ đã trốn vào rừng, ngài đi theo dấu chân chúng dẫn đến bờ hồ, rồi vừa thấy dấu chân ở nơi chúng bước xuống hồ, ngài nghĩ chắc hẳn chúng đã lặn xuống nước, vì thế ngài gọi to:

- Này Jàli con ơi!

Và ngài ngâm hai vần kệ này:

475. Con yêu dấu, tới đây nhanh,
Hãy làm đạo hạnh hoàn thành cho cha.
Đến đây thánh hóa tim ta,
Hãy theo ý nguyện cha đến cùng.
476. Con làm thuyền chở băng dòng
Cho cha vượt biển sinh tồn bình yên,
Vượt lên thế giới Nhân Thiên,
Cha nguyền qua đến bến miền tự do.
- Này Jàli, hãy đến đây con ơi? Ngài kêu to.

Cậu bé nghe giọng cha nghĩ thầm: "Cứ để lão Bà-la-môn làm gì ta mặc ý, ta không muốn cãi cọ với cha ta". Cậu bé ngẩng đầu lên, rẽ các lá sen và bước ra khỏi nước, nhào đến trên chân phải của bậc Đại Sĩ ôm lấy mắt cá chân và khóc.

Sau đó bậc Đại Sĩ nói:

- Này con, em gái con đâu?

Cậu đáp:

- Mọi vật đều biết tự bảo vệ mình lúc gặp hiểm nguy.

Bậc Đại Sĩ nhận ra rằng chắc hẳn đôi trẻ đã giao kết với nhau rồi, nên ngài kêu to:

- Đến đây Kanhà?

Và ngài ngâm hai vần kệ:

477. Con yêu dấu, tới đây nhanh,
Hãy làm đạo hạnh hoàn thành cho cha.
Đến đây thánh hóa tim ta,
Hãy theo ý nguyện cha đến cùng.
478. Con làm thuyền chở băng dòng
Cho cha vượt biển sinh tồn bình yên,
Vượt lên thế giới Nhân Thiên,
Cha nguyền qua đến bến miền tự do.

Cô bé cũng suy nghĩ: "Ta không muốn cãi cọ với cha ta", và chỉ chốc lát, cô hiện ra ngã vào chân phải cha, nắm chặt mắt cá chân và khóc. Nước mắt hai trẻ thơ nhỏ xuống chân bậc Đại Sĩ có màu như lá sen, và nước mắt ngài chảy xuống lưng chúng có màu như phiến vàng. Sau đó bậc Đại Sĩ nâng hai con lên và an ủi chúng:

- Này con Jàli, con không biết cha đã hoan hỷ bố thí con sao? Hãy làm thế cho ước nguyện của cha được thành tựu.

Và ngay lúc ấy ngài định giá hai con như thể người ta định giá trâu bò.

Ngài bảo con trai:

- Này con Jàli, nếu con muốn được tự do, con phải trả cho đạo sĩ này một ngàn đồng vàng. Còn em gái con đẹp lắm, nếu có người nào thuộc dòng hạ đẳng đưa cho đạo sĩ này một số tiền nhiều độ như thế như thế để trả tự do cho em con, thì người ấy sẽ phá hủy quyền quý tộc của nó. Không ai trừ nhà vua mới có thể ban tặng vật theo số trăm! Vì vậy nếu em con muốn được tự do, phải trả cho đạo sĩ một trăm nô tài, một trăm nữ tỳ và voi, ngựa, bò đực, tiền vàng, mỗi thứ đều một trăm.

Ngài định giá hai con như vậy xong, rồi an ủi vỗ về chúng và đưa chúng trở lại am tranh. Sau đó ngài lấy nước trong bình ra, gọi đạo sĩ đến gần, vừa rót nước vừa cầu nguyện cho ngài đạt thành Chánh Giác:

- Còn đáng quý hơn con trai ta cả trăm, cả ngàn, cả trăm ngàn lần là quả vị Chánh Giác!

Ngài kêu lớn làm cho cõi đất vang dội, rồi ngài đem hai con làm tặng vật quý báu cho lão Bà-la- môn.

*

Để giải thích việc này, bậc Đạo Sư ngâm kệ:

479. Người bảo dưỡng dân, vị Đại vương
Si-vi quốc độ dẫn hai con
Và đem tặng vật cao sang nhất
Cho đạo sĩ kia, thật sẵn lòng.
480. Thế rồi, đầy sợ hãi, kinh hoàng,
Cõi đất lớn này đã chuyển rung
Giờ phút này vua tay chắp lại
Và ban tặng vật: cả hai con.
481. Thế rồi đầy sợ hãi, kinh hoàng,
Cõi đất lớn này đã chuyển rung
Khi chúa Si-vi đem quý tử
Sẵn lòng cho lão Bà-la-môn.

Khi bậc Đại Sĩ đã bố thí xong, ngài đầy hân hoan, nghĩ rằng tặng vật ngài ban thật tuyệt hảo làm sao, trong khi ngài đứng nhìn hai con. Còn lão Jùjaka đi vào rừng, cắt một nhánh cây leo, lấy buộc tay bên phải cậu bé vào tay trái cô bé và vừa xua chúng đi vừa

đánh chúng bằng đầu dây leo ấy.

*

Bậc Đạo Sư ngâm kệ giải thích việc này:

482. Lão đạo sĩ kia độc ác thay
Cắt ngay một nhánh dây leo dài,
Buộc dây vào cánh tay đôi trẻ
Và kéo chúng đi cách thế này.
483. Rồi đạo sĩ kia, gậy dưới tay,
Cầm dây leo ấy chặt trong tay,
Đánh bầy con trẻ và xua chúng
Trước mắt nhìn theo của chính ngài.
Nơi nào lão đánh chúng, da đều bị đứt ra và chảy máu, chúng lảo đảo dựa lưng nhau mà đi, nhưng đến một chỗ gồ ghề, lão té nhào. Bàn tay yếu mềm của đôi trẻ tuột ra khỏi sợi dây nhẹ và chúng vừa khóc vừa chạy về phía bậc Đại Sĩ.

*

Bậc Đạo Sư ngâm kệ giải thích việc này:

484. Đôi trẻ như vầy được thoát thân Chạy bay khỏi lão Bà-la-môn,

Bé trai nhìn mặt cha khi ấy Dòng lệ tuôn ra cặp mắt tràn.

485. Như gặp gió lay, ngọn lá sung,
Thân bé trai kia cứ chuyển rung,
Tay cậu ôm chân cha thật chặt,
Nói lời cùng với vị cha thân:
486. - Sao cha muốn bỏ lũ con thơ
Trong lúc mẹ đang phải vắng nhà?
Đừng bỏ, đợi khi bà trở lại,
Khi bà trở lại, hãy chần chờ.
487-488. Sao cha muốn bỏ lũ con thơ
Trong lúc mẹ đang phải vắng nhà?
Hãy đợi đến khi bà trở lại,
Rồi cho con trẻ hợp lòng cha!
Rồi cho đạo sĩ đem đi bán
Hoặc để lão già giết trẻ thơ!
489. Chân lão to phù, móng xác xơ,
Thịt u xệ xuống tựa bao da,
Môi dài phía dưới luôn run rẩy,
Mũi gãy, đen sì thật khó ưa!
490. Bụng như cái trống, chiếc lưng còng,

Đôi mắt nhìn sao lé đứng tròng,
Đầy vết nhăn nheo và lốm đốm,
Râu màu máu đỏ, tóc vàng hung.
491. Võ vàng, rệu rã, khoác da nai,
Thô lỗ, bạo tàn, chẳng giống ai,
Nửa ngợm nửa người, co quắp lại,
Thật là khủng khiếp cái hình hài!
492. Quỷ ăn thịt sống hoặc người trần?
Cha cứ nhìn xem thật tĩnh tâm:
Con quỷ này vào rừng vắng vẻ
Để xin cha bố thí ban ân?
493-494. Có phải tim cha hóa đá chăng
Buộc thêm sợi thép chặt quanh vòng,
Không quan tâm lão già tham dục
Chẳng chút nào thương xót chạnh lòng
Trói chúng con và xua đuổi mãi
Như trâu bò phải chạy lông rông?
495. Ít nhất, con mong cầu khẩn cha
Cho em ở lại, bé Kan-hà
Giống như nai nhỏ đang còn bú
Kêu khóc vì đi lạc cả nhà.
Nghe những lời này, bậc Đại Sĩ không đáp lại tiếng nào. Sau đó cậu bé lại khóc than vì cha mẹ mình:

496. Con chẳng lo gì chết khổ thân,
Đó là số phận mọi thường nhân,
Nhưng không thấy bóng hình từ mẫu
Quả thật điều trên đáng khổ buồn!
497. Con chẳng lo gì chết khổ thân,
Đó là số phận mọi thường nhân,
Nhưng không nhìn thấy hình thân phụ,
Quả thật điều trên đáng khổ buồn.
498-499. Mẹ cha than khóc sẽ dài lâu,
Chẳng biết bao giờ hết khổ đau,
Vào lúc nửa đêm, trời tảng sáng,
Như nguồn suối chảy, các dòng châu
Vì không thấy mặt Kan-hà nữa,
Con gái được yêu quý biết bao!
500. Khóm hồng đào vẫn mọc la đà
Lủng lẳng chung quanh mặt nước hồ,

Ôi! Cả rừng cây đầy quả chín,
Từ nay ta ngoảnh mặt làm ngơ!
501. Cây sung, cây mít với cây đa
Tỏa rộng, mọi cây cối mọc ra,
Ôi! Cả rừng cây đầy quả chín
Từ nay ta ngoảnh mặt làm ngơ!
502. Đứng kia như cả một vườn hoa,
Dòng suối kìa trôi thật lặng lờ,
Nơi chốn ngày xưa đùa giỡn ấy,
Ngày nay ta ngoảnh mặt làm ngơ!
503. Trái núi ngày xưa ta vẫn ăn
Hoa rừng thuở trước vẫn thường mang,
Mọc trên đồi nọ đằng xa ấy,
Giờ phút này ta phải bỏ ngang!
504. Xinh xinh, nhỏ nhắn các đồ chơi,
Ngày trước ta đùa giỡn chúng hoài,
Bầy ngựa, trâu bò, voi đủ thứ,
Ngày nay ta cũng phải xa rời !
Mặc dù cậu than khóc như vậy, lão Jùjaka vẫn đến xua cậu đi cùng em gái.

*

Để giải thích việc này, bậc Đạo Sư ngâm kệ:

505. Hai con trẻ nói với người cha
Trong lúc bị đưa đẩy thật xa:
- Cha hỡi! Mẹ hiền mong mạnh khỏe,
Và mong hạnh phúc tháng ngày qua!
506. Trâu bò, bầy ngựa, cả bầy voi
Ngày trước chúng con vẫn lấy chơi,
Trao chúng dùm cho hiền mẫu nhé,
Sẽ làm sầu khổ mẹ dần nguôi.
507. Trâu bò, bầy ngựa, cả bầy voi
Ngày trước chúng con vẫn lấy chơi,
Lúc mẹ ngắm nhìn vào bọn chúng
Sẽ làm sầu khổ mẹ dần nguôi.
*

Bây giờ nỗi khổ đau thống thiết vì các con chợt nổi lên trong lòng bậc Đại Sĩ khiến tim ngài nóng bừng: ngài run rẩy dữ dội như con voi bị sư tử có bờm chụp lấy, hoặc như mặt trăng bị nuốt trửng trong móng vuốt của thần Ràhu [La-hầu: vua của loài Asura (A-tu-la) thường nuốt mặt trăng, trời gây nên nhật thực, nguyệt thực]. Không còn đủ

nghị lực chịu đựng nữa, ngài đi vào lều, nước mắt ràn rụa và ngài khóc lên thảm thiết.

*

Bậc Đạo Sư ngâm kệ giải thích việc này:

508. Ông hoàng Sát-lỵ Ves-san-ta
Bố thí như vầy lũ trẻ thơ,
Vội bước đi vào lều cỏ lá,
Ngồi kia than khóc lẫn buồn lo.
Sau đây là các vần kệ than khóc của bậc Đại Sĩ:

509. Vào lúc sáng mai hoặc xế chiều, Đói ăn, lũ trẻ phải kêu rêu,

Bị cơn đói khát luôn hành hạ, Ai sẽ cho con trẻ ít nhiều?

510. Làm sao chân bé bỏng run run
Cất bước đi theo mọi lối mòn
Không có hài? Ai dắt díu chúng,
Ai đưa lối chúng nhẹ nhàng chăng?
511. Làm sao có thể lão La-môn
Vô sỉ, lúc ta đứng ngóng trông,
Lại đánh con ta nào có tội,
Lão vô liêm sỉ thế là cùng!
512. Không ai biết sỉ nhục như vầy
Lại đối xử người khác thế này,
Dẫu đó là con nô lệ nữa
Mà ta xem thật thấp hèn thay.
513. Ta không thể thấy lão đằng xa
Nhưng lão đánh đau lũ trẻ nhà
Như thể cá nằm trong chiếc bẫy,
Ta đây bất lực đứng trơ ra!
Vì thương con, những tư tưởng này hiện ra trong trí bậc Đại Sĩ, ngài không thể chịu được nỗi đau khổ khi nghĩ lão Bà-la-môn đánh đập tàn nhẫn con ngài như thế nào, nên ngài định đi tìm lão và giết lão, rồi đem các con về. Nhưng không, ngài lại nghĩ: "Làm thế là sai lầm. Bố thí rồi lại hối tiếc vì nỗi khổ của con trẻ quá lớn lao, thì đó không phải là cách của người chân chánh".

Hai vần kệ sau đây chứa đựng những suy tư trên soi sáng vấn đề này:

514. Bên trái buộc thanh kiếm cạnh sườn,
Ngài nai nịt đủ với cây cung:
"Ta đem con trẻ về nhà lại,
Đánh mất con thơ thật khổ buồn.
515. Nhưng nếu con ta phải mạng vong

Thật tàn nhẫn quá, nỗi đau lòng:
Nào ai biết thói lề người thiện
Và đến cầu xin nữa phải không?"
Trong lúc ấy lão Jùjaka đánh đập đôi trẻ kia khi lão dẫn chúng đi đường.

Cậu bé lại than khóc:

516. Tục ngữ hình như thật đúng thay Người đời thường vẫn nói như vầy:

Ai không có mẹ mình bên cạnh Cũng giống không cha ruột thế này.

517. Đời chẳng còn gì với chúng ta,
Thà ta chết: chỉ phận gia nô,
Con người tàn bạo đầy tham ác
Xua đuổi chúng ta tựa lũ bò.
518. Khóm hồng đào vẫn mọc la đà
Lủng lẳng chung quanh mặt nước hồ,
Ôi! Cả rừng cây đầy quả chín
Từ nay ta ngoảnh mặt làm ngơ!
519. Cây sung, cây mít với cây đa
Tỏa rộng, mọi cây cối mọc ra,
Ôi! Cả rừng cây đầy quả chín
Từ nay ta ngoảnh mặt làm ngơ!
520. Đứng kia như cả một vườn hoa,
Dòng suối kìa trôi thật lặng lờ,
Nơi chốn ngày xưa đùa giỡn ấy,
Ngày nay ta ngoảnh mặt làm ngơ!
521. Trái núi ngày xưa ta vẫn ăn,
Hoa rừng thuở trước vẫn thường mang,
Mọc trên đồi nọ đằng xa ấy,
Giờ phút này ta phải bỏ ngang!
522. Xinh xinh, nhỏ nhắn các đồ chơi,
Ngày trước ta đùa giỡn chúng hoài,
Bầy ngựa, trâu bò, voi đủ thứ,
Ngày nay ta cũng phải xa rời!
*

Lần nữa, lão Bà-la-môn lại ngã vào một nơi gồ ghề, và sợi dây sút ra khỏi tay lão, hai đứa trẻ run rẩy như đôi chim bị thương chạy một mạch về phía cha.

*

Bậc Đạo Sư ngâm kệ giải thích việc này:

523. Lúc ấy Kan-hà với Jà-li

Được La-môn nọ dẫn đường đi,
Thoát thân, chúng vội vùng lên chạy
Mải miết chúng bay biến tức thì.
*

Nhưng lão Jùjaka vội đứng lên ngay và đuổi theo chúng, với dây và gậy trong tay, lão gầm thét như lửa phun vào ngày tận thế:

- Chúng bây có tài chạy khôn lanh thật đấy!

Rồi lão buộc tay chúng lại và đưa chúng đi đường như cũ.

*

Bậc Đạo Sư ngâm kệ giải thích việc này:

524. Rồi lão đạo nhân nắm sợi dây,
Và cầm cây gậy ở trong tay
Vừa đem chúng trở về, vừa đánh,
Trong lúc vua đành phải ngó ngây!
Trong lúc bị dẫn đi xa, Kanhàjinà quay lại và than khóc với cha.

*

Bậc Đạo Sư ngâm kệ giải thích việc này:

525. Cô bé Kan-hà nói thế này:
- Cha ơi, xin hãy ngắm nhìn đây:
Con như nô lệ xuất thân ấy
Đạo sĩ đánh con thật mạnh tay!
526-527. Đạo sĩ là người sống chánh chân,
Lão này không phải Bà-la-môn,
Quỷ ma đội lốt La-môn ấy
Lão dẫn đi ăn thịt chúng con,
Cha có thể ngồi yên ngắm nghía
Trẻ con bị bắt để ma ăn?
*

Trong khi con gái bé bỏng than khóc run rẩy bước đi, nỗi đau đớn xót xa bùng dậy trong lòng bậc Đại Sĩ, tim ngài nóng bừng, mũi ngài không đủ sức để thở, vì thế từ miệng ngài thoát ra tiếng thở hổn hển và dòng lệ như những giọt máu tuôn ra từ mắt ngài. Rồi ngài suy nghĩ: "Tất cả nỗi đau đớn này đều do tình thân yêu chứ không vì cớ gì khác, ta phải xoa dịu tình cảm này và giữ bình thản".

Như vậy là nhờ trí lực, ngài dứt được nỗi đau buồn sâu sắc này và ngồi yên như cũ.

Trước khi đi đến lối vào trong ngọn núi, cô bé lại tiếp tục than khóc:

528. Đau nhức đôi chân của trẻ thơ,

Con đường thật khó bước đi qua,
Đạo nhân xua đuổi bầy con trẻ,
Vầng nhật lăn dần ở phía xa.
529. Qua các núi đồi, rừng thẳm xanh,
Những nơi cư ngụ các thần linh,
Chúng con trân trọng chào chư vị,
Tất cả, chúng con thảy cúi mình.
530-531. Chào chư thần trú ngụ hồ này,
Cùng cỏ dây leo, rễ mọc dày,
Mong ước mẹ hiền con mạnh khỏe,
Nhưng La-môn nọ đuổi con ngay,
Nếu bà muốn chạy theo con trẻ.
Xin chớ chần chờ, phải chạy bay.
532. Con đường dẫn đến chiếc am tranh,
Con trẻ thường theo bước lộ trình,
Nếu mẹ muốn theo đường lối ấy,
Mẹ tìm con trẻ thật là nhanh.
533. Mẹ hái trái cây, các củ rừng,
Tóc thường được kết lại từng chùm,
Khi nhìn thấy chiếc am tranh vắng
Sẽ khiến mẹ đau đớn tột cùng.
534-535. Mẹ ta đi kiếm quả từ lâu,
Chắc mẹ đã chất đống thật cao,
Mẹ chẳng biết con người độc ác
Tham lam buộc chặt trẻ ra sao.
Vô cùng độc ác là người đó
Xua đuổi chúng ta tựa lũ trâu.
536. Ôi, nếu mẹ ta đến xế tà,
Nếu hai bên gặp gỡ tình cờ,
Mẹ cho lão ấy ăn nhiều quả
Trộn với mật ong thật đủ no,
537-538. Lão sẽ không xua đuổi bạo tàn,
Sau khi được một bữa ăn ngon,
Lão già xua trẻ thơ tàn nhẫn,
Chân của trẻ thơ bước vọng vang,
Vì ngóng mẹ hiền lâu quá đỗi,
Các con đã thảm thiết kêu than.
Đến đây chấm dứt Chuyện Trẻ thơ (Kumàra pañham).
*

IX. MADDÌ TRỞ VỀ

Bấy giờ ngay lúc vua ban các con yêu quý cho lão Bà-la-môn, cõi đất chấn động vang rền dữ dội đến tận cõi trời Phạm thiên và thấu suốt tâm các vị thần cư ngụ ở Tuyết Sơn. Các vị này nghe tiếng đôi trẻ than khóc trong lúc lão kia dẫn chúng đi, liền suy nghĩ: "Nếu Maddì về kịp tới lều tranh lúc này mà không thấy các con đâu, nàng sẽ hỏi Vessantara về chuyện này và nàng sẽ nôn nóng biết bao khi nghe chúng đã bị đem bố thí. Nàng sẽ chạy đi tìm chúng và sẽ gặp nhiều gian truân vất vả".

Vì thế các vị ấy căn dặn ba vị thần giả dạng sư tử, cọp và báo để cản đường nàng, không để nàng đi trở lại tìm con cho đến khi mặt trời lặn, như vậy nàng chỉ có thể đi về dưới ánh trăng, và giữ cho nàng bình an khỏi bị sư tử hay các dã thú khác tấn công.

*

Bậc Đạo Sư ngâm kệ giải thích việc này:

539. Sư tử, Hổ, Beo, ba vị thần
Giả làm sinh vật của rừng hoang,
Vừa nghe lời trẻ thơ than khóc,
Các vị liền cất tiếng nói năng:
540. - Đừng cho trở lại vị công nương
Chiều tối sau khi kiếm thức ăn,
Sợ lũ thú hoang kia sát hại
Ở trong lãnh địa của rừng hoang.
541-542. Ví thử loài beo, hoặc hổ, sư
Sát tàn bà mẹ thật hiền từ,
Thì đâu vương tử Jà-li ấy
Cùng với Kan-hà sẽ ở nhờ?
Vậy mẹ và hai con trẻ nọ
Các ngài phải bảo vệ từ giờ.
Các vị ấy đồng ý, và vâng lệnh các thần linh hóa thành sư tử, hổ, báo nằm cạnh con đường mà nàng phải đi qua.

*

Bấy giờ Maddì tự nghĩ: "Hôm qua ta mơ thấy ác mộng. Ta phải thu lượm củ quả và về lều cho kịp giờ". Nàng run rẩy đi tìm củ quả, làm cái cuốc rơi khỏi tay nàng, cái thúng từ trên vai rớt xuống, mắt bên phải của nàng giật mạnh: Các cây đầy quả dường như chẳng có quả nào, còn cây không quả thì lại giống như đầy quả, nàng không còn biết đầu đuôi ra sao nữa. Nàng nghĩ thầm: "Có ý nghĩa gì chăng việc lạ hôm nay?".

Và nàng ngâm kệ:

543. Cuốc ta rơi xuống đất rồi,
Ta nghe mắt phải giật hoài giờ đây,

Trái cây dường chẳng có này,
Chung quanh vạn vật như quay như cuồng.
544. Khi nàng trở lại chiều hôm
Sau ngày làm việc vẹn tròn xong xuôi,
Thú hoang vẫn cứ rình hoài
Đường về nhà lúc mặt trời lặn mau.
545. Thảo am xa tận nơi đâu
Mặt trời khuất bóng chìm sâu xuống dần,
Và đây tất cả thức ăn
Cả nhà phải đợi ta mang tới rồi.
546. Nơi kia vương tử thường ngồi
Một mình một bóng trong chòi lá tranh,
Con thơ chàng phải dỗ dành,
Ta chưa trở lại, con đành đói meo.
547. Giờ đây là buổi ăn chiều,
Ôi! Ta phải khổ bao nhiêu muộn rồi!
Khát khao sữa, nước, con đòi,
Các con ta phải đợi hoài mẫu thân.
548. Trẻ thơ thường đến đón mừng,
Đứng như bê con ngóng trông mẹ bò,
Như thiên nga đậu bên hồ,
Ôi sao phải khổ thân ta thế này!
549. Con đường độc nhất là đây,
Chung quanh hang hố rẫy đầy hồ ao,
Ta không tìm thấy đường nào,
Bây giờ ta phải làm sao về nhà?
550. Các ngài chúa tể rừng già,
Ta xin các vị là vua thú rừng,
Hãy làm huynh đệ chánh chân
Để cho ta được an thân về nhà.
551. Ta là chánh hậu vương gia,
Vinh quang thái tử bị đưa đi đày,
Ta thờ chồng của ta nay
Như Si-tà trước thờ ngài Rà-ma.
552. Buổi chiều khi trở về nhà,
Các ngài lại thấy con ra đón chờ,
Như Jà-li với Kan-hà,
Xin lần nữa hãy cho ta, thưa ngài!
553. Đây dồi dào củ quả tươi,

Có nhiều thực phẩm ta mời ngài ăn,
Ta đem một nửa xin dâng,
Để cho ta được an thân về nhà.
554. Vua rừng này chính là cha,
Vương phi là mẹ, nghe ta than cùng:
Hãy làm huynh đệ chánh chân,
Để cho ta được an thân đi về.
Khi các vị thần thấy đã đến giờ để cho nàng về, liền đứng lên và chạy đi xa.

*

Bậc Đạo Sư ngâm kệ giải thích việc này:

555. Thú rừng kia đã lắng nghe
Lời nàng than khóc não nề thảm thương,
Âm thanh êm ái dịu dàng,
Chúng liền chạy mất để nàng đi ngay.
Khi bầy dã thú đã đi rồi, nàng trở về lều lá. Bây giờ là đêm trăng tròn, khi nàng vừa đến cuối lối đi có mái che, nơi nàng thường gặp các con, nay không thấy chúng đâu, nàng kêu to:

556. Trẻ thơ lấm bụi thường ngày
Vẫn ra đứng đón ta đây gần nhà
Như bê con đợi mẹ bò,
Như chim non ở trên hồ thiên nga.
557- 558. Như nai bé vểnh tai ra,
Chúng thường đi đến đón ta trên đường,
Tràn đầy hạnh phúc vui mừng
Đùa chơi chạy nhảy tưng bừng quanh ta.
Nhưng Jà-li với Kan-hà,
Hôm nay ta chẳng thấy ra đón đường.
559-560. Như sư tử cái, sơn dương,
Rời bầy con nhỏ, chim muông rời lồng,
Để mà đi kiếm thức ăn,
Ta làm cho đỡ đói lòng con ta,
Nhưng Jà-li với Kan-hà, Hôm nay ta chẳng thấy ra đón đường.

561-562. Gần nhà đây những dấu chân
Giống như loài rắn ẩn thân trên đồi,
Chúng làm những đống đất bồi
Vẫn còn nằm đó rã rời quanh ta,
Nhưng Jà-li với Kan-hà,
Hôm nay ta chẳng thấy ra đón mừng.

563. Các con thường chạy tung tăng
Phủ đầy bụi bặm đến gần mẹ đây,
Lấm lem mặt mũi bùn lầy,
Nhưng ta chẳng thấy giờ đây đứa nào.
564. Trẻ thơ thường vẫn đón chào
Mẹ mình, chúng chạy lao xao từ nhà,
Khi ta về tự rừng già,
Ta không thấy chúng đón ta giờ này.
565. Chúng thường đùa giỡn nơi đây,
Vil-va vàng vẫn rụng đầy quanh ta,
Nhưng Jà-li với Kan-hà,
Ta không thấy chúng đón ta giờ này.
566. Vú ta căng sữa đã đầy,
Tim ta như muốn vỡ ngay bây giờ,
Nhưng Jà-li với Kan-hà,
Hôm nay không thấy đón ta ở nhà.
567-568. Chúng thường bám chặt hông ta,
Mỗi con đeo một vú da tươi cười,
Chúng thường đi đón ta hoài,
Bụi dơ vào lúc nghỉ ngơi chiều tà,
Nhưng Jà-li với Kan-hà,
Hôm nay ta chẳng thấy ra đón đường.
569. Trước đây là chốn thảo am
Là nơi gặp gỡ mẹ con sum vầy,
Nhưng giờ chẳng thấy con đây,
Chốn này như thể cứ xoay vòng tròn.
570. Các con chắc đã mạng vong,
Chốn này sao quá lặng câm như vầy?
Quạ kia cũng chẳng kêu bầy
Chim kia im tiếng trên cây cả rồi!
Than khóc như vậy xong, nàng đến gần bậc Đại Sĩ và đặt thúng trái cây xuống. Thấy ngài ngồi yên lặng và không có hai con bên cạnh, nàng nói:

571. Sao chàng cứ lặng yên ngồi
Thế mà ác mộng tái hồi trong tâm:
Quạ, chim đều bặt thanh âm,
Các con chắc đã vong thân mất rồi!
572. Con đều bị bắt, chàng ôi,
Bởi loài dã thú săn mồi nào chăng?
Hay vào sâu chốn rừng hoang,

Các con đã bị lạc đường nào hay?
573. Trẻ bi bô vẫn ngủ say,
Hay là chạy việc đâu đây trên đường?
Hay là quanh quẩn lang thang
Chơi đùa thỏa thích không màng gần xa?
574. Thiếp không thấy bóng trẻ nhà,
Tay chân mặt mũi cùng là tóc tai,
Hay là chim chụp mất người?
Kẻ nào mang chúng đi rồi phải chăng?
Nghe vậy, bậc Đại Sĩ vẫn không đáp lại. Sau đó nàng hỏi:

- Này phu quân, sao chàng không nói gì với thiếp? Thiếp có lỗi gì chăng?

Và nàng ngâm kệ:

575. Giống như tên bắn bị thương,
Và còn đau xót muôn vàn hơn xa,
Nhưng Jà-li với Kan-hà,
Thiếp không thấy chúng ở nhà hôm nay.
576. Đây là thương tích thứ hai
Mà chàng đâm thiếp xuyên ngay vào lòng:
Thiếp không nhìn thấy các con
Nhưng chàng lại chẳng nói năng một lời.
577. Vậy thì vương tử, chàng ôi!
Đêm nay chàng chẳng đáp lời thiếp chăng?
Thiếp xem đời thiếp đã xong,
Rồi chàng sẽ thấy thiếp vong thân mà.
Bậc Đại Sĩ nghĩ rằng ngài sẽ làm dịu nỗi đau đớn của mình vì các con bằng cách nói năng gay gắt, nên ngài ngâm vần kệ:

578. Mad-dì, công chúa vương gia,
Vinh danh nàng quả thật là lớn thay,
Đi tìm thực phẩm sáng nay,
Cớ sao trở lại giờ đây muộn màng?
Nàng đáp:

579. Nghe chăng sư, hổ, hỡi chàng,
Chúng vừa gầm thét vọng vang nãy giờ,
Trong khi giải khát bên hồ,
Chúng vừa đứng đó trên bờ, biết chăng?
580. Thiếp đang rảo bước rừng hoang,
Bỗng nhiên dấu hiệu rõ ràng hiện ra:
Cuốc từ tay thiếp rơi xa,

Thúng kia từ cánh tay đà rớt luôn.
581. Trong lòng hoảng sợ, đau thương,
Thiếp liền quỳ lạy tứ phương lần lần:
Mong sao mọi sự bình an,
Đôi tay của thiếp thẳng dang nguyện cầu:
582. Không loài sư tử, beo nào,
Sói lang, linh cẩu, gấu đâu tìm mồi
Cướp đi, xé xác con trai,
Hay là con gái của tôi, bây giờ.
583. Con beo và cả hổ, sư,
Cả ba dã thú nằm chờ đằng xa,
Cản đường của thiếp về nhà,
Cho nên thiếp phải dần dà tới khuya.
Bậc Đại Sĩ chỉ nói bấy nhiêu lời với nàng từ đó cho đến tảng sáng. Vì thế nàng Maddì lại than vãn thật lâu:

584. Phu quân và các con thơ,
Thiếp thường tận tụy chăm lo đêm ngày
Như trò săn sóc ông thầy,
Khi trò cố gắng không sai đạo trời.
585. Tấm thân thiếp khoác da nai,
Quả rừng đem lại từ đồi núi xanh,
Suốt ngày dài với đêm thanh
Chỉ mong chàng được lợi hành tiện nghi.
586. Cho chàng và các ấu nhi

Vil-va vàng, quả đúng thì ngọt ngon, Và nhiều trái chín rừng hoang Để chơi cùng với các con vui nhà.

587. Củ sen và đám ngó tơ
Có màu óng ánh vàng mơ nhẹ nhàng,
Hãy chơi cùng các con chàng
Và này vương tử, ăn phần chàng đi.
588. Cho con gái súng trắng kia,
Sen xanh để tặng Jà-li của chàng,
Rồi xem chúng múa ca vang,
Vòng hoa tô điểm, xin chàng gọi ngay!
589. Đại vương ơi, hỡi lắng tai,
Âm thanh thích thú tuyệt vời biết bao,
Kan-hà hát thật ngọt ngào,
Và con đang bước chân vào lều ta.

590. Từ khi bị đuổi đày xa,
Buồn vui chàng thiếp chung hòa với nhau.
Ôi, chàng hãy trả lời mau,
Kan-hà, Jà-li, thấy đâu hỡi chàng?
591-592. Hẳn bao nhiêu vị đạo nhân
Thiếp đà xúc phạm lỗi lầm nặng sao,
Các ngài đức hạnh thanh cao
Trí đầy kiến thức nhiệm mầu sâu xa,
Nên Jà-li với Kan-hà
Thiếp không còn thấy ở nhà hôm nay!
Nghe nàng than thở như vậy, bậc Đại Sĩ vẫn không đáp một lời. Vì ngài không nói gì, nàng run rẩy đi tìm các con dưới ánh trăng, ở những nơi chúng thường chơi đùa, dưới các cây hồng đào và cả những nơi chúng không đến, nàng vừa tìm chúng vừa khóc than:

593. Khóm cây đào đỏ thắm này
La đà vẫn mọc bủa vây quanh hồ,
Muôn loài cây quả rừng già,
Nhưng không còn thấy con ta bây giờ.
594. Cây sung, cây mít, đa to,
Mọi loài cây khác chen đua mọc dần,
Ồ, bao cây quả trong rừng,
Nhưng bầy con trẻ lại không thấy giờ.
595. Đứng kia như một vườn hoa,

Và kìa suối mát trôi qua lặng lờ, Nơi xưa chúng vẫn chơi đùa, Nhưng nay không có trẻ thơ nữa rồi.

596. Trái cây xưa chúng ăn hoài,
Bông hoa chúng vẫn thường cài tóc tai,
Mọc đằng xa ở trên đồi,
Con thơ vắng bóng ở nơi đó kìa.
597. Các đồ chơi bé tí ti,
Chúng thường đùa giỡn là kia cả rồi:
Bầy bò, bầy ngựa, bầy voi,
Con thơ không thấy ở nơi chốn nào.
598. Đây nhiều thỏ đế, cú mèo,
Nai đen cùng với hươu sao cả bầy,
Các con đùa giỡn thường ngày,
Nhưng không còn thấy chúng đây nữa rồi.
599. Bầy công xòe cánh đẹp tươi,
Kìa bầy cò diệc, ngỗng trời thiên nga,

Các con thường vẫn chơi đùa,
Nhưng không thấy bóng trẻ thơ đây mà!
Không nhìn thấy các con thân yêu trong lều tranh, nàng đi vào khóm cây hoa vừa tìm chúng quanh quẩn, vừa ngâm kệ:

600. Này đây các khóm rừng già
Với muôn hoa lá nở ra theo mùa,
Nơi con thơ vẫn chơi đùa,
Nhưng không còn chúng bây giờ ở đây.
601-602. Các hồ khả ái lắng tai
Khi đàn ngỗng đỏ gọi dài âm thanh.
Biết bao sen trắng sen xanh,
Và nhiều cây mọc như cành san hô,
Nơi con thơ vẫn chơi đùa,
Nhưng không còn chúng bây giờ ở đây.
Nhưng nàng cũng không thấy các con đâu cả. Rồi trở lại bên bậc Đại Sĩ, nàng thấy ngài ngồi cúi mặt xuống, nàng bảo:

603. Củi chàng không bổ ban ngày,
Lửa chàng không đốt tối nay trong nhà,
Nước không xách đến như xưa,
Sao chàng ngồi đó thẫn thờ thong dong?
604. Khi công việc mới vừa xong,
Thiếp liền vội vã ước mong về nhà,
Nhưng Jà-li với Kan-hà
Thiếp không thấy chúng nô đùa hôm nay.
Nhưng bậc Đại Sĩ vẫn ngồi im lặng, và nàng đau khổ vì sự im lặng ấy, nên run rẩy như con chim bị thương, nàng lại đi quanh những nơi nàng đã tìm kiếm trước kia, rồi trở về nói:

605. Hỡi phu quân, thiếp chẳng hay
Vì ai tạo cái chết này cho con,
Chính bầy quạ chẳng kêu vang,
Chính bầy chim cũng lặng câm bây giờ.
Bậc Đại Sĩ vẫn không nới lời nào. Còn nàng nóng lòng đi tìm con, lần thứ ba trở lại tìm con ở những nơi nàng đã tìm, nàng chạy nhanh như gió. Trong một đêm nàng đã đi qua một khoảng đường tìm con dài mươi lăm dặm. Rồi bóng đêm nhường chỗ cho ánh bình minh, vừa lúc rạngđông, nàng lại đến trước bậc Đại Sĩ và đứng than khóc.

*

Bậc Đạo Sư giải thích việc này:

606. Khi nàng vội vã băng qua

Đi tìm khắp chốn rừng già, núi non,
Trở về bên cạnh phu quân,
Nàng liền đứng lại khóc than từng hồi:
607. - Hang sâu, rừng thẳm, lưng đồi,
Thiếp không thể thấy bóng người giết con,
Chính bầy quạ chẳng kêu vang,
Chính bầy chim cũng lặng câm cả rồi.
608. Mad-dì, vương hậu cao ngôi,
Công nương quý tộc buông lời khóc than,
Với đôi tay ấy vừa dang,
Nàng liền ngã xuống đất bằng mê man.
*

- Ôi nàng đã chết!

Bậc Đại Sĩ run rẩy nghĩ thầm: "Ôi, đây không phải là nơi để cho Maddì chết! Nếu nàng chết ở thành Jetuttara, thì tang lễ sẽ linh đình biết bao, vì cả hai vương quốc đều chấn động. Nhưng ở đây ta chỉ một mình trong rừng, ta biết làm gì bây giờ?". Nỗi lo âu tràn ngập lòng ngài, rồi cố trấn tĩnh đôi chút, ngài quyết định làm hết sức mình.

Ngài đứng lên đặt tay trên ngực nàng, và thấy nó vẫn còn ấm, ngài liền lấy nước trong bình đến, và mặc dù bảy tháng qua ngài không đụng chạm thân nàng, nay gặp lúc nguy khốn, ngài không thể giữ giới khổ hạnh, mà nước mắt tuôn tràn, ngài nâng đầu nàng lên đặt trên lòng mình, rảy nước và xoa bóp mặt nàng cùng ngực nàng trong lúc ngài ngồi đó.

Một lát sau, Maddì tỉnh dậy, bối rối vừa đứng lên, vừa kính lễ bậc Đại Sĩ và hỏi:

- Tâu Chúa thượng Vessantara, các con đi đâu rồi?

Ngài đáp:

- Ta đã đem chúng cho một Bà-la-môn nọ.

*

Bậc Đạo Sư giải thích việc này như sau:

609. Ngài liền rảy nước cho nàng
Trong khi nàng ngã mê man lịm dần;
Vừa khi nàng mới tỉnh hồn,
Ngài liền cất tiếng khuyên lơn vỗ về.
Nàng hỏi ngài:

- Này phu quân, nếu chàng đem hai con cho một Bà-la-môn, tại sao chàng để thiếp than khóc đi tìm quanh quẩn suốt đêm mà không nói một lời?

Bậc Đại Sĩ đáp lại:

610-611. Ta không thể nói tức thì
Vì ta không muốn hiền phi đau buồn.
Một người già yếu, đạo nhân,
Đến đây xin được cầu ân đó mà,
Ta đem bố thí con thơ,
Mad-dì đừng sợ, thở vô ra liền!
612. Xin nàng đừng quá ưu phiền,
Xin nàng ngước mắt nhìn lên ta này.
Ta đem con trẻ về ngay,
Rồi ta hạnh phúc sum vầy biết bao.
613. Thiện nhân được hỏi liền giao
Các con, thóc lúa, bò trâu, bạc vàng;
Mad-dì, xin hãy hân hoan
Không gì hơn lễ cúng dường các con.
Mad-dì đáp lại:

614. Thiếp nay quả thật hân hoan
Không gì hơn lễ cúng dường các con,
Nhờ đây tâm trí bình an,
Xin chàng cứ mãi phát ban cúng dường.
615. Vì chàng là vị Đại vương
Của Si-vi, cả giang sơn oai hùng,
Giữa đời ích kỷ nhân quần,
Riêng chàng bố thí phát phân rộng lòng.
Nghe vậy, bậc Đại Sĩ đáp:

- Tại sao nàng nói thế, Maddì? Nếu ta đã không thể giữ tâm thanh thản khi bố thí các con, thì những việc thần kỳ hy hữu kia đã không xảy ra.

Rồi ngài kể cho nàng nghe tất cả các cơn địa chấn cùng các sự kiện khác. Thế là Maddì hân hoan diễn tả các việc thần kỳ ấy như sau:

616. Đất bằng đã phải chuyển rung
Âm thanh tràn ngập mọi tầng trời cao.
Chớp loè sáng chói biết bao,
Sấm rền vang vọng đồi cao bấy giờ.
617. Nà-ra-da với Pab-ba,
Cả hai hiền sĩ cùng hòa niềm vui,
Mọi Thiên thần cõi Ba mươi,
Ind-ra Thiên chủ cùng ngài Phạm thiên,
618. Vua So-ma ở cõi tiên
Cùng ngài Diêm chúa ở miền Dạ-ma,

Thiên vương Ves-sa-va-na
Khi nghe tiếng vọng, đồng hòa niềm vui.
619. Mad-dì, công chúa cao ngôi
Vương phi quí tộc dần vơi nỗi buồn,
Cùng ngài tràn ngập hân hoan:
Không gì hơn lễ cúng dường các con.
Bậc Đại Sĩ mô tả việc bố thí của ngài như vậy và Maddì cũng lập lại chuyện ấy, công nhận ngài đã ban một thí vật cao quí. Nàng ngồi đó hoan hỷ về việc bố thí kia.

*

Vào dịp này, bậc Đạo Sư ngâm lại vần kệ:

620. Mad-dì, công chúa cao ngôi Vương phi quí tộc dần vơi nỗi buồn

Cùng ngài tràn ngập hân hoan: Không gì hơn lễ cúng dường các con.

Đến đây chấm dứt Chuyện Maddì (Maddìpabbam).

*

V. SAKKA THIÊN CHỦ XUẤT HIỆN

Trong lúc hai vị đàm đạo cùng nhau như thế, Sakka Thiên chủ suy nghĩ: "Hôm qua vua Vessantara đã cho Jùjaka cả hai con mình, nên quả đất đã rung động. Bây giờ giả sử một kẻ xấu xa nào khác xuất hiện và xin ngài chính nàng Maddì, bậc đức hạnh vô song ấy, rồi đem nàng đi, để vua ở lại một mình, ngài sẽ bơ vơ khổ sở. Thôi được, thế thì ta sẽ giả dạng một Bà-la-môn đến xin Maddì. Như thế ta sẽ có thể giúp ngài đạt công hạnh tối thượng và do vậy nàng không thể bị đem cho bất cứ ai khác, rồi ta sẽ trả nàng về."

Vậy là vào lúc rạng đông, Thiên chủ Sakka đến gặp ngài.

Bậc Đạo Sư giải thích việc này như sau.

621. Vậy khi đêm đã dần tàn,
Và trời vừa mới tinh sương sáng dần,
Sak-ka giả dạng đạo nhân
Lên đường thật sớm đến thăm thảo đường:
622. - Ta tin rằng, hỡi Thánh nhân,
Ngài thường thịnh vượng, an khương mọi bề
Với bao thóc lúa thu về,
Và bao củ, quả tràn trề ẩn am.
623. Ngài nay có bị phiền lòng
Vì loài rắn rít, bọ ong quấy hoài,
Hoặc bầy dã thú tìm mồi,
Chẳng hay ngài tránh mọi loài được chăng?
Bậc Đại Sĩ đáp:

624. Cám ơn ông, hỡi đạo nhân,
Ta nay thịnh vượng an khương mọi bề
Với bao thóc lúa thu về,
Và bao củ, quả tràn trề ẩn am.
625. Ta không phải chịu phiền lòng
Vì loài rắn rít, bọ ong quấy hoài,
Hoặc bầy dã thú tìm mồi,
Ta đây tránh được mọi loài, bình an.
626. Sống đây đã bảy tháng trường,
Và ông là vị đạo nhân thứ nhì
Cầm cây gậy ở tay kia,
Để đi vào chốn rừng già thảo am.
627. Kính chào ông, hỡi đạo nhân,
Mừng duyên hạnh ngộ đưa đường đến đây.
Hãy vào, chúc phúc cầu may,
Bước vào và rửa chân tay, ta mời.
628. Pi-yal, tin-dook lá tươi,
Kà-su-mà quả ngọt bùi thơm ngon,
Trái cây như thể mật ong
Chọn ngay hạng nhất, La-môn, ăn nào.
629. Nước này lấy tự hang sâu
Ẩn mình dưới ngọn đồi cao trong rừng.
Xin mời, hỡi bậc Thánh nhân,
Uống vào cho thỏa tấm lòng ước ao.
Trong khi hai vị đàm đạo vui vẻ như vậy, ngài hỏi lý do vị kia đến đây:

630. Bây giờ vì lý do nào
Hoặc duyên cớ dẫn ông vào đường đây,
Vì sao ông kiếm rừng cây,
Ta xin ông giải điều này cho hay.
Thiên chủ đáp:

- Tâu Đại vương, thần già rồi, nhưng thần đến đây xin ngài ban cho thần Vương hậu Maddì. Mong ngài ban nàng cho thần.

Và Thiên chủ ngâm vần kệ này:

631. Giống như hồng thủy ngập đầy
Và không hề có một ngày nào vơi,
Đại vương thần đến van nài
Xin ban Vương hậu của ngài, thần mong.

Nghe vậy, bậc Đại Sĩ không đáp: "Hôm qua ta đã cho một Bà-la-môn cả hai con ta rồi. Nay làm sao ta cho ông nàng Maddì để rồi phải ở lại một mình trong rừng hoang?" Không, ngài như thể đang cầm cái túi đựng một ngàn đồng tiền trong tay: bình thản, không tham luyến, không chút vướng mắc trong tâm tư, ngài làm cho núi rừng vang dội với lời kệ này:

632. Nhọc lòng, ta chẳng giấu ông, Tuy nhiên trong nỗi khổ lòng riêng tư,

Phát ban, ta chẳng chần chừ Vì lòng hoan hỷ đến từ phát ban.

Nói lời này xong, ngài nhanh chóng lấy nước trong bình ra đổ lên tay rồi trao Maddì cho vị Bà-la- môn. Ngay lúc ấy, mọi việc thần kỳ đã xảy ra trước kia lại được nghe thấy lần nữa.

*

Bậc Đạo Sư giải thích việc này như sau:

633. Thế rồi bình nước vừa nâng,
Si-vi quốc độ Đại vương thuở nào
Đem Mad-dì ấy liền trao
Bà-la-môn nọ thẳng vào tay kia.
634. Kinh hoàng xảy đến tức thì,
Đất dày chuyển động ngay khi ấy liền,
Ngài đem trao tặng vợ hiền
Mad-dì cho khách viếng miền thảo am.
635. Mad-dì chẳng chút mày nhăn,
Nàng không khó chịu, khóc than bây giờ.
Lặng yên nhìn, dạ suy tư:
"Hẳn chàng biết rõ lý do đâu là".
636. Cả Jà-li lẫn Kan-hà
Ta đem cho một lão Bà-la-môn,
Và Mad-dì, vợ keo sơn,
Chỉ vì Tuệ Giác cao hơn cả mà.
637. Vợ hiền ta chẳng xấu xa,
Và hai đứa trẻ con nhà cũng không.
Nhưng vì Tuệ Giác viên thông
Với tâm ta, thật bội phần thiết thân.
Lúc ấy bậc Đại Sĩ nhìn lên mặt Mad-dì để xem nàng có thái độ thế nào, thì nàng liền hỏi ngài tại sao nhìn nàng như thế và thét to với giọng sư tử hống các lời kệ sau:

638. Vợ chàng từ thuở thanh xuân,
Chính chàng là chủ nhân ông suốt đời,
Tùy chàng muốn bán cho ai,
Biếu không, hoặc giết thân tôi tớ nhà.

Lúc ấy Thiên chủ Sakka nhận thấy quyết định tối cao của nàng, liền ca ngợi nàng hết lời.

*

Bậc Đạo Sư giải thích việc này như sau:

639. Đáp lời, khi ấy Sak-ka
Thấy bao nguyện ước nàng vừa hướng tâm:
- Mọi điều chướng ngại dẹp xong
Ở trên trời lẫn ở trong nhân quần.
640. Đất bằng đã phải chuyển rung,
Âm thanh tràn ngập mọi tầng trời cao,
Chớp loè sáng chói biết bao,
Sấm rền vang vọng đồi cao bấy giờ.
641. Na-ra-da với Pab-ba
Cả hai hiền sĩ cùng hòa niềm vui,
Mọi Thiên thần cõi Ba mươi
Hoan nghênh thành tích tuyệt vời khó khăn.
642. Khó làm như các thiện nhân,
Phát ban như bậc chánh chân vẫn làm.
Ác nhân khó thể theo gương
Cuộc đời mà bậc thiện lương sống hoài.
643. Vậy khi thiện, ác lìa đời,
Giã từ cuộc sống ở nơi phàm trần,
Ác nhân vào ngục hạ tầng,
Thiện nhân đến cõi Thiên thần tái sinh.
644. Cỗ Xe này thật Cao minh:
Cả thê nhi được hi sinh cúng dường,
Nên không còn đọa bước đường,
Việc này mang phước quả trong cõi trời.
Khi Thiên chủ Sakka bày tỏ sự tán đồng như vậy xong, ngài nghĩ: "Bây giờ ta không được trì hỗn nữa, mà phải trao trả lại nàng và ra đi". Rồi ngài ngâm kệ:

645. Nay ta trả lại cho ngài
Mad-dì hiền phụ tuyệt vời đẹp xinh.
Xứng đôi vừa lứa duyên tình,
Sống đời hòa hợp an bình tối cao.
646. Như dây ràng buộc nhiệm mầu,
Như là cá nước gặp nhau lạ gì,
Cũng vầy ngài với Mad-dì
Đồng tâm hòa hợp phu thê sắt cầm.

647-648. Cả hai đồng đẳng giống dòng,

Đôi bên cha mẹ cũng đồng gia môn,
Nơi đây trong chốn thảo am
Các ngài chung sống rừng hoang một mình,
Để rồi tiếp tục làm lành
Ở ngay trong chốn rừng xanh là nhà.
Nói vậy xong, ngài tiếp tục ban một điều ước:

649. Ta là Thiên chủ Sak-ka
Đến đây thăm viếng ngôi nhà Hiền nhân,
Chọn ngay điều ước, Minh quân,
Ta ban tám ước nguyện phần Hiền vương.
Ngài vừa nói, vừa bay lên không, sáng ngời như ánh chiêu dương. Lúc ấy, Bồ-tát chọn các điều ước qua các vần kệ:

650-651. Sak-ka, Chúa tể Thiên nhân
Khắp trần gian đã ban phần thưởng ta,
Mong vương phụ chóng giải hòa,
Mong ngài hãy sớm gọi ta về nhà,
Cho ta bảo tọa vương gia,
Đầu tiên nguyện ước mong ta đạt thành.
652. Ta không kết án tử hình,
Dù ai có phạm tội tình ra sao,
Mong ta cứu tử người nào
Bị tù đày, ấy nguyện cầu thứ hai.
653. Mong toàn dân chúng mọi người
Khi cần giúp đỡ đến nơi ta liền,
Trẻ già, lớn bé, trung niên,
Và đây là chính ước nguyền thứ ba.
654. Ta không tìm vợ người ta,
Chỉ vừa lòng với vợ nhà thiết thân,
Không chìu theo ý nữ nhân,
Thứ tư ước nguyện ta mong mỏi hoài.
655. Sak-ka, Thiên chủ, xin ngài
Ban cho quý tử sống đời dài lâu,
Chánh chân chinh phục toàn cầu,
Thứ năm nguyện ước ân sâu xin ngài.
656. Mỗi khi vừa hết đêm dài, Vầng đông vừa hé, ban mai tiếp liền, Mong sao thực phẩm thần tiên

Cũng vừa xuất hiện, ước nguyền sáu đây.

657. Mong sao thí vật đủ đầy
Ta luôn ban phát rộng tay không ngừng
Với lòng sung sướng hân hoan
Đây nguyền thứ bảy ta mong ước hoài.
658. Mong ta thẳng tiến lên trời,
Tự do, giải thoát khỏi nơi nhân quần,
Không còn sinh cõi phàm trần,
Đây nguyền thứ tám ta mong cầu ngài.
659. Sak-ka, Thiên chủ cõi trời,
Đã nghe ngài nói, đáp lời như sau:
- Phụ vương ngài chẳng bao lâu
Sẽ mong gặp mặt con, dâu tái hồi.
Vừa nói lời này xong, Sak-ka trở về cõi của ngài.

*

Bậc Đạo Sư giải thích việc này qua vần kệ:

660. Sak-ka, Thiên chủ hùng oai,
Su-ja phu tướng [*], nói lời này xong,
Sau khi ban đủ đặc ân,
Trở về thẳng cõi Thiên thần trú an.
Đến đây chấm dứt Chuyện Sakka Thiên chủ (Sakka-pabbam).

[*] Sujampati: phu quân của nàng Suja, một danh hiệu của Thiên chủ Sakka.

*

VI. ĐOẠN KẾT: Đại vương đi đón Thái tử

Bấy giờ Bồ-tát và Maddì sống hạnh phúc cùng nhau trong thảo am mà Thiên chủ Sakka đã ban hai vị. Còn Jùjaka cùng đôi trẻ tiếp tục cuộc hành trình dài sáu mươi dặm.

Các thần linh vẫn chăm sóc đôi trẻ. Mỗi khi mặt trời lặn, Jùjaka thường lấy cây liễu gai buộc chúng lại và để chúng nằm trên mặt đất, còn chính lão lại sợ thú dữ nên trèo lên cây ngồi giữa các cành chĩa ba.

Rồi một vị thần giả dạng Vessantara và một nữ thần giả dạng Maddì đến với đôi trẻ, mở dây cho chúng được tự do, xoa bóp tay chân, tắm rửa, mặc quần áo cho chúng. Rồi họ cho chúng ăn và ngủ trên chiếc giường thần tiên. Đến lúc rạng đông, họ lại đặt chúng nằm trong dây trói và biến mất. Như vậy do sự giúp đỡ của thần linh nên đôi trẻ đi đường không bị thương tích gì.

Jùjaka cũng được các vị thần dẫn đường, vì thế lão dự định đi đến vương quốc Kalinga, nhưng trong vòng mười lăm ngày, lão đến kinh thành Jetuttara.

Cùng đêm ấy, vua Sañjaya của nước Si-vi nằm mộng một giấc mơ như vầy:

Trong khi ngài đang dự một buổi triều kiến quan trọng có người đến dâng ngài hai đóa hoa. Ngài đeo chúng vào mỗi bên tai và phấn hoa rơi xuống ngực ngài.

Sáng hôm sau ngài thức dậy và hỏi các Bà-la-môn ý nghĩa giấc mơ ấy. Các vị đáp:

- Tâu Đại vương, các thân vương của ngài xa cách đã lâu nay sắp trở về. Thế là sáng hôm sau, khi đã thọ hưởng đủ thứ cao lương mỹ vị, ngài ngự ra thiết triều, các vị thần nọ đưa lão Bà-la-môn này đến đặt lão trước sân chầu của cung điện. Trong chốc lát, vua nhìn thấy đôi trẻ và hỏi:

661. Mặt ai đây chiếu ánh vàng
Khác nào lửa đốt khô rang nóng bừng,
Giống như mặt chiếc vòng vàng
Nung trong ngọn đuốc héo tàn cả thôi?
662. Cả hai đều giống dáng người
Đây là đôi trẻ nhà ai thế này?
Kìa Jà-li giống cậu trai,
Kan-hà, cô gái chẳng sai chút gì.
663. Giống như sư tử thiếu nhi
Mới từ hang núi bước đi xuống đường.
Giống nhau như thể đúc khuôn,
Khác nào các bức tượng vàng đứng kia.
Sau khi khen ngợi chúng như thế qua ba vần kệ, vua phái một vị triều thần đến gặp chúng và bảo đem chúng vào cho ngài. Vị ấy nhanh chóng mang chúng vào và vua hỏi lão Bà-la-môn:

664. Hiền nhân Bhà-rad-và-ja, Từ đâu đem lũ trẻ thơ đến vầy, Hãy mau nói rõ ta hay.

Jùjaka đáp:

665. Muôn tâu, nửa tháng trước đây có người Đã đem lũ trẻ cho tôi, Hân hoan về việc làm người ban ân.

Vua hỏi:

666. Nhờ tài dịu ngọt nói năng, Hay lời chân thật khiến ông được lòng

Từ đâu có các nhi đồng, Thí tài đệ nhất tôn ông nhận vầy?

Jùjaka đáp:

667. Ves-san-ta Đại vương này
Sống trong rừng thẳm lâu ngày ẩn thân,
Cho làm nô lệ, gia nhân,
Ngài như đất mẹ rộng lòng phát ban.
668. Ves-san-ta, chính Đại vương
Cho tôi con ruột làm thân tôi đòi.

Mọi người cầu phúc đến ngài
Như muôn sông đổ biển khơi ngàn trùng.
Nghe vậy, các triều thần chê bai Vessantara:

669. Khi còn ở tại vương cung
Làm điều sai trái minh quân chẳng hề.
Sao còn cho cả thiếu nhi,
Khi ngài đã bị đuổi đi vào rừng?
670. Hãy nghe ta, cả quần thần,
Thảy đang tề tựu ở trong cung đình
Sao vua ban chính con mình
Để hầu hạ một gia đình khác kia?
671. Cứ ban nô lệ, nữ tỳ,
Ngựa, la, và cả cỗ xe để ngồi,
Hoặc là cho cả bầy voi,
Nhưng sao cho chính cả hai con ngài?
Nhưng cậu bé nghe vậy, không chịu nhận lỗi của cha mình, mà vung tay lên như thể nâng lấy núi Sineru (Tu-di) bị cuồng phong đánh ngã, và cậu ngâm vần kệ này:

672. Làm sao có thể cho ai
Khi không có chút gia tài đất đai,
Ngựa, la và cả bầy voi
Cỗ xe, tỳ nữ, tôi đòi cũng không?
Vua đáp:

673. Ông khen cha cháu ban ân,
Không lời chê trách lỗi lầm gì đâu,
Nhưng lòng vương phụ thế nào,
Khi cha trao các con vào tay kia?
Cậu bé đáp:

674. Lòng ngài nặng trĩu sầu bi,
Lòng nung nấu chẳng khác chi lửa nồng.
Mắt ngầu đỏ tựa cá hồng,
Tuôn rơi lệ thảm đôi dòng xuống chân.
Lúc ấy, Kanhàjinà lại nói:

675. Ông ơi, xem lão La-môn
Cứ ưa đánh đập lưng con mãi hoài
Với dây leo nọ, liễu gai,
Giống như nô lệ tôi đòi xuất thân.
676-677. Lão này không phải đạo nhân,
Vì đạo nhân phải chánh chân mới là.

Lão này đội lốt quỷ ma
Dẫn đi ăn thịt cả nhà trẻ con.
Sao đành nhìn cháu đích tôn
Bị lôi đi thật ác ôn bạo tàn?
Vua thấy lão Bà-la-môn không để cho chúng đi, liền ngâm kệ:

678. Các con: vương tử, công nương,
Mẹ cha là chính quốc vương nước này,
Xưa thường đeo sát sườn đây,
Sao bây giờ đứng như vầy xa xa?
Cậu trai đáp:

679. Chúng con dòng dõi vương gia,
Quốc vương là chính mẹ cha song toàn,
Nhưng nay nô lệ đạo nhân,
Cho nên con đứng trông chừng xa xa.
Vua đáp:

680. Cháu yêu, đừng nói vậy mà,
Nóng như thiêu đốt, lòng ta khô cằn,
Thân ta như lửa cháy bừng,
Đứng ngồi quá thật bất an bây giờ.
681. Cháu yêu, đứng nói vậy mà,
Cháu làm ông thật xót xa buồn rầu,
Ông mua cháu với giá nào
Thoát thân nô lệ, hãy mau cháu à.
682. Nói cho ông rõ thật thà,
Rồi ông sẽ trả cho Bà-la-môn
Giá nào cha đã định phần,
Khi cha đem cháu ban ân cúng dường?
Cậu bé đáp:

683. Một ngàn đồng giá của con,
Phần em con muốn thoát thân nô tỳ,
Trăm voi và mọi thứ kia,
Một trăm mỗi thứ cha đà định luôn.
Vua ra lệnh trả giá chuộc hai cháu:

684-685. Cận thần, mau trả đạo nhân
Đúng theo giá được định phần cháu ta.
Một trăm nam nữ gia nô,
Một trăm voi với đàn bò trăm con,
Một trăm con ngựa trong chuồng,

Một ngàn đồng chẵn tiền vàng đúng cân.
686-687. Cận thần liền trả đạo nhân
Ngay khi giá được định phần rõ ra:
Một trăm nam nữ gia nô,
Một trăm voi với đàn bò trăm con,
Một trăm con ngựa trong chuồng,
Một ngàn đồng chẵn tiền vàng đúng cân.
Sau đó vua ban lão một cung thất bảy tầng, lão Bà-la-môn được đại vinh hiển. Lão đem cất mọi thứ tài sản, rồi đi vào cung, đặt mình xuống tọa sàng sang trọng và hưởng cao lương mỹ vị.

Khi đôi trẻ được đem đi tắm rửa, ăn uống và mặc áo quần xong, tổ phụ liền ôm vào lòng một cháu, và tổ mẫu ôm một cháu.

*

Bậc Đạo Sư giải thích việc này:

688. Chuộc xong, trẻ được tắm ngay,
Uống ăn, trang điểm và thay áo quần.
Được ông bà bế vào lòng,
Quốc vương cất tiếng hỏi han ân cần:
689.- Ta tin rằng phụ mẫu thân
Thảy đều thịnh vượng, an khương mọi bề
Với bao thóc lúa thu về,
Và bao củ quả tràn trề thảo am.
690. Song thân con có phiền lòng
Vì loài rắn rít, bọ ong quấy hoài,
Hay bầy dã thú tìm mồi,
Song thân có tránh mọi loài được chăng?
Cậu bé đáp:

691. Cám ơn ông, tổ phụ vương,
Song thân thịnh vượng, an khương mọi bề,
Với bao thóc lúa thu về
Và bao củ quả tràn trề thảo am.
692. Song thân không bị phiền lòng
Vì loài rắn rít, bọ ong quấy hoài,
Hoặc bầy dã thú tìm mồi,
Song thân tránh được mọi loài, bình an.
693. Mẹ đào củ cải, hành hoang,
Mẹ tìm cỏ thuốc, rau thơm, bạc hà,
Táo và hạt dẻ, Vil-va,

Mẹ thường hái để cả nhà ăn luôn.
694. Và khi nào mẹ cưu mang
Dù là củ quả rừng hoang loại gì,
Cả nhà đều đến tựu tề,
Và cùng ăn uống no nê đêm ngày.
695. Mẹ con vàng võ, ốm gầy,
Bởi vì vất vả suốt ngày kiếm ăn,
Dãi dầu mưa nắng gió sương
Ở trong rừng rậm thú hoang trú nhiều.
696. Như hoa sen thật yêu kiều
Ở trong tay nọ tiêu điều xác xơ.
Tóc bà chỉ mọc lơ thơ
Vì lang thang giữa rừng già trống trơn.
697. Dưới tay bám đất từng hòn,
Tóc bà buộc chặt từng chòm phía trên.
Bà chăm nom ngọn lửa thiêng,
Đắp nhiều da thú nằm trên đất dày.
Sau khi miêu tả mọi nỗi gian lao nhọc nhằn của mẹ mình như vậy, cậu bé trách móc ông nội qua các lời kệ này:

698. Thói thường ở thế gian này,
Mọi người yêu quí con trai trong nhà,
Nhưng trừ trường hợp này ra
Hình như tổ phụ bỏ ra việc này.
Vua liền công nhận lỗi của mình:

699. Việc này ta thật trái sai,
Hại người vô tội tàn đời rừng hoang,
Khi nghe lời của thần dân,
Ta đành đày ải con thân trong nhà.
700. Vậy thì tài sản của ta,
Những gì ta có bây giờ trong tay
Thuộc quyền sở hữu con trai,
Ves-san-ta hãy đến ngay trị vì
Trên toàn đất nước Si-vi.
Cậu bé đáp:

701. Không vì lời của ấu nhi vừa rồi,
Mà vương phụ sẽ tái hồi,
Tâu ngài tổ phụ cao ngôi nước mình,
Vậy xin ngài tự thân hành

Ban con trai đủ ân lành từ tay.
Vua Sañjaya liền ra lệnh cho vị đại tướng như sau:

702. Cỗ xe bầy ngựa đi ngay
Bầy voi và bộ binh nay sẵn sàng,
Thần dân hãy đến quanh vùng,
Tế sư tất cả đi cùng chỗ kia.
703. Sáu mươi ngàn tướng lãnh ta
Giáo gươm tô điểm thật là xinh sao,
Giáp bào xanh,trắng hoặc nâu,
Mão cao đỏ tựa máu đào, đến kia.
704. Giống như đồi lắm quỉ ma,
Nơi ngàn cây mọc chen đua thẳng hàng,
Sáng ngời, thơm ngát dịu dàng
Với cây thần, gió nhẹ nhàng tới lui.
705. Hãy đem mười bốn ngàn voi Trang hoàng toàn thể cân đai bằng vàng, Bọn nài voi giáo liềm mang

Cùng nhiều bầy ngựa, ta ban lệnh này.

706. Ngựa Sindh toàn thể cả bầy,
Giống nòi cao quý vẫn hay tốc hành,
Mỗi con chở một kỵ binh
Hiên ngang cung kiếm bên mình sẵn mang.
707. Cỗ xe một vạn bốn ngàn
Điểm tô thật đẹp yên cương đủ đầy,
Bánh làm sắt rất khéo thay,
Dát vàng toàn thể thắng ngay cả đoàn.
708. Phướng, cờ chuẩn bị sẵn sàng,
Giáp bào, khiên mộc vai mang xuất hành,
Cung tên đầy đủ bên mình
Những người chiến sĩ giao tranh không sờn.
Vua phác họa việc thành lập đạo binh của ngài như vậy xong, rồi ra lệnh san bằng đường sá từ thành Jetuttara đến núi Vamka có chiều rộng tám sào, và trang hoàng đường ấy theo cách này cách nọ như sau. Ngài bảo:

709. Hoa là-ja trải khắp đường
Những tràng hoa đẹp ngát hương dăng màn,
Hãy đem lễ vật cúng dường
Đặt ngay trên lối quân vương du hành.
710. Hãy đem ra rượu trăm bình,
Mỗi thôn mời mọi dân lành muốn say.

Trăm bình rượu ấy đặt ngay
Bên đường vương tử mai này hồi loan.
711. Hãy đem bánh thịt sẵn sàng,
Món canh phải khéo trang hoàng cá ngon,
Đem ra đặt ở vệ đường,
Ở ngay trên lối quân vương đi về.
712. Rượu, dầu, bơ, sữa, hạt kê,
Sữa chua, cơm chín ê hề thức ăn
Đem ra đặt chúng bên đường
Ở ngay trên lối quân vương đi về.
713. Hỏa đầu quân hãy tựu tề,
Người làm bánh mứt, làm hề, hát rong,
Người nhào lộn, các vũ công.
Những người đánh trống, đóng tuống giải khuây.
714. Đàn tỳ trổi giọng lên ngay,
Tù và inh ỏi, đủ đầy thần dân,
Trống con, trống lớn khua rần
Khắp nơi đủ loại thùng thùng dậy vang.
Vua phát họa cách chuẩn bị trang hoàng đường sá như vậy. Còn Jùjaka ăn uống quá nhiều, không tiêu hoá nổi, nên chết ngay lập tức.

Vua ra lệnh tổ chức tang lễ, thông báo truyền đi khắp kinh thành bằng tiếng trống, nhưng không tìm ra thân quyến của lão, nên tài sản của lão lại trở về tay vua!

Vào ngày thứ bảy, tất cả đạo quân tụ họp đầy đủ. Vua long trọng làm lễ xuất hành cùng với Jàli làm người dẫn đường.

*

Bậc Đạo Sư diễn tả việc này như sau:

715. Đạo quân hùng hậu lên đường,
Đạo quân của cả nước non quê nhà,
Đi về phía núi Vam-ka,
Jà-li hướng dẫn đoàn ra trước liền.
716. Voi già đã sáu mươi niên
Rống lên một tiếng như kèn dậy vang,
Thú rừng gầm thét rộn ràng
Những khi chúng buộc dây cương chặt vào.
717. Bánh xe dồn dập xôn xao,
Rồi bầy ngựa hí giọng cao vang lừng,
Đại quân thẳng tiến lên đường,
Mịt mù tung đám bụi hồng như mây.

718. Nhu cầu cung cấp đủ đầy,
Đạo quân quyết chí đi ngay sẵn sàng.
Jà-li hướng dẫn cả đoàn
Tiến về đồi núi bạt ngàn Vam-ka.
719. Đi vào rừng rậm bao la
Tưng bừng chim chóc, cỏ hoa muôn loài,
Với bao hoa nở nụ cười,
Với bao trái chín làm người mừng vui.
720. Khi rừng đang độ hoa tươi, Chim ca rào rạt như trời đổ mưa, Véo von ríu rít gần xa

Với bao đôi cánh sáng lòa bay ngang.

721. Ngày đêm thẳng tiến lên đường,
Cuối cùng chấm dứt đường trường nơi đây,
Tiến vào trong xóm thôn này
Ves-san-ta Chúa lâu rày ẩn thân.
Trên bờ hồ Mucalinda, vương tử Jàli bảo đoàn cắm trại, cậu đặt mười bốn ngàn cỗ xe hướng ra phía con đường họ vừa đến và vệ binh đứng rải rác canh phòng sư tử, cọp, tê giác, và các dã thú khác.

Lúc ấy có tiếng voi rống to cùng nhiều tiếng ồn khác. Bậc Đại Sĩ nghe vậy, sợ mất vía, nghĩ thầm: "Chúng đã giết phụ vương và đến đây tìm ta!". Ngài liền đưa Mad-dì cùng leo lên một ngọn đồi và quan sát đoàn quân.

*

Bậc Đạo Sư giải thích việc này như sau:

722. Đoàn quân rầm rộ đến gần,
Ves-san-ta lắng nghe ầm ầm vang,
Ngài trèo lên ngọn đồi hoang
Nhìn đoàn quân ấy, kinh hoàng lắm thay.
723. - Mad-dì, hãy lắng nghe này,
Âm thanh gầm thét tràn đầy rừng hoang,
Tiếng bầy ngựa hí nghe vang,
Nhìn cờ phấp phới bay ngang ngọn đồi.
724. Phải chăng, bọn thợ săn mồi
Với dao, lưới bẫy ở nơi hố hầm,
Đi tìm dã thú trong rừng,
Đang gào thét để truy lùng chúng đây?
725. Chúng ta, những kẻ lưu đày,
Mặc dù vô tội, ở ngay trong rừng,
Đang chờ cái chết bạo hung,
Rơi vào tay của cừu nhân bây giờ!

Khi nàng nghe lời này, nàng nhìn đạo quân và tin rằng đó chính là quân đội của nước mình, nàng liền ngâm vần kệ an ủi ngài:

726. Thảy đều tốt đẹp với ta,
Quân thù không hại vương gia đâu nào,
Không hề có ngọn lửa cao
Đủ năng lực để tràn vào đại vương.
Do vậy, bậc Đại Sĩ được an lòng cùng Mad-dì bước xuống đồi và ngồi trước lều cỏ.

*

Bậc Đạo Sư giải thích việc này:

727. Ves-san-ta, bậc Đại vương,
Nghe vầy, bước xuống từ vườn đồi hoang,
Và ngồi ngay trước thảo am,
Nhưng lòng vẫn thấy bàng hoàng bất an.
Lúc ấy vua Sañjaya truyền đưa hoàng hậu đến và bảo bà:

- Này ái hậu, nếu tất cả chúng ta đều đến đó sẽ gây chấn động lớn, vì vậy trẫm sẽ đi trước một mình. Khi nào bà cảm thấy các con đã lắng dịu và an lòng thì bà có thể đến với một đám tùy tùng nhé.

Một lát sau, ngài bảo Jàli và Kanhàjinà đến. Ngài quay cỗ xe hướng về đường cái từ đó ngài vừa đến đây và đặt quân canh phòng nơi này nơi nọ xong, rồi ngự lên mình voi đầy đủ cân đai và đi tìm vương tử.

*

Bậc Đạo Sư giải thích việc này như sau:

728. Điều hành quân đội sẵn sàng,
Vương xa hướng đến con đường vừa qua,
Và đi tìm chốn rừng già,
Nơi kia vương tử làm nhà độc cư.
729. Trên mình voi báu, vua cha,
Hoàng y ngài đã khoác hờ trên vai,
Giơ cao, nắm chặt đôi tay,
Ngài đi trao lại chiếc ngai con mình.
730. Ngài nhìn vương tử đẹp xinh,
Dáng không sợ hãi, an bình trong tâm.
Ngồi ngay ở trước thảo am
Và đang tĩnh lặng thâm trầm tư duy.
731. Ves-san-ta với Mad-dì
Thấy vua cha, phải vội đi đón mừng,
Vừa khi vương phụ đến gần

Trong lòng mong mỏi viếng thăm con ngài.
732. Mad-dì đảnh lễ tức thời
Đặt đầu nàng trước chân ngài, phụ vương,
Ngài ôm chặt cả hai con,
Đôi tay ve vuốt đem nguồn hân hoan.
Vừa khóc than vì buồn tủi, vua cha vừa ân cần hỏi con:

733. Ta tin rằng, hỡi con thương,
Con thường thịnh vượng, an khương mọi bề
Với bao thóc lúa thu về,
Và bao củ, quả tràn trề ẩn am.
734. Con nay có bị phiền lòng
Vì loài rắn rít, bọ ong quấy hoài?
Hoặc bầy dã thú tìm mồi,
Chẳng hay con tránh mọi loài được chăng?
Bậc Đại Sĩ đáp lời phụ vương:

735. Chúng con sống, tấu phụ thân,
Cuộc đời cực khổ khốn cùng vừa qua,
Chúng con nỗ lực tối đa
Để ăn những thứ tìm ra quanh đồi.
736. Nghịch duyên rèn luyện con người
Như người giữ ngựa luyện loài ngựa hoang.
Nghịch duyên này, tấu phụ vương,
Đã làm thuần thục chúng con nơi này.
737. Nhưng vì xa vắng lâu ngày
Song thân khiến chúng con gầy tấm thân,
Bị lưu đày, tấu Đại quân,
Và đi vào sống trong rừng hoang sơ.
Sau đó ngài hỏi cha về số phận của các con:

738. Nhưng Jà-li, với Kan-hà,
Vương tôn bất hạnh của cha nối dòng,
Bà-la-môn nọ bạo tàn
Đã xua đuổi chúng như đàn bò non.
739. Nếu cha biết chút gì chăng
Về đôi trẻ nhỏ nối dòng, nói ngay,
Như y sư chữa khéo thay
Một người bị rắn cắn ngay tức thì.
Vua cha đáp:

740. Cả Kan-hà với Jà-li

Giờ đây đã được chuộc về hoàng cung.
Ta đem tiền trả đạo nhân,
Vậy đừng sợ, hãy yên lòng, con thương!
Bậc Đại Sĩ được an tâm khi nghe điều này và vui vẻ đàm đạo với vua cha:

741. - Con mong cha được an khương,
Và không còn chuyện lo buồn xảy ra,
Mẹ con không phải lệ sa
Đến khi đôi mắt xót xa đỏ bừng.
Vua cha đáp:

742. - Cám ơn, cha được an khương,
Và không còn chuyện đau buồn xảy ra,
Mẹ con không phải lệ sa
Đến khi đôi mắt xót xa đỏ bừng.
Bậc Đại Sĩ nói:

743. - Con mong vương quốc thịnh hưng
Và toàn đất nước giang sơn an toàn,
Đàn gia súc thật hùng cường,
Và mây mưa vẫn tuôn tràn chẳng ngưng.
Vua cha đáp:

744. - Ồ, vương quốc vẫn thịnh hưng,
Và toàn đất nước giang sơn an toàn,
Đàn gia súc thật hùng cường,
Và mây mưa vẫn tuôn tràn chẳng ngưng.
Trong khi hai vị nói chuyện với nhau như vậy, hoàng hậu Phusatì cảm thấy tất cả mọi người hẳn đã trút hết lo âu, nên bà đến thăm con trai cùng với một đoàn tùy tùng rầm rộ.

*

Bậc Đạo Sư giải thích việc này như sau:

745. Trong khi hai vị luận bàn,
Bấy giờ lại thấy mẫu thân đến gần,
Bước vào cửa lớn thảo am,
Dù là hoàng hậu, chân trần sá chi.
746. Ves-san-ta với Mad-dì
Thấy thân mẫu, vội ra đi đón mừng,
Mad-dì liền chạy lại gần,
Đặt đầu nàng xuống trước chân mẹ hiền.
747. Mad-dì bất chợt nhìn lên, Thấy hai con trẻ bình yên sờ sờ,

Như bê con thấy mẹ bò, Chúng liền la hét thật to chào mừng.

748. Mad-dì thấy chúng bình an,
Như người quỷ ám, vội vàng phi thân,
Run run, bầu sữa phồng căng
Vú nàng cho các con ăn thỏa lòng.
*

Ngay lúc ấy, núi đồi vang động, quả đất rung chuyển, đại dương nổi sóng, núi Tu-di, chúa tể của núi đồi, cúi mình xuống, sáu cõi trời của chư Thiên đồng vọng một âm thanh vĩ đại. Sakka Thiên chủ nhận thấy cả sáu vị trong hoàng gia cùng đám tùy tùng đều nằm bất tỉnh trên mặtđất, và không ai có thể đứng lên rảy nước cho các người kia, vì vậy ngài quyết định đổ một cơn mưa lớn.

Ngài làm mưa rơi xuống: kẻ nào muốn ướt đều được ướt, kẻ nào không muốn thì không có một giọt mưa nào rớt xuống mình họ, mà nước lăn ra như thể từ ngọn lá sen. Cơn mưa ấy thật giống mưa rơi trên cụm lá sen.

Sáu người trong hoàng gia đã hồi tỉnh, và tất cả mọi người đều reo to trước sự kiện diệu kỳ là mưa rơi trên đám người trong hoàng tộc như thế nào, quả đất lớn chấn động ra sao.

*

Bậc Đạo Sư giải thích việc này như sau:

749. Ngay khi thân tộc tương phùng,
Âm thanh vĩ đại liền bùng nổ ra,
Các đồi núi vọng vang xa,
Đất bằng rung chuyển thật là mạnh thay.
750. Trời liền đem một vầng mây
Từ trên giáng xuống mưa đầy tuôn ra,
Khi quân vương Ves-san-ta
Vừa cùng tái ngộ hoàng gia của ngài.
751-752. Phụ vương, mẫu hậu, con trai,
Con dâu, các cháu đồng thời nơi kia.
Khi vừa sum họp một nhà,
Tóc lông dựng đứng, thịt da rợn người,
Thần dân đồng vỗ tay hoài
Nêu cao nguyện ước một lời với vua.
753. Dân yêu cầu Ves-san-ta
Và Mad-dì, thảy cùng la vang lừng:
- Hãy làm chúa tể chúng thần,
Quốc vương, hoàng hậu, nghe dân gọi vầy!
Lúc ấy bậc Đại Sĩ nói với vua cha:

754 . Phụ vương, quần chúng lâu nay
Dân quê, thành thị lưu đày thần nhi,
Khi con đang ngự ngai kia,
Và đang theo cách trị vì chánh chân.
Vua cha đáp lời để xoa dịu nỗi giận hờn của con:

755. Thật là ta đã sai lầm
Khi ta làm hại con không tội này,
Vì nghe lời của dân vầy
Ta đưa đến chốn lưu đày con ta.
Ngâm vần kệ này xong, ngài thêm một vần nữa để mong được xoa dịu nỗi sầu riêng của mình:

756. Nỗi sầu của mẹ cùng cha,
Hoặc là em gái, muốn xoa dịu dần,
Nam nhi không chút ngập ngừng
Cho dù ta phải hiến dâng cuộc đời.
Bồ-tát đã mong muốn trở lại vương vị, nhưng tránh nói nhiều để tạo niềm kính trọng đối với ngài, bây giờ mới đồng ý. Lập tức sáu mươi ngàn quần thần, các bạn thân của ngài từ bé, đồng la lớn:

757. Đại vương, tắm rửa đến thời, Tẩy cho sạch hết trần ai bấy giờ!

Nhưng bậc Đại Sĩ đáp:

- Hãy đợi một lát.

Rồi ngài bước vào trong thảo am, cởi bộ áo ẩn sĩ ra và cất đi. Kế đó ngài bước ra khỏi am, và nói:

- Đây là nơi ta đã sống chín tháng rưỡi tu tập khổ hạnh, và đã đạt pháp tối thượng về Bố thí viên mãn khiến quả đất chấn động.

Ngài đi quanh am lá ba lần về phía hữu và quỳ lạy trước am với năm phần thân sát đất (trán, hai cùi tay, bụng, chân, đầu gối).

Rồi quần thần chải chuốt râu tóc ngài và rảy nước lên thân ngài để làm lễ quán đảnh phong vương, trong khi ngài sáng rực trong vẻ uy nghi như một vị Thiên đế. Vì vậy chuyện kể.

Thế rồi vua Ves-san-ta Tẩy cho thật sạch đất dơ, bụi trần.

Uy lực vinh quang của ngài thật vĩ đại thay: ngài nhìn đến nơi nào thì nơi ấy đã rúng động, những ai khéo nói lời chúc lành đều lên tiếng phát biểu, dân chúng đem đến đủ loại nhạc cụ đàn sáo. Trên đại dương có tiếng vang dậy như sấm sét.

Quần thần đưa vào con voi báu đã được tô điểm cân đai rực rỡ. Ngài vừa đeo thanh bảo kiếm vào mình vừa ngự lên bảo tượng, trong khi sáu mươi ngàn quần thần vây

quanh ngài thành một cuộc dàn binh thật hùng tráng huy hoàng và rảy nước làm lễ tấn phong cho Maddì. Họ vừa rảy nước vừa kêu to:

- Cầu mong chúa tể Vessantara bảo vệ hoàng hậu !

Họ còn nói thêm nhiều lời chúc lành khác nữa.

*

Bậc Đạo Sư diễn tả việc này như sau:

758. Đầu vừa được gội sạch xong,
Xiêm y lộng lẫy, trang hoàng oai phong,
Đeo vào thanh kiếm vô song,
Ngự lên bảo tượng, bạn đồng hành xưa.
759. Sáu mươi ngàn bạn ấu thơ
Ngắm xem thật đẹp, bước ra quây quần,
Nay là sáu vạn quần thần,
Thảy đều kính lễ chúa công tức thì.
760. Cung nga tắm gội Mad-dì,
Và đồng cầu chúc vương phi vang lừng:
- Ves-san-ta bậc Đại vương
Sañ-ja Thái thượng bảo toàn nương nương!
761. Thế là mọi sự phục hoàn,
Và hồi tưởng nỗi đau buồn đã qua,
Trên miền đất của nhà vua,
Nhân dân mở hội, hát ca vui mừng.
762. Thế là mọi sự phục hoàn,
Và hồi tưởng nỗi đau buồn đã qua,
Vương phi hạnh phúc chan hòa,
Cùng đi với các con thơ lạc bầy.
Trong niềm hạnh phúc ấy, nàng nói với các con:

763. - Mẹ ăn một bữa mỗi ngày, Mẹ nằm ngủ mặt đất này trống trơn, Đó là nguyện ước yêu thương

Đến khi con được vuông tròn tìm ra.

764-765. Lời nguyền đã đạt bây giờ,
Và nay lần nữa mẹ tha thiết cầu
Điều lành gì tạo bấy lâu,
Ước mong bảo hộ ngày sau con nhờ,
Và mong tổ phụ Sañ-ja
Luôn che chở các con nhà từ đây.
766. Điều lành gì tạo bấy nay,

Bởi thân phụ hoặc chính tay mẹ mà,
Ước mong con trẻ không già,
Nhờ chân chính, các con thơ trường tồn.
Mẫu hậu Phusatì cũng bảo:

- Kể từ nay, vương phi sẽ mặc những xiêm áo này và mang các nữ trang này.

Và bà trao cho nàng các thứ ấy đựng trong nhiều hộp.

*

Bậc Đạo Sư giải thích việc này như sau:

767. Vải bông, tơ lụa, áo quần
Thật là tuyệt mỹ, màn chăn thiếu gì,
Mẫu hoàng trao tặng Mad-dì
Làm cho sắc đẹp vương phi sáng bừng.
768. Vòng tay, vòng cổ, vòng chân,
Mạng che trán, chiếc đai lưng trang hoàng,
Mẫu thân gửi tặng cho nàng
Làm cho nàng đẹp huy hoàng sáng tươi.
769. Và khi công chúa tuyệt vời
Ngắm nhìn châu báu sáng ngời nàng mang,
Rỡ ràng, nàng chiếu ánh quang
Khác nào các vị nữ thần Lạc Viên [*].
770. Với đầu tẩm ướt tóc tiên,
Nữ trang, xiêm áo ngắm nhìn đẹp tươi,
Vương phi tỏa ánh sáng ngời
Như là Thiên nữ cõi trời Băm ba.
771. Trong vườn Thiên giới Cit-ta [**] Cây ba tiêu ngọn gió lùa nhẹ rung,

Đôi môi công chúa tuyệt trần, Dáng nàng khả ái như thân cây trời.

772. Như chim lông đẹp sáng ngời
Lượn bay khắp mọi nẻo trời trên không,
Môi nàng xinh tựa đóa hồng,
Dung nhan làm ngẩn ngơ lòng thế nhân.
773. Chúng dâng voi đẹp còn xuân,
Con voi dũng mãnh oai phong hùng cường,
Không hề biết sợ giáo gươm,
Ngà dài, chẳng sợ chiến trường ba quân.
774. Nàng lên voi nọ còn xuân
Con voi dũng mãnh, oai phong hùng cường,
Không hề biết sợ giáo gươm,

Ngà dài, chẳng sợ chiến trường giao tranh.
Như vậy cả hai vị tiến về doanh trại trong cảnh đại huy hoàng. Phụ vương Sañjaya và đoàn tùy tùng đông vô số bày đủ trò tiêu khiển hai vị trên đồi và trong rừng suốt một tháng.

Suốt thời gian ấy, nhờ uy danh của bậc Đại Sĩ, không một dã thú hay chim muông nào gây tai hại gì trong khu rừng bao la ấy.

[*] Nandana: Thiên Lạc Viên ở cõi trời Ba mươi ba.

[**] Cittalatà: Lạc Viên của Sakka ở cõi trời Ba mươi ba.

*

Bậc Đạo Sư giải thích việc này như sau:

775. Nhờ Ves-san chúa quang vinh,
Xuyên qua suốt dải rừng xanh bạt ngàn,
Không loài dã thú, chim muông
Làm gì hại chúng bạn, luôn làm lành...
776-777. Và khi ngài phải đăng trình,
Muôn loài như một đồng tình tiễn đưa,
Chim muông, dã thú gần xa,
Mọi loài trong chốn rừng già cùng nhau
Lặng im mọi tiếng xôn xao
Khi ngài rời chốn rừng sâu lên đường.
Sau một tháng hội hè vui chơi, vua Sañjaya triệu tập vị đại tướng quân vào bảo:

- Ta đã ở trong rừng này lâu rồi, thế con đường chuẩn bị cho vương nhi trở về đã sẵn sàng chưa?

Ông đáp:

- Tâu Chúa thượng, đã đến lúc ra đi.

Ngài liền nhắn lời đến vua Vessantara và cùng quân đội khởi hành, theo sau là đám tùy tùng trên con đường đã được chuẩn bị từ lòng đồi Vamka đến kinh thành Jetuttara.

*

Bậc Đạo Sư giải thích việc này như sau:

778. Đường vua đi mới được làm,
Với muôn hoa lá trang hoàng đẹp xinh,
Từ nơi ngài ở rừng xanh
Xuôi dần đến chốn kinh thành Jet-ta.
779. Sáu mươi ngàn bạn ấu thơ,
Nam nhi, phụ nữ, thương gia quây quần,
Đạo nhân trở lại quê hương

Về kinh đô tiến thẳng đường Jet-ta.
780. Nhiều người quản tượng, quản xa,
Cùng đoàn vệ sĩ hoàng gia xuất hành,
Và nhiều lữ khách, bộ binh
Thảy đồng tiến tới kinh thành Jet-ta.
781. Chiến binh mang mão áo da,
Quân mang bào giáp sáng lòa kiếm thương,
Để cùng bảo vệ quân vương
Về kinh đô tiến thẳng đường Jet-ta.
Nhà vua trải qua cuộc hành trình dài sáu mươi dặm đường trong hai tháng. Sau đó ngài vào thành Jetuttara được trang hoàng để mừng đón ngài và ngài bước lên hoàng cung.

*

Bậc Đạo Sư giải thích việc này:

782. Đoàn quân vào đến thành đô,
Đẹp xinh hào lũy, cửa ô cao vầy,
Đàn ca múa hát vui thay,
Thức ăn thức uống đủ đầy luôn luôn.
783. Thần dân toàn thể hân hoan
Từ nông dân đến thị dân mọi nhà,
Chào mừng trở lại quê cha
Vương nhi danh vọng gần xa vang lừng.
784. Mọi người đều vẫy chiếc khăn
Lên không để đón ân nhân đến gần.
Bấy giờ có tiếng trống rung,
Lệnh truyền đại xá ban ân muôn loài.
*

Như vậy vua Vessantara ban ân xá mọi sinh vật cho đến loài mèo. Và hôm ấy ngài vào thành về buổi chiều tối, ngài suy nghĩ: "Khi vừa tảng sáng, những kẻ cầu ân nghe tin ta trở về sẽ đến đây. Vậy ta lấy gì cho họ đây?". Ngay lúc ấy chiếc ngai của Thiên chủ Sakka bỗng nóng lên. Ngài xem xét và thấy rõ lý do, ngài liền đổ xuống một trận mưa gồm bảy báu vật chẳng khác gì trận mưa dông, tràn ngập cả mặt tiền lẫn hậu cung đến tận thắt lưng và khắp cả kinh thànhđến tận đầu gối.

Hôm sau, vua phân chia các phần đất này nọ cho nhiều gia đình và cho phép họ thu lượm châu báu, phần còn lại, ngài truyền quân góp nhặt và cất vào kho tàng trong cung thất của ngài. Như vậy ngài có sẵn các kho báu để phân phát trong tương lai.

*

Bậc Đạo Sư giải thích việc này như sau:

785. Khi Ves-san chúa tái hồi
Đại vương bảo hộ mọi người Si-vi,
Trời cho mưa báu tràn trề
Ở trên đất nước là quê hương này.
786. Ves-san Vương tử rộng tay
Phát ban tặng vật đủ đầy toàn dân,
Cuối cùng ngài đã mạng chung,
Tràn đầy trí tuệ, thiên cung ngài về.
*

Khi bậc Đạo Sư chấm dứt Pháp thoại Vessantara với gần cả ngàn bài kệ này, Ngài nhận diện Tiền thân:

- Thời ấy Devadatta (Đề-bà-đạt-đa) là Jùjaka, nàng Cincà là Amittatàpana, Channa (Xạ-nặc) là Cetaputta, Sàriputta (Xá-lợi-phất) là vị khổ hạnh Accuta, Anuruddha (A-na-luật) là Sakka, vua Suddhodana (Tịnh Phạn) là vua Sañjaya, Vương hậu Mahàmàyà (Ma-gia) là Phusatì, mẫu thân của Ràhula là vương hậu Maddì, Ràhula là vương tử Jàli, Uppalavannà (Liên Hoa Sắc) là Kanhàjina, các đệ tử đức Phật là thần dân và vua Vessantara chính là Ta.

* **

- HẾT -

TIỂU BỘ 10 CHUYỆN TIỄN THÂN

-ooOoo-

Nguồn: Giảng Sư (giangsu.io.vn) — văn bản trích từ kho sách cổ và kinh điển.